

Philip Pullman



ÁNH SÁNG
PHƯƠNG BẮC

1



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN
CÔNG TY SÁCH HÀ NỘI

Mục lục

<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 2Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 2Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 3Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 3Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 3Phần 3</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 4Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 4Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 5Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 5Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 6</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 7Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 7Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 8</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 9Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 9Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 10Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 10Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 11Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1)Phần 1</u>	<u>Chương 11Phần 2 (Hết)</u>

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 1

Lyra và con nhân tinh của cô đi qua khu Sảnh đang tối dần, cố cẩn thận nép sang một bên để tránh bị phát hiện. Ba chiếc bàn lớn chạy dọc hết chiều dài của Sảnh đã được đặt ở đó, đồ bạc và gỗ thủy tinh phản chiếu chút ánh sáng, chiếc ghế dài đã được kéo ra để phục vụ khách mời. Các bức chân dung của những Hiệu trưởng cũ treo cao ẩn trong bóng tối của những bức tường. Lyra đi đến bên chiếc bục và nhìn lại cánh cửa đang mở của nhà bếp, không thấy có ai, cô bước lên bên cạnh chiếc bàn cao. Đồ ở đây toàn bằng vàng, không phải bạc, và mười bốn chiếc ghế ngồi không làm bằng gỗ sồi mà là gỗ gụ, phủ vải nhung.

Lyra đứng lại bên cạnh chiếc ghế dành cho ông Hiệu trưởng và búng ngón tay vào chiếc cốc thủy tinh lớn nhất. Tiếng leng keng vọng rõ trong căn Sảnh.

“Cậu chẳng cần thận chút nào,” con nhân tinh của cô thầm thì. “Hãy cư xử đúng mực một chút đi.”

Nhân tinh của cô tên là Pantalaimon, bây giờ nó đang trong hình dáng một chú bướm đêm màu nâu sẫm để không bị nhận ra trong bóng tối của gian sảnh.

“Trong bếp rất ồn ào,” Lyra thì thầm trả lời, “và ông quản gia sẽ không xuất hiện cho đến tận khi hồi chuông đầu tiên vang lên đâu. Đừng có cố gắng lên thế.”

Nhưng cô cũng nắm chặt lấy chiếc cốc đang kêu leng keng và Pantalaimon bay trước qua cánh cửa hé mở của Phòng nghỉ ở đầu bên kia

chiếc bọc. Một thoáng sau nó lại xuất hiện.

“Không có ai trong đó cả,” nó thì thầm, “nhưng chúng ta phải nhanh lên.”

Cúi mình dưới chiếc bàn cao, Lyra chạy nhanh qua cửa vào Phòng nghỉ, đứng lại và nhìn xung quanh. Ánh sáng duy nhất tại đây đến từ lò sưởi, nơi khúc gỗ với tia lửa rực rỡ đang cháy nhẹ nhàng, tạo nên một làn khói mỏng trên ống khói. Cô đã sống rất lâu trong Học viện, nhưng chưa bao giờ được nhìn thấy Phòng nghỉ. Chỉ có các Học giả và các khách mời của họ được phép vào đây, và không bao giờ có phụ nữ. Thậm chí cả những người hầu gái cũng không được vào dọn dẹp. Đó là công việc riêng của Quản gia.

Pantalaimon đậu trên vai cô.

“Giờ thì cậu vui rồi chứ? Chúng ta đi được chưa?” Nó thì thầm.

“Đừng có ngốc thế! Mình muốn nhìn ngắm xung quanh!”

Đó là căn phòng rộng, có một chiếc bàn tròn bằng gỗ hồng mộc đánh bóng, trên có bày rất nhiều chai và cốc uống rượu khác nhau, và một máy nghiền thuốc bằng gạch với chiếc giàn tấu thuốc. Trên chiếc tủ búp phê gần đó có một lò hâm rượu và một giỏ thuốc phiện.

“Họ tự phục vụ mình cũng đầy đủ đấy chứ, phải vậy không Pan?” Cô nói trong hơi thở.

Cô ngồi xuống một trong những chiếc ghế bành bọc da xanh lá cây. Nó sâu đến mức cô cảm thấy mình gần như mất hút trong đó, nhưng cô đứng lên và quỳ gối nhìn những bức chân dung trên tường. Lại thêm những học giả nữa, khoác áo choàng, để râu quai nón và nét mặt u sầu. Họ nhìn ra khỏi khung tranh với cái nhìn chê trách nghiêm nghị.

“Cậu nghĩ họ muốn nói điều gì?” Lyra hỏi, hoặc là bắt đầu nói, bởi trước khi hỏi xong, cô nghe có tiếng nói ngoài cửa.

“Nấp xuống dưới ghế, nhanh lên!” Pantalaimon thì thầm, trong nháy mắt Lyra tụt khỏi ghế và bò ra sau nó. Đó không phải là chiếc ghế lý tưởng nhất để nấp, cô đã chọn chiếc ở ngay giữa phòng, và trừ khi cô thật yên lặng...

Cửa ra vào bật mở, ánh sáng trong phòng thay đổi: một trong những người đi vào cầm một cây đèn mà anh ta đặt trên tủ búp phê. Lyra có thể nhìn thấy chân ông ta, trong chiếc quần màu xanh sẫm và đôi giày đen bóng. Đó là người giúp việc. Rồi một giọng nói trầm vang lên: “Ngài Asriel đã đến chưa vậy?”

Đó là ông Hiệu trưởng. Trong khi Lyra cố ghìm hơi thở, cô nhìn thấy con nhân tinh của người Quản gia (một chú chó, giống như nhân tinh của mọi người giúp việc khác) chạy lon ton vào và ngồi im bên chân chủ, rồi đôi chân của ông Hiệu trưởng cũng trở nên vô hình, trong đôi giày xấu xí ông ta vẫn thường mang.

“Chưa thưa ông.” Người quản gia nói.

“Ta mong ông ta sẽ đói khi đến đây. Hãy dẫn ông ta đến thẳng Sảnh, nghe chưa?”

“Vâng thưa ông Hiệu trưởng.”

“Và hãy chuẩn một ít rượu Tokey hảo hạng cho ông ấy.”

“Vâng, thưa ông Hiệu trưởng. Loại từ năm 1898, như ông đã ra lệnh. Ngài Asriel rất yêu thích loại đó, tôi nhớ là như vậy.”

“Tốt, giờ thì hãy để ta một mình.”

“Ngài có cần nệm không ạ?”

“Có, cứ để lại đó. Hãy chú ý suốt buổi tối gạt bắc đèn, nghe chưa?”

Người quản gia hơi cúi mình và quay đi, con nhân tinh ngoan ngoãn chạy lon ton theo ông ta. Từ nơi không-ly-tưởng-lắm-để-ăn-nấu, Lyra quan sát ông Hiệu trưởng đi đến chiếc tủ quần áo lớn làm từ gỗ sồi đặt trong góc phòng, lấy ra chiếc áo choàng trên mắc và chập vật khoác lên người. Ông Hiệu trưởng là một người quyền lực, nhưng ông ta đã hơn bảy mươi tuổi rồi, cử chỉ của ông có vè vát và chậm chạp. Nhân tinh của ông Hiệu trưởng có hình dáng một con quạ, ngay khi ông mặc xong áo khoác, nó nhảy từ trên tủ quần áo xuống và đậu lên vai phải ỗ đứng quen thuộc của nó.

Lyra có thể cảm thấy Pantalaimon đang vẫy râu một cách lo lắng, dù không tạo ra một tiếng động nào. Còn với cô, cô đang cảm thấy hứng thú một cách dễ chịu. Người khách mà ông Hiệu trưởng nói đến, ngài Asriel, là chú của cô, người đàn ông cô ngưỡng mộ và cũng rất e sợ. Người ta nói ông dính dáng đến chính trị, đến những cuộc thám hiểm bí mật và đến cuộc chiến sắp tới, và cô không bao giờ biết lúc nào ông sẽ xuất hiện. Ông là hung dữ, nếu bắt gặp cô ở đây, cô sẽ bị phạt nặng, nhưng cô có thể chịu được nếu điều đó xảy ra.

Tuy thế, những điều cô được chứng kiến tiếp theo đã hoàn toàn thay đổi mọi chuyện.

Ông hiệu trưởng rút ra từ trong túi áo một gói giấy và đặt lên bàn. Ông rút chiếc nắp đậy khỏi miệng chiếc bình chứa thứ rượu đặc màu vàng, mở gói giấy và đổ một dòng bột trắng vào bình trước khi vò nát tờ giấy rồi vớt nó vào ngọn lửa. Sau đó ông ta rút một chiếc bút chì trong túi và khuấy rượu cho đến khi chất bột tan hết, rồi đậy nắp bình lại.

Con nhân tinh của ông ta kêu khê một tiếng. Ông Hiệu trưởng trả lời lại bằng giọng rất nhỏ và nhìn quanh bằng đôi mắt đục ngầu sùm sụp trước khi đi khỏi qua cánh cửa đã đi vào.

Lyra thì thầm: “Cậu có nhìn thấy gì không, Pan?”

“Tất nhiên là có! Bây giờ thì nhanh lên, trước khi ông Quản lý đến!”

Nhưng khi nó đang nói, một tiếng chuông vang lên từ phía kia của đại sảnh.

“Đó là chuông dành cho người Quản lý!” Lyra nói. “Mình đã nghĩ là chúng ta có nhiều thời gian hơn thế.”

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại www.gacsach.com - góc nhỏ cho người yêu sách.]

Pantalaimon bay vụt đến cửa dẫn ra đại sảnh, rồi lại vụt bay về.

“Ông Quản lý đến mất rồi,” nó nói. “Cậu không thể ra ngoài qua cửa khác...”

Cánh cửa khác, cánh cửa ông đã vào và ra, mở ra một hành lang đông người qua lại giữa Thư viện và Phòng chung của các học giả. Vào thời gian này trong ngày, nó đang chật kín những người cởi áo khoác để ăn tối, hay vội vã để giấy tờ và ca táp trong Phòng chung trước khi vào đại sảnh. Lyra đã định trở ra theo đường cô đã vào, tạm dừng vài phút trước khi chuông dành cho người Quản lý vang lên.

Và nếu cô không chứng kiến ông Hiệu trưởng đổ chất bột kia vào rượu, có thể cô đã phải đụng đầu với cơn giận dữ của người Quản lý, hay hy vọng không bị để ý trong dãy hành lang đông đúc. Nhưng cô đã tính nhầm, điều này làm cô bối rối.

Rồi cô nghe thấy tiếng bước chân nặng nề trên bục. Người Quản lý đang đến để đảm bảo Phòng nghỉ đã sẵn sàng cho cuộc hút thuốc phiện và uống rượu của các Học giả sau bữa tối. Lyra bò đến chiếc tủ quần áo làm bằng gỗ sồi, mở cánh ra và trốn vào trong, kéo cánh tủ lại vừa lúc người Quản lý

bước vào. Cô không lo lắng gì cho Pantalaimon: căn phòng được sơn màu tối, và nó luôn có thể trốn dưới ghế. Cô nghe thấy hơi thở khò khè nặng nhọc của ông Quản lý, qua khe hở do cánh cửa tủ chưa đóng chặt, cô thấy ông ta đang sửa lại các ống điều trên giá gần chiếc máy nghiền thuốc và nhìn qua một lượt các bình rượu cũng như ly uống rượu. Rồi ông ta dùng cả hai tay vuốt tóc qua tai và nói điều gì đó với con nhân tinh của mình. Ông ta là người giúp việc, nên nhân tinh là một con chó, nhưng ông ta là người giúp việc cấp cao, nên nó cũng là một con chó cao cấp. Thực ra, nó có hình dáng một con chó săn lông xù đỏ. Con nhân tinh có vẻ cảnh giác và đưa mắt nhìn xung quanh như thể nó cảm thấy có kẻ đột nhập, nhưng không quan tâm đến chiếc tủ quần áo như Lyra đang lo lắng. Lyra đang sợ ông quản lý, người từng đánh cô hai lần.

Lyra nghe thấy tiếng thì thầm nho nhỏ, rõ ràng Pantalaimon đã chen đến gần cô.

“Chúng ta sẽ cứ phải ở trong này thôi. Sao cậu lại không nghe lời mình nhỉ?”

Cô không trả lời cho đến khi người Quản lý đi khỏi. Ông ta có trách nhiệm trông coi phục vụ bàn cao. Cô có thể nghe thấy các Học giả đi vào đại sảnh, tiếng người nói xôn xao, tiếng bước chân rộn rã.

“Thật tốt là mình đã không nghe cậu,” cô thì thầm trả lời lại, “nếu không chúng ta đã không thấy ông Hiệu trưởng bỏ thuốc độc vào rượu. Pan, đó loại rượu Tokey ông ta nói với ông Quản gia! Họ sắp ám sát ngài Asriel!”

“Cậu không biết đó là thuốc độc!”

“À, chắc chắn đó là thuốc độc rồi. Cậu không nhớ sao, ông ta cho người Quản gia lui trước khi làm việc đó? Nếu việc đó vô tội, để cho người Quản gia nhìn thấy cũng chẳng ảnh hưởng gì. Và mình biết đang có chuyện gì đó

dính dáng đến chính trị. Những người giúp việc đã bàn tán rất nhiều ngày nay. Pan, chúng ta có thể ngăn chặn một vụ giết người.”

“Mình chưa bao giờ nghe điều gì ngớ ngẩn đến thế,” nó nói. “Làm thế nào mà cậu lại nghĩ có thể ở yên trong chiếc tủ quần áo chật chội này suốt bốn tiếng đồng hồ nữa? Để mình ra ngoài và thám thính hành lang. Mình sẽ báo cho cậu khi nào hết người.”

Nó bay khỏi vai cô, và cô thấy chiếc bóng nhỏ bé của nó xuất hiện trong vệt sáng.

“Chẳng để làm gì đâu, Pan, mình sẽ ở lại đây.” Cô nói. “Sẽ có một chiếc áo choàng khác hay cái gì đó. Mình sẽ đặt nó lên sàn nhà và thấy dễ chịu hơn. Mình nhất định phải biết họ định làm gì.”

Lúc đó cô đang ngồi thu mình. Cô cẩn thận đứng lên, cố tránh những móc áo để không gây tiếng động và nhận ra chiếc tủ lớn hơn cô nghĩ. Có rất nhiều áo choàng dành cho viện sĩ và mũ đội đầu, một số có lông vũ xung quanh, hầu hết bọc vải lụa.

“Mình tự hỏi không biết tất cả chỗ này có phải của ông Hiệu trưởng hay không?” cô thì thầm. “Có lẽ là khi ông ấy nhận bằng danh dự ở các nơi khác, họ đưa cho ông ta những chiếc áo choàng vui mắt và ông ấy giữ chúng ở đây để thỉnh thoảng khoác vào... Pan, cậu thực sự nghĩ trong rượu không có thuốc độc sao?”

“Không,” nó nói. “Mình nghĩ chất bột đó là thuốc độc, như cậu nghĩ. Và mình nghĩ đó không phải là việc của chúng ta. Mình nghĩ đây là việc ngốc nghếch nhất cậu từng làm trong đời.”

“Đừng có ngu ngốc như vậy.” Lyra nói. “Mình không thể ngồi đây và nhìn người ta đầu độc ông ấy.”

“Vậy thì đến chỗ nào khác đi.”

“Cậu là đồ hèn, Pan ạ.”

“Tất nhiên rồi, mình là đồ hèn. Mình có thể hỏi cậu định sẽ làm gì không? Có phải cậu định lao ra và giật lấy chiếc ly từ những ngón tay run lẩy bẩy của ông ta không? Cậu có ý tưởng gì trong đầu vậy?”

“Tớ chẳng có ý tưởng gì trong đầu cả, và cậu cũng biết rõ như vậy,” cô khề vặc lại. “Nhưng giờ đây mình đã chứng kiến ông Hiệu trưởng làm gì, mình chẳng còn lựa chọn nào cả. Chắc cậu cũng biết đến lương tâm chứ, phải không? Làm sao mình có thể đi khỏi, ngồi trong Thư viện hay một nơi nào đó và xoắn tay vào nhau trong khi biết tường tận chuyện gì sắp xảy ra? Mình không định làm thế, mình hứa với cậu như vậy đấy.”

“Đây là điều lúc nào cậu cũng muốn.” Nó nói sau một lúc. “Cậu muốn trốn ở đây và quan sát. Sao mình lại không nhận ra điều này trước đó nhỉ?”

“Đúng vậy, mình là thế đấy.” Cô nói. “Mỗi người đều biết mình sở hữu một bí mật nào đó. Họ sẽ có một nghi lễ hay gì đó. Và mình muốn biết đó là chuyện gì.”

“Điều đó không liên quan gì đến chúng ta! Nếu họ muốn thưởng thức những bí mật nho nhỏ của họ, cậu nên cảm thấy tự trọng và để mặc họ. Việc ăn náu và nhìn trộm chỉ dành cho trẻ con thôi.”

“Mình hiểu chính xác điều cậu nói. Giờ thì đừng có càu nhàu nữa.”

Cả hai ngồi trong im lặng một lúc. Lyra cảm thấy không thoải mái trên sàn tử cứng và Pantalaimon tự cho mình cái quyền gãi râu lên một chiếc áo choàng. Lyra cảm thấy những ý nghĩ lộn xộn trong đầu mình, và cô chẳng muốn gì khác ngoài chia sẻ với nhân tính của mình, nhưng cô cũng rất tự trọng. Có lẽ cô nên tự gạt bỏ chúng ra khỏi đầu mà không nhờ đến sự giúp đỡ.

Ý nghĩ choáng hết tâm trí cô là lo lắng, nhưng không phải cho bản thân cô. Cô thường xuyên gặp rắc rối đến mức quen với nó. Lần này cô lo lắng cho Ngài Asriel, lo lắng về ý nghĩa của tất cả những chuyện này. Ông không thường xuyên đến thăm Học viện, và thực tế tình hình chính trị căng thẳng hiện tại cho thấy ông không đến đơn giản chỉ để ăn, uống và hút thuốc với mấy người bạn cũ. Cô biết cả Ngài Asriel và ông Hiệu trưởng đều là thành viên của Hội đồng chính phủ, tổ chức cổ vắn đặc biệt của thủ tướng, vì vậy chắc phải có chuyện gì liên quan đến tổ chức này. Nhưng các cuộc họp của Hội đồng chính phủ được tổ chức ở Cung điện chứ không phải ở Phòng nghỉ của Học viện Jordan.

Rồi có những lời đồn khiến những người giúp việc trong Học viện thì thầm trong nhiều ngày nay. Người ta nói rằng người Tartar đã xâm chiếm Muscovy và đang tràn xuống miền Bắc đến St. Petersburg. Từ đó, có thể họ sẽ thống trị vùng biển Baltic rồi cuối cùng đánh thắng toàn bộ vùng Tây Âu. Và Ngài Asriel đang ở vùng cực Bắc. Lần cuối cô gặp ông, ông đang chuẩn bị thám hiểm cùng Lapland...

“Pan,” cô thì thầm.

“Gì vậy?”

“Cậu có nghĩ sẽ có một cuộc chiến tranh không?”

“Chưa đâu. Ngài Asriel sẽ chẳng ngồi đây ăn tối nếu chiến tranh sẽ nổ ra vào tuần sau hay khoảng như vậy.”

“Mình cũng nghĩ thế. Nhưng sau đó thì sao?”

“Suyt! Có ai đang đến đây.”

Cô đứng lên và ghé mặt vào khe cửa. Đó là người Quản gia đến khơi bắc đèn theo lệnh của ông Hiệu trưởng. Phòng chung và thư viện được chiếu bèn thường, nhưng các Học giả lại thích những cây đèn dầu mềm mại và

cũ kỹ hơn trong Phòng nghỉ. Họ không thay đổi sở thích đó trong suốt quãng thời gian giữ chức của ông Hiệu trưởng.

Ông Quản gia khơi bắc đèn và đặt một khúc gỗ nữa vào lò sưởi rồi lắng nghe động tĩnh ở gian Sảnh trước khi vợ cho mình một nắm lá thuốc trong máy. Ông ta đang dịch chuyển chiếc nắp vung thì nắm đấm của cánh cửa kia dịch chuyển, khiến ông ta hốt hoảng nhảy dựng lên. Lyra cố nén cười. Người Quản gia vội vã giúi nắm thuốc vào túi áo và quay lại nhìn người đi vào.

“Ngài Asriel!” Ông ta nói, một sự ngạc nhiên đến lạnh người chạy dọc sống lưng Lyra. Cô không thể nhìn thấy ông từ nơi đang đứng và cố ghìm nén sự nôn nóng được dịch chuyển và quan sát.

“Chào buổi tối, Wren,” Ngài Asriel nói. Lyra luôn nghe giọng nói chói tai đó pha trộn giữa sự thoải mái và e dè. “Tôi đến quá muộn để dự bữa tối. Tôi sẽ chờ ở đây.”

Trông ông quản gia có vẻ không thoải mái. Khách khứa chỉ vào Phòng nghỉ theo lời mời của ông Hiệu trưởng, và ngài Asriel cũng biết thế. Nhưng người Quản gia cũng thấy là Ngài Asriel đang nhìn chăm chăm vào chỗ phồng lên trong áo mình, và quyết định không phản đối.

“Tôi có cần báo cho ông Hiệu trưởng biết là ngài đã đến không, thưa ngài?”

“Thế cũng không có hại gì. Ông mang cho tôi chút cà phê được không?”

“Vâng thưa ngài.”

Ông Quản gia cúi mình và vội vã đi ra, con nhân tình của ông ta ngoan ngoãn chạy lon ton bên gót chân. Người chú của Lyra đi qua phòng đến bên lò sưởi và vươn tay cao trên đầu, găm giữ như một con sư tử. Ông đang mặc quần áo đi đường. Lyra nhớ lại, mỗi lần cô gặp lại ông, rằng ông làm cô sợ

đến mức nào. Không thể có chuyện bất cần bỏ ra ngoài vào lúc này. Tốt hơn là cô ngồi im và hy vọng.

Con nhân tinh của Ngài Asriel, một con báo tuyết, ngồi bên cạnh ông.

“Ông sẽ trình bày ở đây chứ?” nó khẽ hỏi.

“Đúng thế. Như thế ít gây ồn ỹ hơn là đến Giảng đường. Họ cũng sẽ muốn xem các mẫu vật. Ta sẽ gọi người khuân vác trong một phút nữa. Đang trong giai đoạn khó khăn, Salmaria ạ.”

“Ngài nên nghỉ ngơi một chút.”

Ông ngả người trên một trong những chiếc ghế bành, do đó Lyra không còn nhìn thấy khuôn mặt ông nữa.

“Đúng, đúng. Ta còn nên thay quần áo nữa. Có thể có vài quy tắc nào đó cho phép họ phạt ta một tá chai rượu vì ta đến đây với trang phục không phù hợp. Ta cần ngủ trong ba ngày. Thực tế là...”

Có một tiếng gõ cửa, ông Quản gia đi vào cùng một khay bạc, phía trên có một bình cà phê và một chiếc cốc.

“Cám ơn, Wren,” Ngài Asriel nói, “Có phải cái tôi nhìn thấy trên bàn là rượu Tokey không nhỉ?”

“Ngài Hiệu trưởng đã lệnh chặt riêng cho ngài đấy, thưa ngài,” ông Quản gia nói. “Chỉ còn ba tá rượu của năm 98 nữa thôi.”

“Tất cả những điều tốt đẹp đã qua đi mất rồi. Hãy để khay gần ta. À, hãy bảo người khuân vác mang hai chiếc thùng ta để ngoài cửa vào đây.”

“Vào đây ư, thưa ngài?”

“Đúng, vào đây, ông bạn ạ. Ta còn cần một màn hình và một đèn chiếu nữa, cũng ở đây, ngay bây giờ.”

Ông Quản gia không khỏi há to miệng vì ngạc nhiên, nhưng cố không đưa ra câu hỏi hay phản đối.

“Wren, anh đang quên mất vị trí của mình đấy,” ngài Asriel nói, “đừng chần vãn ta, chỉ cần làm theo những gì ta ra lệnh thôi.”

“Vâng, thưa ngài,” người quản gia nói, “nếu được nói thì có lẽ tôi cần để ông Cawson biết dự định của ngài, thưa ngài, đề phòng ông ấy sẽ có phần không hài lòng, mong ngài hiểu ý tôi muốn nói gì.”

“Thế thì cứ báo cho ông ta biết.”

Ông Cawson là người Quản lý ở đây. Có một sự kình địch lâu dài và sâu sắc giữa ông ta và người quản gia. Ông Quản lý có quyền cao hơn, nhưng ông Quản gia có nhiều cơ hội lấy lòng các Học giả hơn, và ông ta thu được nhiều lợi ích từ việc đó. Ông ta sẽ hào hứng vì có cơ hội thể hiện cho ông Quản lý biết mình biết nhiều hơn về chuyện gì sắp diễn ra trong Phòng nghĩ

Ông ta cúi chào và đi ra. Lyra theo dõi khi chú cô rót một tách cà phê và uống cạn ngay lập tức, rồi rót một tách khác trước khi hợp từng ngụm một cách chậm rãi hơn. Cô cảm thấy thắc mắc: Những thùng mẫu vật? Một đèn máy chiếu? Phải chăng ông ấy phải chỉ cho các Học giả một điều gì đó khẩn cấp và quan trọng?

Rồi ngài Asriel đứng lên và bước khỏi lò sưởi. Cô nhìn rõ ông từ đầu đến chân, và ngạc nhiên trước sự trái ngược của ông với ông Quản gia. Ngài Asriel là một người đàn ông cao với đôi vai rộng và khỏe khoắn, một khuôn mặt tối sẫm hung dữ và một đôi mắt lóe sáng với nụ cười độc ác. Đó là một khuôn mặt để thống trị, hay chiến đấu chứ không bao giờ là khuôn mặt của sự hạ cố hay trắc ẩn. Mọi di chuyển của ông đều có khoảng cách lớn và thẳng băng đến hoàn hảo, như chuyển động của loại thú hoang, khi ông

xuất hiện trong một căn phòng như thế này, ông dường như giống một con thú hoang nhốt trong chiếc lồng quá chật chội.

Vào lúc đó, cử chỉ của ông có vẻ uể oải và lo lắng. Con nhân tinh của ông đến gần hơn dựa đầu vào thắt lưng ông, ông cúi xuống nhìn nó với vẻ khó hiểu trước đến bên chiếc bàn. Lyra đột nhiên cảm thấy nôn nao trong ruột, vì Ngài Asriel đã mở nắp rượu Tokey và đang rót rượu ra ly.

“Không!”

Tiếng kêu khẽ bật ra trước khi cô kịp nén lại. Ngài Asriel nghe thấy và quay phắt lại.

“Ai ở đây vậy?”

Cô không thể tự giúp mình nữa rồi. Cô lộn nhào khỏi chiếc tủ, nhảy lên giật lấy ly rượu trên tay ông. Rượu chảy tràn ra mép bàn và tẩm thắm, chiếc ly rơi xuống vỡ tan. Ông ta chộp lấy cổ tay cô, vặn chặt.

“Lyra, mày đang làm cái quái gì ở đây vậy?”

“Thả cháu ra rồi cháu sẽ nói cho chú nghe!”

“Ta sẽ bẻ gãy tay mày trước. Sao mày dám vào đây hả?”

“Cháu vừa cứu mạng chú đấy!”

Họ chờ người ra trong một khoảnh khắc, cô bé vặn vẹo người vì đau nhưng cố ngăn mình không khóc to hơn, người đàn ông không thềm quan tâm đến nỗi đau đớn của cô bé.

“Mày vừa nói gì?” ông nói nhỏ hơn.

“Bình rượu đã bị bỏ thuốc độc,” cô thì thầm giữa hai hàm răng nghiến chặt, “cháu nhìn thấy ông Hiệu trưởng cho thứ bột gì đó vào trong bình.”

Ông buông cô bé ra. Cô ngã nhào xuống sàn, Pantalaimon lo lắng bay đến đậu vào vai cô. Chú cô nhìn xuống với cơn thịnh nộ kìm nén, cô không dám nhìn vào mắt chú mình.

“Cháu chỉ định vào nhìn ngắm căn phòng thôi.” cô nói. “Cháu biết là đáng ra không nên như vậy. Nhưng cháu đã định ra trước khi có ai đó đi vào, ngoại trừ việc cháu nghe tiếng ông Hiệu trưởng đi vào và mắc kẹt trong này. Chỗ trốn duy nhất là chiếc tủ quần áo. Và cháu thấy ông ấy đổ bột vào rượu. Nếu cháu không...”

Có tiếng gõ cửa.

“Chắc là người khuân vác đấy,” Ngài Asriel nói. “Hãy quau trở lại tủ quần áo. Nếu tao nghe thấy một tiếng động, dù là nhỏ nhất, tao sẽ khiến mày phải ước là chết đi cho xong đấy.”

Cô bò vào tủ ngay lập tức, và đúng lúc cô vừa kéo cánh cửa tủ, Ngài Asriel nói:

“Vào đi.”

Đúng như ông ta nói, đó là người khuân vác.

“Mang vào trong này phải không, thưa ngài?”

Lyra nhìn thấy người đàn ông có tuổi đang lưỡng lự đứng ở cửa ra vào, phía sau ông lộ ra một góc của chiếc thùng gỗ to.

“Đúng đây, Shutter ạ.” Ngài Asriel nói. “Hãy mang cả hai chiếc thùng vào và đặt xuống cạnh chiếc bàn.”

Lyra thư giãn một chút và cảm thấy vết đau trên vai và cổ tay. Nó cũng đủ đau để khiến cô bật khóc, nếu cô thuộc kiểu các cô bé hay khóc. Thay

vào đó cô nghiêng răng lại và nhẹ nhàng động đậy cánh tay cho đến khi cảm thấy thoải mái hơn.

Rồi có tiếng cốc thủy tinh xô vào nhau và tiếng chất lỏng đổ ộc ra.

“Đồ quỷ tha ma bắt, Shutter, ông là đồ già ngu ngốc bất cần! Mở to mắt ra xem ông đã làm gì!”

Lyra có thể thấy, chú cô đã sắp đặt để đẩy bình rượu Tokey ra khỏi bàn, và khiến mọi việc diễn ra như thể người khuân vác đã làm. Ông già cần thận đặt chiếc hòm xuống và bắt đầu xin lỗi.

“Tôi thực sự xin lỗi, thưa ngài, chắc là tôi đã đứng gần chiếc bàn hơn tôi tưởng...”

“Hãy tìm thứ gì để dọn đồng lộn xộn này đi. Nhanh lên, trước khi nó ngấm vào thảm!”

Người khuân vác và anh giúp việc trẻ tuổi vội vã chạy ra ngoài. Ngài Asriel tiến gần hơn đến chiếc tủ quần áo và nói rất nhỏ

“Vì mày đã ở đây, mày có thể có một chút tác dụng. Hãy theo dõi nhất cử nhất động của ông Hiệu trưởng khi ông ta quay lại. Nếu mày kể cho tao tin gì hay ho về ông ta, tao sẽ giữ kín việc mày trốn trong phòng Nghỉ. Hiểu chưa?”

“Vâng, thưa chú.”

“Nếu mày gây ra một tiếng ồn, tao sẽ không giúp đỡ gì nữa đâu. Mày tự quyết định lấy số phận mình đấy.”

Ngài rời đi và lại đứng quay lưng vào lò sưởi khi người khuân vác quay lại với chổi, xẻng hót rác, bát hoa và giẻ lau.

“Tôi chỉ có thể nói lại một lần nữa, thưa ngài, tôi xin có lời cầu khẩn tha thiết nhất, xin ngài tha lỗi. Tôi không biết điều gì...”

“Ông chỉ việc dọn đồng lộn xộn này đi thôi.”

Khi người khuân vác bắt đầu lau rượu trên tấm thảm, người Quản gia gõ cửa và đi vào cùng với người hầu nam của ngài Asriel, một người đàn ông tên là Thorold. Họ đang bê một chiếc hòm nặng làm bằng gỗ đánh bóng có quai bằng đồng. Họ nhìn thấy việc người khuân vác đang làm và đứng chết lặng.

“Đúng. Rượu Tokey đấy,” Ngài Asriel nói. “Tệ quá, đèn chiếu đây phải không? Hãy thắp nó bên cạnh tủ búp phê, Thorold, nếu ông có thể. Tôi muốn màn hình được đặt ở đầu bên kia.”

Lyra nhận ra cô có thể nhìn thấy màn hình và tất cả những gì hiện trên đó qua khe hở của cánh cửa tủ, và tự hỏi không hiểu chú cô lắp đặt chuyện gì. Trong tiếng ồn ào do người hầu nam trải cuộn thảm lạnh cứng ra và căng nó lên khung, cô thì thầm:

“Nhìn thấy không? Cũng đáng tò mò đấy chứ, phải vậy không?”

“Cũng có thể như vậy,” Pantalaimon nói với vẻ đau khổ, với giọng nhỏ tí của con sâu bướm, “và cũng có thể không phải.”

Ngài Asriel đứng bên lò sưởi nhấm nháp nốt chỗ cà phê và nhìn với ánh mắt tối sầm khi Thorold mở chiếc hòm đựng đèn chiếu và mở các thấu kính trước khi kiểm tra bình đựng dầu.

“Có rất nhiều dầu, thưa ngài,” ông ta nói. “Tôi có cần gọi một kỹ sư đến vận hành không?”

“Không, ta sẽ tự làm. Cảm ơn Thorold. Họ đã kết thúc bữa tối chưa, Wren?”

“Sắp rồi đấy ạ, tôi nghĩ thế, thưa ngài,” người Quản gia trả lời. “Nếu ông Cawson biết cách diễn đạt, ông Hiệu trưởng và các vị khách của ông ấy sẽ không muốn chần chừ khi họ biết ngài đang ở đây. Tôi đã mang khay cà phê đi được chưa ạ?”

“Mang đi đi.”

“Vâng thưa ngài.”

Người Quản gia hơi cúi mình cầm lấy chiếc khay và đi ra, Thorold đi cùng ông ta. Ngay khi cánh cửa đóng lại, Ngài Asriel nhìn thẳng vào tủ quần áo và Lyra cảm thấy sức mạnh của ánh mắt ấy như nó là một vật thể hiện hữu, giống như một mũi tên, hay mũi giáo. Rồi ông nhìn đi chỗ khác và nói nhỏ với nhân tinh của mình.

Nó đến ngồi lặng lẽ cạnh ông, cảnh giác, duyên dáng và nguy hiểm. Đôi mắt màu xanh lá cây dò xét cả căn phòng trước khi quay sang cánh cửa thông với đại sảnh khi nắm tay cầm bắt đầu xoay. Lyra không thể nhìn thấy cánh cửa, nhưng cô nghe thấy tiếng thở khi người đàn ông đầu tiên bước vào.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 2 Phần 1

“Ông Hiệu trưởng,” tiếng Ngài Asriel. “Vâng tôi đã quay trở lại. Hãy mời các vị khách của ông vào đi, tôi có thứ này rất hay muốn cho ông xem.”

“Ngài Asriel. Hiệu trưởng nói với giọng nặng nề và đến gần bắt tay ông ta. Từ nơi ẩn náu, Lyra dõi theo ánh mắt của ông Hiệu trưởng, và thấy ánh mắt ấy ném về phía trước bàn khoảng một giây, nơi đặt bình rượu Tokey.

“Ông Hiệu trưởng,” Ngài Asriel nói, “tôi đến quá muộn để tham dự bữa tối của ông, vì thế tôi đã tự nhiên như ở nhà trong căn phòng này. Xin chào ông Hiệu phó, thật mừng vì trông ông vẫn rất khỏe. Xin lỗi vì sự xuất hiện đột ngột của tôi. Tôi chỉ vừa mới đặt chân xuống đất. Vâng. Thưa ông Hiệu trưởng, rượu Tokey đổ hết mất rồi. Tôi nghĩ là ông đang đứng lên nó đấy. Người khuân vác đánh đổ nó, nhưng đó là lỗi của tôi. Chào Cha tuyên úy, tôi đã rất thích thú khi đọc bài viết gần đây nhất của Cha...”

Ông ta đến chỗ Cha tuyên úy n Lyra có thể nhìn rõ khuôn mặt của ông Hiệu trưởng. Một khuôn mặt vô cảm, còn con nhân tinh trên vai ông ta đang rửa lông cánh và đi lại liên tục. Ngài Asriel đã chế ngự cả căn phòng, và dù ông đã cẩn thận để cố tỏ ra nhã nhặn với ông Hiệu trưởng trong học viện này, việc ai là người chiếm ưu thế thật rõ nhận biết.

Các Học giả chào đón người khách và đi vào phòng, một số ngồi quanh, một số trên ghế bành và những cuộc đàm thoại ồn ào nhanh chóng đầy ắp không gian. Lyra có thể thấy họ bị thu hút mạnh bởi chiếc hòm gỗ, màn hình và đèn chiếu. Cô biết rất rõ các Học giả: Ông Quản lý thư viện, ông Hiệu phó và những người còn lại. Họ là những người đã ở quanh cô trong

suốt cuộc đời cô, dạy cô học, trừng phạt cô, an ủi cô, cho cô những món quà nho nhỏ, đuổi cô khỏi những cây quả trong vườn. Họ là tất cả những người cô có trong gia đình của mình. Có thể họ còn coi cô như một thành viên trong gia đình, nếu cô biết gia đình là gì. Nhưng nếu cô có biết, có lẽ cô sẽ cảm thấy gần gũi hơn với những người giúp việc trong học viện. Các Học giả có nhiều việc quan trọng cần làm hơn là tham gia vào trò chơi tình cảm với một con bé nửa hoang dã, nửa văn minh sống giữa họ do một sự tình cờ.

Ông Hiệu trưởng thả cây đèn cầy phía dưới lò hâm thuốc bằng bạc nhỏ và đun nóng một chút bơ trước khi cho thuốc phiện vào. Thuốc phiện luôn được phục vụ sau bữa tiệc, nó làm đầu óc mình mẫn và kích thích nói chuyện, nó mang lại những cuộc nói chuyện hay ho. Ông Hiệu trưởng thường tự mình chuẩn bị thuốc phiện.

Trong tiếng bơ rán xèo xèo và tiếng nói chuyện lao xao, Lyra nhìn xung quanh để tìm mọi trí thoải mái hơn cho mình. Cô lấy một chiếc áo choàng ra khỏi mắc một cách thận trọng - một chiếc áo lông dài chấm đất và đặt nó xuống sàn tủ.

“Đáng ra cậu không nên dùng một cái áo cũ chẳng có chọn lựa gì như thế,” Pantalaimon thì thầm. “Nếu thoải mái quá, cậu sẽ ngủ cho mà xem.”

“Nếu thế thật, nhiệm vụ của cậu là đánh thức mình dậy.” Cô trả lời.

Cô ngồi và lắng nghe cuộc nói chuyện. Cuộc nói chuyện cũng vô cùng chán, phần lớn là về chính trị và tình hình chính trị của London vào thời điểm đó, cũng chẳng có tin tức gì thú vị về quân Tartar. Hương thơm của thuốc phiện đun nóng và lá thuốc len vào tủ quần áo khiến hơn một lần Lyra phát hiện mình đang ngủ gật. Nhưng cuối cùng cô nghe thấy tiếng người nào đó đập bàn. Các giọng nói im bặt, rồi sau đó tiếng ông Hiệu trưởng vang lên.

“Thưa các quý ngài,” ông nói, “tôi cảm thấy chắc chắn rằng tôi đang đại diện cho tất cả chúng ta khi tôi mời Ngài Asriel đến đây. Các chuyến viếng thăm của ông ấy rất hiếm hoi nhưng lại vô cùng quý giá, và tôi hiểu là ông ấy có điều gì đó đặc biệt thú vị muốn cho chúng ta thấy đêm nay. Hiện đang trong thời kỳ căng thẳng về chính trị, như chúng ta đã biết. Sáng sớm mai Ngài Asriel được yêu cầu phải có mặt tại Nhà trắng, một chuyến tàu hơi nước đang sẵn sàng chờ để đưa ông ấy đến London ngay sau khi chúng ta kết thúc câu chuyện tại đây, vì thế chúng ta phải biết sử dụng thời gian một cách khôn ngoan. Khi ông ấy nói xong, tôi nghĩ sẽ có một vài câu hỏi. Xin hãy hỏi ngắn gọn và thẳng vào vấn đề. Ngài Asriel, ông đã muốn bắt đầu chưa?”

“Cảm ơn ngài Hiệu trưởng.” Ngài Asriel nói. “Để bắt đầu, tôi có một vài bản kính dương muốn cho các ngài xem. Ông Hiệu phó, tôi nghĩ ông có thể nhìn rõ khi đứng ở đây. Có thể ông Hiệu trưởng muốn chuyển sang chiếc ghế gần tủ quần áo?”

Ông Hiệu phó già gần như đã bị lừa, vì thế việc dành chỗ gần màn hình cho ông là việc làm lịch sự, và việc ông chuyển lên trên có nghĩa ông Hiệu trưởng sẽ ngồi gần ông Quản lý thư viện, chỉ cách tủ quần áo nơi Lyra đang trốn khoảng một mét. Khi ông Hiệu trưởng ngồi vào ghế bành, Lyra nghe tiếng ông ta thì thầm.

“Hắn là một con quỷ! Hắn biết rượu có độc, tôi chắc chắn thế đấy.”

Ông quản lý thư viện thì thầm trả lời. “Hắn ta sẽ yêu cầu được tài trợ. Nếu hắn ta buộc chúng ta phải biểu quyết...”

“Nếu hắn làm thế, chúng ta sẽ phải tranh cãi chống lại, với tất cả tài hùng biện mà chúng ta có.”

Đèn chiếu bắt đầu rút lên khi Ngài Asriel bơm mạnh. Lyra khẽ dịch chuyển và cô có thể nhìn thấy màn hình, trên đó có một vòng tròn màu

trắng đang bắt đầu sáng lấp lánh. Ngài Asriel gọi, “Ai đó giúp tôi tắt đèn trong phòng được không?”

Một trong số các đứng lên và tắt đèn, căn phòng tối dần. Ngài Asriel bắt đầu:

“Như một vài người trong số các ngài đã biết, tôi lên đường đến phương Bắc mười hai tháng trước vì một nhiệm vụ ngoại giao với vua Lapland. Ít nhất, đó cũng là điều tôi định làm. Thực ra mục tiêu thực sự tôi hướng đến là đi xa hơn về phương Bắc, vùng băng tuyết để thử và khám phá điều gì đã xảy ra với đoàn thám hiểm của Grumman. Một trong những thông điệp cuối cùng của Grumman gửi về Viện Hàn Lâm tại Berlin nói về một hiện tượng tự nhiên nào đó chỉ có thể nhìn thấy trên vùng đất phương Bắc. Tôi đã quyết tâm điều tra cũng như tìm ra tôi có thể làm gì với Grumman. Nhưng bức ảnh đầu tiên tôi sắp cho các ngài thấy không trực tiếp nói về những điều này.”

Ông đặt bản kính dương đầu tiên vào khung và trượt nó dưới các ống kính. Một bức ảnh đen trắng sắc nét hiện lên trên màn hình. Nó được chụp vào ban đêm, dưới ánh trăng sáng rõ, và nó cho thấy một túp lều gỗ ở giữa khoảng không, những bức tường màu tối nổi bật trên nền tuyết bao xung quanh và tạo thành một lớp dày trên mái lều. Bên cạnh túp lều là một dãy các thiết bị đo đạc phức tạp mà với Lyra trông nó giống thứ gì đó trong công viên Anbaric trên đường đến Yarnton: ăng ten, dây cáp, sứ cách điện lấp lánh dưới ánh trăng và phủ một lớp sương giá dày. Một người đàn ông mặc quần áo may bằng lông, khuôn mặt ông ta khó nhìn rõ trong chiếc mũ dày, đứng trước sân giờ tay lên như đang vẫy chào. Một bên ông ta có một chiếc bóng nhỏ hơn. Ánh trăng chiếu sáng vạn vật bằng thứ ánh sáng yếu ớt vàng.

“Bức ảnh này được chụp bằng chất nitrat bạc tiêu chuẩn.” Ngài Asriel nói. “Tôi muốn các ngài xem một bức khác, cũng chụp ở vị trí đó chỉ một phút sau, với một chất bắt sáng mới được chuẩn bị đặc biệt.”

Ông nâng bản kính dương đầu tiên lên và cho một bản khác vào khung. Bức ảnh này tối hơn nhiều, như thể ánh trăng đã biến mất

Đường chân trời vẫn được nhìn thấy, với hình dáng mờ tối của túp lều và mái lều phủ đầy tuyết màu sáng của nó nổi bật lên, nhưng đồng dụng cụ đã bị ẩn đi trong bóng tối. Người đàn ông đã thay đổi gần như hoàn toàn: ông ta tắm trong ánh sáng, một dòng hạt lấp lánh dường như chảy xuống từ cánh tay giơ cao.

“Ánh sáng đó,” Cha tuyên úy nói, “đang đi xuống hay đi lên?”

“Nó đang đi xuống.” Ngài Asriel nói. “Nhưng đó không phải ánh sáng, đó là Bụi.”

Điều gì đó trong cách nói của ông khiến Lyra tưởng tượng Bụi được viết hoa, như thể nó không phải là Bụi thông thường. Phản ứng của các Học giả làm chắc chắn thêm cảm giác của cô, những lời của Ngài Asriel tạo ra một sự im lặng đột ngột, theo sau là những cái há hốc mồm ngờ vực.

“Nhưng làm thế nào mà...”

“Không thể nào lại...”

“Thưa các ngài,” giọng Cha tuyên úy vang lên. “Hãy để Ngài Asriel giải thích.”

“Đó là Bụi,” Ngài Asriel nhắc lại. “Nó được ghi lại trên đĩa như ánh sáng vì các hạt Bụi tác động đến chất bắt sáng như những photon tác động đến nitrate bạc. Cũng một phần để kiểm tra lại điều này mà tôi lên phương Bắc. Như các ngài thấy, cái bóng của người đàn ông hoàn toàn không nhìn thấy. Giờ tôi muốn các ngài nhìn vào hình bên trái của người đàn ông.”

Ông chỉ vào cái bóng nhỏ hơn bị che mờ.

“Tôi nghĩ đó là con nhân tinh của người đàn ông.” Ông giám thị nói.

“Không phải. Lúc đó con nhân tinh có hình dáng một con rắn và đang cuộn trên cổ ông ta. Hình dáng các ngài có thể nhìn lơ mờ đó là một đứa trẻ.”

“Một đứa trẻ bị chia tách?” Ai đó nói, và cái cách ông ta ngừng lại cho thấy ông biết đó là điều không nên nói ra.

Sự im lặng căng thẳng bao trùm.

Rồi ngài Asriel, nói với giọng bình tĩnh. “Một đứa trẻ hoàn chỉnh. Và đó là đứa trẻ, dưới tính chất của Bụi. Đây chính xác là tâm điểm của vấn đề phải vậy không?”

Không ai nói gì trong nhiều giây. Rồi tiếng Cha tuyên úy vang lên.

“A,” ông nói, như một người chết khát vừa uống say, đặt cốc xuống để thờ ra hơi thở đã tìm kiếm suốt thời gian uống, “và những dòng Bụi...”

“... Đến từ bầu trời, bao phủ người này trong một thứ giống như ánh sáng. Ông có thể kiểm tra bức ảnh này gần đến mức ông muốnôi sẽ để chúng lại đây sau khi đi. Tôi đang cho các ngài xem vì tôi muốn mô tả tác động của loại chất dẫn sáng mới này. Giờ tôi muốn cho các ngài xem một bức ảnh khác.”

Ông đổi bản kính dương. Bức ảnh tiếp theo cũng được chụp vào ban đêm, nhưng lần này không có ánh trăng. Nó cho thấy một nhóm những ngôi lều ở vị trí cận cảnh, hiện ra lơ mờ trên đường chân trời, bên cạnh là một đồng thùng gỗ và một chiếc xe trượt băng thiêu. Nhưng điểm thú vị chính của bức ảnh nằm ở bầu trời. Những dòng và màn ánh sáng treo như những tấm rèm, cuộn lại và kết tràng thành những cái móc cao hàng trăm mét hay thối về một bên trong những luồng gió không thể nhìn thấy bằng mắt thường.

“Đó là cái gì vậy?” Ông Hiệu phó hỏi.

“Đây là một bức ảnh chụp Hiện tượng cực quang.”

“Một bức ảnh rất đẹp.” Giáo sư Palmerian nói. “Một trong những bức ảnh đẹp nhất tôi từng xem.”

“Xin lượng thứ cho tính đãng trí của tôi,” giọng run run của người lĩnh xướng già vang lên, “nhưng nếu tôi từng biết Hiện tượng cực quang là gì thì đến giờ tôi cũng quên mất rồi. Có phải đó là cái người ta gọi là Ánh Sáng Phương Bắc?”

“Đúng vậy. Nó có nhiều tên gọi. Nó là hòa trộn của những trận bão các hạt cháy và những tia mặt trời dữ dội có cường độ lớn - không nhìn thấy bằng mắt thường nhưng gây ra bức xạ dạ quang khi tương tác với khí quyển. Nếu có thời gian, tôi đã nhuộm bản kính dương này và chỉ cho các ngài thấy các màu sắc: xanh lá cây nhạt và màu hoa hồng, phần lớn là như vậy, với một chút đỏ sẫm dọc mép dưới của tấm màn này - như cấu tạo của nó. Bức này được chụp với chất dẫn sáng thông thường. Giờ tôi muốn các ngài xem tấm ảnh chụp bằng chất dẫn sáng đặc biệt.”

Ông tháo bản dương kính ra. Lyra nghe thấy tiếng ông Hiệu trưởng nói khẽ: “Nếu hẳn bắt phải có một cuộc biểu quyết, chúng ta có thể viện dẫn điều khoản cư trú. Hẳn ta đã không ở trong Học viện quá ba mươi tuần trên năm mươi hai tuần.”

“Hẳn ta đã lôi kéo được Cha tuyên úy về phía mình rồi...” Ông Quản lý thư viện thì thầm đáp lại.

Ngài Asriel đặt một bản dương kính mới vào khung đèn chiếu. Nó cũng cho thấy cảnh tương tự. Cũng giống cặp ảnh đầu tiên, nhiều đường nét nhìn thấy dưới ánh sáng thông thường đã mờ hơn rất nhiều trong tấm ảnh này, cả các vệt bức xạ trên bầu trời cũng vậy.

Nhưng ở giữa Hiện tượng cực quang, cao phía trên khung cảnh hoang vắng, Lyra có thể nhìn thấy thứ gì đó có hình khối. Cô dí sát mặt vào khe hở để nhìn rõ hơn, và cô có thể thấy các Học giả ngồi gần màn hình cũng đang ngóng lên. Khi nhìn vào màn hình, sự thắc mắc của cô càng tăng lên vì không thể nhầm lẫn được, trên bầu trời có đường nét một thành phố: Các gác chuông, mái vòm, các bức tường... Những tòa nhà và đường phố treo lơ lửng trên không! Cô gần như nín thở vì ngạc nhiên.

Học giả Cassington nói: “Đây trông giống... một thành phố.”

“Chính xác là như vậy.” Ngài Asriel nói.

“Một thành phố trông một thế giới khác, không nghi ngờ gì nữa phải không?” Ông Chủ nhiệm khoa nói với giọng coi thường.

Ngài Asriel không để ý đến ông ta. Một số Học giả cảm thấy rất thích thú, việc này giống như viết các hiệp ước bảo vệ sự tồn tại của kỳ lân trong khi chưa từng nhìn thấy con nào, họ đang được giới thiệu một mẫu vật sống mới bắt được.

“Đây có phải là công việc của Barnard - Stokes không?” Giáo sư Palmerian hỏi. “Đúng thế phải không?”

“Đó là điều tôi muốn tìm hiểu cho ra.” Ngài Asriel nói. Ông đứng một bên của màn hình, Lyra có thể nhìn thấy đôi mắt đen của ông tìm kiếm giữa đám Học giả khi họ nhìn vào bản dương kính về Hiện tượng cực quang, những tia sáng xanh lá cây ánh lên từ đôi mắt con nhân tinh ngồi bên cạnh ông. Tất cả những mái đầu đáng kính nghểnh lên, những mắt kính phản chiếu ánh sáng lóa, chỉ có ông Hiệu trưởng và ông Quản lý thư viện là ngồi tựa vào ghế bành, đầu họ chụm vào nhau.

Cha tuyên úy nói: “Ngài nói ngài đang tìm kiếm tin tức về chuyến thám hiểm của Grumman, thưa Ngài Asriel. Tiến sĩ Grumman cũng nghiên cứu hiện tượng này chứ?”

“Tôi tin là ông ấy cũng đã nghiên cứu, và tôi tin ông ấy có rất nhiều thông tin về vấn đề này. Nhưng ông ấy sẽ không thể nói cho chúng ta, vì ông ta đã chết.”

“Không thể thế được” Cha tuyên úy nói.

“Tôi e là đúng như vậy và tôi có bằng chứng đây.”

Một làn sóng xôn xao lan khắp Phòng nghị, khi dưới sự chỉ dẫn của Ngài Asriel, hai hay ba Học giả trẻ tuổi kéo chiếc hòm gỗ ra trước phòng. Ngài Asriel rút bản dương kính cuối cùng ra nhưng vẫn để đèn chiếu sáng, trong ánh sáng chói lòa của vòng tròn, ông cúi xuống mở chiếc hòm. Lyra nghe thấy tiếng rít của móng tay cọ vào gỗ ẩm. Ông Hiệu trưởng đứng lên nhìn, chần mất tầm nhìn của Lyra. Chú cô nói tiếp:

“Nếu các vị còn nhớ đoàn thám hiểm của Grumman biến mất mười tám tháng trước. Viện hàn lâm nước Đức cử ông ta đến đó để đi xa tận đến hồ tử và thực hiện nhiều quan sát khác nhau về bầu trời. Chính trong khuôn khổ chuyến đi này ông ta đã quan sát được hiện tượng kỳ lạ chúng ta vừa xem. Không lâu sau đó, ông ta biến mất. Có giả thiết rằng ông ta gặp tai nạn và rằng xác ông ta đang trong một kẽ nứt nào đó cho đến tận bây giờ. Trong thực tế, không có tai nạn nào cả.”

“Ông có gì ở đó vậy?” ông trưởng khoa nói. “Có phải có một chiếc thùng chân không không?”

Ngài Asriel không trả lời ngay. Lyra nghe thấy tiếng bật của khóa kim loại và tiếng rít khi không khí tràn vào một khoang trống, sau đó là sự im lặng. Nhưng sự im lặng không kéo dài. Sau một lúc, Lyra nghe thấy những tiếng nói pha trộn những tiếng kêu sợ hãi, tiếng phản đối, tiếng người bức bối và sợ hãi.

“Nhưng cái gì...”

“... Thật là dã man...”

“... Nó đã bị...”

“... Chuyện gì đã xảy ra?”

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 2 Phần 2

Ông Hiệu trưởng cắt ngang những tiếng nói đó.

“Ngài Asriel, ông có thứ quái quỷ gì ở đây vậy?”

“Đây là đầu của Stanislaus Grumman.” Tiếng Ngài Asriel vang lên.

Trong tiếng hét, Lyra nghe tiếng ai đó quay về phía cửa và lao ra với những tiếng kêu rời rạc và đau đớn. Cô ước có thể nhìn thấy cái họ đang nhìn.

Ngài Asriel nói: “Tôi tìm thấy xác ông ta vùi trong băng tuyết dưới Svalbard. Cái đầu đã bị làm như vậy bởi kẻ giết người. Các ngài có thể thấy những đường nét đục khắc đặc biệt. Tôi nghĩ có thể ông cũng quen với nó, thưa ông Hiệu phó. “

Giọng ông già rất chắc chắn khi ông nói: “Tôi đã nhìn thấy người Tartar làm như vậy. Đó là kỹ thuật có thể tìm thấy ở những người thổ dân Siberia và Tungusk. Từ đó, tất nhiên, nó thâm nhập sang các vùng đất Skaraeling. Tôi có thể xem xét nó gần hơn không, ngài Asriel?”

Sau một lúc im lặng, ông lại nói tiếp:

“Mắt tôi không được rõ lắm, và băng tuyết cũng hơi bẩn, nhưng có vẻ như có một lỗ thủng trên chóp sọ đúng không?”

“Đúng thế.”

“Bị khoan phải không?”

“Chính xác.”

Việc này làm dấy lên những lời thì thầm thích thú. Ông Hiệu trưởng dịch chuyển và Lyra lại có thể nhìn thấy. Ông Hiệu phó, trong vòng tròn sáng phát ra từ đèn chiếu, đang cầm một chiếc đầu phủ băng lên gần mắt, Lyra có thể thấy những thứ phía trong nó: một đồng màu khó nhận ra là đầu người. Pantalaimon bay vòng quanh Lyra, sự đau đớn của nó làm ảnh hưởng đến cô.

“Này,” cô thì thầm, “hãy lắng nghe xem.”

“Tiến sĩ Grumman từng là Học giả của học viện này,” ông trưởng khoa nói với giọng kịch liệt.

“Rơi vào tay quân Tartar...”

“Nhưng đó là phía cực Bắc?”

“Chắc chúng đã tiến vào sâu hơn mức bất cứ ai có thể tưởng tượng?”

“Có phải tôi nghe ngài nói ngài tìm thấy ở gần Savalbard?” ông trưởng khoa hỏi.

“Đúng vậy.”

“Liệu chúng ta có phải hiểu rằng panserbjorne có dính dáng gì vào vụ này?”

Lyra không hiểu từ này, nhưng rõ ràng các Học giả thì có.

“Không thể nào,” Học giả Cassington nói chắc nịch. “Họ không bao giờ cư xử với thái độ như vậy đâu.”

“Thế thì ngài không hiểu Iofur Ragnison rồi,” Giáo sư Palmerian, người đã thực hiện rất nhiều chuyến thám hiểm đến vùng Bắc cực nói. “Tôi sẽ

chẳng ngạc nhiên chút nào khi biết ông ta đã bị đưa đến những người chuyên lột da đầu theo phong tục của người Tartar.”

Lyra lại nhìn chú Asriel. Ông đang nhìn các Học giả với ánh mắt lấp lánh sự vui thích đầy vẻ châm biếm và không nói gì.

“Iofur Raknison là ai vậy?” có ai đó hỏi.

“Là vua xứ Svalbard,” Giáo sư Palmerian nói. “Vâng, đúng thế, một trong những panserbjorne. Ông ta là một kẻ đoạt ngôi, gần như vậy, dùng thủ đoạn để giành được ngai vàng, hay theo tôi hiểu là như vậy, nhưng là một nhân vật đầy quyền lực, chứ không hề ngốc nghếch, dù điệu bộ màu mè lỗ lã. Ông ta có một cung điện xây bằng đá cẩm thạch nhập khẩu, tạo thành cái mà ông ta gọi trường đại học...”

“Để cho ai chứ? Những con gấu chẳng?” Ai đó nói, và mọi người cười rộ.

Nhưng Giáo sư Palmerian vẫn tiếp tục. “Vì tất cả những điều đó, tôi nói cho các ngài biết là Iofur Raknison rất có thể làm chuyện này với Grumman. Hơn nữa, khi được tặng bốc, ông ta có thể cư xử rất khác thường, nếu hoàn cảnh đòi hỏi.

“Và ngài biết làm thế nào để ông ta cư xử khác đi, phải không Trelawney?” Ông Trưởng khoa hỏi với giọng nhạo báng.

“Thực sự là tôi biết. Ngài có biết ông ta muốn điều gì là trên hết không? Thậm chí hơn cả một tấm bằng danh dự? Ông ta muốn một nhân tinh! Hãy tìm cách cho ông ta một nhân tinh, và ông ta sẽ làm bất cứ điều gì cho ông.”

Các Học giả cười ầm lên.

Lyra dõi theo câu chuyện ột cách mơ hồ: những điều Giáo sư Palmerian nói chẳng có nghĩa lý gì. Bên cạnh đó, cô không còn đủ kiên nhẫn để nghe thêm bất cứ điều gì về thuật lột da đầu và Ánh Sáng Phương Bắc cũng như thứ Bụi huyền diệu kia. Nhưng cô đã thất vọng, vì Ngài Asriel đã kết thúc việc trình diễn các thành tích và các bức ảnh của mình, câu chuyện nhanh chóng chuyển sang hướng tranh cãi xem có nên đưa cho ông thêm tiền để thực hiện một chuyến thám hiểm khác không. Những lời tranh cãi qua lại, Lyra cảm thấy mí mắt nặng trĩu. Cô nhanh chóng rơi vào giấc ngủ, còn Pantalaimon cuộn người quanh cổ cô trong hình dáng yêu thích khi ngủ của nó, một chú chồn ecmin.

Cô choàng tỉnh dậy khi ai đó lay vai.

“Khê thôi,” chú cô nói. Tủ quần áo đã mở, và ông đang quỳ gối ở đó, quay lưng lại ánh đèn. “Họ đi hết rồi, nhưng đây vẫn có vài người giúp việc. Quay về phòng ngủ của mày ngay, và hãy cẩn thận không được hé răng một lời nào về chuyện này đấy.”

“Họ có biểu quyết cấp tiền cho chú không?” cô hỏi với giọng ngái ngủ.

“Có.”

“Bụi là gì vậy?” cô hỏi, cố gắng đứng lên sau khi đã ngồi quá lâu ở tư thế gò bó.

“Không phải việc của mày.”

“Nó thực sự liên quan đến cháu đấy,” cô nói. “Nếu chú muốn cháu làm một gián điệp trong tủ quần áo, chú phải nói cho cháu biết cháu đang thăm dò chuyện gì. Cháu xem cái đầu của người đàn ông được không?”

Bộ lông chồn ecmin trắng của Pantalaimon dựng đứng lên. Cô cảm thấy nó gãi vào cổ mình. Ngài Asriel cười nhưng nụ cười tắt rất nhanh.

“Đừng có làm ta bực mình,” ông nói, và bắt đầu đóng gói các bản dương kính vào thùng đựng mẫu vật. “Mày có theo dõi ông Hiệu trưởng đấy chứ?”

“Có ạ, ông ta tìm bình rượu trước khi làm bất cứ điều gì.”

“Tốt, nhưng ta đã làm ông ta đau đớn rồi. Hãy làm như mày được bảo và đi ngủ đi.”

“Nhưng chú sắp đi đâu vậy?”

“Trở lại miền Bắc. Ta sẽ đi trong mười phút nữa.”

“Cháu đi cùng chú được không?”

Ông dừng tay và nhìn cô như thể đây là lần đầu tiên hai người gặp nhau. Con nhân tình của ông ta quay sang nhìn cô với đôi mắt báo màu xanh lá cây rất to, và dưới cái nhìn chăm chú của cả hai, Lyra đỏ bừng mặt. Nhưng cô cũng nhìn lại dữ dội.

“Chỗ của mày là ở đây,” cuối cùng chú cô lên tiếng.

“Nhưng tại sao? Tại sao chỗ của cháu lại ở đây? Tại sao cháu không thể lên phương Bắc cùng chú? Cháu muốn được nhìn thấy Ánh Sáng Phương Bắc, những con gấu, băng tuyết và tất cả mọi thứ. Cháu muốn biết về Bụi. Và cả thành phố trong không khí nữa. Đó có phải là một thế giới khác không?”

“Mày sẽ không được đi cùng ta, nhóc con ạ. Hãy gạt ý nghĩ đó ra khỏi đầu đi. Thời gian này đang rất nguy hiểm. Hãy làm như mày được bảo và đi ngủ đi, nếu mày là một cô bé ngoan, ta sẽ mang về cho chiếc răng của con mooc có hình khắc của người Eskimo. Đừng có lèo nhèo thêm nữa nếu không ta sẽ nổi giận đấy.”

Con nhân tinh của ông gầm lên một tiếng hung dữ khiến Lyra chợt nhận thấy điều gì có thể xảy ra khi rằng nó ngoạm vào cổ họng mình.

Lyra mím môi và nhắm mắt nhìn chú. Ông đang bơm khí khỏi chiếc bình chân không, và không để ý gì đến cô, như thể đã hoàn toàn quên mất có cô ở đây vậy. Không nói một lời nào, nhưng vừa mím môi vừa nhắm mắt, cô bé cùng con nhân tinh của mình đi ra và lên giường đi ngủ.

Ông Hiệu trưởng và ông Quản lý thư viện là bạn cũ và cũng là đồng minh, đã thành thói quen, sau mỗi bận gay cấn, họ lại làm một ly rượu brandwin và an ủi lẫn nhau. Vì thế sau khi thấy Ngài Asriel đã đi khỏi, họ đi dạo tại nhà ông Hiệu trưởng và ngồi trong phòng làm việc, buông rèm và đốt lò sưởi, các con nhân tinh của họ ngồi ở những vị trí quen thuộc, trên đầu gối hay vai chủ, và họ bắt đầu suy nghĩ xem chuyện gì vừa xảy ra.

“Ông có thực sự tin rằng hắc biết trong rượu có độc không?” ông Quản lý thư viện hỏi.

“Tất nhiên là hắc đã biết, tôi không biết vì sao, nhưng hắc đã biết, và chính hắc đã làm đổ bình rượu. Tất nhiên là hắc đã làm việc đó rồi.”

“Tha lỗi cho tôi, ông Hiệu trưởng, nhưng tôi không thể yên tâm được. Tôi không bao giờ vui vẻ với ý nghĩ...”

“Về việc đầu độc hắc?”

“Đúng, về việc giết người.”

“Khó có ai vui vẻ được với ý nghĩ đó, Charles. Vấn đề là như vậy có tồi tệ hơn là kết quả nếu không làm hay không. Được rồi, Chúa đã can thiệp, và làm chuyện đó không xảy ra. Tôi chỉ tiếc là đã làm ông cảm thấy nặng nề khi biết chuyện này.”

“Không, không.” Ông Quản lý thư viện phản đối. “Nhưng tôi ước gì ông đã nói kỹ hơn với tôi.”

Ông Hiệu trưởng im lặng một lúc trước khi lên tiếng. “Đúng vậy, có lẽ đáng ra tôi nên làm thế. Chiếc Chân-kế đã cảnh báo hậu quả kinh hoàng nếu Ngài Asriel theo đuổi nghiên cứu này. Không kể đến những việc khác, đứa trẻ sẽ bị lôi kéo vào, và tôi muốn giữ an toàn cho nó càng lâu càng tốt.”

“Liệu công việc của Ngài Asriel có gì liên quan đến luật lệ trong Kỷ luật của tòa tôn giáo không? Cái người ta gọi là Ủy ban tôn giáo ấy?”

“Ngài Asriel... không, không. Hoàn toàn ngược lại. Ủy ban tôn giáo cũng hoàn toàn không thể bác lại được Tòa án tôn giáo. Đó là một luật lệ mang tính áp đặt cá nhân, nó được điều hành bởi người nào đó không thích ngài Asriel. Ở giữa hai bọn họ, tôi thấy run rẩy, Charles ạ.”

Đến lượt ông Quản lý thư viện im lặng. Kể từ khi giáo trưởng John Calvin chuyển sang ghế giáo hoàng ở Geneva và thiết lập Kỷ luật của Tòa án tôn giáo, quyền lực của Giáo hội trở nên tuyệt đối trong tất cả các mặt của cuộc sống. Bản thân chức giáo hoàng đã bị bãi bỏ sau khi Calvin qua đời, và tam giác được thiết lập bởi tòa án, học viện và hội đồng, thường được gọi là Hội tam điểm và lớn dần lên. Những tổ chức này không phải lúc nào cũng thống nhất, đôi khi sự kình địch nổi lên giữa chúng. Phần lớn thế kỷ trước, tổ chức quyền lực nhất là Học viện của các Giám mục, nhưng trong những năm gần đây, Kỷ luật của Tòa án tôn giáo đã thế chỗ và là tổ chức có ảnh hưởng và đáng sợ nhất trong số các tổ chức Giáo hội.

Nhưng luôn có hội cho những tổ chức độc lập lớn mạnh dưới sự của một thành phần khác trong Hội tam điểm; Ủy ban tôn giáo, tổ chức ông Quản lý thư viện nói đến, là một trong số đó. Ông Quản lý thư viện không biết nhiều về tổ chức này, nhưng ông không thích sự sợ hãi mình vừa nghe thấy, và ông hoàn toàn hiểu sự lo lắng của ông Hiệu trưởng.

“Giáo sư Palmerian có nhắc đến một cái tên, ông nói sau khoảng một phút. “Barnard - Stokes phải không? Chức năng của Barnard - Stokes là gì vậy?””

“À, đó không thuộc lĩnh vực của chúng ta, Charles ạ. Theo tôi hiểu, Giáo hội linh thiêng dạy rằng tồn tại hai thế giới: thế giới của tất cả những thứ chúng ta có thể nhìn, nghe, sờ mó, và một thế giới khác, thế giới tinh thần của thiên đường và địa ngục. Barnard và Stokes là hai... - tôi phải nói thế nào nhỉ - nhà thần học phản bội đã mặc nhiên thừa nhận sự tồn tại của rất nhiều thế giới khác như thế giới này, không phải thiên đường hay địa ngục mà là thế giới vật chất và đầy tội lỗi. Những thế giới đó ở đây, rất gần, nhưng không nhìn thấy và không đến gần được. Giáo hội thiêng liêng tất nhiên không đồng ý với ý tưởng dị giáo xấu xa này rồi, và Barnard cùng Stokes đã bị buộc phải im lặng.”

“Nhưng không may cho hội Tam điểm, dường như có những tranh cãi về toán học khá thuyết phục cho lý thuyết về thế giới này. Bản thân tôi chưa bao giờ ủng hộ cả, nhưng Học giả Cassinton nói với tôi chúng rất thuyết phục”

“Bây giờ Ngài Asriel đã chụp một bức ảnh về một trong những thế giới đó.” ông Quản lý thư viện nói. “Và chúng ta đã cấp tiền cho ông ấy đi đến thế giới đó. Tôi biết vậy.”

“Đúng vậy, có vẻ với Ủy ban tôn giáo, và những người bảo hộ quyền lực của nó nữa, Học viện Jordan là một lò ủng hộ dị giáo. Giữa Ủy ban tôn giáo và kỷ luật của Tòa án tôn giáo, tôi cần phải cân bằng, Charles ạ. Trong lúc đó, đứa trẻ vẫn tiếp tục lớn lên. Họ vẫn chưa quên con bé. Sớm muộn rồi nó cũng sẽ quan tâm đến điều đó, nó sẽ bị kéo vào dù tôi có muốn bảo vệ nó hay không.”

“Nhưng làm sao ông biết điều đó, vì Chúa? Lại chiếc Chân-kế cho biết phải không?”

“Đúng vậy. Lyra có một phần trong tất cả những chuyện này, và là phần chủ yếu. Điều mĩa mai là ở chỗ nó phải làm tất cả mọi chuyện mà không nhận ra mình đang làm gì. Nó có thể được giúp đỡ, tuy nhiên, nếu kế hoạch rượu Tokey của tôi thành công, nó đã có thể an toàn thêm chút nữa. Tôi muốn tránh cho nó một cuộc hành trình lên phương Bắc. Tôi ước gì có thể giải thích cho nó về tất cả những chuyện vừa rồi...”

“Nó sẽ chẳng nghe đâu.” Ông Quản lý thư viện nói. “Tôi biết quá rõ tính tình con bé. Cứ thử nói với nó điều gì quan trọng, nó sẽ nghe tai nọ qua tai kia trong năm phút rồi bắt đầu nhấp nhồm không yên. Nếu kiểm tra nó vào lần sau thì đảm bảo nó đã quên sạch rồi. “

“Nếu tôi nói với nó về Bụi thì sao? Ông có nghĩ nó sẽ chăm chú lắng nghe không?”

Ông Quản lý thư viện làm một tiếng động tỏ ý không tin.

“Sao nó lại phải thế chứ?” ông nói. “Tại sao một điều bí ẩn mang tính lý thuyết ở một nơi xa lắc lơ lại thu hút một đứa trẻ khỏe mạnh vô tư chứ?”

“Vì đó là điều nó sẽ phải trải qua. Một phần trong đó có cả một cuộc phản bội nặng nề.”

“Ai sẽ phản bội con bé?”

“Không, không, đó là điều đáng buồn nhất: nó sẽ là kẻ phản bội, và đó là một việc thật tồi tệ. Nó không được biết điều đó, tất nhiên, nhưng không có lý do gì nó lại không biết về Bụi. Có thể ông đã sai, Charles ạ, có thể nó sẽ thích thú lắng nghe chuyện này, nếu chúng ta giải thích cho nó một cách đơn giản. Và như thế có thể giúp ích cho nó sau này. Nhờ vậy sẽ giúp tôi bớt lo lắng hơn về con bé.”

“Trách nhiệm của người già,” ông Quản lý thư viện nói, “là lo lắng cho con trẻ. Và trách nhiệm của con trẻ là coi thường sự lo lắng của người già.”

Họ ngồi thêm một lúc nữa rồi chia tay, vì đã muộn, vì họ đều đã già và đều đang lo lắng.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 3 Phần 1

Học viện Jordan là Học viện uy nghi và giàu có nhất trong số các Học viện thuộc đại học Oxford. Có lẽ nó cũng là Học viện rộng lớn nhất, dù không ai chắc chắn cả. Những tòa nhà được xây dựng xung quanh ba chiếc sân ra đời suốt dọc thời gian từ thời Trung cổ cho đến giữa thế kỷ mười tám. Nó được thiết kế hoàn chỉnh mà xây dựng từng phần, những nét hiện đại và quá khứ đối nhau chan chát ở khắp mọi nơi, kết quả cuối cùng là một sự vĩ đại lộn xộn và ngổn ngang. Một số phần của toàn bộ tòa nhà luôn trong tình trạng sắp rơi xuống đến nơi, năm thế hệ trong gia đình nhà Parslow đã được Học viện Jordan thuê làm thợ nề và các việc thủ công. Ông Parslow hiện đang dạy con trai nghề mộc, hai người bọn họ cùng ba người làm khác có thể bỏ ra làm việc như những con mối chăm chỉ trên những đồng gỗ chất ở góc thư viện, hay trên mái Phòng nguyện, kéo những viên gạch mới tươi màu hay lăn những xà nhà gỗ nhẵn bóng.

Học viện sở hữu nhiều nông trại và bất động sản khắp vùng Britain. Người ta nói có thể đi bộ từ Oxford đến Bristol theo một hướng và đến London theo một hướng khác, nhưng không bao giờ ra khỏi đất của Jordan. Trong mỗi phần đất của vương quốc, có những xưởng nhuộm, lò nung gạch, các khu rừng phải trả tiền thuê đất cho Jordan. Vào mỗi ngày đầu quý, người thủ quỹ và kế toán sẽ cộng hết số tiền lại và thông báo số tiền cho Hội đồng Học viện rồi gọi hai con thiên nga cho bữa đại tiệc. Một phần tiền được dùng để tái đầu tư - Hội đồng Học viện vừa phê chuẩn việc mua một tòa nhà văn phòng ở Manchester; phần còn lại dùng để trả số lương ít ỏi cho các Học giả và tiền công cho người giúp việc (người nhà Parslow hay hàng tá các gia đình thợ thủ công và người buôn bán phục vụ Học viện), để giữ cho hầm rượu đầy, để mua sách cho Thư viện bao la, và một

phần không ít dùng để mua những dụng cụ hiện đại nhất trang bị cho Nhà nguyện.

Việc giữ cho Nhà nguyện luôn thức thờ rất quan trọng, vì Học viện Jordan không có đối thủ cạnh tranh, cả ở Châu Âu lẫn tận Pháp quốc, trong việc là một trung tâm thần học thực nghiệm. Ít nhất Lyra biết điều này. Cô tự hào về sự lỗi lạc của học viện của mình và thích khoe khoang về nó với rất nhiều đứa trẻ lang thang đầu đường xó chợ mà cô chơi cùng ở gần kênh. Cô coi thường việc gặp các Học giả hay Giáo sư lỗi lạc từ các nơi khác đến, vì họ không thuộc về Học viện Jordan và như thế chắc hẳn phải hiểu biết ít hơn dù là so với những học giả trẻ tuổi nhất tại Jordan.

Còn về thần học thực nghiệm là gì, Lyra chẳng biết gì nhiều hơn những đứa trẻ lang thang kia. Cô có ý niệm rằng nó liên hệ với phép thần, với sự chuyển dịch của các ngôi sao và hành tinh, với những vật thể bé nhỏ, nhưng đó thực sự chỉ là việc phán đoán. Có thể các ngôi sao cũng có nhân tính, giống như con người, và thần học thực nghiệm quan tâm đến việc nói về chúng. Lyra tưởng tượng ra cảnh Cha tuyên úy nói một tự hào, lắng nghe lời nhận xét của con nhân tinh của một ngôi sao nào đó, rồi gật đầu thận trọng hay lắc đầu tiếc nuối. Nhưng những gì có thể xảy ra giữa họ thì cô không thể hiểu nổi.

Và cô cũng không thực sự quan tâm. Về nhiều mặt, Lyra là một cô bé vẫn còn những nét hoang dã. Điều cô thích nhất là được trèo lên mái Học viện cùng Roger, cậu bé làm trong nhà bếp, người bạn đặc biệt của cô để cùng ném đá vào đầu những vị Học giả, huýt sao giả tiếng cú kêu ngoài cửa sổ khi các buổi dạy kèm đang diễn ra hay chạy thi trên những con đường hẹp, ăn trộm táo ngoài chợ, hay khiêu khích các cuộc đánh nhau. Chỉ vì cô không biết gì về những dòng chính trị bị che giấu dưới bề mặt của các vụ việc trong Học viện, vì thế, về phần mình, các Học giả có thể không nhìn thấy được những nỗi lo âu ghê gớm của các đồng minh hay kẻ thù, hay sự thù hận và thỏa thuận trong cuộc sống của một đứa trẻ tại Oxford. Bọn trẻ

chơi đùa cùng nhau: nhìn cảnh đó thật vui! Còn gì ngây thơ và đáng yêu hơn nữa?

Thực ra, tất nhiên, Lyra và các bạn của mình bị lôi kéo vào một cuộc chiến tranh chết người. Trước hết, trẻ con trong Học viện (những người giúp việc nhỏ tuổi, con của những người giúp việc, và Lyra) gây chiến với trẻ con của những Học viện khác. Nhưng sự thù địch này bị gạt sang một bên khi trẻ con thành thị khiêu khích người của Học viện, vậy là tất cả những người trong các Học viện kết lại với nhau để bước vào cuộc chiến với người thành thị. Sự kình địch này đã kéo dài hàng trăm năm, rất sâu sắc và làm thỏa mãn các bên.

Nhưng ngay cả nó cũng bị lãng quên khi kẻ thù khác đến đe dọa. Một kẻ thù quanh năm: lũ trẻ con lò gạch sống gần Mỏ đất sét bị các Học giả và những người thành phố coi thường. Năm ngoái, Lyra và vài người thành phố đã có một thỏa hiệp ngừng bắn để quay sang tấn công Mỏ đất sét, trút xuống đầu lũ trẻ lò gạch hàng đống những cục đất nung và giẫm nát những lâu đài còn ẩm chúng vừa xây, trước khi lăn chúng qua lại trong thứ chất dính nhớt nháp cho đến khi cả người thắng trận lẫn kẻ bại trận đều hòa vào nhau thành một bầy, kêu thét dữ dội.

Những kẻ thù bình thường khác thì xuất hiện theo mùa vụ. Những gia đình người Gypsy sống trên thuyền, đến và đi vào các hội chợ mùa xuân và mùa hạ luôn là những người thích đánh nhau. Đặc biệt có gia đình một người Gypsy thường hạ neo ở Jericho thuộc thành phố này, những người cô đã có xô sát ngay từ khi biết ném viên đá đầu tiên.

Lần cuối cùng họ ở Oxford, cô, Roger cùng mấy cậu bé làm bếp khác của Học viện Jordan và Học viện Thánh Michael đã có một buổi phục kích, ném đá vào chiếc thuyền nhỏ quét sơn màu sáng của họ cho đến khi cả gia đình phải ra và đuổi chúng đi. Kể từ thời điểm đó, đội phục kích dưới sự chỉ huy của Lyra đã tấn công con thuyền và đuổi nó khỏi bờ. Con thuyền phải chạy xuôi xuống theo dòng cùng các con thuyền khác. Trong khi đội

tấn công của Lyra tìm kiếm con thuyền khắp từng góc ngách. Chúng chờ đợi một cuộc tấn công ném đá. Lyra tin chắc sẽ chiến thắng trong cuộc công này. Nếu con thuyền xuất hiện, Lyra cam đoan với đội quân của mình rằng nó sẽ bị đắm ngay. Nhưng bọn trẻ không tìm thấy bóng dáng nó đâu cả.

Đó là thế giới và niềm vui của Lyra. Cô là một cô bé còn hoang dã và gai góc. Nhưng cô luôn có một cảm giác mơ hồ rằng đó không phải là toàn bộ thế giới của mình, một phần trong con người cô còn thuộc về sự lớn lao và nghi của Học viện Jordan, và rằng ở đâu đó trong cuộc sống của mình, có một sự liên hệ với thế giới chính trị quan trọng của Ngài Asriel. Tất cả những gì cô làm với những hiểu biết đó là ra về ta đây và áp đặt nó lên những đứa trẻ lang thang khác. Cô chẳng bao giờ muốn tìm hiểu thêm điều gì khác.

Vì thế cô đã trải qua thời thơ ấu của mình như một chú mèo nửa hoang dã. Chuyện chỉ khác đi vào những dịp hiếm hoi Ngài Asriel đến thăm Học viện. Một người chú giàu có và quyền lực thật đáng để tự hào, nhưng cái giá của sự tự hào đó là khi cô đang tìm cách lẩn đi chơi thì bị một Học giả nào đó nhanh nhẹn nhất bắt lại và đưa đến chỗ bà quản gia để tắm rửa và mặc áo choàng sạch sẽ, tiếp đó là bị hộ tống đến Phòng chung của các Học giả để uống trà cùng ngài Asriel. Một nhóm các Học giả lớn tuổi cũng có thể được mời đến. Lyra sẽ ngồi lệt thốt với vẻ sốt ruột trong chiếc ghế bành cho đến khi ông Hiệu trưởng nghiêm khắc ra lệnh cho cô phải ngồi thẳng lên, và cô sẽ nhìn chăm chăm vào họ cho đến khi Cha tuyên úy bật cười. Chuyện xảy ra trong các cuộc viếng thăm kỳ quặc và hình thức đó thường chẳng bao giờ thay đổi. Sau bữa trà, ông Hiệu trưởng và vài Học giả khác được mời rút lui để Lyra và chú mình được ngồi với nhau. Ông gọi cô đến ngồi trước mặt mình và nói cho ông biết cô đã học được gì kể từ lần ông đến thăm gần đây nhất. Cô sẽ lúng búng nói về bất cứ thứ gì cô moi móc ra được trong trí nhớ về môn hình học hay số học, lịch sử hay địa lý.

Còn ông thì ngồi ngả ra sau, vắt chân lên đầu gối, nhìn cô một cách khó hiểu cho đến khi cô không còn gì để nói nữa.

Năm ngoái, trước chuyến thám hiểm phương Bắc, ông đến và hỏi cô. “Thế cháu đã sử dụng thời gian vào việc gì khi không chịu chăm chỉ học hành?”

Cô lẩm bẩm. “Cháu chỉ chơi thôi. Xung quanh Học viện. Chỉ... chơi thôi, thực sự là như vậy đấy ạ.”

Ông nói: “Đưa tay cho ta xem, cô bé.”

Cô giơ tay lên cho ông khám xét. Ông cầm lấy tay cô, lật úp xuống để xem móng tay. Bên cạnh ông, con nhân tinh nằm dài như con nhân sư trên tấm thảm, thỉnh thoảng lại quất đuôi và nhìn Lyra không chớp mắt.

“Bẩn quá.” Ngài Asriel nói và đẩy tay Lyra ra. “Ở đây họ không bắt cháu tắm rửa sao?”

“Có chứ ạ,” Lyra trả lời, “nhưng móng tay Cha tuyên úy cũng luôn bẩn đấy thôi. Thậm chí còn bẩn hơn cả móng tay cháu.”

“Ông ấy là người có học thức. Lý do bào chữa của cháu mới hay ho làm sao.”

“Cháu làm móng tay bẩn sau khi tắm.”

“Cháu chơi ở đâu mà bẩn như vậy?”

Cô nhìn ông vẻ ngờ vực. Cô có cảm giác việc trèo lên mái nhà là bị cấm, dù không ai nói hẳn ra như vậy. “Ở một vài căn phòng cũ,” cuối cùng cô trả lời.

“Và ở đâu nữa?”

“Bến Jericho và cảng Meadow.”

“Không còn nơi nào nữa sao?”

“Không ạ.”

“Cháu nói dối. Hôm qua ta nhìn thấy cháu trên mái nhà.”

Cô cắn môi và không nói gì. Ông đang nhìn cô một cách nhạo báng.

“Như thế có nghĩa là cháu còn chơi cả trên mái nhà nữa,” ông tiếp tục.
“Cháu đã vào Thư viện bao giờ chưa?”

“Chưa ạ. Nhưng cháu tìm được một con quạ trên mái nhà.” Cô tiếp tục.

“Vậy sao? Cháu có bắt nó không?”

“Một chân nó bị đau. Cháu định giết và quay nó lên ăn thịt nhưng Roger nói bọn cháu nên chữa cho nó khỏe lên. Vì thế bọn cháu cho nó ít vụn thức ăn và uống rượu, rồi nó lành bệnh và bay đi.”

“Roger là ai thế?”

“Bạn cháu. Cậu ấy làm việc trong phòng bếp.”

“Ta hiểu rồi. Vậy là cháu đã trèo lên khắp các mái nhà...”

“Không phải là khắp đâu ạ. Chú không thể lên được mái tòa nhà Sheldon vì phải nhảy từ tháp Pilgrim qua một khoảng trống. Có một cửa sổ áp mái mở ra ở đó, nhưng cháu không đủ cao để với tới.”

“Cháu đã leo lên khắp các mái nhà ngoại trừ tòa nhà Sheldon vì cháu không đủ cao. Thế còn tầng ngầm dưới đất thì sao?”

“Tầng ngầm dưới đất ạ?”

“Một phần rộng như thế này nữa của Học viện nằm dưới mặt đất. Ta ngạc nhiên là cháu chưa khám phá ra điều này. Thôi, ta sắp phải vào rồi. Trông cháu cũng đủ khỏe mạnh đấy. Đây.”

Ông lục túi và bốc ra một nắm tiền xu, lấy trong đó ra năm đô la vàng.

“Họ đã dạy cháu nói cảm ơn chưa vậy?” ông hỏi.

“Cảm ơn chú.” Cô lúng búng.

“Cháu có nghe lời ông Hiệu trưởng không?”

“À, có ạ.”

“Và kính trọng các Học giả?”

“Có ạ.”

Con nhân tình của Ngài Asriel khẽ cười. Đó là âm thanh đầu tiên nó phát ra, và Lyra đỏ mặt.

“Thôi đi chơi đi,” Ngài Asriel nói

Lyra quay đi và thở phào lần ra cửa, sau đó cô bỗng nhớ ra và quay lại nói. “Tạm biệt.”

Cuộc sống của Lyra là như vậy, trước cái ngày cô quyết định trốn trong Phòng nghỉ, và lần đầu tiên nghe về Bụi.

Tất nhiên ông Quản lý thư viện đã sai lầm khi nói với ông Hiệu trưởng rằng cô sẽ không quan tâm. Giờ thì cô có thể lắng nghe với thái độ háo hức bất cứ người nào nói cho cô nghe về Bụi. Cô sẽ phải nghe thêm rất nhiều về nó trong những tháng tới, và cuối cùng cô là người hiểu về Bụi hơn bất cứ ai trên thế giới này. Nhưng hiện tại, cuộc sống phong phú tại Jordan vẫn đang bao bọc và cuốn hút cô.

Trong bất kỳ trường hợp nào, vẫn có điều gì đó khác để suy nghĩ. Mấy tuần gần đây, khắp các đường phố nổi lên một lời đồn đại. Lời đồn này khiến một số người bật cười, một số người im lặng, như thể một số người phỉ báng ma quỷ, những người khác lại sợ chúng. Không biết vì nguyên nhân gì, trẻ con bắt đầu biến mất.

Chuyện xảy ra như thế này.

Phía Đông dọc theo đường cao tốc lớn của sông Isis đầy những chiếc thuyền chở gạch, thuyền chở đầy nhựa đường và thuyền chở ngũ cốc đang trên đường đi qua Henley và Maidenhead xuống Teddington, nơi thủy triều từ biển German tràn tới, và đậu bến ở Mortlake. Những chiếc thuyền đi tới, và đậu bến ở Mortlake. Những chiếc thuyền đi qua ngôi nhà của pháp sư nổi tiếng Dee, qua Falkeshall, nơi những dòng suối băng rôn vào buổi sáng, những ngọn đèn treo trên cây và pháo hoa vào ban đêm. Thuyền đi qua Cung điện Nhà Trắng - nơi đức vua chủ trì Hội đồng nhà nước mỗi tuần; qua tháp Shot rồi xuống tiếp phía dưới, nơi dòng sông, rộng lớn và nhiều rác bẩn, trải rộng chỗ uốn lượn của mình về phía Nam.

Đây là Limehouse, nơi trẻ con biến mất.

Cậu bé có tên Tony Makarios. Mẹ cậu nghĩ rằng cậu đã lên chín tuổi nhưng trí nhớ của chị tồi đến mức đã bị rượu hủy hoại, có thể cậu mới tám tuổi, hoặc đã mười tuổi rồi. Tên đệm của cậu là Greek, nhưng cũng giống như số tuổi, đây chỉ là suy đoán của người mẹ, vì trông cậu giống người Trung Quốc hơn là người Hi Lạp. Cậu còn thừa hưởng dòng máu Ai-len, Skraeling và Lascar từ bên họ ngoại. Tony không thông minh lắm, nhưng cậu có sự dịu dàng vụng về khiến đôi khi cậu đến ôm mẹ thật lâu và đặt một nụ hôn ấm áp vào má mẹ. Người phụ nữ khốn khổ thường quá say để làm như vậy lại với con, nhưng chị cũng đáp lại đủ nồng nhiệt, khi nhận ra điều gì đang xảy ra.

Lúc đó đang lang thang tại khu chợ trên đường Pie. Nó đang đói. Đó là vào lúc sáng sớm, và nó sẽ không được ăn nếu về nhà. Trong túi nó có một si-linh mà một người lính cho nó vì nó đưa thư của anh đến người bạn anh yêu nhất, nhưng Tony sẽ không tiêu nó vào đồ ăn.

Vì thế cậu bé lang thang khắp chợ, giữa những quầy bán quần áo cũ và xô sỏ, những lái buôn hoa quả và người bán cá rán; chú nhân tình bé nhỏ, một con vẹt, nhìn ngó xung quanh; khi người bán hàng và nhân tình của họ cùng nhìn đi chỗ khác, một tiếng hét vang lên, tay Tony vươn ra và rút về chiếc áo sơ mi rộng lưng thụng của chú, mang theo một quả táo hay mấy củ lạc, và cuối cùng là một chiếc bánh pa-tê nóng hổi.

Người bán hàng này nhìn thấy, và la lên. Con nhân tình trong hình dáng con mèo nhảy vọt ra, nhưng con vẹt của Tony ở trên cao và bản thân Tony đã chạy được nửa đường xuống phố. Những lời chửi rủa đuổi theo cậu bé, nhưng chỉ được một đoạn ngắn. Cậu thôi không chạy nữa mà dừng chân tại nhà thờ Thánh Catherine, ngồi xuống và lôi chiếc lợi phẩm là chiếc bánh méo mó đang bốc khói, để lại một vệt nước sốt trên áo cậu.

Và có một ánh mắt đang dõi theo cậu. Một quý bà trong chiếc áo choàng lông cáo màu đỏ và vàng, một quý bà xinh đẹp với mái tóc bóng mượt buông dài thanh lịch với chiếc mũ viền lông đang đứng trước cửa nhà thờ, độ vài bước phía trên cậu. Có lẽ buổi lễ nhà thờ đã kết thúc, vì ánh sáng chiếu từ cánh cửa phía sau bà, tiếng dương cầm vang lên bên trong, người phụ nữ cầm trên tay một cuốn kinh thánh bìa dát vàng.

Tony không biết gì cả. Mặt cậu cúi ngấp trong chiếc bánh, những ngón chân quặp lại, cậu cắn và nhai trong khi con nhân tình biến thành một con chuột đang chải chuốt bộ ria của nó.

Con nhân tình của người phụ nữ trẻ chui ra từ chiếc áo choàng lông cáo. Nó là một con khỉ, nhưng không phải khỉ bình thường: lông nó dài, có ánh

bạc và vàng lấp lánh. Với những bước bong vèo, nó bước từng bước về phía cậu bé, ngồi phía trên cậu một bước.

Con chuột như cảm thấy được điều gì, và lại trở về hình dáng một con vệt. Nó ngھn cổ một chút và nhảy lò cò từng một hai bước dọc bờ đá.

Con khi nhìn chú vệt, chú vệt nhìn con khi.

Con khi chậm chạp tiến đến. Bàn tay bé nhỏ của nó màu đen, móng vuốt bằng sừng, chuyển động của nó nhẹ nhàng và mời mọc. Con vệt không thể cưỡng lại. Nó nhảy lò cò xa hơn, xa hơn, và sau đó, với một bước ngắn, nó nhảy lên tay con khi.

Con khi nâng nó lên, nhìn chăm chú trước khi đứng và đu đưa qua lại cùng con nhân tinh vệt. Quý bà cúi mái đầu sức nước hoa thì thầm gì đó.

Tony quay lại. Cậu không thể dừng được.

“Ratter,” cậu nói, một nửa là để nhắc nhở, với cái mồm đầy bánh.

Chú vệt kêu lú lo. Chắc chắn là an toàn. Tony nuốt chỗ bánh trong mồm và nhìn ra.

“Xin chào,” quý bà xinh đẹp nói. “Cháu tên là gì?”

“Tony.”

“Cháu sống ở đâu vậy Tony.”

“Clarice Walk.”

“Bánh kẹp nhân là gì vậy?”

“Thịt bò.”

“Cháu có thích nước chocolate không?”

“Có!”

“Thật ra, cô có nhiều nước chocolate lắm mà lại không uống hết được. Cháu có muốn đến uống giúp cô không?”

Giờ thì cậu bé đã mất tích. Cậu mất tích từ lúc con nhân tinh gốc nghềch của mình nhảy vào tay con khỉ. Cậu đi theo người phụ nữ xinh đẹp và con khỉ vàng xuống đường Denmark, đi dọc bến tàu Hangman, xuống các bậc thang King George đến một cánh cửa xanh lá cây bên sườn một ngôi nhà kính cao. Quý bà gõ cửa và cánh cửa mở ra. Họ đi vào, cánh cửa lại đóng lại. Tony không bao giờ đi ra nữa, hay ít nhất là bằng cửa ra vào, và cậu cũng không bao giờ gặp lại mẹ. Người phụ nữ nghiện rượu đáng thương sẽ nghĩ cậu bỏ đi, khi nhớ đến nó, chị sẽ nghĩ đó là lỗi của mình, và trái tim người mẹ lại thổn thức trong đêm.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 3 Phần 2

Tony Makarios bé nhỏ không phải là cậu bé duy nhất bị quý bà có con khi vàng bắt cóc. Cậu còn thấy hàng chục đứa bé khác trong hầm nhà, cả trai lẫn gái, không có đứa nào vượt quá mười hai tuổi, và dù tất cả đều có những câu chuyện như nhau, không đứa nào biết chắc về tuổi của mình. Điều Tony không để ý, tất nhiên là yếu tố tất cả chúng đều có điểm chung với nhau: không có đứa trẻ nào trong chiếc hầm ẩm áp và ướt át đó đã đến tuổi dậy thì.

Quý bà tốt bụng nhìn cậu ngồi trên chiếc ghế dài dựa vào tường và được một bà giúp việc đưa cho một cốc nước chocolate từ chiếc xoong đặt trên bếp lò sắt. Tony ăn nốt chiếc bánh kẹp và uống chất nước ngọt ngào mà không quan tâm gì nhiều đến xung quanh, những người xung quanh cũng không mấy quan tâm đến cậu: cậu quá bé nhỏ để trở thành một mối đe dọa, và quá dừng dừng để biết mình trở thành một nạn nhân.

Một cậu bé khác đưa câu hỏi.

“Thưa bà. Bà đưa chúng cháu đến đây làm gì?”

Đó là một cậu bé có vẻ ngoài khá bướng bỉnh. Nước chocolate cậu vừa uống vẫn còn bám trên môi. Nhân tình của cậu là một chú chuột đen gầy. Quý bà đứng nói chuyện với người đàn ông mập mạp có phong cách của một thuyền trưởng viễn dương, và khi bà quay lại để trả lời, đôi mắt bà nhìn vào chiếc đèn dầu khuôn mặt thiên thần, tất cả bọn trẻ đều im lặng.

“Chúng tôi cần sự giúp đỡ của các cháu. Và các cháu không ngại giúp chúng tôi, phải vậy không?”

Không đứa trẻ nào có thể nói được một lời. Chúng đều nhìn bà chăm chăm, rồi bất giác ngượng ngịu. Chưa bao giờ chúng gặp một quý bà như thế này, bà quá dịu dàng, ngọt ngào và tốt bụng đến mức chúng cảm thấy mình không xứng đáng được hưởng sự may mắn được bà nhờ giúp đỡ. Dù bà có yêu cầu điều gì, chúng cũng thấy hạnh phúc vì được gần bà thêm một lúc nữa.

Bà ta nói với chúng rằng họ sắp có một chuyến đi. Chúng ta sẽ được ăn uống no nê và mặc quần áo đầy đủ, và ai muốn đều có thể gửi thư về nhà cho gia đình báo cho mọi người biết mình vẫn an toàn. Thuyền trưởng Magnusson sẽ đưa chúng lên thuyền sớm, và khi thủy triều lên, họ sẽ ra biển để đi về hướng Bắc.

Những đứa trẻ muốn gửi thư về nhà nhanh chóng ngồi quanh quý bà xinh đẹp khi bà viết mấy dòng theo ý chúng. Bà để chúng vạch một dấu X nguệch ngoạc ở cuối tờ giấy rồi gấp lại cho vào một phong bì ướp nước hoa, cuối cùng viết địa chỉ chúng đọc. Ty cũng muốn gửi thư về nhà cho mẹ, nhưng cậu có một suy nghĩ thực tế rằng mẹ cậu không biết chữ. Cậu bám lấy tay áo lông cáo của quý bà và thì thầm rằng nó muốn bà nói với mẹ cậu nơi cậu sẽ đến, thế thôi, quý bà cúi chiếc đầu thơm tho xuống đủ gần cậu bé hơi háms để nghe, và gật đầu hứa sẽ chuyển lời nhắn của cậu.

Rồi bọn trẻ tụ tập lại để tạm biệt. Con khỉ vàng vuốt ve tất cả các nhân tinh của lũ trẻ, và chúng đều vuốt ve chiếc áo lông cáo của bà để lấy may. Cũng có thể chúng đang vẽ ra chút sức mạnh hay hy vọng từ lòng tốt của quý bà, và bà ta đảm bảo mọi lợi ích của chúng, nhìn ngắm chúng được thuyền trưởng dững cảm chăm sóc trên chiếc tàu hơi nước tại cầu tà rời đã tối, ánh sáng lấp lánh trên sông. Quý bà đứng trên cầu tàu và vẫy cho đến khi không thể nhìn thấy mặt bọn trẻ nữa.

Rồi bà ta quay vào với con khỉ vàng nép bên ngực, ném xấp thư bé nhỏ vào đồng lửa trước khi quay trở lại đường cũ.

Bọn trẻ sống tại khu nhà ổ chuột rất dễ bị dụ dỗ và bắt cóc, nhưng cuối cùng mọi người cũng phát hiện ra, còn cảnh sát thì miễn cưỡng điều tra tìm kiếm. Rồi không còn ai quan tâm nữa. Nhưng những lời đồn đại bắt đầu lan tràn, qua từng người, từng người một, nó thay đổi và được thêm bớt. Một thời gian sau lũ trẻ con biến mất ở Norwich, sau đó là Sheffield, rồi Manchester. Những người dân đã nghe chuyện ở những nơi này thêm vào những vụ bắt cóc mới khiến câu chuyện hấp dẫn hơn

Và thế là huyền thoại về những nhóm người bỏ bùa mê bắt cóc trẻ con huyền bí xuất hiện. Một số người nói trưởng nhóm là một quý bà xinh đẹp, những người khác lại nói đó là một người đàn ông cao mắt đỏ, trong khi đó, câu chuyện thứ ba lại nói về một thanh niên cười và hát cho nạn nhân của mình nghe khiến chúng đi theo ngoan ngoãn như một con cừu.

Còn về việc họ dọn trẻ đi đâu, không có lời giải thích nào giống lời giải thích nào. Người thì nói chúng bị đưa xuống địa ngục, dưới mặt đất, đến chốn thần tiên. Người khác nói đến một nông trại nơi bọn trẻ bị giam cầm và vỗ béo để ăn thịt.

Người khác nói chúng bị bắt và bán làm nô lệ cho những người Tartar giàu có... Và còn nhiều cách nói khác nữa.

Nhưng một điều mọi người đều đồng ý là về chuyện tên của những kẻ bắt cóc giấu mặt kia, chúng phải có một cái tên, hoặc không bị đánh đồng chung chung, và nói về chúng - đặc biệt là khi bạn đang an toàn và yên ở nhà, hay trong Học viện Jordan, thật là một chuyện thú vị. Cái tên được dành cho chúng, mà chẳng ai biết tại sao, là Gà trống tây.

“Đừng có về muộn, nếu không bọn Gà trống tây đấy.”

“Cháu trai tôi ở Northampton, nó biết một người phụ nữ có con bị bọn Gà trống tây bắt cóc...”

“Bọn Gà trống tây đã ở Stratford. Chúng nói chúng đang đi về phía Nam.”

Và, đây là kết quả không thể tránh:

“Hãy chơi trò trẻ con và bọn Gà trống tây đi!” Lyra nói với Roger, cậu bé làm bếp. Cậu có thể đi theo cô đến cùng trời cuối đất.

“Chơi trò đó thế nào?”

“Cậu trốn còn mình sẽ tìm và cắt cậu thành từng miếng, ngay lập tức, như bọn Gà trống tây vẫn làm.”

“Cậu không biết chúng làm gì. Có thể chúng không hề làm như vậy.”

“Cậu sợ chúng,” cô nói, “mình chắc chắn thế đấy.”

“Mình không sợ. Dù sao, mình cũng không tin chúng.”

“Mình cũng thế,” cô nói vẻ quả quyết, “mình chỉ làm những gì chú mình đã làm vào lần gần đây nhất ông ấy đến Học viện Jordan. Mình đã nhìn thấy. Ông ấy ở trong Phòng nghỉ, trong đó có những người khách không mấy lịch sự, chú mình chỉ nhìn người đó một cách nghiêm khắc và người đó ngã xuống chết ngay lập tức, miệng sùi đầy bọt mép.”

“Còn lâu mới có chuyện đó.” Roger nói với giọng nghi ngờ. “Không thấy ai nói gì về chuyện ấy trong bếp cả. Dù sao, cậu cũng không được phép vào Phòng nghỉ.”

“Tất nhiên là không. Họ không nói cho những người giúp việc những chuyện như vậy. Và mình đã từng ở trong Phòng nghỉ. Dù sao đi nữa, chú mình luôn luôn làm như vậy. Chú ấy đã làm như vậy với một vài người Tartar khi họ bắt chú ấy. Họ trói chú ấy lại và chuẩn bị mổ bụng chú ấy. Nhưng khi người đàn ông đầu tiên xông tới với con dao trên tay, chú mình

chỉ việc nhìn vào hắc ta, và hắc ta lăn ra chết. Bọn còn lại chạy đến và chú ấy cũng làm tương tự, cuối cùng chỉ còn lại một tên. Chú mình nói ông sẽ tha cho hắc sống nếu hắc cời trói cho chú ấy. Hắc đã làm theo, và chú mình vẫn giết hắc để dạy cho hắc một bài học.”

Roger không chắc chắn lắm về điều này cũng như về bọn Gà trống tây. Nhưng câu chuyện thú vị để có thể bỏ phí, vì thế chúng chuyển sang đóng vai Ngài Asriel và bọn Tartar, và dùng nước tắm cốt chanh để làm bọt mép.

Tuy nhiên, đó chỉ là một cách lấp liếm vì Lyra vẫn muốn chơi trò Gà trống tây. Cô dụ dỗ Roger xuống hầm rượu và chúng vào đó bằng bộ chìa khóa sơ cua của ông quản gia. Cùng nhau chúng nhón chân đi dưới những mái vòm, nơi rượu Tokey, Canary, Burgundy và Brantwin của Học viện được sắp xếp một cách rắc rối theo số năm tuổi. Những khung tò vò bằng đá cổ phía trên đầu chúng được đỡ bởi những cây cột to gấp mười lần độ lớn của một thân cây, các phiến đá lát các chai và thùng rượu. Thật là cuốn hút. Những tên Gà trống tây lại bị lãng quên, hai đứa trẻ nhón gót đi từ đầu này đến đầu kia, cầm một cây nến trên tay với những ngón tay run rẩy, nhìn ngó từng góc tối. Một câu hỏi nảy ra trong óc Lyra mỗi lúc một bức bối: Rượu có mùi vị thế nào?

Có một cách đơn giản để trả lời câu hỏi của Lyra. Lyra, bỏ qua sự phản đối kịch liệt của Roger, cầm lên một chai lâu năm nhất, hình dáng kỳ lạ nhất và có màu xanh lá cây đậm nhất có thể tìm thấy. Không có gì để mở nút chai, cô đập vỡ chỗ cổ chai. Chúng ngồi tụm với nhau trong góc xa nhất, uống từng ngụm chất lỏng sẫm rất bốc, tự hỏi bao giờ thì chúng sẽ say, và làm thế nào chúng có thể nói khi đã say. Lyra không thích mùi vị của rượu lắm, nhưng cô phải công nhận loại rượu này rất ngon và dễ uống. Buồn cười nhất là nhìn hai con nhân tinh của họ, có vẻ như đầu óc chúng ngày càng mù đi. Chúng ngã lăn ra và cười rúc rich như điên, biến thành những cái phểu và cổ trở nên xấu xí hơn.

Cuối cùng, gần như cùng lúc, bọn trẻ phát hiện ra say rượu là thế nào.

“Có phải say rượu là thế này không?” Roger thở hỗn hển, sau khi nôn thốc nôn tháo.

“Đúng vậy.” Lyra nói, cũng trong tình trạng tương tự. “Cả mình cũng say rồi.” cô nói thêm một cách bướng bỉnh.

Lyra chẳng học được gì từ việc đó ngoại trừ việc chơi trò Gà trống tây dẫn đến những nơi rất thú vị. Cô nhớ đến những lời chú mình nói trong lần nói chuyện gần đây nhất giữa họ, và bắt đầu khám phá tầng hầm, vì những gì trên mặt đất chỉ là một phần nhỏ của cả khu Học viện. Khoảng từ thời Trung cổ, Jordan (nhận thấy nó đang chen nhau một bên là Học viện Thánh Michael, một bên là Học viện Gabriel, còn phía sau là Thư viện của đại học) đã bắt đầu mở rộng khu tầng ngầm của mình. Những đườngm, đường ống thông, mái vòm, mái trần, cầu thang được đào sâu trong lòng đất phía dưới Jordan rộng hàng nghìn mét đến mức bên dưới cũng có nhiều không gian như bên trên. Học viện Jordan đang đứng trên một cái móng rỗng.

Và bây giờ Lyra thích thú được khám phá nó, cô từ bỏ sào huyệt cũ của mình, những chỗ trú ẩn trên mái trần Học viện và cùng Roger lao vào thế giới lạ lẫm này. Từ việc chơi trò Gà trống tây đưa trẻ chuyển sang săn chúng, vì còn gì giống hơn việc chúng đang lẩn dưới lòng đất?

Vì thế một ngày nọ cô và Roger tìm đường vào khu hầm mộ dưới Nhà nguyện. Đây là nơi các thế hệ Hiệu trưởng đã được chôn cất, mỗi người được đặt trong chiếc quan tài gỗ sồi nẹp chì xếp dọc những bức tường đá. Một viên đá phía dưới khắc tên họ:

SIMON LE CLERC

HIỆU TRƯỞNG 1765—1789

CEREBATON

YÊN NGHĨ

“Thế có nghĩa là gì vậy?” Roger hỏi.

“Phần đầu tiên là tên ông Hiệu trưởng, và cụm cuối cùng là chữ La Mã. Còn các năm ở giữa là thời gian ông ta làm Hiệu trưởng. Cái tên còn lại chắc là nhân tinh của ông ta. “

Chúng đi dọc mái vòm tĩnh lặng, nhìn những chữ trên các tấm đá khác.

FRNCIS LYALL

HIỆU TRƯỞNG 1748—1765

ZOHARIAL

YÊN NGHỈ

IGNATIUS COLE

HIỆU TRƯỞNG 1745—1765

MUSCA

YÊN NGHỈ

Trên mỗi chiếc quan tài, Lyra thích thú khi thấy một tấm bảng đồng gắn những hình ảnh khác nhau: một con giống túi, một con rắn, hay một con khi. Cô nhận ra đó là hình ảnh những con nhân tinh của người chết. Khi con người đến giai đoạn trưởng thành của họ sẽ mất đi sức mạnh biến hình và khoác lấy một bộ dạng cố định không thay đổi nữa.

“Trong mỗi chiếc quan tài này có một bộ xương người!” Roger thăm thì.

“Thân xác vẫn còn nguyên,” Lyra thì thăm lại, “và giò bọ đang ngo ngoậy trong mắt bọn họ đấy.”

“Chắc dưới này thế nào cũng có ma,” Roger nói rùng mình một cách thích thú.

Dưới hầm mộ đầu tiên chúng tìm thấy một lối đi hai bên có xếp các giá xây bằng đá. Mỗi giá chia thành từng ô vuông, trong mỗi ô vuông là một chiếc xương sọ.

Nhân tinh của Roger, đuôi nhét chặt giữa hai chân, run rẩy nép vào người Roger và khe tru lên.

“Suyt,” Roger nói.

Lyra không nhìn thấy Pantalaimon, nhưng cô biết nó đã biến thành bướm đêm đậu trên vai cô, có lẽ cũng đang run bần.

Cô tiến đến và nhẹ nhàng nhắc chiếc xương sọ gần nhất khỏi nơi đặt nó.

“Cậu đang làm gì vậy?” Roger hỏi. “Cậu không được phép động vào chúng!”

Cô lật đi lật lại nó, không quan tâm đến lời Roger. Có gì đó đột nhiên rơi khỏi cái lỗ dưới đáy xương sọ, lọt qua kẽ tay cô và rơi xuống sàn nhà khiến cô suýt đánh rơi chiếc sọ vì bất ngờ.

“Một đồng xu!” Roger nói, sờ vào nó. “Có lẽ là một kho báu đấy!”

Cậu mang đồng xu đến gần ngọn nến và cả hai đứa trẻ đều mở to mắt. Đó không phải là một đồng xu, mà là một tấm đồng nhỏ khắc hình một con mèo.

“Giống như hình trên chiếc quan tài,” Lyra nói. “Đây là nhân tinh của ông ta. Chắc chắn là vậy.”

“Tốt hơn là trả nó về chỗ cũ.” Roger nói một cách khó khăn, và Lyra lật ngược chiếc xương sọ, thả tấm đồng lại nơi an nghỉ từ xa xưa trước khi trả

chiếc sọ vào vị trí trên giá. Chúng phát hiện ra trong mỗi chiếc sọ đều có hình tấm đồng khắc hình con nhân tinh của người đó, thể hiện rằng người bạn đồng hành suốt đời của chủ nhân vẫn gần bên cả trong cái chết.

“Cậu nghĩ những người này là ai khi còn sống?” Lyra hỏi.

“Có lẽ là các Học giả, mình đoán vậy. Chỉ có các Hiệu trưởng mới có quan tài. Có thể qua hàng thế kỷ có quá nhiều Học giả đến mức không đủ chỗ để mai táng họ, vì thế người ta chỉ cắt đầu họ và giữ lại. Dù sao thì đó cũng là phần quan trọng nhất của họ.”

Chúng không tìm được một tên Gà trống tây nào, nhưng những hầm mộ dưới Nhà nguyện giữ Lyra và Roger bận bịu cả ngày. Một lần cô đã thử đùa với các Học giả đã chết, bằng cách thay đổi vị trí các tấm đồng trong chiếc sọ khiến con nhân tinh trong đó không còn đúng với người chủ nữa. Pantalaimon bị kích động bởi chuyện này đến mức nó biến thành một con dơi, bay lên bay xuống kêu lên những tiếng the thé điếc tai và đập cánh vào mặt Lyra, nhưng cô không quan tâm, đây là một trò đùa quá vui để có thể bỏ qua. Tuy nhiên, sau đó cô đã phải trả giá cho chuyện này. Trên chiếc giường trong căn phòng nhỏ tại đỉnh của Cầu thang Mười hai, cô được mấy bóng ma viếng thăm đứng bên cạnh giường. Họ giơ những ngón tay xương xẩu về phía cô rồi giật chiếc mũ trùm đầu của mình ra để lộ vết đang rỉ máu nơi đáng lẽ phải có chiếc đầu. Chỉ khi Pantalaimon biến thành con sư tử và gầm lên, họ mới chịu rút lui qua các bức tường cho đến khi tất cả những gì còn nhìn thấy được là cánh tay, rồi những bàn tay vàng vọt xanh xao, rồi đến những ngón tay cào xé, và không còn gì nữa. Điều đầu tiên cô làm vào sáng hôm sau là hối hả lao xuống hầm mộ vừa đặt những tấm đồng về đúng chủ vừa thì thầm “Xin lỗi! Xin lỗi!” với những chiếc xương sọ.

Khu hầm mộ rộng lớn hơn hầm rượu rất nhiều nhưng nó cũng có giới hạn. Khi Lyra và Roger đã khám phá hết tất cả các góc và chắc chắn không có tên Gà trống tây nào để tìm kiếm ở đây, chúng chuyển sự quan tâm sang

hướng khác - nhưng chưa kịp làm thì chúng bị Cha cố gọi trở lại Nhà nguyện.

Cha cố người đàn ông cao tuổi béo mập thường được gọi là Cha Heyst. Công việc của cha là chủ trì mọi vấn đề tế lễ của Học viện, thuyết giáo, cầu nguyện và nghe xưng tội. Khi Lyra còn nhỏ, Cha đã quan tâm đến phần hồn của cô. Cô đáp lại bằng cách giấu cọt với thái độ lãnh đạm láu cá và sự ăn năn giả bộ của mình. Cô không hứa hẹn là một con chiên ngoan đạo, ông đã nhận ra là như vậy.

Khi nghe tiếng ông gọi, Lyra và Roger miễn cưỡng quay ra, kéo lê chân, bước vào Nhà nguyện rộng lớn tù mù toàn mùi nấm mốc. Ánh nến lung linh khắp mọi phía trước các bức tượng thánh, tiếng lách cách xa xa vọng lại từ phòng để đàn ống, một người Gypsy đang đánh bóng bọc giáng kinh bằng đồng thau. Cha Heyst đang vẩy từ cửa vào phòng họp dành cho những người đóng góp cho nhà xứ.

“Các con ở đâu vậy?” Ông nói với chúng. “Ta chỉ thấy con đến đây được hai hay ba lần. Các con phải làm gì nào?”

Giọng điệu ông ta không có vẻ kết tội. Có vẻ ông muốn thể hiện mình chỉ có ý quan tâm. Con nhân tinh của ông đang đập chiếc đuôi thằn lằn trên vai ông.

Lyra trả lời. “Chúng con muốn xem hầm mộ một chút.”

“Để làm gì mới được chứ

“Để xem... quan tài. Chúng con muốn xem tất cả các quan tài.” Cô trả lời.

“Nhưng tại sao nào?”

Cô nhún vai. Đây là phản ứng quen thuộc của cô mỗi khi bị hỏi dồn.

“Còn con,” ông tiếp tục, quay sang Roger, nhân tình của Roger đang lo lắng vẩy chiếc đuôi chó sục của mình để làm ông nguôi ngoai, “tên con là gì?”

“Roger, thưa Cha.”

“Nếu con là một người giúp việc, thì con làm việc ở đâu?”

“Trong bếp, thưa Cha.”

“Vậy con có phải có mặt ở đó vào lúc này không?”

“Có, thưa Cha.”

“Vậy thì cho con đi.”

Roger quay người chạy đi. Lyra đi đi chân trên nền nhà.

“Còn với con, Lyra,” Cha Heyst nói, “ta thấy hài lòng khi thấy con quan tâm đến những gì nằm trong Nhà nguyện. Con là một đứa trẻ may mắn, khi được sống trong tất cả những thứ lịch sử như thế này.”

“Vâng,” Lyra nói.

“Nhưng ta thấy thắc mắc về cách chọn bạn của con. Con có phải một đứa trẻ cô độc không?”

“Không.” Cô nói.

“Con có... con có thèm muốn cuộc sống của những đứa trẻ khác không?”

“Không.”

“Ta không nói đến cậu bé Roger làm bếp. Ta muốn nói đến những đứa trẻ giống như con. Đứa trẻ xuất thân cao quý. Con có muốn có vài người bạn

như thế?”

“Không.”

“Những... những cô bé gái khác, có thể...”

“Không.”

“Con biết đấy, không ai trong chúng ta muốn mất đi tất cả những niềm vui và trò tiêu khiển bình thường của tuổi thơ. Đôi lúc ta nghĩ cuộc sống sẽ cô đơn lắm với con ở đây giữa những Học giả lớn tuổi, Lyra ạ. Con có thấy vậy không?”

“Không.”

Ông chụm hai ngón cái vào nhau trên hai bàn tay đang đan các ngón, không nghĩ ra thêm bất cứ điều gì để nói với đứa trẻ bướng bỉnh này.

“Nếu có điều gì khó khăn với con,” cuối cùng ông nói, “con biết con có thể đến tâm sự với ta. Ta hy vọng con luôn cảm thấy có thể làm như vậy.”

“Vâng,” cô nói.

“Con vẫn cầu nguyện đấy chứ?”

“Vâng.”

“Cô bé ngoan. Thôi, con đi chơi đi.”

Với một vẻ được giải thoát khó giấu giếm, cô quay người đi. Không tìm được những Gà trống tây dưới lòng đất, cô quay ra đường. Ở đó, cô như được về nhà.

Rồi, khi cô gần như đã không còn hứng thú gì với chúng, những con Gà trống tây lại xuất hiện tại Oxford.

Đó là vào quãng thời gian diễn ra Hội chợ ngựa, lòng sông chật kín những chiếc thuyền nhỏ và thuyền nửa mui, những thương nhân và khách du lịch. Những bến tàu dọc khu cảng tại Jericho rực rỡ ánh đèn cùng tiếng ồn ào của móng ngựa xen lẫn tiếng người mặc cả. Lyra luôn thích thú với các Hội chợ ngựa, cũng như cơ hội được ngồi thừ trên lưng một con ngựa không-hiểu-thằng-lắm, có vô số các nguy cơ có thể khiến chúng nổi khùng.

Và năm nay cô có một kế hoạch lớn. Thích thú với cuộc truy đuổi chiếc thuyền nhỏ năm trước, lần này cô định có một chuyến đi trước khi bị phát hiện. Nếu cô và các đồng đội làm việc trong các bếp ăn Học viện của mình có thể đến được tận Abingdon, họ có thể đánh chiếm đập nước...

Nhưng năm nay không có cuộc chiến nào cả. Khi cô đi tha thẩn quanh khu đỗ thuyền tại cảng Meadow trong ánh nắng sớm cùng hai đứa trẻ lang thang khác, truyền tay nhau điều thuốc lá ăn cắp được và phì khói thuốc một cách tự hào, cô nghe thấy một tiếng hét rất quen.

“À, hóa ra mày đã làm thế với nó hả, đồ ngu?”

Đó là một giọng nói khỏe khoắn, giọng của một người phụ nữ có lá phổi bằng đồng. Ngay lập tức Lyra nhìn quanh tìm kiếm, vì đó là Mẹ Costa, người đã tát Lyra chóng váng hai lần nhưng lại cho cô bánh gừng nóng đến ba lần, và gia đình bà được chú ý bởi họ có một chiếc thuyền to lớn và lộng lẫy. Họ là hoàng tử giữa đám người Gypsy, Lyra rất hâm mộ Mẹ Costa, nhưng dù gì thỉnh thoảng cô vẫn cảnh giác với bà, vì đó là con thuyền bà ta đã đánh cắp.

Một trong những đồng minh của Lyra tự động nhặt một hòn đá khi cậu nghe thấy tiếng nói, nhưng Lyra nói. “Hãy vút xuống. Bà ấy đang nổi cơn tam bành. Bà ấy có thể bẻ gãy xương sống cậu như bẻ một cành củi đấy.”

Thực ra, trông Mẹ Costa có vẻ lo lắng hơn là tức giận. Người đàn ông đang nói chuyện với bà, một lái buôn ngựa, đang nhún vai và giang tay.

“Vâng, tôi không biết.” ông ta nói. “Ông ta ở đây một phút rồi đi ngay. Tôi không biết ông ta đi đâu...”

“Ông ta đang giúp anh! Ông ta đang giữ những con ngựa hăng máu của anh để giúp đỡ anh!”

“Ồ, ông ta không thể ở đây được, phải không? Bỏ việc giữa chừng...”

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 3 Phần 3

Ông ta không nói gì thêm, vì Mẹ Costa đột ngột cho ông ta một nắm đấm vào thái dương, và theo sau đó là một tràng những lời chửi bới nguyên rủa ông ta văng ra rồi quay người bỏ đi. Những lái buôn ngựa gần đó cười to chế nhạo, và một tiếng súng côn ré lên tức tối.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Lyra hỏi một đứa trẻ người Gypsy đang đứng há miệng nhìn. “Bà ấy bức bối vì chuyện gì vậy?”

“Về con bà ấy.” đứa trẻ nói. “Tên nó là Billy, có thể bà ấy cho rằng bọn Gà trống tây đã bắt nó. Cũng có thể là đúng như vậy. Tớ cũng chưa nhìn thấy nó lần nào kể từ...”

“Bọn Gà trống tây hả? Vậy là chúng đã đến Oxford rồi sao?”

Cậu bé người Gypsy quay ra hỏi các bạn, bọn chúng đều đang nhìn Mẹ Costa.

“Cậu ấy không biết điều gì đang xảy ra đâu! Cậu ấy không biết bọn Gà trống tây đã đến đây.”

Nhận thấy bọn trẻ lang thang quay lại nhìn mình với vẻ chế giễu, Lyra ném điếu thuốc xuống, gợi ý một cuộc chiến. Con nhân tinh của mọi người đều trở nên sẵn sàng chiến đấu: mỗi đứa trẻ được hỗ trợ bởi những con nhân tinh đầy răng nanh, móng vuốt, hay những bộ lông dày, và Pantalaimon khinh thị vẻ tưởng tượng hạn hẹp của bọn nhân tinh kia, biến thành một con rồng to bằng một chú chó săn Ê-cốt.

Nhưng trước khi bọn trẻ kịp lao vào cuộc ẩu đả, chính Mẹ Costa xông vào, lôi hai đứa trẻ sang một bên và đứng đối mặt với Lyra như một võ sĩ quyền anh.

“Cháu có gặp nó không?” bà hỏi gặng Lyra. “Cháu có gặp Billy không?”

“Không,” Lyra trả lời. “Chúng cháu vừa tới đến đây. Hàng tháng nay cháu không gặp Billy.”

Con nhân tình của Mẹ Costa đang lặn trong không khí rục rở phía trên đầu bà, một con quạ, đôi mắt vàng hung dữ đảo từ bên này sang bên kia không chớp. Lyra cảm thấy sợ hãi. Chẳng ai lo lắng về chuyện một đứa trẻ mất tích vài giờ, tất nhiên không, với một đứa trẻ người Gypsy cũng vậy. Trong thế giới chen chúc của những chiếc thuyền của người Gypsy, đứa trẻ nào cũng quý giá và rất được nâng niu, và một người mẹ biết nếu đứa trẻ vượt ra khỏi tầm mắt, nó sẽ không đi quá xa khỏi ai đó khác có thể bảo vệ nó theo bản năng.

Nhưng đây là Mẹ Costa, một vị nữ hoàng giữa những người Gypsy, hốt hoảng bởi một đứa trẻ bị mất tích. Chuyện gì đang xảy ra vậy?

Mẹ Costa tìm kiếm một cách tuyệt vọng trong đám trẻ con rồi quay đi và lặn vào đám đông tại bến cảng, kêu gào tên con. Lập tức bọn trẻ quay lại nhìn nhau, mỗi thù hằn của chúng tắt ngấm trước khuôn mặt đau thương của người mẹ.

“Bọn Gà trống tây đó là ai vậy?” Simon Parlow, một người bạn của Lyra hỏi.

Cậu bé người Gypsy du tiên trả lời. “Mày biết đấy. Chúng ăn cắp trẻ con ở khắp nơi trên đất nước. Chúng là cướp biển...”

“Chúng không phải là cướp biển.” Cậu bé người Gypsy khác đính chính. “Chúng là bọn dụ dỗ trẻ con. Chính vì thế người ta mới gọi chúng là Gà

trống tây.”

“Chúng có ăn thịt trẻ con không?” Hugh Lovat, cậu bạn nổi khố khác của Lyra, làm bếp tại Học viện Thánh Michael hỏi.

“Ai mà biết được.” Cậu bé Gypsy đầu tiên trả lời. “Chúng mang bọn trẻ đi và không ai còn gặp lại chúng nữa.”

“Bọn tao cũng biết vậy.” Lyra nói. “Bọn tao còn chơi trò trẻ con và tụi Gà trống tây hàng tháng nay, trước khi bọn mày biết, tao cá đấy. Nhưng tao cá không ai từng nhìn thấy chúng.”

“Có đấy.” một cậu bé nói.

“Ai nào?” Lyra kiên trì hỏi tiếp. “Mày đã nhìn thấy chúng chưa? Làm sao mày biết chúng không chỉ là một người?”

“Charlie đã gặp chúng ở Banbury.” Một cô bé người Gypsy trả lời. “Chúng đến và nói chuyện với quý bà đó trong khi một người đàn ông khác bắt cóc con trai bà ấy ra khỏi vườn.”

“Đúng vậy.” Charlie gật đầu lia lịa. “Tao đã nhìn thấy ông ta làm thế.”

“Trông ông ta thế nào” Lyra hỏi.

“Tao chưa bao giờ nhìn rõ chúng cả.” Charlie nói. “Nhưng tao đã nhìn thấy chiếc xe tải của chúng,” nó nói thêm, một chiếc xe tải màu trắng. Chúng cho đứa bé vào xe và lao vụt đi.”

“Nhưng tại sao người ta gọi chúng là bọn Gà trống tây?” Lyra hỏi.

“Vì chúng ăn thịt bọn trẻ.” Cậu bé người Gypsy đầu tiên trả lời. “Ở Northampton người ta nói với chúng tao như vậy. Bọn chúng đã ở đó và các nơi khác nữa. Có một con bé ở Northampton, anh trai nó bị bắt, và nó

nói người đàn ông khi bắt cóc đã nói chúng sẽ ăn thịt thằng bé. Ai cũng biết việc này. Chúng sẽ ăn thịt bọn trẻ.”

Một cô bé Gypsy đứng gần đó bắt đầu khóc to.

“Đó là chị họ của Billy,” Charlie nói.

Lyra hỏi. “Ai là người gặp Billy cuối cùng?”

“Tao.” Cả nửa tá giọng nhao nhao. “Tao nhìn thấy nó giữ con ngựa già của Johnny Fiorelli...”, “Tao nhìn thấy nó gần chỗ người bán bánh táo...”, “Tao nhìn thấy nó đánh đu chỗ cần trục...”

Khi Lyra phân loại các câu trả lời, cô nhận thấy Billy vẫn còn ở đây ít nhất hai giờ đồng hồ trước.

“Vậy thì,” cô nói, “trong khoảng hai tiếng đồng hồ trở lại, bọn Gà trống tây đã ở đây...”

Bọn trẻ nhìn ra xung quanh, run rẩy dù đang đứng dưới ánh nắng mặt trời ấm áp, bến tàu đúc, mùi nhựa đường, mùi ngựa và mùi lá thuốc quen thuộc. Rắc rối là không ai biết bọn Gà trống tây trông như thế nào, bất cứ ai cũng có khả năng là một tên Gà trống tây, như Lyra đã chỉ ra cho các đồng đội của mình, tất cả chúng đang ở dưới sự lãnh đạo của cô, cả những đứa ở trường cao đẳng lẫn đám người Gypsy bên ngoài.

“Chắc chắn chúng trông cũng như những người bình thường khác, nếu không chúng đã bị phát hiện ra ngay,” cô giải thích. “Nếu chúng chỉ đến vào ban đêm, chúng có thể trong bất cứ hình dáng nào. Nhưng nếu chúng xuất hiện ban ngày, chắc chúng phải trông như những người bình thường. Vì thế bất cứ ai cũng có thể là một tên Gà trống tây...”

“Không thể.” Một cậu bé người Gypsy nói chắc chắn. “Tôi biết tất cả bọn họ mà.”

“Đúng vậy, không phải ở đây, nhưng có thể là bất cứ người nào khác,” Lyra nói, “hãy đi tìm chúng! Và chiếc xe tải màu trắng của chúng!”

Cả nhóm tản ra như bầy ong vỡ tổ. Một số thành viên tìm kiếm mới cũng nhập cuộc, và không lâu sau, khoảng ba mươi đứa trẻ người Gypsy đã chạy từ đầu đến cuối bến tàu, chui ra chui vào các tàu ngựa, trèo lên các cần trục và cần cầu tại bến tàu, nhảy qua các hàng rào vào khu bãi cỏ, lay qua lay lại hàng chục lần chiếc cầu treo cũ kỹ bắc qua mặt nước xanh, chạy thực mạng qua những con phố chật hẹp ở Jericho, giữa những ngôi nhà gạch bé nhỏ hoặc chạy vào Nhà nguyện lớn hình tháp vuông Chymist của Thánh Barnabas. Một nửa trong số chúng không biết chúng đang tìm kiếm cái gì, và dù chỉ là một trò bông đùa, nhưng những đứa trẻ thân thiết với Lyra nhất cảm thấy một cảm giác sợ hãi và e dè thật sự mỗi khi chúng nhìn thấy bóng một giáo sĩ trên một ngõ nhỏ hay trong sự âm u của Nhà nguyện: đó có phải là một tên Gà trống tây không?

Nhưng tất nhiên là không phải. Cuối cùng chẳng gặt hái được một thành công nào, với nỗi buồn về chuyện Billy thực sự đã mất tích treo trên đầu, sự hào hứng đã nhạt dần. Khi Lyra và hai người bạn cùng Học viện rời khỏi Jericho vì đã gần đến giờ ăn tối, họ nhìn thấy những người Gypsy đang tụ tập với nhau trên bến tàu gần nơi tàu nhà Costa nhả neo. Một số người phụ nữ đang khóc to, những người đàn ông giận dữ đứng với nhau thành từng nhóm, những con nhân tinh của họ đang bị kích động và vỗ cánh lo lắng hay găm gù trong bóng tối.

“Tớ đoán bọn Gà trống tây không dám đến đây đâu.” Lyra nói với Simon Parslow khi hai đứa bc chân qua ngưỡng cửa lớn của trường Jordan.

“Không,” cậu nói một cách không chắc chắn, “nhưng tớ biết có một đứa bé bị mất tích ở Khu chợ.”

“Ai vậy?” Lyra hỏi. Cô biết hầu hết lũ trẻ ở Khu chợ, nhưng chưa từng nghe thấy chuyện này.

“Jessie Reynolds, nhà người thợ làm yên cương. Nó không ở đó vào giờ đóng cửa tàu ngày hôm qua, nó chỉ đi trước giờ uống trà của ông bố một tẹo. Nó không quay lại và không ai nhìn thấy nó cả. Họ đã tìm kiếm khắp Khu chợ và cả những nơi khác nữa.”

“Mình chưa từng nghe nói về chuyện này?” Lyra nói với giọng phần nộ. Cô cho đây là một sai sót tệ hại của đám lâu la khi không nói cho cô biết mọi chuyện kịp thời.

“Ừ, mới ngày hôm qua thôi. Có thể bây giờ nó lại về rồi cũng nên.”

“Mình sẽ đi hỏi,” Lyra nói và quay người khỏi cánh cổng trường. Nhưng chưa ra khỏi cổng thì cô bị người khuân vác gọi lại.

“Cô đây rồi, Lyra! Tối nay cô không được đi đâu nữa đâu. Ông Hiệu trưởng có lệnh rồi!”

“Tại sao lại không?”

“Thì tôi đã nói với cô rồi, đó là lệnh của ông Hiệu trưởng. Ông ấy nói khi nào cô về thì phải ở trong trường luôn.

“Thử bắt tôi xem.” Cô nói và lùi ra trước khi người đàn ông lớn tuổi kịp ra khỏi cánh cửa của mình.

Cô chạy qua những con đường hẹp và xuống những ngõ nhỏ nơi các xe tải đang dỡ hàng dùng cho chợ vải. Đang là giờ đóng cửa, chỉ còn vài chiếc xe tải ở đây, nhưng có một tốp thanh niên đứng hút thuốc và nói chuyện gần cửa chính đối diện với bức tường đá cao của Học viện Thánh Michael. Lyra biết một người trong số họ, một cậu con trai mười sáu tuổi cô rất ấn tượng vì cậu có thể phì nước bọt xa hơn tất cả những người cô từng nghe nói. Cô bước đến, kiên nhẫn đứng chờ đợi anh chú ý đến cô.

“Em cần gì nào?” Cuối cùng anh nói.

“Có phải Jessie Reynolds đã biến mất không?”

“Đúng, sao lại hỏi vậy?”

“Vì có một đứa trẻ người Gypsy mất tích ngay hôm nay, tất cả chỉ có thế.”

“Họ luôn luôn biến mất, những người Gypsy ấy. Cứ sau mỗi hội chợ ngựa là họ lại biến mất.”

“Như những con ngựa vậy.” Một trong những người bạn của anh nói.

“Chuyện này khác,” Lyra nói. “Lần này là một đứa bé. Chúng em đã tìm kiếm nó cả buổi chiều nay và những đứa trẻ khác nói bọn Gà trống tây đã bắt nó.”

“Bọn nào cơ?”

“Bọn Gà trống tây,” cô nói, “các anh chưa nghe về bọn Gà trống tây bao giờ sao?”

Đây cũng là tim mới đối với những cậu con trai khác, họ không bình luận những câu thô lỗ nữa. Họ chăm chú lắng nghe những lời Lyra nói.

“Bọn Gà trống tây à.” Dick, một người quen của Lyra nói. “Thật ngớ ngẩn, bọn người Gypsy đó, họ luôn có những ý tưởng ngớ ngẩn.”

“Họ nói có bọn Gà trống tây ở Banbury hai tuần trước,” Lyra khẳng định, “và năm đứa trẻ đã bị bắt cóc. Có thể bây giờ chúng đã đến Oxford để bắt những đứa trẻ của chúng ta. Chắc chắn chúng đã bắt Jessie.”

“Cũng có một vụ trẻ con mất tích ở đường Cowley,” một trong những cậu con trai còn lại nói. “Tôi nhớ ra rồi. Dì tôi đến đây hôm qua vì bà ấy bán cá và khoai tây rán, và bà ấy nghe được chuyện này... Mấy cậu bé, đó

là... Tuy thế, tớ không biết về bọn Gà trống tây. Chúng không có thật, bọn Gà trống tây ấy. Chỉ là thêu dệt thôi.”

“Chúng có thực!” Lyra nói, “những người Gypsy đã nhìn thấy chúng. Họ đoán là chúng ăn thịt những đứa trẻ con bắt được, và...”

Cô ngừng lại giữa câu, vì có điều gì đó đột ngột nảy ra trong đầu cô. Trong suốt buổi tối kỳ lạ trong Phòng nghỉ. Ngài Asriel đã cho mọi người nhìn thấy qua đèn chiếu một người đàn ông cầm một cây gậy với những dòng ánh sáng đang chảy vào đó. Có một chiếc bóng nhỏ bên cạnh ông ta, ít ánh sáng chiếu tới hơn. Ông nói đó là một đứa trẻ, rồi người nào đó đã hỏi nó có phải đứa trẻ bị chia tách không. Chú cô nói không phải, đó chỉ là một cái chấm. Lyra còn nhớ rằng bị chia tách có nghĩa là “bị cắt”.

Và rồi có điều gì đó nhói lên trong tim cô: Roger đang ở đâu?

Cô không trông thấy cậu từ buổi sáng...

Đột nhiên cô cảm thấy lo sợ. Pantalaimon, trong hình dáng một con sư tử nhỏ, nhảy ra và gầm gừ. Cô tạm biệt các anh bạn và lặng lẽ quay trở lại phố Tuck và chạy nhanh về công trường Jordan, nhảy ra cánh cửa trước con nhân tinh giờ đã biến thành con báo Gêpa.

Người khuân vác tỏ ra nhân đạo.

“Tôi đã gọi điện nói với ông Hiệu trưởng rồi, ông ấy không hài lòng chút nào. Tôi sẽ chẳng muốn lâm vào tình cảnh của cô đâu, nếu không phải vì tiền.”

“Roger đâu?” Cô hỏi.

“Tôi không trông thấy cậu ta đâu cả. Cậu ta cũng bị phạt vì chuyện này cho mà xem. À khi ông Cawson bắt được cậu ta...”

Lyra chạy đến khu nhà bếp và lao vào cái đám hơi hả nóng nôi, chói tai và đầy hơi nước đó.

“Roger đâu rồi?” cô hét to.

“Ra khỏi đây đi, Lyra! Chúng tôi đang bận lắm!”

“Nhưng cậu ấy đâu rồi? Cậu ấy đã về hay chưa?”

Dường như chẳng ai thèm bận tâm.

“Nhưng cậu ấy đang ở đâu? Bà phải biết chứ!”

Lyra hét lên với người đầu bếp, bà ta giả điếc và không quan tâm gì đến cơn thịnh nộ của cô.

“Chúng đã bắt cậu ấy rồi! Bọn Gà trống tây ấy, đáng lẽ người ta phải bắt và giết chúng ngay! Tôi ghét các người. Các người chẳng quan tâm gì đến Roger cả...”

“Lyra, chúng tôi đều quan tâm đến Roger...”

“Các người không quan tâm, nếu không tất cả các người đã ngừng công việc và đi tìm cậu ấy ngay bây giờ rồi! Tôi ghét các người!”

“Có thể có hàng tá lý do Roger không có mặt tại đây. Hãy nghe những điều đúng đắn. Chúng tôi phải chuẩn bị bữa tối và phục vụ trong gần một tiếng nữa; ông Hiệu trưởng mời khách trong Phòng riêng, và ông ấy sẽ ăn ở đây. Như thế có nghĩa là Đầu bếp phải phụ trách đưa thức ăn đến đó thật nhanh để không bị ngượng. Dù có điều gì xảy ra, Lyra, mọi chuyện vẫn phải được thực hiện. Tôi chắc chắn Roger sẽ có mặt ở đây...”

Lyra quay đi và chạy khỏi Nhà bếp, giật mạnh đồng khăn trải bàn và không thèm quan tâm đến tiếng hét bức bối của đám người trong Nhà bếp.

Cô lao xuống cầu thang và chạy qua Sân, giữa Tháp Chapel và Palmer, vào Sân Yaxley, nơi có những tòa nhà cổ kính nhất của Học viện.

Pantalaimon hối hả chạy theo cô trong hình con báo Gêpa thu nhỏ, trèo lên các bậc thang cho đến tận bậc trên cùng, nơi có phòng ngủ của Lyra. Lyra bật tung cửa, kéo chiếc ghế khập khiễng của mình đến cửa sổ, mở tung hai cánh cửa và bò ra ngoài. Có một máng nước bằng đá rộng khoảng nửa mét ngay phía dưới bậc cửa, khi đã đứng được trên đó, cô quay người và trèo lên các viên ngói thô ráp cho đến khi đứng trên đỉnh mái nhà. Ở đây cô hét lên thật to. Pantalaimon, thường biến thành một con chim mỗi khi ở trên mái nhà, bay vòng quanh cô và giả tiếng quạ kêu.

Bầu trời ban đêm tràn ngập đào, mơ, kem: những đám mây nhẹ như kem trên một bầu trời giống như quả cam khổng lồ. Những ngọn tháp và mái vòm của Oxford đứng xung quanh họ. Những khu rừng của Château - Vert và White Ham mọc ở cả hai bên bờ đông và tây. Có tiếng quạ kêu đâu đó, những chiếc chuông đang được gióng lên; từ phía Oxpens, những tiếng động cơ khí gas vang lên báo hiệu khí cầu đưa thư của Hoàng gia tới London bắt đầu khởi hành. Lyra nhìn nó bay đi qua những mái vòm của nhà thờ Thánh Michael, đầu tiên là to như đầu ngón tay út rồi nhanh chóng bé đi đến khi chỉ là một chấm nhỏ trên bầu trời long lanh như ngọc trai.

Cô quay lại và nhìn xuống chiếc sân tràn đầy bóng tối, nơi những bóng áo choàng đen của các độc giả đã bắt đầu tụm năm tụm ba. Các con nhân tinh của họ đi thong dong, bay bên cạnh hay lặng lẽ đậu trên vai chủ. Ánh đèn thấp sáng trong Sảnh. Cô có thể nhìn thấy những khung cửa sổ khung kính thép dần lấp lánh khi một người Gypsy đi thắp đèn dầu ở từng bàn. Tiếng chuông dành cho người Quản lý bắt đầu rung, báo rằng còn nửa tiếng đồng hồ nữa là đến bữa tối.

Đây là thế giới của cô. Cô muốn giữ nó nguyên như vậy mãi mãi, nhưng nó đang thay đổi quanh cô, vì có vài người đang đánh cắp trẻ con. Cô ngồi trên mái nhà, hai tay ôm má.

“Tốt hơn hết là chúng ta phải cứu cậu ấy, Pantalaimon,” cô nói.

Nó trả lời từ trong ống khói với giọng của một con quạ.

“Sẽ rất nguy hiểm đấy.” Nó nói.

“Tất nhiên rồi! Mình biết điều đó.”

“Hãy nhớ lại họ đã nói gì trong Phòng nghĩ.”

“Gì vậy?”

“Điều gì đó về một đứa trẻ ở Bắc cực. Đứa trẻ không bị bắt Bụi.”

“Họ nói đó là một đứa trẻ nguyên vẹn... Thế thì sao?”

“Như thế có thể là điều họ sẽ làm với Roger và những đứa trẻ người Gypsy khác.”

“Làm gì?”

“Ừ, thế nguyên vẹn có nghĩa là gì?”

“Không biết. Chúng cắt họ ra làm đôi, có thể là như vậy. Mình đoán là chúng bắt họ làm nô lệ. Như thế có tác dụng hơn. Có thể ở đó có các mỏ than. Những mỏ uranium phục vụ việc chế tạo tàu nguyên tử. Mình cá là như vậy. Và nếu họ cho những người đã lớn xuống hầm, có thể họ sẽ chết, vì thế thay vào đó họ dùng trẻ con cho rẻ. Đó là điều họ làm với cậu ấy.”

“Mình nghĩ...”

Nhưng điều Pantalaimon nghĩ phải chờ đợi chưa được nói ra, vì có ai đó đang gọi to bên dưới.

“Lyra! Lyra! Cô vào trong ngay lập tức!”

Có tiếng đập vào khung cửa sổ. Lyra quen giọng nói và sự nóng nảy đó: đó là bà Lonslale, Quản gia trông nom việc giặt giũ. Không chỗ trốn nào có thể qua mắt bà.

Với khuôn mặt cau có, Lyra trượt khỏi mái nhà vào ống máng, rồi từ đó lại treo qua cửa sổ. Bà Lonslaleng cho nước vào một cái chảo đựng khoai tây nhỏ cùng tiếng quai búa nện vào những ống nước.

“Đã không biết bao nhiêu lần cô được nhắc nhở về chuyện treo lên đó... Nhìn cô mà xem! Xem chiếc váy của cô kìa, bẩn thỉu quá đi mất! Cởi ra ngay lập tức và tự giặt đi trong khi tôi tìm xem có thứ gì thơm tất chưa bị rách hay không. Sao cô không thể giữ cho mình gọn gàng và sạch sẽ nhỉ...”

Lyra quá tự ái để hỏi tại sao cô phải tự giặt và mặc quần áo, và chẳng có người trưởng thành nào đưa ra những lý do về những ý thích của mình. Cô kéo chiếc váy qua đầu và vứt vào chiếc chậu nhỏ rồi bắt đầu giặt một cách chán nản trong khi Pantalaimon, giờ là một chú chim hoàng yến, nhảy từng bước một đến gần con nhân tinh của bà Lonslale, một con chó săn lạnh lùng, cố gắng chọc giận nó nhưng vô ích.

“Nhìn chiếc tủ quần áo của cô này! Hàng tuần nay cô chẳng treo cái gì lên mắc cả! Nhìn những nếp nhăn trên chiếc...”

Nhìn cái này, nhìn cái kia... Lyra chẳng muốn nhìn gì cả. Cô nhắm mắt lại khi lau mặt bằng chiếc khăn nhỏ.

“Cô phải mặc nguyên như thế này vậy. Chẳng còn đủ thời gian để là nữa. Cầu chúa phù hộ cô bé, đầu gối cô kìa, nhìn xem chúng...”

“Chẳng muốn nhìn gì hết.” Lyra thì thầm.

Bà Lonslale đập vào chân cô. “Rửa đi,” bà ta nói với vẻ hung tợn, “cô phải rửa sạch hết các vết bẩn.”

“Tại sao?” cuối cùng Lyra cũng lên tiếng. “Tôi chẳng bao giờ thường xuyên lau rửa đầu gối cả. Sẽ chẳng có ai nhìn vào đầu gối tôi đâu. Tôi phải làm tất cả những chuyện này để làm gì? Bà cũng chẳng quan tâm gì đến Roger, chẳng hơn gì bà Đầu bếp. Tôi là người duy nhất...”

Một đập nữa, vào chân kia.

“Thật là ngớ ngẩn quá đi mất. Tôi là một người nhà Parslow, giống như cha của Roger. Nó là cháu trai thứ hai của tôi. Tôi cá là cô không biết điều này, vì tôi cá là cô chẳng bao giờ hỏi cả, Tiểu thư Lyra ạ. Tôi cá là chuyện đó chẳng bao giờ xảy ra với cô. Sao cô không trách móc tôi vì không quan tâm chăm sóc đến thằng bé. Có Chúa chứng giám, thậm chí tôi còn chăm sóc cho cô, còn cô chỉ luôn vô lý và chẳng biết cảm ơn tôi gì cả.”

Bà chộp lấy mu vải chùi bằng flanen và cọ đầu gối Lyra mạnh đến nỗi cô cảm thấy da mình đỏ lên và đau đớn, nhưng như thế mới lau sạch các vết bẩn.

“Lý do cho chuyện này là vì cô sắp phải ăn tối với ông Hiệu trưởng và khách của ông ấy. Tôi mong rằng cô biết cư xử thế nào cho phải phép. Hãy nói khi người ta nói với cô, hãy yên lặng và lịch sự, mỉm cười dịu dàng và đừng có bao giờ trả lời là ‘không biết’ khi ai đó hỏi cô một câu hỏi nào đó.”

Bà lồng chiếc váy đẹp nhất vào thân hình gầy gơ xương của Lyra, kéo chúng thẳng ra, lấy một dải ruy băng đỏ trong mớ hỗn độn trong ngăn kéo và chải mái tóc của Lyra thật mạnh.

“Nếu họ cho tôi biết sớm hơn, tôi có thể gội đầu cẩn thận hơn cho cô. Ôi, thế này thì tệ quá. Nếu họ không nhìn quá gần thì còn đỡ... Đây, giờ thì đứng thẳng người lên. Đôi giày da sơn đẹp nhất đâu rồi?”

Năm phút sau, Lyra đã gõ cửa Phòng riêng của ông Hiệu trưởng, căn nhà rộng và hơi ảm đạm ở cửa vào Sân Yaxley và quay lưng ra Vườn Thư viện. Pantalaimon, giờ là một con chồn ecmin lịch lãm, cọ mình vào lưng cô.

Cánh cửa được mở bởi Cousins, người hầu nam của ông và là kẻ thù truyền kiếp của Lyra, nhưng cả hai đều biết đây là lúc cần ngưng chiến.

“Bà Lonslale nói tôi phải đến đây.” Lyra nói.

“Đúng vậy.” Cousins nói, và bước sang bên. “Ông Hiệu trưởng đang trong phòng vẽ.”

Anh ta dẫn cô vào một căn phòng lớn nhìn ra Vườn thư viện. Những ánh nắng cuối cùng của buổi chiều chiếu vào phòng, qua khoảng trống giữa Thư viện và Tháp Palmer, chiếu sáng những bức tranh nặng nề và đồ đạc buồn bã ông Hiệu trưởng sưu tập được. Nó cũng chiếu sáng những vị khách, và Lyra hiểu ra vì sao họ không ăn tối tại Sảnh: ba trong số những vị khách là phụ nữ.

“À, Lyra,” ông Hiệu trưởng nói. “Ta rất vui là cháu có thể tham gia. Cousins, anh có thể tìm cho loại đồ uống nhẹ nào đó được không? Bá tước phu nhân Hannah, tôi nghĩ là bà từng gặp Lyra, cháu gái ngài Asriel, bà biết ông ấy đấy.”

Bá tước phu nhân Hannah Relf là một trong những người thuộc Học Viện là phụ nữ, một quý bà nhiều tuổi với mái tóc màu xám, có con nhân tinh là khi đuôi sóc. Lyra bắt tay lịch sự hết mức cô có thể, sau đó cô được giới thiệu với những người khách khác, giống như Bá tước phu nhân Hannah, là các Học giả từ các Học viện khác, một cách khá nhạt nhẽo. Rồi ông Hiệu trưởng quay sang người khách cuối cùng.

“Bà Coulter,” ông nói, “đây là Lyra của chúng tôi. Lyra, đến chào bà Coulter đi.”

“Chào Lyra.” Bà Coulter nói.

Bà Coulter xinh đẹp và còn trẻ. Mái tóc đen óng ả của bà viền quanh hai má và nhân tinh của bà là một con khi vàng.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 4 Phần 1

“Ta hy vọng cháu sẽ ngồi cạnh ta suốt bữa tối,” bà Coulter nói, nhường chỗ cho Lyra trên ghế sofa. “Ta không quen với các phép tắc trong nhà ông Hiệu trưởng. Cháu sẽ hướng dẫn cho ta phải dùng dao và đĩa nào.”

“Bà có phải nữ Học giả không ạ?” Lyra hỏi. Cô nghĩ về các nữ Học giả với thái độ coi thường rất đặc trưng ở Jordan: có những người như thế, nhưng thật tội nghiệp, họ chẳng bao giờ có thể quan trọng hơn những con thú mặc quần áo và diễn kịch trên sân khấu. Bà Coulter, ngược lại, không giống bất cứ nữ Học giả nào Lyra từng gặp, và tất nhiên, cũng không giống hai quý bà khách nghiêm trang còn lại. Lyra đặt câu hỏi tâm trạng mong chờ câu trả lời sẽ là không, thực ra là vì ở bà tỏa ra một sức quyến rũ huyền bí đến nỗi Lyra bị mê hoặc. Cô khó có thể rời mắt khỏi bà.

“Không thực sự như vậy.” Bà Coulter nói. “Ta là một thành viên trong Học viện của Bá tước phu nhân Hannah, nhưng phần lớn công việc của ta cần thực hiện là ở bên ngoài Oxford... Hãy nói cho ta nghe về mình đi, Lyra. Cháu luôn sống ở Học viện Jordan phải không?”

Trong vòng năm phút, Lyra đã kể cho bà nghe tất cả mọi thứ về cuộc sống nửa hoang dã của mình: những cuộc hành trình yêu thích trên mái nhà, cuộc chiến ở Mỏ đất sét, cái lần cô và Roger bắt và định hướng một con quạ, dự định bắt giữ một chiếc thuyền nhỏ của đám người Gypsy và chèo đến Abingdon, còn nhiều chuyện khác nữa. Cô thậm chí nói với bà (khi đã nhìn quanh và hạ thấp giọng) về trò cô và Roger đã làm với những chiếc xương sọ dưới hầm mộ.

“Và những con ma đó đã đến, đúng như vậy đấy, chúng đến bên cạnh giường ngủ của cháu trong tình trạng không đầu. Chúng không thể nói mà chỉ gây ra những tiếng lú lú, nhưng cháu biết chính xác điều chúng muốn. Vì thế ngày hôm sau cháu đi xuống và đặt lại vị trí các đồng xu. Nếu không có lẽ chúng đã giết cháu rồi.”

“Cháu không sợ sao?” Bà Coulter nói với giọng khâm phục. Lúc đó họ đang ngồi trên bàn ăn tối, và như bà Coulter đã mong muốn, họ ngồi bên cạnh nhau. Lyra lãng quên hẳn ông Quản lý thư viện ngồi bên cạnh và chỉ nói chuyện với bà Coulter suốt bữa ăn.

Khi các quý bà rút lui để uống cà phê, Bá tước phu nhân Hannah hỏi: “Lyra, nói cho ta biết, họ sắp cho cháu đi học đúng không?”

Lyra nhìn lại với nhìn trống rỗng. “Cháu không... cháu không biết.” Cô nói. “Có lẽ là không.” Cô nói thêm cho an toàn. “Cháu không muốn gây rắc rối cho họ,” cô tiếp tục với giọng lễ độ, “hay tốn kém, có lẽ sẽ tốt hơn nếu cháu chỉ tiếp tục ở trong Jordan và được các Học giả dạy học khi họ có một chút thời gian rảnh rỗi. Khi họ đã ở đây, có thể là họ đang rảnh rỗi.”

“Và Ngài Asriel chú của cháu có dự định nào cho cháu chưa?” Quý bà là Học giả tại Học viện hỏi.

“Có,” Lyra trả lời, “cháu mong là như vậy. Nhưng không phải là trường học. Chú ấy sẽ đưa cháu lên miền Bắc vào lần sau khi chú ấy đi.”

“Ta nhớ ông ấy có nói với ta về chuyện này.” Bà Coulter nói.

Lyra chớp mắt. Hai nữ Học viện nhẹ nhàng đứng dậy, dù nhân tình của họ, không biết là nhanh nhẹn hay lù đù, chẳng làm gì ngoài việc nhìn nhau.

“Ta gặp ông ấy tại Viện Bắc cực Hoàng gia.” Bà Coulter tiếp tục. “Thực ra thì ta đến đây hôm nay một phần vì cuộc gặp đó.”

“Bà cũng là một nhà thám hiểm ă?” Lyra hỏi.

“Một kiểu như vậy. Ta đã đến phương Bắc rất nhiều lần. Năm ngoái ta đã ở Greenland ba tháng để quan sát Hiện tượng cực quang.”

Chính là nó; không còn gì và không còn ai tồn tại với Lyra lúc này. Cô nhìn bà Coulter với sự sợ hãi, cô lắng nghe mê say và yên lặng nghe những câu chuyện của bà về những căn lều tuyết của người Eskimo, những chuyến săn hải cẩu hay đàm phán với các phù thủy ở Lapland. Hai nữ Học giả chẳng có gì thú vị như vậy để kể, họ ngồi im lặng cho đến khi những người đàn ông đi vào.

Sau đó, khi khách khứa sắp ra về, ông Hiệu trưởng nói: “Lyra, cháu ở lại. Ta muốn nói chuyện với cháu một hai phút. Hãy đến phòng làm việc của ta, cô bé; hãy ngồi đó và đợi ta.”

Bối rồi, mệt mỏi và hồ hởi, Lyra làm như lời ông Hiệu trưởng. Cousins, người hầu nam đưa cô vào, và để cửa mở một cách chủ tâm để anh ta có thể thấy cô đang làm gì từ đại Sảnh, nơi anh ta đang giúp mọi người khoác áo choàng. Lyra nhìn bà Coulter, nhưng bà không nhìn thấy cô, rồi ông Hiệu trưởng đi vào phòng đọc sách và đóng cửa lại.

Ông ngồi nặng nề trên chiếc ghế bành gần lò sưởi. Con nhân tinh của ông nhảy lên ngồi bên cạnh đầu ông, đôi mắt hùm hụp của ông nhìn xoáy vào Lyra. Chiếc đèn rít lên khe khẽ khi ông Hiệu trưởng nói:

“Nào, Lyra cháu đã nói chuyện với bà Coulter, cháu có thích thú khi nghe những gì bà ấy nói không? “

“Có ạ!”

“Bà ấy là một phụ nữ xuất sắc.”

“Bà ấy thật tuyệt vời. Bà ấy là một người tuyệt vời nhất cháu từng gặp.”

Ông Hiệu trưởng thở dài. Trong bộ veston và cà vạt đen, trông ông giống con nhân tinh của mình hơn bất cứ ai, và đột nhiên Lyra nghĩ rằng một ngày nào đó, sớm thôi, ông sẽ được mai táng trong hầm mộ dưới Nhà nguyện, một nghệ nhân sẽ khắc hình con nhân tinh của ông trên một tấm đồng để đặt vào quan tài và tên nó sẽ được đặt bên cạnh ông.

“Đáng ra ta nên dành thời gian nói chuyện với cháu sớm hơn, Lyra ạ.” Ông nói sau một lúc im lặng. “Ta đã định làm thế vào bất cứ lúc nào thuận tiện nhưng có vẻ thời điểm đó lâu hơn ta tưởng. Cháu đã an toàn ở đây, tại Jordan này, cháu yêu ạ. Ta nghĩ là cháu đã vui vẻ. Cháu không cảm thấy dễ dàng để nghe lời chúng ta, nhưng chúng ta rất yêu quý cháu, là một đứa trẻ hư. Trong tính cách của cháu có rất nhiều nét trong sáng và đáng yêu, và cũng rất quyết liệt nữa. Cháu sẽ cần tất cả những điều đó. Mọi chuyện vẫn diễn ra trong cái thế giới rộng lớn mà ta muốn bảo vệ cháu khỏi nó, bằng cách giữ cháu tại Jordan này, ý ta là như vậy. Nhưng điều đó không còn được nữa rồi.”

Cô ghé mắt nhìn. Phải chăng họ sắp gửi cô đi đâu đó.

“Cháu biết là đến một lúc nào đó, cháu sẽ phải đến trường học,” ông Hiệu trưởng tiếp tục. “Ở đây chúng ta đã dạy cháu được một số điều, nhưng không được phù hợp và hệ thống lắm. Kiến thức của chúng ta thuộc một thể loại khác. Cháu cần phải biết những điều mà những ông già không thể dạy cháu, đặc biệt là ở độ tuổi này của cháu. Cháu cần phải nhận thức được điều này. Cháu cũng không phải con cái những người giúp việc, chúng ta không thể để cháu cho một gia đình bình thường nuôi nấng. Họ có thể chăm sóc cháu theo một cách nào đó, nhưng những điều cháu cần không phải là như vậy. Cháu biết không, những gì ta đang nói với cháu, Lyra ạ, là phần đời thuộc về Học viện Jordan của cháu sắp kết thúc.”

“Không,” cô nói, “không cháu không muốn rời khỏi Jordan. Cháu muốn ở đây. Cháu muốn ở đây mãi mãi.”

“Khi cháu còn nhỏ, cháu luôn nghĩ rằng mọi chuyện sẽ kéo dài mãi mãi. Thật không may, chuyện không như vậy. Lyra, sẽ không lâu nữa, nhiều nhất là một hai năm nữa, trước khi cháu trở thành một phụ nữ trẻ, và không còn là một đứa trẻ nữa. Một quý bà trẻ tuổi. Và hãy tin ta đi, khi đó cháu sẽ nhận thấy Học viện Jordan không hề là một nơi dễ sống.”

“Nhưng đây là nhà của cháu!”

“Nó từng là nhà của cháu. Nhưng giờ cháu cần điều gì đó khác nữa.”

“Không phải trường học. Cháu sẽ không đến trường đâu.”

“Cháu cần những người bạn gái. Cháu cần sự dẫn dắt của những người phụ nữ.”

Từ “phụ nữ” chỉ gợi cho Lyra về các nữ Học giả, và cô nhăn mặt khó chịu. Bị tách khỏi sự vĩ đại của Jordan, sự huy hoàng và danh tiếng của nó, đến một căn nhà trọ xây bằng gạch nhếch nhác của một trường học tại đầu phía bắc của Oxford với những nữ Học giả ăn mặc lỗi thời, người ám đầy mùi bắp cải và băng phiến như hai vị khách trong bữa tối.

Ông Hiệu trưởng nhận thấy thái độ của cô, và nhìn thấy đôi mắt của Pantalaimon trong hình dạng một con chồn hôi đang ánh lên tia đỏ.

Ông nói: “Nhưng nếu đó là bà Coulter thì sao?”

Ngay lập tức bộ lông của Pantalaimon chuyển từ những sợi to màu nâu thành những sợi trắng mịn như tơ. Lyra mở mắt.

“Thật chứ ạ?”

“Đó là vì sự quen biết giữa bà ấy và Ngài Asriel, chú của cháu, tất nhiên rất quan tâm đến các phúc lợi cháu được hưởng. Và khi bà Coulter được nghe về cháu, ngay lập tức bà ấy đề nghị được giúp đỡ. Hơn nữa, không có

ông Coulter nào cả; bà ấy là một góa phụ, chồng bà ấy qua đời rất đáng tiếc trong một tai nạn vài năm trước. Cháu nên biết trước như vậy khi định hỏi gì.”

Lyra háo hức gật đầu và nói: “Bà ấy thực sự sẽ... chăm sóc cháu?”

“Cháu có thích thế không?”

“Có ạ!”

Cô khó mà ngồi yên được. Ông Hiệu trưởng mỉm cười. Ông ít cười đến mức đó là một điều không thuộc loại thói quen, và bất cứ người nào nhìn thấy (lúc đó Lyra không để ý) sẽ nói đó là một dáng điệu buồn bã.

“Được, vậy tốt hơn chúng ta sẽ mời bà ấy đến để nói chuyện,” ông nói.

Ông rời khỏi phòng, và khi ông trở lại sau đó một phút cùng bà Coulter, Lyra đang đứng, quá phấn khích để có thể ngồi yên. Bà Coulter mỉm cười, con nhân tinh của bà nhe hàm răng trắng một cách ranh mãnh. Khi đi đến chỗ chiếc ghế bành, bà Coulter chạm nhẹ tay vào tóc Lyra, và Lyra cảm thấy có một luồng hơi ấm truyền vào cơ thể mình, cô đỏ mặt.

Khi ông Hiệu trưởng rót cho bà chút rượu Brantwin, bà Coulter nói:

“Vậy là, Lyra, ta sắp có một người trợ lý đúng không?”

“Vâng.” Lyra trả lời ngắn gọn. Cô muốn trả lời “Vâng” với mọi câu hỏi của bà.

“Có rất nhiều việc ta cần được trợ giúp.”

“Cháu có thể làm!”

“Và có thể chúng ta sẽ phải đi đây đó.”

“Cháu không ngại. Cháu có thể đi bất cứ đâu.”

“Nhưng như thế có thể rất nguy hiểm. Có thể chúng ta sẽ phải lên phương Bắc.”

Lyra không nói gì. Rồi cô nghe tiếng mình hỏi: “Sớm chứ ạ?”

Bà Coulter bật cười, bà nói:

“Cũng có thể. Nhưng cháu biết là cháu sẽ phải làm việc rất vất vả. Cháu sẽ phải học toán, hàng hải và địa lý bầu trời.”

“Bà sẽ dạy cháu chứ?”

“Đúng, cháu sẽ phải giúp ta bằng cách viết các ghi chú và xếp các giấy tờ của ta theo thứ tự và làm rất nhiều những việc tính toán cơ bản khác nhau. Và vì chúng ta sẽ đến thăm một số người quan trọng, chúng ta sẽ tìm cho cháu mấy bộ quần áo thật đẹp. Có rất nhiều điều cần học, Lyra ạ.”

“Cháu không sợ. Cháu muốn học tất cả.”

“Ta chắc chắn cháu muốn học tất cả. Khi cháu quay trở lại Học viện Jordan, cháu sẽ là một nhà du hành nổi tiếng. Giờ thì chúng ta sẽ rời khỏi đây rất sớm vào buổi sáng, bằng khí cầu zeppelin chuyển bay buổi sáng, vì thế tốt hơn là cháu về phòng ngủ ngay đi. Ta sẽ gặp cháu vào bữa sáng. Chúc cháu ngủ ngon!”

“Chúc bà ngủ ngon,” Lyra nói, cố nhớ những phép tắc mình cần theo, quay ra cửa và nói. “Chúc ông ngủ ngon, ông Hiệu trưởng.”

Ông Hiệu trưởng gật đầu. “Về ngủ đi.”

“Và cảm ơn bà.” Lyra nói thêm với bà Coulter.

Cuối cùng, cô cũng ngủ, dù Pantalaimon không thể nằm yên cho đến khi co phải phát cho nó mấy cái, khi nó biến thành một con nhím vì tức giận. Ai đó lay cô dậy khi trời vẫn còn tối.

“Lyra... Suyt... đừng kêu to... Dậy đi cô bé.”

Đó là bà Lonsdale. Bà cầm trong tay cây nến, cúi lưng vờ khẽ gọi, tay kia đỡ Lyra dậy.

“Nghe này, ông Hiệu trưởng muốn gặp cô trước khi cô cùng ăn sáng với bà Coulter. Dậy nhanh lên và chạy đến Nhà ông Hiệu trưởng ngay. Hãy vào vườn và đập vào cửa sổ phòng làm việc. Cô hiểu không?”

Đã tỉnh hẳn và hoàn toàn bối rối, Lyra gật đầu rồi dứt hai chân trần vào đôi giày bà Lonsdale đặt dưới đất.

“Không cần rửa mặt đâu - chuyện đó sẽ làm sau. Hãy đến đó và quay trở về ngay. Tôi sẽ bắt đầu gói ghém đồ đạc và chuẩn bị quần áo cho cô. Giờ thì nhanh lên.”

Khoảng sân tối vẫn tràn ngập không khí lạnh buốt của buổi đêm. Phía trên cao, những ngôi sao cuối cùng vẫn lấp lánh, nhưng ánh sáng phía đông đang dần lấn sang bầu trời phía trên đại Sân. Lyra chạy vào Vườn thư viện, và đứng một lúc trong sự tĩnh lặng bao la, nhìn lên tháp chuông xây bằng đá của Nhà thờ, những đỉnh vòm màu xanh ngọc trai, ngọn đèn sơn trắng trong Thư viện. Giờ thì cô sắp rời xa tất cả những cảnh tượng này, cô tự hỏi không biết rồi mình sẽ nhớ chúng đến mức nào.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 4 Phần 2

Có gì đó lay động ở cửa sổ phòng làm việc và những tia sáng chiếu ra một lúc. Cô nhớ ra điều mình cần làm và đập vào cánh cửa kính. Nó gần như mở ra ngay lập tức.

“Cô bé ngoan, vào nhanh lên, chúng ta không có nhiều thời gian đâu.” Ông Hiệu trưởng nói, và kéo màn gió che cửa ngay sau khi cô bước vào. Ông vẫn mặc bộ đồ màu đen quen thuộc.

“Cuối cùng cháu sẽ vẫn đi chứ ạ” Lyra hỏi.

“Đúng vậy, ta không thể ngăn cản điều đó.” Ông Hiệu trưởng nói, Lyra lúc đó không chú ý sự kỳ lạ trong lời nói đó. “Lyra, ta sắp đưa cho cháu một thứ và cháu phải hứa sẽ giữ bí mật. Cháu có thể làm như vậy không?”

“Vâng.” Lyra nói.

Ông quay trở lại bàn làm việc, lấy ra từ ngăn kéo một gói nhỏ bọc vải nhung. Khi ông mở lớp vải, Lyra nhìn thấy một thứ giống một chiếc đồng hồ đeo tay lớn đồng hồ treo tường nhỏ: một chiếc đĩa đồng và pha lê dày. Đó có thể là một chiếc la bàn hoặc kiểu như vậy.

“Nó là gì vậy?” Lyra hỏi.

“Đó là một chiếc Chân-kế. Nó là một trong sáu chiếc duy nhất được chế tạo, Lyra, ta cảnh báo cháu một lần nữa, hãy bí mật tuyệt đối chuyện này. Sẽ tốt hơn nếu bà Coulter không biết về nó. Chú của cháu...”

“Nhưng nó dùng để làm gì?”

“Nó nói cho cháu biết sự thực. Còn về chuyện làm thế nào để đọc được nó, cháu sẽ phải tự tìm hiểu. Giờ thì đi đi, trời bắt đầu sáng rồi. Hãy nhanh chóng quay về phòng ngủ trước khi có ai nhìn thấy cháu.”

Ông gói chiếc máy lại và giúi vào tay cô. Nó nặng đến đáng ngạc nhiên. Rồi ông giơ hai tay ôm lấy đầu cô và dịu dàng ôm cô một lúc.

Cô cố nhìn lên ông, và nói: “Ông định nói gì về chú Asriel?”

“Chú của cháu tặng nó cho Học viện Jordan mấy năm trước. Có thể ông ấy...”

Trước khi ông kịp nói hết câu, có một tiếng gõ nhẹ gấp gáp vào cánh cửa. Cô có thể cảm thấy đôi tay ông bất giác run rẩy.

“Nhanh lên, cô bé.” Ông khẽ nói. “Các quyền lực của thế giới này rất mạnh mẽ. Những người đàn ông và đàn bà bị cuốn đi một cách dữ dội hơn cháu có thể tưởng tượng, và nó quét tất cả chúng ta theo dòng chảy của nó. Hãy ra đi thuận buồm xuôi gió nhé, Lyra. Chúa phù hộ cho cháu. Chúa phù hộ cho cháu. Hãy làm theo những dự định của mình.”

“Cảm ơn ông Hiệu trưởng.” Cô nói một cách nghiêm trang.

Ôm chặt chiếc Chân-kế vào ngực, cô rời khỏi phòng làm việc bằng cửa đi ra vườn, ngoái lại một chút để nhìn con nhân tinh của ông Hiệu trưởng đang nhìn cô qua bậc cửa sổ. Bầu trời đã sáng rõ hơn, luồng không khí thoáng đang đang khuấy động.

“Cô có thứ gì vậy?” bà Lonsdale hỏi, đóng sập chiếc vali nhỏ cũ sần.

“Ông Hiệu trưởng đưa cho cháu. Có cho nó vào vali được không?”

“Quá muộn rồi. Giờ thì tôi không mở ra nữa đâu. Chắc sẽ phải cho nó vào túi áo khoác của cô thôi, dù nó là thứ gì. Hãy nhanh chóng xuống

phòng. Đừng để họ phải đợi...”

Chỉ sau khi cô chào tạm biệt mấy người giúp việc có mặt tại đó, chào bà Lonsdale, cô mới nhớ ra Roger và lúc đó cô cảm thấy tội lỗi vì đã không nghĩ gì đến cậu từ khi gặp bà Coulter. Mọi chuyện xảy ra nhanh làm sao!

Giờ thì cô đang trên đường đến London: ngồi bên cửa sổ của khí cầu zeppelin, với chiếc móng vuốt nhỏ của chồn ecmin Pantalaimon biến thành cắm vào đùi, trong khi móng vuốt chân trước của nó đập vào tấm kính nó đang nhìn qua. Bên kia, bà Coulter đang làm việc với một số giấy tờ, nhưng bà nhanh chóng gạt nó sang bên để hai người nói chuyện. Một cuộc nói chuyện tuyệt vời! Lyra cảm thấy say sưa, lần này thì không phải về phương Bắc mà là về London, những nhà hàng và phòng khiêu vũ, những buổi dạ hội tại các Đại sứ quán hay Lãnh sự quán, về quan hệ ngầm giữa Nhà trắng và Westminster. Lyra gần như bị cuốn hút với chuyện này hơn là sự thay đổi phong cảnh bên dưới khí cầu. Những điều bà Coulter nói dường như được đi kèm với hương thơm của sự trưởng thành, một thứ vừa phiền phức vừa cám dỗ: đó là hương vị của sự quyến rũ.

Khí cầu hạ xuống Falkeshall Gardens, họ đi thuyền qua sông rộng màu nâu và đến khu biệt thự rộng lớn trên đường đi nơi một người gác cửa chào đón bà Coulter và nháy mắt với Lyra —người rất có ấn tượng với anh.

Và tiếp đến là những dãy phòng...

Lyra chỉ có thể tròn mắt kinh ngạc.

Cô đã nhìn thấy rất nhiều thứ đẹp với số tuổi ít ỏi của mình, nhưng đó là vẻ đẹp của Học viện Jordan, vẻ đẹp của Oxford to lớn, lạnh lẽo và đậm chất nam tính. Tại học viện Jordan, hầu hết mọi thứ đều tráng lệ, nhưng không duyên dáng. Trong ngôi nhà của bà Coulter, thứ nào cũng nữ tính. Nơi đó tràn ngập ánh sáng, vì những ô cửa sổ rộng quay về hướng nam, các bức tường được bao phủ bởi giấy dán tường kẻ sọc vàng và trắng rất tinh tế.

Những bức tranh đáng yêu có khung mạ vàng, một chiếc gương soi cổ, những chân đèn vui mắt đỡ lấy những chiếc đèn anbaric có chụp đèn xếp nếp, những tấm màn gió cũng xếp nếp, những vòng vải trên các ống cuộn màn gió, một tấm thảm họa tiết hình chiếc lá màu xanh lá cây nhạt mềm mại, những chiếc hộp sứ bé nhỏ đáng yêu và những đồ sứ in hình những cô gái chần cừ hay anh hề.

Bà Coulteri trước sự sững sờ của cô.

“Đúng thế, Lyra,” bà nói, “tại đây có rất nhiều thứ chỉ để cho cháu! Hãy cởi áo khoác ra và ta sẽ đưa cháu đến phòng tắm. Cháu sẽ tắm rửa, rồi sau đó chúng ta ăn trưa chút gì đó, rồi đi mua sắm...”

Phòng tắm lại là một điều tuyệt diệu khác. Lyra đã quen với việc tắm rửa bằng xà phòng cứng màu và một chiếc chậu sứ, trong đó nước chảy nhỏ giọt từ các vòi nước chỉ hơi ấm, và thường là đầy rỉ sắt. Nhưng nước ở đây nóng ấm, xà phòng màu hoa hồng và tỏa hương thơm nhẹ nhàng, khăn tắm dày và mềm mại như mây. Và xung quanh tấm gương nhuộm màu có những bóng đèn anbaric nhỏ xíu màu hồng, vì thế khi Lyra nhìn vào cô có thể thấy một khuôn mặt rực sáng trông chẳng giống Lyra cô vẫn nhìn thấy chút nào.

Pantalaimon đang bắt chước hình dáng con nhân tinh của bà Coulter, bò quanh miệng chiếc chậu và nhả mặt với cô. Cô đẩy nó vào chậu nước đầy xà phòng và đột nhiên nhớ tới chiếc Chân-kế trong túi chiếc áo khoác. Cô để chiếc áo trên một chiếc ghế trong phòng khác. Cô đã hứa với ông Hiệu trưởng là giữ bí mật không cho bà Coulter biết...

Ôi điều này thật khó hiểu. Bà Coulter thật tốt bụng và khéo léo, trong khi Lyra đã tận mắt chứng kiến ông Hiệu trưởng tìm cách đầu độc chú Asriel. Ai là người cô nghe lời hơn trong hai người này?

Cô hối hả lau khô người và nhanh chóng trở lại phòng khách, nơi chiếc áo khoác của cô vẫn còn nguyên chưa có ai động đến, tất nhiên là vậy.

“Sẵn sàng chưa?” Bà Coulter hỏi. “Ta nghĩ chúng ta nên đến ăn trưa tại Viện Bắc Cực Hoàng gia. Ta là một trong số rất ít các thành viên nữ, vì thế ta cũng nên sử dụng quyền mình có.”

Hai mươi phút đi bộ đưa họ đến một tòa nhà lớn phía trước lát đá, trong đó họ ngồi trong phòng ăn rộng với những tấm khăn trải bàn trắng muốt, các đèn bạc sáng loáng trên bàn ăn và ăn món gan bò cái cùng thịt ngỗng.

“Gan bò rất bổ,” bà Coulter nói với cô, “và gan hải cẩu cũng vậy, nhưng nếu chần ăn uống ở Bắc châu không được ăn gan gấu. Nó nhiều độc tố đến nỗi có thể giết chết cháu trong vài phút.”

Trong khi ăn, bà Coulter chỉ cho cô mấy thành viên khác đang ngồi ở các bàn bên.

“Cháu có nhìn thấy quý ông cao tuổi thắt cà vạt đỏ không? Đó là đại tá Carbone. Ông ấy đã thực hiện chuyến bay đầu tiên bằng khinh khí cầu đến Bắc Cực. Và người đàn ông cao ngồi gần cửa sổ vừa mới đứng dậy là Tiến sĩ Broken Arrow.”

“Ông ấy là người Skraeling phải không ạ?”

“Đúng vậy. Ông ấy là người đã chỉ ra các dòng đại dương trên Đại dương lớn phương Bắc...”

Lyra nhìn tất cả những người đó, những con người vĩ đại, với ánh mắt tò mò và kính sợ. Họ là các Học giả, không nghi ngờ gì nữa, cũng là những nhà thám hiểm. Tiến sĩ Broken Arrow chắc sẽ biết về gan gấu, cô nghi ngờ không biết ông Quản lý thư viện Học viện Jordan có biết điều này không.

Sau bữa trưa bà Coulter chỉ cho Lyra một vài trong số những di vật quý giá về Bắc cực trong Thư viện của Viện Bắc cực hoàng gia—cây lao móc đã giết chết con cá voi lớn Grimssdur, hòn đá có khắc một câu bằng ngôn ngữ không ai đọc được tìm thấy trong tay một nhà thám hiểm, Ngài Rukh, người bị chết cồng trong căn lều đơn độc của mình; một chiếc bật lửa được Thuyền trưởng Hudson dùng trong chuyến đi nổi tiếng của ông đến vùng đất của Van Tieren. Bà kể câu chuyện của từng di vật, và Lyra cảm thấy trái tim mình rung động vì khâm phục những người anh hùng vĩ đại, dũng cảm và xa lạ này.

Rồi sau đó họ đi mua sắm. Tất cả những điều trong cái ngày phi thường này là một trải nghiệm mới với Lyra, nhưng mua sắm là việc khiến cô choáng váng nhất. Bước vào một tòa nhà rộng mênh mông đầy những quần áo đẹp, nơi có những khách hàng mặc thử, nơi có thể nhìn mình trong các tấm gương... Và quần áo mới đẹp làm sao... Trước đây quần áo của Lyra do bà Lonsdale lo, phần nhiều trong số đó đã được cắt ngắn và sửa chữa từ quần áo cũ. Hiếm khi cô có thứ quần áo mới. Nếu có thì chúng được chọn lựa để mặc chứ không phải để ngắm. Cô chưa bao giờ lựa chọn thứ gì cho chính mình. Còn giờ đây bà Coulter đang gợi ý chiếc này, khen ngợi chiếc kia, trả tiền cho tất cả, và còn nhiều thứ khác nữa...

Khi họ đã mua sắm xong, Lyra thấy người nóng lên, mắt cô đỏ lên vì mệt. Bà Coulter yêu cầu phần lớn số quần áo được gói lại và chuyển về sau. Bà mang vài thứ theo người khi họ đi bộ về nhà.

Sau đó họ đi tắm, với bọt biển ướp hương thơm. Bà Coulter vào phòng tắm để gội đầu cho Lyra, bà không chải và lau tóc như bà Lonsdale thường làm. Bà thật nhẹ nhàng, Pantalaimon nhìn với vẻ rất ghen tị cho đến khi bà Coulter nhìn sang nó, và nó biết ý bà là gì và quay đi, chuyển ánh mắt khỏi những bí mật của phụ nữ một cách lịch sự như con khỉ vàng đang làm. Trước đây, chưa bao giờ nó phải quay mặt không được nhìn Lyra như thế.

Sau khi tắm xong là đồ uống ấm với sữa và thảo dược, cô mặc lên người chiếc váy ngủ vải flannel mới in hoa và viền ren vỏ sò, đôi tất chân bằng da cừu nhuộm xanh mềm mại. Giờ thì đã đến lúc đi ngủ.

Chiếc giường mới êm làm sao! Một cây đèn anbaric trên mặt bàn đầu giường! Và căn buồng ngủ thật ấm áp với chiếc tủ búp phê nhỏ và một chiếc tủ quần áo, một chiếc tủ com mốt để những quần áo mới mua của cô, một tấm thảm trải từ phía tường bên này sang bên kia, những tấm màn gió đáng yêu in hình trắng, sao và các hành tinh! Lyra nằm trần trọc, quá mệt đến mức khó có thể ngủ được say sưa để hỏi về bất cứ điều gì.

Khi bà Coulter đã chúc cô ngủ ngon với thái độ thật dịu dàng và đi ra, Pantalaimon kéo tóc cô. Cô xua nó đi, nhưng nó thì thâm. “Thứ đó đâu rồi?”

Cô hiểu ngay lập tức ý nó muốn nói đến điều gì. Chiếc áo khoác cũ sờn của cô treo trong tủ quần áo, mấy phút sau, cô quay lại giường ngủ, ngồi bắt chéo chân dưới ánh đèn Pantalaimon nhìn chăm chú trong khi cô mở lớp nhung đen và xem ông Hiệu trưởng đã đưa cho mình thứ gì.

“Ông ấy gọi nó là gì?” cô thì thầm.

“Một chiếc Chân-kế.”

Chẳng có lý do gì để hỏi cái tên đó có nghĩa gì. Nó nằm nặng trĩu trên hai bàn tay cô, chiếc mặt pha lê phát ra những tia sáng yếu ớt, chiếc thân bằng đồng là một chiếc máy thiết kế tinh xảo. Trông nó rất giống chiếc đồng hồ, hay một chiếc la bàn vì có những chiếc kim quay xung quanh mặt đồng hồ, nhưng thay vì các vạch chỉ giờ của đồng hồ hay phương hướng của la bàn, có rất nhiều những bức tranh nhỏ, mỗi bức đều vẽ rất sắc nét, như thể vẽ trên ngà voi bằng bút vẽ lông chồn zibeline loại mảnh nhất. Cô quay chiếc mặt vòng quanh để xem được hết chúng. Có một mỏ neo; một chiếc

đồng hồ cát, nổi lên trên là hình một chiếc đầu lâu, một con bò, một tổ ong...

Tất cả có ba mươi sáu bức tranh và cô thậm chí chẳng thể đoán nổi chúng có ý nghĩa gì.

“Nhìn này, có một bánh xe.” Pantalaimon nói. “Cậu thử đi xem có xoay được không?”

Thực ra, có ba chiếc bánh xe quay có khóa, ba chiếc kim này ngăn quay xung quanh mặt đồng hồ với những tiếng lách tách rất êm tai. Bạn có thể xoay chúng để chỉ vào bất cứ một bức tranh nào và khi đã nhảy vào vị trí đó, chỉ chính xác vào tâm điểm mỗi bức tranh thì nó sẽ không di chuyển nữa.

Kim thứ tư dài và mảnh hơn, và có vẻ được làm bằng thứ kim loại xỉn màu hơn ba chiếc còn lại. Lyra không thể điều khiển cho nó di chuyển, nó đứng đưa ở vị trí nó muốn, như một chiếc kim la bàn, ngoại trừ việc nó không thể xoay. Có nghĩa là một loại máy đo,” Pantalaimon nói, “như cái nhiệt kế. Cha tuyên úy từng bảo bọn mình thế.”

“Ừ, nhưng vậy thì thường quá.” Cô thì thầm trả lời. “Theo cậu nó dùng để làm gì?”

Chẳng ai trong chúng đoán ra được. Lyra chuyển các kim từ bức tranh này sang bức tranh khác (thiên thần, mũ cát, cá heo, quả địa cầu, đàn luyt, la bàn, nến, tia sét, ngựa) và quan sát chiếc kim dài treo trên vị trí cố định của nó. Trí tò mò của cô bị kích thích và thích thú bởi sự phức tạp và tinh tế của nó. Pantalaimon biến thành một chú chuột để lại gần chiếc máy hơn, và đặt chiếc móng nhỏ xíu của nó lên gờ chiếc máy, đôi mắt trông như hai chiếc cúc áo màu đen sáng lên đầy tò mò khi nó nhìn chiếc kim di chuyển.

“Theo cậu thì ông Hiệu trưởng có ý gì về chú Asriel?” cô hỏi.

“Có lẽ chúng ta phải giữ nó an toàn và trả lại cho ông ấy.”

“Nhưng suýt nữa ông Hiệu trưởng đã đầu độc chú ấy! Có lẽ ngược lại thì đúng hơn. Có lẽ ông ấy định nói là đừng đưa cho chú ấy.”

“Không,” Pantalaimon nói, “chính bà ấy mới là người chúng ta phải giữ bí mật về nó...”

Có tiếng gõ cửa khe khẽ.

Có tiếng bà Coulter. “Lyra, nếu là cháu thì ta đã tắt đèn đi rồi. Cháu mệt rồi, và sáng mai chúng ta rất bận rộn.”

Lyra giúi vội chiếc Chân-kế dưới tấm đệm.

“Vâng, thưa bà Coulter.” cô nói.

“Giờ thì chúc cháu ngủ ngon”

“Chúc bà ngủ ngon.”

Cô tụt xuống giường và tắt đèn. Trước khi chìm vào giấc ngủ, cô giấu chiếc Chân-kế dưới gối, để đề phòng bất trắc.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 5 Phần 1

Những ngày sau đó, Lyra đi khắp nơi cùng bà Coulter, cứ như thể cô là con nhân tinh của chính bà vậy. Bà Coulter quen biết rất nhiều người, và họ gặp gỡ ở tất cả mọi nơi. Vào buổi sáng, có thể có một cuộc họp của các nhà địa lý học tại Viện Bắc cực Hoàng gia, Lyra có thể ngồi bên cạnh lắng nghe; rồi sau đó có thể bà Coulter sẽ gặp một chính trị gia hay một mục sư để cùng ăn trưa trong những nhà hàng sang trọng. Họ rất quan tâm đến Lyra và gọi cho cô những món ăn đặc biệt, cô có thể học cách ăn măng tây hay nếm xem lá lách cừu non có mùi vị ra sao. Rồi sau đó, vào buổi chiều, có thể họ lại đi mua sắm, vì bà Coulter đang chuẩn bị cho chuyến thám hiểm của mình. Họ mua áo khoác lông thú, quần áo vải dầu và ủng không thấm nước, lại còn túi ngủ, dao và các dụng cụ để vẽ khiến trái tim Lyra bùng hồi hộp. Sau đó, có thể họ đi uống trà và gặp mặt vài quý bà: nếu không xinh đẹp, nhã nhặn như bà Coulter thì cũng ăn mặc đẹp như vậy — những người phụ nữ rất khác các nam học giả hay các bà mẹ chủ nhân các con thuyền của đám người Gypsy, hay những người giúp việc trong các học viện, gần như họ là một giới khác vậy, một giới với những đáng sợ và những phẩm chất như thanh lịch, duyên dáng và quyến rũ. Vào những dịp như vậy, Lyra được ăn mặc đẹp. Các quý bà rất chiều chuộng cô và kéo cô vào câu chuyện lịch thiệp nhẹ nhàng của họ, những câu chuyện toàn về con người: nghệ sĩ này, chính trị gia kia hay những người tình của họ.

Đến tối, bà Coulter có thể đưa Lyra đến rạp hát. Tại đây lại gặp những con người đầy lôi cuốn để cùng nói chuyện và ngưỡng mộ, vì dường như bà Coulter quen tất cả những người quan trọng ở London.

Vào những khoảng thời gian trống giữa tất cả những hoạt động đó, bà Coulter dạy cô những kiến thức sơ đẳng về vật lý học và toán học. Kiến thức của Lyra bị hỏng một khoảng lớn trong lúc này, như thể chiếc bản đồ thế giới bị chuột gặm một miếng to, vì tại Jordan họ dạy cô cách quăng và rời rạc. Một học giả tập sự có thể được giao trách nhiệm bắt cô về và dạy cô học theo một cách nào đó. Các bài học tiếp diễn trong buồn chán khoảng một tuần hoặc hơn cho đến khi cô “quên” không đến học, và Học giả đó được giải thoát. Hay nếu không thế thì người Học giả cũng quên mất cần phải dạy cô nội dung gì, và lên lớp cho cô những bài giảng dài bất tận về chuyên ngành ông đang nghiên cứu, dù đó là chuyên ngành gì. Không có gì đáng nghi ngờ về chuyện kiến thức cô học được rất chấp vá. Cô biết về nguyên tử và hạt cơ bản, bốn lực nền tảng và những thứ khác của thần học thực nghiệm nhưng chẳng biết chút gì về hệ mặt trời. Thế nên, khi bà Coulter nhận ra việc này và giải thích làm thế nào trái đất và năm hành tinh khác quay xung quanh mặt trời, Lyra đã cười ngặt nghẽo.

Tuy nhiên, cô rất giỏi trong việc thể hiện mình cũng biết được điều gì đó, và khi bà Coulter đang giảng giải cho cô về các điện tử, cô nói có vẻ rất thông thạo. “Vâng, chúng là các hạt điện tích âm. Một dạng như Bụi, ngoại trừ việc Bụi không được tích điện.”

Vừa nghe thấy cô nói đến đó, con nhân tinh của bà Coulter ngẩng phắt đầu lên nhìn cô, tất cả những sợi lông vàng trên cơ thể bé nhỏ của nó dựng đứng, như thể chính nó bị tích điện vậy. Bà Coulter đặt một tay lên lưng nó.

“Bụi à?” Bà hỏi.

“Vâng. Bà biết đấy, trong không gian, loại Bụi đó đấy.”

“Cháu biết gì về Bụi, Lyra?”

“À nó bay trong không gian, và nó chiếu sáng con người, nếu bà có một loại máy chụp đặc biệt để nhìn nó. Nhưng ngoại trừ trẻ con. Nó không

tương tác với trẻ con.”

“Cháu học được điều đó từ đâu vậy?”

Đến lúc đó, Lyra mới nhận thấy có một sự căng thẳng ngột thở trong phòng, vì Pantalaimon đã trèo vào lòng Lyra trong hình thù chú chồn ecmin và run rẩy ghê gớm.

“Chỉ là từ một người nào đó ở Jordan.” Lyra trả lời mập mờ. “Cháu quên mất là ai rồi. Cháu nghĩ đó là một trong số các học giả.”

“Có phải đó là một trong các bài học cháu được học không?”

“Vâng, có thể là như vậy. Nếu không có lẽ cháu chỉ tình cờ nghe được thôi. Vâng, cháu nghĩ đúng là như vậy. Học giả này, cháu nghĩ ấy đến từ Tân Đan Mạch, lúc đó ông ấy đang nói chuyện gì với Cha tuyên úy về Bụi và cháu chỉ đi ngang qua, thấy có vẻ thú vị đến nỗi không thể không lắng nghe. Chuyện là như thế đấy ạ.”

“Ta hiểu rồi,” bà Coulter nói.

“Có đúng như vậy không, điều ông ấy nói ấy? Cháu có nghe sai không?”

“À, ta không biết. Ta chắc cháu biết nhiều hơn ta. Hãy quay trở lại các hạt điện tử nào...”

Sau đó, Pantalaimon kể lại với Lyra. “Cậu có biết chuyện khi tất cả các sợi lông dựng đứng trên người con nhân tinh không? Lúc đó mình ở ngay sau nó, và bà ấy túm lông nó chặt đến nỗi các đốt ngón tay trắng bệch ra. Cậu không nhìn thấy đâu. Phải mất một lúc lâu lông nó mới xẹp xuống. Tớ nghĩ nó sắp vỗ cậu đến nơi.”

Điều này thật kỳ lạ, nhưng cả Lyra và con nhân tinh đều không thể giải thích được tại sao.

Cuối cùng là đến những bài học nhẹ nhàng và thú vị đến nỗi họ không cảm thấy là đang học, làm thế nào để tự gọi đầu; làm thế nào để xác định người nào hợp với màu nào; làm thế nào để nói chuyện mà không xúc phạm đến ai; làm thế nào để sử dụng son, phấn ước hoa. Chắc chắn, bà Coulter không trực tiếp dạy Lyra mấy môn nghệ thuật cuối cùng trên, nhưng bà biết Lyra đang quan sát khi bà tự trang điểm cho mình. Bà cẩn thận để cho Lyra biết bà cất đồ trang điểm ở đâu và cho cô có thời gian một mình khám phá hay thử lên mình.

Thời gian qua đi, thu bắt đầu ngả sang đông. Ngày này sang ngày khác, Lyra nghĩ về học viện Jordan, nhưng dường như nó thật nhỏ bé so với cuộc sống bận rộn của cô hiện nay. Cô cũng rất thường xuyên nghĩ về Roger. Cô cảm thấy không vui nhưng ở đây có một nhà hát để đến xem, một chiếc váy mới để mặc, hay Viện Bắc cực Hoàng gia để đến thăm, và rồi cô lại quên mất cậu.

Khi Lyra đã sống ở đó được khoảng sáu tháng, bà Coulter quyết định tổ chức một bữa tiệc Cocktail. Lyra có ấn tượng bữa tiệc này là nhằm kỷ niệm sự kiện nào đó, dù bà Coulter không bao giờ nói đó là sự kiện gì. Bà đặt hoa, mặc cả đồ ăn, nước uống với người cung cấp lương thực và dành cả buổi tối cùng Lyra quyết định khách mời.

“Chúng ta phải mời Đức Tổng giám mục, ta không thể loại ông ta ra được dù ông ta là một lão già hợm hĩnh đáng ghét. Ngài Boreal đang ở thành phố, ông ấy rất vui tính, và công chúa Postnikova. Cháu có nghĩ nên mời Erik Andersson không? Ta không biết đã đến lúc thu nạp ông ấy chưa?”

Erik Andersson là vũ công nổi tiếng nhất. Lyra không hiểu “thu nạp ông ấy” có nghĩa là gì, nhưng dù sao cô vẫn thích đưa ra ý kiến của mình. Cô cẩn thận viết tất cả những cái tên bà Coulter đề nghị, đọc to lên rồi gạch bỏ khi cuối cùng bà Coulter đưa ra quyết định phản đối.

Khi Lyra lên giường ngủ, Pantalaimon thì thầm bên gối.

“Bà ấy sẽ chẳng bao giờ lên phương Bắc đâu. Bà ấy sẽ giữ chúng ta ở đây mãi mãi. Khi nào thì chúng ta trốn đi vậy?”

“Chắc chắn bà ấy sẽ đi.” Lyra thì thầm trả lời. “Cậu không thích bà ấy. Ôi, thật là không hay. Mình thích bà ấy. Và tại sao bà ấy lại dạy bọn mình về hàng hải và tất cả những thứ đó nếu bà ấy không sắp đưa bọn mình lên phương Bắc?”

“Để xoa dịu sự nôn nóng của cậu, lý do là như vậy đấy. Cậu không thực sự muốn loanh quanh tại bữa tiệc Cocktail và cố tỏ ra ngọt ngào dịu dàng. Bà ấy chỉ đang làm cậu trở lên ngoan ngoãn như một con cún.”

Lyra quay lưng đi và nhắm mắt lại. Nhưng điều Pantalaimon nói là sự thật. Cô cảm thấy bức bối và bó buộc với cuộc sống tao nhã này rồi, dù nó rất sang trọng. Cô có thể từ bỏ tất cả những người bạn đầu đường xó chợ tại Oxford, với những trận chiến tại mỏ đất sét và cuộc rượt đuổi dọc bên sông trong một ngày. Điều khiến cô lễ phép và nghe lời bà Coulter là niềm hy vọng khốn khổ được lên phương Bắc. Có thể hợp Ngài Asriel. Có thể ông và bà Coulter sẽ phải lòng nhau, họ sẽ làm đám cưới rồi nhận Lyra làm con nuôi và đi cứu Roger khỏi tay bọn Gà trống tây.

Vào buổi chiều diễn ra bữa tiệc cocktail, bà Coulter đưa Lyra đến một hiệu làm tóc sang trọng tại đó mái tóc màu vàng sẫm cứng đờ của cô được làm mềm và uốn sóng, các móng tay cô được mài giũa và đánh bóng, tại đó người ta còn đánh mắt và thoa chút son cho cô để dạy cô cách tra điểm. Rồi họ đi lấy một chiếc váy bà Coulter đã đặt riêng cho cô, mua mấy đôi giày da sơn, rồi đã đến giờ về nhà để kiểm tra hoa và mặc váy áo.

“Không phải là ra ngoài cùng chiếc túi khoác đó đâu, cưng.” Bà Coulter nói khi Lyra ra khỏi phòng riêng, ánh mắt lấp lánh sự duyên dáng chỉ riêng bà có.

Lyra đã khoác một chiếc túi nhỏ màu trắng đến khắp nơi để giữ chiếc luôn bên mình. Bà Coulter bỏ bớt mấy bông hoa hồng ra khỏi bình và thấy Lyra không động đậy, nhìn chăm chăm ra ngoài cửa.

“Ôi, cháu xin bà đấy, bà Coulter cháu thực sự yêu quý chiếc túi này.”

“Nhưng không phải ở trong nhà, Lyra. Trông sẽ rất lố bịch nếu mang một chiếc túi khoác ngay trong nhà mình. Bỏ ngay nó ra và đến giúp ta kiểm tra những chiếc ly này.”

Sự bức bối của bà không làm Lyra tiếp tục lì lợm bằng mấy từ “ngay trong nhà mình”. Pantalaimon bay xuống sàn nhà và ngay lập tức biến thành một chú chồn nâu, uốn cong lưng dựa vào đôi tất ngắn đến mắt cá chân của cô. Được khích lệ bởi thái độ đó, Lyra nói:

“Nhưng không phải theo cách như vậy. Và nó là thứ duy nhất cháu thực sự thích mang theo. Cháu nghĩ nó thực sự phù hợp với...”

Cô khôn nói được hết câu, vì con nhân tinh của bà Coulter lao khỏi ghế sofa với bộ lông vàng mờ ảo và đè nghiêng Pantalaimon xuống tấm thảm trước khi nó kịp chạy. Lyra hét lên để báo động, sau đó là sợ hãi đau đớn, khi Pantalaimon giãy giụa, la hét và kêu gào vì không thể giải thoát khỏi nanh vuốt của con khi. Chỉ vài giây, con khi đã hoàn toàn chế ngự nó: với một tay màu đen hung dữ chặn ngang cổ họng và hai chân sau của nó kẹp lấy nửa người dưới của chú chồn nâu, nó gặm lấy hai tai Pantalaimon bằng tay kia và kéo giật như thể muốn xé rách nó. Không giận dữ, nhưng với một sức mạnh tàn nhẫn lạnh lùng khiến người ta hoảng sợ khi nhìn thấy và cảm giác còn khủng khiếp hơn khi cảm nhận thấy.

Lyra khóc nức nở vì hoảng sợ.

“Đừng! Xin hãy dừng lại! Đừng làm chúng tôi đau.”

Bà Coulter đưa mắt khỏi những bông hoa.

“Vậy hãy làm theo lời ta nói.” bà nói.

“Cháu xin hứa!”

Con khi vàng nhảy khỏi Pantalaimon như thể nó đột nhiên cảm thấy chán. Pantalaimon lần đến cạnh Lyra ngay lập tức, cô bế nó lên hôn hít và vuốt ve.

“Nào, Lyra,” Bà Coulter nói.

Lyra quay ngoắt người và đóng sầm cửa phòng ngủ, nhưng trước khi cánh cửa đóng lại, nó lại mở ra. Bà Coulter đã đứng cách đó chỉ vài mét.

“Lyra, nếu cháu cư xử thô lỗ và thiếu tế nhị như vậy, chúng ta sẽ có một cuộc đối đầu mà chắc chắn ta sẽ thắng. Hãy bỏ ngay chiếc túi ra. Ghìm nén sự bức dọc của cháu lại. Đừng bao giờ đóng sầm cửa mà để ta nghe thấy. Người khách đầu tiên sắp đến trong vài phút nữa, ta muốn họ sẽ thấy cháu cư xử lễ độ, ngọt ngào, duyên dáng, ngây thơ, ngoan ngoãn và vui vẻ. Ta đặc biệt mong muốn như vậy, Lyra, cháu có hiểu lời ta nói không?”

“Có thưa bà Coulter.”

“Vậy thì hãy hôn ta đi.”

Bà hơi cúi xuống và chìa má ra. Lyra phải đứng nhón mũi chân mới hôn được. Cô nhận thấy nó thật mịn màng, mùi da thịt hòa trộn của bà Coulter thơm ngát, nhưng có gì đó lạnh lẽo như kim khí. Cô quay đi và để chiếc túi lên bàn trang điểm trước khi theo bà Coulter trở lại phòng khách.

“Cháu thấy những bông hoa thế nào, cháu yêu?” Bà Coulter nói với giọng ngọt ngào như thể chưa có chuyện gì xảy ra. “Ta cho rằng người ta không thể sai lầm với những bông hồng, nhưng có thể có được nhiều điều tốt đẹp... Không biết những người cung cấp thực phẩm đã mang đủ đá đến

chưa? Hãy là một cô bé đáng yêu và đi hỏi cho ta. Đồ uống nóng thật là khủng khiếp...”

Lyra nhận thấy cũng khá dễ dàng để giả bộ nhẹ dạ đáng yêu, dù cô để ý từng cử chỉ thể hiện thái độ ghê tởm và căm ghét của Pantalaimon với con khỉ vàng. Ngay lúc đó, tiếng chuông vang lên, căn phòng nhanh chóng bị chiếm lĩnh bởi những quý bà ăn mặc hợp thời trang hay các quý ông hào hoa và đạo mạo. Lyra đi xung quanh họ với ly rượu Canapés hay mím cười ngọt ngào và trả lời thật lễ phép khi có người nói chuyện với cô. Cô cảm thấy như mình là một con vật yêu của chung tất cả người, và những lời cô nói là điều cô nghĩ. Pantalaimon sải đôi cánh màu vàng, kêu riu rít.

Cô cảm nhận được sự hân hoan của nó khi được thể hiện quyền lực của cô và trở nên khiêm tốn một chút.

“Cháu đã học ở trường nào vậy, cưng?” Một quý bà nhiều tuổi hỏi, nhìn Lyra chăm chú qua một chiếc kính cầm tay.

“Cháu không đến trường,” Lyra nói với bà

“Thật sao? Ta nghĩ mẹ cháu phải gửi cháu đến trường trước đây bà ấy học chứ. Một nơi rất tốt...”

Lyra cảm thấy bối rối cho đến khi cô nhận ra bà ta nhầm lẫn.

“À, bà ấy không phải là mẹ cháu. Cháu ở đây chỉ là để giúp công việc cho bà ấy thôi, cháu là trợ lý riêng của bà ấy,” cô nói vẻ quan trọng.

“Ta hiểu rồi. Vậy ai là người của cháu?”

Lại một lần nữa Lyra không hiểu ý của bà là gì trước khi trả lời.

“Họ là một bá tước và bá tước phu nhân,” cô trả lời. “Họ đều chết trong một tai nạn khí cầu ở phương Bắc.”

“Bá tước nào vậy?”

“Bá tước Belacqua. Đó là anh trai của ngài Asriel.”

Con nhân tình của quý bà lớn tuổi, một con vẹt đuôi dài màu đỏ thắm đang đứng đối chân liên tục như thể nó đang bực dọc chuyện gì. Quý bà đang bắt đầu bị cuốn hút bởi tính tò mò vì thế Lyra mỉm cười ngọt ngào rồi đi khỏi.

Cô đang đi qua một nhóm các quý ông và một phụ nữ trẻ gần chiếc sofa lớn thì nghe thấy chữ Bụi. Cô đã đủ biết về xã hội để hiểu àn ông và đàn bà tán tỉnh nhau, và cô theo dõi cuộc tán tỉnh đó với sự thích thú, dù cô còn thích thú hơn khi họ đề cập đến Bụi, cô dừng chân để lắng nghe. Mấy người đàn ông có vẻ là các học giả; từ cách người phụ nữ đang hỏi họ, Lyra cho rằng bà là một sinh viên về mặt nào đó.

“Nó được tìm thấy bởi một người Nga — hãy ngắt lời tôi nếu các vị đã biết điều này rồi...” Người đàn ông trung niên đang nói, trong khi đó người phụ nữ nhìn ông chăm chú với vẻ khâm phục. “Một người tên là Rusakov, và chúng thường được gọi tên là Hạt Rusakov, theo tên ông. Các hạt cơ bản không bao giờ tương tác với nhau theo bất cứ cách nào — rất khó phát hiện nhưng điều phi thường nhất là dường như chúng bị hút bởi con người.”

“Thật vậy sao?” Người phụ nữ trẻ nói, đôi mắt mở to.

“Và phi thường hơn nữa,” ông ta tiếp tục. “Một số người hút nó, nhưng trẻ con thì không. Ít nhất cũng không nhiều, cho đến khi không còn là thiếu niên nữa. Thực ra đây chính là lý do...” Người đàn ông hạ giọng và ông đến gần người phụ nữ hơn, đặt tay lên vai bà một cách tin tưởng. “Đó chính là lý do Ủy ban Tôn giáo được thành lập. Điều này thì nữ chủ nhân tốt bụng của chúng ta ấy có thể nói cho bà biết.”

“Thật sao? Bà ấy ở trong Ủy ban Tôn giáo. Đó hoàn toàn là kế hoạch của bà ấy...”

Người đàn ông đang định nói tiếp thì bắt gặp cái nhìn của Lyra. Cô nhìn lại ông không chớp mắt, có thể ông đã uống hơi nhiều, hay có thể ông muốn gây ấn tượng với người phụ nữ, vì ông nói:

“Quý cô nhỏ tuổi này biết tất cả về chuyện đó, tôi chắc chắn đấy. Cháu không liên quan gì đến Ủy ban Tôn giáo đấy chứ, phải không, đúng?”

“Ồ, vâng,” Lyra trả lời. “Cháu không liên quan gì đến tất cả mọi người ở đây. Nơi cháu thường sống, tại Oxford, có rất nhiều thứ nguy hiểm. Có những người Gypsy. Trẻ con bị bán cho người Thổ Nhĩ Kỳ làm nô lệ. Và ở cảng Meadow, vào ngày rằm còn có một con ma sói chạy ra từ nữ tu viện ở Godstow. Cháu từng nghe nó hú một lần. Và có bọn Gà trống tây...”

“Đó là điều tôi muốn nói đấy,” Người đàn ông nói. “Đó là tên họ đặt cho Ủy ban Tôn giáo phải không?”

Lyra cảm thấy Pantalaimon run bắn lên, nhưng nó đang thể hiện thái độ điềm hoàng. Nhân tinh của hai người lớn, một con mèo và một con bướm có vẻ không để ý đến.

“Bọn Gà trống tây à?” phụ nữ trẻ hỏi. “Cái tên nghe kỳ lạ thật đấy! Tại sao người ta lại gọi họ là bọn Gà trống tây?”

Lyra đang định kể cho bà nghe một trong những câu chuyện rừng rợn nhất cô từng đọc để dọa bọn trẻ con Oxford, nhưng người đàn ông đã bắt đầu nói.

“Về bản chất, các vị có nhận thấy không? Ủy ban Tôn giáo. Một ý tưởng cũ rích, thực tế là như vậy. Vào thời Trung cổ, cha mẹ có thể cho con vào nhà thờ để làm thầy tu hay nữ tu, và những đứa trẻ hỗn xược được coi là những người dâng hiến hết mình cho tôn giáo. Có nghĩa là một sự hi sinh, sự dâng tặng hay đại loại như vậy. Vì thế ý tưởng tương tự cũng được sử dụng khi người ta tìm kiếm Bụi... Như người bạn nhỏ của chúng ta có thể biết. Sao cháu không đến nói chuyện trực tiếp với Ngài Boreal?” ông nói

thêm với Lyra. “Ta chắc chắn là ông ấy muốn gặp người được bà Coulter bảo hộ... Ông ấy kia, người đàn ông tóc hoa râm có con nhân tinh rằn.”

Ông ta muốn thoát khỏi Lyra để có thể nói chuyện riêng tư thoải mái hơn với người phụ nữ, Lyra dễ dàng nhận ra điều đó. Nhưng có vẻ người phụ nữ trẻ vẫn rất quan tâm đến Lyra, nên quay khỏi người đàn ông để nói chuyện với cô.

“Dừng lại một chút đã... Tên cháu là gì nhỉ?”

“Lyra.”

“Cô là Adele Starminster. Cô là phóng viên. Chúng ta có thể nói chuyện riêng với nhau không?”

Chỉ nghĩ đơn giản là có thể ai đó sẽ muốn nói chuyện với cô, Lyra trả lời: “Vâng.”

Con nhân tinh bướm của người phụ nữ bay lên, lượn sang phải rồi sang trái và bay xuống để thì thầm gì đó để trả lời Adele Starminster nói. “Hãy đến chiếc ghế cạnh cửa sổ.”

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 5 Phần 2

Đây là chỗ ngồi ưa thích của Lyra; từ đây có thể nhìn ra sông, vào giờ này ban đêm, những ánh đèn điện anbaric dọc bờ nam lấp lánh rực rỡ do được phản chiếu dưới mặt nước đen khi thủy triều dâng lên cao. Một hàng xà lan được kéo bởi một chiếc tàu kéo đi ngược dòng sông. Adele Starminster ngồi xuống và ngồi dịch ra xa chiếc ghế bọc vải đề nhường chỗ.

“Giáo sư Docker nói rằng cháu có quan hệ thế nào đó với bà Coulter phải không?”

“Vâng.”

“Quan hệ thế nào vậy? Cháu không phải con gái bà ấy, hay đại loại như vậy đúng không? Cô cho rằng cô nên biết rằng...”

“Không!” Lyra nói. “Tất nhiên là không. Cháu chỉ là trợ lý riêng cho bà ấy.”

“Trợ lý riêng của bà ấy sao? Cháu hơi nhỏ quá đấy, đúng vậy không? Cô nghĩ cháu có họ hàng gì đó với bà ấy hoặc sao đó. Bà ấy là người thế nào?”

“Bà ấy rất thông minh.” Lyra nói. Trước buổi tối nay thì cô đã có rất nhiều chuyện để nói nhưng mọi chuyện đã thay đổi.

“Đúng, nhưng về mặt tính cách cơ,” Adele Starminster nhấn mạnh. “Ý cô là bà ấy thân thiện hay nóng nảy hay sao đó? Cháu có sống ở đây với bà ấy khề đời sống riêng tư thì bà ấy thế nào?”

“Bà ấy rất tốt,” Lyra nói với giọng thân nhiên.

“Cháu làm loại công việc gì? Làm thế nào cháu giúp bà ấy được?”

“Cháu làm các phép tính toán và tất cả chỉ có thế. Như các phép toán trong ngành hàng hải.”

“A, cô hiểu rồi... Và cháu đến từ đâu vậy? Cho cô hỏi lại một lần nữa tên cháu là gì?”

“Lyra. Cháu đến từ Oxford.”

“Tại sao bà Coulter lại đưa cháu đến...”

Cô ta đột ngột dừng lại vì chính bà Coulter đang đến gần. Qua cách Adele Starminster ngược lên nhìn bà, và cách con nhân tình của cô đang bay một cách kích động quanh đầu chủ, Lyra có thể thấy rằng người phụ nữ trẻ này không được mời tới bữa tiệc.

“Tôi không biết tên cô,” bà Coulter nói rất khẽ, “nhưng tôi sẽ tìm ra trong vòng năm phút, và sau đó cô sẽ không bao giờ còn làm nghề phóng viên nữa. Giờ thì hãy đứng lên thật lặng lẽ, không gây ồn ào, và rời khỏi đây ngay. Tôi phải nói thêm rằng dù ai là người đưa cô đến đây thì người đó cũng sẽ phải chịu hậu quả.”

Dường như bà Coulter được nạp vào thứ gì đó kiểu như năng lượng anbaric. Thậm chí mùi hương của bà cũng thay đổi, một mùi nóng kim loại đun sôi, bốc ra từ cơ thể bà. Lyra đã cảm nhận thấy nó lúc trước, nhưng giờ cô mới thấy nó nhằm vào một người nào đó, và Adele Starminster đáng thương không có cách gì chống chọi lại được. Con nhân tình của cô nằm ử rũ trên vai cô, vỗ đôi cánh rực rỡ của nó một hai lần trước khi lả đi, và chính người phụ nữ dường như cũng không thể đứng vững được. Né người sang bên một cách khó nhọc, cô đi qua những người khách đang nói

chuyện to tiếng và ra khỏi cửa phòng khách. Một tay cô bám chặt trên vai để giữ con nhân tinh đang bất tỉnh.

“Có chuyện gì vậy?” Bà Coulter nói với Lyra.

“Cháu không nói bất cứ điều gì quan trọng với cô ấy đâu,” Lyra nói.

“Cô ta hỏi han những gì?”

“Chỉ là chuyện cháu đang làm gì và cháu là ai, và những đại loại như vậy.”

Khi nói đến đó, Lyra để ý rằng bà Coulter chỉ có một mình, không có con nhân tinh bên cạnh. Làm sao có thể như vậy được? Nhưng chỉ một lát sau, con khi vàng xuất hiện bên cạnh bà và bà cúi xuống nắm tay nó, nhẹ nhàng nhắc nó lên vai. Dường như ngay lập tức bà lại dịu xuống.

“Nếu cháu gặp phải người nào rõ ràng là khách không mời, đừng a, hãy tìm ta được chứ?” Mùi kim loại nóng chảy đã biến mất. Có thể Lyra chỉ tưởng tượng ra như vậy. Cô lại ngửi thấy hương thơm của bà Coulter, mùi hoa hồng, mùi xì gà, mùi nước hoa của những người phụ nữ khác. Bà Coulter mỉm cười với Lyra theo cách dường như hàm ý nói “Cháu và ta hiểu chuyện này phải không nào?” rồi chào đón các vị khách khác.

Pantalaimon đang thì thầm vào tai Lyra.

“Trong khi bà ta ở đây, con nhân tinh của bà ấy đang lên ra khỏi phòng của chúng ta. Nó đã lục soát. Nó đã biết về chiếc Chân-kế.”

Lyra cảm thấy có thể đúng như vậy nhưng cô chẳng làm gì được. Ông Giáo sư đó đã nói gì về bọn Gà trống tây? Cô nhìn quanh để tìm lại ông ta, nhưng ngay khi cô vừa nhìn thấy ông thì người gác cổng (trong bộ đồ người phục vụ buổi tối) cùng một người đàn ông khác vỗ vai ông Giáo sư và nói khẽ gì đó với ông ta tái mặt và theo họ ra ngoài. Chuyện đó không

mất hơn hai giây, và được làm kín đáo đến mức khó ai nhận ra. Nhưng nó khiến Lyra cảm thấy lo lắng và bức bối.

Cô lang thang qua hai phòng lớn nơi bữa tiệc đang diễn ra, nửa lắng nghe những cuộc nói chuyện xung quanh mình, nửa bị cuốn hút bởi mùi cocktail mà cô không được phép thử. Cô không nhận thấy ai đó đang quan sát mình cho đến khi người gác cổng hiện ra bên cạnh và cúi mình nói:

“Cô Lyra, quý ông bên lò sưởi muốn nói chuyện với cô, nếu cô chưa biết thì đó là ngài Boreal.”

Lyra nhìn sang phía bên kia căn phòng. Người đàn ông tóc hoa râm trông có vẻ quyền lực đang nhìn thẳng vào cô, và khi mắt họ gặp nhau, ông gật đầu và vẫy tay.

Chần chừ, nhưng lại thấy thích thú, cô bước đến.

“Chào buổi tối, cô bé.” Ông ta nói. Giọng ông nhẹ nhàng và oai vệ. Chiếc đầu bọc giáp sắc đôi mắt màu lục bảo của con nhân tinh của ông lấp lánh trong ánh đèn treo trên tường gần đó.

“Xin chào ông.” Lyra nói.

“Ông Hiệu trưởng Jordan bạn cũ của tôi thế nào rồi?”

“Rất khỏe thưa ông.”

“Ta nghĩ chắc tất cả bọn họ đều cảm thấy nuối tiếc khi chia tay cháu.”

“Vâng đúng thế ạ.”

“Và bà Coulterng bắt cháu bận bịu phải không? Bà ấy đang dạy cháu những gì vậy?”

Vì Lyra đang cảm thấy nổi loạn và khó chịu, cô không muốn trả lời câu hỏi trên theo đúng sự thật hay với thái độ vui nhộn thường xuyên của mình. Thay vào đó, cô nói:

“Cháu đang học về Hạt Rusakov, và về Ủy ban Tôn giáo.”

Dường như ông ta chú ý ngay lập tức, giống như cách người ta hội tụ tia sáng của một chiếc đèn lồng anbaric. Mọi sự chú ý của ông ta đều dồn cả vào Lyra.

“Cháu nên kể cho ta cháu biết những gì,” ông ta nói.

“Người ta đang tiến hành các thí nghiệm tại phương Bắc,” Lyra nói. Giờ thì cô cảm thấy liêu lĩnh. “Như tiến sĩ Grumman chẳng hạn.”

“Tiếp đi.”

“Họ có được loại ảnh đặc biệt này tại nơi ông có thấy Bụi, và khi ông nhìn thấy một người đàn ông trong tình trạng như thế mọi tia sáng đang tụ lại tại người đó, không có tia sáng nào chiếu vào đĩa trẻ cả. Ít nhất cũng không nhiều.”

“Bà Coulter đã cho cháu xem một bức ảnh như thế à?”

Lyra lưỡng lự, vì đây không phải là nói dối mà là một điều gì đó khác và cô không quen như thế.

“Không,” cô trả lời sau một lúc, “cháu xem bức ảnh đó tại học viện Jordan.”

“Ai cho cháu xem vậy?”

“Ông ấy không thực sự cho cháu xem,” Lyra thừa nhận. “Cháu chỉ tình cờ đi qua và nhìn thấy. Và sau đó Roger bạn cháu bị Ủy ban Tôn giáo bắt đi. Nhưng...”

“Ai cho cháu xem bức ảnh đó?”

“Chú Asriel của cháu.”

“Khi nào vậy?”

“Vào lần gần đây nhất khi chú ấy đến Học viện Jordan.”

“Ta hiểu rồi. Và cháu còn được học gì nữa? Có phải ta nghe cháu nhắc đến Ủy ban Tôn giáo không nhỉ?”

“Vâng nhưng cháu không được nghe về nó từ chú ấy. Cháu nghe được ở đây.”

Điều này là sự thực, cô nghĩ.

Ông ta đang nhìn cô chăm chú. Cô nhìn lại với tất cả vẻ ngây thơ cô có. Cuối cùng ông ta gật đầu.

“Vậy chắc hẳn bà Coulter phải quyết định cháu đã sẵn sàng trợ giúp bà ấy trong công việc đó. Thú vị thật. Cháu đã tham gia vào chưa?”

“Chưa ạ.” Lyra trả lời. Ông ta đang nói đến chuyện gì vậy nhỉ? Pantalaimon đang ở trong hình dạng ít diễn cảm nhất của nó, một chú bướm đêm, và không thể phản bội những cảm giác của cô vì cô chắc chắn mình có thể giữ cho nét mặt thật ngây thơ.

“Bà ấy đã nói cho cháu biết chuyện gì xảy ra với bọn trẻ chưa?”

“Chưa, bà ấy không nói cho cháu biết chuyện đó. Cháu chỉ biết công việc đó liên quan đến Bụi, và như một sự hi sinh.”

Lại một lần nữa, đó không chính xác là một lời nói dối, cô nghĩ; cô chưa bao giờ nói chính bà Coulter đã nói cho cô biết.

“Hi sinh là một cách nói kịch hơn. Những gì xảy ra là vì lợi ích của chúng cũng như của chúng ta. Và tất nhiên chúng đều đến với bà Coulter một cách tự nguyện. Đó là lý do tại sao bà ấy rất quý giá. Bọn trẻ phải muốn được góp phần, có đứa trẻ nào lại từ chối bà ấy chứ? Và nếu bà ấy cũng sắp dùng cháu để lôi kéo chúng, có lẽ còn hiệu quả hơn nhiều. Ta thấy rất hài lòng.”

Ông ta mỉm cười với cô giống như cách bà Coulter đã cười: như thể cả hai bọn họ đều đang có cùng một bí mật. Cô mỉm cười lịch sự đáp lại và ông ta quay đi để nói chuyện với người khác.

Cô và Pantalaimon có thể cảm nhận thấy sự sợ hãi của nhau. Cô muốn một mình đi khỏi và nói chuyện với nó; cô muốn rời khỏi căn phòng, cô muốn quay trở lại Học viện Jordan và căn phòng nhỏ bé tồi tàn của mình trên cầu thang số Mười hai, cô muốn tìm ngài Asriel...

Và như thế là câu trả lời cho mong muốn cuối cùng của cô, cô nghe thấy có người nhắc đến tên ông, và đến gần nhóm người đang bàn luận với cái cố là lấy thêm bánh nướng từ chiếc đĩa trên bàn. Người đàn ông mặc chiếc áo đỏ tía của giám mục đang nói:

”Không, tôi không nghĩ sẽ có một lúc nào đó ngài Asriel gây phiền phức cho chúng ta.”

“Ông vừa nói ông ta đang bị giữ ở đâu nhỉ?”

“Trong một pháo đài tại Svalbard, tôi nghe nói thế. Bị canh giữ bởi panserbjorne, ông biết đấy, có nghĩa là những con gấu mặc áo giáp sắt. Những sinh vật ghê tởm! Ông ta sẽ không trốn thoát khỏi chúng nếu mạng sống của ông ta đáng giá hàng nghìn. Thực tế là tôi thực sự nghĩ mọi chuyện rất rõ ràng, gần như rất rõ ràng...”

“Thí nghiệm cuối cùng đã khẳng định điều tôi luôn tin tưởng rằng Bụi xuất phát ra từ nguyên lý bóng tối, và...”

“Tôi đâu có bảo vệ Đạo thờ lửa dị giáo...”

“Thường thì thế nào là dị giáo...”

“Và nếu chúng ta có thể cô lập nguyên lý bóng tối...”

“Svalbard, có phải ông đã nói thế không?”

“Những con gấu mặc áo giáp...”

“Ủy ban Tôn giáo...”

“Bọn trẻ không bị đau đớn, tôi chắc chắn như vậy...”

“Ngài Asriel đã bị cầm tù...”

Lyra đã nghe đủ, cô quay đi, khễ khàng đi về phòng và đóng cửa lại. Sự ồn ào của bữa tiệc lập tức bị chặn lại bên ngoài cánh cửa.

“Thế nào?” cô thì thầm, nhân tình của cô trở thành chú chim kim tước trên vai cô.

“Chúng ta sẽ trốn khỏi đây chứ?” nó thì thầm đáp lời.

“Tất nhiên, nếu chúng ta đi ngay bây giờ khi còn rất nhiều người ở đây, có thể bà ta sẽ không để ý.”

“Nó sẽ phát hiện ra.”

Ý Pantalaimon nói đến con nhân tình của bà Coulter. Khi Lyra nghĩ đến bóng dáng màu vàng của nó, cô cảm thấy run lên vì sợ hãi.

“Lần này mình sẽ chiến đấu với nó.” Pantalaimon nói với giọng can đảm. “Mình có thể thay đổi hình dáng còn nó thì không. Mình sẽ thay đổi nhanh đến mức nó không thể bắt được mình. Lần này mình sẽ thắng, rồi cậu sẽ thấy.”

Lyra gật đầu lia lịa. Cô nên mặc gì đây? Làm thế nào cô có thể ra khỏi đây mà không bị nhìn thấy?

“Cậu phải ra thám thính trước.” cô thì thầm.

“Ngay khi an toàn chúng ta sẽ chạy biến thành bướm đêm,” cô nói thêm. “Hãy nhớ nhé, ngay lúc không ai để ý...”

Cô hé mở một khe cửa và nó lên ra, nấu mình trong ánh đèn màu vàng ấm áp ở hành lang.

Trong lúc đó, cô hối hả khoác vào người những quần áo ấm nhất cô có và nhét thêm mấy chiếc vào một trong chiếc túi mua từ cửa hàng thời trang họ thường đến mỗi chiều. Bà Coulter tiêu tiền như rác, và dù bà tiêu xài hoang phí, vẫn còn rất nhiều túi da sói của bà.

Cuối cùng cô gói chiếc Chân-kế trong tấm vải bọc nhung của nó. Không biết con khỉ già ghê tởm đó đã tìm ra nó chưa? Chắc chắn nó đã tìm thấy, chắc chắn nó đã nói cho bà ta biết. Ôi, giá mà cô giấu nó kỹ hơn.

Cô nhón chân ra khỏi cửa. Phòng cô mở cửa ra cuối hàng lang gần đại sảnh nhất, thật may mắn là phần lớn khách mời đang ở trong hai căn phòng lớn phía xa hơn hành lang. Có tiếng người nói ồn ào, tiếng cười, tiếng xả nước khe khẽ trong phòng rửa mặt, tiếng cốc tách leng keng, và rồi tiếng chú bướm đêm khe vang lên bên tai cô:

“Nào! Nhanh chân lên!”

Cô lao qua cửa và chạy vào đại sảnh, trong chưa đầy ba giây cô đã mở cửa trước của căn phòng. Ngay lập tức cô đi qua và nhẹ nhàng kéo cánh cửa đóng lại, cùng với Pantalaimon, một chú chim kim tước, cô chạy đến chỗ cầu thang và biến mất.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 6

Cô nhanh chóng đi xa con sông, vì bờ đê rất rộng rãi và sáng sủa. Giữa nơi đây và viện Bắc cực Hoàng gia, nơi duy nhất Lyra chắc chắn mình có thể tìm thấy là những con đường rối rắm, giờ thì cô đang vội vã đi trong mê cung đêm tối.

Giá mà cô cũng thông thuộc London như Oxford! Nếu thế cô có thể biết đường nào cần tránh, hay chỗ nào cô có thể xoay chút đồ ăn, hơn cả là cánh cửa nào có thể gõ và xin trú nhờ. Trong đêm lạnh đó, những con hẻm tràn đầy bóng tối xung quanh đang sống động với sự chuyển động và đời sống bí mật của nó, cô chẳng biết điều gì trong số đó.

Pantalaimon biến thành một con mèo hoang đã dò xét bóng tối xung quanh với đôi mắt trong suốt. Nó thường xuyên dừng lại, xù lông, Lyra có thể núp vào một gần đó. Đêm ngập tràn âm thanh: những tiếng cười vỡ òa của đám người say rượu, hay tiếng khàn khàn đang vang lên từ một tầng hầm. Lyra cẩn thận đi qua tất cả, các giác quan của cô căng ra và hòa vào cùng giác quan của Pantalaimon trong bóng tối đầy ắp những con hẻm chật hẹp.

Rất nhiều lần cô phải băng qua một con đường rộng sáng hơn, nơi những chiếc xe điện kêu leng keng dưới những sợi cáp anbaric. Có những quy định khi qua đường tại London, nhưng cô không quan tâm, và khi có ai đó la lên, cô chạy trốn thật nhanh.

Thật sung sướng vì lại được tự do. Cô biết rằng Pantalaimon lúc đó đang đi trên móng vuốt mèo hoang, cũng cảm nhận được niềm vui giống cô khi được ở trong bầu không khí bên ngoài, dù là màn không khí âm u đầy

sương khói và âm thanh lạnh lạnh chói tai. Rồi sẽ đến lúc họ phải suy nghĩ về ý nghĩa của những điều đã nghe được trong nhà bà Coulter, nhưng chưa phải lúc này. Cuối cùng, sẽ đến lúc họ phải tìm một nơi để ngủ.

Tại một ngã tư gần một cửa hàng bách hóa lớn, nơi những khung cửa sổ chiếu sáng rực rỡ hắt ánh sáng ra vỉa hè ẩm ướt, có một cửa hàng cà phê: một túp lều có bánh xe để một quầy hàng dưới một gờ hiên bằng gỗ. Ánh đèn vàng hắt sáng từ bên trong và hương cà phê tỏa ra. Ông chủ cửa hàng mặc áo khoác trắng đang lau chùi quầy hàng và nói chuyện với vài người khách.

Thật là hấp dẫn! Lyra đã đi bộ được một tiếng đồng hồ. Ngoài trời thật lạnh lẽo và ẩm ướt, Cùng Pantalaimon trong hình dáng con vẹt, cô đi vào quầy hàng vàng chân để người chủ chú ý.

“Cho cháu một tách cà phê và một bánh kẹp nhé,” cô nói.

“Cháu vào hàng muộn quá, cháu yêu.” Người đàn ông đội mũ chóp cao và quần khăn quàng cổ lụa trắng nói với cô.

“Vâng” cô nói, quay mặt khỏi ông ta để quan sát ngã tư đông đúc. Nhà hát gần đó vừa kết thúc buổi diễn, mọi người đang đi lại loanh quanh trong phòng chờ, gọi xe ngựa, choàng áo khoác lên vai. Theo một hướng khác là lối vào ga xe lửa ngầm, nơi mọi người đang túa ra, đi lên đi xuống tấp lập.

“Của cháu đây, nhóc.” Người đàn ông bán cà phê nói. “Hai si-linh.”

“Để tôi trả tiền cho,” người đàn ông đội mũ chóp cao nói.

Lyra nghĩ, tại sao lại không? Mình có thể chạy nhanh hơn ông ta, và mình sẽ cần tất cả số tiền mình có vào việc sau này. Người đàn ông đội mũ thả một đồng xu lên quầy hàng và cúi xuống mỉm cười với cô. Nhân tình của ông ta là một con vượn cáo. Nó đang treo người trên ve áo ông, tròn mắt nhìn Lyra.

Cô cắn một miếng bánh và tiếp tục quan sát đường phố đông đúc. Cô không biết mình đang ở đâu, vì cô chưa bao giờ xem bản đồ London, thậm chí cô còn không biết nó lớn đến đâu và mình cần đi bao xa để ra ngoại thành.

“Tên cháu là gì?” ông ta hỏi.

“Alice.”

“Đó là một cái tên đáng yêu. Để ta cho một giọt này vào cà phê của cháu... Cho cháu ấm người lên...”

Ông ta đang mở nút một chiếc chai bệt đựng rượu bằng bạc.

“Cháu không thích thế,” Lyra nói. “Cháu chỉ thích cà phê thôi.”

“Ta cá là cháu chưa từng uống rượu brandy kiểu này trước đây.”

“Cháu đã uống rồi, và cháu đã bị say lê lết. Cháu uống sạch cả một chai hay gần như vậy.”

“Tùy ý cháu thôi,” người đàn ông nói, nghiêng chai rượu vào cốc cà phê của mình. “Cháu đang đi đâu vậy, lại có một mình thế này?”

“Đi gặp cha cháu.”

“Thế ông ấy là ai?”

“Ông ấy là một kẻ giết người.”

“Ông ấy sao cơ?”

“Cháu đã nói rồi, ông ấy là một kẻ giết người. Đó là nghề của ông ấy. Đêm nay ông ấy đang làm một phi vụ. Cháu có đem theo quần áo sạch cho

ông ấy đây, vì cả người ông ấy thường đầm đìa máu khi ông ấy làm xong việc.”

“À cháu đang đùa ta rồi.”

“Cháu không đùa.”

Con Vượn cáo thốt ra những tiếng meo meo khe khẽ vừ từ trèo lên phía sau đầu người đàn ông và nhìn cô chăm chăm.

“Chúc ngủ ngon,” cô nói. “Cháu có thể thấy bố cháu đang đến. Trông ông ấy hơi giận dữ.”

Người đàn ông đội mũ chóp cao liếc nhìn quanh, Lyra bước về phía đám đông tại nhà hát. Cô mong muốn được nhìn thấy đường xe lửa ngầm biết bao (bà Coulter nói nó không được xây dựng cho những người thuộc giai cấp của họ). Cô cũng rất sợ sẽ bị bắt ở dưới đó. Tốt hơn là nên ở ngoài, nơi cô có thể chạy nếu buộc phải vậy.

Cô lại tiếp tục đi, những đại lộ trở nên tối hơn và vắng vẻ hơn. Trời đang mưa phùn, nhưng dù không có đám mây nào, bầu trời thành phố cũng quá ẩm đậm với những á đèn để có thể nhìn thấy những ngôi sao. Pantalaimon nghĩ rằng họ đang đi về hướng Bắc, nhưng cả hai đều không thể chắc chắn về điều này.

Những đại lộ dài bất tận hai bên là những căn nhà gạch giống hệt nhau, với những mảnh vườn chỉ đủ lớn để đặt thùng rác. Những nhà máy lớn tồ tàn phía sau hàng rào thép gai, với một chiếc đèn anbaric treo trên tường cao và một người bảo vệ đêm đang ngáy ngon lành bên cạnh chiếc lò than. Thịnh thoàng có một nhà nguyện đáng vẻ sầu thảm, trông chẳng khác nhà kho là mấy. Mỗi khi thử gõ cửa một trong những nơi đó, cô chỉ nghe thấy tiếng rên rĩ trong bóng tối.

“Chúng mình đi đâu để ngủ bây giờ, Pan?” Cô hỏi khi họ lê bước xuống con phố toàn những dãy cửa hàng đã đóng cửa.

“Sẽ có một lối đi nào đó.”

“Nhưng mình không muốn bị bắt gặp. Ở đây trống trải lắm.”

“Dưới kia có một con sông...”

Nó đang nhìn sang bên trái xuống một con đường. Không nghi ngờ gì nữa, những vệt sáng lấp lánh cho thấy một vùng nước, và khi họ cẩn thận đến gần để nhìn, họ thấy một con kênh nhỏ có hơn chục chiếc thuyền mui đang buộc bên bờ. Một chiếc đang ở cao trên mặt nước, mấy chiếc thấp hơn và đã được chất hàng dưới những chiếc cần cầu trông như giá treo cổ. Một ánh đèn tù mù chiếu sang khung cửa sổ một túp lều gỗ, mùi khói tỏa ra từ ống khói kim loại. Bến tàu đầy những thù gỗ tròn, những cuộn dây cáp.

Lyra nhón chân lên và nhìn qua khung cửa sổ căn lều. Một ông già đang chăm chú đọc một trang truyện tranh và hút tẩu thuốc, con nhân tinh giống chó Tây Ban Nha cuộn tròn ngủ trên bàn. Khi cô nhìn vào, người đàn ông đứng dậy và mang một chiếc ấm đun nước muối bám đen từ chiếc lò sắt và đổ ít nước nóng vào một chiếc chén vại đã nứt trước khi lại ngồi xuống với tờ báo của mình.

“Chúng ta có nên xin ông ta cho vào nhà không, Pan?” Cô thì thầm, nhưng nó không chú ý. Nó đang trong hình dáng một con dơi, rồi một con cú, rồi lại thành con mèo hoang. Cô nhìn khắp xung quanh, bắt gặp sự hoang mang của nó, cùng một lúc, cả hai nhìn thấy hai người đàn ông chạy về phía cô, từ hai phía, người gần hơn cầm một chiếc bẫy ném.

Pantalaimon thốt ra một tiếng kêu hốt hoảng và trong hình hài một con báo, nó lao đến của người đàn ông gần hơn, một con cáo trông rất hung tợn, xô mạnh vào chân sau nó khiến nó vướng vào chân người đàn ông. Ông ta

chửi thề rồi đứng tránh sang bên, Lyra thừa cơ chạy xuống khoảng trống của bến tàu. Cô không thể đứng im chờ chết được.

Pantalaimon giờ là một con đại bàng, xà xuống bên cô và hét. “Bên trái! Bên trái!”

Cô chạy chệch theo hướng đó, thấy một khe trống giữa những thùng than và một chiếc thùng kim loại, cô lao vào đó như một viên đạn.

Nhưng chiếc bẫy ném đã lao đến!

Cô nghe thấy một tiếng rít trong không khí, sát má cô có gì đó quật vào đầu nhói, những sợi dây bôi hắc ín ghê tởm trùm qua mặt cô, cánh tay cô, hai bàn tay cô bị kéo giật và trùm chặt lấy cô. Cô ngã xuống, gào thét, khóc lóc, và giãy giụa trong tuyệt vọng.

“Pan! Pan!”

Nhưng con nhân tinh cáo đang xé con mèo Pantalaimon, Lyra cảm thấy chính mình đang đau đớn, cô bật khóc to khi nó ngã xuống. Một gã đàn ông đang buộc chặt sợi dây thừng xung quanh người cô, quanh tay chân, cổ họng, đầu, lăn đi lăn lại cô trên nền đất ẩm. Cô không thể cầu cứu sự giúp đỡ, giống hệt như một con ruồi bị con nhện chộp được. Pantalaimon đau đớn tội nghiệp đang căng mình ra để chạy về phía cô, con nhân tinh cáo đang chặn trên lưng, nó không còn chút sức lực nào để xoay chuyển tình thế. Gã đàn ông còn lại đang nằm trên vũng nước, với một mũi tên xuyên qua họng.

Mọi chuyện như ngừng lại khi gã đang buộc chiếc bẫy nhìn thấy bạn mình.

Pantalaimon đứng lên và chớp mắt, rồi sau đó là tiếng rơi ngã, rồi gã đàn ông ngổng ngang qua người Lyra, thở khò khè và mồm há hốc. Cô hét lên vì sợ hãi, má phụt ra từ người gã.

Những bước chân đang chạy, ai đó kéo người đàn ông đi, rồi một cánh tay khác nhấc Lyra lên, một con dao lách vào và kéo những vòng dây đứt dần, cô giăng chúng ra, phun phì phì và lao đến bên Pantalaimon.

Vừa quỳ, cô vừa quay ra nhìn những người mới đến. Ba người đàn ông trong bóng tối, một người cầm cung tên, hai người còn lại cầm dao găm. Khi cô quay ra, người đàn ông cầm cung tên thốt lên:

“Kia không phải Lyra sao?”

Một giọng nói rất quen, nhưng cô không thể nhớ ra cho đến khi anh ta bước về phía cô và ánh sáng chiếu vào khuôn mặt cùng con nhân tinh điều hâu trên vai anh. Giờ thì cô nhận ra rồi. Một người Gypsy Oxford thật sự.

“Tôi là Tony Costa,” anh ta nói. “Cô có nhớ không? Cô thường chơi với em trai Billy của tôi trên những chiếc thuyền ở Jericho, trước khi bọn Gà trống tây bắt cóc nó.”

“Ôi, Chúa ơi, Pan, chúng ta an toàn rồi!” cô khóc thốn thức, nhưng sau đó một ý nghĩ lướt qua trong tâm trí cô: cô đã tấn công chính thuyền của nhà Costa hôm đó. Nhờ anh ta vẫn nhớ thì sao?

“Tốt nhất là cô đi cùng chúng tôi,” anh nói. “Cô chỉ có một mình đúng không?”

“Vâng, tôi đang chạy trốn...”

“Được rồi, đừng nói gì bây giờ. Chỉ cần im lặng được. Jaxer, hãy kéo những cái xác này vào chỗ khuất. Kerim, trông chừng xung quanh.”

Lyra run rẩy đứng lên, ôm Pantalaimon — mèo hoang vào ngực. Nó đang quay xung quanh tìm kiếm thứ gì đó. Cô nhìn theo ánh mắt nó, hiểu ý và ngay lập tức tò mò: điều gì đã xảy ra với con nhân tinh của những người chết kia? Chúng đã tan biến, đó chính là câu trả lời. Chúng tan ra và biến

mất như những hạt cát hay bụi khói, vì chúng cố gắng luôn theo sát chủ mình. Pantalaimon nhắm mắt lại, Lyra hồi hải chạy theo sau Tony Costa.

“Anh làm gì ở đây vậy?”

“Im lặng nào cô bé, đã có quá đủ rắc rối rồi, đừng khuấy động thêm nữa. Chúng ta sẽ nói chuyện trên thuyền.”

Anh dẫn cô đi qua một chiếc cầu gỗ nhỏ dẫn vào giữa con kênh. Hai người con trai kia lặng lẽ đi theo sau họ. Tony đi dọc bến tàu và đến một cầu tàu, từ đó anh bước lên một chiếc thuyền hẹp và mở cánh cửa vào cabin.

“Vào đi.” Anh nói. “Nhanh lên nào.”

Lyra làm theo, đập tay vào chiếc túi (cô chưa bao giờ rời nó, ngay cả khi nằm trong bẫy) để chắc chắn chiếc Chân-kế vẫn còn. Trong chiếc cabin hẹp và dài, với ánh đèn dầu treo trên chiếc móc, cô nhìn thấy một người phụ nữ to béo khỏe mạnh tóc muối tiêu, ngồi bên một chiếc bàn cùng một tờ giấy. Lyra nhận đó là mẹ của Billy.

“Ai thế này?” người phụ nữ nói “Không phải Lyra đấy chứ?”

“Đúng cô ấy đấy. Mẹ, chúng ta phải rời đi thôi. Chúng con đã giết hai người đàn ông trên kênh, chúng con nghĩ là bọn Gà trống tây, nhưng con đoán chúng là bọn lái buôn Thổ Nhĩ Kỳ. Chúng bắt Lyra. Đừng nói chuyện gì hết. Chúng ta sẽ nói trong khi đi.”

“Đến đây nào cô bé,” mẹ Costa nói.

Lyra làm theo, nửa vui sướng, nửa sợ hãi vì Mẹ Costa có hai bàn tay to khỏe, giờ cô đã chắc chắn: đây chính là con thuyền cô đã tấn công cùng Roger và đám đàn em của mình. Nhưng bà mẹ đặt tay lên hai bên đầu Lyra. Và con nhân tinh của bà, một con chó lớn màu xám rất giống sói, nhẹ

nhàng cúi xuống liếm chiếc đầu mèo hoang của Pantalaimon. Rồi mẹ Costa vòng cánh tay to lớn của mình quanh người Lyra, ôm chặt cô vào lòng

“Ta không biết cháu đang làm gì ở đây, nhưng trông cháu kiệt sức rồi. Cháu có thể nghỉ ở chỗ của Billy, ta sẽ mang nước nóng vào cho cháu ngay. Hãy ở lại đây, cô bé.”

Có vẻ như tội lỗi của cô đã được tha thứ, hay ít nhất là đã bị lãng quên. Lyra nằm soài người trên tấm ghế dài bọc vải phía sau một chiếc bàn bằng gỗ thông đánh bóng khi tiếng máy khê gầm lên làm rung động con thuyền.

“Chúng ta sẽ đi đâu vậy?”

Mẹ Costa đã đặt một chảo sữa lên chiếc lò sắt và gạt chiếc vỉ lò để khơi ngọn lửa cháy to hơn.

“Đi khỏi đây, bây giờ thì không nói gì hết. Sáng mai chúng ta sẽ nói chuyện.”

Bà không nói gì nữa, đưa cho Lyra một cốc sữa sau khi đã hâm nóng và đi lên boong khi con thuyền bắt đầu dời bến, thỉnh thoảng bà lại thì thầm trao đổi với mấy người con trai. Lyra uống từng ngụm sữa và nhấc một góc tấm mà che để nhìn bến tàu tối đen lùi về phía sau. Mấy phút sau cô đã ngủ ngon lành.

Cô thức giấc trong một chiếc giường hẹp, phía dưới là biển cả đang khẽ rì rầm êm đềm. Cô ngồi lên, vỗ đầu, nhăn nhó, nghe ngóng xung quanh và thận trọng đứng dậy. Một ánh đèn màu xám hẹp chỉ cho cô thấy ba chiếc giường ngủ nữa, chiếc nào cũng xếp ngăn nắp và không có người nằm, một chiếc phía dưới giường cô nằm, hai chiếc khác kê ngang căn phòng bé xíu. Cô lăn sang một bên và nhận ra mình đang mặc đồ lót. Cô thấy váy và áo khoác da sói của mình gấp đẽ ở cuối giường cùng chiếc túi du lịch của cô. Chiếc Chân-kế còn nguyên đó.

Cô nhanh chóng mặc quần áo, đi ra cửa và thấy mình trong cabin có chiếc bếp lò, trong đó ấm áp, không có ai cả. Qua những khung cửa sổ, cô nhìn thấy hai bên thuyền là một màn sương dày đặc, thỉnh thoảng lại có những bóng sẫm màu có thể là nhà cửa hoặc cây cối.

Trước khi cô ra ngoài lên boong, cửa bật mở ra mẹ Costa đi xuống, mình quần áo choàng may bằng vải tuyết, trên đó những giọt sương bám vào như hàng ngàn viên ngọc trai bé xíu.

“Ngủ ngon không?” bà hỏi, với tay lấy chiếc chảo rán. “Giờ thì ngồi sang một bên để ta nấu cho cháu chút gì ăn sáng. Đừng đi lại lung tung, không có chỗ đâu.”

“Chúng ta đang ở đâu vậy?” Lyra hỏi.

“Trên dòng kênh Đại Hội Tự, đừng có ra ngoài nhé, cô bé. Ta không muốn thấy cháu trên nóc thuyền đâu, sẽ rắc rối đấy.”

Bà thái hai miếng thịt lợn muối xông khói cho vào chảo và đập một quả trứng vào.

“Rắc rối thế nào ạ?”

“Không có gì chúng ta không đương đầu được, nếu cháu ngoan ngoãn nghe lời.”

Bà không nói gì thêm nữa cho đến khi Lyra ăn sáng. Có lúc con thuyền đi chậm lại, có gì đó va chạm vào mạn thuyền, cô nghe giọng những người con trai vang lên giận dữ; rồi có ai đó đùa tếu làm họ bật cười. Những giọng người xa dần, con thuyền tiếp tục tiến về phía trước.

Lúc này Tony Costa đang đi xuống cabin. Giống như mẹ Costa, người anh bám đầy những giọt sương như ngọc trai, anh treo chiếc mũ len phía trên lò nấu để hạt sương rơi xuống và khô đi.

“Chúng ta sẽ nói với cô ấy chuyện gì, Mẹ?”

“Hỏi trước, nói sau.”

Anh đổ một ít cà phê vào một chiếc cốc thiếc và ngồi xuống. Anh là một người con trai khỏe mạnh với khuôn mặt đen sạm. Giờ đây khi nhìn anh dưới ánh sáng ban ngày, Lyra thấy gương mặt anh có những nét quyết liệt và u buồn.

“Đúng vậy” anh nói, “giờ cô hãy nói cho chúng tôi biết cô đang làm gì ở London, Lyra. Chúng tôi đưa cô xuống đây khi cô đang bị bọn Gà trống tây bắt cóc.”

“Tôi đang sống cùng một quý bà, vâng...”

Lyra vụng về sắp xếp câu chuyện của mình và sắp xếp nó theo thứ tự như thể cô đang xếp một bộ bài trước khi chơi. Cô kể cho họ tất cả mọi chuyện, trừ về chiếc Chân-kế.

“Và rồi trong bữa tiệc cocktail đêm hôm qua, tôi phát hiện ra điều họ thực sự đang làm. Chính bà Coulter là một trong số bọn Gà trống tây, bà ấy sắp sử dụng tôi để bắt thêm những đứa trẻ khác điều họ làm là...”

Mẹ Costa ra khỏi cabin và đi lên buồng lái. Tony đợi đến khi cánh cửa đóng lại rồi tiếp tục nói:

“Chúng tôi biết họ làm gì. Ít nhất, chúng tôi cũng biết một phần. Chúng tôi biết bọn trẻ sẽ không trở lại. Bọn trẻ con bị đưa lên miền Bắc, một nơi rất hẻo lánh, và người ta làm thí nghiệm trên người chúng. Lúc đầu chúng tôi đoán họ thử nghiệm những loại bệnh và thuốc lạ, nhưng không có lý do gì để bắt đầu tất cả những việc đó đột ngột hai hay ba năm về trước. Rồi chúng tôi nghĩ về bọn Tartar, có thể họ có những vụ trao đổi bí mật nào đó. Người Tartar muốn tiến càng sâu về phía Bắc càng tốt, vì ở đó có những mỏ than và mỏ khí, lại có những lời đồn về chiến tranh từ lâu trước khi xuất

hiện bọn Gà trống tây. Và chúng tôi đoán bọn Gà trống tây đang mua chuộc những tù trưởng Tartar bằng cách cung cấp trẻ con cho họ, vì người Tartar ăn thịt trẻ con, đúng vậy không? Họ nướng trẻ con lên và ăn thịt chúng.”

“Họ không bao giờ làm vậy đâu!” Lyra nói.

“Họ làm vậy đấy. Còn rất nhiều điều khác nữa có thể kể cho cô nghe. Cô đã bao giờ nghe lũ Nalkainen chưa?”

Lyra trả lời:

“Chưa, ngay cả trong thời gian tôi sống cùng bà Coulter. Họ là ai vậy?”

“Đó là một loại ma ở trong những khu rừng trên đó. Chúng lớn bằng một đứa trẻ, nhưng không có đầu. Chúng tự đánh hơi thấy đường trong đêm tối, nếu cô ngủ trong rừng, chúng sẽ bắt cô và không gì có thể làm chúng thả ra được. Nalkainen là một từ của Phương Bắc và Windsucker nữa, chúng cực kỳ nguy hiểm. Chúng trôi dạt trong không khí. Thỉnh thoảng cô cũng bắt gặp chúng kết thành từng hòn và trôi nổi, hay vướng vào một bụi cây. Ngay khi chúng chạm vào người cô, mọi sức lực của cô sẽ bị hút hết. Cô không thể nhìn thấy chúng ngoài một loại ánh sáng lơ mơ trong không khí, và những Kẻ tắt thở...”

“Chúng là ai vậy?”

“Những chiến binh bị giết một nửa. Sống là một chuyện, chết là một chuyện khác, nhưng bị giết một nửa thì tệ hại hơn cả hai chuyện đó. Họ không thể chết, và sống là điều vượt quá sức của họ. Họ vĩnh viễn đi lang thang. Họ bị gọi là Những kẻ tắt thở vì điều đã xảy ra với họ.”

“Và đó là gì vậy?” Lyra hỏi, mắt mở to ngạc nhiên.

“Người Tartar trên phương Bắc mở lồng ngực của họ và lấy lá phổi ra. Đó là cả một nghệ thuật tinh vi. Người ta thực hiện việc này mà không giết

chết họ, nhưng phổi của họ không làm việc được nữa nếu không có con nhân tinh của họ phải bơm phổi bằng tay, và kết quả là họ nửa thở nửa không thở, nửa sống nửa chết, cô thấy đấy. Con nhân tinh của họ phải bơm phổi họ suốt ngày đêm nếu không nó cũng chết cùng chủ. Thịnh thoảng có thể bắt gặp cả một đoàn những Kẻ tắt thở trong rừng, tôi nghe nói thế. Và còn có Panserbjorne — nghĩa là những con gấu mặc áo giáp sắt. Chúng giống một loại gấu Bắc cực, ngoại trừ... “

“Có! Tôi đã nghe nói! Một trong những người khách đêm qua nói rằng, chú tôi ngài Asriel, đang bị giam trong một pháo đài do những con gấu mặc áo giáp canh giữ.”

“Thế sao? Ông ấy làm gì trên đó?”

“Thám hiểm. Nhưng theo cách người đàn ông nói chuyện, tôi không nghĩ chú tôi cùng hội cùng thuyền với bọn Gà trống tây. Tôi nghĩ là chúng đang vui mừng vì chú tôi bị cầm tù.”

“Ừ vậy thì ông ấy sẽ không thể thoát ra được nếu những con gấu mặc áo giáp đang canh giữ ông ấy. Chúng giống bọn lính đánh thuê, cô có hiểu ý tôi nói không? Chúng bán sức lực của mình cho bất cứ người nào mua. Chúng có những bàn tay giống như của con người, và chúng học được thủ thuật luyện sắt, phần lớn là sắt rơi từ trên sao băng xuống, chúng làm thành những tấm và phiến để che thân mình. Chúng đã cướp bóc của người Skraeling trong nhiều thế kỷ. Chúng là những sát thủ độc ác, không một chút thương hại nào. Nhưng chúng rất giữ lời. Nếu cô có một thỏa thuận với một Panserbjorne, cô có thể yên tâm về điều đó.”

Lyra sợ hãi cân nhắc sự khủng khiếp đó.

“Mẹ tôi không thích nghe chuyện về phương Bắc,” Tony nói sau một lúc, “vì đó là những chuyện có thể xảy đến với Billy. Chúng tôi biết chúng đã đưa nó lên phương Bắc.”

“Làm sao anh biết được điều đó?”

“Chúng tôi bắt được một trong những tên Gà trống tây và bắt nó phải khai ra. Nhờ đó chúng tôi biết được chút ít về việc chúng đang làm. Hai tên đêm hôm qua không phải bọn Gà trống tây; chúng quá vụng về, nếu chúng là bọn Gà trống tây, bọn tôi đã bắt sống chúng. Cô thấy đấy, những người Gypsy, chúng tôi là những người chịu thiệt thòi hơn cả bọn Gà trống tây. Chúng tôi sẽ họp lại để quyết định cần làm gì. Đó là nguyên nhân chúng tôi có mặt trên kênh đêm hôm qua, vì chúng tôi sắp có một cuộc gặp mặt. Tôi đoán chúng tôi sẽ tổ chức một cuộc họp bàn về việc giải cứu, khi chúng tôi nghe nói tất cả những người Gypsy khác biết, khi chúng tôi chia sẻ những hiểu biết với nhau. Nếu tôi là John Faa, tôi cũng làm như vậy.”

“John Faa là ai?”

“Vua của những người Gypsy.”

“Và các anh thực sự sẽ đi cứu bọn trẻ? Còn Roger thì sao?”

“Roger là ai vậy?”

“Cậu bé làm bếp tại Học viện Jordan. Cậu ấy cũng bị bắt giống Billy một ngày trước khi tôi đi cùng bà Coulter. Tôi cá là nếu tôi bị bắt, cậu ấy cũng sẽ đến cứu. Nếu anh đang đi cứu Billy, tôi muốn đi cùng để cứu Roger.”

Và cả chú Asriel nữa, cô nghĩ, nhưng cô không nhắc đến điều đó.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 7 Phần 1

Giờ thì trong tâm trí Lyra đã có một mục tiêu, cô cảm thấy phấn chấn hơn rất nhiều. Việc giúp đỡ bà Coulter đã diễn ra rất tốt đẹp, nhưng Pantalaimon nói đúng: cô chẳng thực sự làm gì ở đó cả, cô chỉ như một con vật yêu thôi. Trên chiếc thuyền của người Gypsy, có những việc thực sự để làm, và Mẹ Costa nói chắc chắn cô có thể làm được. Cô lau chùi, quét dọn, gọt khoai tây, pha trà, bôi dầu mỡ vào cần trục chân vịt, gỡ các sợi rong tảo quấn vào chân vịt, rửa bát đĩa, mở các ổ khóa, buộc thuyền vào bến hạ neo. Chỉ trong vòng hai ngày, cô đã quen với cuộc sống này như thể cô sinh ra đã là người Gypsy vậy.

Điều cô không để ý là người nhà Costa rất cảnh giác với bất cứ dấu hiệu bất thường nào từ những người trên bờ nhắm vào Lyra. Cô không nhận thấy cô rất quan trọng, vì bà Coulter cùng Ủy ban Tôn giáo đang tìm kiếm cô khắp nơi. Thực sự, Tony nghe thấy người ta bàn tán dọc đường đi rằng cảnh sát đang tiến hành khám xét nhà cửa, nông trại, nhà kho và phân xưởng mà không một lời giải thích, dù người ta đồn rằng họ đang tìm kiếm một bé gái đang mất tích. Bản thân việc này thật kỳ quặc, vì tất cả những đứa trẻ mất tích đều không được tìm kiếm. Những người Gypsy và dân thường trên đất liền đều rất hoảng hốt và lo lắng.

Có một nguyên nhân khác khiến nhà Costa quan tâm đến Lyra nhưng cô không biết điều đó trong vài ngày tới.

Vì thế họ giữ cô dưới khoang khi đi qua túp lều của người coi cổng hay một lòng kênh, hay bất cứ nơi nào nhiều bọn ngòi lê đôi mách. Mỗi khi đi qua một thành phố cảnh sát lục soát tất cả những con thuyền qua lại và phong tỏa cả hai đầu kênh, nhà Costa cũng có cách của mình. Có một ngăn

kín bí mật dưới giường ngủ của Mẹ Costa, nơi Lyra nằm trốn khoảng hai tiếng đồng hồ trong khi cảnh sát lục soát từ đầu đến cuối con thuyền nhưng vẫn thất bại.

“Nhưng tại sao nhân tinh của họ không tìm thấy cháu?” Sau đó cô thắc mắc, Mẹ Costa chỉ cho cô lớp gỗ đậy nơi trốn bí mật đó: gỗ tuyết tùng. Loại gỗ này có tác dụng gây ngủ với nhân tinh, và đúng là Pantalaimon đã ngủ ngon lành trên đầu Lyra suốt thời gian trốn đó.

Dần dần, với nhiều khoảng dừng và đường vòng, con thuyền nhà Costa đã đến vùng đầm lầy, khoảng trời rộng mênh mông không giới hạn và những đầm lầy phía đông Anglia. Ranh giới xa nhất nó hòa trộn vào đến mức không thể phân biệt được với con lạch và vùng nước thủy triều lên để lại do biển trước giờ đây đã cạn, và phía kia của biển trộn lẫn với vùng đất của Hà Lan. Nhiều phần của vùng đầm lầy đã bị người Hà Lan làm chỗ tiêu nước, một số người trong số đó đã định cư lại; vì thế ngôn ngữ của vùng đầm lầy bị ảnh hưởng rất nhiều tiếng Hà Lan. Nhưng có những chỗ không bị làm tiêu nước, trồng cây hay định cư, và tại những vùng trung tâm hoang sơ nhất, nơi lũ trườn bò và chim nước đậu thành đàn, nơi những ngọn lửa đầm lầy bí ẩn lấp lánh dụ dỗ những lữ khách bất cẩn lạc vào tử địa của những đầm lầy. Người Gypsy luôn coi đây là lãnh địa dùng để tụ họp.

Và giờ đây trên hàng nghìn dòng kênh, lạch với ngoằn ngoèo, những con thuyền của người Gypsy đang tiến về phía vùng Byan, mảnh đất duy nhất cao hơn các phần khác một chút trong số hàng nghìn kilomet vuông đầm lầy. Có một phòng họp mặt lớn bằng gỗ từ lâu đời tại đây, xung quanh có một số cư dân thường xuyên, một bến tàu, một con đê và một Chợ lươn. Khi người Gypsy kêu gọi một Hội nghị Byan, tức là một sự triệu tập hay gặp mặt của các gia tộc, rất nhiều con thuyền tràn ngập mặt nước đến mức có thể đi hàng kilomet theo bất cứ hướng nào trên boong của các con thuyền, hay ít ra cũng là nghe nói như vậy. Người Gypsy thống trị Vùng đầm lầy. Không người nào khác dám xâm phạm; chừng nào người Gypsy

còn giữ hòa khí và làm ăn sòng phẳng, những người trên bờ vẫn lơ đi cho họ những vụ buôn lậu thường xuyên hay thỉnh thoảng có các vụ trả thù. Nếu xác một người Gypsy nổi lên bờ biển, hay vướng vào lưới đánh cá, thì, đó chỉ là một người Gypsy, và những người trên bờ không truy cứu gì thêm.

Lyra say sưa lắng nghe những huyền thoại về cư dân Vùng đầm lầy, về con chó ma Shuck Đento lớn, về những ngọn lửa đầm lầy nổi lên từ bong bóng tinh dầu do phù thủy chiết xuất, và cô bắt đầu nghĩ mình là một người Gypsy ngay trước khi đến được Vùng đầm lầy. Cô đã nhanh chóng nói giọng Oxford trở lại, và giờ cô đang muốn nói được giọng người Gypsy, pha trộn giữa ngôn ngữ Vùng đầm lầy và tiếng Hà Lan. Mẹ Costa đã nhắc nhở cô vài điều.

“Cháu không phải người Gypsy, Lyra ạ. Cháu có thể thử làm người Gypsy một chút, nhưng với chúng tôi thì còn nhiều điều hơn là chỉ có ngôn ngữ. Nó ở sâu thẳm trong con người chúng tôi và chảy thành dòng rất mạnh mẽ. Chúng tôi là người của nước từ đầu đến chân, nhưng cháu thì không, cháu là người của lửa. Cái cháu giống nhất là ngọn lửa đầm lầy, đó là một thuật ngữ của người Gypsy. Trong tâm hồn cháu có chất tinh dầu do phù thủy chiết xuất. Lừa dối, đó là bản chất của cháu, cô bé ạ.”

Lyra cảm thấy đau đớn.

“Cháu chớ bao giờ lừa gạt ai! Bác nói...”

Chẳng có ai để hỏi được cả, tất nhiên là như vậy, và Mẹ Costa bật cười, nhưng với thái độ rất hiền từ.

“Cháu không thấy là ta đang khen ngợi cháu sao, con ngỗ non?” bà nói, và Lyra cảm thấy ngượng ngùng, dù cô không hiểu ý bà là gì.

Khi họ đến vùng Bryan vào buổi tối, mặt trời đang sắp lặn trên bầu trời đỏ ối. Hòn đảo thấp rộng hẹp mặt tạo thành một vùng tối đen dưới ánh sáng,

như những căn nhà xung quanh, những đám khói bay lên trong không khí tĩnh lặng, và từ những con thuyền đậu khắp xung quanh bay ra mùi cá rán và mùi lá thuốc.

Họ buộc thuyền gần ngay Phòng họp mặt, tại một nơi buộc thuyền Tony nói được gia đình anh dùng trong nhiều thế hệ. Lúc này Mẹ Costa đang nổi lửa đặt chảo lên lò với hai con lợn béo cùng một nồi bột khoai tây. Tony và Kerim bôi dầu lên tóc, khoác lên mình những chiếc khăn quàng cổ đỏm xanh dương, lồng đầy vào ngón tay những chiếc nhẫn bạc và đi thăm những người bạn thân thiết trên các thuyền lân cận rồi uống một hai cốc tại quán rượu gần nhất. Họ quay về với những tin quan trọng.

“Chúng ta đến đây vừa đúng lúc. Cuộc họp sẽ được tổ chức chính vào đêm nay. Trong trấn người ta đồn đại, mẹ có biết người ta nói gì không, người ta nói đứa trẻ mất tích đi trên một con thuyền của người Gypsy, nó sẽ xuất hiện đêm nay tại buổi họp mặt!”

Anh cười to và làm tóc Lyra rối bù. Kể từ khi họ vào Vùng đầm lầy, anh càng lúc càng dễ chịu hơn, như thể sự ỉm ỉu hung tàn trên khuôn mặt anh chỉ là một sự cải trang. Lyra cảm thấy hồi hộp ngày càng tăng thêm trong lồng ngực khi cô ăn uống thật nhanh và rửa bát đĩa trước khi chải đầu, đút chiếc Chân-kế vào túi chiếc áo khoác da sói và nhảy lên bờ cùng những gia đình khác leo lên con dốc dẫn đến Phòng họp mặt.

Cô đã tưởng Tony nói đùa. Cô nhanh chóng nhận thấy anh không đùa, hoặc cô không giống một người Gypsy như mình nghĩ, vì rất nhiều người nhìn ngó, lũ trẻ con chỉ trỏ, đến lúc họ đến những cánh cửa lớn của Phòng họp mặt họ đi riêng lẻ, còn bên kia là cả một đám đông, họ đi lùi lại phía sau để nhìn ngó và nhường đường.

Lyra bắt đầu cảm thấy thực sự bồn chồn. Cô nép sát vào Mẹ Costa, Pantalaimon phình to hết mức nó có thể và chọn hình dáng con báo để làm cô yên lòng. Mẹ Costa bước từng bước như thể không có gì trên đời này có

thể chùn bước chân bà hay làm bà đi nhanh hơn chút ít, còn Tony và Kerim tự hào đi hai bên như hai hoàng tử.

Phòng họp được thắp bằng đèn dầu, chiếu sáng đủ khuôn mặt và hình dáng của những người đến dự, nhưng lại để ghế người chủ tọa chìm trong bóng tối. Người đi vào phải tranh nhau chỗ trên sàn nhà, vì các ghế dài đã ngồi kín chỗ, nhưng nhiều gia đình chen lấn để có chỗ. Bọn trẻ chiếm lĩnh vòng ngoài cùng và các nhân tình cuốn mình dưới chân chủ hay đậu trên những bờ tường gỗ xù xì.

Phía trước Phòng họp mặt có một bức diễn thuyết đặt tám chiếc ghế gỗ có khắc hình. Khi Lyra và nhà Costa đi tìm chỗ đứng dọc căn phòng (không còn chỗ nào để ngồi), tám người đàn ông xuất hiện từ bóng tối phía sau bức diễn thuyết và đứng phía trước mấy chiếc ghế. Một làn sóng hào hứng nổi lên giữa các thính giả khi họ xô đẩy nhau để chen lên chỗ gần với cái ghế dài nhất. Cuối cùng mọi người im lặng và bảy người đàn ông trên bức ngồi xuống.

Người vẫn đứng khoảng bảy mươi tuổi, nhưng cao lớn, cổ to, ngắn và trông rất khỏe mạnh. Ông mặc một chiếc áo khoác giản dị bằng vải bạt cùng một chiếc sơ mi kẻ caro, như nhiều người đàn ông Gypsy khác. Không có gì làm ông nổi bật ngoại trừ không khí tràn ngập sức mạnh và quyền lực ông tạo ra. Lyra đã nhận ra nó: chú Asriel cũng có thứ quyền lực đó, cả ông Hiệu trưởng Jordan cũng vậy. Nhân tình của người đàn ông này là một con quạ, rất giống con quạ của ông Hiệu trưởng.

“Đó là John Faa, vua của những người Gypsy phía tây.” Tony thì thầm.

John Faa bắt đầu nói, giọng ông chậm rãi và sốt sắng.

“Thưa các bạn Gypsy! Chào mừng các bạn đến với buổi họp mặt. Chúng ta đến là để lắng nghe và đến để quyết định. Tất cả các bạn đều biết vì lý do gì. Có rất nhiều các gia đình tại đây đã bị mất trẻ em. Có gia đình còn mất

hai em bé. Có ai đó đã đánh cắp chúng. Chắc chắn, những người dân trên bờ cũng đang bị mất trẻ em. Chúng ta không có tranh cãi gì với những người trên về chuyện này.

Hiện nay người ta đang đồn đại về một đứa trẻ và một phần thưởng. Đây chính là sự thực để chấm dứt tất cả những chuyện ngòi lê đôi mách. Tên đứa trẻ là Lyra Belacqua, cô bé đang bị cảnh sát trên bờ tìm kiếm. Phần thưởng là một nghìn đồng vàng cho ai giao cô bé cho. Cô bé là một đứa trẻ của người trên bờ, và cô bé đang trong vòng tay che chở của chúng ta, đây là nơi cô bé sẽ ở lại. Bất cứ ai bị lóa mắt bởi một nghìn đồng vàng tốt nhất hãy đi tìm một nơi nào đó trên đất liền mà ở thay vì trên mặt nước. Chúng ta sẽ không giao nộp cô bé.”

Lyra cảm thấy đỏ bừng từ chân tóc cho tới đầu ngón chân, Pantalaimon biến thành một con bướm đêm màu nâu để lẫn trốn. Mọi con mắt xung quanh đều dồn vào họ, và cô chỉ còn cách nhìn lên Mẹ Costa để tìm sự che chở.

Nhưng John Faa lại tiếp tục nói:

“Hãy bàn bạc về tất cả những gì chúng ta có thể làm. Chúng ta phải hành động nếu muốn thay đổi cục diện này. Có một tin nữa cho các bạn: bọn Gà trống tây, những kẻ ăn cắp trẻ con đó đang đưa những tù nhân của chúng đến một thành phố ở vùng cực Bắc, vùng đất của bóng tối. Tôi không biết họ làm gì chúng ở trên đó. Một số người nói họ giết chúng, một số người lại nói khác. Chúng ta không biết thực hư thế nào.

Điều chúng ta biết chắc chắn là chúng làm như vậy với sự giúp đỡ của cảnh sát trên đất liền và giới giáo sĩ. Mọi thế lực trên đất liền đang hậu thuẫn chúng. Hãy nhớ lấy điều này. Họ không biết điều gì đang xảy ra và sẽ tiếp tục giúp chúng bất cứ khi nào có thể.”

“Vì thế điều tôi đề xuất không hề dễ dàng. Và tôi cần sự đồng tình của các bạn. Tôi đề nghị cử một nhóm các chiến binh lên phương Bắc để cứu lũ trẻ và đưa chúng còn sống trở về. Tôi đề nghị rằng chúng ta quyên góp vàng bạc của mình vào đây và tất cả tâm huyết cùng lòng dũng cảm chúng ta có thể có. Vâng, Raymond van Gerrit?”

Một người trong số người tham dự đã giơ tay, và John Faa ngồi xuống để ông ta phát biểu.

“Phiền ngài, thưa ngài John Faa. Trẻ con của người trên đất liền cũng như của người Gypsy đều bị bắt cóc. Có phải ý ngài nói chúng ta sẽ cứu cả hai?”

John Faa đứng lên trả lời.

“Raymond, có phải anh đang nói chúng ta phải vượt qua bao nhiêu nguy hiểm để tìm được một nhóm trẻ con đang hoảng sợ, rồi nói với một số rằng chúng có thể về nhà, và số còn lại phải ở lại? Không, anh tốt bụng hơn thế nhiều. Nào, tôi có được sự ủng hộ của các bạn không, các bạn của tôi?”

Câu hỏi đến với họ đột ngột. vì có một khoảng thời gian do dự, nhưng sau đó là một tiếng hét hào sảng rung động căn phòng, những bàn tay vỗ lên trong không khí, những nắm đấm rung lên, những giọng người cất lên hào hứng. Những chiếc cột trong phòng họp rung rinh, từ trong bóng tối, một loạt chim đêm đang ngủ thức giấc sợ hãi vỗ cánh bay lên, những hạt bụi rơi xuống.

John Faa để tiếng kêu tiếp tục trong một phút rồi giơ tay lên để giữ trật tự.

“Cần một khoảng thời gian để tổ chức. Tôi muốn những người chủ gia đình đưa ra một định mức đóng góp tiền bạc và số người trong gia đình có thể tham gia. Chúng ta sẽ gặp lại nhau trong ba ngày tới tại đây. Từ bây giờ

đến đó, tôi sẽ nói chuyện với đứa trẻ tôi đã nói đến và với Farder Coram, và lập một kế hoạch trước khi chúng ta gặp lại nhau. Xin chào tất cả các bạn.”

Sự vĩ đại, giản dị và bình tĩnh của ông đã đủ làm họ dịu lại. Khi các thánh giả bắt đầu ra khỏi các cánh cửa trong đêm tối lạnh lẽo để quay về thuyền hay các quán rượu, Lyra nói với Mẹ Costa:

“Những người đàn ông khác trên bục diễn thuyết là ai vậy?”

“Những người chủ của sáu gia đình, người còn lại là Farder Coram.”

Rất dễ phân biệt người còn lại bà nói đến là ai, vì ông là người già nhất trong số đó. Ông đi lại với một cây gậy chống và trong suốt thời gian ngồi sau John Faa, người ông run rẩy như thể đang trong một cuộc tranh luận.

“Đi nào.” Tony nói. “Tốt nhất là tôi đưa cô đến để tỏ lòng tôn kính với John Faa. Cô hãy gọi ông ta là ngài Faa. Tôi không biết cô sẽ được hỏi những chuyện gì, nhưng hãy nhớ là phải nói sự thật.”

Pantalaimon giờ đã biến thành một chú vẹt, và nó đứng với vẻ lo lắng trên vai cô, móng vuốt nó cắm sâu vào lớp áo khoác lông sói khi cô theo Tony len qua những đám đông để lên phía bục diễn thuyết.

Anh nhắc cô lên. Nhận thấy tất cả những người trong phòng đang nhìn cô và ý thức về số tiền thưởng một nghìn đồng vàng mình bất ngờ đáng giá, cô đỏ bừng mặt, luống cuống. Pantalaimon nép vào lòng cô, rồi biến thành một con mèo hoang, nằm trên tay cô rên lên khe khẽ khi nhìn xung quanh.

Lyra cảm thấy bị đẩy sau lưng, cô bước về phía John Faa. Trông ông nghiêm nghị, to lớn và không biểu lộ chút tình cảm nào, giống một chiếc cột đá hơn là một người đàn ông, ông khom lưng và đưa tay ra bắt. Khit tay mình vào tay ông, nó gần như biến mất trong bàn tay vĩ đại.

“Chào mừng cháu, Lyra,” ông nói.

Lại gần hơn, cô cảm thấy giọng ông rung rinh. Cô hơi lo lắng một chút, nhưng là cho Pantalaimon. Thái độ lạnh lùng của John Faa đã ấm áp hơn. Ông đang đối xử rất dịu dàng với cô.

“Cảm ơn ngài Faa,” vô đáp lời.

“Giờ cháu hãy vào phòng khách, chúng ta sẽ nói chuyện.” John Faa nói. “Cháu đã ăn lươn trong bữa tối chưa vậy?”

“Ồ, rồi ạ. Chúng cháu đã ăn lươn trong bữa tối.”

“Lươn Vùng đầm lầy hảo hạng, ta mong rằng như thế.”

Phòng khách là nơi thoải mái với một lò sưởi lớn, những chiếc tủ búp phê xếp đồ bạc và đồ sứ, một chiếc bàn lớn màu tối được đánh bóng lâu năm, xung quanh xếp mười hai chiếc ghế.

Những người đàn ông khác trên bục đã đi đâu đó, nhưng ông già run rẩy vẫn ở lại cùng họ. John Faa giúp ông ngồi xuống một chiếc ghế bên bàn.

“Giờ thì cháu hãy ngồi xuống bên phải ta đây.”

John Faa nói với Lyra, và tự mình ngồi vào chiếc ghế ở đầu bàn. Lyra thấy mình ngồi đối diện với Farder Coram. Cô hơi sợ trước khuôn mặt xương xẩu và dáng người run rẩy liên tục của ông. Nhân tình của ông là một chú mèo màu vàng lớn rất đẹp đang nằm xoài trên bàn, chiếc đuôi ve vẩy. Nó duyên dáng nhìn Pantalaimon, khẽ khịt mũi trước khi nằm yên trên lòng Farder Coram, khéo hờ mắt và khẽ rên rừ rừ.

Một người phụ nữ Lyra không để ý thấy bước ra từ bóng tối với một chiếc khay, để nó bên cạnh John Faa, khẽ nhún đu gối cúi chào rồi đi ra. John Faa rót hai cốc nhỏ Jenniver từ chiếc bình đá cho mình, cho Farder và rót một ít rượu cho Lyra.

“Vây là,” John Faa nói, “cháu đã chạy trốn phải không Lyra?”

“Vâng ạ.”

“Và quý bà cháu chạy trốn khỏi là ai vậy?”

“Đó là bà Coulter. Mặc dù bà ấy rất tốt, cháu đã phát hiện ra bà ấy là một trong những tên Gà trống tây. Cháu nghe ai đó giải thích bọn Gà trống tây là ai, chúng được gọi là Ủy ban, bà ấy chịu trách nhiệm về ủy ban đó, đó hoàn toàn là ý tưởng của bà ấy. Tất cả bọn chúng đang thực hiện một kế hoạch nào đó, cháu không biết kế hoạch đó là gì, chỉ biết họ đang chuẩn bị bắt cháu giúp bà ấy bắt cóc trẻ con cho họ. Nhưng họ không bao giờ biết...”

“Chúng không bao giờ biết điều gì?”

“Vâng, trước hết chúng không bao giờ biết cháu quen một vài đứa trẻ đã bị bắt cóc. Roger bạn cháu làm việc trong nhà bếp ở Học viện Jordan, Billy Costa, một cô bé trong chợ Vải ở Oxford. Và những điều khác nữa... Chú cháu, vâng. Ngài Asriel. Cháu nghe họ nói về chuyến đi của chú ấy lên phương Bắc, cháu không nghĩ chú ấy có liên quan gì đến bọn Gà trống tây. Vì cháu đã theo dõi ông Hiệu trưởng và các Học giả tại Jordan, vâng, cháu trốn trong phòng nghỉ, không ai được phép vào đó ngoại trừ họ, cháu nghe chú ấy với các Học giả tất cả về chuyến thám hiểm của chú ấy trên phương Bắc, về thứ Bụi chú ấy nhìn thấy, và chú ấy mang về chiếc đầu của Stanislaus Grumman, trên đó có một cái lỗ mà người Tartar đã đục. Bây giờ bọn Gà trống tây đã giam cầm chú ấy ở một nơi nào đó. Những con gấu mặc áo giáp sắt đang canh giữ chú ấy. Và cháu muốn đi giải cứu chú ấy.

Trông cô dữ dội, bướng bỉnh khi ngồi đó, bé nhỏ và tương phản với chiếc lưng ghế chạm trổ màu đen. Hai người đàn ông không nén nổi nụ cười, nhưng trong khi nụ cười của Farder Coram mang nét do dự, thỏa thuê, phức tạp rung rinh trên gương mặt ông giống như ánh mặt trời đuổi theo bóng

mình trong một ngày tháng ba tràn ngập gió, nụ cười của John Faa lại chậm rãi, ấm áp, giản dị và nhân hậu.

“Tốt hơn là cháu hãy kể cho chúng ta những gì cháu nghe chú cháu nói buổi tối hôm đó,” John Faa nói. “Đừng bỏ sót bất cứ điều gì, nhớ là như vậy. Hãy nói cho chúng ta tất cả mọi thứ.”

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 7 Phần 2

Lyra làm theo đúng như vậy, chậm rãi hơn so với khi cô kể cho nhà Costa nhưng trung thực hơn. Cô e sợ John Faa, và điều cô sợ nhất chính là sự tốt bụng của ông. Khi cô kể xong, lần đầu tiên Farder Coram lên tiếng. Giọng ông giàu âm điệu và ấm áp, giọng điệu trong lời nói của ông cũng nhiều như số lông trên bộ lông con nhân tinh của ông vậy.

“Loại Bụi này,” ông nói, “người ta gọi nó bằng tên nào khác không, Lyra?”

“Không, chỉ là Bụi thôi. Bà Coulter giảng cho cháu bản chất của nó. Đó là các hạt cơ bản, nhưng bà ấy chỉ gọi nó như vậy thôi.”

“Và họ cho rằng bằng cách làm điều gì đó với bọn trẻ, họ có thể tìm hiểu thêm về nó?”

“Vâng. Nhưng cháu không biết là điều gì. Ngoại trừ chú cháu... Có một điều cháu quên chưa kể. Trong khi ông ấy đang cho họ xem các tấm hình bằng đèn chiếu, ông ấy có một tấm hình khác. Đó là hiện tượng Quang cực...”

“Cái gì cơ?” John Faa hỏi.

“Hiện tượng cực quang,” Farder Coram nói. “Đúng thế không, Lyra?”

“Vâng, đúng rồi. Và trong hiện tượng Quang cực có một cái gì đó như một thành phố. Tất cả các ngọn tháp và nhà thờ, mái vòm và nhiều thứ nữa. Nó hơi giống Oxford, dù sao, cháu cũng nghĩ như thế. Chú Asriel, chú ấy

quan tâm đến nó hơn, cháu nghĩ thế, nhưng ông Hiệu trưởng và các Học giả khác, như bà Coulter và Ngài Boreal quan tâm đến Bụi hơn.”

“Ta hiểu,” John Faa nói. “Điều này thật thú vị.”

“Nào, Lyra,” John Faa nói, “ta sắp nói cho cháu một số chuyện. Farder Coramây, ông ấy là một người khôn ngoan. Ông ấy là một nhà tiên tri, Ông ấy đã theo đuổi tất cả những gì liên quan đến Bụi, bọn Gà trống tây và Ngài Asriel và mọi thứ khác, ông ấy cũng luôn theo sát cháu. Mỗi lần nhà Costa đến Oxford, cùng phân nửa các gia đình Gypsy khác, họ đều mang lại chút tin tức. Về cháu, cô bé ạ. Cháu có biết việc này không?”

Lyra lắc đầu. Cô bắt đầu lo sợ. Pantalaimon gặm gù quá nhỏ đến mức chẳng ai nghe thấy, nhưng cô có thể cảm nhận thấy qua những ngón tay đang luồn vào lông nó.

“À, đúng,” John Faa nói, “tất cả những gì cháu đang làm, họ đều nói lại cho Farder Coram ở đây.”

Lyra không thể bình tĩnh nổi nữa.

“Chúng cháu không hề phá hoại nó! Thật đấy ạ! Đó chỉ là một ít bùn thôi! Chúng cháu không bao giờ đi quá xa...”

“Cháu đang nói chuyện gì vậy?” John Faa hỏi.

Farder Coram bật cười. Khi ông cười, cơn run rẩy của ông ngừng lại, khuôn mặt ông trở nên rạng rỡ và trẻ trung.

Nhưng Lyra không cười. Môi cô run rẩy. “Và dù nếu chúng cháu đã tìm thấy cái nút thùng, chúng cháu cũng không bao giờ rút nó ra! Đó chỉ là một trò đùa thôi. Chúng cháu không bao giờ đánh đắm nó, không bao giờ!”

Giờ thì đến lượt John Faa cười to. Ông đập một bàn tay rộng lớn xuống mạnh đến nỗi cốc tách rung lanh canh, bờ vai khổng lồ của ông rung lên, ông phải lấy tay chùi nước mắt. Lyra chưa bao giờ nhìn thấy một cảnh tượng như vậy, cũng chưa từng nghe một tiếng gầm nào như thế, cứ như thể một ngọn núi đang cười vậy.

“À, đúng,” ông lên tiếng khi đã có thể nói lại, “chúng ta cũng được nghe về chuyện đó, cô bé ạ! Ta không cho rằng kể từ đó nhà Costa đi đến bất cứ nơi nào mà không nhắc lại chuyện đó. Mọi người bảo: ‘Tony, tốt nhất là cậu hãy cắt một bảo vệ ở lại trên thuyền! Những cô bé hung hăng như thế có ở khắp xung quanh đây đây!’ Câu chuyện lan khắp vùng Đầm lầy, cô bé ạ. Nhưng chúng ta sẽ không phạt cháu về chuyện này đâu. Không! Không cháu đừng lo.”

Ông nhìn Farder Coram, đàn ông lại cười to, nhưng nhẹ nhàng hơn. Lyra cảm thấy yên tâm và an toàn.

Cuối cùng, John Faa lắc đầu, nghiêm túc trở lại.

“Ta đang nói, Lyra ạ, rằng chúng ta biết về cháu từ khi cháu còn là một đứa trẻ. Từ khi mới sinh ra. Cháu cần phải rõ là chúng ta biết những gì. Ta không chắc người ta nói với cháu điều gì ở Jordan về nơi cháu sinh ra, nhưng họ không biết tất cả sự thực. Họ từng nói ai là cha cháu chưa?”

Giờ thì Lyra hoàn toàn choáng váng.

“Có,” cô trả lời, “họ nói cháu là... họ nói họ... họ nói ngài Asriel đưa cháu đến đó khi cha và mẹ cháu qua đời trong một tai nạn khinh khí cầu. Đó là điều người ta nói với cháu.”

“À, họ nói thế hả? Vậy thì, cô bé, ta sẽ kể cho cháu một câu chuyện, một câu chuyện có thật. Ta biết nó là sự thực, vì một người phụ nữ Gypsy kể cho ta, tất bọn họ đều nói thật với John Faa và Farder Coram. Vì thế đây là

sự thật về chính cháu, Lyra ạ. Cha cháu chưa bao giờ gặp tai nạn khinh khí cầu, vì cha cháu là Ngài Asriel.”

Lyra chỉ có thể ngồi yên trong thất vọng.

“Câu chuyện xảy ra như thế này,” John Faa tiếp tục. “Khi còn trẻ, Ngài Asriel đã đi thám hiểm toàn bộ phương Bắc, và quay trở về với một gia tài khổng lồ. Ông là một người đàn ông dũng cảm, dễ nổi nóng và nóng nực. “

“Và mẹ cháu cũng là một người nóng nực. Không có xuất thân cao quý bằng ông, nhưng là một phụ nữ thông minh. Thậm chí, là một học giả, những người nhìn thấy bà đều nói bà rất xinh đẹp. Bà ấy và cha cháu đã yêu nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên.”

“Rắc rối là ở chỗ, mẹ cháu đã kết hôn. Bà đã lấy một chính trị gia. Ông ta là một thành viên trong phe của Đức vua, một trong những cận vệ thân cận nhất. Một nhân vật có thế lực.”

“Đến khi mẹ cháu biết mình có mang, bà ta sợ phải nói với chồng về đứa bé không phải con của ông ta. Và khi đứa bé chào đời — chính là cháu đấy, cô bé ạ, nhìn bên ngoài đã thấy rõ cháu không giống chồng bà ta, mà giống cha đẻ của cháu, bà ấy nghĩ tốt nhất là giấu cháu đi và nói dối rằng cháu đã chết.”

“Thế là cháu được đưa đến quận Oxford, nơi cha cháu có tài sản cố định, và đặt dưới sự trông nom của một người phụ nữ Gypsy. Nhưng có người đã rỉ tai chồng mẹ cháu về điều xảy ra, ông ta lao đến lục soát căn nhà nơi người phụ nữ Gypsy sống, bà ta đã trốn đến một căn nhà lớn hơn, người chồng theo sau, với lòng hận thù ngút trời.”

“Cha cháu ra ngoài đi săn, nhưng nghe được tin và phi ngựa về vừa lúc chồng mẹ cháu đến được chân cầu thang lớn. Chỉ một phút nữa thôi ông ta đã mở được cửa căn buồng nhỏ nơi người phụ nữ Gypsy và cháu đang ẩn

nấu, nhưng Ngài Asriel thách thức ông ta, rồi họ lao vào đánh nhau, Ngài Asriel đã giết chết ông ta.”

“Người phụ nữ Gypsy đã nghe và chứng kiến tất cả, Lyra, vì thế chúng ta biết chuyện.”

“Kết quả là một vụ kiện rùm beng. Cha cháu không phải loại đàn ông chối bỏ hay che giấu sự thực, và điều này gây rắc rối cho các quan tòa. Đúng là ông ấy đã giết người, ông đã gây đổ máu, nhưng ông đang bảo vệ nhà mình và con mình trước sự đe dọa của một kẻ đột nhập. Mặt khác, luật pháp cho phép bất cứ người đàn ông nào cũng có quyền được trả thù các tội do người vợ gây nên và luật sư của người chết tranh cãi rằng thân chủ ông ta chỉ làm đúng như vậy.”

“Phiên tòa kéo dài nhiều tuần, với rất nhiều lời buộc tội qua lại lẫn nhau. Cuối cùng các quan tòa phạt Ngài Asriel bằng cách tịch thu toàn bộ tài sản và đất đai của ông, khiến ông trở thành một người bần cùng, trong khi ông từng giàu có hơn cả một vị vua.

“Còn về phần mẹ cháu, bà ta chẳng muốn làm chuyện gì với việc này, cũng như với cháu. Bà ta hoàn toàn quay lưng lại. Người phụ nữ Gypsy trông trẻ nói với ta rằng bà ấy thường lo sợ không biết mẹ cháu sẽ đối xử với cháu ra sao, vì đó là một phụ nữ ngạo mạn và khinh miệt. Đúng là như vậy. Và rồi cháu đã đến đó. Nếu mọi chuyện khác đi. Lyra ạ, có thể cháu đã được nuôi nấng thành một người Gypsy, vì người vú nuôi đã nài nỉ quan tòa cho bà ta nuôi cháu; nhưng người Gypsy chẳng có vị trí gì trước pháp luật. Tòa án quyết định cháu phải được đưa vào Tu viện, và cháu đã ở đó, với các Nữ tu sĩ tại Watlington. Chắc cháu không thể nhớ đâu.

Nhưng Ngài Asriel không chịu chấp nhận như vậy. Ông rất ghét tu viện, các thầy tu và nữ tu sĩ; vốn là một người đàn ông quả quyết, một ngày nọ ông đã đột nhập vào đó và bắt cóc cháu đi. Không phải để chính ông nuôi

năng, cũng không mang cho người Gypsy. Ông ấy mang cháu đến Học viện Jordan, và thách thức pháp luật nếu không cho phép ông làm thế.

Luật pháp đã thuận theo. Ngài Asriel quay trở lại với những chuyến thám hiểm của mình, và cháu lớn lên tại Học viện Jordan. Điều duy nhất ông ấy nói, cha của cháu nói điều kiện ông ấy đưa ra, là mẹ cháu không được gặp cháu. Nếu bà ta thử tìm cách gặp cháu, bà ta sẽ bị ngăn lại, và ông phải được thông báo, bởi tất cả những giận dữ trong con người ông giờ đã đổ dồn vào bà. Ông Hiệu trưởng đã hứa danh dự làm đúng như vậy. Thời gian cứ thế trôi đi. Rồi xuất hiện tin đồn về Bụi. Khắp ngang cùng người đàn ông thông thái và cả những phụ nữ nữa bắt đầu lo lắng về nó. Việc này không hề liên quan gì đến những người Gypsy chúng ta, cho đến khi bọn trẻ bị bắt cóc. Đó là lúc chúng ta phải quan tâm. Và chúng ta có những liên lạc với tất cả những nơi cháu không thể tưởng tượng đến, trong đó có Học viện Jordan. Cháu không biết đâu, nhưng ở đó cũng có người theo dõi cháu và thông báo lại cho chúng ta mọi việc kể từ khi cháu bước chân vào đó. Bởi vì chúng ta quan tâm đến cháu, và người phụ nữ Gypsy đã nuôi nấng cháu, bà ấy không thôi lo lắng cho cuộc sống của cháu.”

Ai đã theo dõi cháu vậy?” Lyra hỏi. Cô cảm thấy hết sức nghiêm trọng và kỳ quặc, rằng tất cả những việc cô làm có thể là mục tiêu của một mối quan tâm rất xa như thế này.

“Đó là một người phụ bếp. Bernie Johansen, anh thợ nướng bánh. Cậu ta mang nửa dòng máu của người Gypsy, cháu chưa bao giờ biết điều đó, ta chắc chắn như vậy.”

Bernie là một người tốt bụng và cô độc, một trong số rất ít người có nhân tính cùng giới tính với mình. Chính Bernie là người Lyra đã hét lên trong cơn giận dữ vì Roger bị bắt cóc. Và Bernie đã kể lại cho những người Gypsy hết mọi chuyện! Cô cảm thấy thật kinh ngạc.

“Vì thế, chúng ta nghe nói cháu rời khỏi Học viện Jordan, cùng lúc Ngài Asriel bị cầm tù và không thể ngăn cản điều này xảy đến. Chúng ta nhớ rằng ông ấy đã bảo ông Hiệu trưởng không được làm như vậy. Chúng ta cũng nhớ người đàn ông mẹ cháu đã kết hôn, chính trị gia mà Asriel đã giết chết, tên là Edward Coulter.”

“Bà Coulter?” Lyra sững sờ nói. “Bà ấy không phải là mẹ cháu đúng không?”

“Chính bà ấy là mẹ cháu đấy. Nếu cha cháu vẫn còn tự do, bà ấy sẽ không bao giờ dám làm trái ý ông ấy, và cháu vẫn còn ở lại Jordan, không biết một chút sự thật nào. Nhưng việc ông Hiệu trưởng để cháu đi là một bí ẩn ta không thể giải thích nổi. Ông ấy được trả công để trông nom cháu. Tất cả những gì ta có thể suy đoán là bà ấy có những thế mạnh để chi phối ông ta.”

Lyra lập tức hiểu ra lo lắng của ông Hiệu trưởng vào buổi sáng cô rời đi.

“Nhưng ông ấy không muốn...” cô nói, cố gắng nhớ lại thật chính xác. “Ông ấy... Cháu đã phải đến và gặp ông ấy đầu tiên buổi sáng hôm đó, và cháu không được nói cho bà Coulter biết việc đó...” cô ngừng lại, nhìn hai người đàn ông chăm chú, và quyết định kể cho họ tất cả sự thật cô chứng kiến trong Phòng nghỉ. “Vâng, còn có một chuyện nữa. Tối hôm đó cháu trốn trong Phòng nghỉ, cháu nhìn thấy ông Hiệu trưởng cố tìm cách đầu độc Ngài Asriel. Cháu nhìn thấy ông ấy đổ một ít bột trắng vào rượu. Cháu nói cho chú cháu biết và ông ấy xô chiếc bình khỏi bàn làm rượu đổ hết. Vì thế cháu đã cứu mạng ông ấy. Cháu không thể hiểu nổi tại sao ông Hiệu trưởng lại muốn đầu độc chú ấy, vì ông ấy luôn rất tốt bụng. Rồi vào buổi sáng cháu rời khỏi Jordan, ông ấy gọi cháu đến phòng làm việc lúc sáng sớm, bảo cháu phải đến thật kín đáo không để ai trong thấy, ông ấy nói...” Lyra bóp trán cố nhớ chính xác điều ông Hiệu trưởng đã nói. Nhưng cô không thể nhớ nổi điều gì. Cô lắc đầu. “Điều duy nhất cháu có thể hiểu là ông ấy

đưa cháu thứ gì đó và cháu phải giữ bí mật không cho bà ấy, bà Coulter biết. Cháu nghĩ là nên nói cho chú biết...”

Cô cho tay vào túi áo khoác lông sói và lấy ra chiếc gói bọc vải nhung. Cô đặt nó trên bàn, nhận thấy sự tò mò của John Faa và sự hiểu biết rạng rỡ bừng sáng của Farder Coram đang dồn vào nó như hai chiếc đèn pha.

Khi cô để chiếc Chân-kế ra, Farder Coram là người lên tiếng đầu tiên.

“Tôi không bao giờ nghĩ mình còn có thể nhìn lại một trong số chúng một lần nữa. Đó là một chiếc máy giải mã các ký hiệu. Ông ấy có nói gì với cháu về nó không, cô bé?”

“Không ạ. Ông ấy chỉ nói cháu phải tự tìm cách đọc được nó. Và ông ấy gọi nó là Chân-kế.”

“Có nghĩa là gì vậy?” John Faa hỏi và quay sang người bạn đồng minh của mình.

“Đó là một chữ bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp. Nó có nghĩa là một loại máy đo sự thật, cũng có nghĩa là La bàn vàng. Và cháu đã tìm ra được cách dùng chưa?” Ông hỏi cô.

“Chưa ạ. Ít nhất cháu cũng biết làm cho ba kim ngắn chỉ vào các bức tranh khác nhau, nhưng cháu không làm gì được chiếc kim dài. Nó dịch chuyển khắp các vị trí. Ngoại trừ thỉnh thoảng, vâng, thỉnh thoảng khi cháu thật tập trung, cháu có thể làm cho chiếc kim dài đi đường này hay đường khác chỉ bằng ý nghĩ.”

“Nó hoạt động thế nào, Farder Coram?” John Faa hỏi. “Và làm thế nào đọc nó được?”

“Tất cả những bức tranh này xếp xung quanh viền vòng tròn,” Farder Coram nói và cẩn thận đưa nó cho John Faa nhìn, “chúng là các biểu tượng,

và mỗi biểu tượng tượng trưng cho cả một loạt sự kiện. Thử lấy chiếc mỏ neo. Ý nghĩa đầu tiên của nó là hy vọng, vì hy vọng giúp con người ta tiến nhanh và không chịu bỏ cuộc. Ý nghĩa thứ hai là tính kiên định. Ý nghĩa thứ ba là khó khăn, hay trở ngại. Ý nghĩa thứ tư là biến cả. Và cứ thế tiếp tục, xuống đến mười, mười hai và có thể là một loạt những ý nghĩa vô tận.”

“Và làm thế nào anh biết hết được?”

“Tôi biết một số, nhưng để đọc được hết tôi cần cuốn sách. Tôi đã nhìn thấy nó và biết nó ở đâu, nhưng tôi không có nó.”

“Chúng ta sẽ nói lại chuyện này sau,” John Faa nói. “Giờ hãy tiếp tục chuyện làm thế nào người ta đọc được nó.”

“Chúng ta có ba chiếc kim có thể điều khiển được,” Farder Coram giải thích, “và ta dùng nó để hỏi một câu hỏi. Bằng cách chỉ vào ba biểu tượng ta có thể hỏi bất cứ câu hỏi nào nghĩ ra được, bởi mỗi biểu tượng có rất nhiều ý nghĩa. Khi ta đã vạch ra được câu hỏi của mình rồi, chiếc kim còn lại quay xung quanh và chỉ vào những biểu tượng khác để cho ta câu trả lời.”

“Nhưng làm thế nào nó biết ý nghĩa mà ta đang nghĩ đến khi đặt câu hỏi?” John Faa hỏi.

“À, tự nó không biết hết được. Nó chỉ hoạt động nếu người hỏi đặt ra ý nghĩa đó trong óc mình. Ta phải biết tất cả các ý nghĩa, trước tiên là như vậy, và phải có đến một nghìn ý nghĩa hoặc hơn nữa. Rồi ta phải có khả năng giữ nó trong tâm trí mà không sốt ruột hay vội vã có được câu trả lời, và chỉ quan sát trong khi chiếc kim đi lang thang. Khi nó đã đi hết quãng đường cần thiết, chúng ta sẽ biết được câu trả lời. Tôi biết được cách nó làm việc vì tôi đã nhìn thấy một người đàn ông thông thái làm nó ở Uppsala, đó là lần duy nhất tôi từng nhìn thấy một chiếc. Cháu có biết nó hiểm như thế nào không?”

“Ông Hiệu trưởng nói người ta chỉ chế tạo có sáu chiếc thôi,” Lyra trả lời.

“Dù là bao nhiêu thì số lượng cũng không nhiều đâu.”

“Cháu đã giữ bí mật về nó không cho bà Coulter biết, theo lời ông Hiệu trưởng dặn?” John Faa hỏi.

“Vâng. Nhưng con nhân tinh của bà ấy, vâng, nó thường vào phòng cháu. Cháu chắc chắn nó đã tìm thấy.”

“Ta hiểu. Được rồi, Lyra, ta không biết chúng ta đã biết hết sự thật hay chưa, nhưng đây là suy đoán của ta. Ông Hiệu trưởng đã được Ngài Asriel trả công để trông nom cháu và giữ cháu an toàn khỏi mẹ cháu. Đó là điều ông ấy đã làm, trong mười năm hoặc hơn thế. Rồi những người bạn của bà Coulter trong Giáo hội giúp bà ấy thiết lập ra Ủy ban Tôn giáo, mà mục đích của Ủy ban này là gì thì chúng ta không rõ. Bà ấy xuất hiện, cũng nhiều thế lực như Ngài Asriel. Cha mẹ cháu, cả hai đều có thế lực, đều tham vọng, ông Hiệu trưởng Jordan giữ cháu cân bằng giữa hai người bọn họ.”

“Giờ đây ông Hiệu trưởng có hàng trăm việc phải lo lắng. Điều quan tâm đầu tiên của ông ấy là Học viện của mình và việc nghiên cứu tại đó. Vì vậy nếu ông ta thấy có gì đe dọa nó, ông ta sẽ tìm cách dẹp bỏ nó đi. Trong thời gian gần đây, Lyra ạ, Giáo hội ngày càng có khả năng chi phối nhiều hơn. Có những hội đồng này, hội đồng khác, có những buổi hội thảo về việc phục hồi Văn phòng Tòa án dị giáo, cầu Chúa đừng để chuyện đó xảy ra. Ông Hiệu trưởng quay như chong chóng giữa các thế lực này. Ông ta buộc phải giữ cho Học viện Jordan ở cùng phe với Giáo hội, nếu không nó sẽ không thể tồn tại được.”

“Và mỗi quan tâm khác của ông Hiệu trưởng là điều này. Ông Hiệu trưởng Học viện Jordan và các Học giả khác nữa, họ yêu thương cháu như

con đẻ của mình. Họ làm tất cả để cháu được an toàn, không chỉ bởi họ đã hứa với Ngài Asriel, mà còn vì lợi ích của chính cháu. Vì thế nếu ông Hiệu trưởng giao cháu cho bà Coulter trong khi đã hứa với Ngài Asriel sẽ không làm như vậy, chắc hẳn ông ấy cho rằng cháu sẽ an toàn khi đi cùng bà ấy hơn là ở lại Học viện Jordan, dù bề ngoài có thể nào đi nữa. Khi đã ra tay đầu độc Ngài Asriel, chắc hẳn ông ta phải nghĩ điều Ngài Asriel đang làm có thể đặt tất cả bọn họ vào tình trạng nguy hiểm, và có thể là nguy hiểm cho tất cả chúng ta, có thể là cho toàn bộ thế giới. Ta nghĩ ông Hiệu trưởng là người phải đưa ra những lựa chọn sinh tử, dù chọn bên nào cũng có hi, nhưng có thể nếu ông làm đúng, sẽ đỡ nguy hại hơn so với ông chọn sai. Chúa sẽ che chở cho ta nếu ta phải có những chọn lựa kiểu như vậy.”

“Đến khi ông ta phải để cháu đi, ông ấy đưa cháu chiếc máy đọc biểu tượng và bảo cháu phải giữ nó an toàn. Ta thắc mắc không hiểu ông ấy suy tính gì khi để cháu làm thế, vì cháu không biết đọc nó. Ta rất muốn biết ông ta đã nghĩ gì.”

“Ông ấy nói Ngài Asriel đã tặng La bàn vàng cho Học viện Jordan nhiều năm trước.” Lyra nói, cố gắng nhớ lại. “Ông ấy đang định nói thêm gì đó thì có ai đó gõ cửa và ông ấy phải ngừng thôi. Cháu nghĩ rằng có thể ông ấy cũng muốn cháu giữ nó khỏi ngài Asriel.”

“Hay có khi là ngược lại,” John Faa nói.

“Ý anh muốn nói gì, John?” Farder Coram hỏi.

“Có thể ông ta có ý định bảo Lyra trả lại nó cho Ngài Asriel, như một sự bồi thường vì đã cố gắng đầu độc chủ nó. Có thể ông ta nghĩ sự nguy hiểm đến từ phía Ngài Asriel đã qua. Hay ngài Asriel có thể đọc được điều gì khôn ngoan từ chiếc máy và cố nén những dự định chưa thực hiện được vào của mình lại. Nếu hiện tại Ngài Asriel đang bị bắt giữ, nó có thể giúp ông ấy được tự do. Nào Lyra, tốt hơn là cháu nên cầm lấy chiếc máy đọc biểu tượng này và giữ nó an toàn. Nếu cháu có thể giữ nó an toàn cho đến

tận bây giờ thì ta cũng không lo lắng gì khi để cháu giữ nó. Nhưng có thể đến một lúc nào đó chúng ta phải hỏi ý kiến của nó, và ta đoán rằng chúng ta phải hỏi mượn nó.”

Ông phủ lớp nhung lên chiếc máy và đẩy nó trượt ngang qua bàn. Lyra muốn hỏi tất cả các câu hỏi cô đang thắc mắc, nhưng tự nhiên cô cảm thấy dè dặt trước người đàn ông vĩ đại này, đôi mắt nhỏ của ông thật sắc sảo và nhân hậu giữa những nếp nhăn.

Nhưng có một điều cô vẫn phải hỏi.

“Ai là người phụ nữ Gypsy đã nuôi cháu vậy?”

“Cháu muốn biết hả, đó là mẹ của Billy: Costa, tất nhiên rồi. Bà ấy đã không nói cho cháu biết, vì ta không cho phép, nhưng bà ấy biết chúng ta không cho phép, nhưng bà ấy biết chúng ta đang nói chuyện gì ở đây, vì thế không có gì là bí mật cả.”

“Giờ thì tốt hơn là cháu hãy quay lại với bà ấy. Cháu có nhiều điều phải suy nghĩ đấy, cô bé ạ. Sau ba ngày chúng ta sẽ có một Buổi họp mặt khác và bàn bạc tất cả những việc phải làm. Cháu là một cô bé ngoan. Chúc cháu ngủ ngon, Lyra.”

“Chúc ngủ ngon, John Faa. Chúc ngủ ngon, Farder Coram.” Cô nói một cách nhã nhặn, ôm chặt La bàn vàng vào lòng bằng một tay và tay kia thì xoắn Pantalaimon lên.

Cả hai người đều hiền hậu cười với cô. Bên ngoài phòng họp Mẹ Costa đang chờ, và như thế không có gì xảy ra từ khi Lyra chào đời, người mẹ chủ thuyền kéo cô vào vòng tay rộng lớn của mình và hôn cô trước khi đưa cô vào giường ngủ.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 8

Lyra phải tự điều chỉnh để thích ứng với cảm giác mới xuất phát từ chính câu chuyện của mình, và điều này không thể làm được trong một ngày. Phải nhìn nhận Ngài Asriel là cha mình là một chuyện, nhưng để chấp nhận bà Coulter là mẹ mình thật là vô cùng khó. Hai tháng trước cô có thể hào hứng với điều đó, tất nhiên là vậy, cô cũng biết thế, và cảm thấy bối rối.

Nhưng, vốn là Lyra, cô không buồn phiền về chuyện đó lâu, vì có rất nhiều điều cần khám phá và nhiều đứa trẻ Gypsy để kết bạn trong Vùng đầm lầy này. Chỉ mất có ba ngày, cô đã trở thành một chuyên gia trên chiếc thuyền thúng (ít nhất cô cũng tự cho là như vậy). Cô tự tập một đám trẻ lang thang xung quanh mình với những huyền thoại về người cha hùng mạnh của mình, người đã bị bắt giam một cách vô lý.

“Một buổi tối ông sứ Thổ Nhĩ Kỳ được mời đến ăn tối tại Jordan. Ông ta được lệnh của Vua Thổ Nhĩ Kỳ để ám sát cha tôi, thật sự như vậy đấy, và ông ta đeo một chiếc nhẫn trên ngón tay có gắn một hòn đá rỗng bên trong chứa đầy chất độc. Khi rượu được mang ra, ông ta làm ra vẻ tình cờ đi qua cốc rượu của cha tôi rồi rắc thu độc vào đó. Việc đó được làm nhanh đến nỗi không ai nhìn thấy, nhưng...”

“Đó là loại chất độc nào vậy?” Một cô bé có khuôn mặt gầy gò hỏi.

“Chất độc chiết xuất từ một loài rắn cực độc của Thổ Nhĩ Kỳ,” Lyra thêu dệt, “loài rắn người ta bắt bằng cách dùng một chiếc ống để nhử chúng ra, sau đó ném cho chúng một miếng bọt biển tẩm mật, con rắn cắn vào đó rồi không thể rút răng nọc của nó ra được nữa. Người ta bắt rắn và nặn lấy nọc độc của nó. Nhưng dù sao, cha tôi cũng đã nhìn thấy tên người Thổ Nhĩ Kỳ

làm gì, ông ấy nói: Thưa quý ngài, tôi muốn đề nghị chúng ta nâng chén chúc mừng cho tình bạn giữa Học viện Jordan và Học viện Izmir, đó là học viện mà người Đại Thổ Nhĩ Kỳ làm việc. Và để thể hiện sự mong muốn được trở thành bạn bè, chúng ta sẽ đổi cốc và uống rượu cho nhau.”

“Ông đại sứ đó rơi vào tình thế khó xử, ông ta không thể từ chối uống rượu vì đó được coi là sự xúc phạm ghê gớm. Ông ta cũng không thể uống vì biết rượu đã bị hạ độc. Ông ta tái xanh mặt và choáng váng ngay bên bàn tiệc. Khi ông ta tỉnh lại, mọi người vẫn đứng đó, chờ đợi và nhìn ông ta chăm chăm. Vậy là hoặc là ông ta uống rượu, hai là phải thú nhận.”

“Vậy ông ta đã làm gì?”

“Ông ta uống rượu. Sau năm phút ông ta đã chết, trong vòng năm phút đó ông ta đã phải chịu giày vò ghê gớm.”

“Cậu có chứng kiến chuyện xảy ra không?”

“Không, vì nữ giới không được phép ngồi tại Bàn cao. Nhưng sau đó tớ đã nhìn thấy xác ông ta khi người ta đưa ra ngoài. Da ông ta co rúm lại như một quả táo héo, mắt mở trừng trừng. Thực ra người ta đã phải vuốt mắt cho ông ta...”

Và câu chuyện cứ thế tiếp diễn.

Trong khi đó, xung quanh rìa Vùng đầm lầy, cảnh sát đang gõ cửa từng nhà, lục soát các gian gác mái cũng như nhà phụ, xem xét các thứ giấy tờ và chất vấn tất cả những người khai là từng nhìn thấy một cô bé tóc vàng. Tại Oxford, cuộc truy tìm còn gắt gao hơn. Học viện Jordan bị lục soát từ những thùng rác bẩn thỉu cho đến những gian hầm tắm tối nhất, cả Học viện Gabriel và Thánh Michael cũng vậy, cho đến khi những người đứng đầu Học viện phải cùng lên tiếng phản đối khẳng định những quyền lợi từ xa xưa của mình. Nhận thức duy nhất của Lyra về cuộc truy tìm là tiếng động cơ gas của những chiếc khinh khí cầu ù ù không ngừng bay qua bay

lại trên bầu trời. Chúng không lộ ra, vì các đám mây rất thấp, còn khinh khí cầu lại phải duy trì ở một độ cao nhất định phía trên Vùng đầm lầy, nhưng ai mà biết được họ đem theo dụng cụ tìm kiếm tinh xảo nào trên đó? Tốt nhất là trốn đi khi cô nghe thấy tiếng máy, hay trùm một chiếc áo khoác vải đầu lên mái tóc để bị phát hiện của mình.

Cô chất vấn Mẹ Costa về tất cả các chi tiết về sự ra đời của mình. Cô đan các chi tiết thành một tấm thảm tưởng tượng thậm chí còn rõ ràng và sắc nét hơn cả câu chuyện thực. Cô thêm dệt thêm, kể đi kể lại những chuyện về căn lều nhỏ, chỗ ẩn náu trong gian hầm, kẻ thù có giọng nói chói tai và tiếng kiếm va vào nhau loảng xoảng

“Những lưỡi kiếm à? Lạy chúa, cô bé, cháu đang mơ đấy à?” Mẹ Costa nói. “Ông Coulter có một khẩu súng lục, Ngài Asriel đánh nó bay khỏi tay ông ta và đánh gục ông ta chỉ bằng một cánh tay. Rồi sau đó có hai tiếng súng. Chắc là cháu không thể nhớ được vì lúc đó còn bé quá. Phát súng đầu tiên là của Edward Coulter, ông ta rút súng và bóp cò, phát thứ hai là của Ngài Asriel, ông chớp lấy súng và quay nòng vào Edward Coulter. Phát súng đúng vào giữa mắt và làm vỡ sọ ông ta. Rồi ông ấy nói với thái độ bình khùng khiếp. 'Ra đi, bà Costa, và bế đứa bé ra đây,' vì lúc đó cháu đang khóc thét lên, cháu và con nhện tinh bướm đêm của cháu. Ông ấy bế lấy cháu, nựng cháu và cho cháu ngồi trên vai, đi qua đi lại với tâm trạng vui tươi hơn hờ, trong khi xác người đàn ông nằm sòng sượt dưới chân. Ông ấy gọi người mang rượu tới và bảo ta lau sàn nhà.”

Đến lần kể đi kể lại thứ tư thì Lyra hoàn toàn bị thuyết phục rằng cô nhớ được câu chuyện xảy ra thế nào, thậm chí còn thêm vào chi tiết về màu áo khoác của ông Coulter, chiếc áo choàng và áo lông treo trong căn phòng nhỏ. Mẹ Costa bật cười trước câu chuyện của Lyra.

Mỗi khi cô có một mình, Lyra lại mang La bàn vàng ra và nghiền ngẫm nó như một người đang yêu say mê ngắm bức hình của người mình thương

mến. Vậy là mỗi bức hình có rất nhiều ý nghĩa, phải không nhỉ? Tại sao cô không tìm ra chúng chứng cô không phải con gái của Ngài Asriel?

Nhớ lại những điều Farder Coram nói, cô cố gắng tập trung tư tưởng vào ba biểu tượng chọn ngẫu nhiên và chuyển các chiếc kim cho chúng chỉ vào ba biểu tượng đó. Cô nhận thấy rằng nếu cô giữ yên chiếc La bàn vàng trên lòng bàn tay và nhìn chăm chú vào nó, khi cô nghĩ về nó, chiếc kim dài bắt đầu chuyển dịch có định hướng hơn. Thay vì cứ bướng bỉnh lang thang xung quanh mặt, nó chuyển dịch nhẹ nhàng từ bc tranh này sang bức tranh khác. Đôi khi nó dừng lại ở số ba, số hai, đôi khi là năm vị trí hoặc hơn nữa, và mặc dù cô chẳng hiểu gì cả, cô cũng có được sự thích thú êm dịu sâu lắng từ nó, không giống bất cứ thứ gì cô biết. Pantalaimon bò xung quanh mặt La bàn, thỉnh thoảng trong hình dáng một chú mèo, thỉnh thoảng là một chú chuột, ngó ngoáy đầu theo chiếc kim. Một đôi lần cả hai cùng thoáng thấy như thể một tia sáng mặt trời xuyên qua những đám mây để chiếu sáng một dải đồi rộng lớn hùng vĩ phía xa, thậm chí là rất xa. Và mỗi lần như vậy Lyra lại rung mình như mỗi lần cô nghe thấy từ “phương Bắc” trong suốt cuộc đời mình.

Vậy là thời gian ba ngày đã qua, trong khoảng thời gian đó, các con thuyền vẫn tập nập đến Phòng họp mặt. Vào buổi tối tổ chức Buổi họp mặt, Phòng họp còn đông hơn cả lần trước, nếu có đủ chỗ đứng cho tất cả mọi người. Lyra cùng nhà Costa đến đó kịp lúc để ngồi ở hàng ghế trên, ngay khi ánh đèn lung linh cho thấy gian phòng đã chật kín người, John Faa và Farder Coram lên trên bục diễn thuyết và ngồi sau chiếc bàn. John Faa không ra dấu hiệu bảo mọi người im lặng; ông chỉ đặt hai bàn tay to lớn của mình trên mặt bàn và nhìn vào đám người phía dưới, những tiếng huyền não tt hẳn.

“Vậy là,” ông nói, “các bạn đã làm điều tôi yêu cầu. Và còn tốt hơn tôi hy vọng. Tôi sẽ triệu tập người đứng đầu của sáu gia đình lên đây ngay bây

giờ để quyền vàng và tuyên bố những lời hứa của họ. Nicholas Rokeby, anh lên đầu tiên.”

Người đàn ông râu quai nón đen to béo trèo lên bục diễn thuyết và đặt một chiếc túi da nặng lên bàn.

“Đây là của chúng tôi,” ông ta nói. “Chúng tôi góp cho ba mươi tám người đàn ông.”

“Cảm ơn anh, Nicholas,” John Faa nói. Farder Coram đang ghi chép lại. Người đàn ông đầu tiên đứng xuống phía sau bục diễn thuyết khi John Faa đứng gọi đến người tiếp theo, và người tiếp theo nữa. Mỗi người đi lên, đặt một chiếc túi trên bàn và tuyên bố số người họ có thể đóng góp. Nhà Costa là một nhánh của gia đình Stefanski, và tất nhiên Tony là một trong những người t nguyện đầu tiên. Lyra để ý thấy con nhân tinh chim ưng của anh nhấc chân nọ rồi đến chân kia và sải cánh khi số tiền và lời hứa góp cho hai mươi ba người đàn ông của gia đình Stefanski được đặt trước mặt John Faa.

Khi người đứng đầu cả sáu gia đình đã lên hết, Farder Coram đưa mảnh giấy của mình cho John Faa, ông đứng dậy giữ mọi người yên lặng.

“Thưa các bạn, đây là sự chung sức của một trăm bảy mươi người đàn ông. Tôi cảm thấy tự hào khi được cảm ơn các bạn. Còn về số vàng, từ cân nặng của nó tôi không nghi ngờ rằng tất cả các bạn đã phải đào sâu xuống những chiếc quan tài của gia đình tổ tiên mình, và lời cảm ơn sâu sắc nhất của tôi gửi đến tất cả những điều này.

Điều chúng ta sắp làm tiếp theo đây là thế này. Chúng ta sẽ mua một con tàu và đi lên phương Bắc, tìm những đứa trẻ rồi trả tự do cho chúng. Từ những gì chúng ta biết, có thể sẽ phải chiến đấu. Đó sẽ không phải là lần đầu tiên, và cũng không phải là lần cuối cùng nhưng chúng ta vẫn chưa phải đánh nhau với những kẻ bắt cóc trẻ con, chúng ta sẽ phải có những kỹ

xảo khéo léo khác bình thường, nhưng chúng ta sẽ không trở về mà không đưa theo lũ trẻ. Vâng, Dirk Vries?”

Một người đàn ông đứng lên và nói:

“Ngài Faa, ngài có biết tại sao họ lại bắt cóc trẻ con không?”

“Chúng ta nghe nói đó liên quan đến vấn đề thần học. Người ta đang tiến hành một thí nghiệm, nhưng bản chất của thí nghiệm đó thế nào thì chúng ta không biết. Nếu muốn nói cho các bạn toàn bộ sự thực, chúng ta thậm chí còn không biết những thí nghiệm này có nguy hại gì đến với chúng ta hay không nữa. Nhưng dù đó là gì, tốt hay xấu, người ta cũng không được quyền cướp những đứa trẻ khỏi sự yên ấm cùng gia đình mình. Vâng, Raymond van Gerrit?”

Người đàn ông nêu câu hỏi trong buổi họp đầu tiên đứng lên và nói:

“Đứa bé đó, Ngài Faa, đứa bé ngài nói là đang bị truy tìm, đứa bé đang ngồi trên hàng ghế trên cùng kia. Tất cả những cư dân sống ven rìa ngoài Vùng đầm lầy đang bị lật tung nhà cửa chỉ vì nó. Tôi nghe nói có một quyết định trong Nghị viện vào đúng ngày hôm nay nhằm tiêu hủy ngôi làng cổ kính của chúng ta vì nó. Vâng, thưa các bạn.” Ông ta nói, kéo theo những lời thì thầm lo lắng. “Họ sắp thông qua một đạo luật xóa bỏ quyền ra vào Vùng đầm lầy của chúng ta. Giờ thì, thưa Ngài Faa, điều chúng tôi muốn biết là: đứa bé này là ai mà có thể đẩy chúng ta vào thế gay go như vậy? Nó không phải là một đứa bé Gypsy, theo tôi nghe nói thì không phải. Làm thế nào mà một đứa bé trên đất liền có thể đẩy tất cả chúng ta vào vòng nguy hiểm?”

Lyra nhìn lên khuôn người to lớn của John Faa. Tim cô đập thành thịch đến nỗi cô nghe không rõ lời đầu tiên ông nói khi trả lời.

“Giờ thì nói toạc ra đi, Raymond, đừng ngại ngần,” ông nói, “anh muốn chúng ta giao đứa bé này cho những người nó đã trốn chạy khỏi, phải vậy

không?”

Người đàn ông vẫn ngoan cố đứng với nét mặt cau có, nhưng không nói gì cả.

“Được rồi, có thể anh muốn như vậy, và cũng có thể là không,” John Faa tiếp tục. “Nhưng nếu bất cứ người đàn ông hay người đàn bà nào cần một lý do để làm việc tốt, hãy cân nhắc điều này. Cô bé này là con gái của Ngài Asriel, chỉ thế thôi. Nếu ai đã quên thì Ngài Asriel là người đã làm trung gian đàm phán với người Thổ Nhĩ Kỳ để cứu mạng Sam Broekman. Chính Ngài Asriel là người đã cho phép thuyền của người Gypsy được qua lại những con kênh nằm trên đất đai của mình. Chính Ngài Asriel là người đã đánh bại phe Watercourse Bill tại nghị viện vì lợi ích to lớn và lâu dài của chúng ta. Và cũng chính Ngài Asriel đã túc trực ngày đêm trong cơn bão '53 và hai lần lao xuống dòng nước để cứu mạng Ruud và Nellie Koopé nhỏ của chúng ta. Anh đã quên rồi sao? Thật là hổ thẹn, hổ thẹn cho anh, thật đáng hổ thẹn.

Và giờ đây cũng chính là Ngài Asriel này đang bị kẹt trên những vùng đất tối tăm lạnh lẽo xa xôi nhất của những con thú hoang dã, bị bắt giữ trong một pháo đài tại Svalbard. Tôi có cần phải nói cho anh biết loài sinh vật nào đang canh giữ ông ấy trên đó không? Và đây chính là cô con gái của ông ấy đang dưới sự trông nom của chúng ta, và Raymond van Gerrit có thể giao nộp cô bé cho các nhà chức trách chỉ để đổi lại một chút hòa bình và yên ổn. Có đúng vậy không? Raymond? Hãy đứng lên và trả lời đi anh bạn.”

Nhưng Raymond van Gerrit cứ bám dính lấy chỗ ngồi của mình, và không gì có thể làm ông ta đứng dậy. Một làn sóng phản đối nổi lên trong căn phòng họp rộng lớn. Lyra cảm nhận được sự hổ thẹn ông ta đang cảm thấy, cũng như sự tự hào sâu sắc về người cha của mình.

John Faa quay đi và nhìn vào một người đàn ông khác trên bục.

“Nicholas Rokeby, tôi giao nhiệm vụ cho anh tìm một con thuyền, và chỉ huy nó khi chúng ta ra khơi. Adam Stefanski, tôi muốn anh chịu trách nhiệm về vũ khí đạn dược, và chỉ huy trận chiến. Roger van Poppel, anh để mắt đến những thứ khác, từ thực phẩm cho đến quần áo chống rét. Simon Hartmann, anh là thủ quỹ và có trách nhiệm chia vàng thành những phần bằng nhau. Benjamin de Ruyter, tôi muốn anh nhận trách nhiệm trinh sát. Có rất nhiều điều chúng ta cần phải tìm hiểu, tôi giao cho anh nhiệm vụ đó, và Canzona, anh sẽ có trách nhiệm kết hợp công việc của bốn người lãnh đạo đầu tiên, báo cáo lại với tôi, và nếu tôi chết, anh sẽ là người thay thế công việc điều khiển của tôi.

Giờ thì tôi đã sắp xếp xong công việc, và nếu bất cứ người đàn ông hay đàn bà nào thấy không đồng ý, chúng ta có thể tự do nêu ý kiến.”

Sau một lúc, một người phụ nữ đứng lên.

“Ngài Faa, ngài không định đưa người phụ nữ nào theo chuyến đi để chăm sóc bọn trẻ sau khi chúng ta đã tìm được chúng sao?”

“Không, Nell. Chúng ta không có nhiều chỗ đâu. Bất cứ đứa trẻ nào đó trong số chúng ta giải thoát cũng sẽ tốt hơn dưới sự chăm sóc của chúng ta so với lúc trước đó.”

“Nhưng nếu ngài nhận thấy rằng ngài sẽ không thể cứu thoát chúng nếu không có người phụ nữ nào đó cải trang thành một người nấu bếp hay y tá hay đại loại như vậy?”

“Ồ, tôi đã không tính đến điều đó,” John Faa thừa nhận. “Chúng ta sẽ xem xét vấn đề này thật cẩn thận khi nghỉ ngơi trong phòng khách. Tôi hứa như vậy đấy.”

Bà ngồi xuống và một người đàn ông đứng dậy.

“Ngài Faa, tôi nghe ngài nói Ngài Asriel đang bị bắt giữ. Có phải một phần trong kế hoạch của ngài là giải cứu cho ông ấy không? Bởi vì nếu thế, và nếu ông ấy đang ở dưới quyền lực của những con gấu theo như tôi hiểu ý ngài nói, sẽ cần nhiều hơn con số một trăm bảy mươi người. Và một người bạn tốt với chúng ta như Ngài Asriel, tôi không biết còn lời kêu gọi đi xa nào với chúng ta đáng hưởng ứng hơn thế.”

“Adriaan Braks, anh nói không sai. Điều tôi dự định là mở to mắt và lắng tai nghe để xem chúng ta có thể lượm lặt được thông tin gì khi lên đến phương Bắc. Có thể chúng ta sẽ làm được gì đó để giúp ông ấy, và nếu không thể, các anh có thể tin tưởng vào việc tôi không dùng cái mọi người gom góp, những người đàn ông và tiền vàng, vào bất cứ một mục đích nào khác ngoài tìm kiếm lũ trẻ và đưa chúng về nhà.”

Một người phụ nữ khác đứng lên.

“Ngài Faa, chúng tôi không biết bọn Gà trống tây có thể làm gì với bọn trẻ. Tất cả chúng tôi đều đã nghe được những lời đồn đại về những câu chuyện đáng sợ. Chúng tôi nghe kể về những đứa trẻ con không có đầu, hay bị cắt làm đôi và khâu lại với nhau, hay về những điều khác quá khủng khiếp để nhắc lại. Tôi thực sự xin lỗi nếu làm mọi người lo lắng, nhưng tất cả chúng ta đều đã nghe nói đến điều này, và tôi muốn làm rõ chuyện. Vậy nếu ngài tìm thấy bất cứ thứ gì khủng khiếp như thế, Ngài Faa, tôi hy vọng ngài sẽ có một cuộc trả thù dữ dội. Tôi hy vọng ngài sẽ không để những ý nghĩ thương hại hay cho qua những gì níu giữ đôi tay mình mà không tấn công và tấn công mạnh mẽ, giáng một nắm đấm nặng ngàn cân vào giữa sào huyệt của sự độc ác địa ngục đó. Và tôi chắc chắn rằng tôi đang nói thay tất cả những người mẹ bị mất con vào tay bọn Gà trống tây.

Những lời thì thầm đồng tình nổi lên khi bà ngồi xuống. Khắp trong Phòng họp mặt là những cái gật đầu hưởng ứng.

John Faa đợi cho đến khi mọi người yên lặng và nói:

“Không gì có thể níu giữ được bàn tay tôi, Margaret. Nếu tôi ngừng tay trên phương Bắc, nó sẽ chỉ vì dành sức tấn công mạnh mẽ hơn ở phương Nam. Ra tay quá sớm một ngày cũng tệ hại như tay trước hàng kilomet. Chắc chắn rằng, phía sau những lời nói của chị là một tình yêu thương nồng ấm. Nhưng nếu các bạn để tình cảm chi phối, các bạn của tôi, các bạn đang làm điều tôi luôn luôn cảnh giác: các bạn đang đặt sự thỏa mãn những cảm giác của chính mình lên công việc phải làm. Công việc đầu tiên của chúng ta là giải cứu, sau đó mới là trừng phạt. Những cảm giác đau buồn không phải là phần thưởng. Điều quan trọng không phải là những cảm giác của chúng ta. Nếu chúng ta có thể cứu bọn trẻ nhưng không trừng phạt bọn Gà trống tây, chúng ta đã hoàn thành được nhiệm vụ của chính mình. Nhưng nếu chúng ta chỉ chăm chăm trả thù bọn Gà trống tây trước và do đó mất đi cơ hội cứu thoát bọn trẻ, chúng ta đã thất bại.

Hãy yên tâm, Margaret. Khi thời cơ trả thù đến, chúng ta sẽ giáng chúng một năm đấm khiến chúng phải hốt hoảng và run sợ. Chúng ta sẽ đánh khiến chúng mất hết sức mạnh. Chúng ta sẽ khiến chúng tàn tạ và kiệt sức, suy sụp và tiêu tan, tan ra thành hàng ngàn mảnh nhỏ và cuốn theo gió bốn phương. Chiếc búa của tôi đang khát máu. Nó chưa được nếm mùi máu kể từ khi tôi giết nhà vô địch Tartar tại thảo nguyên Kazakhstan; nó vẫn bị treo trên thuyền của tôi và đang nằm mơ lại những chiến công ngày xưa, nhưng nó có thể ngửi thấy mùi máu từ phương Bắc bay lại. Tối hôm qua nó đã nói chuyện với tôi và kể cho tôi nghe cơn khát của nó, tôi nói với nó là sẽ sớm thôi, sớm thôi. Margaret, có thể chị có rất nhiều điều để lo lắng, nhưng chị không phải lo rằng trái tim của John Faa quá yếu mềm để ra một năm đấm khi thời cơ đến. Và thời cơ sẽ đến dựa trên phán đoán, không phải trên tình cảm. Có ai muốn nói nữa không? Hãy lên tiếng nếu các bạn muốn.”

Nhưng không có ai cả, John Faa tiến đến chiếc chuông rung báo hiệu kết thúc, đánh thật mạnh và vang khiến cả gian phòng tràn ngập tiếng chuông, các cột nhà rung lên.

John Faa và mấy người đàn ông khác rời bục diễn thuyết để vào phòng bàn bạc. Lyra hơi thất vọng. Họ không muốn cô cũng có mặt ở đó sao? Nhưng Tony cười lớn.

“Họ phải lập các kế hoạch,” anh nói. “Cô đã làm phần việc của mình, Lyra. Giờ thì đến lượt John Faa và hội đồng.”

“Nhưng tôi đã làm được gì đâu!” Lyra phản đối, khi cô theo những người khác ra khỏi Phòng họp và đi xuống con đường trải đá cuội dẫn xuống cầu tàu. “Tất cả những gì tôi làm được là chạy khỏi bà Coulter! Đó mới chỉ là bước khởi đầu. Tôi muốn được lên phương Bắc!”

“Biết nói sao với cô bây giờ nhỉ,” Tony nói. “Tôi sẽ mang về cho cô một chiếc răng con mooc, tôi hứa đấy.”

Lyra phụng phịu. Về phần mình, Pantalaimon đang bận rộn làm mặt khi với nhân tinh của Tony, nó nhắm đôi mắt màu hung lại với vẻ khinh khỉnh. Lyra chèo bè ra cầu tàu và chơi đùa cùng những người bạn mới, treo đèn trên những sợi dây trên mặt nước đen để lôi kéo những con cá mắt lồi bơi rất chậm rồi đâm chúng bằng một cây gậy.

Nhưng tâm trí cô vẫn để ở chỗ John Faa và phòng họp, không lâu cô đã quay lại con đường trải đá cuội dẫn đến Phòng họp mặt. Có ánh đèn sáng trên ô cửa sổ phòng khách. Cửa sổ quá cao để có thể nhìn qua, nhưng cô có thể nghe thấy những lời thì thầm bàn bạc bên trong.

Vậy là cô đi đến bên cửa ra vào và gõ năm tiếng dứt khoát. Tiếng người im bật, một chiếc ghế xô dịch trên nền nhà, cánh cửa bật mở, ánh đèn dầu ấm áp tiến theo bước chân người.

“Gì vậy?” Người đàn ông mở cửa hỏi.

Phía sau người đàn ông Lyra có thể thấy những người ngồi quanh bàn, với những chiếc túi vàng xếp ngay ngắn, giấy và bút, những chiếc cốc và

bình đứng Jenniver.

“Cháu muốn lên phương Bắc.” Lyra nói và tất cả bọn họ đều có thể nghe thấy. “Cháu muốn đến đó và giúp giải cứu bọn trẻ. Đó là điều cháu đã dự định sẽ làm khi chạy khỏi bà Coulter. Và thậm chí ngay trước đó, cháu đã muốn cứu thoát bạn Roger của cháu, cậu bé làm trong Nhà bếp ở Jordan, cậu ấy cũ bị bắt cóc. Cháu muốn đi và góp phần vào việc này. Cháu biết về hàng hải và hiện tượng Cực quang, cháu biết phần nào trong con gấu có thể ăn được, tất cả những điều có ích khác. Mọi người sẽ hối tiếc nếu đã lên trên đó, rồi nhận ra mọi người cần cháu và đã để cháu lại. Như người phụ nữ kia đã nói, các bác sẽ cần đến những người, các bác có thể cũng cần cả trẻ con nữa. Các bác không biết được đâu. Vì thế các bác nên đưa cháu đi, Ngài Faa, cháu xin lỗi vì đã làm ngắt quãng cuộc nói chuyện của ngài.”

Giờ thì cô đã ở trong phòng, tất cả những người đàn ông cùng nhân tinh của họ đang nhìn cô, một số người thấy thích thú, một số bức mình, nhưng cô chỉ nhìn John Faa. Pantalaimon ngồi trên tay cô, đôi mắt mèo hoang của nó ánh lên màu xanh lá cây.

John nói: “Lyra, không có lý do gì để đẩy cháu vào vòng nguy hiểm, bởi vậy đừng tự lừa dối mình nữa, cô bé. Hãy ở lại đây giúp đỡ Mẹ Costa và giữ an toàn. Đó là điều cháu phải làm!”

“Nhưng cháu cũng đang học cách sử dụng chiếc La bàn vàng. Cháu càng ngày càng hiểu nó hơn! Ngài sẽ phải cần đến nó, chắc chắn đây!”

Ông lắc đầu.

“Không,” ông nói. “Cháu nóng lòng muốn lên phương Bắc, nhưng ta tin rằng không chỉ có bà Coulter muốn bắt cháu. Nếu cháu muốn nhìn thấy phương Bắc cháu phải đợi cho đến khi nguy cơ này qua đi. Giờ thì hãy về đi.”

Pantalaimon khẽ rít lên, nhưng nhân tinh của John Faa đứng lên từ sau ghế của ông và bay về phía họ với đôi cánh đen, không phải để đe dọa, nhưng như một lời nhắc nhở phải cư xử cho phải phép. Lyra quay gót khi con quạ bay lướt qua đầu cô và quay lại với John Faa. Cánh cửa đóng ngay sau lưng cô với tiếng sập dứt khoát.

“Chúng ta sẽ đi,” Cô nói với Pantalaimon. “Mặc kệ họ cố gắng ngăn cản chúng ta lại. Chúng ta sẽ đi.”

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 9 Phần 1

Những ngày tiếp theo, Lyra vẽ nên hàng tá kế hoạch rồi lại gạt bỏ không thương tiếc vì tất cả mọi người đang hồi hả với việc chuẩn bị lên tàu. Làm thế nào để trốn trên một con tàu, làm thế nào để trốn trên một con tàu? Chắc chắn, một chuyến đi biển thực thụ sẽ cần đến một con tàu phù hợp, và cô được nghe nhiều chuyện đến mức có thể biết tất cả những chỗ trốn trên một con tàu lớn: các phao cứu sinh, các phòng, đáy tàu, bất cứ chỗ nào khác; nhưng tiên cô phải lên được tàu đã, rời khỏi Vùng đầm lầy cũng có nghĩa là bước vào một chuyến phiêu lưu theo kiểu của người Gypsy.

Ngay cả khi tự cô đến được bờ biển, có thể cô sẽ trốn nhầm thuyền. Thật là hay ho nếu trốn trong phao cứu sinh của một con tàu và thức dậy khi đang trên đường đến High Brazil.

Trong khi đó, như để trêu người, công việc chuẩn bị cho chuyến đi đang diễn ra ngày đêm. Cô bám theo Adam Stefanski, quan sát khi ông chọn lựa những người tình nguyện cho trận đánh. Cô gây khó chịu cho Roger van Poppel với những câu hỏi về các thứ họ cần mang theo: ông đã nhớ mang theo kính râm đi tuyết chưa? Ông có biết nơi tốt nhất để mua bản đồ Bắc Cực là ở đâu không?

Người đàn ông cô muốn giúp đỡ nhất là Benjamin de Ruyti trinh sát. Nhưng anh đã biến mất chỉ vài giờ sau Buổi họp mặt lần thứ hai, và tất nhiên không ai có thể nói anh đi đâu hay bao giờ thì về. Vì thế, để thay vào đó, Lyra cứ bám dính lấy Farder Coram.

“Cháu nghĩ tốt nhất là để cháu giúp ông, Farder Coram,” cô nói, “vì có thể cháu biết nhiều về bọn Gà trống tây hơn bất cứ người nào, vì cháu gần

như đã là một trong số họ rồi. Có thể ông sẽ cần giúp ông đọc những thông điệp của ông Benjamin de Ruyter.”

Ông cảm thấy thương cô bé có tính cách dữ dội và liều lĩnh này và không muốn đuổi cô đi. Thay vào đó ông nói chuyện với cô, lắng nghe những kỷ niệm của cô về Oxford và bà Coulter, quan sát khi cô đọc La bàn vàng.

“Cuốn sách nói về tất cả các biểu tượng ở đâu ạ?” Một hôm cô hỏi ông.

“Ở Heidelberg trả lời.

“Có phải chỉ có duy nhất một cuốn không?”

“Có thể còn có những cuốn khác nữa, nhưng đó là cuốn ta nhìn thấy.”

“Cháu cá là có một cuốn trong Thư viện của Bodley tại Oxford,” cô nói.

Cô không thể rời mắt khỏi con nhân tinh của Farder Coram, nó là con nhân tinh đẹp nhất cô từng nhìn thấy. Khi Pantalaimon biến thành một chú mèo, nó gầy còm, lông bù xù và luộm thuộm, nhưng Sophonax, tên con nhân tinh đó là một con mèo mắt vàng trang nhã, to gấp đôi con mèo bình thường và có bộ lông rất dày. Khi ánh mặt trời chiếu vào nó, nó sáng lên màu cây gụ – mùa thu – màu vàng, hạt ngô – màu đỏ, lá cây – nâu – hung hung đến mức Lyra không biết gọi là màu gì. Cô mong muốn được chạm vào lông nó, để cọ má mình vào đó, nhưng tất nhiên là không bao giờ cô làm được. Có một quy ước bất thành văn mặc nhận rằng sẽ là rất thô lỗ nếu chạm vào nhân tinh của người khác. Các con nhân tinh có thể chạm vào nhau, tất nhiên, hay đánh nhau nữa; nhưng sự ngăn cấm đụng chạm giữa người và nhân tinh đã sâu sắc tới mức ngay trong một trận đánh, không có chiến binh nào được chạm vào nhân tinh của kẻ thù. Điều này bị cấm tuyệt đối. Lyra không nhớ là mình được nghe nói như vậy, cô chỉ biết thế thôi, theo bản năng như thể cô cảm thấy buồn nôn là không tốt, còn dễ chịu là tốt. Vì thế dù mê mẩn bộ lông của Sophonax, thậm chí còn ngưỡng tượng

nó sẽ thế nào, cô không bao giờ tiến thêm một bước dù là nhỏ nhất để vượt ve nó, và cũng chẳng bao giờ nó để cô làm thế.

Sophonax càng mỡ màng, khỏe mạnh và đẹp để bao nhiêu thì Farder Coram càng héo hon và gầy yếu bấy nhiêu. Có thể ông đang bị ốm, hoặc ông phải chịu một tai họa khủng khiếp, nhưng kết quả là ông không thể đi lại được nếu thiếu hai chiếc gậy, và lúc nào người ông cũng run rẩy như một chiếc lá trước gió. Tuy nhiên, trí tuệ của ông nhạy bén, sáng suốt và mạnh mẽ, Lyra nhanh chóng yêu mến ông vì kiến thức và cách ông chỉ bảo cho cô.

“Cái đồng hồ cát này có nghĩa là gì vậy, Farder Coram?” cô hỏi khi đang cầm La bàn vàng vào một buổi sáng, ánh nắng mặt trời chan hòa trên chiếc thuyền của ông. “Chiếc kim cứ quay lại biểu tượng đó.”

“Thường luôn có một gợi ý khi cháu nhìn kỹ hơn. Có thứ gì nho nhỏ ở trên đầu nó vậy?”

Cô nheo mắt và nhìn chăm chú.

“Đó là một cái đầu lâu!”

“Vậy theo cháu nó có ý nghĩa là gì?”

“Cái chết... Có phải là cái chết không ạ?”

“Đúng thế. Vậy là trong dãy ý nghĩa của đồng hồ cát cháu đã có cái chết. Thực ra, thời gian là ý nghĩa đầu tiên, cái chết là ý nghĩa thứ hai.”

“Ông có biết cháu ý đến điều gì không, Farder Coram? Chiếc kim dừng lại ở đó sau khi đi vòng quanh hai vòng! Trong vòng thứ nhất nó bị kéo mạnh, còn ở vòng thứ hai thì nó dừng lại. Có phải như thế có nghĩa là ý nghĩa thứ hai, phải vậy không?”

“Có thể là như vậy, cháu hỏi nó về điều gì vậy, Lyra?”

“Cháu đang nghĩ...” Cô ngừng lại, ngạc nhiên khi nhận ra cô thực sự hỏi một câu hỏi mà không nhận ra nó. “Cháu chỉ đặt ba bức tranh lại với nhau vì... Cháu đang nghĩ về ông de Ruyter... Cháu đặt con rắn, nôi nấu kim loại và tổ ong, để hỏi xem ông ấy đang làm gì với nhiệm vụ gián điệp của mình, và...”

“Tại sao lại là ba biểu tượng đó?”

“Vì cháu nghĩ con rắn rất xảo quyệt, như một người trinh sát cần phải thế, nôi nấu kim loại mang ý nghĩa của sự hiểu biết, một loại chứng cứ, và tổ ong có nghĩa là làm việc chăm chỉ; vậy là nhờ có làm việc chăm chỉ nên có được kiến thức sắc bén, đó là công việc của người trinh sát, và cháu chỉ vào chúng khi cháu nghĩ câu hỏi trong đầu. Chiếc kim chỉ vào cái chết... Ông có nghĩ nó thực sự làm việc không, Farder Coram?”

“Đúng là nó đang làm việc, Lyra ạ. Điều chúng ta không biết là liệu chúng ta có đọc nó đúng hay không. Đây là cả một nghệ thuật phức tạp. Ta tự hỏi...”

Nhưng trước khi ông nói hết câu, một tiếng gõ cửa gấp gáp, và một người đàn ông Gypsy trẻ tuổi bước vào.

“Xin thứ lỗi cho tôi, Farder Coram, Jacob Huismans vừa trở về, anh ấy bị thương rất nặng.”

“Anh ta đi cùng Benjamin de Ruyter,” Farder Coram nói. “Có chuyện gì xảy ra vậy?”

“Anh ấy không nói, đàn ông trẻ tuổi nói. “Tốt hơn là ông nên đến, Farder Coram, vì anh ấy không sống được lâu nữa đâu, máu ra nhiều quá.”

Farder Coram và Lyra trao đổi một ánh mắt lo sợ và kinh ngạc, nhưng chỉ sau một giây, Farder Coram đã chớp lấy hai cây gậy nhanh hết mức có thể, con nhân tinh chạy phía trước. Lyra cũng hồi hả chạy theo sau.

Người đàn ông dẫn họ đến một chiếc thuyền buộc vào cầu tàu đó một người phụ nữ đeo tạp dề bằng vải flannel đỏ đang giữ cửa mở cho họ. Nhận ra ánh mắt nghi ngại của bà với Lyra, Farder Coram nói: “Việc để cô bé này nghe được lời Jacob nói rất quan trọng, thưa bà.”

Vì thế người phụ nữ để họ vào và đứng về phía sau, con nhân tinh sóc của bà đang đứng lặng im. Trên chiếc giường phủ tấm ga vá vúi đàn ông đang nằm, khuôn mặt trắng bệch nhể nhại mồ hôi, ánh mắt đờ đẫn.

“Tôi đã gọi thầy thuốc, thưa Farder Coram,” người phụ nữ run run nói. “Xin đừng làm anh ấy bị kích động. Anh ấy đang phải vật lộn với cơn đau đớn. Anh ấy vừa ra khỏi thuyền của Peter Hawker vài phút trước đây.”

“Peter đâu rồi?”

“Anh ấy đang buộc thuyền. Chính anh ấy bảo tôi phải mời ông đến.”

“Rất sáng suốt. Nào, Jacob, anh có nghe thấy tôi nói không?”

Jacob ngược mắt nhìn Farder Coram đang ngồi trên chiếc giường đối diện, chỉ cách khoảng vài mét.

“Chào Farder Coram.” ông thì thầm.

Lyra nhìn sang con nhân tinh của ông. Đó là một con chồn sương, nó nằm rất im bên cạnh đầu chủ, cuộn tròn không ngủ, vì mắt cũng đang mở to giống chủ của mình.

“Điều gì đã xảy ra vậy?” Farder Coram hỏi.

“Benjamin chết rồi,” ông trả lời. “Anh ấy đã chết, còn Gerard thì bị bắt.”

Giọng ông khản đặc và hơi thở rất yếu. Khi ông ngừng nói, con nhân tinh đau đớn đuổi người ra, liếm má chủ, và được tiếp thêm sức mạnh từ đó tiếp tục:

“Chúng tôi đột nhập vào Bộ Thần học, vì Benjamin nghe được từ một tên Gà trống tây chúng tôi bắt được nói rằng sào huyệt của chúng ở đó, đó là nơi ban hành những mệnh lệnh...”

Ông lại ngừng lại.

“Anh đã bắt được vài tên Gà trống tây?” Farder Coram hỏi.

Jacob gật đầu, và đưa mắt nhìn con nhân tinh. Thường thì các nhân tinh nói chuyện với những người khác ngoài chủ của mình, nhưng đôi lúc việc này cũng xảy ra. Nó lên tiếng.

“Chúng tôi bắt được ba tên Gà trống tây tại Clerkenwell và bắt chúng phải khai ra chúng làm việc cho ai, mệnh lệnh phát ra từ đâu và đại loại các chuyện như vậy. Chúng không biết bọn trẻ bị mang đi đâu, ngoại trừ việc lên phương Bắc, đến vùng Lapland...”

Nó ngừng lại và thở hổn hển một lúc, bộ ngực bé nhỏ của nó phập phồng rồi lại tiếp tục.

“Bọn Gà trống tây đó nói cho chúng tôi về Bộ Thần học và Ngài Boreal. Benjamin nói ông ấy và Gerard Hook phải đột nhập vào đó, còn Frans Broekman cùng Tom Mendham sẽ đi thăm dò về Ngài Boreal.”

“Họ làm đúng như vậy chứ?”

“Chúng tôi không biết. Họ không trở về. Farder Coram, đó dường như những điều chúng tôi đã làm, chúng tôi đã biết trước khi hành động, và theo những gì chúng tôi đoán thì Frans và Tom đã bị nuốt sống ngay khi tiếp cận Ngài Boreal.”

“Hãy quay lại với Benjamin,” Farder Coram nói, nghe thấy hơi thở của Jacob ngày càng gấp gáp và đôi mắt nhắm nghiền trong đau đớn.

Con nhân tinh của Jacob kêu khẽ một tiếng tràn ngập lo lắng và yêu thương, người phụ nữ tiến lại gần thêm một hay hai bước, tay bịt miệng, nhưng bà không nói gì, con nhân tinh yếu ớt tiếp tục nói:

“Benjamin, Gerard và chúng tôi đến Bộ Thần học tại Nhà Trắng và tìm thấy một cửa ngách nhỏ, nó không bị canh phòng nghiêm ngặt lắm, chúng tôi đứng trông chừng xung quanh trong khi họ mở khóa đi vào. Họ chưa vào được bên trong nhưng khoảng một phút sau chúng tôi nghe thấy một tiếng kêu đau đớn, con nhân tinh của Benjamin bay ra ngoài để vẫy chúng tôi vào giúp đỡ rồi lại bay vào, chúng tôi rút đà chạy theo sau; nơi đó quá tối, đầy những thứ và âm thanh ghê rợn khiến chúng tôi nhầm lẫn những chuyển động của chúng; chúng tôi quan sát xung quanh, nhưng phía trên có một sự rung chuyển, một tiếng hét sợ hãi, Benjamin và con nhân tinh ngã xuống từ trên cầu thang phía trên chúng tôi, con nhân tinh cố gắng lôi mạnh và vung vẩy để đỡ anh ấy, nhưng không có kết quả, vì họ lao xuống sàn nhà, cả hai chết ngay lập tức.

Chúng tôi không nhìn thấy Gerard đâu cả, nhưng tiếng anh ấy rú lên phía trên, chúng tôi quá sợ hãi và choáng váng đến nỗi không nhúc nhích nổi. Sau đó một mũi tên bắn vào vai chúng tôi và đâm rất sâu vào... “

Giọng con nhân tinh càng yếu hơn, tiếng rên rỉ phát ra từ người đàn ông bị thương. Farder Coram cúi xuống nhẹ nhàng lật tấm khăn trải giường lên, và từ phía vai của ông nhô ra đầu có cảm lông chim của một mũi tên trong một đám máu đông hòn lớn. Phần máu và đầu tên cắm sâu vào người đàn ông xấu số đến nỗi vượt ra khỏi lớp da đến mười phân. Lyra cảm thấy choáng váng.

Có tiếng chân người và giọng nói ngoài cầu tàu.

Farder Coram đứng lên và nói:

“Thầy thuốc đã đến, Jacob. Chúng tôi sẽ để anh nghỉ ngơi. Chúng ta sẽ nói chuyện nhiều khi anh đã cảm thấy khá hơn.”

Ông vỗ vai người phụ nữ khi đi ra. Lyra nép vào người đàn ông đến cầu tàu, vì có một đám đông đã đứng đó, thì thầm và chỉ trỏ. Farder Coram lệnh cho Peter Hawker phải đến ngay chỗ John Faa và nói:

“Lyra, ngay khi chúng ta biết Jacob sống hay chết, chúng ta phải nói chuyện về La bàn vàng. Cháu hay đi đi và ở nguyên một chỗ, cô bé. Chúng ta sẽ cho gọi cháu.”

Lyra lang thang trên đường về, và đi đến bờ sông đầy cây lau sậy ngồi ném bùn xuống nước. Cô biết một điều: cô không thích thú hay tự hào khi có thể đọc được La bàn vàng — cô cảm thấy sợ hãi. Bất cứ sức mạnh nào có thể khiến chiếc kim quay và dừng lại, nó cũng biết mọi chuyện như một con người có lý trí.

“Mình đoán đó là một con quỷ,” Lyra nói, và trong một lúc cô cảm thấy bứt rứt muốn ném thứ đồ bé nhỏ xuống giữa đầm lầy.

“Mình sẽ nhìn thấy nó có một linh hồn trong đó,” Pantalaimon nói. “Như con ma ở Godstow. Mình thì nhìn được còn cậu lại không.”

“Không phải chỉ có một loại linh hồn.” Lyra nói với giọng trách móc. “Dù sao cậu cũng không thể nhìn thấy hết được bọn chúng. Hơn nữa, thế chuyện những học giả đã chết hiện lên không đầu? Mình đã nhìn thấy, nhớ không?”

“Đó chỉ là một cơn ác mộng thôi.”

“Không phải. Đó là những linh hồn có thực, và cậu cũng biết thế. Nhưng dù là loại linh hồn nào điều khiển chiếc kim thì cũng không phải loại linh

hồn đó.”

“Có thể nó không phải một loại linh hồn,” Pantalaimon bướng bỉnh.

“Vậy thì đó là cái gì?”

“Nó có thể là... Nó có thể là những hạt cơ bản.”

Cô lắc đầu quầy ậy.

“Có thể là nó đấy!” Pantalaimon khẳng khái. “Cậu có nhớ chiếc máy đo ánh sáng ở Gabriel không? Sao nào?”

Tại Học viện Gabriel có một thứ linh thiêng được giữ nguyên trên bệ thờ của Nhà nguyện, được phủ (giờ Lyra mới nhớ ra) nhung đen, giống tấm vải bọc La bàn vàng. Cô nhìn thấy nó khi đi cùng ông Quản lý thư viện Jordan sang bên đó dự lễ. Khi lời khấn cầu cất lên cao, Người trợ lễ nâng tấm vải lên để lộ một vòm kính lờ mờ bên trong là một thứ gì đó không thấy rõ vì quá xa, cho đến khi người bên trên, để một tia nắng mặt trời xuyên vào đúng giữa mái vòm. Giờ thì mọi thứ mới rõ ràng: một thứ giống như chiếc chong chóng chỉ chiều gió, một bên có bốn bản hứng gió, một bên màu đen, ánh sáng chiếu vào. Nó thể hiện một bài học đạo lý, Người trợ lễ giải thích, vì màu đen của sự ngu dốt chạy trốn khỏi ánh sáng, trong khi sự khôn ngoan của màu trắng lao theo kéo nó lại. Lyra nghe ông ta nói nhưng không mấy quan tâm, nhưng những cánh gió quay tít thật là hay dù chúng dùng để làm gì, và tất cả đều được thực hiện dưới lực đẩy của hạt, ông Quản lý thư viện nói như vậy khi họ trên đường trở về Jordan.

Vì thế cũng có thể Pantalaimon nói đúng. Nếu các hạt cơ bản có thể đẩy một chiếc máy đo sáng quay vòng, không nghi ngờ gì nó có thể khiến ánh sáng hoạt động làm quay chiếc kim, nhưng điều này vẫn khiến cô băn khoăn.

“Lyra! Lyra!”

Có tiếng Tony Costa, anh đang vẫy cô từ bến thuyền.

“Đến đây đi.” anh gọi. “Cô phải đến gặp John Faa tại Phòng họp mặt. Chạy đi, cô bé, việc gấp đấy. Cô nhận thấy John Faa, Farder Coram và những lãnh đạo khác, tất cả đều trông rất lo lắng.

John Faa lên tiếng:

“Lyra, cô bé, Farder Coram đã kể cho ta nghe về chuyện cháu đọc chiếc máy đó. Và ta rất tiếc khi phải thông báo rằng Jacob đáng thương đã qua đời. Ta nghĩ sau cùng có lẽ chúng ta sẽ đưa cháu đi cùng, ngược lại với dự định của ta ban đầu. Tâm trí ta đang rối bời về điều đó, nhưng có vẻ như không còn sự chọn lựa nào khác. Ngay sau khi Jacob được mai táng theo phong tục, chúng ta sẽ lên đường. Cháu hiểu ý ta chứ, Lyra: cháu sẽ cùng đi, nhưng đây không phải là một dịp để cháu vui chơi và mừng rỡ. Có rất nhiều khó khăn và nguy hiểm đang đợi chúng ta ở phía trước.”

“Ta đặt cháu dưới sự trông nom của Farder Coram. Cháu không được gây phiền phức hay vướng víu gì cho ông ấy, nếu không cháu sẽ được ném cơn thịnh nộ của ta đấy. Giờ thì hãy về ngay và nói cho Mẹ Costa biết, hãy luôn trong tư thế sẵn sàng.”

Hai tuần tiếp theo trôi qua trong bận rộn nhất từ trước đến nay trong đời Lyra. Bận rộn, nhưng không vội vã, vì có những khoảng thời gian chờ đợi chán ngắt, cô trốn trong những cabin trên thuyền, hay chờ đợi khung cảnh mùa thu đầm nước mưa ảm đạm trôi qua khung cửa sổ, rồi lại chơi trốn trong cabin, hay ngủ cạnh đầu máy hơi gas và thức giấc với cơn đau đầu mệt mỏi; và tệ hơn cả, không bao giờ được phép đi ra ngoài để chạy dọc bờ sông hay trèo lên boong tàu hay kéo cửa cống hay bắt một chiếc dây neo quảng lên.

Bởi vì tất nhiên cô phải nấu mình. Tony Costa kể cho cô nghe những chuyện bàn tán trong các quán rượu trên bờ: rằng có một cuộc săn đuổi trên

khắp vương quốc tìm một cô bé tóc sáng màu với một phần thưởng lớn cho ai tìm được và lệnh trừng phạt nặng nề cho ai che giấu cô. Cũng có những lời đồn đại kỳ lạ: người ta nói rằng cô là đứa trẻ duy nhất trốn thoát được khỏi bọn Gà trống tây, và cô nằm trong tay những bí mật chết người. Một lời đồn đại khác nói rằng cô không phải là một đứa trẻ bình thường mà là một đôi linh hồn đội lốt một đứa trẻ và con nhân tinh, đến được thế giới nhờ những thế lực địa ngục để hủy hoại nhân loại; còn một lời đồn đại nữa cho rằng không có đứa trẻ nào cả mà là một người lớn, bị phép thuật làm bé lại và bị người Tartar niêm chú, đến do thám những người dân nước Anh tốt bụng và dọn đường cho cuộc xâm lược của người Tartar.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 9 Phần 2

Đầu tiên Lyra nghe những câu chuyện đó với thái độ vui vẻ, còn sau đó là chán nản. Tất cả mọi người đều ghét và sợ cô! Cô mong mỗi được ra khỏi chiếc cabin chật hẹp như một chiếc thùng này. Cô mong rằng mình đã ở trên phương Bắc, trong màn tuyết mênh mông dưới hiện tượng Cực quang rực rỡ. Và đôi khi cô mong được quay trở về Học viện Jordan, bỏ lê trên những mái nhà cùng Roger, nghe ting chuông của người Quản lý rung lên nửa tiếng trước bữa tối và những tiếng loảng xoảng, lèo xèo hay kêu la trong Nhà bếp... Rồi cô lại say sưa mơ rằng chưa có chuyện gì thay đổi, không có chuyện gì thay đổi, rằng cô có thể là Lyra của Học viện Jordan mãi mãi, mãi mãi.

Điều duy nhất có thể kéo cô ra khỏi nỗi chán chường và bức bối là La bàn vàng. Cô đọc nó hàng ngày, đôi khi cùng Farder Coram, đôi khi một mình, cô nhận thấy cô có thể ngày càng ham thích đắm mình sự tĩnh tâm để nghiên cứu những ý nghĩa của biểu tượng, những dãy núi từng từng được ánh mặt trời chiếu sáng xuất hiện trong tâm trí.

Cô gắng hết sức giải thích cho Farder Coram nó có cảm giác thế nào.

“Nó gần giống như nói chuyện với ai đó, chỉ có điều ông không thể nghe rõ họ nói gì, và ông cảm thấy như thể mình ngớ ngẩn vì họ thông minh hơn ông, chỉ có điều họ không chịu đau khổ hay gì đó... Họ biết rất nhiều, Farder Coram ạ! Dường như họ biết hết mọi thứ, gần như vậy! Bà Coulter rất thông minh, bà ấy biết rất nhiều, nhưng đây là một loại kiến thức khác... Đó giống như sự thấu hiểu, cháu nghĩ vậy...”

Ông thường đưa ra những câu hỏi đặc biệt, còn cô tìm kiếm câu trả lời.

“Hiện bà Coulter đang làm gì vậy?” ông hỏi, đôi tay cô làm việc ngay lập tức. Ông hỏi: “Hãy nói cho ta biết mẹ cháu đang làm gì?”

“Vâng, Đức mẹ là bà Coulter, cháu nghĩ đến mẹ cháu khi đặt chiếc kim vào đó; con kiến là sự bận rộn — cái này thì dễ, đó là ý nghĩa đầu tiên; và một trong những ý nghĩa của chiếc đồng hồ cát là thời gian. Giờ thì gạt chiếc kim xuống đây, và vừa áp đặt suy nghĩ của mình lên nó.”

“Và làm thế nào cháu biết được ý nghĩa đó ở đâu?”

“Gần như cháu nhìn thấy nó. Hay đúng hơn là cảm nhận nó, như leo xuống một chiếc thang vào ban đêm, đặt chân xuống và lại có một thanh ngang khác. Vậy, cháu đặt tâm trí của mình xuống và lại có một ý nghĩa khác, cháu gần như cảm nhận được nó là gì. Rồi cháu đặt chúng lại gần nhau. Có một thủ thuật, như làm lác mắt ấy.”

“Vậy hãy làm đi, rồi xem nó nói gì?”

Lyra làm theo. Chiếc kim dài lập tức dịch chuyển, và dừng lại, lại dịch chuyển, lại dừng lại tại hàng loạt những điểm chính xác rồi lại dừng lại. Nó cũng có cảm giác uyển chuyển và mạnh mẽ như Lyra đang cảm nhận, như một con chim non đang tập bay. Farder Coram, quan sát từ phía bên kia bàn, chú ý những nơi chiếc kim dừng lại, quan sát cô bé giữ cho tóc khỏi xòa vào mặt và khẽ cắn môi, đôi mắt cô dõi theo chiếc kim, nhưng sau đó, khi hành trình của nó đã được xác định, cô lại nhìn đâu đó trên mặt La bàn. Tuy nhiên, đó không phải là ngẫu nhiên. Farder Coram là người chơi cờ, ông biết những người chơi nhìn nhận cuộc chơi như thế nào trong khi chơi. Một tay chơi chuyên nghiệp dường như thấy được những năng lực và ảnh hưởng trên bàn cờ, nhìn dọc những tuyến quan trọng mà bỏ qua những điểm yếu; đôi mắt Lyra cũng dõi theo một đường như vậy, theo một từ trường tương tự mà cô có thể thấy, còn ông thì không.

Chiếc kim dừng lại ở tia sét, đứa bé, con rắn, con voi, và một vật Lyra không tìm ra tên để đặt cho nó: một loại thần lẩn mắt to, chiếc đuôi cuốn xung quanh cành cây nang đứng. Sự kết hợp này lặp đi lặp lại nhiều lần, trong khi đó Lyra vẫn quan sát.

“Con thần lẩn đó mang ý nghĩa gì vậy?” Farder Coram hỏi, phá vỡ sự tập trung của cô.

“Cháu không có ý tưởng gì... Cháu có thể hiểu nó nói gì, nhưng chắc hẳn cháu không đọc ra được nó. Cháu nghĩ tia sét là sự giận dữ, đứa bé, cháu nghĩ là cháu... Cháu đang cố cho con thần lẩn một ý nghĩa, nhưng ông hỏi cháu, Farder Coram, làm cháu quên bém mất. Đấy, giờ thì không biết nó trôi nổi đi đâu mất rồi.”

“À, ta thấy rồi. Ta xin lỗi, Lyra ta thật là đáng trách. Cháu đã mệt chưa? Cháu có muốn nghỉ không?”

“Không, cháu không muốn nghỉ,” cô nói, nhưng hai má cô ửng đỏ và đôi mắt sáng rực. Cô có tất cả các dấu hiệu của việc bức bối do hào hứng quá mức, và nó còn trở nên tệ hơn do cô phải trốn trong cabin chật hẹp quá lâu.

Ông nhìn ra ngoài cửa sổ. Trời đã gần tối, họ đang đi dọc theo dải nước trong nội địa trước khi đến được bờ biển. Vùng bọt vánh màu nâu rộng lớn của sông dưới bầu trời ảm đạm kéo dài đến một dải những thùng đựng than, bên cạnh một nhà máy lọc dầu tỏa khói đen dày đặc đang uể oải hòa vào những đám mây.

“Chúng ta đang ở đâu vậy?” Lyra hỏi. “Cháu có thể thấy ra ngoài một chút được không, Farder Coram?”

“Đây là vùng sông Colby,” ông trả lời. “Cửa sông Cole. Khi chúng ta ra đến được thành phố, chúng ta sẽ buộc thuyền gần khu Chợ khói và đi bộ lên bến tàu. Chúng ta sẽ đến đó trong một hoặc hai giờ tới...”

Nhưng trời đang tối dần, trong khung cảnh hoang vắng tiêu tàn của con sông, chẳng có gì chuyển động ngoài con thuyền của họ và tiếng máy vang lên từ nhà máy lọc dầu xa xa; Lyra đang mệt đến phát sốt, cô đã ở bên trong thuyền quá lâu; vì thế Farder Coram nói tiếp:

“Ừ, ta không cho rằng việc ở bên ngoài vài phút là chuyện gì ghê gớm. Nhưng ta không coi như thế là hít thở không khí trong lành cho đến khi chúng ta ra được đến biển. Nhưng cháu có thể đứng ở đầu thuyền và nhìn ra ngoài trong khi chờ đợi đến lúc đó.”

Lyra đứng lên, Pantalaimon biến thành một con hải âu ngay lập tức, hào hứng sải đôi cánh trong không gian. Bên ngoài rất lạnh, dù cô đã mặc áo ấm cẩn thận, Lyra nhanh chóng rung mình. Pantalaimon, ngược lại, bay lượn trong không khí, kêu to thích thú, nhào lộn, lướt và lao như mũi tên, lúc thì phía trước thuyền, lúc dưới đuôi tàu. Lyra cảm thấy hân hoan trước cảnh đó, cảm thấy như mình cũng đang bay như nó, và giục nó hãy thách con nhân tinh của người thợ máy cùng đua. Nhưng con chim cốc phớt lờ nó và đậu xuống ngủ trên chiếc máy xới gần chủ của mình.

Không có sự sống nào trên vùng đất nâu cằn cỗi này, chỉ có tiếng máy bình bịch và tiếng nước bắn tung tóe dưới mũi tàu phá vỡ sự im lặng mênh mông. Những đám mây nặng nề treo là là nhưng không mang theo mưa, vùng không khí phía dưới đầy khói ảm đạm. Chỉ có Pantalaimon đang duyên dáng bay lượn là mang chút hơi hướng sống và tươi vui.

Khi nó đang lao lên lao xuống lặn ngụp với sải cánh trắng nổi bật trên nền trời màu nâu, một thứ gì đó màu đen vắng tới và đập vào người nó. Nó ngã sang một bên vì sốc và đau, Lyra hét lên, cảm thấy như chính mình đang đau đớn. Một thứ màu đen khác nữa hợp vào với cái thứ nhất, chúng chuyển động không giống loài chim, mà giống những con bọ cánh cứng bay, nặng nề và thẳng hướng, phát ra những tiếng vo ve.

Khi Pantalaimon ngã xuống, cố gắng quay người và trở lại chiếc thuyền cùng đôi tay Lyra đang tuyệt vọng, những thứ màu đen vẫn tiếp tục lao vào nó, kêu vo ve, lao xao và đẩy thù hằn. Lyra gần như phát điên với sự sợ hãi của Pantalaimon và của chính mình. Nhưng lúc đó có thứ gì đó lao qua cô bay lên trên.

Đó là con nhân tinh của người thợ máy, dù trông có vẻ chậm chạp nặng nề, nó bay rất khỏe và nhanh. Nó tấp bên này bên kia, đôi cánh đen vùng vẫy, thứ gì màu trắng vỡ ra, và một thứ nhỏ màu đen rơi xuống mặt sàn trải nhựa đường của cabin ngay dưới chân Lyra, đúng lúc Pantalaimon đậu xuống cánh tay vươn thẳng của cô.

Trước khi cô kịp vỗ về nó, nó biến thành một con mèo hoang và lao xuống sinh vật lạ, đánh nó lui vào chân tường, nó quay cuồng cào cấu để thoát thân. Pantalaimon giữ chặt nó xuống những móng vuốt sắc nhọn và nhìn lên bầu trời đang sẫm dần, nơi đôi cánh đen của con chim cốc đang lượn vòng cao hơn để tìm kiếm sinh vật màu đen khác.

Rồi con chim cốc lượn nhanh về và kêu gì đó với người thợ máy. Ông ta nói:

“Nó đi rồi. Đừng để con kia trốn thoát. Đây...” và ông hắt chút nước còn lại trong chiếc ca sắt ông đang uống đi rồi ném nó cho

Cô chụp nó ngay lên sinh vật lạ đó. Nó kêu vè vè và gặm gừ như một động cơ.

“Giữ chặt nó đấy nhé,” Farder Coram từ phía sau cô nói, rồi ông quỳ xuống luồn một tấm bài phía dưới chiếc ca.

“Nó là thứ gì vậy, Farder Coram?” Cô run rẩy hỏi.

“Chúng ta hãy xuống phía dưới xem thế nào. Cầm nó cẩn thận nhé, Lyra. Cầm thật chắc vào.”

Cô nhìn con nhện tinh của người thợ máy khi đi xuống, định cảm ơn nó, nhưng đôi mắt già cả của nó đang nhắm. Thay vào đó cô cảm ơn người thợ máy.

“Cô nên ở bên dưới thì hơn.” Ông chỉ nói có vậy.

Cô mang chiếc ca vào trong ca bin, Farder Coram đã tìm thấy một chiếc cốc đựng bia. Ông dốc ngược chiếc ca sắt lên trên chiếc cốc rồi rút tấm bài chắn giữa chúng ra, sinh vật lạ rơi xuống chiếc cốc. Ông nâng nó lên để mọi người có thể thấy rõ thứ sinh vật bé nhỏ đang giậm dừ.

Nó dài khoảng bằng ngón tay cái của Lyra, màu xanh lá cây thẫm, không phải màu đen. Cánh cứng của nó giương lên, như một con bọ dừa đang sắp bay, chiếc cánh bên trong đang đập dừ dội đến mức trông nó chỉ như một vết mờ. Sáu chân có móng của nó đang bám lấy mặt thủy tinh nhẵn bóng.

“Nó là cái gì vậy?” Lyra hỏi.

Pantalaimon, vẫn trong hình dáng một con mèo hoang, trèo lên chiếc bàn cách đó mấy mét, đôi mắt màu xanh lá cây của nó đảo qua đảo lại, nhìn theo sinh vật trong chiếc cốc.

“Nếu cháu bẻ nó ra,” Farder Coram nói, “cháu sẽ thấy không có thứ gì sống trong đó cả. Không phải động vật cũng không phải côn trùng, chắc chắn là như vậy. Trước đây ta đã nhìn thấy một con như thế không bao giờ nghĩ có thể gặp lại chúng ở một nơi mãi tận phương Bắc. Một thứ đến từ Châu Phi. Có một bộ máy chạy trong đó, có thứ đồng hồ lên dây cót làm con tim chi phối nó.”

“Nhưng ai gửi nó đến đây chứ?”

“Cháu thậm chí không cần phải đọc được biểu tượng, Lyra. Cháu có thể đoán dễ dàng như ta vậy.”

“Bà Coulter?”

“Tất nhiên rồi. Bà ta không chỉ lên thám hiểm phương Bắc, có rất nhiều thứ kỳ lạ có thể tìm thấy ở phương Nam hoang dã. Morocco là nơi lần cuối cùng ta nhìn thấy một trong những thứ này. Nguy hiểm chết người; một khi đồng hồ dây cót vẫn còn chế ngự nó, nó sẽ không bao giờ ngừng lại, và khi cháu thả tự do cho nó, nó sẽ nổi giận khủng khiếp đến mức nó giết chết thứ gì đầu gặp được”

“Nhưng mục đích phía sau nó là gì?”

“Do thám. Ta thật là ngu ngốc khi để cháu ra ngoài. Và đáng lẽ ta phải không cắt đứt dòng suy nghĩ của cháu để cháu tìm ra ý nghĩa của biểu tượng.”

“Cháu nghĩ ra rồi!” Lyra đột ngột reo lên thích thú. “Nó có nghĩa là không khí, con thằn lằn ấy! Cháu nhìn thấy, nhưng không thể hiểu được tại sao, vì thế cháu cố gắng tìm ra, rồi cháu bị đứt mạch suy nghĩ và quên mất.”

“À,” Farder Coram nói, “thế thì ta cũng hiểu rồi. Đó không phải là một con thằn lằn, nguyên nhân là như thế đấy. Đó là một con tắc kè hoa. Và nó tượng trưng cho không khí vì nó không ăn cũng không uống, nó chỉ sống nhờ không khí.”

“Còn con voi?”

“Châu Phi.” Ông nói, và reo lên. “Aha.”

Họ nhìn nhau. Càng khám phá thêm về sức mạnh của La bàn vàng, họ càng thấy sợ hãi trước nó.

“Lần nào nó cũng cảnh báo chúng ta về những chuyện này,” Lyra nói. “Đáng ra chúng ta phải nghe nó. Nhưng chúng ta có thể làm gì với thứ này,

Farder Coram? Chúng ta có nên giết nó hay làm gì không?”

“Ta không biết, vì ta có thể làm bất cứ điều gì cũng được. Có thể chúng ta chỉ việc giữ chặt nó trong một chiếc hộp và không bao giờ thả nó ra. Điều làm ta lo lắng là con còn lại, đã trốn thoát. Giờ thì nó đang bay trở lại với bà Coulter, báo tin rằng nó đã nhìn thấy cháu. Ta thật đáng nguyên rủa, Lyra ạ. Sao ta lại ngu ngốc thế chứ.”

Ông loay hoay một lúc ở chiếc tủ búp phê và tìm thấy một hộp thiếc đựng lá thuốc có đường kính khoảng tám xăngtimet. Nó vốn được dùng để đựng các thứ ốc vít, nhưng ông đổ các thứ trong đó ra và lau mặt trong bằng một tấm vải buồm trước khi dốc ngược chiếc cốc lên trên, tấm bìa vẫn để trên miệng cốc.

Sau một lúc, khi một trong những chiếc chân của sinh vật thò ra và đẩy chiếc hộp với sức mạnh bất ngờ, họ bắt nó lại và đóng chặt chiếc hộp.

“Ngay khi chúng ta đến được tàu, ta sẽ cắt một số lính canh quanh bờ để đảm bảo an toàn,” Farder Coram nói.

“Nhưng bộ máy trong người nó có thể bị hỏng chứ?”

“Với một bộ máy bình thường, thì đúng là như vậy. Nhưng như ta đã nói, nó bị trói buộc bởi thứ tinh thần đó đến tận giây phút cuối cùng. Càng vùng vẫy, nó sẽ càng bị buộc chặt hơn, và sức mạnh chi phối nó càng trở nên dữ dội. Giờ thì hãy cho anh chàng này vào một chỗ...”

Ông gói chiếc hộp thiếc bằng một mảnh vải flannel để giảm bớt tiếng vù vù không ngớt, rất nó dưới gầm chiếc giường ông nằm.

Trời đã tối, Lyra nhìn ra ngoài cửa sổ khi những vùng sáng của Colby tiến lại gần hơn. Bầu không khí nặng nề ngày càng dày đặc và trở thành sương mù. Đến khi họ buộc thuyền vào bến tàu dọc Chợ khói, mọi thứ trong tầm mắt trở nên mờ ảo. Bóng tối lan đến những tấm lợp màu xám bạc

long lạnh như đỉnh ngọc trai do đỉnh sương đêm phủ trên những mái nhà kho hay cần trục, những quầy bán thuốc đóng bằng gỗ, tòa nhà nhiều ống khói bằng đá granit mà khu chợ được đặt tên theo đó, nơi suốt ngày đêm cá được treo và hun khói góp phần làm bầu không khí ẩm ướt, mùi nồng nồng dễ chịu của cá hồi, cá thu và cá êfin hun khói dường như ngấm vào từng viên cuội lót đường.

Lyra, cuốn mình trong tấm áo choàng với một chiếc mũ chụp lớn che mái tóc, đi giữa Farder Coram và người thợ máy. Cả ba con nhân tinh đều rất cảnh giác, sục sạo từng góc ngách phía trước, trông chừng phía sau, lắng nghe từng bước chân xa nhất vọng lại.

Nhưng họ là những người duy nhất trên đường. Những người dân Colby đều đã ở trong nhà, có lẽ họ đang nhấm nháp từng ngụm Jenniver bên cạnh bếp lò rít. Họ không nhìn thấy người nào cho đến khi đến được bến tàu, người đầu tiên họ nhìn thấy là Tony Costa, anh đang đứng cạnh cửa.

“Ôn Chúa, mọi người đã đến.” Anh khẽ nói, để họ đi qua. “Chúng tôi vừa nghe tin Jack Verhoeven đã bị bắn và thuyền của ông ấy bị đắm. Không ai biết tin ông đang ở đâu. John Faa đã lên tàu và nóng lòng muốn khởi hành.”

Với Lyra chiếc tàu thật vĩ đại: một phòng lái và ống khói ở giữa tàu, một boong lớn đuôi tàu, một cần trục to phía trên cửa sập che vải bạt; ô cửa sổ có ánh đèn vàng và chiếc cầu, ánh đèn màu trắng ở đầu cột buồm; ba hay bốn người đàn ông đang đứng trên boong, hối hả làm một việc gì đấy mà cô nhìn không rõ.

Cô vội vã đi lên cầu tàu phía trước Farder Coram và nhìn quanh một cách thích thú. Pantalaimon biến thành một con khỉ và ngay lập tức trèo ngay lên cần trục, nhưng cô gọi nó xuống ngay. Farder Coram muốn họ ở bên trong, hoặc bên dưới, những phòng dùng cho một con tàu lớn.

Xuống dưới mấy bậc cầu thang có một phòng khách nhỏ nơi John Faa đang rì rầm bàn bạc cùng Nicholas Rokeby, người đàn ông Gypsy chịu trách nhiệm về con tàu. John Faa không làm việc gì vội vàng. Lyra đang đợi ông đón chào cô, nhưng ông kết thúc những nhận xét về thủy triều và hoa tiêu trước khi quay sang những người mới đến.

“Xin chào, các bạn của tôi.” Ông nói. “Jack Verhoeven đáng tiếc đã qua đời, chắc các bạn đã nghe nói. Còn con trai anh ấy thì bị bắt.”

“Chúng tôi cũng có tin xấu đây,” Farder Coram nói, và kể về cuộc chạm trán của họ với những sinh vật do thám biết bay.

John Faa lắc chiếc đầu lớn của mình, nhưng không trách cứ gì họ.

“Giờ thì sinh vật đó ở đâu?” ông hỏi.

Farder Coram mang chiếc hộp thiếc đặt trên bàn. Tiếng vù vù điên loạn phát ra từ chiếc hộp vang ra khắp phòng.

“Tôi đã nghe nói về con quỷ bị chi phối bởi thứ đồng hồ lên dây cót này, nhưng chưa bao giờ nhìn thấy,” John Faa nói. “Không có cách nào để thuần phục nó và trả nó trở về, tôi không biết nhiều lắm về chuyện này. Cũng như tôi không biết liệu có tác dụng gì không khi bọc chì nó rồi thả xuống biển, vì một ngày nào đó nó có thể thoát ra, con quỷ sẽ đến tìm cô bé dù nó đang ở đâu. Không, chúng ta phải giữ nó bên mình, và canh phòng cẩn mật.”

Lyra là người phụ nữ duy nhất trong boong (vì John Faa đã quyết định không cho phụ nữ đi theo, sau khi đã cân nhắc rất lâu), cô có một cabin riêng. Không phải là một cabin rộng, chắc chắn là như vậy, thực ra nó chỉ vừa đủ kê một chiếc giường và có một lỗ thông hơi, tên đó phù hợp hơn là một ô cửa sổ. Cô bỏ mấy thứ đồ mang theo vào ngăn kéo bên dưới giường, hào hứng chạy lên trên để được đứng dựa vào thành tàu và nhìn nước Anh biến mất phía sau lưng. Ngay sau đó cô nhận ra cả nước Anh biến mất trong sương mù trước khi lên được bên trên.

Nhưng bản thân tiếng nước vỗ dưới chân tàu, sự chuyển động của không khí, ánh sáng phát ra từ cửa sổ con tàu lấp lánh hùng dũng trong bóng đêm, tiếng gầm động cơ, mùi muối, mùi cá và mùi than đã có sức cuốn hút riêng của chúng rồi. Không lâu sau, một sự hấp dẫn nữa xuất hiện, đó là khi con tàu bắt đầu tiến vào Biển German. Rồi ai đó gọi Lyra xuống ăn tối. Cô nhận thấy không đói như mình vẫn tưởng và quyết định sẽ là một ý kiến hay nếu đi nằm, vì Pantalaimon, con nhân tinh đáng thương của cô cảm thấy rất.

Vậy là cuộc hành trình lên phương Bắc của cô bắt đầu.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 10 Phần 1

John Faa và những lãnh tụ khác đã quyết định sẽ đến Trollesund, cảng chính của Lapland. Các phù thủy có một tòa lãnh sự tại thành phố biết nếu không có sự giúp đỡ hay ít nhất là thái độ trung lập thiện chí của họ, sẽ không thể cứu được những đứa trẻ đang bị giam cầm.

Ông giải thích ý nghĩa của mình cho Lyra và Farder Coram vào ngày hôm sau, khi cơn say sóng của Lyra đã hơi giảm. Mặt trời chiếu sáng rực rỡ và những làn sóng vỗ vào mạn tàu, làm tung lên những làn bọt trắng khi chúng cuộn tròn ra xa. Trên boong tàu, với những làn gió mơn man và cả một đại dương lấp lánh rì rào, cô vẫn cảm thấy hơi bị say sóng. Pantalaimon đang phát hiện sự thú vị khi là một con hải âu, rồi sau đó là một con hải âu pêtren bay là là trên những ngọn sóng, Lyra say sưa trước niềm hân hoan của nó đến nỗi cô cảm nhận thấy nỗi buồn của một người đã quen sống trên cạn.

John Faa, Farder Coram và hai hay ba người khác ngồi ở phía đuôi tàu, dưới ánh nắng mặt trời chan hòa, bàn luận xem sẽ phải làm gì sắp tới.

“Vậy là Farder Coram quen biết những phù thủy đó,” John Faa nói, “và nếu không nhầm thì có một giao ước gì đó trong vụ này.”

“Đúng như vậy, John,” Farder Coram nói, “đó là chuyện của bốn mươi năm về trước, nhưng khoảng thời gian đó chẳng là gì đối với một phù thủy. Một số phù thủy sống lâu gấp nhiều lần như thế.”

“Điều gì sẽ xảy sau khi đồng ý với giao ước này, Farder Coram?” Adam Stefanski, người đàn ông chịu trách nhiệm về quân đội hỏi.

“Tôi đã cứu sống một phù thủy,” Farder Coram giải thích. “Bà ta bị ngã vì có một con chim màu đỏ to đến mức từ trước đến nay tôi chưa bao giờ nhìn thấy đuôi theo. Bà ta bị thương rồi ngã xuống đầm lầy, tôi đã tìm thấy bà ta. Bà ta gần chết đuối, tôi đưa bà ta lên thuyền và bắn rơi con chim. Nó rơi xuống một bãi lầy, tiếc thật, vì nó to như một con vạc, và đỏ như lửa.”

“À!” những người khác thì thầm, bị cuốn hút vào câu chuyện của Farder Coram.

“Trở lại chuyện tôi đưa bà ta lên thuyền.” ông tiếp tục kể. “Tôi đã bị sốc nặng khi biết người phụ nữ trẻ đó không có nhân tinh.”

Điều này đồng nghĩa với việc ông muốn nói “người phụ nữ này không có đầu”. Ý nghĩ này gợi lên cảm giác thật ghê tởm. Những người đàn ông rùng mình, nhân tinh của họ dựng đứng lông lên hay lắc mình hoặc kêu những tiếng chói tai, những người đàn ông vuốt ve chúng. Pantalaimon leo vào lòng Lyra, trái tim họ đập chung một nhịp.

“Ít nhất,” Farder Coram nói, “là cũng có vẻ như vậy. Vì bà ta rơi từ trên trời xuống nên tôi nghĩ bà ta là phù thủy. Chính xác thì bà ta giống một người phụ nữ trẻ, mảnh mai và vô cùng xinh đẹp, nhưng việc không thấy con nhân tinh khiến tôi cảm thấy ghê sợ.”

“Vậy là họ có nhân tinh hay không, những phù thủy ấy?” Michael Canzona, một người đàn ông khác hỏi.

“Nhân tinh của họ vô hình, tôi cho là vậy,” Adam Stefanski nói. “Nó vẫn luôn ở đó, nhưng Farder Coram không nhìn thấy nó.”

“Không phải đâu, anh sai rồi, Adam,” Farder Coram nói. “Nó không hề ở đó. Các phù thủy có một sức mạnh để tách chính mình ra khỏi nhân tinh trong một khoảng cách xa hơn chúng ta rất nhiều. Nếu cần họ có thể để nhân tinh của mình lên những tầng mây, trên những ngọn gió hay lặn sâu dưới lòng đại dương. Phù thủy mà tôi gặp này, bà ta vừa nằm trên thuyền

chưa đến một giờ đồng hồ thì con nhân tinh bay trở lại, vì nó cảm nhận được sự sợ hãi và đau đớn của chủ, tất nhiên là như vậy. Tôi tin, dù bà ta không bao giờ thừa nhận, rằng con chim lớn màu đỏ đó là một phù thủy khác đang đuổi bắt bà ta. Lạy Chúa! Điều đó làm tôi run rẩy khi nghĩ đến. Tôi đã làm không biết bao nhiêu điều, tôi đã đi khắp cùng trời cuối đất, nhưng rồi cuối cùng lại ở đó và cứu sống một phù thủy. Dù sao, không nghi ngờ gì về việc tôi đã cứu sống bà ta, và ta rất biết ơn về điều đó. Bà ta nói tôi có thể nhờ đến sự giúp đỡ của bà ta nếu cần. Lần đầu tiên tôi phải gọi đến sự giúp đỡ của bà ta là khi người Skraeling bắn tôi bằng mũi tên tẩm thuốc độc. Chúng tôi còn có những liên hệ khác nữa... Tôi đã không gặp lại bà ta trong nhiều năm, nhưng bà ta sẽ nhớ thôi.”

“Bà ta có sống ở Trollesund không, bà phù thủy này ấy?”

“Không, không. Họ sống trong các khu rừng và trên các lãnh nguyên, không phải một hải cảng giữa những người bình thường. Công việc của họ là ở những nơi hoang vu. Nhưng ở đó họ có một tòa lãnh sự, và tôi sẽ nhận cho bà ấy, chắc chắn là như vậy.”

Lyra mong muốn được biết nhiều hơn về các phù thủy, nhưng mấy người đàn ông đã chuyển sang bàn luận về vấn đề nhiên liệu và đồ đạc. Cho đến lúc này cô chờ đợi thêm để đi xem phần còn lại của con tàu. Cô lang thang dọc boong tàu về phía mũi tàu và nhanh chóng làm quen với một thủy thủ lành nghề bằng cách búng những hạt táo cô giữ lại sau bữa sáng vào người ông. Đó là một người đàn ông mập mạp và điềm tĩnh. Khi ông nói tếu táo với cô và cô đáp trả, họ đã trở thành những người bạn tâm đầu ý hợp. Ông tên là Jerry. Với sự hướng dẫn của ông, cô nhận ra nếu làm một việc gì đó sẽ ngăn cảm giác say sóng, dù là việc cọ rửa sàn tàu cũng được, nếu nó được thực hiện theo cách giống như những người thủy thủ vẫn làm. Cô cảm giác rất thích thú với ý tưởng này, từ đó về sau cô gấp tấm chăn trên giường ngủ của mình theo kiểu thủy thủ, xếp đồ đạc của mình trong ngăn tủ giống

cách của thủy thủ, và dùng từ “gọn gàng” thay vì “ngăn nắp” giống cách nói của các thủy thủ.

Sau hai ngày trên biển, Lyra đã khẳng định được đây là cuộc sống dành cho cô. Cô điều hành con tàu, từ phòng máy đến cầu tàu, tên cô nhanh chóng được các thủy thủ nhớ đến. Thuyền trưởng Rokeby cho cô ra còi báo hiệu với một tàu khu trục nhỏ của Hà Lan bằng cách kéo còi hơi nước; người đầu bếp để cô giúp trộn bột với nho khô; chỉ có lời nói nghiêm khắc của John Faa là ngăn cô không dám leo lên cột buồm ở mũi tàu để quan sát đường chân trời.

Suốt cả thời gian con tàu đi về phía bắc, không khí lạnh thêm từng ngày một. Kho hàng của tàu bị lộn tung để tìm loại vải dầu có thể may quần áo cho cô. Jerry dạy cô cách khâu, một nghệ thuật cô sẵn sàng học từ ông, dù ở Jordan cô rất coi thường và thường không thêm quan tâm mỗi khi bà Lonsdale có ý muốn dạy cô học. Họ cùng nhau khâu một chiếc túi bằng vải không thấm nước để đựng La bàn vàng, như thế cô có thể đeo quanh bụng, phòng khi cô bị rơi xuống biển, cô nói thế. La bàn vàng đã có chỗ để an toàn, cô tung tăng trên lan can nhìn những bụi nước tung trắng xóa trước mũi tàu và loang quanh trên boong. Thịnh thoảng cô vẫn cảm thấy say sóng, đặc biệt là khi gió thổi mạnh và con thuyền lắc lư ghê gớm trên đỉnh ngọn sóng màu xanh xám. Lúc đó trách nhiệm của Pantalaimon là làm cô mất tập trung bằng cách biến thành một con hải âu pêtren và lướt trên sóng. Như thế cô có thể cảm thấy niềm hân hoan vô bờ bến của nó giữa sóng gió và quên đi cơn say sóng. Rất nhiều lần nó còn thử biến thành một con cá, có lần nó còn hòa vào một đàn cá voi trước sự ngạc nhiên và thích thú của chúng. Lyra đứng run rẩy trên boong trước mũi tàu, cười sung sướng khi Pantalaimon yêu quý của cô, mỡ màng và khỏe mạnh, nhảy lên trên mặt nước cùng nửa tá những chú cá heo màu xám đang lắc lư khác. Đó là niềm vui sướng, nhưng không phải niềm vui sướng thông thường, vì còn có cả sự đau đớn và sợ hãi trong đó nữa. Nhớ nó thích được làm một chú cá voi hơn thích ở bên cạnh cô thì sao?

Người bạn thủy thủ lành nghề của cô ở gần đó, ông ngừng tay khi chỉnh lại tấm vải bạt che trước cửa hầm chứa hàng để nhìn con nhân tinh của cô bé lướt trên sóng và nhảy lên mặt nước cùng đàn cá heo. Con nhân tinh của ông, một con hải âu đang đậu trên chiếc tời cuốn dây leo, dụi đầu vào cánh. Ông biết cảm giác của Lyra lúc này.

“Tôi nhớ lần đầu tiên ra biển, Belisaria của tôi vẫn chưa cố định ở một hình dạng nào cả. Lúc đó tôi còn trẻ lắm, nó muốn biến thành một chú cá heo. Tôi đã rất sợ nó sẽ biến thành hẳn như vậy. Trên chiếc tàu lần đó có một thủy thủ không bao giờ có thể lên vì nhân tinh của ông ta có hình dáng cố định là cá voi, và nó không thể rời mặt nước. Ông ấy là một thủy thủ tuyệt vời, một nhà đi biển giỏi nhất cô có thể gặp được. Ông ấy có thể kiếm được cả một gia tài bằng nghề đánh cá, nhưng ông ấy không vì thế mà hạnh phúc. Ông ấy chẳng bao giờ thực sự được hạnh phúc cho đến khi chết đi và có thể được mai táng trên biển.

“Tại sao các con nhân tinh lại phải cố định lại hình dáng?” Lyra hỏi. “Cháu muốn Pantalaimon có thể thay đổi hình dạng mãi mãi. Nó cũng muốn thế.”

“À, chúng luôn phải cố định lại, và sẽ là vậy. Đó là một phần của sự trưởng thành. Sẽ đến một lúc nào đó cháu mệt mỏi vì sự luôn thay đổi của nó, và muốn cố định cho nó một hình dạng.” chẳng bao giờ thế đâu.”

“Ồ, cháu sẽ thế đấy. Cháu sẽ muốn lớn lên như tất cả các cô bé khác. Dù sao, cũng có những đền bù cho sự cố định hình dáng đó.”

“Đó là gì vậy?”

“Biết được mình là loại người nào. Lấy Belisaria làm ví dụ. Nó là một con hải âu, và như thế bác cũng là một loại hải âu. Bác không vĩ đại, rực rỡ hay đẹp đẽ, nhưng bác là một thứ đồ già bền bỉ và có thể sống sót ở bất cứ nơi nào, luôn tìm được chút thức ăn cũng như tình bạn. Cái đó đáng để biết

lắm chứ, phải vậy không. Và khi con nhân tinh của cháu đã cố định lại, cháu sẽ biết cháu là người như thế nào.”

“Nhưng nếu con nhân tinh của bác cố định lại trong hình dáng bác không thích thì sao?”

“Nếu thế, cháu sẽ không hài lòng, đúng không? Rất nhiều người muốn có một con nhân tinh là sư tử nhưng cuối cùng nó lại biến ra một con chó xù. Và cho đến khi họ chưa đọc được cách hài lòng với điều mình có, họ sẽ luôn cáu kỉnh vì điều đó. Cũng mất nhiều thời gian đấy.”

Nhưng dường như với Lyra cô sẽ chẳng bao giờ trưởng thành cả.

Một buổi sáng, có thứ mùi lạ trong không khí và con thuyền đang chuyển động một cách kỳ lạ. Nó lắc liên tục từ bên nọ sang bên kia thay vì chúi về phía trước hay chồm lên. Lyra lên boong tàu ngay một phút sau khi thức giấc, nhìn chăm chú về phía đất liền: một cảnh tượng thật lạ lùng; sau khoảng thời gian xung quanh chỉ có nước, vì dù họ mới chỉ ở trên biển được ít ngày, Lyra tưởng như đã hàng tháng trời; ngay phía trước con tàu là một ngọn núi, sườn núi màu xanh còn đỉnh phủ đầy tuyết trắng. Một thành phố nhỏ và bến cảng nằm dưới chân núi: những ngôi nhà gỗ với mái dốc, một tháp chuông nhà nguyện, những cần cầu trên cảng, những đám mây chim mòng biển đang bay vòng và kêu ầm ĩ. Mùi nặng nhất là mùi cá, nhưng vẫn pha trộn với những mùi đến từ đất liền: nhựa thông, đất, mùi động vật, mùi xạ hương, và thứ mùi gì đó lạnh lẽo, trống trải và hoang dã: đó có thể là mùi tuyết. Nơi đây có mùi của phương Bắc.

Những con hải cẩu nô đùa quanh tàu, để lộ những khuôn mặt giống các chú hề trên mặt nước trước khi lặn xuống làm nước bắn tung tóe. Làn gió làm tung những ngọn sóng bạc đầu lạnh một cách kỳ lạ, và luồn vào từng khoảng trống trong chiếc áo da sói của Lyra. Tay cô nhanh chóng cảm thấy đau đớn và khuôn mặt cô tê cóng. Pantalaimon, trong hình hài chồn ecmin, giúp ấm chiếc cổ, nhưng sẽ quá lạnh nếu ở bên ngoài lâu mà không làm

việc gì, dù chỉ đơn giản ngắm những con hải cẩu. Lyra đi xuống dưới ăn bữa sáng với cháo yến mạch và nhìn ra ngoài qua lỗ thông hơi trong phòng khách.

Bên trong cảng, nước rất yên. Lyra bắt đầu cảm thấy bất rút vì thiếu hoạt động. Cô và Pantalaimon thềm thường nhìn xung quanh khi con tàu nặng nề chậm chạp tiến dần vào bến tàu. Suốt một đồng hồ tiếp theo đó, tiếng máy tắt dần đến mức chỉ rì rầm khe khẽ phía sau tàu, những tiếng người hét lên ra lệnh hay hỏi han, những sợi dây thừng tung lên, cầu tàu hạ xuống, cửa hầm tàu bật mở.

“Nhanh lên nào, Lyra,” Farder Coram gọi. “Mọi thứ đã được gói ghém chưa?”

Đồ đạc của Lyra, nếu có thể gọi như vậy, đã được thu dọn ngay từ khi cô thức giấc và nhìn thấy đất liền. Tất cả những gì cô cần làm là chạy đến cabin, nhắc chiếc túi ra, giờ thì cô đã sẵn sàng.

Việc đầu tiên cô và Farder Coram làm khi lên bờ là đến thăm tòa nhà được dùng làm Tòa lãnh sự của Phù thủy. Không mất nhiều thời gian để tìm nó; thành phố bé nhỏ chỉ quay xung quanh bến cảng, nhà thờ và Tòa lãnh sự là bề thế nhất. Tòa lãnh sự của các Phù thủy đặt trong một ngôi nhà gỗ thô sơ màu xanh lá cây nhìn ra biển. Khi họ gọi cửa, chiếc chuông rung lên chói tai trên con đường yên tĩnh.

Một người hầu dẫn họ đến một phòng khách, mang cà phê ra cho họ. Ngay lập tức ông Lãnh sự thân chinh ra tiếp họ. Ông là một người to béo với khuôn mặt hồng hào và bộ comple đen nhã nhặn, tên là Martin Lanselius. Nhân tình của ông là một con rắn, màu xanh lá cây nồng nhiệt và sáng lấp lánh giống như mắt ông, đó là điều duy nhất ở ông giống với một phù thủy dù Lyra cũng không chắc theo cô một phù thủy phải trông như thế nào.

“Tôi có thể giúp gì cho ông, Farder Coram?” ông ta hỏi.

“Có hai việc, thưa tiến sĩ Lanselius. Thứ nhất, tôi đang nóng lòng muốn liên lạc với một bà phù thủy tôi gặp nhiều năm trước, tại vùng Đầm lầy phía Đông Anglia. Tên bà ấy là Serafina Pekkala.”

Tiến sĩ Lanselius ghi chú bằng một chiếc bút chì bạc.

“Ông gặp bà ấy lâu chưa?” ông hỏi.

“Phải được bốn mươi năm rồi. Nhưng tôi nghĩ bà ấy vẫn còn nhớ.”

“Và điều thứ hai ông cần đến sự giúp đỡ của tôi là gì vậy?”

“Tôi đang đại diện cho một số gia đình người Gypsy có trẻ em bị bắt cóc. Chúng tôi có lý do để tin rằng có một tổ chức đã bắt cóc những đứa trẻ này, những đứa trẻ của chúng tôi và những người khác, rồi mang chúng lên phương Bắc vì một vài mục đích nào đó chưa rõ. Tôi muốn biết liệu ông hay người của ông có nghe nói gì về việc này hay không?”

Tiến sĩ Lanselius từ tốn nhấp một ngụm cà phê.

“Không thể có chuyện không chú ý đến một vài hành động như vậy về phía chúng tôi,” ông nói. “Chắc ông cũng nhận thấy, những mối quan hệ giữa người của tôi với những người phương Bắc là rất khăng khít. Sẽ là khó cho tôi nếu gây phiền phức cho họ.”

Farder Coram nói như thế ông rất hiểu vấn đề.

“Chắc chắn là như vậy rồi.” ông nói. “Và tôi không cần thiết phải hỏi ông liệu có cách khác để tôi có được những thông tin này hay không. Đó là lý do tôi hỏi về bà phù thủy trước.”

Giờ thì tiến sĩ Lanselius gật đầu như thế ông rất hiểu vấn đề. Lyra theo dõi cuộc nói chuyện với tâm trạng bối rối và thán phục. Có rất nhiều điều

ấn sau từng lời nói, và cô thấy rằng ông Lãnh sự của các Phù thủy đã có một quyết định.

“Rất tốt,” ông nói. “Tất nhiên, đúng là như vậy, ông sẽ nhận ra là tên ông sẽ không lạ lẫm với chúng tôi, Farder Coram. Serafina là nữ hoàng của một bộ tộc phù thủy trong vùng Hồ Enara. Còn về câu hỏi kia của ông, tất nhiên chuyện này sẽ được hiểu là thông tin đến được với ông không phải qua tôi.”

“Đúng thế.”

“Vậy thì, tại chính thành phố này có một chi nhánh của một tổ chức có tên là Công ty Thám hiểm Phát triển phương Bắc, mục đích hoạt động là thăm dò các mỏ than, nhưng thực chất là được điều hành bởi một Ủy ban Tôn giáo chung nào đấy của London. Tổ chức này, theo như tôi tình cờ được biết, nhập khẩu trẻ con. Điều này không được biết rộng rãi trong thành phố. Chính quyền Norrway không chính thức được biết về điều này. Bọn trẻ không được giữ ở đây lâu. Chúng được đưa đi đâu đó sâu trong đất liền.”

“Ông có biết là ở đâu không, tiến sĩ Lanselius?”

“Không. Nếu biết tôi đã nói cho ông.”

“Và ông có biết chuyện gì xảy ra với bọn trẻ không?”

Lần đầu tiên tiến sĩ Lanselius nhìn sang Lyra. Cô dừng dừng nhìn lại. Con rắn nhỏ màu xanh lá cây ngóc đầu dậy từ cổ áo của ông Lãnh sự và thì thầm lúng búng câu gì đó vào tai chủ.

Ông Lãnh sự trả lời: “Tôi có nghe đến cụm từ quá trình Maystadt có liên quan đến vấn đề này. Tôi nghĩ họ dùng cụm từ này để tránh phải nói tên thật của họ làm. Tôi còn nghe thấy từ ‘sự chia cắt’, nhưng tôi không thể nói nó nghĩa gì.”

“Hiện nay có đứa trẻ nào trong thành phố không?” Farder Coram hỏi.

Ông vuốt ve lông con nhân tinh trong khi nó ngồi cảnh giác trong lòng ông. Lyra để ý thấy nó đã thôi không kêu rừ rừ.

“Không, tôi nghĩ là không.” Tiến sĩ Lanselius nói. “Một nhóm khoảng mười hai đứa đến đây khoảng một tuần trước và đã chuyển đi vào ngày hôm kia.”

“À! Gần đây như vậy sao? Vậy là chúng tôi còn có chút hy vọng. Họ đi bằng gì, tiến sĩ Lanselius?”

“Bằng xe kéo.”

“Và ông không biết họ đi đâu sao?”

“Rất ít. Đó không phải là vấn đề chúng tôi quan tâm.”

“Đúng vậy. Giờ thì ông đã trả lời tất cả các câu hỏi của tôi một cách thành thật, thưa ông, và chỉ còn một câu nữa thôi. Nếu là ông thì ông sẽ hỏi ngài Lãnh sự của Phù thủy câu hỏi nào?”

Lần đầu tiên tiến sĩ Lanselius mỉm cười.

“Tôi sẽ hỏi tôi có thể thuê một con gấu mặc áo giáp sắt ở đâu.” ông trả lời.

Lyra đứng lên, và cảm thấy trái tim Pantalaimon nảy lên trên tay cô.

“Theo tôi hiểu những con gấu mặc áo giáp sắt phải phục vụ Ủy ban Tôn giáo,” Farder Coram ngạc nhiên nói. “Ý tôi là, Công ty Thám hiểm Phát triển phương Bắc, tên nào họ tự gọi mình.”

“Có ít nhất một con không nằm trong số đó. Ông sẽ tìm được nó tại kho chứa xe kéo ở cuối đường Langlokur. Hiện nó đang kiếm sống tại đó,

nhưng với tính khí của nó và việc dọa dẫm làm lũ chó ở đó sợ, chắc công việc của nó cũng không kéo dài được lâu đâu.”

“Vậy nó có phải là một con phản bội lại đồng loại không?”

“Có vẻ như vậy. Tên nó là Iorek Byrnison. Ông hỏi tôi xem nếu là ông tôi sẽ muốn hỏi câu hỏi gì, tôi đã nói với ông. Và đây sẽ là điều tôi sẽ làm nếu là ông: tôi sẽ chớp ngay lấy cơ hội thuê một con gấu mặc áo giáp sắt, dù nó có ở cách xa đây hơn chẳng nữa.”

Lyra khó mà ngồi yên được. Tuy nhiên Farder Coram hiểu nghi thức cho một cuộc gặp mặt kiểu này và nhón lấy một chiếc bánh mật thơm nức từ chiếc đĩa trên bàn. Trong khi ông ăn bánh, tiến sĩ Lanselius quay sang nhìn Lyra.

“Ta biết cháu đang sở hữu một La Bàn Vàng.” Ông nói, trước sự ngạc nhiên ghê gớm của cô, vì cô không hiểu làm sao ông ta biết được điều này?

“Vâng,” cô trả lời, và sau đó, bị kích thích bởi cú véo của Pantalaimon, nói thêm, “ông có muốn xem không?”

“Ta rất muốn được như vậy.”

Cô không ngần ngại dứt ngay tay vào túi chiếc áo khoác da sói và đưa ông cái bọc vải nhung. Ông mở nó ra và rất cẩn thận cầm nó lên, nhìn chăm chú vào mặt la bàn như một học giả quan sát một mẫu vật hiếm.

“Thật là tinh xảo!” ông nói. “Tôi đã nhìn thấy một cái khác, nhưng không đẹp được bằng cái này. Cháu có sở hữu cuốn sách để đọc nó không?”

“Không,” Lyra bắt đầu, nhưng trước khi cô kịp nói điều gì, Farder Coram đã lên tiếng.

“Điều đáng tiếc lớn là tuy Lyra sở hữu nó, nhưng không có cách nào để đọc được nó cả,” ông nói. “Nó cũng bí ẩn như những hồ mực người Hindu dùng để đọc tương lai. Cuốn sách giải thích gần đây nhất tôi biết đang ở Thư viện Thánh Johann tại Heidelberg.”

Lyra có thể hiểu tại sao ông lại nói như vậy. Ông không muốn tiến sĩ Lanselius biết được sức mạnh của Lyra. Nhưng cô còn có thể thấy vài điều Farder Coram không thể, đó là sự kích động của con nhân tình của tiến sĩ Lanselius, và cô biết ngay rằng không nên giả vờ như vậy.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 10 Phần 2

Vì thế cô nói:

“Thực ra thì cháu có thể đọc được,” nửa nói với tiến sĩ Lanselius, nửa với Farder Coram.

Và ông Lãnh sự trả lời. “Cháu thật là thông minh,” ông nói. “Từ đâu mà cháu có được nó vậy?”

“Ông Hiệu trưởng Học viện Jordan tại Oxford đưa cho cháu,” cô nói. “Tiến sĩ Lanselius, ông có biết ai đã làm ra chúng không?”

“Người ta đồn rằng nó có nguồn gốc từ thành phố Prague,” ông Lãnh sự nói. “Người học giả phát minh ra La bàn vàng đầu tiên lúc đó đã cố tìm ra một cách để đo mức độ ảnh hưởng của các hành tinh, theo các khái niệm của ngành chiêm tinh học. Ông ta định làm ra một thiết bị có thể vận động phản ứng lại các lực hút của Sao Hỏa và Sao Kim như một chiếc la bàn phản ứng lại các lực hút của phương Bắc. Về mặt này ông ta đã thất bại, nhưng bộ máy ông phát minh ra rõ ràng đã phản ứng lại với một vài thứ, dù thậm chí không ai biết đó là thứ gì.”

“Họ lấy các biểu tượng ở đâu ạ?”

“À, đó là vào thế kỷ thứ mười bảy. Biểu tượng và ký hiệu có ở khắp mọi nơi. Các tòa nhà và bức tranh được thiết kế để có đọc được như các cuốn sách. Tất cả mọi thứ đều có thể thay mặt được một thứ gì đó khác. Nếu cháu có được đúng cuốn từ điển cần thiết, cháu có thể đọc được chính cả Tự nhiên. Bởi thế không có gì là đáng ngạc nhiên khi một nhà khoa học sử dụng hệ thống ký hiệu đương thời để diễn đạt những kiến thức có nguồn

gốc bí ẩn. Nhưng, cháu biết đấy, chúng đã không hề được sử dụng trong vòng hai thế kỷ hay hơn nữa. “

Ông đưa trả chiếc máy cho Lyra và nói thêm:

“Ta có thể hỏi một câu hỏi được không? Không có cuốn sách giải thích các biểu tượng, cháu làm thế nào mà đọc được?”

“Cháu chỉ làm cho tư tưởng của mình thật rõ ràng sau đó là một kiểu giống như nhìn sâu xuống mặt nước. Bác phải để cho mắt mình tìm đúng tầm mức, vì đó là cái duy nhất cần tập trung. Kiểu kiểu vậy.” cô nói.

“Ta tự hỏi không biết có thể đề nghị cháu làm thử được không?” Ông hỏi.

Lyra nhìn sang Farder Coram. Cô muốn trả lời có nhưng vẫn chờ được ông cho phép. Ông già gật đầu.

“Cháu sẽ hỏi nó về đề gì ạ?” Lyra hỏi.

“Người Tartar có ý định gì về vấn đề Kamchatka?”

Câu hỏi không khó. Lyra quay chiếc kim vào con lạc đà, có nghĩa là châu Á, cũng có nghĩa là quân Tartar; vào chiếc sừng dê kết hoa, tượng trưng cho Kamchatka, nơi có rất nhiều mỏ vàng; rồi vào con kiến, có nghĩa là hoạt động, mục đích hay dự định. Rồi cô ngồi yên, tập trung tư tưởng để ghép nối ba mức độ ý nghĩa lại, rồi thư giãn để tìm câu trả lời. Chiếc kim dài rung rinh dịch đến con cá voi, chiếc mũ sắt, đứa trẻ và chiếc mỏ neo, nhảy nhót giữa các biểu tượng đó và về phía nồi nấu kim loại theo một hành trình phức tạp khiến Lyra phải dõi theo không chớp mắt, nhưng lại vô cùng khó hiểu với hai người đàn ông.

Sau khi nó đã hoàn thành việc dịch chuyển nhiều lần, Lyra nhìn lại. Cô chớp mắt một hai lần như thể vừa ra khỏi một đường hầm.

“Họ đang dự định tấn công nơi đó, nhưng chưa thực sự bắt đầu, vì quãng đường xa và họ đã quá mệt mỏi,” cô nói.

“Cháu nói cho ta biết làm thế nào cháu đọc ra được không?”

“Con cá voi, một trong những ý nghĩa tiếp theo của nó là chơi, một dạng vui chơi.” Cô giải thích. “Cháu biết là nó nói đến ý nghĩa đó vì nó dừng lại tại đó sau khi đã quay từng ấy số vòng và cháu nhận thức được ở mức độ đó chứ không phải bất cứ ý nghĩa nào khác. Chiếc mũ sắt có nghĩa là chiến tranh, hai cái đi cùng nhau có nghĩa là họ định gây chiến nhưng không gấp lắm. Đứa bé có nghĩa là... nó nghĩa là khó khăn... quá khó cho họ để có thể tấn công nơi đó, còn chiếc mỏ neo cho biết tại sao, vì họ đã kiệt sức vì đã phải căng mình như một sợi dây treo. Cháu nhìn thấy tất cả như vậy.”

Tiến sĩ Lanselius gật đầu.

“Thật xuất sắc,” ông nói “ Ta rất cảm ơn cháu, ta sẽ không quên được điều này đâu.”

Rồi ông nhìn Farder Coram với ánh mắt kỳ lạ, rồi quay lại nhìn Lyra.

“Ta có thể hỏi thêm một câu nữa không?” ông nói. “Trong khoảng sân phía sau căn nhà này có rất nhiều cành thông mây treo trên tường. Serafina Pekkala đã dùng một trong số đó, số còn lại thì không. Cháu có thể cho ta biết là cành nào được không?”

“Được chứ ạ!” Lyra nói. Cô luôn muốn thể hiện mình. Thế là cô cầm lấy La bàn vàng và hối hả chạy ra. Cô nóng lòng muốn nhìn thấy cành thông mây, vì các phù thủy cười chúng để bay, và cô chưa từng nhìn thấy chúng trước đây.

Khi cô đã đi khỏi, ông Lãnh sự nói. “Ông có nhận ra đứa bé này là ai không?”

“Nó là con gái của Ngài Asriel,” Farder Coram nói, “mẹ của nó là bà Coulter, người sáng lập Ủy ban Tôn giáo.”

“Ngoài những điều đó ra thì sao?”

Người đàn ông Gypsy già lắc đầu. “Không,” ông nói, “tôi không biết thêm gì nữa cả. Nhưng nó là một sinh linh vô tội lạ lùng, tôi sẽ không để nó gặp nguy hiểm trên thế giới này. Tôi không thể đoán được tại sao nó có được chiếc máy đó, nhưng tôi tin những gì nó nói. Sao ông lại hỏi tôi như vậy, Tiến sĩ Lanselius? Ông biết điều gì về cô bé sao?”

“Các phù thủy đã nói về đứa bé này nhiều năm nay,” ông Lãnh sự nói. “Bởi vì họ sống gần nơi mà bức màn ranh giới giữa các thế giới là rất mỏng, họ nghe được những lời thì thầm bắt tử từ thế hệ này sang thế hệ khác, qua tiế của những người đã vượt qua được ranh giới giữa các thế giới. Họ đã nói về một đứa bé như thế này, nó có một số mệnh phi thường chỉ có thể được thực hiện ở một nơi nào đó, không phải trong thế giới này, mà xa xôi hơn rất nhiều. Không có đứa bé này, tất cả chúng ta sẽ chết. Các phù thủy đã nói như vậy. Nhưng nó phải làm tròn số mệnh trong tình trạng không hề biết mình đang làm gì, vì chỉ khi nó không biết như vậy, chúng ta mới được an toàn. Ông có hiểu điều đó không, Farder Coram?”

“Không,” Farder Coram nói, “tôi không thể nói là tôi hiểu được.”

“Điều đó có nghĩa là nó không được mắc sai lầm. Chúng ta phải hy vọng nó sẽ không sai lầm, nhưng lại không thể dẫn dắt cho nó. Tôi mừng là có thể nhìn thấy đứa bé này trước khi chết.”

“Nhưng làm thế nào nhận ra cô bé là đứa trẻ đặc biệt đó chứ? Và ý ông là gì khi nói về những người đã vượt qua ranh giới giữa các thế giới? Tôi cảm thấy mơ hồ về những gì ông nói, thưa Tiến sĩ Lanselius, vì tôi luôn đánh giá ông là một người trung thực...”

Nhưng trước khi ông Lãnh sự kịp trả lời, cánh cửa bật mở và Lyra đi vào với vẻ hân hoan đắc thắng, tay cầm một nhánh thông mây nhỏ.

“Chính là cành này!” Cô nói. “Cháu đã thử tất cả chúng, và chính là cành này, cháu chắc chắn đây.”

Ông lãnh sự nhìn kỹ rồi gật đầu.

“Chính xác,” ông nói. “Chà, Lyra, thật là đáng khen. Cháu thật may mắn vì có một chiếc máy như thế này, ta mong rằng cháu sẽ luôn may mắn với nó. Ta muốn cho cháu một thứ để mang theo bên mình đây...”

Ông cầm cành cây lên và bẻ một nhánh nhỏ đưa cho cô.

“Có phải bà ấy đã dùng nó để bay không?” Lyra hỏi, có đôi chút sợ hãi.

“Đúng, bà ấy đã dùng nó để bay. Ta không thể cho cháu cả cành cây được, ta cần nó để liên lạc với bà ấy, nhưng thế này cũng là đủ rồi. Cháu hãy giữ gìn cẩn thận.”

“Vâng, cháu sẽ làm như vậy,” cô nói, “cảm ơn ông.”

Cô đặt nó vào chiếc túi bên cạnh La bàn vàng. Farder Coram chạm vào cành thông mây như để lấy may, và trên mặt ông có một vẻ Lyra chưa từng thấy trước đây: vẻ mặt đó gần như sự mong mỏi. Ông Lãnh sự đưa họ ra cửa, bắt tay Farder Coram và bắt tay cả Lyra nữa.

“Tôi hy vọng mọi người sẽ thành công,” ông nói và đứng trước ngưỡng cửa trong thời tiết lạnh giá để nhìn theo họ đi xa dần trong con đường nhỏ.

“Ông ấy biết câu trả lời về người Tartar trước cháu,” Lyra nói với Farder Coram. “La bàn vàng nói với cháu như vậy, nhưng cháu không nói ra thôi. Đó quả là một thử thách ghê gớm.”

“Ta cho rằng ông ấy đang thử cháu, cô bé ạ. Nhưng cháu đã đúng khi tỏ ra lịch sự, giả như chúng ta không chắc ông ấy đã biết trước điều gì. Việc mách nước về con gấu cũng rất bổ ích. Ta không biết nếu không gặp ông ấy chúng ta sẽ nghe được về nó từ ai nữa.”

Họ tự tìm đường đến kho chứa xe kéo. Đó là hai nhà kho bằng bê tông giữa một vùng đất nhiều bụi rậm mọc đầy cỏ giữa những khe đá màu xám và những vũng bùn lạnh giá. Một người đàn ông cúi kính trong văn phòng nói cho họ biết họ có thể tìm con gấu khi nó hết giờ làm vào lúc sáu giờ, nhưng họ phải nhanh lên, vì nó luôn đến thẳng chiếc sân phía sau quán rượu Einarsson, nơi người ta cho nó uống.

Sau đó Farder Coram đưa Lyra đến chỗ người bán quần áo tốt nhất trong thành phố và mua cho cô ít quần áo ấm phù hợp. Họ mua một chiếc áo có mũ trùm đầu làm bằng da tuần lộc, vì lông tuần lộc cắm ẩn trong da và cách nhiệt tốt, còn chiếc mũ được may viền bằng lông chồn gulo, vì nó ngăn những lớp băng người ta tạo ra khi hít thở. Họ mua quần áo lót và vải lót ủng bằng da tuần lộc nhỏ, găng tay lụa đi bên trong găng tay bằng lông to. Ủng và bao tay làm bằng da chân trước của tuần lộc, vì da ở đó đặc biệt dai. Để ủng được làm bằng da hải cẩu có ngạnh dai như da con mooc, nhưng lại nhẹ hơn. Cuối cùng họ mua một chiếc áo choàng không tay không thấm nước có thể bao trọn cả người cô, làm bằng ruột hải cẩu.

Với tất cả những thứ đó trên người, thêm một chiếc lều quàng quanh cổ, một chiếc mũ len trùm qua tai và một chiếc mũ chụp lớn phía trước mặt, cô cảm thấy ấm áp một cách vương vít, nhưng họ đang sắp đến những vùng đất lạnh lẽo hơn thế này nhiều.

John Faa đang trong nom việc dỡ hàng khỏi tàu, rất thích thú trước tin tức từ Lãnh sự của các phù thủy. Và còn thích thú hơn khi nghe về con gấu.

“Chúng ta sẽ đến tìm nó ngay tối hôm nay,” ông nói.

“Ông đã bao giờ nói chuyện với một sinh vật như vậy chưa, Farder Coram?”

“Có, tôi từng nói chuyện rồi, và còn đánh nhau với một con, dù không phải là một mình, ờn Chúa. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn tinh thần để đương đầu với nó, John. Nó sẽ đòi hỏi nhiều đấy, tôi không nghi ngờ gì về chuyện ấy, sẽ cáu kỉnh và khó chịu, nhưng chúng ta nhất định phải có được nó.”

“Chà, chúng ta phải vậy thôi. Còn về bà phù thủy của ông thì sao?”

“À, chắc chắn bà ấy ở cách xa đây lắm, giờ là nữ hoàng của một bộ tộc phù thủy,” Farder Coram nói. “Tôi thực sự hy vọng có thể gửi một thông điệp đến chỗ bà ấy, nhưng sẽ là quá lâu để đợi trả lời.”

“À, thế hả. Giờ thì để tôi kể cho ông tôi đã tìm được gì, ông bạn già.”

John Faa đã quá nóng lòng sốt ruột muốn kể cho họ biết vài chuyện. Ông đã gặp một người lái khinh khí cầu, một người Tân Đan Mạch tên là Lee Scoresby, đến từ Texas, người đàn ông này có một khinh khí cầu, điều quan trọng là như vậy. Cuộc thám hiểm ông ta đang mong đợi đã thất bại do thiếu tiền ngay trước khi nó rời Amsterdam.

“Hãy nghĩ xem chúng ta có thể làm gì di sự giúp đỡ của một người lái khinh khí cầu, Farder Coram!” John Faa nói, xoắn hai bàn tay khổng lồ vào nhau. “Tôi đã mời ông ấy tham gia cùng chúng ta. Với tôi, dường như thần may mắn sắp tới đây gõ cửa rồi.”

“Nhưng còn may mắn hơn nếu chúng ta biết rõ chúng ta sẽ đi đâu,” Farder Coram nói, nhưng không gì có thể dập tắt sự hào hứng sắp được vào chiếc dịch một lần nữa của John Faa.

Trước khi mê mông xuống, khi hàng hóa và các dụng cụ đã được gỡ xuống an toàn, nằm chờ đợi trên bến cảng, Farder Coram dắt Lyra đi dọc khu cảng và tìm kiếm quán rượu Einarsson. Họ dễ dàng tìm thấy nó: một

túp lều tồi tàn với ánh đèn huỳnh quang đỏ chiếu chập chờn trên cửa và những tiếng ồn ào phát ra qua những ô cửa sổ đầy sương đêm.

Một lối đi gập ghề bên cạnh dẫn đến một cánh cổng đi vào sân sau, nơi đó có một túp lều xiêu vẹo nằm ọp ẹp trên sàn đầy bùn đông đặc. Ánh đèn tù mù qua ô cửa sổ quán rượu chiếu sáng một bóng dáng lơ mơ đang nằm ngửa và gặm một chiếc đùi bê bằng cả hai tay. Lyra thấy một chiếc mồm và khuôn mặt nhuốm máu, đôi mắt đen độc ác và bộ lông vàng vàng bắn thiu bết lại. Khi nó ăn món thịt, tiếng gặm gừ, nhai ngấu nghiến và mút mát ghê rợn vang lên. Farder Coram đứng ngoài cửa và gọi.

“Iorek Byrnison!”

Con gấu ngừng nhai. Tại khoảng cách đó, nó nhìn họ chăm chăm, nhưng không thể đọc được nét biểu cảm nào trên mặt nó.

“Iorek Byrnison,” Farder Coram lại nói, “tôi có thể nói chuyện với anh được không?”

Tim Lyra đập mạnh, vì điều gì đó ở con gấu khiến cô có cảm giác giống với sự lạnh lẽo, nguy hiểm, sức mạnh tàn bạo, nhưng là một thứ sức mạnh điều khiển với trí thông minh, không phải trí thông minh của loài người, không có chút gì mang hơi hướng con người ở đây, vì tất nhiên loài gấu không có nhân tính. Khối to lớn kỳ lạ đang gặm thịt này không giống bất cứ thứ gì cô từng tưởng tượng, cô cảm thấy một sự khâm phục và đáng thương sâu sắc cho con vật cô đơn này.

Nó đánh rơi chiếc đùi tuần lộc xuống đất bắn và bò bằng cả bốn chân ra cửa. Rồi nó đứng lên một cách hùng dũng, cao đến ba mét hoặc hơn nữa, như thế để thể hiện sức mạnh của mình, để nhắc nhở họ cánh cửa không có tác dụng che chắn gì cả, và nó nói chuyện với họ ở độ cao đó.

“Sao? Các người là ai?”

Giọng nó trầm đến mức như thể làm rung chuyển cả mặt đất. Mùi hôi khét lẹt bốc ra từ cơ thể nó làm người khác gần như bị tê liệt.

“Tôi là Farder Coram, đại diện cho người Gypsy ở Đông Anglia. Còn cô bé này là Lyra Belacqua.”

“Các người muốn gì?”

“Chúng tôi muốn thuê anh làm việc, Iorek Byrnison.”

“Tôi đã có việc rồi.”

Con gấu lại đứng bằng bốn chân. Rất khó để phát hiện được bất cứ sắc thái tình cảm nào trong giọng nói của nó, dù là lạnh lùng hay giận dữ, vì nó quá trầm và đều đều.

“Anh làm gì tại nhà kho xe kéo vậy?” Farder Coram hỏi.

“Tôi sửa chữa máy móc và các bộ phận bằng sắt bị hỏng. Tôi nâng những vật nặng.”

“Đó là loại công việc gì dành cho Panserbjorne vậy?”

“Việc được trả công.”

Phía sau con gấu, cánh cửa quán rượu hé mở, một người đàn ông đặt chiếc bình đất nung lớn xuống trước khi ngẩng lên và nhìn họ chăm chăm.

“Ai vậy?”

“Người lạ,” con gấu nói.

Dường như người chủ quán muốn hỏi điều gì nữa, nhưng con gấu bất ngờ đảo người về phía ông ta và người đàn ông vội vã đóng sầm cửa lại.

Con gấu cầm lấy quai bình và nhắc nó lên miệng. Lyra có thể ngửi thấy mùi rượu bay ra.

Sau khi đã nốc rượu nhiều lần, con gấu đặt chiếc bình xuống và quay lại gặm chiếc đùi tuần lộc, dường như không để ý gì đến sự có mặt của Farder Coram và Lyra, nhưng rồi nó lại lên tiếng.

“Các ông đề nghị tôi làm việc gì?”

“Chiến đấu, bằng toàn bộ sức lực,” Farder Coram trả lời. “Chúng tôi đang đi lên phương Bắc cho đến khi tìm được nơi người ta giam giữ một số đứa trẻ. Khi tìm được, chúng tôi sẽ phải chiến đấu để giải thoát cho bọn trẻ, sau đó chúng tôi sẽ đưa chúng trở về.”

“Các ông sẽ trả công cho tôi bằng gì?”

“Tôi không biết nên trả cho anh cái gì, Iorek Byrnison. Nếu vàng là thứ anh muốn, anh sẽ có vàng.”

“Chả có tác dụng gì đâu.”

“Thế tại nhà kho xe kéo người ta trả cho anh bằng gì?”

“Ở đây tôi nuôi sống mình bằng rượu và thịt.”

Rồi con gấu im lặng. Nó thả cục xương gặm nham nhở xuống và nhắc bình rượu lên ngang miệng, uống ừng ực thứ rượu mạnh như uống nước lã.

“Xin thứ lỗi cho câu hỏi của tôi, Iorek Byrnison.” Farder Coram nói. “Nhưng anh có thể sống một cuộc đời tự do hùng dũng săn hải cẩu và mooc trên băng tuyết, hay anh có thể tham gia chiến tranh với những phần thưởng lớn. Cái gì đã buộc anh lại Trollesund và Quán rượu Einarsson vậy?”

Lyra cảm thấy toàn thân mình run rẩy. Cô cũng đã nghĩ đến câu hỏi tương tự, một câu hỏi gần như là xúc phạm, có thể khiến sinh vật khổng lồ

này nổi điên, và cô ngạc nhiên trước sự dũng cảm Farder Coram khi hỏi như vậy. Iorek Byrnison đặt bình rượu xuống, đến gần cánh cổng nhìn chăm chăm vào khuôn mặt ông già. Farder Coram không hề nao núng.

“Tôi biết người các ông đang tìm, những kẻ làm thịt trẻ con,” con gấu nói. “Họ rời thành phố vào ngày hôm kia để lên phương Bắc cùng nhiều đứa trẻ khác nữa. Sẽ không có ai nói cho các người về chúng đâu; họ giả như không biết gì hết, vì những kẻ làm thịt trẻ con mang lại cho họ tiền bạc và công việc. Giờ thì tôi không thích bọn làm thịt trẻ con, vì thế tôi sẽ trả lời câu hỏi của ông một cách từ tốn. Tôi ở lại đây và uống rượu vì những người đàn ông ở đây đã lấy mất áo giáp sắt của tôi, không có nó, tôi vẫn có thể săn hải cẩu, nhưng không thể tham gia chiến tranh; vì tôi là một con gấu mặc áo giáp sắt: chiến tranh là biển để tôi bơi, là không khí để tôi thở. Những người đàn ông trong thành phố này chuốc cho tôi uống say ngủ lịm đi, rồi chúng lấy áo giáp sắt của tôi. Nếu tôi biết chúng giấu nó ở đâu, tôi có thể... tôi có thể xới tung cả thành phố này lên để tìm cho ra. Nếu ông muốn tôi phục vụ ông, tiền công phải trả là: hãy mang trả cho tôi bộ áo giáp. Hãy làm như thế, và tôi sẽ phục vụ các người trong chiến dịch của các người, dù đến khi tôi chết hay các người giành được người. Tiền công chính là bộ áo giáp sắt. Tôi muốn có lại nó, rồi tôi sẽ không bao giờ cần đến rượu nữa.”

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 11 Phần 1

Khi họ quay trở lại tàu, Farder Coram, John Faa và những lãnh tụ khác bàn bạc rất lâu trong phòng khách, còn Lyra quay về cabin để hỏi La bàn vàng. Trong vòng năm phút, cô biết chính xác bộ áo giáp sắt đang ở đâu, và tại sao việc mang nó trở về lại khó khăn đến thế.

Cô băn khoăn không biết có nên đến phòng khách và nói với John Faa cùng những người khác hay không, nhưng cô quyết định cứ để họ hỏi nếu họ muốn biết. Có lẽ họ đã biết rồi.

Cô nằm trên giường và nghĩ về con gấu to lớn hung dữ, cái cách bất cần đời khi nó uống thứ rượu mạnh cháy ruột và sự cô độc của nó trong căn lều bẩn thỉu. Tại sao với con người thì lại khác xa đến thế, luôn có một con nhân tinh bên cạnh để nói chuyện! Trong sự tĩnh lặng của con tàu đang đứng yên, không có những tiếng kim loại và gỗ va vào nhau loảng xoảng liên hồi hay tiếng động cơ gào rú hay tiếng nước vỗ hai bên mạn tàu, Lyra dần chìm vào giấc ngủ, Pantalaimon cũng ngủ trên gối cô.

Khi đang mơ về người cha vĩ đại đang bị cầm tù của mình thì đột nhiên, cô choàng tỉnh. không biết lúc đó là mấy giờ. Có một ánh sáng lơ mơ trong cabin mà cô cho là ánh trăng, nó chiếu sáng những quần áo lông mới mua của cô để ở góc cabin. Vừa nhìn thấy chúng, cô đã muốn mặc chúng lên người một lần nữa.

Khi đã mặc xong, cô lên boong, một phút sau cô đã ở cánh cửa phía trên cùng của cầu thang và bước ra ngoài.

Ngay lập tức cô thấy có điều gì kỳ lạ đang xảy ra trên bầu trời. Cô nghĩ đó là các đám mây, di chuyển và rung rinh, nhưng Pantalaimon thì thầm:

“Hiện tượng cực quang!”

Cô bất ngờ đến nỗi phải bám lấy thành tàu để khỏi ngã.

Cảnh tượng choán hết bầu trời phía bắc; sự rộng lớn mênh mông của nó khó mà tưởng tượng được. Như thể từ chính Thiên đường, những bức màn khổng lồ của ánh sáng huyền ảo đang treo và run rẩy. Màu xanh lá cây nhạt và màu hoa hồng, trong suốt như pha lê. Ở gờ dưới một vực thẳm đỏ sẫm như lửa Địa ngục, chúng đu đưa và lung linh duyên dáng hơn bất cứ vũ công lành nghề nào. Lyra nghĩ thậm chí cô có thể nghe thấy chúng: một lời thì thầm ở rất xa. Trong khoảnh khắc, cô cảm thấy có điều gì hụt hẫng giống cảm giác khi ở gần con gấu. Cô cảm động vì cảnh tượng này: nó quá đẹp, gần như là cảnh thần tiên. Cô cảm giác như nước mắt đang trào ra, và những giọt nước mắt khiến ánh sáng vụn ra thành những cầu vồng rực rỡ. Rất nhanh chóng cô nhận ra mình đang bước vào một cánh cổng giống như lúc cô hỏi ý kiến La bàn vàng. Có thể là, cô lặng lẽ nghĩ, điều khiển kim của La bàn vàng quay cũng làm cho hiện tượng cực quang phát sáng. Thậm chí có thể chính nó là Bụi. Cô nghĩ thế mà không hề để ý là mình đang nghĩ và nhanh chóng quên đi, và chỉ nhớ lại điều này rất lâu sau đó.

Khi cô nhìn chăm chú, hình ảnh một thành phố dường như tự hình thành dưới những dải và dòng màu sắc trong mờ: các tháp chuông và mái vòm, những ngôi đền và hàng cột màu mật ong. Nhìn nó khiến cô có cảm giác chóng mặt, như thể không phải cô đang nhìn xuôi mà là nhìn ngược, và cho cô cảm giác về một vực thẳm rộng lớn đến mức không gì có thể vượt qua được. Đó là cả một thế giới cách biệt.

Nhưng có gì đó đang bay qua nó, trong khi cô đang cố dõi theo, cô cảm thấy chóng mặt và hoa mắt, dù vật nhỏ bé đang chuyển động không phải một phần của Hiện tượng cực quang hay của thế giới khác phía sau nó. Nó

ở trên bầu trời bên trên những mái nhà thành phố. Khi cô có thể nhìn nó rõ hơn, cô trở nên hoàn toàn tỉnh táo và thành phố trên bầu trời biến mất.

Thứ đang bay đến gần hơn, lượn vòng quanh chiếc tàu với sải cánh mở rộng. Rồi nó lượn xuống, đôi cánh vỗ nhanh mạnh mẽ và đậu xuống nghỉ trên sàn tàu bằng gỗ cách cô vài mét.

Trong ánh sáng của Hiện tượng cực quang cô nhìn thấy một con chim rất lớn, một con ngỗng màu xám duyên dáng, trên đầu đeo vương miện trắng muốt. Cuối cùng cô nhận ra nó không phải một con chim: đó là một con nhân tinh, dù Lyra không còn nhìn thấy ai bên cạnh nó nữa. Điều này khiến cô cảm thấy vô cùng sợ hãi.

Con chim nói:

“Farder Coram đâu?”

Ngay lập tức Lyra nhận ra nó là ai. Đây là con nhân tinh của Serafina Pekkala, nữ hoàng của bộ tộc phù thủy, người bạn phù thủy của Farder Coram.

Cô lắp bắp trả lời:

“Tôi...ông ấy...tôi sẽ đi gọi ông ấy...”

Cô quay người chạy đi và lao xuống cầu thang dẫn đến cabin của Farder Coram, mở cửa và nói vào bóng tối:

“Farder Coram! Con nhân tinh của bà phù thủy đến! Nó đang đợi trên boong tàu! Nó tự bay đến đây, cháu nhìn thấy nó bay trên bầu trời...”

Tiếng ông già vang lên. “Bảo nó chờ ta ở boong phía đuôi tàu, cô bé.”

Con ngỗng trắng trọng đi xuống đuôi tàu, ở đó nó nhìn xung quanh, trang nhã và cũng rất hoang dã. Một nỗi sợ thú vị dấy lên trong lòng Lyra, cô

cảm thấy như mình đang đối di với một bóng ma.

Sau đó Farder Coram xuất hiện, quần mình một lớp áo ấm, John Faa theo sát bên cạnh. Cả hai người đàn ông đều cung kính cúi mình, nhân tình của họ cũng chào vị khách mới đến.

“Xin chào mừng,” Farder Coram nói. “Tôi rất vui và vinh hạnh lại được gặp lại ngài, Kaisa. Giờ thì, ngài có muốn vào bên trong không, hay muốn ở bên ngoài như thế này?”

“Tôi muốn ở ngoài này hơn, cảm ơn ông, Farder Coram. Ông có chịu lạnh được một lúc không?”

Các phù thủy và nhân tình của họ không cảm thấy lạnh, nhưng họ biết con người thì có.

Farder Coram cam đoan với nó rằng mọi người đều đã mặc đủ ấm và nói:

“Serafina Pekkala thế nào?”

“Bà ấy gửi lời chào mừng đến ông, Farder Coram, bà ấy vẫn ổn và khỏe mạnh. Hai người này là ai?”

Farder Coram giới thiệu hai người. Con ngỗng nhìn Lyra chăm chăm.

“Tôi đã nghe về đứa bé này,” nó nói. “Nó được nhắc đến trong đám phù thủy. Vậy nó đến đây để gây chiến tranh phải không?”

“Không phải chiến tranh, Kaisa ạ. Chúng tôi cần trả tự do cho những đứa trẻ của chúng tôi đã bị đánh cắp. Và tôi hy vọng các phù thủy sẽ giúp đỡ.”

“Không phải tất cả bọn họ đâu. Một vài bộ tộc đang làm việc Những kẻ săn Bụi.”

“Đó có phải là cách ngài gọi Ủy ban Tôn giáo không?”

“Tôi không biết Ủy ban này có ý nghĩa là gì. Họ là Những kẻ săn Bụi. Mười năm trước họ đến vùng đất này của chúng tôi với những thiết bị khoa học. Họ trả tiền cho chúng tôi để được phép lập các trạm trên đất đai của chúng tôi, và họ đối xử với chúng tôi rất lịch sự.”

“Thứ Bụi này là gì vậy?”

“Nó đến từ bầu trời. Người thì nói nó luôn luôn ở đó, người thì nói nó mới rơi xuống. Điều đương nhiên là khi mọi người nhận thức được về nó, một nỗi sợ hãi ghê gớm bao trùm lên họ và họ sẽ không từ một biện pháp nào để tìm hiểu về nó. Nhưng những điều này chẳng liên quan gì đến các phù thủy.”

“Và bọn họ đang ở đâu, Những kẻ săn Bụi ấy?”

“Cách đây bốn ngày đường về phía đông bắc, tại một nơi có tên là Bolvangar. Bộ lạc của chúng tôi không có thỏa thuận gì với họ cả, còn giao ước xưa với ông, Farder Coram, tôi sẽ phải chỉ cho ông cách tìm được Những kẻ săn Bụi đó.”

Farder Coram mỉm cười, John Faa vỗ hai bàn tay to lớn của mình vào nhau với thái độ hài lòng.

“Cảm ơn lòng tốt của ngài,” ông nói với con ngỗng. “Nhưng hãy nói cho chúng tôi biết điều này: ngài có biết thêm bất cứ điều gì về Những kẻ săn Bụi này không? Họ làm gì tại Bolvangar?”

“Họ đã xây dựng các tòa nhà bằng kim loại và bê tông, những căn buồng dưới lòng đất. Họ đốt thứ than mà họ đưa đến rất tốn kémôi không biết họ làm gì, nhưng có một bầu không khí căm ghét, sợ hãi bao trùm nơi đó và hàng dặm xung quanh. Các phù thủy có thể nhìn thấy những điều con người không thể. Các con vật cũng tránh xa chỗ đó. Không có loài chim nào bay qua chỗ đó, loài lemmut và cáo đã chạy trốn hết. Kể từ đó, cái tên

Bolvangar có nghĩa là: vùng đất của quỷ dữ. Họ không gọi nó như thế. Họ gọi nó là Trạm. Nhưng với tất cả những người khác, nó là Bolvangar.”

“Ở đó họ bảo vệ an toàn như thế nào?”

“Họ có một đội quân người Tartar phương Bắc trang bị súng trường. Đó là những chiến binh thiện chiến, nhưng họ không được rèn luyện, vì chưa có ai từng tấn công vào nơi đó kể từ khi nó được xây dựng. Hơn nữa có một hàng rào dây kim loại xung quanh khu vực đó, được tích đầy điện anbaric. Có thể còn có những hình thức bảo vệ khác nữa mà chúng tôi không biết, vì như tôi đã nói, họ chẳng liên quan gì đến chúng tôi cả.”

Lyra đang nóng lòng muốn hỏi, con nhân tinh ngỗng biết điều này nên nó nhìn cô như thể cho phép cô.

“Tại sao các phù thủy lại nói về tôi?” cô hỏi.

“Vì người cha của cô, hiểu biết của ông ấy về những thế giới khác,” con nhân tinh trả lời.

Điều này làm kinh ngạc cả ba người. Lyra nhìn sang Farder Coram, ông nhìn lại đầy vẻ thắc mắc, rồi nhìn John Faa, người đang có vẻ rất lo lắng.

“Những thế giới khác sao?” ông hỏi. “Xin thứ lỗi cho tôi, thưa ngài, nhưng đó có thể là những thế giới nào? Có phải ý ông nói đến những ngôi sao không?”

“Thực sự là không.”

“Có lẽ là thế giới về tâm linh chẳng?” Farder Coram nói.

“Cũng không phải.”

“Có phải là thành phố không ánh sáng không?” Lyra hỏi. “Là phải vậy không?”

Con ngỗng quay đầu về phía Lyra. Mắt nó màu đen, viền một nét mảnh màu xanh da trời, nhưng cái nhìn chăm chú của nó thật dữ dội.

“Đúng vậy,” nó nói. “Các phù thủy đã biết về những thế giới khác hàng nghìn năm nay. Thịnh thoảng các người có thể nhìn thấy nó trong Ánh Sáng Phương Bắc. Nó hoàn toàn không phải là một phần của vũ trụ. Ngay cả những ngôi sao ở xa nhất cũng là một phần của vũ trụ này, nhưng ánh sáng cho chúng ta thấy một thế giới hoàn toàn mới. Không cách xa, nhưng đan xen với thế giới này. Tại đây, trên boong tàu này, hàng triệu thế giới khác đang tồn tại, không biết đến nhau...”

Nó vươn cánh ra và rải rộng trước khi gập lại như cũ.

“Đó,” nó nói. “Tôi vừa mới chạm khẽ vào mười triệu thế giới khác, và chúng không biết gì về nó. Chúng ta rất gần nhau, nhưng chúng ta không thể chạm vào hay nghe hay nhìn thấy những thế giới này ngoại trừ trong Ánh Sáng Phương Bắc.”

“Và tại sao lại như vậy?” Farder Coram hỏi.

“Vì những hạt tích điện trong Hiện tượng cực quang có tính chất làm cho vật chất của thế giới trônên loãng hơn, nhờ đó chúng ta có thể nhìn xuyên qua nó trong một khoảng thời gian ngắn. Các phù thủy luôn biết điều này, nhưng hiếm khi chúng tôi nói v nó.”

“Cha cháu tin vào điều này,” Lyra nói. “Cháu biết thế vì cháu đã nghe ông ấy thuyết trình và mọi người xem các bức ảnh chụp hiện tượng cực quang.”

“Chuyện này có gì liên quan đến Bụi không?” John Faa hỏi.

“Ai có thể nói chắc được?” Con nhân tinh ngỗng nói. “Tất cả những gì tôi có thể nói cho các người là Những kẻ săn Bụi rất sợ nó như thể nó là một thứ chất độc chết người. Đó là nguyên nhân họ bắt giam Ngài Asriel.”

“Nhưng tại sao chứ?” Lyra hỏi.

“Họ nghĩ ông ta định dùng Bụi để làm một cây cầu nối giữa thế giới này và thế giới khác trong ánh sáng của hiện tượng cực quang bằng một cách nào đó.”

Đầu Lyra trở nên trống rỗng.

Cô nghe thấy Farder Coram hỏi:

“Và đúng là ông ta có dự định đó chứ?”

“Đúng vậy, con nhân tình ngỗng trả lời. “Họ không tin là ông ta có thể, vì họ nghĩ ông ta điên thì mới tin rằng có những thế giới khác. Nhưng sự thực là như vậy: đó là dự định của ông ta. Và ông ta là một nhân vật có ảnh hưởng lớn đến nỗi họ sợ ông ta sẽ gây phiền phức cho các kế hoạch của mình. Vì thế họ thỏa thuận với những con gấu mặc áo giáp sắt để bắt ông ta và giam vào một pháo đài ở Svalbard, rất xa xôi hẻo lánh. Có lời đồn rằng một phần trong cuộc mặc cả quy định họ phải giúp vua gấu giành được vương quyền.”

Lyra hỏi: “Những phù thủy có muốn ông ấy tạo ra chiếc cầu không? Họ đứng về phía ông ấy hay là chống lại?”

“Đây là câu hỏi mà câu trả lời sẽ rất phức tạp. Thứ nhất, các phù thủy không đoàn kết với nhau. Có rất nhiều ý kiến trái ngược giữa chúng tôi. Thứ hai, cây cầu của Ngài Asriel bị đe dọa bởi một cuộc chiến tranh đang có nguy cơ bùng nổ hiện nay giữa các phù thủy và nhiều thế lực khác, một vài trong đó là ở thế giới tâm linh. Việc sở hữu cây cầu, nếu nó tồn tại thực sự, sẽ mang lại lợi thế ghê gớm cho người giành được nó. Thứ ba, bộ tộc phù thủy của Serafina Pekkala — bộ tộc của tôi — vẫn chưa tham gia một đồng minh nào, dù chúng tôi đang phải chịu áp lực rất lớn bắt phải tuyên bố theo phe nào. Cô thấy đấy, đó là các vấn đề chính trị quan trọng và không phải dễ giải quyết.”

“Còn về những con gấu thì sao?” Lyra hỏi. “Chúng theo phe nào?”

“Theo phe nào trả tiền cho chúng. Chúng không quan tâm dù chuyện xảy ra thế nào. Chúng không có nhân tính. Chúng không quan tâm về các vấn đề của con người. Ít nhất thì loài gấu cũng thường như vậy, nhưng chúng tôi có nghe nói vua mới của chúng đang có ý đồ thay đổi những đường lối cũ... bằng bất cứ giá nào. Những kẻ săn Bụi cũng phải trả tiền để chúng bắt giam Ngài Asriel, và chúng sẽ giữ ông ta ở Svalbard cho đến khi giọt máu cuối cùng rơi khỏi cơ thể của con gấu sống sót cuối cùng.”

“Nhưng không phải tất cả các con gấu đều như vậy!” Lyra nói. “Còn có một con không ở trên Svalbard. Nó là một con gấu bị ruồng bỏ, và nó sắp đến với chúng tôi.”

Con ngỗng lại nhìn Lyra chăm chăm. Lần này cô có thể cảm nhận được sự ngạc nhiên lạnh lùng của nó.

Farder Coram vặn vẹo người một cách không thoải mái và nói:

“Sự thực là, Lyra, ta không nghĩ nó như vậy đâu. Chúng ta nghe nói nó đang phải lao động như một kẻ bị đi đày, nó không tự do, như chúng ta vẫn tưởng, nó đang phải lĩnh án. Cho đến khi nó được tha, nó không thể tự do đi cùng chúng ta, dù là có bộ áo giáp sắt hay không; và nó cũng không thể lấy lại được bộ áo giáp sắt đó.”

“Nhưng nó nói người ta đã lừa nó! Họ cho nó uống say rồi ăn cắp bộ áo giáp sắt mang đi!”

“Chúng ta lại được nghe một câu chuyện khác.” John Faa nói. “Nó là một kẻ lừa đảo nguy hiểm, người ta nói như vậy đấy.”

“Nếu...” Lyra cảm thấy giận dữ, cô khó lòng nói lên sự bức bối của mình. “Nếu La bàn vàng nói điều gì đó, cháu biết là nó nói thật. Cháu đã hỏi nó, nó nói con gấu đó đã nói thật, đúng là người ta đã lừa nó, người ta

đã nói dối chứ không phải nó. Cháu tin nó, Ngài Faa! Farder Coram — ông cũng đã gặp nó, ông cũng tin nó, đúng vậy không?”

“Ta nghĩ là ta đã tin nó, cô bé ạ. Ta cũng chắc chắn về điều đó như cháu vậy.”

“Nhưng họ sợ hãi điều gì chứ? Có phải họ nghĩ nó sẽ đi lung tung và giết người ngay khi có lại được bộ áo giáp sắt? Ngay bây giờ nó đã có thể giết hàng tá người rồi!”

“Nó đã làm như vậy.” John Faa nói. “Ồ, nếu không phải là hàng tá, thì cũng vài người. Ngay sau khi người ta tước mất của nó bộ áo giáp sắt, nó điên cuồng tìm kiếm khắp mọi nơi. Nó phá tan hoang đồn cảnh sát, ngân hàng và ta không biết còn nơi nào nữa hay không. Có ít nhất hai người đàn ông bị nó giết chết. Lý do duy nhất người ta chưa bắn chết nó là khả năng tài tình với đồ kim loại của nó, người ta muốn dùng nó như một thợ thủ công.”

“Như một nô lệ thì đúng hơn!” Lyra nóng nảy nói. “Họ không có quyền làm như vậy.”

“Đáng ra họ đã có thể bắn chết nó vì tội giết người, nhưng họ không làm như vậy. Họ bắt nó lao động phục vụ dân thành phố cho đến khi nó trả được tiền bồi thường tổn thất và tiền bồi thường cho thân nhân người bị giết.”

“John,” Farder Coram nói, “tôi không biết anh cảm thấy thế nào, nhưng tôi tin là họ sẽ chẳng bao giờ trả lại bộ áo giáp sắt cho nó. Họ càng giam chân nó lâu, nó sẽ càng giận dữ khi lấy lại được bộ áo giáp sắt.”

“Nhưng nếu chúng ta tìm lại bộ áo giáp sắt cho nó, nó sẽ đi cùng chúng ta và không bao giờ làm phiền họ nữa,” Lyra nói, “cháu hứa đấy, Ngài Faa.”

“Làm thế nào chúng ta làm thế được?”

“Cháu biết nó ở đâu!”

Sau đó là sự im lặng, cả ba người nhận thấy con nhân tinh của bà phù thủy đang nhìn Lyra chăm chăm. Cả ba người quay sang nó, ba con nhân tinh cũng vậy, chúng đến vẫn giữ đúng phép lịch sự không nhìn vào con nhân tinh đi một mình có chủ bên cạnh này.

“Cô sẽ không ngạc nhiên đâu,” con ngỗng nói, “khi biết rằng La bàn vàng là một nguyên nhân khác khiến các phù thủy quan tâm đến cô, Lyra ạ. Ông Lãnh sự đã nói cho chúng tôi biết về cuộc viếng thăm của cô sáng nay. Tôi tin là chính Tiến sĩ Lanselius đã nói cho các người về chuyện con gấu.”

“Vâng, đúng là vậy,” John Faa nói. “Cô bé và Farder Coram đã đến ông ấy. Tôi dám chắc điều Lyra nói là sự thực, nhưng nếu chúng ta vi phạm luật lệ của những người bản địa, chúng ta sẽ chỉ vướng vào tranh chấp với họ. Điều chúng ta cần làm là tiến nhanh về phía Bolvangar, dù có con gấu có đi cùng hay không.”

“À, nhưng anh vẫn chưa nhìn thấy nó, John ạ,” Farder Coram nói. “Và tôi thực sự tin Lyra. Chúng tôi có thể thay mặt nó để hứa, có thể là như vậy. Nó có thể làm mọi chuyện khác hẳn.”

“Ý kiến của ngài thế nào?” John Faa nói với con nhân tinh của bà phù thủy.

“Chúng tôi ít qua lại với những con gấu. Những mong muốn của chúng xa lạ với chúng tôi như những mong muốn của chúng tôi xa lạ với chúng vậy. Nếu con gấu này bị ruồng bỏ, có thể nó không đáng tin như người ta nói. Các người phải tự phải quyết định thôi.”

“Chúng tôi sẽ làm như vậy,” John Faa nói chắc chắn. “Nhưng bây giờ, thưa ngài, ngài có thể nói cho tôi làm thế nào để đến được Bolvangar

không?”

Con nhân tinh ngỗng bắt đầu giảng giải. Nó nói về những thung lũng và đồi núi, về những hàng cây và lãnh nguyên, về những ánh sao. Lyra lắng nghe một lúc rồi ngồi xuống chiếc ghế trên boong với Pantalaimon cuộn quanh cổ và nghĩ về viễn cảnh tươi sáng con nhân tinh ngỗng mang tới. Một cây cầu nối liền hai thế giới... Điều này choáng ngợp hơn bất cứ thứ gì cô từng hy vọng! Và chỉ có người cha vĩ đại của cô mới có thể biến nó thành hiện thực. Ngay cả khi họ cứu được bọn trẻ, cô sẽ đến Svalbard cùng con gấu và đưa La bàn vàng cho Ngài Asriel, dùng nó để giải thoát cho ông; họ sẽ cùng xây dựng chiếc cầu, và là người đầu tiên bước qua...

Chắc vào ban đêm, John Faa đã bế Lyra về giường, vì khi thức giấc cô thấy mình ở đó. Mặt trời lờ mờ đã lên cao đến mức nó có thể, chỉ cách đường chân trời một sai tay, vì thế chắc chắn đã gần trưa, cô nghĩ vậy. Rất nhanh thôi, khi họ đi xa hơn về phía bắc, sẽ không còn mặt trời nữa.

Cô nhanh chóng thay quần áo và chạy lên boong. Tất cả hàng hóa đã được dỡ xong, xe kéo và đội chó kéo xe đã được thuê và chuẩn bị xuất phát. Mọi thứ đã sẵn sàng nhưng chưa có gì bắt đầu cả. Phần lớn những người Gypsy đang ngồi trong một quán cà phê mù mịt khói thuốc lá nhìn ra mặt nước, ăn bánh kẹp và uống cà phê đặc pha đường trên một chiếc bàn gỗ dài dưới tiếng xì xèo kêu lách tách của mấy ngọn đèn anbaric cổ xưa.

“Ngài Faa đâu rồi?” cô hỏi rồi ngồi xuống chỗ Tony Costa và các bạn anh. “Và cả Farder Coram nữa? Có phải đang đi lấy bộ áo giáp sắt về cho con gấu không?”

“Họ đang nói chuyện với quận trưởng. Đó là từ họ dùng để chỉ nhà cầm quyền. Vậy là cô đã nhìn thấy con gấu đó, phải không Lyra?”

“Vâng!” cô nói, và kể về con gấu. Trong khi cô kể, có ai đó kéo một chiếc ghế đến ngồi cùng cả nhóm tại bàn.

“Vậy là cô đã nói chuyện với Iorek phải không?” ông hỏi.

Cô ngạc nhiên nhìn người mới đến. Đó là một người đàn ông cao, gầy gò với hàng ria mép mỏng và màu xanh lơ, có một vẻ gì đó xa cách và khô hàn châm biếm thường trực. Cô có ấn tượng sâu sắc với ông ngay lập tức, dù không chắc đó là yêu thích hay không yêu thích. Nhân tình của ông ta là một con thỏ rừng bản thủ gầy gò, lồi thối giống hệt chủ.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 1) Phần I chương 11 Phần 2 (Hết)

Ông ta giơ tay ra và cô bắt tay ông với thái độ cảnh giác.

“Tôi là Lee Scoresby,” ông ta nói.

“Người lái khinh khí cầu!” Cô reo lên. “Chiếc khinh khí cầu của ông đâu rồi? Cháu có thể trèo lên nó được không?”

“Ngay lúc này thì nó đang được xếp lại, thưa cô.”

“Chắc chắn cháu là Lyra nổi tiếng. Làm thế nào mà cháu gặp được Iorek Byrnison?”

“Ông biết anh ta sao?”

“Ta đã chiến đấu bên cạnh anh ta trong chiến dịch Tunguska. Chết tiệt thật, ta đã biết Iorek trong nhiều năm, dù thế nào thì loài gấu cũng rất khó nhằn, nhưng anh ta rất cừ, và không bao giờ phạm sai lầm. Nói cho ta biết, đã có quý ông nào ở đây chơi trò xúc xắc may mắn chưa?”

Một hộp tú lơ khơ bất ngờ xuất hiện trên tay ông. Ông tráo các quân bài khiến chúng kêu lên tanh tách.

“Giờ thì tôi đã được nghe về sức mạnh của các quân bài từ người của cô,” Lee Scoresby nói, một tay thoăn thoắt chia và gộp các quân bài lại, tay kia thò vào túi rút ra một điều xì gà. “Và tôi nghĩ cô không nên phản đối để cho người lữ khách tầm thường người Texas có cơ hội thi thố tài năng cũng như thể hiện chút tài nghệ trong thế giới của các quân bài. Các quý ông thấy thế nào ạ?”

Những người Gypsy vẫn thường tự hào về khả năng với những quân bài của họ, nhiều người đàn ông lộ rõ vẻ thích thú và kéo ghế lên ngồi cùng bàn. Trong khi họ đang thỏa thuận với Lee Scoresby về cách thức chơi, con nhân tinh của ông ta ghé tai vào Pantalaimon, nó hiểu ý nên biến thành một con sóc và nép sát hơn một chút vào con nhân tinh này.

Tất nhiên, nó cũng đang nói vào tai Lyra, và Lyra nghe thấy nó nói khẽ. “Hãy đến ngay chỗ con gấu và nói với nó. Ngay khi người ta biết chuyện gì đang xảy ra, họ sẽ chuyển bộ áo giáp sắt của nó đi chỗ khác.”

Lyra đứng lên, cầm theo chiếc bánh, không ai để ý đến cô. Lee Scoresby đang biểu diễn với các quân bài, mọi con mắt tò mò đổ dồn cả vào đôi tay ông.

Trong ánh sáng mờ mờ đang nhạt dần của một buổi chiều dài bất tận, cô tìm đường đến nhà kho xe trượt tuyết. Cô biết mình phải làm điều gì đó, nhưng cô cảm thấy không dễ chịu chút nào, và sợ nữa.

Bên ngoài căn phòng bê tông lớn nhất, con gấu đang làm việc, Lyra đứng mở to và quan sát, Iorek Byrnison đang tháo dỡ một đầu máy chạy bằng hơi gas bị đâm hỏng. Tấm kim loại che phủ bộ máy đã bị cong vênh và bộ máy bên trong đã hỏng nặng. Con gấu nhấc tấm kim loại lên như thể nó là một thùng bìa các tông, rồi quay nó sang bên này bên kia với đôi tay to lớn của mình, như để kiểm tra chất lượng của nó hay sao đó, trước khi đặt một bàn chân có móng vuốt của mình vào một góc rồi uốn tấm kim loại theo một cách khiến các vết lõm thẳng ra và trở lại nguyên hình dáng cũ. Áp tấm kim loại vào bức tường, nó nâng cả đầu máy nặng lên bằng một chân và đặt bên cạnh mình trước khi bẻ cong để kiểm tra chiếc máy đã bị đâm rúm rỏ.

Trong lúc làm việc đó, nó bắt gặp cái nhìn của Lyra. Cô cảm thấy rùng mình sợ hãi, vì nó thật to lớn và xa lạ. Cô đang nhìn nó qua tấm hàng rào cách nó khoảng bốn mươi mét, cô nghĩ đến chuyện nó có thể lao đến chỗ

cô chỉ với một hay hai bước và phá tan hàng rào như gạt một chiếc mạng nhện, gần như cô đã quay người chạy đi, nhưng Pantalaimon nói:

“Đừng chạy! Để mình đến nói chuyện với anh ta.”

Nó biến thành một con nhạn biển, trước khi cô kịp trả lời, nó đã bay qua hàng rào xuống mặt đất đầy tuyết phía dưới. Chiếc cổng nhỏ đang mở phía dưới, Lyra có thể chạy theo Pantalaimon, nhưng cô ngần ngại đứng lại, Pantalaimon nhìn cô, rồi biến thành một con lửng.

Cô biết nó đang làm gì. Các nhân tinh không thể rời xa khỏi chủ quá vài mét, nếu cô đứng ngoài hàng rào và nó vẫn là một con chim, nó không thể đến gần con gấu. Nó đang sắp mạo hiểm.

Cô cảm thấy tức giận và đau khổ. Những móng vuốt của nó cắm sâu vào đất khi nó tiến lại gần con gấu. Đó là một cảm giác giày vò đau đớn khi con nhân tinh của bạn đang phá vỡ giới hạn trong mối liên kết với mình; một phần là sự đau đớn về thể chất trong ngực, một phần là cảm giác buồn bã và yêu thương sâu sắc. Cô biết nó cũng đang cảm thấy như vậy. Tất cả mọi người đều trải qua cảm giác này khi họ lớn lên: nhận thấy họ có thể xa nhau bao xa, và thở phào nhẹ nhõm khi quay trở lại với nhau.

Nó đã tiến lại gần thêm một chút.

“Đừng, Pan!”

Nhưng nó không dừng lại. Con gấu đứng nhìn, không động đậy. Sự đau đớn trong tim Lyra càng lúc càng không thể chịu đựng nổi, và một tiếng khóc bật lên từ cổ họng cô.

“Pan...”

Rồi cô lao qua cánh cổng, bò mặt đất đầy bụi và tuyết về phía nó. Nó biến thành một con mèo hoang và lao vào lòng tay cô, rồi họ ôm chặt lấy

nhau với những tiếng thốn thức sợ hãi.

“Mình đã nghĩ là cậu chắc chắn sẽ...”

“Không...”

“Mình không thể tưởng tượng được nó lại đau đớn đến thế...”

Rồi cô giận dữ lau nước mắt và khịt mũi thật mạnh. Nó nằm gọn trong lòng cô, cô biết cô thà chết chứ không để họ phải xa nhau và đối mặt với sự đau đớn thêm một lần nữa, việc đó sẽ làm cô phát điên vì đau đớn và sợ hãi. Nếu cô chết họ sẽ vẫn ở bên cạnh nhau, như các Học giả trong hầm mộ ở Jordan.

Cô bé và con nhân tinh nhìn lên con gấu đang đứng cô độc một mình. Nó không có nhân tinh. Nó đang chỉ cột mình, luôn luôn một mình. Cô cảm thấy thương xót và thông cảm cho nó, cô gần như tiến đến chạm vào bộ lông bẩn bê bết của nó, chỉ có những ánh mắt lạnh lùng hung dữ của nó mới có thể chặn cô lại.

“Iorek Byrnison,” cô gọi.

“Có chuyện gì vậy?”

“Ngài Faa và Farder Coram đã đi và cố gắng tìm lại bộ áo giáp sắt cho anh.”

Nó không xê dịch hay lên tiếng. Rõ ràng là nó đang nghĩ xem cơ hội của họ lớn đến đâu.

“Tuy thế, tôi biết nó đang ở đâu,” cô nói. “Và nếu tôi nói cho anh biết, có thể anh sẽ tự tìm về được, tôi cũng không biết nữa.”

“Làm sao cô biết nó đang ở đâu?”

“Tôi có một chiếc máy đọc các biểu tượng. Tôi nghĩ là tôi nên nói với anh, Iorek Byrnison, trước tình cảnh anh bị người ta lừa gạt như vậy. Tôi không nghĩ họ như vậy là đúng. Đáng lẽ họ không được làm như vậy. Ngài Faa đang đi đàm phán với quận trưởng, nhưng có thể họ sẽ không trả lại anh dù ông ấy có nói gì chẳng nữa. Vì thế nếu tôi nói cho anh biết chỗ người ta giấu nó, anh sẽ đi cùng chúng tôi và giúp cứu thoát bọn trẻ ở Bolvangar chứ?”

“Được.”

“Tôi...” cô không muốn là kẻ tọc mạch, nhưng không thể kìm nổi sự tò mò mình. Cô nói: “Tại sao anh không làm một vài bộ áo giáp sắt khác bằng kim loại ở đây, Iorek Byrnison?”

“Vì nó chẳng có giá trị gì hết. Nhìn đây này,” nó nói và nhắc tấm kim loại phủ cổ máy bằng một tay. Nó thò móng vuốt ra khỏi bàn tay kia và chọc thủng như dùng một chiếc mở hộp. “Bộ áo giáp sắt của tôi được làm từ sắt đến từ bầu trời, được làm riêng cho tôi. Bộ áo giáp sắt của một con gấu chính là linh hồn của nó, cũng như con nhân tinh là linh hồn của cô. Cô không thể cho nó đi,” con gấu chỉ vào Pantalaimon, “và thay bằng một con búp bê nhồi mạt cưa. Đó lại là chuyện khác. Giờ thì bộ áo giáp sắt của tôi ở đâu?”

“Nghe này, anh phải hứa với tôi là sẽ không trả thù. Họ đã sai khi ăn cắp nó, nhưng anh phải chịu đựng điều đó.”

“Được rồi. Sẽ không có trả thù sau khi tôi đã lấy lại được bộ áo giáp sắt. Nhưng họ cũng không được chống cự trong khi tôi lấy nó. Nếu chống cự, họ sẽ chết.”

“Nó được giấu trên trần nhà của một thầy tu.” Cô nói với con gấu. “Ông ta nghĩ có một linh hồn trong đó, và ông ta đang cố thử làm trò ảo thuật gì đó với nó. Nhưng mà nó ở đó đấy.”

Nó đứng lên bằng chân sau, nhìn về phía tây, tia nắng cuối cùng trong ngày nhuộm màu khuôn mặt nó một màu vàng rạng rỡ như kem giữa cả một bầu trời ảm đạm. Cô có thể cảm thấy sức mạnh của sinh vật to lớn tỏa ra như những làn sóng nhiệt.

“Tôi phải làm việc cho đến lúc mặt trời lặn,” nó nói. “Tôi đã hứa với người chủ ở đây rồi. Tôi vẫn còn phải làm vài phút nữa.”

“Mặt trời đã lặn đến chỗ tôi rồi,” cô nói, vì từ điểm cô chỉ tay, mặt trời đã biến mất phía sau dãy núi đá về phía tây nam.

Nó thả cả bốn chân xuống.

“Đúng thế,” nó nói, khuôn mặt nó giờ đã chìm trong bóng nắng như cô. “Tên cô là gì, cô bé?”

“Lyra Belacqua.”

“Vậy tôi nợ cô một chuyện, Lyra Belacqua,” nó nói.

Rồi nó quay người và lao đảo chạy đi, nó đi trên nền đất đóng băng nhanh đến mức Lyra không theo kịp, dù là chạy. Cô hồi hải chạy, Pantalaimon biến thành một con hải âu bay phía trên để dõi xem con gấu chạy theo hướng nào rồi nói to để Lyra chạy theo.

Iorek Byrnison lao ra khỏi khu nhà kho và chạy dọc con đường hẹp phía trước khi rẽ sang con phố chính của thành phố, đi qua sân khu nhà có cắm một lá cờ của quận trưởng và một người lính gác đang trang nghiêm đi đi lại lại, xuống dưới đồi phía cuối con đường có tòa Lãnh sự của các phù thủy. Đến lúc này người lính gác mới nhận thấy điều gì đang xảy ra và cố gắng bình tĩnh, nhưng Iorek Byrnison đã rẽ sang góc đường gần bến cảng.

Mọi người dừng lại để nhìn ngó hay tránh khỏi đường chạy của nó. Người lính gác nổ hai phát súng lên trời và lao xuống dưới đuổi theo con

gấu, trượt xuống sườn đồi trơn trượt và chỉ lấy lại được thăng bằng sau khi đã chộp được tay vịn gần nhất. Lyra ở dưới anh ta không xa. Trong lúc chạy qua ngôi nhà của quận trưởng, cô nhận thấy có mấy người ra sân xem chuyện gì đang xảy ra, cô nghĩ đã nhìn thấy Farder Coram trong số đó, nhưng rồi cô chạy qua, lao xuống con đường về phía góc đường nơi người lính gác đã rẽ vào và chạy theo con gấu.

Ngôi nhà của ông thầy tu là cũ nhất trong thành phố được xây bằng gạch đất tiền. Ba bậc cửa dẫn đến cửa trước, lúc này có những vệt gỗ bị xước, từ trong nhà vang ra những tiếng gào thét, xô đẩy và đồ gỗ gãy nát. Người lính gác lưỡng lự bên ngoài, cây súng trường của anh đã sẵn sàng; nhưng sau đó, khi những người qua đường bắt đầu tụ tập, phía bên kia đường những người dân nhìn qua khung cửa sổ, anh nhận ra mình phải hành động. Anh ta nổ một phát súng vào không khí trước khi chạy vào.

Một lát sau, toàn bộ ngôi nhà dường như rung động. Kính ở ba ô cửa sổ vỡ tan tành và một viên ngói trượt khỏi mái nhà, rồi sau đó một người hầu gái chạy ra, hoảng hốt, con nhân tinh gà mái của bà ta bay phần phật phía sau.

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại www.gacsach.com - góc nhỏ cho người yêu sách.]

Một tiếng súng nữa vang lên trong nhà, rồi sau đó là một tiếng gầm khủng khiếp khiến người u gái hét lên. Nhanh như ngọn lửa phụt ra từ nòng súng ca nông, chính ông thầy tu cũng lao ra, con nhân tinh bồ nông đập cánh điên cuồng và vênh vang trong thương tích. Lyra nghe thấy những tiếng hét ra lệnh, cô quay lại và thấy một đội cảnh sát có vũ trang đang tiến nhanh đến từ phía góc quanh của con đường, cách họ không xa là John Faa cùng hình dáng to béo lùn cùn đầy kiểu cách của ông quận trưởng.

Một âm thanh đau đớn và chói tai khiến tất cả mọi người quay lại ngôi nhà. Cửa sổ tầng dưới cùng, rõ ràng đang mở ở hầm rượu bị giạt tung cùng

tiếng kính vỡ loảng xoảng và tiếng gỗ bị xé rìn rít. Người lính canh đi theo Iorek Byrnison vào nhà chạy ra và đứng nhìn chăm chú vào cửa sổ hầm rượu, khẩu súng trường vác trên vai, cánh cửa đã bị bật tung hoàn toàn, và từ đó Iorek Byrnison trèo ra trong bộ áo giáp sắt.

Khi không có bộ áo, nó đã dữ dội rồi. Với bộ áo giáp sắt, nó trở nên đáng kinh sợ. Bộ áo giáp sắt đỏ lên vì gỉ sét và được ghép bằng đinh tán khá thô sơ: những phiến và mảnh kim loại không màu lớn được rập nổi kêu loảng xoảng và rít lên khi chạm vào nhau. Chiếc mũ sắt hình nhọn như chiếc rọ mõm, có khe hở cho mắt, để hở phần dưới hàm để có thể cắn xé.

Người lính gác bắn nhiều phát súng, những người cảnh sát cũng vác vũ khí lên, nhưng thậm chí Iorek Byrnison không tránh những làn đạn như mưa và tiến về phía trước khi người lính canh kịp trốn thoát, con gấu đánh anh ta ngã xuống đất. Con nhân tinh của anh ta, một con chó Eskimo, lao vào cổ họng con gấu, nhưng Iorek Byrnison không quan tâm nhiều đến nó nhiều hơn đến một con ruồi và lôi người lính gác lại gần chỉ bằng một chân. Nó co người và dùng móng vuốt chụp lấy đầu người lính. Lyra có thể biết chính xác điều gì sẽ xảy ra tiếp theo: nó sẽ bóp vỡ sọ người đàn ông như bóp một quả trứng, rồi sau đó có thể là một cuộc ẩu đả đẫm máu, với nhiều người chết hơn.

Không suy nghĩ gì thêm, cô lao đến và đặt tay vào một điểm nhạy cảm trên bộ áo giáp sắt của con gấu, khoảng trống giữa chiếc mũ và miếng kim loại lớn che vai khi nó cúi đầu xuống, nơi cô có thể nhìn thấy lớp lông màu trắng vàng giữa những gờ kim loại rỉ sét. Cô dí ngón tay vào đó, và Pantalaimon lập tức bay đến đó, biến thành một con mèo hoang, cào cấu để bảo vệ cô; nhưng Iorek Byrnison vẫn không chuyển biến gì, những người cảnh sát lên nòng súng.

“Iorek!” cô thấp giọng nói với vẻ dữ dội. “Nghe đây! Anh còn nợ tôi một chuyện, đúng không? Vậy thì giờ anh có thể trả nợ được rồi đấy. Hãy làm như tôi yêu cầu. Không được đánh những người này. Chỉ cần quay đi và đi

với tôi. Chúng tôi cần anh, Iorek, anh không thể ở lại đây được. Anh chỉ cần đi xuống bến cảng với tôi và không cần nhìn lại. Farder Coram và John Faa, hãy để họ đi thương thuyết, họ sẽ dàn xếp ổn thỏa mọi chuyện. Hãy thả người đàn ông này ra và đi với tôi...”

Con gấu từ từ thả những móng vuốt ra. Chiếc đầu của người lính canh bê bết máu và xám ngoét. Anh ta ngã ngất đi trên nền đất, con nhân tinh ở bên an ủi chăm sóc khi con gấu bước đến bên Lyra.

Không ai dám động dậy. Họ nhìn con gấu đi khỏi nạn nhân theo mệnh lệnh của cô bé có con nhân tinh mèo hoang, họ lùi sang bên để nhường đường cho Iorek Byrnison đi những bước nặng nề qua đám người bên Lyra hướng ra phía bến cảng.

Tâm trí cô đã dồn hết vào nó, cô không nhận ra thấy sự tức giận phía sau lưng mình, nỗi sợ hãi và bức bối chỉ nổi lên sau khi cô đã đi khỏi. Cô đi cùng với nó, Pantalaimon chạy phía trước cả hai như để dọn đường.

Khi họ đến bến cảng, Iorek Byrnison cúi đầu và tháo chiếc mũ sắt bằng một chân, để nó rơi xuống mặt đất đóng băng. Những người Gypsy cảm thấy có điều gì đang xảy ra và ra khỏi quán cà phê, đứng nhìn trong ánh đèn hắt xuống từ boong tàu. Iorek Byrnison cởi bỏ cả bộ áo giáp sắt rồi để nó lại thành một đồng bên bến cảng. Không nói một lời, nó bước xuống nước, ngụp xuống mà không làm một gợn nước lay động, rồi biến mất.

“Có chuyện gì xảy ra vậy?” Tony Costa nói, anh nghe thấy những tiếng kêu căm phẫn vọng lại từ phố trên, khi những người dân thành phố và các cảnh sát chạy ra bến cảng.

Lyra kể cho anh nghe, rõ ràng hết mức có thể.

“Nhưng nó đi đâu mất rồi?” anh hỏi. “Chẳng phải nó vứt bộ áo giáp sắt trên mặt đất đây sao? Họ sẽ cướp nó lại, ngay khi họ đến đây!”

Lyra cũng sợ người ta sẽ làm vậy, vì ở phía góc đường xuất hiện người cảnh sát đầu tiên, rồi nhiều người nữa rồi đến quận trưởng và ông thầy tu cùng hai mươi hay ba mươi người xem, cuối cùng là Farder Coram và John Faa đang cố gắng đuổi kịp phía sau.

Nhưng khi nhìn thấy nhóm người trên bến tàu, họ dừng lại, vì có ai đó đã xuất hiện. Ngồi trên một tảng đá, chân nọ vắt lên chân kia là dáng hình gầy nhẳng của Lee Scoresby. Trên tay ông là một khẩu súng lục dài nhất Lyra từng nhìn thấy từ trước đến nay, chĩa thẳng vào cái bụng to phệ của quận trưởng.

“Theo tôi thấy thì ông không chăm sóc tốt lắm cho bộ áo giáp sắt của bạn tôi đấy nhỉ?” Ông nói với vẻ bông đùa. “Tại sao à? Nhìn vào chỗ bị rỉ sét mà xem! Và tôi cũng chẳng ngạc nhiên đâu nếu tìm thấy cả nhện làm tổ trong đó. Giờ thì hãy đứng nguyên ở chỗ ông đang đứng, đứng im và thư giãn đi, đừng có người nào di chuyển cho đến khi con gấu trở lại với bộ áo giáp sắt đã được bôi trơn. Hay theo tôi thì tất cả các người có thể về nhà và đọc báo. Tùy các người cả đấy.”

“Nó kia rồi!” Tony nói, chỉ về con dốc phía xa bến tàu, nơi Iorek Byrnison đang xuất hiện từ mặt nước, cầm theo một thứ gì đó màu tối. Khi đã lên trên bến tàu, nó lắc người, làm tung tóe nước ra khắp nơi, cho đến khi đã dựng đứng và dầy trở lại. Sau đó nó khom lưng để căn lấy vật màu đen và đi đến chỗ để bộ áo giáp sắt của mình. Vật màu đen đó là một con hải cẩu đã chết.

“Iorek,” người lái khinh khí cầu nói, lười biếng đứng lên, khẩu súng lục vẫn gí sát vào lão quận trưởng, “dạo này anh thế nào?”

Con gấu nhìn lên và khẽ gầm một tiếng trước khi nó xé con hải cẩu bằng một tay. Lyra thích thú nhìn con gấu lột lớp da, xé những thớ mỡ và bôi lên khắp bộ áo giáp sắt của mình, xoa cẩn thận vào những điểm nối giữa các tấm kim loại.

“Anh có đi cùng những người này không?” con gấu nói với Lee Scoresby trong khi làm việc.

“Chắc chắn rồi. Tôi đoán là cả hai chúng tôi đều được thuê, Iorek ạ.”

“Chiếc khinh khí cầu của ông đâu rồi?” Lyra hỏi người đàn ông đến từ Texas.

“Đã được xếp lên hai chiếc xe kéo,” ông nói. “Các ông chủ đến rồi đây.”

John Faa và Farder Coram, cùng lão quận trưởng xuống bến tàu cùng bốn người cảnh sát mang vũ khí.

“Này gấu!” Quận trưởng nói với giọng cao và gấp gáp. “Bây giờ anh được phép ra đi cùng với những người này. Nhưng tôi nói cho anh biết nếu anh lại xuất hiện trong thành phố một lần nữa, anh sẽ bị trừng phạt không thương tiếc.”

Iorek Byrnison chẳng thèm quan tâm mà vẫn tiếp tục chà miếng mỡ hải cầu lên khắp bộ áo giáp sắt của nó; sự cẩn thận và tỉ mỉ nó thể hiện trong công việc đó nhắc Lyra nhớ đến sự tận tâm của chính mình đối với Pantalaimon. Đúng như con gấu đã nói: bộ áo giáp sắt chính là linh hồn của nó. Quận trưởng ám cảnh sát đã rút lui, những người dân thành phố khác cũng dần quay đi, dù một vài người vẫn còn nán lại.

John Faa đưa tay lên miệng và gọi to. “Hời các anh em Gypsy!”

Tất cả bọn họ đã sẵn sàng để lên đường. Họ đã nóng lòng muốn ra đi ngay từ khi lên bờ; những chiếc xe kéo đã được chất hàng, đội chó kéo xe đã được buộc sẵn.

John Faa nói: “Đã đến giờ lên đường, các anh em. Tất cả chúng ta sẽ tập trung ngay bây giờ, và con đường đã rộng mở. Ông Scoresby, ông đã sắp xếp hành lý xong chưa?”

“Tôi đã sẵn sàng lên đường, thưa ngài Faa.”

“Còn anh thì sao, Iorek Byrnison?”

“Sau khi tôi mặc bộ áo giáp sắt đã.” Con gấu trả lời.

Nó đã bôi xong dầu cho bộ áo giáp sắt. Không muốn bỏ phí mất chỗ thịt hải cẩu, nó cắn lấy phần thịt và quăng vào phía sau chiếc xe kéo lớn của Lee Scoresby trước khi mặc áo giáp sắt lên. Thật ngạc nhiên trước việc nó đã thay đổi bộ áo đến mức nào: những miếng kim loại gần như dày đến ba xăngtimet, vậy mà nó mặc lên người vừa vặn như một tấm áo choàng lụa mềm mại. Mất không đến một phút, và lần này thì không còn tiếng kêu rít của rỉ sét nữa.

Vì thế trong vòng chưa đầy nửa giờ đồng hồ, cuộc hành trình đã bắt đầu tiến về phía bắc. Dưới bầu trời có hàng triệu ngôi sao và một mặt trăng sáng lung linh, những chiếc xe kéo xóc nảy lên, kêu lọc xọc trên vết lún và đá đường cho đến khi họ đến được phần tuyết ở rìa thành phố. Âm thanh chuyển thành tiếng nghiền tuyết nhẹ nhàng và tiếng cọt kẹt của các khớp gỗ. Những con chó bắt đầu tiến bước đầy hào hứng, sự chuyển động trở nên mau lẹ và êm ái.

Lyra, cuốn mình thật dày ngồi phía sau xe kéo của Farder Coram đến mức chỉ lộ ra mỗi đôi mắt, thì thầm với Pantalaimon.

“Cậu có nhìn thấy Iorek không?”

“Nó đang đi cạnh xe kéo của Lee Scoresby.” Con nhân tinh trả lời, quay đầu nhìn lại trong hình dạng con chồn ecmin khi nó bám vào chiếc mũ chum đầu may bằng lông chồn gulo của

Phía trước họ, trên những dãy núi phía bắc, những đường vòng cung của Ánh Sáng Phương Bắc bắt đầu lấp lánh và rung động. Lyra nhìn chúng qua đôi mắt khép hờ và cảm thấy cơn buồn ngủ nặng trĩu trong niềm hạnh phúc

trộn vện, vì cả đoàn đang tăng tốc về phía dưới Hiện tượng cực quang. Pantalaimon cố gắng chặn cơn buồn ngủ của cô, nhưng không được. Nó cuộn tr trong hình dáng một con chuột bên chiếc mũ của cô. Như thế khi cô tỉnh dậy, nó có thể nói chuyện với cô về một con chồn mactet, hay một giấc mơ, hay một loại linh hồn vô hại nào đó trong vùng. Nhưng có gì đó đang theo sau dòng xe trượt, bay từ nhánh này sang nhánh khác trên những cây thông đan nhánh vào nhau, khiến Pantalaimon cảm thấy không yên chút nào.

Thực hiện bởi

nhóm Biên tập viên Gác Sách:

Mai – stretchick – H.y

(Tìm - Chỉnh sửa - Đăng)

Mục lục

<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 12</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 13: Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 13: Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 14: Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 14: Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 15: Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 15: Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 16</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 17: Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 17: Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 18: Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 18: Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 19: Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 19: Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 20: Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 20: Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 21: Phần 1</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 21: Phần 2</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 22</u>
<u>Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 23 (Hết)</u>

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 12

Họ đi nhiều giờ trước khi dừng lại để ăn. Trong khi những người đàn ông nhóm lửa và đun tuyết lấy nước uống, Iorek Byrnison xem Lee Scoresby nướng thịt hải cẩu bên cạnh, John Faa nói chuyện với Lyra.

“Lyra, cháu có nhìn rõ mặt chiếc máy để đọc nó không?”

Mặt trăng đã lặn từ lâu. Ánh sáng từ hiện tượng cực quang sáng hơn ánh trăng, nhưng không thường xuyên. Tuy nhiên, mắt Lyra rất tinh, cô loay hoay trong chiếc áo choàng lông thú rồi rút gói bọc vải nhung ra.

“Vâng, cháu có thể nhìn nó rất rõ,” cô nói. “Nhưng dù thế nào thì đến bây giờ cháu cũng biết vị trí của hầu hết các biểu tượng rồi. Cháu sẽ hỏi nó chuyện gì, Ngài Faa?”

“Ta muốn biết người ta bảo vệ nơi này như thế nào, Bolvangar ấy,” ông trả lời.

Thậm chí không cần suy nghĩ, các ngón tay cô chuyển dời những chiếc kim đến vị trí chiếc mũ sắt, quái vật sư tử mình chim và chiếc nồi nấu kim loại. Cô cảm thấy tâm trí mình hướng về các ý nghĩa như một biểu đồ phức tạp ba chiều. Ngay lập tức chiếc kim dài bắt đầu quay vòng, quay ngược lại, rồi lại quay vòng, như một con ông đang bay lượn để báo chỗ có phấn hoa cho bạn cùng tổ. Cô bình tĩnh theo dõi theo, tập trung, không phải để biết kết quả mà biết rằng một ý nghĩa nào đó sắp được xác định, và bắt đầu trở nên rõ ràng. Cô để nó quay cho đến khi chắc chắn.

“Giống như lời vị nhân tinh của bà phù thủy đã nói, thưa Ngài Faa. Có một nhóm người Tartar đang canh giữ trạm, người ta chằng dây thép gai ở

khắp mọi nơi. Họ không thực sự cho rằng sẽ bị tấn công. Đó là điều chiếc máy đọc biểu tượng nói. Nhưng Ngài Faa...”

“Gì thế cháu?”

“Nó còn nói cho cháu biết điều gì đó nữa. Trong thung lũng bên cạnh có một ngôi làng ở gần hồ, cư dân ở đó đang bị một con ma quấy nhiễu.”

John Faa lắc đầu sốt ruột và nói. “Bây giờ thì điều đó không quan trọng với chúng ta. Chắc đó là một loại linh hồn nào đó lẫn khuất trong các khu rừng. Hãy nói lại ta nghe về bọn người Tartar. Ví dụ như họ có bao nhiêu người? Họ được trang bị loại vũ khí nào?”

Lyra ngoan ngoãn hỏi chiếc máy đọc biểu tượng rồi trả lời.

“Có sáu mươi người đàn ông trang bị súng trường, họ có hai khẩu súng lớn hơn, kiểu súng thần công. Họ còn có cả máy ném lửa. Và... nhân tính của họ đều là sói, chiếc máy nói như vậy.”

Lời nói của Lyra tạo nên sự xao động giữa những người Gypsy cao tuổi đã từng nam chinh bắc chiến khắp nơi.

“Người Sibirsk có nhân tính là sói,” một người nói.

John Faa nói:

“Tôi chưa từng gặp một người nào hung dữ hơn họ. Hãy hỏi ý kiến con gấu, nó là một chiến binh nhiều kinh nghiệm.”

Lyra không thể kiên nhẫn hơn, cô nói:

“Nhưng Ngài Faa, con ma này... cháu nghĩ nó là con ma của một trong những đứa trẻ bị bắt cóc.”

“À, thậm chí là như vậy, Lyra ạ, ta không biết người nào có thể làm bất cứ điều gì với chuyện này. Sáu mươi người Sibirsk có trang bị súng trường, và những chiếc máy ném lửa... Ông Scoresby, hãy bước qua đây nếu ông có thể, một lúc thôi.”

Trong khi người lái khinh khí cầu đến chỗ xe kéo, Lyra tụt xuống và nói chuyện với con gấu.

“Iorek, trước đây anh từng đi qua con đường này bao giờ chưa?”

“Một lần,” nó nói với giọng trầm và thấp.

“Có một ngôi làng ở gần đây, đúng không?”

“Phía sau quả đồi,” nó nói, nhìn lên phía những ngọn cây.

“Có xa lắm không?”

“Với cô hay với tôi?”

“Với tôi,” cô trả lời.

“Quá xa. Với tôi thì không chút nào.”

“Vậy thì anh cần bao lâu để tới được đó?”

“Tôi có thể đi và về ba lần trước khi trời sáng.”

“Bởi vì, Iorek, nghe này: tôi có một chiếc máy đọc biểu tượng nói tôi biết mọi chuyện. Nó nói cho tôi về một điều gì đó quan trọng mà tôi cần phải làm ở ngôi làng đấy. Ngài Faa sẽ không cho tôi đến đó. Ông ấy chỉ muốn nhanh chóng tiếp tục lên đường. Tôi biết điều này cũng quan trọng. Nhưng trừ khi tôi đi và tìm ra, chúng ta sẽ không biết bọn Gà trống tây thực sự đang làm gì.”

Con gấu không nói gì cả. Nó đang ngồi trong tư thế giống con người, hai chiếc tay to bè gập lại trước ngực. Đôi mắt nâu sẫm của nó nhìn xuống cô đang đứng dưới mũi mình. Nó biết cô đang muốn một điều gì đó.

Pantalaimon nói:

“Anh có thể đưa chúng tôi đến đó rồi sau đó đuổi theo đoàn xe kéo được không?”

“Tôi có thể. Nhưng tôi đã hứa với Ngài Faa là sẽ theo lệnh ông ấy, chứ không phải bất cứ người nào khác.”

“Nếu tôi được ông ấy cho phép thì sao?” Lyra hỏi.

“Vậy thì được.”

Cô quay đi và chạy trở lại trên nền tuyết.

“Ngài Faa! Nếu Iorek Byrnison đưa cháu qua ngọn đồi đến ngôi làng, chúng cháu sẽ có thể tìm ra nó là gì, rồi sau đó bắt kịp cả đoàn. Anh ấy biết hành trình chúng ta sẽ đi mà,” cô năn nỉ. “Cháu sẽ không đòi hỏi, trừ khi nó giống như trước đây cháu đã làm, Farder Coram, ông nhớ chứ, chuyện về con tắc kè hoa ấy? Lúc đầu cháu đã không hiểu, nhưng điều linh cảm đó đã đúng, và chúng ta đã nhanh chóng kiểm chứng được. Bây giờ cháu cũng có cảm giác tương tự. Cháu không thể hiểu chính xác điều nó muốn nói, cháu chỉ biết nó quan trọng thôi. Iorek Byrnison biết đường, anh ấy nói anh ấy có thể đi và về ba lần trước khi mặt trời mọc. Cháu sẽ càng an toàn nếu đi với anh ấy, phải vậy không? Nhưng anh ấy sẽ không đi nếu không được sự cho phép của Ngài Faa.”

Tiếp theo đó là sự im lặng. Farder Coram thở dài. John Faa cau mày và môi ông mím chặt dưới bóng chiếc mũ trùm đầu.

Trước khi ông lên tiếng, người lái khinh khí cầu chen vào. “Ngài Faa, nếu Iorek Byrnison đưa cô bé đi, cô bé sẽ được an toàn như khi đang ở đây với chúng ta vậy. Tất cả các con gấu đều trung thành, mà thôi thì đã biết Iorek nhiều năm, và chẳng có gì trên đời có thể khiến anh ấy phá bỏ lời hứa. Hãy giao nhiệm vụ trông nom cô bé cho anh ấy, anh ấy sẽ làm được, không có một sai sót nào. Còn về tốc độ của chuyến đi, anh ấy có thể đi hàng giờ mà không thấy mệt mỏi.

“Nhưng tại sao không phải là vài người đàn ông khác đi?” John Faa hỏi.

“Vì họ sẽ phải đi bộ,” Lyra giải thích. “Không thể chạy xe kéo trên quả đồi đó được. Iorek Byrnison có thể đi nhanh hơn bất cứ người đàn ông nào trên địa hình đó, cháu cũng đủ nhẹ để không làm anh ấy phải đi chậm lại. Cháu xin hứa, Ngài Faa, cháu xin hứa sẽ không ở lại đó lâu hơn mức cần thiết, và không để lộ thông tin gì về chúng ta, hoặc vướng vào nguy hiểm nào.”

“Cháu có chắc là mình phải làm như vậy không? Chiếc máy đọc biểu tượng đó không đánh lừa cháu đấy chứ?”

“Nó không bao giờ làm vậy đâu, Ngài Faa, và cháu không nghĩ nó có khả năng đó.”

John Faa xoa cằm.

“Thôi được rồi, nếu tất cả mọi việc đều diễn ra suôn sẻ, chúng ta sẽ có thêm chút ít thông tin so với hiện tại. Iorek Byrnison,” ông gọi to, “anh có sẵn sàng làm theo yêu cầu của cô bé này không?”

“Tôi làm theo lệnh của ông, thưa Ngài Faa. Chỉ cần ông ra lệnh tôi đưa đứa trẻ này đến đó, tôi sẽ làm theo như vậy.”

“Tốt lắm. Anh có trách nhiệm đưa nó đến nơi nó muốn và làm theo lời nó ra lệnh. Lyra, ta đang giao nhiệm vụ cho cháu, cháu rõ chưa?”

“Rõ, thưa Ngài Faa.”

“Cháu hãy đi và tìm hiểu xem đó là thứ gì, khi đã tìm được, cháu phải quay về ngay lập tức. Iorek Byrnison, trong lúc đó thì cả đoàn sẽ đi tiếp, vì thế anh sẽ phải đuổi theo để bắt kịp chúng tôi.”

Con gấu gật gật chiếc đầu khổng lồ của mình.

“Có người lính nào trong làng không?” nó hỏi Lyra. “Tôi có cần đến bộ giáp sắt không? Chúng ta sẽ đi nhanh hơn nếu không có nó.”

“Không,” cô trả lời. “Tôi có thể chắc chắn về điều này, Iorek. Cảm ơn Ngài Faa, cháu hứa sẽ làm đúng như lời ông dặn.”

Tony Costa đưa cho cô một rổ thịt hải cẩu sấy khô để nhai, rồi cùng với Pantalaimon đã biến thành một con chuột nằm trong chiếc mũ trùm đầu của cô, Lyra leo lên lưng con gấu lớn, nắm chắc lấy lông nó bằng đôi tay đeo găng và áp chặt hai khuỷu chân vào hai bên sườn đầy cơ bắp của nó. Lông nó dày một cách kỳ lạ, và cảm giác về sức mạnh to lớn như tràn ngập. Như thể cô không nặng chút nào, nó quay người và lướt nhanh theo con đường dài vòng quanh lên đồi rồi lẫn vào giữa những hàng cây.

Phải mất một lúc cô mới quen với kiểu đi này, rồi sau đó cô cảm thấy vô cùng vui sướng. Cô đang cưỡi trên lưng một con gấu! Hiện tượng cực quang chiếu sáng trên đầu họ với những vầng và quầng sáng. Khắp xung quanh là sự giá lạnh tê buốt của Bắc cực và sự im lặng tuyệt đối của phương Bắc.

Móng vuốt của Iorek Byrnison hầu như không tạo ra một tiếng động gì khi nó đạp trên nền tuyết. Những hàng cây ở đây khẳng khiu và cằn cỗi. Vì họ đang ở bên rìa của lãnh nguyên, nhưng cũng có những bụi cây nhỏ và gai. Con gấu giẫm lên chúng nhưng giẫm lên đám mạng nhện vậy.

Họ trèo qua quả đồi thấp, xung quanh là đám đá đen trôi lên trên mặt đất và nhanh chóng rời khỏi tầm mắt của những người đứng phía dưới. Lyra muốn nói chuyện với con gấu, nếu nó là con người thì cô đã có thể tâm sự với nó. Nhưng nó quá xa lạ, hoang dã và lạnh lùng đến mức cô e ngại. Gần như đây là lần đầu tiên trong đời cô phải e ngại trước một chuyện. Vì thế trong khi nó đi nhanh, đôi chân to lớn chuyển động không ngừng, cô ngồi im không nói gì cả. Dù sao có thể nó lại thích thế, cô nghĩ. Chắc hẳn cô chỉ như một đứa trẻ nghịch ngợm trong mắt một con gấu mặc áo giáp sắt.

Trước đây rất hiếm khi cô tự suy xét lại bản thân mình, và nhận thấy đó là một cảm giác thú vị nhưng không dễ chịu, rất giống với việc cười trên lưng một con gấu, thực sự vậy. Iorek Byrnison đang bước đi rất nhanh, cả hai chân bước khỏi mặt đất cùng lúc, lắc lư bên này bên kia theo một nhịp điệu nhanh và mạnh. Cô nhận thấy mình không thể chỉ ngồi, cô phải cười một cách linh động.

Họ đã đi được một giờ đồng hồ hoặc hơn thế nữa, Lyra đã lạnh cóng và đau đớn, nhưng hạnh phúc vô cùng, Iorek Byrnison đi chậm dần rồi dừng lại.

“Nhìn lên trên kia kìa,” nó nói.

Lyra ngược mắt lên và phải dụi mắt bằng phía bên trong của cổ tay, vì trời lạnh đến nỗi nước mắt làm mở cả mắt cô rồi. Khi đã có thể nhìn rõ ràng cô kinh ngạc trước cảnh tượng trên bầu trời. Hiện tượng cực quang đã giảm dần chỉ còn những ánh sáng le lói vàng vọt, nhưng những ngôi sao lại sáng rực như kim cương, ngang qua bầu trời tối đen rộng lớn dát đầy kim cương đó, hàng trăm, hàng nghìn những hình thù màu đen nhỏ xíu đang bay từ phía đông và phía nam về hướng bắc.

“Đó là những con chim phải không?” cô hỏi.

“Họ là các phù thủy,” con gấu trả lời.

“Các phù thủy! Họ đang làm gì thế?”

“Bay đến tham chiến ở một nơi nào đó, có thể là như vậy. Tôi chưa từng thấy cùng một lúc nhiều phù thủy đến mức này.”

“Anh có quen phù thủy nào không, Iorek?”

“Tôi từng làm việc cho vài người. Và đánh nhau với vài người. Đây là một cảnh tượng đáng làm cho Ngài Faa lo sợ. Nếu họ đang bay đi yểm trợ cho kẻ thù của các cô, tất cả các cô nên e sợ.”

“Ngài Faa sẽ không sợ hãi đâu. Anh cũng không sợ hãi, phải không?”

“Vẫn chưa. Khi tôi sợ hãi, tôi chế ngự nó. Nhưng tốt hơn chúng ta nên nói cho Ngài Faa về chuyện các phù thủy, bởi có thể những người đàn ông đó không nhìn thấy họ.”

Nó tiếp tục đi chậm hơn, cô cứ nhìn lên bầu trời cho đến khi mắt giàn giụa nước vì lạnh. Cô thấy dòng phù thủy bay về hướng bắc vẫn chưa kết thúc.

Cuối cùng Iorek Byrnison dừng lại và nói: “Ngôi là đây rồi.” Họ đang nhìn xuống một con dốc gỗ ghề gầy gục dẫn xuống một nhóm những ngôi nhà gỗ bên cạnh một dải tuyết hẹp, Lyra cho rằng đó là một chiếc hồ. Một bến thuyền bằng gỗ cho thấy cô đã đoán đúng. Họ chỉ còn cách nơi đó chưa đầy năm phút.

“Cô muốn làm gì bây giờ?” con gấu hỏi.

Lyra tụt khỏi lưng nó và thấy khó mà đứng vững được. Mặt cô lạnh cóng, hai chân mỗi nhừ, nhưng cô bám chặt lấy lưng nó và đứng cho đến khi cảm thấy khỏe hẳn.

“Có một đứa bé hay một con ma hoặc thứ gì đó dưới ngôi làng này,” cô nói, “hay có thể gần đó, tôi cũng không biết chắc nữa. Tôi muốn đến và tìm nó rồi đưa về cho Ngài Faa cùng những người khác nếu có thể. Tôi nghĩ đó là một con ma, nhưng có khi chiếc máy đọc biểu tượng đã nói gì đó mà tôi không hiểu.”

Nếu nó không ở bên ngoài,” con gấu nói, “hẳn là nó có một chỗ trú ngụ.”

“Tôi không nghĩ là nó đã chết...” Lyra nói, nhưng cô không chắc chắn chút nào về việc đó. La bàn vàng đã chỉ vào điều gì đó, huyền bí và không tự nhiên, đang hoảng sợ. Nhưng cô là ai chứ? Cô là con gái của Ngài Asriel. Và ai đang dưới quyền chỉ huy của cô nào? Một con gấu dũng mãnh. Làm sao cô có thể tỏ ra mình đang sợ hãi được?

“Chúng ta cứ đến và xem xem,” cô nói.

Cô lại trèo lên lưng con gấu, nó bắt đầu đi xuống con dốc mập mạp, đi thật vững và không chạy nhanh nữa. Những con chó trong làng đánh hơi hay nghe thấy hay cảm nhận được có người đang đến, bắt đầu sủa lên đầy hoảng sợ; những con tuần lộc nuôi trong sân chạy cuống lên, sừng đập chan chát như những chiếc gậy gỗ. Trong không gian tĩnh lặng, mỗi cử động đều có thể nghe thấy từ khoảng cách rất xa.

Khi họ đến được căn nhà đầu tiên, Lyra nhìn trước nhìn sau, cổ căng mắt nhìn vào bóng tối, vì hiện tượng cực quang đã giảm và mặt trăng còn lâu mới nhô lên. Thấp thoáng đây đó có ánh đèn dưới những mái nhà tuyết phủ dày, Lyra nghĩ cô đã nhìn thấy vài khuôn mặt tái xanh phía sau những ô cửa sổ, họ sẽ ngạc nhiên đến mức nào khi nhìn thấy một cô bé đang cười trên lưng con gấu trắng vĩ đại.

Chính giữa ngôi làng có một khoảng đất trống bên cạnh bến tàu, nơi các con thuyền được cột lại và nổi lên thành từng đồng do bị tuyết bao phủ. Tiếng chó sủa đình tai, nhức óc, đúng như Lyra dự đoán, nó đã đánh thức

tất cả người dân trong làng. Một cánh cửa bật mở và một người đàn ông tay cầm súng trường bước ra. Con nhân tinh sói của ông ta đến bên đồng củi cạnh cửa làm mớ tuyết ở đó bay tóe tung.

Lyra lập tức tụt xuống, đứng chắn giữa ông ta Iorek Byrnison, ý thức được việc chính cô đã nói với con gấu không cần phải mang bộ giáp sắt đi theo.

Người đàn ông nói thứ tiếng cô không hiểu. Iorek Byrnison đáp lại bằng ngôn ngữ đó, làm ông ta sợ hãi rên lên.

“Ông ta nghĩ chúng ta là ma quỷ,” Iorek nói với Lyra. “Tôi sẽ nói gì đây?”

“Nói với ông ta chúng ta không phải là ma quỷ, nhưng chúng ta có những người bạn như thế. Và chúng ta đang tìm kiếm... cứ nói là một đứa trẻ được rồi. Một đứa trẻ kỳ lạ. Nói với ông ta như vậy.”

Con gấu vừa nói dứt lời, người đàn ông chỉ sang bên phải, thể hiện một nơi cách xa, và nói rất nhanh.

Iorek Byrnison nói:

“Ông ta hỏi chúng ta có đến và đưa đứa trẻ đó đi không. Họ sợ nó. Họ đã cố đuổi nó đi, nhưng nó cứ quay lại.”

“Nói với ông ta chúng ta sẽ đưa nó đi, nhưng họ thật xấu bụng khi đối xử với nó như vậy. Nó đâu rồi?”

Người đàn ông giải thích, hoa chân múa tay một cách sợ hãi. Lyra sợ ông ta sơ ý làm cướp cò súng, nhưng ngay khi nói xong, ông ta lẩn vào nhà và đóng sầm cửa lại. Lyra nhìn thấy những khuôn mặt dòm ra từ những chiếc cửa sổ.

“Đứa bé đó đang ở đâu thế?” cô hỏi.

“Trong ngôi nhà để đựng cá,” con gấu nói với cô, và quay đầu đi xuống bến thuyền.

Lyra theo sau. Cô cảm thấy vô cùng hồi hộp. Con gấu đang đi đến một túp lều gỗ chật hẹp. Nó ngẩng cao đầu hít chỗ nọ chỗ kia, và khi đến được cửa, nó dừng lại nói. “Đây rồi.”

Tim Lyra đập nhanh đến nỗi cô gần như không thở nổi. Cô giơ tay lên gõ cửa, nhưng rồi cảm thấy thế thật kỳ cục, bèn hít một hơi sâu để gọi to, nhưng nhận thấy không biết phải gọi như thế nào. Ôi, trời tối quá! Đáng lẽ cô nên mang theo một cây đèn.

Nhưng dù sao cũng không còn sự lựa chọn nào khác, cô không muốn để con gấu thấy mình đang hoảng sợ. Nó đã nói về chuyện chế ngự lòng sợ hãi, đó là điều cô cần làm. Cô nâng chiếc chốt làm bằng sừng tuần lộc lên, giữ lấy then cửa và đẩy mạnh vào lớp băng đang chẹn chặt cửa. Nó hơi hé ra. Cô phải đá đồng tuyết phía dưới cửa đi trước khi kéo cửa mở rộng. Pantalaimon chẳng giúp đỡ gì cả, nó chỉ chạy lên chạy xuống trong hình dáng con chồn ecmin, như một cái bóng trên nền tuyết trắng, kêu lên những tiếng hãi sợ.

“Pan, vì Chúa!” cô nói. “Biến thành dơi đi. Hãy vào và tìm giúp mình...”

Nhưng nó không làm theo, và cũng không nói gì cả. Cô chưa bao giờ thấy nó như vậy, ngoại trừ lần cô và Roger trao đổi các đồng xu khắc hình nhân tinh vào các xương sọ khác nhau trong hầm mộ ở Jordan. Thậm chí trông nó còn sợ hãi hơn cả cô. Còn về phần Iorek Byrnison, nó nằm trên nền tuyết gần đó, quan sát trong im lặng.

“Ra đây đi,” Lyra nói với giọng to nhất cô dám nói. “Ra đây đi nào.”

Không có một âm thanh nào trả lời lại. Cô đẩy cửa rộng thêm một chút. Pantalaimon nhảy vào lòng cô, đầy giúi giùi vào người cô trong hình dạng một con mèo và nói. “Đi khỏi đây thôi! Đừng ở lại đây! Ôi, Lyra, đi nào! Quay về đi thôi!” Vừa cố gắng giữ chặt nó, cô vừa để ý thấy Iorek Byrnison đang đứng trên hai chân và quay lại nhìn thấy một bóng người đang hối hả đi xuống con đường từ trong làng ra, trên tay cầm một cây đèn. Khi đến đủ gần để nói chuyện, ông giơ ngọn đèn lên và giữ nó ngang mặt: một ông già có khuôn mặt to bè và nhiều nếp nhăn, đôi mắt gần như bị che lấp bởi hàng nghìn nếp hằn. Nhân tình của ông ta là một con cáo Bắc cực.

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại www.gacsach.com - góc nhỏ cho người yêu sách.]

Ông ta lên tiếng, Iorek Byrnison nói lại với Lyra:

“Ông ta nói đây không phải là đứa trẻ duy nhất bị như vậy. Ông ấy từng nhìn thấy những đứa khác ở trong rừng. Đôi khi chúng chết rất nhanh, đôi khi chúng lại không chết. Đức trẻ này sống rất dai, ông ta nghĩ vậy. Nhưng sẽ tốt hơn cho nó nếu nó chết đi.”

“Hãy hỏi ông ta liệu tôi có mượn ông ấy cây đèn được không?” Lyra nói.

Con gấu hỏi, người đàn ông đưa nó cho cô ngay lập tức, gật đầu lia lịa. Cô nhận ra ông ta đến là để mang cho cô cây đèn và cảm ơn ông ta, ông ta lại gật đầu rồi đứng lùi lại, cách xa khỏi cô, khỏi căn lều và con gấu.

Lyra đột nhiên nghĩ: nếu đứa bé là Roger thì sao? Cô ra sức cầu nguyện để điều đó không phải là sự thực. Pantalaimon đang bám chặt lấy cô, nó đã lại biến thành chồn ecmin. Những móng vuốt bé xíu của nó bám chắc vào tấm áo choàng của cô.

Cô nâng cao chiếc đèn, bước một bước vào căn lều, và nhìn thấy điều bọn Gà trống tây đang làm, và thực chất của việc hi sinh bọn trẻ đang phải chịu.

Cậu bé đang ngồi giúi vào một giàn treo những hàng cá đã moi ruột, tất cả đều cứng đơ. Cậu đang ôm chặt một miếng cá vào lòng như Lyra ôm chặt Pantalaimon, bằng cả hai tay, thật chặt, sát bên trái tim cô. Nhưng đó là tất cả những gì cậu có, một miếng cá phơi khô, bởi vì cậu bé không còn nhân tinh nữa. Bọn Gà trống tây đã tách nó khỏi cậu. Đó chính là sự chia cắt, và đây là một đứa trẻ bị chia tách.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 13: Phần 1

Ý nghĩ đầu tiên đến với cô là quay đầu và bỏ chạy, hay ngất xỉu. Một con người không có nhân tính cũng giống như sống mà không có mặt, hay một bộ ngực phanh ra để lộ trái tim. Một điều gì đó huyền bí và không tự nhiên thuộc về thế giới của những con ma đêm, không phải thế giới của nhận thức, thế giới đang sống.

Vì thế Lyra ôm chặt lấy Pantalaimon, trái tim cô đập loạn nhịp và cổ họng khô đắng, lạnh lẽo như màn đêm. Cơ thể cô vã mồ hôi lạnh bởi một cảm giác còn lạnh lẽo hơn.

“Ratter,” cậu bé nói, “các người đã bắt mất Ratter phải không?”

Lyra không thắc mắc gì về điều cậu nói.

“Không,” cô nói với giọng run rẩy và sợ hãi. “Tên cậu là gì?”

“Tony Makarios,” cậu nói. “Ratter đâu?”

“Mình không biết...” Cô bắt đầu cố nuốt thật mạnh để ngăn cơn buồn nôn. “Bọn Gà trống tây...” nhưng cô không thể nói hết câu. Cô phải chạy ra khỏi lều, ngồi một mình trên tuyết, tất nhiên cô không cô đơn, vì Pantalaimon luôn ở đó. Ôi, bị tách khỏi nó như cậu bé kia bị tách khỏi Ratter! Điều tồi tệ nhất trên đời này! Cô thấy mình đang khóc thốn thức, Pantalaimon cũng nức nở, cả hai đều cảm thấy buồn đau, thương cảm với cậu bé chỉ còn một nửa.

Rồi cô lại đứng lên.

“Ra đây nào,” cô gọi với giọng run run. “Tony, ra đây đi. Bọn mình sẽ đưa cậu đến nơi an toàn.”

Có tiếng động trong căn nhà cá, rồi cậu bé xuất hiện trước ngưỡng cửa, vẫn ôm chặt con cá khô của mình. Cậu đã mặc đủ quần áo ấm, một chiếc áo choàng có mũ chần bông dày và ủng lót lông thú, nhưng trông chúng cũ kỹ và không vừa vặn. Trong vùng sáng rộng hơn đến từ những quãng sáng đã nhạt màu của hiện tượng cực quang và mặt đất phủ đầy tuyết, trông cậu còn đáng thương, mất mát hơn lúc trước nhiều, khi nép mình tránh ánh đèn bên chiếc giá phơi cá.

Người đàn ông mang chiếc đèn tới đã lùi lại cách đó mấy mét, giờ to tiếng gọi họ.

Iorek Byrnison dịch lại: “Ông ta nói cô phải trả tiền cho con cá kia.”

Lyra chỉ muốn bảo con gấu giết phức ông ta, nhưng cô bình tĩnh lại và nói. “Chúng ta sắp đưa đứa bé này đi khỏi bọn họ. Họ có thể trả công cho chúng ta bằng một con cá.”

Con gấu thuật lại. Người đàn ông cầu nhàu, nhưng không tranh cãi. Lyra đặt cây đèn của ông ta xuống đất và cầm lấy tay cậu bé chỉ còn một nửa đến chỗ con gấu. Nó trở nên lóng ngóng, không sợ hãi hay ngạc nhiên trước con gấu trắng to lớn đang đứng rất gần. Khi Lyra giúp cậu ngồi lên lưng Iorek, cậu chỉ nói: “Tôi không biết Ratter của tôi đâu rồi.”

“Không, bọn mình cũng không biết, Tony ạ,” cô nói. “Nhưng bọn mình sẽ... bọn mình sẽ trừng phạt lũ Gà trống tây. Bọn mình sẽ làm vậy, mình hứa đấy. Iorek, tôi ngồi lên cũng không sao chứ?”

“Bộ áo giáp sắt của tôi còn nặng hơn mấy đứa trẻ con nhiều,” nó nói.

Thế là cô trèo lên ngồi sau Tony và giúp cậu bám chặt lấy bộ lông dài. Pantalaimon ngồi trong chiếc mũ trùm đầu của cô, ấm áp, gần gũi và tràn

đầy thương cảm. Lyra biết rằng mong muốn của Pantalaimon là đến bên cạnh vuốt ve cậu bé bất hạnh, liếm láp, vuốt ve và sưởi ấm cho cậu như con nhện tinh của chính cậu sẽ làm. Nhưng tất nhiên điều cấm kỵ nặng nề đã ngăn cản nó lại.

Họ đi qua làng rồi leo lên đồi, những khuôn mặt người dân trong làng giãn ra vì nhẹ nhõm khi nhìn thấy thứ sinh vật què quặt gớm ghiếc đó đã được một cô bé và một con gấu trắng vì đại đem đi.

Trong trái tim Lyra, nỗi ác cảm đang vằn nhau với lòng trắc ẩn, và lòng trắc ẩn đã thắng. Cô đặt tay lên hình dáng bé nhỏ gầy gò và giữ chặt cậu. Cuộc hành trình quay về lạnh lẽo, khó khăn, tăm tối hơn, nhưng dường như chính vì những điều đó mà nó diễn ra nhanh chóng hơn. Iorek Byrnison không hề mệt mỏi, Lyra đã biết cách cười trên lưng nó, vì thế cô không bao giờ có nguy cơ ngã xuống. Còn cái cơ thể giá lạnh trong tay cô nhẹ tới mức một mặt nó rất dễ điều chỉnh, nhưng lại cũng rất trì trệ; cậu ngồi cứng đờ không động đậy trong khi con gấu di chuyển, vì vậy mặt khác nó cũng có cả khó khăn.

Cậu bé nói mãi miết một điều gì đó.

“Cậu muốn nói gì thế?” Lyra hỏi.

“Mình nói là nó sẽ biết mình ở đâu chứ?”

“Ừ, nó sẽ biết thôi. Nó sẽ tìm cậu và bọn mình sẽ tìm nó. Giờ thì giữ thật chặt vào, Tony, không còn xa nữa đâu...”

Con gấu vẫn tiếp tục lướt đi. Lyra không biết mình mệt mỏi đến mức nào cho đến khi họ bắt kịp đoàn xe kéo. Đoàn xe phải dừng lại để cho đàn chó nghỉ sức, và đột nhiên tất cả bọn họ đều ở đó, Farder Coram, Ngài Faa, Lee Scoresby, tất cả ủa tới giúp đỡ và rồi im bật khi thấy nhân dạng đi cùng với Lyra kia. Cô bị lạnh cóng đến mức thậm chí không nới lỏng vòng tay ôm

quanh người cậu bé. Chính John Faa phải nhẹ nhàng tách hai đứa ra và nhắc cô xuống.

“Chúa nhân từ, cái gì đây?” ông nói. “Lyra, cháu yêu, cháu tìm được thứ gì thế này?”

“Cậu ấy tên Tony,” cô lập bập qua làn môi lạnh giá. “Người ta đã cướp mất nhân tính của cậu ấy. Đó là điều bọn Gà trống tây làm.”

Những người đàn ông chững lại, sợ hãi, nhưng con gấu đã lên tiếng trách mắng trước sự ngạc nhiên rã rời của Lyra.

“Thật đáng hổ thẹn cho các người! Hãy nghĩ xem đứa bé này đã làm gì! Các người có thể không can đảm hơn được vậy, nhưng các người nên thấy hổ thẹn khi thể hiện là mình kém can đảm hơn.”

“Anh nói đúng, Iorek Byrnison,” John Faa nói và quay lại ra lệnh. “Hãy khơi to lửa lên và hâm nóng cháo cho đứa nhỏ. Cho cả hai đứa. Farder Coram, chỗ ngủ của anh đủ rộng chứ?”

“Có, John ạ. Hãy đưa nó đến đó và chúng ta sẽ làm cô bé ấm lên...”

“Còn cậu bé,” có ai đó nói, “nó có thể ăn và sưởi ấm, ngay cả nếu...”

Lyra đang cố nói với John Faa về chuyện các phù thủy, nhưng tất cả mọi người đều quá bận bịu còn cô đã quá mệt mỏi. Sau vài phút mơ màng với những ánh đèn, khói thuốc, những dáng người hối hả qua lại, cô cảm thấy những chiếc răng chồn ecmin của Pantalaimon đang cắn nhẹ vào tai mình. Cô tỉnh lại và thấy khuôn mặt con gấu đang ngay sát trước mặt.

“Những phù thủy,” Pantalaimon thì thầm. “Mình đã gọi Iorek.”

“À, đúng rồi,” cô thều thào. “Iorek, cảm ơn anh đã đưa tôi đến đó và trở về. Tôi quên mất việc kể cho Ngài Faa về các phù thủy, vì thế tốt hơn hết là

anh hãy làm thay tôi.”

Cô nghe tiếng con gấu đồng ý, và rồi cô chìm sâu vào giấc ngủ.

Khi Lyra tỉnh dậy, trời đã sáng. Bầu trời phía đông nam sáng mờ và không khí ướt đầm sương đêm. Trong làn sương đó những người Gypsy đi lại như những bóng ma nặng nề, chất đồ lên và buộc chó vào xe.

Cô nhìn thấy toàn bộ cảnh tượng từ trong chỗ nằm trên xe trượt của Farder Coram. Cô đang nằm dưới một đồng chăn may bằng lông thú. Pantalaimon đã tỉnh táo hoàn toàn trước cô, cố gắng biến thành một con cáo Bắc cực trước khi quay về với hình dáng chồn ecmin ưa thích của mình.

Iorek Byrnison ngủ trên nền tuyết gần đó, đầu gối lên hai bàn tay to rộng. Farder Coram đã dậy và đang bận rộn. Ngay khi nhìn thấy Pantalaimon lộ ra, ông đến gần để gọi Lyra dậy hẳn.

Cô nhìn thấy ông đang đến và ngồi dậy để nói chuyện.

“Farder Coram, cháu đã biết điều cháu không hiểu là gì rồi. Chiếc Chân-kế cứ chỉ vào chim và không, lý nào lại thế chứ, vì đó có nghĩa là không có nhân tinh và cháu không hiểu làm sao mà có thể... Chuyện gì vậy?”

“Lyra, ta e là phải nói với cháu chuyện này sau hết thấy những gì cháu đã làm, nhưng cậu bé đó đã chết cách đây một tiếng. Cậu ấy không thể ngồi yên, không thể ở nguyên một chỗ; cậu cứ liên tục hỏi về con nhân tinh của mình, nó đang ở đâu, có phải nó sẽ tới ngay không, và lung tung cả; nó cứ ôm chặt lấy miếng cá để lâu ngày như thế... Ôi, ta không biết nói gì hơn nữa, cháu ạ; nhưng cuối cùng nó cũng nhắm mắt lại và nằm im, đó là lần đầu tiên trông nó thanh thản, giống như những người chết khác, con nhân tinh tan biến vào không gian. Mọi người định đào một chiếc huyệt cho nó, nhưng mặt đất cứng như thép. Vì thế John Faa ra lệnh lập một giàn thiêu,

và họ sẽ hỏa táng nó để cơ thể nó không bị hủy hoại bởi những động vật ăn xác chết.

“Cô bé, cháu đã làm một việc can đảm, một việc tốt đẹp, ta tự hào về cháu. Giờ thì chúng ta đã biết điều ác độc tồi tệ mà đám người đó có thể làm, và nhiệm vụ của chúng ta rõ ràng hơn bao giờ hết. Điều cháu cần làm là nghỉ ngơi và ăn chút gì đó, vì cháu đi ngủ quá sớm nên chưa ăn gì đêm qua, cháu phải ăn trong nhiệt độ này để cơ thể không bị yếu đi...”

Ông đang luôn tay làm việc, đặt những tấm chắn vào đúng chỗ, buộc chặt lại sợi dây thừng quanh thân xe trượt, cuốn những sợi dây quanh tay cho khỏi rời.

“Farder Coram, cậu ấy đang ở đâu? Mọi người đã thiêu cậu ấy chưa vậy?”

“Chưa đâu, Lyra, cậu ấy đang nằm ở đằng sau kia.”

“Cháu muốn đến nhìn cậu ấy.”

Ông không thể từ chối cô điều đó, vì trông cô còn đáng sợ hơn cả xác chết, việc nhìn thấy cậu bé có thể khiến cô bình tâm lại. Cùng với Pantalaimon trong hình dáng con thỏ rừng trắng chạy thoăn thoắt bên cạnh, Lyra lão đảo đi dọc các dây xe trượt nơi những người đàn ông chất củi thành đồng lớn.

Cơ thể cậu bé nằm dưới một tấm chắn kẻ ca rô để cạnh đường đi. Cô quỳ xuống và lật tấm chắn lên bằng hai bàn tay đeo găng. Một người đàn ông định ngăn cô lại, nhưng những người khác lắc đầu.

Pantalaimon trườn đến sát bên Lyra khi Lyra nhìn xuống khuôn mặt đáng thương. Cô tháo găng tay ra và chạm vào đôi mắt cậu. Chúng đã lạnh như băng, Farder Coram đã nói đúng; Tony Makarios không có gì khác với bất cứ người bình thường nào phải chia cách nhân tính vì cái chết. Ôi, nếu

người ta cướp mất Pantalaimon khỏi cô? Cô đỡ cậu bé lên và ôm cậu như thể muốn ghì sát cậu vào trái tim mình. Tất cả những gì Tony bé nhỏ đáng thương có là một miếng cá khô...

Nhưng miếng cá đâu rồi?

Cô kéo tấm chăn ra. Nó không còn ở đó nữa.

Cô lập tức đứng ngay dậy, đôi mắt giận giữ tóe lửa nhìn vào đám người gần đó.

“Con cá của cậu ấy đâu?”

Họ dừng lại, bối rối, không hiểu cô muốn nói gì; tuy thế vài nhân tinh trong số họ hiểu, và quay sang nhìn nhau. Một trong số những người đàn ông bắt đầu nhăn nhó cười trừ.

“Anh còn dám cười sao! Tôi sẽ xé xác anh nếu anh dám cười cậu ấy! Đó là tất cả những gì cậu ấy có, chỉ là một mẩu cá khô, nhưng đó là tất cả những gì cậu ấy có thay cho một con nhân tinh để yêu thương và đối xử tốt! Ai đã mang nó khỏi cậu ấy? Nó đâu rồi?”

Pantalaimon đã biến thành một con báo tuyết, rất giống nhân tinh của Ngài Asriel, nhưng cô không nhận thấy. Tất cả những gì cô quan tâm lúc này là con cá đã bị người nào lấy đi.

“Bình tĩnh nào, Lyra,” một người đàn ông nói. “Bình tĩnh lại đi, cô bé.”

“Ai đã lấy nó đi?” cô lại nổi nóng, và người đàn ông Gypsy lùi một bước trước cơn thịnh nộ của cô.

“Tôi đã không biết,” một người đàn ông khác nói với vẻ hối lỗi. “Tôi nghĩ đó chỉ là thứ cậu bé dùng để ăn. Tôi lấy nó ra khỏi tay cậu ấy vì nghĩ nó không còn tác dụng gì nữa. Mọi chuyện là vậy, Lyra.”

“Vậy thì giờ nó đâu rồi?”

Người đàn ông nói một cách khó khăn. “Vì không nghĩ là cậu ấy cần nó nữa nên tôi đã vứt cho mấy con chó. Tôi thực sự xin lỗi cô.”

“Người anh cần xin lỗi không phải tôi, mà là cậu ấy,” cô nói, và quỳ ngay xuống, đặt tay lên hai gò má giá lạnh của cậu.

Rồi một ý tưởng chợt nảy đến trong đầu cô. Cô lục lọi trong chiếc áo khoác. Không khí lạnh lùa vào khi cô cởi chiếc áo, nhưng chỉ trong vài giây, cô đã tìm thấy thứ đang cần, lấy ra một đồng tiền vàng trong chiếc ví trước khi mặc lại áo.

“Tôi muốn mượn con dao của anh,” cô bảo người đàn ông đã lấy con cá đi. Khi anh ta đưa cho cô, cô nói với Pantalaimon. “Tên nó là gì?”

Tất nhiên nó hiểu ý cô muốn hỏi, và trả lời. “Ratter.”

Cô giữ đồng xu thật chặt bằng một bàn tay đeo găng, tay kia cầm con dao như một chiếc bút chì, khắc tên con nhân tinh mất tích lên đồng tiền vàng.

“Mình hy vọng là nó sẽ có tác dụng, nếu mình coi cậu như một Học giả Jordan,” cô thì thầm với cậu bé đã chết, và cố mở miệng cậu để nhét đồng xu vào. Việc này thật khó khăn, nhưng cô xoay sở được, rồi lại loay hoay để khép hàm cậu lại.

Cô trả lại con dao cho người đàn ông cùng lời cảm ơn và quay lại chỗ Farder Coram trong ánh nắng sớm lờ mờ.

Ông đưa cho cô một bát súp mới lấy từ trên bếp xuống, cô húp từng ngụm một cách ngon lành.

“Chúng ta sẽ làm gì với những phù thủy đó, Farder Coram?” cô nói.
“Cháu tự hỏi không biết bà phù thủy của ông có trong số đó không nữa?”

“Bà phù thủy của ta ư? Ta sẽ không giả định xa đến thế đâu, Lyra. Có thể họ đang đi đâu đó. Có rất nhiều mối quan tâm trong cuộc sống của một phù thủy; những điều chúng ta không nhìn thấy được; những căn bệnh bí hiểm họ phù phép mà chúng ta cho là chẳng có gì đáng ngại; những nguyên nhân chiến tranh chúng ta không hiểu nổi; những niềm vui và nỗi buồn liên quan tới những loài cây nhỏ xíu có hoa mọc trên lãnh nguyên... Nhưng ta ước gì có thể nhìn thấy họ đang bay, Lyra ạ. Ta ước ta có thể được nhìn một cảnh tượng như vậy. Giờ thì hãy ăn hết chỗ súp đó đi. Cháu có muốn chút nữa không? Còn cả bánh mì nữa đấy. Ăn thật nhiều vào, cô bé, vì chúng ta sẽ nhanh chóng lên đường.

Thức ăn đã làm Lyra sống lại, giờ đây sự lạnh giá trong tâm hồn cô bắt đầu tan chảy. Cùng với những người khác, cô đến nhìn cậu bé chỉ còn một nửa nằm trên giàn hỏa thiêu, cúi đầu và nhắm mắt nghe lời cầu nguyện của John Faa, rồi những người đàn ông rải dần lên và châm lửa, ngọn lửa bùng lên trong phút chốc.

Khi đã chắc chắn nó đã được thiêu hết, mọi người bắt đầu lên đường. Đây là một cuộc hành trình gian khổ. Tuyết bắt đầu rơi sớm, rồi rất nhanh chóng cả thế giới thu hẹp lại chỉ còn những cái bóng màu xám của đầu lũ chó kéo xe, tiếng lặc lư và cọt kẹt của xe kéo, cái lạnh như cắt da cắt thịt, cả một đại dương mênh mông những bông tuyết lớn chỉ tối hơn bầu trời và chỉ sáng hơn mặt đất mà thôi.

Trong khung cảnh đó, đàn chó vẫn tiếp tục chạy, những cái mõm vênh cao, thở ra đầy hơi nước. Chúng tiếp tục chạy xa về phía bắc, trong khi ánh sáng buổi trưa vàng vọt đến và đi trong cảnh tranh tối tranh sáng bao trùm lấy cả thế giới. Họ dừng lại để ăn uống và cầu nguyện. Trong khi John Faa nói chuyện với Lee Scoresby về cách họ có thể sử dụng khinh khí cầu, Lyra nghĩ về loài sinh vật bay do thám. Cô hỏi Farder Coram chuyện gì đã xảy ra với chiếc hộp đựng lá thuốc dùng để nhốt nó.

“Ta đã cất kỹ đi rồi,” ông nói. “Nó ở dưới đáy túi đựng quần áo, nhưng chẳng có gì để xem đâu. Ta đã hàn dính nó vào rồi, như ta đã nói. Ta không biết chúng ta sẽ làm gì với nó nữa, nói thật với cháu như vậy. Có thể chúng ta sẽ giết chết nó. Nhưng cháu không cần phải lo lắng, Lyra ạ. Khi ta còn giữ nó, cháu sẽ được an toàn.”

Ngay khi có cơ hội, cô thò tay vào túi đựng quần áo may bằng vải dầu lạnh cứng và lấy chiếc hộp thiếc bé xíu ra. Cô có thể cảm nhận tiếng đập cánh liên tục khi chạm vào chiếc hộp.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 13: Phần 2

Trong khi Farder Coram đang nói chuyện với các lãnh tụ khác, cô mang chiếc hộp đến chỗ Iorek Byrnison và giải thích với nó ý tưởng của mình. Cô chợt nảy ra ý định đó khi nhớ lại cảnh nó đã chọc thủng tấm kim loại như thế nào.

Nó lắng nghe chăm chú, rồi lấy một chiếc nắp hộp bánh bích quy, gấp nó thành một hình trụ dẹt. Cô thán phục trước sự khéo léo của đôi tay nó: không như hầu hết những con gấu bình thường khác, móng vuốt ngón chân cái của nó có hướng ngược lại giúp chúng có thể giữ chặt các đồ vật trong khi làm việc. Nó có khả năng bấm sinh về sức mạnh và sự khéo léo với kim loại. Chỉ cần nhấc mảnh kim loại lên một hai lần, uốn sang bên này bên kia rồi dùng móng vuốt vạch một đường vòng quanh, và gấp lại. Giờ thì nó cũng đang gấp các mép gờ lại cho đến khi chúng dựng đứng rồi làm một cái nắp để đậy vừa lại. Theo yêu cầu của Lyra nó làm ra hai chiếc: một chiếc kích thước với chiếc hộp đựng thuốc lá ban đầu, chiếc còn lại đủ lớn để chứa chính chiếc hộp đó cùng một ít tóc, rong rêu và địa y lèn thật chặt để bưng kín không để tiếng ồn lọt ra. Khi chiếc hộp đóng lại, nó to đúng bằng chiếc Chân-kế.

Khi mọi việc đã hoàn thành, cô ngồi bên Iorek Byrnison trong khi nó gặm một chiếc đuôi tuần lộc đã đông cứng như gỗ.

“Iorek,” cô nói, “có khó khăn lắm không khi sống mà không có một con nhân tinh? Anh không cảm thấy cô đơn à?”

“Cô đơn?” nó nói. “Tôi không biết. Họ nói với tôi như thế này là lạnh. Tôi không biết lạnh là thế nào, vì tôi không bị lạnh. Vì thế tôi cũng không

hiếu cô đơn nghĩa thế nào. Những con gấu sinh ra là để sống một mình.”

“Thế còn những con gấu Svalbard thì sao?” cô hỏi. “Có hàng nghìn con, đúng không? Tôi nghe nói thế.”

Nó không nói không rằng mà bẻ khớp tay phát ra âm thanh như một súc gỗ bị gãy.

“Thứ lỗi cho tôi, Iorek,” cô nói. “Tôi hy vọng đã không xúc phạm anh. Chỉ là tôi thấy tò mò thôi. Anh biết không, tôi tò mò quá mức về những con gấu Svalbard như vậy là vì cha tôi đấy.”

“Cha cô là ai?”

“Ngài Asriel. Người ta đã bắt giam ông ấy tại Svalbard. Tôi nghĩ bọn Gà trống tây đã phản bội và trả tiền cho lũ gấu để giữ ông trong tù.”

“Tôi không biết. Tôi không phải là một con gấu Svalbard.”

“Tôi đã nghĩ anh là...”

“Phải. Tôi đã từng là một con gấu Svalbard. Nhưng bây giờ không còn nữa. Tôi đã bị đày đi vì tội giết một con gấu khác. Vì thế tôi bị tước mất tước hiệu, tài sản cùng bộ giáp sắt và bị đày đến sống bên kia rìa thế giới của loài người và chiến đấu nếu tìm được người thuê mình làm việc đó, hay những việc làm chân tay và nhấn chìm ký ức của mình trong men rượu.”

“Sao anh lại giết con gấu đó?”

“Vì giận dữ. Có rất nhiều cách để những con gấu trút giận lên nhau, nhưng tôi đã mất kiểm soát. Vì thế tôi đã giết nó và phải trả một cái giá quá đắt.”

“Vậy là anh đã từng có tước vị cao và giàu có,” Lyra nói với giọng tán phục. “Giống hệt cha tôi, Iorek ạ! Mọi chuyện cũng xảy ra với ông ấy như

thế sau khi tôi ra đời. Ông ấy cũng giết ai đó và người ta lấy đi mọi tài sản của ông ấy. Chuyện xảy ra rất lâu trước khi ông ấy trở thành tù nhân ở Svalbard. Tôi không biết chút gì về Svalbard, ngoại trừ nó ở rất xa trên phương Bắc... Có phải nó được bao phủ bởi băng tuyết không? Anh có thể đến được đó băng qua biển băng không?”

“Không phải từ bờ bên này. Đôi khi phía nam nó đóng băng, đôi khi lại không. Cô cần có một cái thuyền.”

“Hay một chiếc khinh khí cầu, có lẽ thế.”

“Hay một chiếc khinh khí cầu, đúng vậy, nhưng phải cần gió thổi đúng chiều nữa.

Nó gặm nhấm chiếc đuôi tuần lộc, và một ý niệm len vào tâm trí Lyra nhắc cô nhớ về những phù thủy trên bầu trời đêm; nhưng cô không nói gì về chuyện đó. Thay vào đó cô hỏi Iorek Byrnison về Svalbard, và háo hức lắng nghe nó kể về những dòng sông băng, những mỏm đá và tảng băng nổi, nơi những con moóc nanh trắng nằm thành từng đàn hàng trăm con hoặc hơn nữa, về những bờ biển đầy hải cẩu, hay kỳ lân biển đập những chiếc nanh vào nhau chan chát trên mặt biển băng; về những bờ biển ẩm ướt lởm chởm đá, những mỏm cao hàng nghìn mét hoặc hơn, nơi những con má núi ngồi trên mỏm đá và nhảy bổ xuống, về những mỏ than và mỏ dầu nơi những con gấu làm thợ rèn đập mỏng những mảnh kim loại và tán chúng thành bộ giáp sắt...

“Nếu người ta đã tước mất bộ giáp của anh, Iorek, vậy anh lấy đâu ra bộ này?”

“Tôi tự làm cho mình tại Nova Zembla bằng kim loại đến từ bầu trời. Cho đến khi tôi làm xong nó, tôi vẫn chưa hoàn thiện.”

“Vậy là những con gấu có thể tự tạo nên linh hồn của mình...” cô nói. Có rất nhiều điều cần biết trên đời. “Ai là Vua của Svalbard thế?” cô tiếp

tục. “Những con gấu có Vua không?”

“Ông ta tên là Iofur Raknison.”

Cái tên này ngân lên một hồi chuông trong tâm trí Lyra. Cô từng nghe thấy nó trước đây, nhưng là ở đâu? Và không phải qua miệng một con gấu, cũng không phải qua lời người Gypsy. Người nhắc đến nó là một Học giả, những kẻ thông thái rơm kiêu ngạo, chắc chắn là được nói tại Học viện Jordan. Cô cố gắng nhớ lại. Ồ, cô rất quen với nó.

Giờ thì cô đã nhớ ra rồi: Phòng nghỉ. Các Học giả đang lắng nghe Ngài Asriel. Chính là Giáo sư Palmerian đã nói gì đó về Iofur Raknison. Ông ta dùng từ panserbjorne mà Lyra không hiểu, và cô không biết Iofur Raknison là một con gấu. Nhưng lúc đó ông ta nói nó thế nào nhỉ? Vua của Svalbard là một kẻ tự phụ và ưa nịnh. Còn có điều gì nữa, giá mà cô nhớ được, nhưng đã có rất nhiều chuyện xảy ra kể từ lúc đó...

“Nếu cha cô là tù nhân của những con gấu Svalbard,” Iorek Byrnison nói, “ông ấy sẽ không trốn thoát được đâu. Ở đó không có khu rừng nào để lấy gỗ đóng thuyền. Mặt khác, nếu ông ta là người cao quý, ông ta sẽ được đối xử xứng đáng. Họ sẽ cho ông ấy một ngôi nhà để ở, người hầu để sai bảo, thực phẩm và chất đốt.”

“Liệu bọn gấu có bao giờ bị đánh bại không Iorek?”

“Không.”

“Hoặc bị lừa, có thể lắm chứ?”

Nó ngừng nhai và nhìn thẳng vào cô. Rồi nó nói. “Cô sẽ không bao giờ lừa được những con gấu mặc giáp. Cô đã nhìn thấy bộ áo giáp sắt, giờ hãy xem những vũ khí của tôi.”

Nó buồn rơi miếng thịt và giơ tay ra, lòng bàn tay ngửa lên cho cô nhìn. Mỗi lòng bàn tay đều được phủ một lớp sừng dày vài centimet, và mỗi móng vuốt ít nhất là dài bằng cả bàn tay Lyra, sắc như dao. Nó để cô vuốt vào chúng với vẻ ngạc nhiên.

“Chỉ cần một cú bộp là nghiền nát đầu một con hải cẩu,” nó nói, “hay làm gãy lưng một người, hay xé đôi một đứa trẻ. Tôi còn có thể cắn nữa. Nếu cô không ngăn cản tôi ở Trollesund, tôi đã bóp nát sọ người đàn ông đó như bóp một quả trứng. Sức mạnh đó quá lớn cho những trò lừa bịp. Cô không thể đánh lừa một con gấu. Cô muốn tôi chứng minh không? Hãy lấy một cây gậy và đấu với tôi.”

Háo hức muốn thử, cô bẻ một cành cây trong bụi cây bám đầy tuyết, bẻ hết những nhánh nhỏ xung quanh và vụt nó vun vút bên này bên kia như một thanh kiếm. Iorek Byrnison ngồi bệt xuống và chờ đợi, tay khoanh trước ngực. Khi đã sẵn sàng đối mặt với nó, cô không muốn đâm nó vì trông nó rất thân thiện. Thế là cô khoa chiếc gậy lên, hươ sang phải rồi sang trái, không định đánh vào người nó, nó vẫn không hề động đậy. Cô làm như thế nhiều lần, và không lần nào nó xê dịch dù chỉ là một phân.

Cuối cùng cô quyết định xiên thẳng vào người nó, không mạnh, nhưng để cái que chọc vào bụng nó. Ngay lập tức nó giơ tay gạt cây gậy sang bên.

Ngạc nhiên quá, cô thử lại lần nữa và kết quả cũng tương tự. Nó chuyển động nhanh nhẹn và chính xác hơn cô rất nhiều. Cô cố gắng đánh lạc hướng nó, cầm chiếc gậy như một thanh kiếm, và chẳng lần nào chạm được vào người con gấu cả. Dường như nó biết cô định làm gì trước khi cô hành động, khi cô chọc vào đầu nó, cái chân to lớn gạt cây gậy sang bên rất nhẹ nhàng, và khi cô dùng đòn nhử, nó không hề động đậy.

Cô tức điên lên, lao cả người vào cuộc tấn công dữ dội, thọc, quật, xia, đâm và chẳng lần nào qua được đôi tay của nó. Chúng vươn ra khắp mọi nơi, đúng lúc để đỡ đòn, đúng vào vị trí có thể chặn đánh.

Cuối cùng cô cảm thấy sợ, và dừng lại. Cô đã toát hết mồ hôi trong lớp áo lông thú, mệt đứt hơi, kiệt sức, còn con gấu vẫn ngồi yên không xê dịch. Nếu cô có một lưỡi gươm sắc thật sự, chắc nó cũng chẳng hề hấn gì.

“Tôi cá là anh có thể bị trúng đạn,” cô nói, rồi ném cây gậy đi. “Làm sao anh có thể làm được như vậy?”

“Bằng cách không phải là con người,” nó nói. “Đó là nguyên nhân tại sao cô không bao giờ có thể lừa một con gấu. Chúng tôi nhìn thấy các trò lừa bịp và dối trá rõ như ban ngày. Chúng tôi có thể nhìn nhận chuyện đó theo một cách loài người đã quên mất. Nhưng cô thì lại biết đấy; cô có thể hiểu được chiếc máy đọc biểu tượng.”

“Cái đó đâu giống nhau, phải không?” cô nói. Giờ thì cô thấy bồn chồn về con gấu còn hơn cả khi cô chứng kiến cơn thịnh nộ của nó nữa.

“Giống nhau đấy,” nó nói. “Người lớn không đọc được chiếc máy đó, theo như tôi biết. Cũng như tôi giỏi hơn những chiến binh là con người, cô cũng giỏi hơn người lớn vì đọc được chiếc máy biểu tượng.”

“Vâng, tôi cho là thế,” cô nói, bối rối và không hài lòng. “Như vậy nghĩa là tôi sẽ quên cách dùng nó khi tôi lớn lên phải không?”

“Ai mà biết được? Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một chiếc máy biểu tượng, hay một người có thể đọc được nó.”

Nó thả rơi người xuống bốn chân và đi nhai khúc thịt của mình. Lyra đã cởi bớt áo choàng lông thú, nhưng giờ trời rất lạnh nên cô phải mặc vào. Dù gì thì cô cũng đang cảm thấy rất bất thoải mái. Cô muốn hỏi ý kiến chiếc Chân-kế ngay bây giờ, nhưng trời quá lạnh, mọi người đang gọi cô vì đã đến lúc phải đi tiếp. Cô cầm lấy chiếc hộp thiếc Iorek đã làm, đặt chiếc hộp trống không trở lại túi quần áo của Farder Coram và đặt chiếc hộp có sinh vật bay do thám vào chiếc túi đeo trên vai cô bên cạnh Chân-kế. Cô thấy vui vì cuộc hành trình lại bắt đầu.

Các lãnh tụ đã đồng ý với Lee Scoresby rằng khi đến điểm dừng chân kế tiếp, họ sẽ bơm căng khinh khí cầu để ông có thể theo dõi từ trên cao. Tất nhiên Lyra rất mong được bay cùng ông, và tất nhiên nó bị cấm; nhưng cô vẫn bám theo ông trên đường đến đó để quấy rầy ông bằng những câu hỏi.

“Ông Scoresby, ông sẽ bay tới Svalbard như thế nào?”

“Cháu cần một chiếc khí cầu điều khiển được và một động cơ chạy bằng khí gas, thứ gì đó như zeppelin, hoặc cách khác là một ngọn gió nam tốt lành. Nhưng chết tiệt, ta chẳng dám thử đâu. Cháu từng đến nơi đó chưa? Một nơi khi ho cò gáy, tòi tàn hoang vu nhất, trống trải nhất và bất tiện nhất trên đời.”

“Cháu chỉ đang thắc mắc, nếu Iorek Byrnison muốn quay lại...”

“Anh ta sẽ bị giết. Iorek đang chịu án đày. Ngay khi anh ta đặt chân lên đó, chúng sẽ xé xác anh ta ra thành từng mảnh.”

“Ông bơm hơi vào khinh khí cầu như thế nào, ông Scoresby?”

“Có hai cách. Ta có thể tạo khí hidro bằng cách bơm axit sulphuric vào bột sắt. Ta thu lấy khí thoát ra và bơm dần vào khinh khí cầu như vậy. Cách còn lại là tìm một cái ống dẫn khí gần một lò đốt than, hoặc lò nung vôi. Ta có thể lấy khí từ lò nung vôi nếu cần, và từ đầu nữa. Việc tạo ra khí gas không khó. Nhưng cách nhanh nhất là dẫn khí từ dưới đất lên. Một đường ống dẫn khí tốt sẽ làm đầy khí cầu trong vòng một giờ.

“Ông có thể chở được mấy người?”

“Sáu, nếu cần.”

“Ông có chở được Iorek Byrnison khi đang mặc bộ áo giáp của anh ấy không?”

“Ta đã từng làm thế rồi. Ta từng một lần cứu anh ta từ trong tay những người Tartar, khi anh ta bị thương và bị bỏ đói — đó là trong chiến dịch Tunguska, rồi ta bay đến và đưa anh ấy đi. Nghe thì có vẻ dễ, nhưng chết tiệt, ta đã phải tính toán trọng lượng của anh chàng to đầu đó dựa trên ước đoán. Rồi ta còn phải hạ xuống để tìm khí gas dưới cái pháo đài bằng băng giá anh ta đã làm. Nhưng từ trên không ta có thể biết ở dưới là loại đất nào, ta đoán đào sâu xuống sẽ không sao. Cháu biết đấy, để hạ xuống ta phải xả khí ra khỏi khí cầu, không thể cất cánh lại nếu không được bơm thêm. Dù thế nào, bọn ta cũng đã xoay sở được, cùng với cả bộ giáp và tất nhiên cả những thứ cần thiết khác.”

“Ông có biết về chuyện người Tartar đục những cái lỗ trên đầu người không?”

“Ồ, dĩ nhiên là ta phải biết chứ. Họ đã làm như vậy hàng nghìn năm nay. Trong chiến dịch Tunguska chúng tôi bắt sống được năm người Tartar và ba người trong đó có lỗ trên đầu, một người có đến hai lỗ.”

“Họ làm như vậy cho nhau sao?”

“Đúng thế. Đầu tiên họ cắt rời ra một khoanh da đầu, như thế họ có thể nhấc phần đó lên để lộ xương sọ. Sau đó họ cắt một vòng tròn xương nhỏ ra khỏi xương sọ, rất cẩn thận để không đâm thủng não, rồi họ khâu mảnh da đầu lại như cũ.”

“Cháu nghĩ họ làm thế với những kẻ thù!”

“Quý thật, không. Đây là một đặc quyền thiêng liêng. Họ làm như vậy để thần linh có thể nói chuyện với họ.”

“Ông từng nghe về một nhà thám hiểm tên là Stanislaus Grumman chưa?”

“Grumman hả? Tất nhiên rồi. Ta gặp một người trong đội thám hiểm của ông ấy khi bay trên sông Yenisei hai năm trước. Ông ấy đang theo đường đó để đến sống giữa các bộ lạc người Tartar. Thực ra, ta nghĩ ông ta đã để người khác đục lỗ trên đầu mình. Đó là một nghi thức trong lễ kết nạp, nhưng người đàn ông nói chuyện với tôi không biết nhiều về chuyện này.”

“Vậy thì... nếu ông ta là một người công dân danh dự của người Tartar, họ sẽ không giết ông ấy phải không?”

“Giết ông ấy ư? Vậy ông ấy chết rồi sao?”

“Vâng, cháu đã nhìn thấy xương sọ của ông ấy,” Lyra nói với giọng tự hào. “Cha cháu đã tìm thấy nó. Cháu nhìn thấy khi ông ấy cho các Học giả xem tại Học viện Jordan ở Oxford. Người ta đã đục lỗ trên đó.”

“Vậy ai đục lỗ trên đó?”

“Thì những người Tartar. Các Học giả nghĩ như vậy... Nhưng cũng có thể không phải.”

“Có thể đó không phải là đầu của Grumman,” Lee Scoresby nói. “Có lẽ cha cháu muốn đánh lạc hướng các học giả.”

“Cháu nghĩ là ông ấy muốn như vậy thật,” Lyra trầm tư nói. “Ông ấy đang muốn yêu cầu họ đưa tiền.”

“Và khi họ trông thấy cái đầu, họ đưa tiền cho ông ấy?”

“Vâng.”

“Một cú lừa ngoạn mục. Người ta sẽ bị sốc khi nhìn thấy một thứ như thế. Họ không muốn nhìn quá kỹ càng.”

“Đặc biệt là các Học giả,” Lyra nói.

“Chà, coi bộ cháu còn biết nhiều hơn ta. Nhưng nếu đó đúng là đầu Grumman, ta đoán không phải những người Tartar đã đục lỗ trên đó. Họ không đục lỗ trên đầu kẻ thù, không phải họ, còn ông ấy chỉ là con nuôi của người Tartar.”

Lyra suy nghĩ lại chuyện này khi họ đi tiếp. Những dòng ý nghĩ hỗn độn đang quay cuồng quanh cô: bọn Gà trống tây và sự độc ác của chúng, nỗi e sợ của chúng về Bụi, thành phố hiện lên trong hiện tượng cực quang, cha cô ở Svalbard, mẹ cô... Bà ấy đang ở đâu? Chiếc Chân-kế, các phù thủy bay về hướng bắc. Tony Makarios bé nhỏ đáng thương, và thứ sinh vật bay do thám, khả năng tự vệ kỳ lạ của Iorek Byrnison...

Rồi cô chìm vào giấc ngủ. Mỗi giờ qua đi họ càng đến gần Bolvangar hơn.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 14: Phần 1

Việc những người Gypsy không nghe thấy bất cứ tin tức gì về bà Coulter khiến Farder Coram và John Faa lo lắng hơn nhiều so với mức họ để lộ ra cho Lyra thấy. Nhưng họ không biết là chính cô cũng rất lo lắng. Lyra sợ bà Coulter và thường xuyên nghĩ đến bà. Trong khi Ngài Asriel giờ đã được coi là “cha” thì bà Coulter chưa bao giờ trở thành “mẹ.” Nguyên nhân cho việc đó là do con nhân tinh của bà, con khỉ vàng, đã khiến Pantalaimon vô cùng ghê sợ vì đã lục lọi những bí mật của cô, đặc biệt là bí mật về Chân-kế.

Và họ đang đuổi theo cô; thật ngớ ngẩn nếu nghĩ khác. Sinh vật bay do thám đã minh chứng cho điều này.

Những khi kẻ thù thực sự tấn công, đó lại không phải là bà Coulter. Những người Gypsy đã dự định dừng chân để lữ chó nghỉ ngơi, sửa chữa mấy chiếc xe trượt và chuẩn bị vũ khí sẵn sàng cho một cuộc tiến công vào Bolvangar. John Faa hy vọng Lee Scoresby có thể tìm thấy khí gas trong lòng đất để bơm vào quả khí cầu (vì lúc này ông có hai quả) và bay lên thám thính trước. Nhưng người lái khinh khí cầu quan sát thời tiết tỉ mỉ như một thủy thủ, rồi ông nói trời sắp có sương mù; và quả thật vậy, ngay khi họ vừa dừng lại, sương mù dày đặc đã bao trùm mọi thứ. Lee Scoresby biết ông sẽ chẳng nhìn thấy gì từ trên cao, vì thế ông đành tự hài lòng với việc kiểm tra lại các dụng cụ của mình, dù nó đã được sắp xếp rất cẩn thận.

Thế rồi, không có một dấu hiệu nào báo trước, một loạt tên bay đến từ bóng tối.

Ba người đàn ông Gypsy ngã xuống tức thì, và chết lặng lẽ đến mức không ai nghe thấy. Chỉ đến khi họ ngã vật xuống chiếc xe kéo, những người ở gần nhất mới phát hiện điều đang diễn ra. Nhưng đến lúc đó thì đã quá muộn, vì những mũi tên khác đã bay đến nhằm vào họ. Một số người ngẩng lên, bối rối trước âm thanh những mũi tên bay vun vút cắm vào gỗ hay vải dầu đông cứng.

Người đầu tiên tỉnh trí lại là John Faa, ông hét to mệnh lệnh từ giữa đoàn người. Những bàn tay lạnh cóng và những đôi chân tê cứng chuyển động làm theo lệnh trong khi loạt tên khác vẫn lao tới như mưa, những hạt mưa mang mầm chết chóc.

Lyra đang ở ngoài, những mũi tên bay vù vù trên đầu cô. Pantalaimon nghe thấy tiếng động trước cô, liền biến thành một con báo và đẩy cô ngã xuống, thu nhỏ mục tiêu nhằm vào cô. Vừa phúi tuyết khỏi mắt, cô vừa lăn qua lăn lại để gắng xem chuyện gì đang xảy ra, vì màn không khí tranh tối tranh sáng dường như bị nhấn chìm trong náo loạn âm ỉ. Cô nghe thấy một tiếng gầm sấm dội, tiếng lanh canh và loảng xoảng từ bộ áo giáp sắt của Iorek Byrnison khi nó nhảy qua những chiếc xe trượt vào trong màn sương, tiếp theo đó là những tiếng gào thét, gầm gừ, tiếng nhai nuốt và cào xé, những cú đòn ghê gớm, những tiếng thét hoảng hốt và tiếng gầm vang cuồn cuộn khi nó đi qua.

Nhưng chúng là ai? Lyra vẫn chưa nhìn thấy bóng một kẻ thù nào. Những người Gypsy đang tụ lại để bảo vệ những chiếc xe, nhưng đến cả Lyra cũng có thể nhận thấy như thế càng khiến họ dễ dàng thành mục tiêu hơn. Những khẩu súng trường quả thật không dễ khai hỏa bằng đôi tay đeo găng hay bao tay. Cô chỉ nghe bốn hay năm phát súng chống lại những cơn mưa tên vẫn đang ào ào trút xuống. Mỗi phút trôi qua lại có thêm người ngã xuống.

Ôi, John Faa! Cô đau đớn nghĩ. Ông đã không lường trước được chuyện này, cháu đã không giúp được ông.

Nhưng cô không có thêm một giây để suy nghĩ, vì Pantalaimon gào lên dữ dội, và cái gì đó, một con nhân tinh khác, lao vào nó, vạt nó xuống, làm chính Lyra cũng bị hút hơi, rồi một bàn tay kéo giật lấy cô, nhấc cô lên, bịt miệng không cho cô hét bằng đôi găng tay hôi hám, rồi cô xềnh xệch vào một cánh tay khác, cánh tay này lại đẩy cô giúi xuống nền tuyết, vì thế cô cảm thấy chóng mặt, nghẹn thở và đau đớn khắp người. Cánh tay cô bị kéo giật về phía sau cho đến khi hai vai kêu răng rắc, ai đó trói hai cổ tay cô lại, rồi một chiếc mũ chụp qua đầu cô để không cho cô gào thét, vì cô đang hét lên, hết sức dữ dội.

“Iorek! Iorek Byrnison! Cứu tôi!”

Nhưng không biết nó có nghe thấy không? Cô không thể biết chắc. Cô bị lôi đi, lê trên bề mặt cứng ngắt và sau đó bắt đầu tròn trành và xóc nảy như một chiếc xe kéo. Những âm thanh vang đến tai cô thật dữ dội và hỗn loạn. Có lẽ cô đã nghe thấy tiếng gầm của Iorek Byrnison, nhưng đã ở rất xa, rồi sau đó cô bị nảy bật lên vì nền đất gồ ghề, hai cánh tay bị trói quặt, miệng bịt kín, khóc nức nở vì giận dữ và sợ hãi. Những giọng nói lạ lùng vang lên xung quanh cô.

“Pan...”

“Mình ở đây, suýt, mình sẽ giúp cậu thở. Cứ nằm im nhé...”

Những chiếc móng chân chuột của nó kéo mạnh chiếc mũ chụp cho đến khi miệng cô không bị bịt kín nữa. Cô hít lấy hít để không khí giá lạnh.

“Chúng là ai vậy?” Cô thì thầm.

“Trông chúng giống người Tartar. Mình nghĩ chúng đã hạ John Faa.”

“Không!”

“Mình thấy ông ấy ngã xuống. Nhưng ông ấy phải chuẩn bị sẵn sàng cho kiểu tấn công này chứ. Tội mình biết là vậy mà.”

“Nhưng đáng lý tội mình phải giúp ông ấy! Tội mình lẽ ra phải theo dõi chiếc Chân-kế thường xuyên!”

“Im nào. Hãy làm bộ như đang ngủ.”

Có tiếng roi vút lên và tiếng hú của lũ chó kéo. Từ mức độ xóc cô đang phải chịu, Lyra có thể biết họ đang đi nhanh đến mức nào, và dù đã căng tai nghe ngóng âm thanh của trận chiến, tất cả những gì cô nghe được là tiếng những loạt đạn bị bóp nghẹt bởi khoảng cách, và rồi tiếng lóc cóc, tiếng giục giã và tiếng bước chân chó chạy trên nền tuyết là toàn bộ những gì có thể nghe được.

“Chúng sẽ giao tội mình cho bọn Gà trống tây,” cô thều thào.

Cụm từ bị chia cắt hiện lên trong tâm trí cô. Sự hãi hùng ghê gớm xâm chiếm cô, Pantalaimon nép sát vào bên cạnh.

“Mình sẽ chiến đấu,” nó nói.

“Mình cũng thế. Mình sẽ giết chúng.”

“Iorek Byrnison cũng sẽ làm thế khi anh ấy tìm thấy tội mình. Anh ấy sẽ nghiền nát chúng ra.”

“Mình còn cách Bolvangar bao xa?”

Pan không biết, nhưng họ đoán chắc là còn một ngày đi xe trượt nữa. Sau khi đã đi lâu tới mức cơ thể cô mỏi rã rời, chiếc xe chậm lại một chút, và ai đó kéo giật chiếc mũ trùm đầu của cô ra một cách thô bạo.

Cô nhìn lên khuôn mặt Châu Á to bè dưới chiếc mũ trùm bằng lông chồn gu-lô được chiếu sáng bằng một ngọn đèn leo lét. Đôi mắt đen của hắn lóe

lên cái nhìn hài lòng, đặc biệt khi Pantalaimon trượt khỏi tấm áo choàng của Lyra và nhe hàm răng chồn ecmin khi rút lên. Con nhân tinh của gã, một con chồn gu-lô to lớn, găm trở lại, nhưng Pantalaimon chẳng hề lung lay.

Gã ta dựng Lyra lên và cho đứng nghiêng về một bên xe kéo, nhưng cô cứ ngã giúi giúi sang một bên vì hai tay vẫn bị trói quặt phía sau. Vì thế hã trói chân cô lại và cởi trói tay.

Qua làn tuyết đang rơi và làn sương mù dày đặc, cô nhìn thấy gã, và cả tay đánh xe nữa, khỏe mạnh đến chừng nào. Họ đứng thẳng bằng trên xe rất điệu nghệ và quen thuộc với vùng đất này, khác hã những người Gypsy.

Gã bắt đầu lên tiếng, nhưng tất nhiên cô chẳng hiểu gì. Hã thử thử tiếng khác với kết quả tương tự. Rồi hã thử sang tiếng Anh.

“Tên mày?”

Pantalaimon xù lông lên cảnh giác, cô lập tức hiểu ngay ý nó. Vậy là những người này không biết cô là ai! Không phải họ bắt cóc cô vì có quan hệ với bà Coulter, vì thế có thể chúng không hề được bọn Gà trống tây trả tiền để làm việc này.

“Lizzie Brooks,” cô trả lời.

“Lizzie Broogs,” hã nói theo cô nhưng phát âm sai, “chúng tao sẽ đưa mày đến một nơi rất đẹp. Những con người tốt bụng.”

“Các ông là ai?”

“Người Samoyed. Những kẻ đi săn.”

“Một nơi rất đẹp. Những người tốt. Mày có panserbjorne đúng không?”

“Để bảo vệ.”

“Không ăn thua! Ha ha, giấu thì làm được gì! Dù sao chúng tao cũng đã tóm được mày!”

Hắn cười hô hố, Lyra cố ghìm nén, không nói lời nào.

“Những tên đó là ai?” Gã ta hỏi và chỉ về phía họ đã đi qua.

“Lái buôn.”

“Lái buôn... Buôn gì?”

“Lông thú, rượu mạnh,” cô nói. “Lá thuốc.”

“Họ bán lá thuốc, mua lông thú?”

“Phải.”

Hắn nói gì đó với tay đi cùng, tay này trả lời vẫn tắt lại. Suốt thời gian chiếc xe lăn bánh, Lyra cố kiểm soát chân lên cho thoải mái để nhìn xem họ đang đi đâu, nhưng tuyết rơi rất dày, bầu trời tối mịt, còn cô đã quá lạnh để có thể nhìn ra ngoài lâu hơn. Cô ngồi xuống. Cô và Pantalaimon có thể cảm nhận suy nghĩ của nhau và cố gắng giữ bình tĩnh, nhưng ý nghĩ John Faa đã chết cứ hiện lên trong tâm trí cô... Rồi điều gì đã xảy ra với Farder Coram? Liệu Iorek Byrnison có thể giết được bọn người Samoyed kia? Phải chăng họ đang cố lần theo dấu vết của cô?

Lần đầu tiên, cô bắt đầu cảm thấy lo lắng cho số phận của chính mình.

Sau một khoảng thời gian dài, người đàn ông lay vai cô và đưa cho cô một rẻo thịt tuần lộc khô để nhai. Nó rất khét và dai, nhưng cô đang đói và nó cũng có chất. Nhai xong cô cảm thấy khá hơn một chút. Cô luồn tay vào chiếc áo lông thú để chắc chắn chiếc Chân-kế vẫn còn rồi cẩn thận rút chiếc hộp đựng sinh vật bay do thám ra luồn nó vào chiếc ủng lông thú.

Pantalaïmon biến thành một con chuột và luồn vào ẩn chiếc hộp sâu hết mức có thể, giấu nó dưới đôi tất làm bằng da tuần lộc của cô.

Xong xuôi, cô nhắm nghiền mắt lại. Sợ hãi làm cô kiệt sức, và rất mau chóng cô mệt mỏi chìm vào giấc ngủ.

Cô tỉnh dậy khi chuyển động của chiếc xe thay đổi. Nó đột ngột đi rất êm, và khi cô mở mắt, những tia sát làm cô bị chói, đến nỗi cô phải kéo chiếc mũ chụp sâu xuống trước khi lại nhìn ra. Cô lạnh và tê cứng nhưng vẫn cố gắng ngẩng lên nhìn thấy chiếc xe đang chạy băng băng giữa hai hàng cột cao, mỗi cột có một cây đèn anbaric. Họ đi qua một cánh cổng sắt mở phía cuối con đường, vào một chỗ trống giống như một khu chợ không có người hay một đấu trường thể thao hoặc trò gì đó. Nó bằng phẳng, nhẵn nhụi, màu trắng, bề ngang khoảng trăm mét. Viên xung quanh là hàng rào kim loại cao nhông.

Chạy đến cuối đầu trước chiếc xe dừng lại. Họ đang ở ngoài một tòa nhà thấp, hay một dãy nhà thấp, tuyết phủ dày. Rất khó nói chính xác, nhưng cô có ấn tượng bên dưới là những đường hầm nối các phần của dãy nhà lại với nhau, những đường hầm ẩn trong nền tuyết. Cạnh đó là một cây cột kim loại to trông rất quen, nhưng cô không thể nhớ được nó gọi cho cô về cái gì.

Trước khi cô kịp nhìn thêm, người đàn ông trong xe kéo đã cắt vòng dây cuốn quanh cổ chân và kéo cô thô bạo trong khi tên đánh xe quát đàn chó đứng yên. Một cánh cửa mở ra từ ngôi nhà cách đó mấy mét, và một chiếc đèn anbaric xuất hiện ở trên đầu, dùng đưa qua lại để tìm kiếm bọn họ, như một ngọn đèn pha.

Kẻ bắt cóc Lyra đẩy mạnh cô về phía trước như để khoe một chiến tích, nhưng không thả ra, và nói gì đó. Bóng người mặc áo khoác lụa chần bông trả lời cũng bằng cùng thứ ngôn ngữ, và Lyra nhìn thấy người đó. Ông ta

không phải người Samoyed hay Tartar. Trông ông ta giống một Học giả Jordan vậy. Ông ta nhìn cô, đặc biệt nhìn chăm chú vào Pantalaimon.

Gã Samoyed lại lên tiếng, và người đàn ông Bolvangar nói với Lyra.

“Cháu có nói tiếng Anh không?”

“Có,” cô trả lời.

“Con nhân tinh của cháu luôn trong hình dạng đó à?”

Đây quả là một câu hỏi không lường trước được. Lyra chỉ có thể há hốc nhìn. Nhưng Pantalaimon đã trả lời theo phong cách của riêng nó bằng cách biến thành một con chim ưng và lao mình từ vai cô sang con nhân tinh voi ma mút to lớn của ông ta, con voi vung vòi lên đập vào người Pantalaimon khi nó tung cánh bay lên.

“Thấy rồi,” người đàn ông nói với giọng hài lòng khi Pantalaimon bay về đậu trên vai Lyra.

Gã Samoyed đang nhìn với ánh mắt chờ đợi, người đàn ông ở Bolvangar gạt đầu và rút bao tay ra để lần vào túi áo. Ông ta lấy ra một chiếc túi có dây rút đếm mười hai đồng tiền lớn đặt vào tay người đi săn.

Hai người đàn ông kiểm tra lại số tiền, xếp chúng lại cẩn thận, mỗi người lấy một nửa. Không thèm nhìn lại, chúng lên xe, tay đánh xe vung roi và hét lên với những con chó qua trường đấu rộng lớn màu trắng và ra đến con đường có những cột đèn, tăng tốc cho đến khi biến mất trong bóng tối.

Người đàn ông mở lại cánh cửa.

“Vào đây nhanh,” ông ta nói. “Trong này ấm áp và thoải mái. Đừng đứng ngoài trời lạnh. Tên cháu là gì?”

Chất giọng cho thấy ông ta là người Anh, ông ta nói mà không nhấn trọng âm. Giọng ông phát ra giống một người nào đó cô đã gặp ở chỗ bà Coulter: lịch sự, học thức và quan trọng.

“Lizzie Brooks,” cô nói.

“Vào đi, Lizzie. Ở đây cháu sẽ được chăm sóc, không cần phải lo.”

Ông ta còn lạnh hơn cả cô, dù cô đã ở ngoài trời lâu hơn khối thời gian. Ông ta sốt ruột muốn được sưởi ấm. Cô quyết định giả bộ chậm chạp, dần dần và khó bảo, kéo lê chân qua ngưỡng cửa cao để bước vào tòa nhà.

Có hai cánh cửa và một không gian rộng rãi giữa chúng nên hơi ẩm không bị thoát nhiều ra ngoài. Khi họ đi qua cánh cửa bên trong, Lyra cảm thấy ngột ngạt trong hơi nóng dường như không thể chịu nổi. Cô phải mở khuy chiếc áo khoác lông thú và lật chiếc mũ trùm đầu ra sau.

Họ đang ở một nơi rộng khoảng tám mét vuông, với những hành lang bên trái, bên phải và phía trước có một chiếc bàn theo kiểu tiếp tân trong bệnh viện. Mọi thứ đều được chiếu sáng rực rỡ với những tia sáng ánh lên từ bề mặt trắng bóng và thép không gỉ. Có mùi thức ăn trong không khí, những đồ ăn quen thuộc, thịt nguội và cà phê, ẩn sau đó là mùi thuốc ở bệnh viện khiến người ta cảm thấy chóng mặt. Vang lên từ những bức tường xung quanh là những thanh âm rì rầm, gần như rất nhỏ khó thể nghe thấy, loại âm thanh người ta phải tập cho quen nếu không muốn phát điên.

Pantalaimon đứng sát bên tai cô, nó đã biến thành chim kim tước và thì thầm. “Hãy giả bộ ngớ ngẩn, dần dần. Phải tỏ ra thật chậm chạp, ngây ngô.”

Những người lớn đang nhìn xuống cô: người đàn ông dẫn cô vào, một người khác mặc áo khoác trắng, một người phụ nữ diện đồng phục y sĩ.

“Người Anh,” người đàn ông đầu tiên nói. “Lái buôn, hình như thế.”

“Vẫn bọn đi săn cũ? Vẫn câu chuyện thường lệ?”

“Cùng bộ tộc đó thôi, tôi chỉ có thể nói vậy. Y tá Clara, cô trông nom cô bé được chứ?”

“Tất nhiên, thưa bác sĩ. Đi với ta nào, cô bé.” Người y tá nói, Lyra ngoan ngoãn theo sau.

Họ đi dọc một hành lang ngắn với những cánh cửa bên tay phải và một phòng ăn bên trái, từ đó vọng ra tiếng dao nĩa lanh canh, những giọng nói, và nhiều mùi thức ăn khác nữa. Người y tá cũng tầm tuổi bà Coulter, Lyra phỏng đoán, người bà ta tỏa ra mùi xà phòng, nhanh nhẹn và gọn gàng, bà ta có thể băng bó vết thương hay thay băng nhưng chẳng bao giờ biết kể chuyện cho trẻ con nghe. Nhân tình của bà ta (trong một lúc thật kỳ lạ Lyra cảm thấy ớn lạnh khi nhìn nó) là một con chó trắng (và một lúc sau cô lại thắc mắc không hiểu sao nó lại làm cô ớn lạnh).

“Tên cháu là gì, cưng?” Người y tá hỏi, mở một cánh cửa nặng nề ra.

“Lizzie.”

“Chỉ mỗi Lizzie thôi?”

“Lizzie Brooks.”

“Cháu bao nhiêu tuổi?”

“Mười một.”

Lyra thường nghe mọi người nói cô trông nhỏ hơn so với tuổi, bất kể điều đó có nghĩa là gì. Nó chẳng bao giờ khiến cô phải chú trọng đến, nhưng giờ cô nhận ra mình có thể tận dụng để biến Lizzie trở thành một cô bé nhút nhát, lo lắng và mờ nhạt.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 14: Phần 2

Cô đã nửa trông chờ câu hỏi cô từ đâu đến, đi bằng gì, và đã chuẩn bị câu trả lời; mà nếu vị y tá có thiếu trí tưởng tượng, vẫn còn có tính tò mò của con người. Bolvangar có lẽ nằm ở những vùng ngoại ô London, và bọn trẻ có lẽ vẫn đi lại suốt, đó là tất cả những gì mà y tá Clara tỏ ra bận tâm. Con nhện tinh bé nhỏ của bà chạy tung tăng bên chân, cũng nhanh nhẩu và rỗng tuếch giống chủ.

Căn phòng họ đi vào có một chiếc ghế dài, một chiếc bàn, hai chiếc ghế tựa, một chiếc tủ nhiều ngăn, một tủ búp phê đựng thuốc, bông băng và một chiếc chậu rửa mặt. Ngay khi họ đi vào phòng, người y tá cởi chiếc khoác ngoài của Lyra, vứt nó lên sàn nhà sáng bóng.

“Thay đồ và nghỉ ngơi một chút đi cưng,” bà ta nói. “Chúng ta sẽ săn sóc một chút để cháu tươi tắn và khỏe mạnh, không tê cóng lẫn sổ mũi, rồi sẽ tìm một ít quần áo sạch đẹp. Còn có cả tắm vòi sen.” Bà nói thêm, vì Lyra đã không thay trang phục hay tắm táp trong nhiều ngày liền, và trong hơi ẩm đang tràn ngập xung quanh này, điều đó càng lúc càng trở nên hiển nhiên hơn.

Pantalaimon đập cánh lia lịa để phản đối, nhưng Lyra dẹp yên nó bằng một cái quắc mắt. Nó đứng trên chiếc ghế dài trong khi từng chiếc mảnh áo quần của Lyra được cởi ra, trước sự ăm ức và ngượng ngùng của cô. Nhưng cô vẫn ý thức được để che đậy nó lại, thể hiện ra là mình ngờ nghệch và biết nghe lời.

“Cả dải rút đựng tiền này nữa, Lizzie.” Bà y tá nói rồi từ mình cởi nó ra với những ngón tay rất khỏe. Bà ta định thả nó xuống sàn nhà cùng đám

quần áo, nhưng dừng lại khi chạm trúng với cạnh gờ của Chân-kế.

“Cái gì thế này?” Bà ta hỏi và cười tấm bọc ra.

“Chỉ là một loại đồ chơi,” Lyra nói. “Của cháu đấy ạ.”

“Được rồi, chúng ta sẽ không lấy của cháu đi đâu, cưng,” y tá Clair nói, nhìn vào chiếc máy. “Nó thật là đẹp, phải không, trông như một cái la bàn. Giờ ta sẽ vào tắm cho cháu.” bà tiếp tục, đặt chiếc Chân-kế xuống và gạt qua tấm màn nhung xám đen ở góc phòng.

Lyra ngần ngại ngâm mình xuống làn nước ấm và tự xát xà phòng trong khi Pantalaimon đậu trên chiếc trục màn che. Cả hai đều nhận thức rõ nó không được quá hiệu động, vì nhân tình của những người ngu ngơ cũng ngu ngơ như thế. Khi cô đã tắm và lau khô người xong, bà y tá một đo nhiệt độ cho cô, khám mắt, tai, cổ họng, và đo chiều cao, rồi đặt cô lên cân trước khi ghi chép vào một chiếc bảng kẹp. Sau đó bà đưa cho Lyra quần áo mặc trong nhà và áo khoác. Chúng rất thơm tất, chất lượng tốt, giống chiếc áo khoác của Tony Makarios, nhưng vẫn là có hơi hướng của quần áo đã dùng qua rồi. Lyra cảm thấy rất khó chịu.

“Đây không phải quần áo của cháu,” cô nói.

“Đúng vậy, cưng à. Quần áo của cháu cần được mang đi giặt thật sạch.”

“Thế cháu sẽ được nhận lại quần áo của mình chứ?”

“Cô cho là thế. Tất nhiên là có rồi.”

“Nơi này là đâu?”

“Nó được được gọi là Trạm thử nghiệm.”

Đó không phải là một câu trả lời. Và nếu mà cô là Lyra thì cô sẽ chỉ ra điều đó, và hỏi thêm thông tin, nhưng cô không nghĩ Lizzie sẽ làm thế. Cho

nên cô cứ lẳng lặng nghe theo và không hỏi thêm nữa.

“Cháu muốn lấy lại đồ chơi của cháu,” cô nói với vẻ ngang ngạnh trong lúc bà y tá đang thay quần áo cho mình.

“Cầm đi, cưng,” bà nói. “Cháu tốt hơn là nên có một con gấu bông xinh xắn chẳng? Hay một con búp bê đẹp để cũng được?”

Bà ta mở một ngăn kéo trong đó những đồ chơi bằng vải nằm im lìm. Lyra cố đứng và giả bộ chọn lựa một lúc trước khi nhặt một con búp bê nhồi vải bị thiếu mất một mắt. Cô chưa từng có con búp bê nào, nhưng cô biết phải làm gì với nó, cô áp chặt nó vào ngực.

“Thế còn cái túi dải rút để tiền của cháu thì sao?” cô hỏi. “Cháu muốn cất đồ chơi vô đó.”

“Vậy cháu lấy lại đi, cưng,” y tá Clara nói, điền thông tin vào một tờ giấy màu hồng.

Lyra kéo bộ quần áo mặc trong nhà lạ lẫm lên và thắt chiếc túi may bằng vải dầu quanh bụng.

“Thế còn áo khoác và ủng của cháu?” cô hỏi, “bao tay và những thứ khác nữa?”

“Chúng ta sẽ giặt sạch nó cho cháu,” bà y tá trả lời như một cái máy.

Có tiếng chuông điện thoại reo lên, và trong khi bà trả lời, Lyra cúi rạp xuống mò tìm chiếc hộp thiếc khác, chiếc hộp chứa sinh vật do thám bay, rồi để nó vào chiếc túi cùng chỗ với Chân-kế.

“Đi thôi, Lizzie,” bà nói, đặt ống nghe xuống. “Chúng ta sẽ đi tìm thứ gì đó cho cháu ăn, ta đoán cháu đã đói rồi.”

Cô đi theo y tá Clara đến phòng ăn, trong đó có mười hai chiếc bàn tròn màu trắng. Đĩa và dao bần được xếp vào một chiếc xe đẩy. Không có cửa sổ, vì thế để tạo cảm giác có ánh sáng và không gian, trên tường treo một bức ảnh chụp rất lớn cảnh bãi biển nhiệt đới, với bầu trời xanh rạng rỡ, cát trắng và những cây cọ dừa.

Người đàn ông dẫn cô vào đang lấy một chiếc khay từ chỗ quầy phục vụ.

“Ăn đi,” ông ta nói.

Không việc gì phải để mình chết đói, vì thế cô ăn món thịt hầm và khoai tây nghiền cùng gia vị. Có một bát đào đóng hộp và kem để ăn sau đó. Trong khi cô ăn, người đàn ông và bà y tá trao đổi nhanh với nhau ở một chiếc bàn khác. Đợi cho cô ăn nhanh xong, bà y tá mang đến cho cô một cốc sữa nóng rồi mang chiếc khay đi.

Người đàn ông đến ngồi đối diện với cô. Con nhân tinh của ông ta, con mác-mốt (marmot), không bằng nhặng và rỗng tuếch như con chó của bà y tá ngồi từ tốn trên vai chủ, quan sát và lắng nghe.

“Sao rồi, Lizzie,” ông nói. “Cháu đã ăn no chưa?”

“Rồi ạ, cảm ơn ông.”

“Ta muốn cháu nói cho ta biết cháu đến từ đâu. Cháu chịu không?”

“London,” cô nói.

“Cháu làm gì ở tí trên phía bắc xa xôi này?”

“Cháu đi với cha cháu,” cô lúng búng. Cô cụp mắt xuống, tránh cái nhìn của con mác-mốt và cố giả vờ là mình sắp khóc đến nơi.

“Với cha cháu à? Ta hiểu rồi. Vậy ông ấy làm gì ở tận đây?”

“Buôn bán ạ. Nhà cháu đi với một lô hàng lá thuốc từ Tân Đan Mạch và sẽ thu mua lại lông thú.”

“Cha cháu đi một mình thôi à?”

“Không. Còn có các chú của cháu và những người khác nữa,” cô nói lơ đãng, không biết rằng người thợ săn Samoyed đã kể cho ông ta nghe.

“Tại sao ông ấy đưa cháu đi cùng trong một chuyến đi như thế này, Lizzie?”

“Vì hai năm trước cha đã cho anh cháu đi cùng và nói lần sau sẽ đến lượt cháu, nhưng cứ lần lữa mãi. Tại cháu cứ liên tục nhắc lại cho nên lần này cha đã chịu cho cháu theo.”

“Thế cháu nhiều tuổi rồi?”

“Mười một.”

“Tốt lắm, tốt lắm, Lyra, cháu là một cô bé may mắn đấy. Những người đi săn tìm được cháu đã đưa cháu đến nơi tốt nhất cháu có thể đến rồi đấy.”

“Không phải họ tìm được cháu. Có một trận đánh nhau. Họ có rất nhiều người và mang cả cung tên...”

“Ồ, ta không nghĩ thế đâu. Ta nghĩ chắc cháu đã đi xa khỏi cả đoàn của cha cháu rồi bị lạc đường. Những người thợ săn đó tìm thấy cháu đang chỉ có một mình và mang cháu thẳng tới đây. Chuyện là thế đấy, Lizzie ạ.”

“Cháu nhìn thấy có một trận chiến,” cô nói. “Họ bắn tên và thế là... Cháu muốn gặp cha cháu,” cô nói to hơn bắt đầu khóc.

“Được rồi, cháu sẽ an toàn ở đây đến khi cha cháu đến,” ông bác sĩ nói.

“Nhưng cháu đã nhìn thấy họ bắn tên!”

“À, cháu nghĩ vậy thôi. Chuyện này thường xảy ra trong thời tiết quá lạnh giá, Lizzie ạ. Cháu ngủ thiếp đi và gặp ác mộng nên không nhớ rõ đâu thật đâu mơ. Cháu đừng lo, đó không phải là một trận chiến. Cha cháu vẫn an toàn khỏe mạnh và đang tìm cháu. Ông ấy sẽ đến đây sớm thôi, vì đây là tòa nhà duy nhất trong vùng này, cháu thấy đấy, ông ấy sẽ ngạc nhiên đến thế nào khi tìm thấy cháu an toàn và lành lặn tại đây! Giờ y tá Clara sẽ đưa cháu về ký túc xá, ở đó cháu sẽ gặp những cô bé và cậu bé khác bị lạc nơi hoang vắng giống như cháu. Cháu đi đi nhé. Chúng ta sẽ nói chuyện với nhau thêm vào sáng mai.”

Lyra đứng lên, ôm chặt con búp bê, và Pantalaimon đứng trên vai cô khi người y tá mở cửa dẫn họ ra ngoài.

Lại thêm những dãy hành lang khác, giờ thì Lyra đã thấm mệt và muốn ngủ nên cô cứ ngáp dài, khó lòng nhắc nổi chân trên đôi dép đi trong nhà người ta đưa cho cô. Pantalaimon đang gục xuống, nó phải biến thành một con chuột và nằm trong túi áo khoác của cô. Lyra có ấn tượng về những dãy giường, những khuôn mặt trẻ con, một chiếc gối, và sau đó cô chìm vào giấc ngủ.

Có ai đó đang lay lay cô. Điều đầu tiên cô làm là lần lên hông. Cả hai thứ vẫn còn nguyên, vẫn an toàn, vì thế cô cố gắng nâng mắt, nhưng thật khó làm sao. Cô chưa bao giờ thấy buồn ngủ đến thế.

“Dậy đi! Dậy đi!”

Đó là một tiếng thì thầm hơn là tiếng gọi. Với một nỗ lực ghê gớm, như thể vác một tảng đá leo lên dốc, Lyra bắt mình phải tỉnh dậy.

Trong ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn vãn rất nhỏ treo ở cửa sổ nhìn thấy ba cô bé nữa đang vây quanh mình. Vẫn còn đang lơ mơ nhìn chúng vì mắt

cô tập trung rất chậm, nhưng có vẻ chúng cùng độ tuổi với cô, và nói tiếng Anh.

“Bạn ấy tỉnh lại rồi.”

“Bọn họ đã cho nó uống thuốc ngủ. Chắc là...”

“Tên cậu là gì?”

“Lizzie,” Lyra âm ừ.

“Có cả một đoàn trẻ con nữa vừa đến phải không?” Một trong số các cô bé hỏi.

“Không biết. Chỉ mỗi mình thôi.”

“Vậy họ đưa cậu đến từ đâu?”

Lyra cố gắng ngồi dậy. Cô không nhớ là mình đã uống thuốc ngủ, nhưng có thể có gì đó trong cốc sữa cô đã uống. Đầu cô quay cuồng và phía dưới mắt đau giần giật.

“Đây là đâu?”

“Chẳng đâu cả. Họ không chịu nói cho tụi mình biết.”

“Thường thì mỗi lần họ không chỉ đưa đến một đứa bé...”

“Họ làm gì ở đây?” Lyra gắng hỏi, gom góp lại suy nghĩ trong khi Pantalaimon cũng đang cố tỉnh táo lại.

“Chúng mình cũng không biết,” cô bé này giờ hỏi nhiều nhất lên tiếng. Cô bé có dáng người cao, tóc đỏ, điệu bộ láu táu và giọng London rất nặng. “Họ đo đạc trên người tụi mình và làm các bài kiểm tra và...”

“Họ đo Bụi,” một cô bé khác trông thân thiện, tròn trĩnh và có mái tóc màu tối nói.

“Cậu không biết đâu,” cô bé đầu tiên nói.

“Họ làm chuyện đó đấy,” cô bé thứ ba lên tiếng, một cô bé vẻ mặt nhường nhịn đang vuốt ve con nhân tinh nhỏ. “Mình nghe họ nói chuyện với nhau như vậy.”

“Rồi họ đưa chúng mình đi từng người từng người một và đó là tất cả những gì mình biết. Chẳng có ai quay trở lại cả,” cô bé tóc đỏ nói.

“Đúng rồi, có một cậu bé ở đây,” cô bé mũm mĩm tiếp. “Cậu ấy đoán...”

“Khoan hãy kể cho bạn ấy nghe!” cô bé tóc đỏ ngắt lời. “Chưa tới lúc.”

“Còn có các bạn nam ở đây nữa à?” Lyra hỏi.

“Có. Chúng mình ở đây có rất nhiều người. Khoảng ba mươi, đoán thế.”

“Nhiều hơn đấy,” cô bé mũm mĩm nói, “khoảng bốn mươi.”

“Họ liên tục đưa bọn mình đi,” cô tóc đỏ nói. “Họ thường bắt đầu bằng cách đưa tất cả đến đây, có rất nhiều bạn như bọn mình, và rồi từng người từng người biến mất.”

“Họ là bọn Gà trống tây đấy,” cô bé mũm mĩm nói. “Cậu biết bọn Gà trống tây không? Tất cả bọn mình đều sợ chúng cho đến khi bị chúng bắt...”

Lyra dần minh mẫn lại. Những nhân tinh của các cô bé, ngoại trừ con nhỏ đang tụm lại với nhau ở gần cửa nghe ngóng, không ai nói to hơn mức thì thầm. Lyra hỏi tên mọi người. Cô bé tóc đỏ tên là Annie, cô bé mũm mĩm tóc màu tối tên Bella, còn cô bé gầy gò tên Martha. Họ không biết tên các

cậu bé, vì hầu hết thời gian các bé trai và bé gái bị tách ra. Bọn trẻ không bị đối xử tệ cho lắm.

“Ở đây cũng tốt,” Bella nói, “không có nhiều chuyện phải làm, ngoại trừ họ đưa cho tụi mình những bài kiểm tra và bắt tụi mình làm bài tập, rồi họ đo đạc trên người tụi mình, đo nhiệt độ cơ thể rồi cho uống thuốc. Thật là nhàm chán.”

“Ngoại trừ khi bà Coulter đến,” Annie nói.

Lyra phải cố ghì mình để không kêu to lên, còn Pantalaimon thì đập cánh rồi rít đến nỗi các cô bé thấy ngạc nhiên.

“Nó đang lo lắng ấy mà,” Lyra nói và vuốt ve nó. “Chắc họ đã cho bọn mình uống thuốc ngủ, như các bạn đã nói, bởi vậy cả hai bọn mình đều cảm thấy buồn ngủ vô cùng. Mà bà Coulter là ai vậy?”

“Bà ấy là người đã bắt chúng tớ, gần như là tất cả,” Martha nói. “Những bạn khác đều nói về bà. Khi bà ấy đến, mọi người biết sẽ có vài bạn sắp sửa biến mất.”

“Bà ấy thích quan sát những đứa trẻ, khi người ta đưa tụi mình đi, bà ấy thích nhìn việc người ta làm với tụi mình. Cậu bạn Simon ở đây, cậu ấy đoán họ giết những đứa trẻ, còn bà Coulter thì đứng xem.”

“Họ giết bọn mình á?” Lyra kêu lên, rùng mình.

“Chắc là thế. Vì chẳng có ai quay về cả.”

“Họ còn làm gì đó với những con nhân tinh nữa,” Bella nói. “Cân, đo chúng và mọi việc...”

“Họ chạm vào các con nhân tinh?”

“Không! Lạy Chúa! Họ đặt những chiếc cân ở đó và nhân tính của cậu phải trèo lên rồi thay đổi hình dạng. Họ ghi chép và chụp ảnh. Họ cho bạn vào một căn phòng và đo Bụi, suốt ngày như vậy, chẳng bao giờ họ thôi không đo đạc Bụi cả.”

“Bụi nào?” Lyra hỏi.

“Tụi mình không biết,” Annie nói. “Chỉ là thứ gì đó trong không gian. Không phải bụi thực. Nếu bạn không có tí Bụi nào, như thế sẽ ổn. Nhưng rốt cuộc thì ai cũng vẫn sẽ có mang Bụi thôi.”

“Cậu có biết mình nghe Simon nói gì không?” Bella hỏi. “Cậu ấy nói người Tartar đục những cái lỗ trên đầu để cho Bụi vào.”

“Ừa, cậu ta có lẽ biết đấy,” Annie nói với giọng khinh bỉ. “Mình nghĩ mình sẽ hỏi bà Coulter khi bà ấy đến đây.”

“Cậu sẽ không dám đâu,” Martha nói, vẻ thán phục.

“Dám chứ.”

“Bao giờ bà ấy đến?” Lyra hỏi.

“Ngày kia,” Annie trả lời.

Một luồng khí lạnh chạy dọc sống lưng Lyra, Pantalaimon nép sát vào người cô. Cô chỉ có một ngày để tìm Roger và khám phá tất cả những gì có thể về nơi này, và tính xem nên trốn thoát hay đợi người đến cứu. Nếu tất cả nhóm người Gypsy đã bị giết, ai sẽ giúp bọn trẻ sống sót được trong vùng hoang dã lạnh lẽo này?

Những cô bé khác tiếp tục nói chuyện, nhưng Lyra và Pantalaimon nằm rúc sâu trong chăn, cố gắng làm cho mình ấm lên, nhận thức được rằng

hàng trăm dặm toàn bộ xung quanh chiếc giường bé nhỏ của cô không còn gì ngoài nỗi sợ hãi.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần II - Chương 15: Phần 1

Chán chường không phải là phong cách của Lyra. Cô là một đứa bé lạc quan và thực tế, thêm nữa, cô không giàu trí tưởng tượng. Không có người giàu trí tưởng tượng nào lại nghĩ một cách nghiêm túc là có thể làm tất cả những chuyện này để cứu người bạn Roger của mình; hay, nếu có nghĩ thế, một đứa bé có trí tưởng tượng phong phú sẽ ngay lập tức nghĩ ra rất nhiều lý do chứng minh chuyện đó là không thể. Là một kẻ nói dối giàu kinh nghiệm không có nghĩa là sẽ có trí tưởng tượng phong phú. Nhiều người giỏi nói dối không hề có trí tưởng tượng; chính điều đó lại khiến những lời nói dối của họ trở nên thuyết phục đến mức người nghe phải mở to mắt vì ngạc nhiên.

Vậy là giờ cô đang nằm trong tay của Ủy ban Tôn giáo. Lyra không tự giày vò mình trong nỗi sợ hãi điều gì đã xảy đến với những người Gypsy. Họ đều là những chiến binh dũng cảm, và dù Pantalaimon nói nó đã chứng kiến John Faa bị bắn, có thể nó đã nhìn nhầm, mà nếu nó không nhìn nhầm, vẫn có khả năng vết thương của John Faa không đến nỗi nghiêm trọng. Thật không may khi cô lại rơi vào tay bọn người Samoyed, nhưng có thể những người Gypsy sẽ sớm tới giải cứu cho cô, và nếu họ không tìm được cách, chẳng có gì có thể ngăn cản Iorek Byrnison đưa cô ra ngoài, rồi sau đó họ sẽ bay đến Svalbard bằng khinh khí cầu của Lee Scoresby và cứu Ngài Asriel.

Trong tâm trí cô, mọi chuyện chỉ đơn giản như vậy.

Vì thế buổi sáng hôm sau, khi thức giấc trong ký túc xá, cô cảm thấy tò mò và sẵn sàng đương đầu với bất cứ điều gì ngày hôm đó mang lại. Cô

nóng lòng muốn gặp Roger—đặc biệt là điều đó, nóng lòng muốn gặp cậu trước khi cậu nhìn thấy cô.

Cô không phải đợi lâu. Bọn trẻ trong ký túc xá khác được người y tá trông nom chúng đánh thức dậy lúc bảy giờ rưỡi. Chúng đánh răng rửa mặt, mặc quần áo và đi đến phòng ăn sáng cùng những đứa ở phòng khác.

Và trong số đó có Roger.

Cậu đang ngồi cùng năm cậu bé khác ở chiếc bàn ngay gần cửa. Cô đứng xếp hàng ngay phía sau cậu, cô có thể giả bộ đánh rơi chiếc khăn tay rồi cúi nhặt, cúi thấp người gần sát ghế cậu, như thế Pantalaimon có thể nói chuyện với Salcilia, nhân tinh của Roger.

Salcilia đang trong hình dáng chim mai hoa, nó vỗ cánh mạnh đến nỗi Pantalaimon phải biến thành một con mèo vồ lấy nó, giữ chặt nó xuống để nói thầm. Những cuộc chiến hay xô đẩy vô hại như vậy giữa các nhân tinh là rất bình thường, có điều mặt Roger ngay lập tức tái đi, may mà không ai chú ý đến. Lyra chưa từng thấy mặt ai trắng bệch đến thế. Cậu nhìn lên ánh mắt dừng dừng như không của cô, rồi màu hồng trở lại hai gò má trong khi cậu tràn ngập hy vọng sung sướng và vui vẻ. Chỉ có Pantalaimon đang ghi chặt Salcilia là có thể ngăn Roger hét to và nhảy lên để chào đón người bạn nổi khổ tại Jordan.

Lyra nhìn đi chỗ khác, giả bộ dừng dừng hết mức có thể, và lướt ánh mắt về những người bạn mới, để phần giải thích lại cho Pantalaimon. Bốn cô bé lấy khay thức ăn đựng bánh bột ngô, bánh mì nướng và ngồi cùng nhau thành một nhóm thân thiết, để ngăn chặn bất cứ người nào khác xì xầm về chúng.

Không thể giữ một nhóm nhiều trẻ con ở một chỗ lâu nếu không có nhiều việc cho chúng làm. Theo một cách nào đó, Bolvangar được tổ chức như một trường học, với những hoạt động được lên lịch như thể dự hay “nghệ

thuật”. Các cậu bé và cô bé được tách riêng trừ những lúc nghỉ giữa giờ và các bữa ăn. Phải đợi đến giữa buổi sáng, sau một tiếng rưỡi học khau vá do một trong các y tá dạy, Lyra mới có cơ hội nói chuyện với Roger. Nhưng thật khó để giả như không có chuyện gì xảy ra. Tất cả bọn trẻ ở đó gần như cùng tuổi hay hơn kém không nhiều. Đó là độ tuổi con trai chỉ nói chuyện với con trai, con gái chỉ nói chuyện với con gái, bên nào cũng tỏ thái độ không thèm quan tâm đến bên kia.

Cô nhận thấy cơ hội đến khi ở lại trong phòng ăn, khi bọn trẻ vào để uống và ăn nhẹ. Lyra cử Pantalaimon, trong hình dạng một con ruồi để đến nói chuyện với Salcilia ở bức tường bên cạnh bàn của họ trong khi cô và Roger giữ im lặng trong hai nhóm bạn riêng của mình. Rất khó nói chuyện trong khi sự quan tâm của con nhân tinh của bạn đang ở một nơi nào đó, vì thế Lyra làm bộ cau có và khó chịu trong khi uống sữa cùng các cô bạn khác. Một nửa tâm trí cô đang dồn vào cuộc nói chuyện vo ve giữa hai con nhân tinh, cô cũng không thực sự lắng nghe, nhưng một phần cô đang nghe một cô bé khác có mái tóc vàng nói đến cái tên khiến cô đứng bật dậy.

Đó là tên Tony Makarios. Khi sự chú ý của Lyra hướng về phía đó, Pantalaimon buộc phải giảm tốc độ nói chuyện với nhân tinh của Roger, cả hai lắng nghe lời cô bé kia nói.

“Không, mình biết tại sao họ lại chọn cậu ấy.” cô nói, khi những mái đầu chụm lại gần. “Đó là vì nhân tinh của cậu ấy không thay đổi hình dạng. Họ nghĩ cậu ấy nhiều tuổi hơn vẻ bề ngoài, hay mức tuổi họ dự đoán, và cậu ấy là một đứa trẻ không bình thường. Nhưng đúng là nhân tinh của cậu ấy rất hiếm khi thay đổi hình dạng vì chính Tony rất ít khi suy nghĩ nhiều về bất cứ chuyện gì. Mình đã từng thấy nó thay đổi. Tên nó là Ratter...”

“Tại sao họ lại quan tâm nhiều đến những con nhân tinh như vậy?” Lyra hỏi.

“Không ai biết tại sao cả.” Cô bé tóc vàng nói.

“Mình biết đấy.” Một cậu bé đang nghe chuyện nói. “Việc họ làm là giết nhân tính của chúng ta rồi xem chúng ta có chết không?”

“Nếu vậy tại sao họ phải thử đi thử lại như vậy với nhiều đứa trẻ?” Ai đó hỏi. “Họ chỉ cần làm một lần thôi, phải vậy không?”

“Mình biết họ làm gì,” cô bé đầu tiên nói.

Giờ thì mọi sự chú ý đều dồn vào cô bé. Nhưng vì chúng không muốn những người phục vụ biết chúng đang nói đến chuyện gì, bọn trẻ phải giả bộ thản nhiên, bình thường trong khi căng tai nghe đầy vẻ tò mò.

“Như thế nào?” Ai đó hỏi.

“Vì lúc đó mình đang đứng gần cậu ấy khi họ đến tìm. Chúng mình đang ở trong phòng để vải.” cô kể.

Mặt cô bé đỏ bừng. Nhưng nếu sợ mọi người chê nhạo và chòng ghẹo thì cô đã không kể rồi. Tất cả bọn trẻ chú ý cao độ, thậm chí không có đứa nào cười.

Cô bé tiếp tục. “Chúng mình đang im lặng thì bà y tá đi vào, bà có giọng nói nhỏ nhẹ ấy. Bà ấy nói, ‘ra đây nào, Tony, ta biết cháu đang ở đây, ra đây đi, chúng ta không làm cháu đau đâu...’ Và cậu ấy hỏi, ‘Có chuyện gì vậy?’ Bà ấy lại nói, ‘Chúng ta chỉ đưa cháu đi ngủ, và làm một phẫu thuật nhỏ, sau đó cháu sẽ lại tỉnh dậy, an toàn và khỏe mạnh.’ Nhưng Tony không tin lời bà ấy. Cậu ấy nói...”

“Những cái lỗ!” ai đó nói. “Họ đục một cái lỗ trên đầu bọn mình như những người Tartar! Mình cá đấy!”

“Im nào! Thế bà y tá còn nói gì nữa?” Ai đó nói chen vào.

Đến lúc đó, hàng chục đứa trẻ khác đã tụm lại chiếc bàn cô bé ngồi, những con nhân tinh cũng nóng lòng muốn biết chuyện như chủ, tất cả đều căng thẳng.

Cô bé tóc vàng nói tiếp. “Tony muốn biết họ sẽ làm gì với Ratter. Bà y tá nói: ‘À, nó cũng sẽ đi ngủ, giống hệt như cháu.’ Tony vặn lại, ‘Có phải bà sẽ giết nó không? Cháu biết bà sẽ làm như vậy. Tất cả chúng cháu đều biết chuyện sẽ diễn ra như vậy.’ Bà y tá nói: ‘Không, tất nhiên là không rồi. Ta chỉ làm một phẫu thuật nhỏ thôi. Chỉ là một ca mổ đơn giản. Thậm chí nó còn phải đau đớn. Nhưng chúng ta sẽ cho cháu đi ngủ để chắc chắn.’ “

Tất cả các căn phòng đã trở nên yên ắng. Người y tá giám sát đã đi ra ngoài, ô cửa dẫn vào phòng bếp đã đóng lại, nên không ai có thể nghe thấy những tiếng nói trong phòng.

“Mổ như thế nào?” Một cậu bé hỏi, giọng cậu nhỏ và sợ hãi. “Bà ta có nói là mổ như thế nào không?”

“Bà ấy chỉ nói, đó là cách làm cháu trở nên trưởng thành hơn. Bà ta nói tất cả mọi người đều cần phải trải qua việc này, đó là nguyên nhân tại sao nhân tinh của những người trưởng thành không thay đổi như nhân tinh của bọn mình. Vì thế họ phải mổ để khiến các nhân tinh ở vĩnh viễn một hình dạng, đó là cách chúng ta trưởng thành.”

“Nhưng...”

“Có phải thế có nghĩa là...”

“Cái gì? Mọi người lớn đều phải mổ sao?”

“Thế còn về...”

Đột nhiên tất cả những giọng nói im bặt như thể chính chúng bị mổ vậy, những đôi mắt hướng về phía cửa ra vào. Y tá Clara đang đứng đó, dù

dàng, từ tốn và hiện hữu, bên cạnh bà ta là một người đàn ông mặc áo choàng trắng. Lyra chưa gặp bao giờ.

“Bridget McGinn,” ông ta gọi.

Cô bé tóc vàng run rẩy đứng lên. Con nhân tinh sóc của cô bấu chặt vào lòng chủ.

“Vâng, thưa ông.” cô bé nói, giọng lí nhí gần như không nghe thấy.

“Hãy uống hết thức uống và đi cùng y tá Clara.” Ông ta nói. “Những người còn lại quay trở về lớp học.”

Bọn trẻ ngoan ngoãn xếp cộc tách và chiếc xe đẩy trước khi rời khỏi phòng ăn trong im lặng. Không ai nhìn vào Bridge McGinn trừ Lyra, cô thấy mặt cô bé tóc vàng bừng lên vì sợ hãi.

Phần còn lại của buổi sáng dùng để luyện tập. Có một phòng tập thể dục trong khu Trạm, vì sẽ rất khó tập luyện ngoài trời giữa đêm Bắc cực dài đằng đằng, từng nhóm bọn trẻ lần lượt vào đó tập luyện, dưới sự giám sát của một y tá. Chúng phải chia thành từng nhóm và ném bóng vòng quanh. Lúc đầu Lyra, người chưa từng chơi trò nào tương tự như thế trong đời, không thể hiểu nổi phải làm thế nào. Nhưng cô rất nhanh nhẹn, khỏe khoắn và là một trưởng nhóm có khả năng, cô nhanh chóng nhận thấy mình thích trò này. Những tiếng trẻ con la hét, tiếng hú và huýt của bọn nhân tinh tràn ngập phòng tập chật hẹp đã nhanh chóng làm tan biến những ý nghĩ lo sợ; và đó cũng chính xác là ý đồ của bài tập.

Vào giờ ăn trưa, khi bọn trẻ lại xếp hàng trong phòng ăn, Lyra thấy tiếng Pantalaimon líu riu nhắc nhở, cô quay lại và thấy Billy Costa đứng ngay phía dưới.

“Roger nói với mình cậu đang ở đây.” cậu thì thầm.

“Anh cậu đang đến, cả John Faa và những người Gypsy khác nữa,” cô nói. “Họ sẽ đưa cậu về nhà.”

Cậu bé gần như hét lên vì sung sướng, nhưng rồi nén tiếng hét lại thành tiếng ho khan.

“Cậu phải gọi mình là Lizzie,” Lyra nói. “Đừng bao giờ gọi tên Lyra. Cậu cần phải kể cho mình tất cả những gì cậu biết, được chứ?”

Chúng ngồi cùng nhau, Roger ngồi bên cạnh. Việc này rất dễ khi vào giờ ăn trưa, bọn trẻ dành nhiều thời gian hơn để qua lại giữa các bàn và quây phát thức ăn, hơn nữa phòng ăn rất đông. Trong tiếng khuia dao nĩa lạnh canh, Billy và Tony kể tất cả những chuyện chúng biết cho cô nghe. Billy nghe được từ một y tá rằng tất cả những đứa trẻ sau khi bị phẫu thuật sẽ bị đưa đến khu nhà xa hơn về phía Nam, điều này giải thích việc Tony Makarios lại thoát ra và đi lang thang như vậy. Nhưng Roger còn có thông tin thú vị hơn cho Lyra.

“Mình tìm thấy một nơi ẩn náu đấy,” cậu nói.

“Cái gì cơ? Ở đâu?”

“Hãy nhìn vào bức ảnh này xem,” nó chỉ vào bức ảnh bờ biển nhiệt đới treo trên tường. “Nhìn vào góc phải bên trên, có thấy tấm ván trần đó không?”

Trần nhà được làm bằng những tấm ván hình chữ nhật đặt trên khung kim loại, một góc tấm ván phía trên bức tranh hơi vênh lên.

“Mình đã nhận thấy điều đó,” Roger nói, “và mình nghĩ có thể những tấm khác cũng thế, vì thế mình nhắc chúng lên, và tất cả đều có thể tháo rời ra. Chỉ việc nhắc lên thôi. Có một đêm, mình và một cậu nữa thử làm trong phòng ký túc xá của bọn mình, trước khi họ đưa cậu ấy đi. Có một khoảng không gian trong đó và có thể bò vào trong...”

“Cậu có thể bò đi bao xa trong trần nhà?”

“Mình không biết. Chúng mình chỉ bò một đoạn ngắn thôi. Chúng mình định bao giờ đến lúc sẽ trốn trong đó, nhưng có thể họ sẽ tìm thấy. “

Lyra nghĩ đó không phải là chỗ ẩn náu mà là một con đường. Đó là điều tốt đẹp nhất có được nghe từ lúc đến đây. Nhưng trước khi chúng có thể nói chuyện gì thêm, một bác sĩ đập bàn bằng một chiếc thìa và bắt đầu nói.

“Các em, chú ý,” ông ta nói, “hãy nghe này. Chúng ta thường xuyên có những buổi luyện tập phòng cháy chữa cháy. Một điều rất quan trọng là tất cả chúng ta cần mặc đủ quần áo và tìm đường chạy ra ngoài mà không bị hoảng loạn. Vì thế chúng ta sẽ có buổi thực hành phòng cháy vào chiều nay. Khi có tiếng chuông các em phải dừng bất cứ việc gì đang làm và làm theo điều người lớn gần nhất nói. Hãy nhớ kỹ nơi họ đưa các em đến. Đó là nơi các em phải đến nếu bị cháy thật.”

Lyra nghĩ, đây cũng là một ý hay.

Suốt phần thời gian đầu buổi chiều, Lyra và bốn cô bé kia bị kiểm tra với Bụi. Các bác sĩ không nói họ đang làm thế, nhưng điều này rất dễ đoán ra. Từng người một bị đưa đến phòng thí nghiệm, và tất nhiên việc này khiến tất cả chúng rất hoảng sợ. Sẽ thật là bất công, Lyra nghĩ, nếu cô biến mất mà không tổng vào mặt họ một quả đấm! Nhưng có vẻ họ chưa dừng lại ở đó.

“Chúng ta muốn đo một số thống số.” Các bác sĩ giải thích. Rất khó nói rõ sự khác nhau giữa họ: tất cả những người đàn ông đều mặc áo khoác trắng và cầm bảng kẹp với bút chì, còn những người phụ nữ cũng giống nhau, bộ đồng phục và thái độ lạnh lẽo ôn tồn kỳ lạ của họ khiến họ chẳng khác gì so với các nữ tu.

“Cháu đã được đo ngày hôm qua rồi.” Lyra nói.

“À, hôm nay chúng ta sẽ đo những mực khác. Hãy đứng lên chiếc đĩa kim loại, à, đầu tiên phải cởi giày ra đã. Giữ lấy con nhân tinh của cháu, nếu muốn. Nhìn về phía trước, thế, nhìn vào chiếc đèn nhỏ màu xanh lá cây. Giỏi lắm...”

Có thứ gì đó lóe lên. Người bác sĩ bảo cô quay mặt về phía sau, rồi sang trái, sang phải, cứ mỗi lần như thế lại có tiếng bấm máy và ánh đèn lóe lên.

“Tốt rồi. Giờ hãy đi đến chỗ chiếc máy này và đặt tay cháu vào trong chiếc ống. Không có gì làm cháu đau đâu, ta hứa đấy. Duỗi thẳng các ngón tay ra. Thế được rồi.”

“Ông đang đo gì vậy?” Lyra hỏi. “Có phải là Bụi không?”

“Ai nói với cháu về Bụi vậy?”

“Một bạn gái, cháu không biết tên bạn ấy. Bạn ấy nói tất cả chúng ta đều phủ đầy Bụi. Cháu không có bẩn, ít nhất cháu cũng không nghĩ là cháu bẩn. Hôm qua cháu tắm rồi.”

“Đó lại là một loại thứ Bụi khác. Cháu không thể nhìn thấy nó bằng mắt thường. Nó là một loại Bụi đặc biệt. Giờ thì nắm tay lại, đúng rồi. Tốt lắm. Cháu sẽ thấy xung quanh đây có một nắm đầm, thấy chưa? Cháu hãy nắm vào đó, ngoan lắm. Giờ cháu có thể để tay kia sang chỗ này, đặt lên trên quả cầu bằng đồng. Được rồi. Tốt lắm. Cháu sẽ cảm thấy hơi râm ran, nhưng không có gì đáng lo đâu, chỉ là một dòng điện rất nhẹ thôi...”

Pantalaimon, trong hình dạng một con mèo hoang đang căng thẳng và lo sợ cứ lảng vảng xung quanh chiếc máy, ánh mắt lóe lên những ánh nghi hoặc, chốc chốc lại quay đầu dụi vào người Lyra.

Giờ thì cô đã chắc chắn họ vẫn chưa làm phẫu thuật trên người cô, và cũng chắc chắn việc giả danh Lizzie Brooks không bị lộ. Cô liền đặt một câu hỏi.

“Tại sao ông lại tách nhân tình của mọi người ra?”

“Cái gì cơ? Ai nói với cháu như vậy?”

“Bạn gái đó, cháu không biết tên bạn ấy. Bạn ấy nói ông tách nhân tình của mọi người ra.”

“Thật là ngớ ngẩn...”

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 15: Phần 2

Nhưng rõ ràng ông ta đã bị dao động. Cô tiếp tục.

“Bởi vì ông đưa từng bạn đi và họ chẳng bao giờ quay trở về cả. Có mấy bạn đoán ông đã giết họ, mấy bạn nữa lại nói khác, còn bạn gái này nói với cháu là ‘Ông ấy tách...’.”

“Toàn bộ đều không đúng. Khi chúng ta đưa những đứa trẻ đi, đó là vì đã đến lúc chuyển chúng sang một nơi khác. Chúng đang trưởng thành. Ta e là cô bạn của cháu đã quá lo lắng thôi. Không hề có những chuyện như vậy đâu! Đừng bao giờ có suy nghĩ như vậy. Cô bạn cháu tên là gì?”

“Cháu mới đến đây ngày hôm qua, cháu chưa biết tên ai cả.”

“Bạn ấy trông thế nào?”

“Cháu quên mất rồi. Cháu nghĩ bạn ấy tóc nâu... tóc nâu nhạt, có thể là như vậy... cháu không biết.”

Ông bác sĩ nói khẽ gì đó với người y tá. Trong khi hai người trao đổi, Lyra quan sát nhân tình của họ. Nhân tình của người y tá là một con chim duyên dáng, gọn gàng và nhí nhảnh giống con chó của y tá Clara, còn nhân tình của ông bác sĩ là một con bướm đêm rất to. Cả hai đều không động đậy. Chúng đang cảnh giác, vì đôi mắt con chim sáng lên và những chiếc tuy của con bướm đêm chỉ rung lên nhẹ nhẹ, nhưng chúng không có sinh khí như cô đã tưởng. Có thể chúng không thực sự lo lắng hay tò mò chuyện gì.

Giờ thì ông bác sĩ đã quay trở lại và họ tiếp tục cuộc kiểm tra. Ông ta cân Pantalaimon và Lyra riêng rẽ, nhìn Lyra qua một màn hình đặc biệt, đo nhịp tim, đặt cô dưới một chiếc vòi kêu rin rít và phì ra thứ mùi giống như không khí sạch.

Khi đến giữa một trong số các bài kiểm tra, một tiếng chuông lớn vang lên và cứ rung lên liên tục.

“Chuông báo cháy”, ông bác sĩ nói, thở dài. “Rất tốt, Lizzie, hãy đi theo y tá Belly.”

“Nhưng tất cả quần áo mặc ngoài trời của bọn trẻ lại để ở ký túc xá, thưa bác sĩ. Nó không thể ra ngoài trong tình trạng này được. Chúng ta có nên đến đó trước hay không?”

Ông bác sĩ đang bực bội vì cuộc thí nghiệm bị gián đoạn, bóp ngón tay một cách tức tối.

“Tôi nghĩ thứ này chỉ là một loại tập dợt cho có vậy thôi, “ông nói. “Đúng là ngớ ngẩn.”

“Hôm qua khi cháu đến đây,” Lyra lên tiếng, “y tá Clara để các thứ quần áo khác của cháu trong chiếc tủ ở căn phòng đầu tiên nơi bà ấy gặp cháu. Đó là căn phòng bên cạnh. Cháu mặc quần áo đó cũng được.”

“Ý tưởng hay đấy!” Bà y tá nói. “Vậy thì nhanh nhanh lên.”

Với một niềm sung sướng che dấu, Lyra hối hả theo sau người y tá và lấy lại áo khoác lông thú, tất quần và giày ống, nhanh chóng khoác chúng lên người trong khi người y tá cũng mặc một loại quần áo cho mình.

Rồi họ vội vã đi ra. Trong đấu trường rộng lớn phía trước tòa nhà đầu tiên, khoảng một trăm người, người lớn và trẻ con đang đi loanh quanh:

người thì thích thú, người thì sợ hãi, rất nhiều người chỉ biết hoang mang bối rối.

“Thấy chưa?” Một người lớn nói. “Thật đáng phải làm điều này để xem chúng ta náo loạn đến mức nào khi ở trong một đám cháy thật sự.”

Có ai đó huýt sáo và vỗ tay, nhưng không ai để ý. Lyra nhìn thấy Roger và vỗ tay. Roger kéo tay Billy Costa, rất nhanh chóng cả ba đứa đã ở bên nhau trong đám trẻ con đang hỗn loạn.

“Sẽ chẳng có ai để ý việc bọn mình đi xung quanh xem xét đâu,” Lyra nói. “Họ sẽ mất hàng tiếng đồng hồ để đếm tất cả mọi người, và bọn mình có thể nói là chỉ đi theo ai đó rồi bị lạc.”

Chúng đợi cho đến khi mọi người lớn đều nhìn đi chỗ khác, rồi Lyra bốc một nắm tuyết, nặn thành một quả bóng tuyết nhỏ, ném hú họa vào đám đông. Ngay lập tức, tất cả bọn trẻ hòa vào trò chơi đó, và khắp nơi là những quả bóng tuyết đang bay. Những tiếng cười thét lên hoàn toàn át hẳn tiếng hét của những người lớn đang cố gắng dẹp trật tự, rồi ba đứa trẻ lần đi và thoát khỏi tầm nhìn của mọi người.

Lớp tuyết dưới chân dày đến nỗi chúng không thể đi nhanh nhưng có vẻ đó không phải là vấn đề, chẳng có ai đuổi theo phía sau cả. Lyra và các bạn bò qua chiếc mái uốn cong của một trong những đường hào và thấy mình đang ở giữa một cung trăng kỳ lạ được tạo nên bởi đây những đồng tuyết, tất cả đều như được phủ trắng dưới bầu trời tối đen và được chiếu sáng bằng ánh sáng hắt đến từ khoảng đất trống.

“Chúng mình đang tìm gì đây?” Billy hỏi.

“Không biết nữa. Chỉ xem xét thôi.” Lyra nói, cô dẫn đầu đi đến một khu đất, một tòa nhà hình vuông cách biệt một chút với phần còn lại, trong góc có một ngọn đèn vụn nhỏ.

Tiếng ồn ào hò hét sau lưng vẫn rất to, nhưng càng lúc càng xa. Rõ ràng bọn trẻ đang được hưởng tự do hết mức có thể. Cô đi xung quanh ngôi nhà vuông để tìm một ô cửa sổ. Mái nhà cách mặt đất khoảng hai mét, nhưng không giống những tòa nhà khác, nó không có đường hào lợp mái để nối liền với nơi khác của Trạm.

Không có cửa sổ, nhưng có một cửa ra vào. Một tấm biển trên có ghi: **NGHIÊM CẤM VÀO** bằng chữ màu đỏ.

Lyra đặt tay lên cánh cửa thử đẩy, nhưng trước khi cô kịp xoay nắm đấm, Roger nói:

“Nhìn kia! Một con chim! Hay là...”

Từ “Hay là...” của cậu là một sự nghi ngờ, vì sinh vật từ bầu trời lượn xuống không phải là một con chim, trước đây Lyra đã nhìn thấy nó.

“Con nhân tinh của bà phù thủy!”

Con ngỗng đập đôi cánh vĩ đại của mình, làm tung lên một lớp tuyết khi hạ cánh.

“Xin chào, Lyra,” nó nói. “Tôi đã theo cô bay đến đây, dù cô không nhìn thấy tôi. Tôi đã phải chờ cho đến khi cô đi ra ngoài. Chuyện gì đang xảy ra vậy?”

Cô nhanh chóng kể cho nó nghe.

“Những người Gypsy hiện đang ở đâu?” cô nói. “John Faa vẫn an toàn chứ? Họ có đánh thắng những người Samoyed không?”

“Hầu hết họ đều an toàn. John Faa bị thương, nhưng không nặng lắm. Những kẻ đưa cô đến đây là thợ săn và bọn thảo tặc thường rình cướp

những đoàn người đi qua, vì họ có ít người nên có thể đi nhanh hơn cả một đoàn lớn. Những người Gypsy còn cách đây một ngày đường nữa.”

Hai cậu bé đang sợ hãi nhìn con nhân tinh ngỗng và thái độ thân thiết của Lyra với nó, vì tất nhiên hai cậu chưa từng thấy một con nhân tinh mà không có người chủ bên cạnh. Các cậu cũng không biết nhiều về các thủy thủ.

Lyra nói với chúng. “Nghe này, tốt hơn là các cậu hãy đi và trông chừng, được chứ. Billy, cậu đi ra đằng kia, còn Roger ra phía vừa nãy bọn mình đi qua. Chúng mình không có nhiều thời gian đâu.”

Hai cậu bé làm theo lời Lyra, rồi Lyra quay lại cái cửa.

“Tại sao cô lại định vào trong đó?” Con nhân tinh ngỗng hỏi.

“Vì những việc người ta làm ở trong này. Họ tách...” Cô hạ thấp giọng xuống. “Họ tách nhân tinh của con người ra. Của những đứa bé ấy. Và tôi nghĩ có thể họ làm việc đó ở trong này. Ít nhất, cũng có gì đó ở đây, tôi sẽ vào xem. Nhưng nó bị khóa rồi...”

“Tôi có thể mở được.” Con ngỗng nói, đập cánh một hay hai lần, ném tuyết vào cửa, khi nó làm thế, Lyra nghe thấy có tiếng quay ổ khóa.

“Đi vào cẩn thận nhé.” con nhân tinh nói.

Lyra đẩy cửa và lén vào trong. Con nhân tinh ngỗng đi vào cùng cô. Pantalaimon đang bị kích động và hoảng sợ, nhưng nó không muốn con nhân tinh của bà phù thủy nhìn thấy sự sợ hãi của mình, vì thế nó bầu chặt lấy Lyra, trốn trong tấm áo lông thú của cô.

Ngay khi mắt Lyra đã quen với ánh đèn, cô hiểu ra mọi chuyện.

Bên trong một loạt các lọ thủy tinh để trên những chiếc giá, xung quanh tường là nhân tinh của những đứa trẻ bị chia tách: những con mèo, chim, chuột, hay những loài vật khác với vẻ khủng khiếp, con nào cũng hoảng hốt, sợ hãi và tái xám.

Con nhân tinh của bà phù thủy kêu lên một tiếng sợ hãi, Lyra ôm chặt Pantalaimon vào lòng và nói: “Đừng nhìn! Đừng nhìn!”

“Những đứa trẻ chủ của những con nhân tinh này ở đâu?” Con nhân tinh ngỗng run rẩy hỏi.

Lyra sợ hãi thuật lại cuộc gặp gỡ giữa cô và Tony Makarios bé nhỏ và nhìn lên những con nhân tinh đáng thương bị giam cầm đang gí sát khuôn mặt tái xám của chúng vào mặt thủy tinh. Lyra có thể nghe thấy những tiếng khóc nho nhỏ vì đau đớn và sợ hãi. Trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn thiếu dầu cô nhìn thấy một tấm biển ghi tên đặt trước mỗi lồng thủy tinh, và tất nhiên, có một lồng trống có tên Tony Makarios. Còn có bốn hay năm lồng trống vẫn còn để tên như vậy.

“Tôi muốn thả những con vật đáng thương này ra!” cô nói với giọng phần nộ. “Tôi sẽ đập tan những cái lồng và thả chúng ra...”

Cô nhìn xung quanh để tìm thứ gì đó, nhưng nơi này trống trơn. Con nhân tinh ngỗng lên tiếng: “Đợi một chút.”

Nó là nhân tinh của một phù thủy, lớn tuổi hơn Lyra rất nhiều, cũng khỏe hơn cô nữa. Cô cần nghe theo lời nó.

“Chúng ta cần phải để những người đó nghĩ rằng ai đó quên khóa cửa và đóng lồng,” nó giải thích. “Nếu họ nhìn thấy những chiếc lồng bị đập vỡ và những dấu chân trên tuyết, cô nghĩ mình còn giả danh người khác được thêm bao lâu? Và việc này cần phải chờ cho đến khi đoàn người Gypsy đến. Giờ thì hãy làm chính xác theo những điều tôi bảo: hãy lấy một nắm tuyết đầy, khi tôi bảo, hãy lần lượt ném vào mỗi lồng một ít.”

Cô chạy ra ngoài. Billy, và Roger vẫn đang canh chừng, vẫn có tiếng cười và tiếng hò hét vọng lại từ đấu trường, vì mới chỉ có khoảng một phút trôi qua.

Cô xúc lấy một ôm cả hai bàn tay thứ tuyết xộp và quay vào làm theo lời con ngỗng nói. Khi cô ném tuyết vào mỗi lồng, con nhân tinh ngỗng lại làm một tiếng kêu trong cổ họng, chiếc khóa trên mỗi lồng bật mở.

Khi cô đã mở được hết, cô nhắc chiếc lồng đầu tiên lên, bóng con vẹt nhọt nhọt rồi rít bay ra, những ngã xuống sàn trước khi kịp cất cánh. Con ngỗng nhẹ nhàng cúi xuống xốc nó lên bằng đầu cánh, con vẹt biến thành chuột, lão đảo và luống cuống. Pantalaimon trườn xuống để đỡ nó.

Lyra làm việc thật nhanh, chỉ trong vòng mấy phút, tất cả đám nhân tinh đã được thả ra. Mấy con cố gắng nói, chúng tụm lại quanh chân cô, thậm chí còn giật cả tất của cô, dù sự cấm kỵ không cho phép chúng làm thế. Cô có thể hiểu tại sao: chúng nhớ hơi ấm từ cơ thể con người. Giống như Pantalaimon, chúng cũng mong được áp sát vào trái tim con người.

“Nào, nhanh lên.” Con ngỗng nói, “Lyra, cô phải quay lại và hòa vào với những người Gypsy đang đến đây nhanh hết mức có thể. Tôi phải giúp những con nhân tinh tội nghiệp này tìm thấy chủ của chúng...” Nó đến gần hơn và khẽ nói. “Nhưng họ sẽ chẳng bao giờ trở lại với nhau được đâu. Họ đã bị chia tách vĩnh viễn. Đây là việc độc ác nhất tôi từng thấy... Hãy xóa những dấu chân cô tạo ra. Tôi sẽ che chở cho chúng. Nhanh lên nào...”

“Ôi, làm ơn! Trước khi đi hãy cho tôi hỏi đã! Các phù thủy... Họ bay được, phải không? Tôi đã không mơ khi nhìn thấy họ bay đêm hôm nọ?”

“Đúng vậy, cô bé, thế thì sao?”

“Họ có kéo được một chiếc khinh khí cầu không?”

“Hoàn toàn được, nhưng...”

“Serafina Pekkala cũng sẽ đến chứ?”

“Đây không phải là lúc để giải thích những quy định trong cộng đồng phù thủy. Có rất nhiều những thế lực ghê gớm tham dự vào chuyện này và Serafina Pekkala phải bảo vệ lợi ích của bộ tộc mình. Nhưng có thể điều đang xảy ra ở nơi khác. Lyra, cô cần phải vào trong thôi. Chạy đi, chạy đi!”

Cô chạy ra, Roger đang nhìn những con nhân tinh tái xanh chạy khỏi ngôi nhà qua đám tuyết về phía cô.

“Chúng... chúng giống như trong hầm mộ ở Jordan... chúng là các nhân tinh!”

“Đúng vậy, khê thôi. Nhưng đừng có kể cho Billy. Đừng kể cho ai vội. Quay lại đi.”

Phía sau lưng họ, con ngỗng đang đập cánh rất mạnh, hất tuyết vào những vết chân chúng tạo ra. Gần bên nó, những con nhân tinh đang hồi hả chờ. Khi những vết chân đã được xóa hết, con ngỗng quay lại dồn lũ nhân tinh lại. Nó nói gì đó, và từng con nhân tinh lần lượt thay đổi, dù việc này khiến chúng phải rất cố gắng, cho đến khi tất cả đều biến thành chim, chúng theo sau con nhân tinh của bà phù thủy như những con chim non mới ra ràng bay theo mẹ, vỗ cánh, rơi xuống, chạy trên tuyết phía sau con ngỗng, cuối cùng, sau bao khó khăn, chúng vỗ cánh bay lên. Chúng bay lên tạo thành một đường vạch nhấp nhô, nhạt màu và huyền bí như những bóng mà trên nền trời tối đen. Chúng dần lấy được độ cao, dù một số vẫn còn rất yếu và loạng choạng, một số khác mất ý trí và lượn xuống dưới, nhưng con ngỗng xám to lớn bay vòng quanh và giục chúng quay trở lại, nhẹ nhàng dồn chúng cho đến khi tất cả đều biến mất trên nền trời tối sâu thẳm thẳm.

Roger kéo tay Lyra.

“Nhanh lên,” cậu nói. “Họ sắp xong rồi đấy.”

Chúng hồi hả đến chỗ Billy đang vẫy tay ở phía góc tòa nhà chính. Bọn trẻ đã mệt, hoặc những người lớn đã lập lại được trật tự, vì mọi người đang xếp thành hàng nháp nhô phía trước cánh cửa chính, chen lấn và xô đẩy nhau. Lyra và hai bạn chạy khỏi góc nấp hòa vào với lũ trẻ, nhưng trước khi làm vậy, Lyra nói:

“Hãy thông báo cho tất cả các bạn ấy... mọi người phải chuẩn bị sẵn sàng để chạy trốn. Mọi người phải biết quần áo mặc ngoài trời của mình ở đâu, sẵn sàng mặc vào và chạy ra ngoài ngay khi chúng ta ra tín hiệu. Mọi người phải giữ bí mật tuyệt đối chuyện này, các cậu hiểu không?”

Billy gật đầu, Roger nói: “Thế tín hiệu là gì?”

“Chuông báo cháy.” Lyra nói. “Khi nào đến lúc mình sẽ bật chuông báo cháy.”

Chúng đợi cho đến khi được điểm danh. Nếu có ai đó trong Ủy ban Tôn giáo coi đây là một trường học, họ sẽ phải tổ chức chặt chẽ hơn, bởi chẳng có một nhóm quản lý thường xuyên nào, bọn trẻ được xếp vào một danh sách lớn và tất nhiên không theo thứ tự các chữ cái, không có người lớn nào được phân công giữ trật tự. Vì thế có rất nhiều rối loạn, ngoại trừ việc không còn ai chạy loanh quanh.

Lyra quan sát và để ý. Họ không giỏi về việc quản lý trẻ con chút nào. Những người này rất chậm chạp; họ càu nhàu về bài tập phòng cháy chữa cháy, họ không biết quần áo mặc ngoài trời của bọn trẻ ở đâu, và không thể giữ cho bọn trẻ xếp thành hàng lối. Sự uể oải của họ có thể sẽ giúp ích cho cô rất nhiều.

Khi họ sắp kết thúc thì một sự kiện mới lại xảy đến, dù rằng, đối với Lyra mà nói, chính là khả năng tồi tệ nhất đã biến thành hiện thực.

Cô và mọi người nghe thấy một âm thanh, những mái đầu quay lại và nhìn chăm chú vào bóng tối để chờ đợi khí cầu zeppelin, động cơ khí gas

của nó đang khuấy động trong không gian yên tĩnh.

Điều may mắn là nó đến từ hướng ngược với hướng con ngỗng xám bay đi. Nhưng đó là điều may mắn duy nhất. Rất nhanh chóng chiếc khí cầu hiện ra, những lời thì thầm kích động lan truyền trong đám người. Hình dáng béo tròn của nó đang trôi trên đại lộ đèn, ánh sáng của chính nó rọi xuống từ mũi và cabin phía dưới thân.

Người phi công giảm tốc độ và bắt đầu công việc giảm độ cao rất phức tạp. Lyra hiểu ra chiếc cột to dùng để làm gì: tất nhiên, đó là cây trụ để cột khí cầu. Trong khi những người lớn đưa bọn trẻ vào bên trong, chúng đều quay lại nhìn và chỉ trỏ, một đội ở dưới đất trèo lên thang của cột trụ và chuẩn bị chụp lấy dây buộc của khí cầu. Động cơ máy gầm rú, tuyết trên mặt đất cuốn bụi mù, khuôn mặt của những hành khách hiện ra trên khung cửa sổ cabin.

Lyra nhìn lên, và không nghi ngờ gì nữa, Pantalaimon nép sát vào người cô, biến thành một chú mèo hoang, khịt mũi căm ghét, vì vừa lộ ra là mái đầu xinh đẹp với mái tóc sẫm màu của bà Coulter, với con nhân tinh khi vàng trong lòng.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 16

Ngay lập tức, Lyra cúi đầu xuống dưới chiếc mũ chùm đầu bằng da mọc của mình và bước qua hai ngưỡng cửa cùng với những đứa trẻ khác. Cũng không còn nhiều thời gian để lo lắng về những điều cô bé sẽ nói khi họ đối mặt nhau: cô có một vấn đề khác cần giải quyết trước - đó là việc làm thế nào để giấu quần áo vào nơi có thể lấy ra mà không cần xin phép.

Nhưng thật may mắn, ở phía trong đang rất lộn xộn, người lớn đang cố gắng dồn bọn trẻ con lại để lấy chỗ cho những người trên khí cầu zeppelin, vì thế không có ai còn để tâm đến cô. Lyra cởi áo choàng, quần tất, giày ống và cuộn chúng lại nhỏ hết mức có thể trước khi len qua hành lang đông đúc để đến ký túc xá của mình.

Cô hối hả kéo một chiếc tủ kết vào góc nhà, đứng lên đó và đẩy tấm ván trần. Tấm ván được nâng lên, đúng như lời Roger đã nói, Lyra ném chiếc quần tất và giày ống vào đó. Một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu, Lyra lấy Chân-kế ra khỏi túi và giấu vào sâu bên trong bọc áo choàng trước khi ném vào.

Cô nhảy xuống, đẩy chiếc tủ kết lại vị trí cũ và thì thầm với Pantalaimon: “Chúng mình phải giả vờ đần độn cho đến khi bà ấy nhìn thấy, mình sẽ nói là bị bắt cóc. Đừng nói gì về những người Gypsy và đặc biệt là Iorek Byrnison.”

Giờ đây, Lyra đã nhận ra, nếu trước đây cô không làm được điều đó, là vì toàn bộ hãi sợ trong tâm trí cô đều hướng về bà Coulter như một chiếc kim la bàn chỉ về cực Bắc. Tất cả những điều cô từng nhìn thấy, và thậm chí là sự chia tách nhân tính dã man độc ác, cô có thể chịu đựng được. Cô có đủ

sự mạnh mẽ. Nhưng chỉ ý nghĩ về khuôn mặt xinh đẹp và giọng nói ngọt ngào, hình ảnh con khỉ vàng nghịch ngợm thôi cũng đủ làm cho cô thấy bủn rủn, choáng váng và buồn nôn.

Nhưng, những người Gypsy đang trên đường đến đây. Hãy nghĩ đến điều đó. Nghĩ đến Iorek Byrnison. Và đừng để mình bị lộ, cô tự nói với mình, rồi quay trở lại phòng ăn lúc này đang rất ồn ào. Bọn trẻ đang xếp hàng lấy đồ uống nóng, một vài đứa vẫn đang mặc áo choàng có mũ. Tất những câu chuyện chúng đang nói đều hướng về khí cầu zeppelin và những hành khách trên đó.

“Chính bà ấy đấy... và con nhân tinh khỉ nữa...”

“Bà ấy cũng bắt cậu phải không?”

“Bà ta nói sẽ viết thư cho cha mẹ mình và mình cá là bà ta chẳng đời nào...”

“Bà ta chẳng bao giờ nói với chúng ta về chuyện những đứa trẻ sẽ bị giết. Bà ta không bao giờ nói về chuyện này cả.”

“Con khi đó, nó là đồ tồi tệ nhất – nó bắt Karossa của mình và gần như đã giết chết nó — mình có thể cảm thấy tất cả những đau đớn...”

Tất cả bọn trẻ đều sợ hãi giống Lyra. Cô tìm thấy Annie cùng mấy bạn khác nữa và ngồi xuống.

“Nghe này,” cô nói, “các cậu có giữ bí mật được không?”

“Có!”

Ba mái đầu quay lại chỗ cô, chờ đợi.

“Có một kế hoạch tẩu thoát,” Lyra nói khẽ. “Sắp có những người đến đây và đưa chúng ta đi, đúng thế đấy, họ sẽ đến đây trong vòng khoảng một

ngày nữa. Có thể sớm hơn. Tất cả những gì chúng ta cần làm là sẵn sàng ngay khi có tín hiệu và mặc quần áo ấm ngay lập tức và chạy ra ngoài. Không chờ đợi gì cả. Chúng ta chỉ việc chạy thôi. Chỉ có điều nếu không mặc áo choàng, đeo giày ống, các cậu sẽ chết cóng.”

“Tín hiệu như thế nào vậy?” Annie hỏi.

“Chuông báo cháy, như buổi chiều nay. Tất cả đã được sắp đặt. Mọi đứa trẻ đều sẽ được cho biết, còn người lớn thì không. Đặc biệt là bà ta.”

Mắt chúng ánh lên niềm hy vọng và sự hào hứng. Thông điệp được truyền đi khắp cả phòng ăn. Lyra có thể thấy không khí trong phòng đã thay đổi. Khi ở bên ngoài, bọn trẻ nhanh nhẹn, hào hứng muốn chơi. Rồi chúng nhìn thấy bà Coulter, chúng như bị mắc chứng sợ hãi đến cuồng loạn, nhưng giờ chúng đã lấy lại được bình tĩnh và bắt đầu nói chuyện. Lyra ngạc nhiên trước tác động của niềm hy vọng có thể đem lại.

Cô nhìn xuyên qua cánh cửa ra vào đang mở, thật cẩn thận, lúc nào cũng sẵn sàng để cúi đầu xuống, vì có những giọng người lớn đang đến gần, rồi chính bà Coulter xuất hiện, nhìn vào và mỉm cười với những đứa trẻ đang hân hoan vui sướng bên đồ uống nóng và bánh ngọt, rất ấm áp và no đủ. Một cái rùng mình tức thì lan truyền khắp phòng ăn, tất cả bọn chúng đều cứng đờ người ra, nhìn chăm chăm vào bà.

Bà Coulter mỉm cười, đi qua không nói một lời nào. Các cuộc nói chuyện dần dần lại tiếp tục.

Lyra hỏi:

“Họ nói chuyện ở đâu vậy?”

“Có lẽ là trong phòng họp.” Annie trả lời. “Có một lần họ đã đưa bọn mình đến đó.” Cô nói thêm, ý chỉ cô và con nhân tinh của mình. “Có khoảng hai mươi người lớn ở đó và một trong số họ đang giảng bài, mình

phải đứng đó để làm theo điều ông ta bảo, như xem Kyrillion có thể đi xa khỏi mình bao xa, rồi ông ta thôi miên mình và làm những điều khác nữa... Đó là một căn phòng lớn, rất nhiều ghế, bàn và một bức giảng nhỏ. Đây, mình cá họ sẽ nói dối là cuộc tập dượt phòng chữa cháy đã kết thúc thành công. Mình cá họ cũng sợ bà ta, giống bọn mình vậy...”

Thời gian còn lại trong ngày, Lyra ở cạnh các bạn gái khác, quan sát. Nói chuyện một chút và giữ cho mọi chuyện diễn ra kín đáo. Có những bài tập, có bài học khâu vá, có bữa ăn giữa giờ, có giờ chơi trong phòng khách: một căn phòng tồi tàn với những hình thù bằng bìa cứng, mấy cuốn sách rách bươm và một chiếc bàn đánh bóng bàn. Lyra và những đứa trẻ khác nhận thấy có một sự khẩn cấp kín đáo nào đó đang diễn ra, vì những người lớn đang hồi hả qua lại ngồi thành từng nhóm lo lắng và trao đổi gấp gáp. Lyra đoán họ đã phát hiện việc các con nhân tinh trốn thoát và đang không hiểu làm thế nào chuyện này có thể xảy ra được.

Nhưng Lyra không nhìn thấy bà Coulter, việc này quả là một sự nhẹ nhõm. Khi đã đến giờ đi ngủ, cô biết mình đã tạo được sự tin tưởng trong lòng những bạn gái khác.

“Nghe này,” cô nói, “có bao giờ họ đến xem chúng ta ngủ hay chưa không?”

“Họ chỉ nhìn vào một lần,” Bella nói. “Họ chỉ chiếu đèn một lượt chứ không thực sự nhìn vào.”

“Tốt lắm. Vì mình đang định đi và xem xét xung quanh. Có một đường đi trên trần nhà mà một cậu bạn đã chỉ cho mình biết...”

Cô giải thích, và trước khi kịp nói xong, Annie nói: “Mình sẽ đi với cậu!”

“Không, tốt hơn là cậu đừng đi, vì sẽ dễ dàng hơn nếu chỉ có một người vắng mặt. Tất cả các cậu chỉ việc nói là đã đi ngủ và không biết mình đi

đâu.”

“Nhưng nếu mình đi với cậu...”

“Thì sẽ dễ bị bắt hơn.” Lyra nói.

Hai con nhân tinh của họ nhìn nhau, Pantalaimon là một con mèo hoang, Kyrillion của Annie là một con cáo. Pantalaimon khẽ rít lên với âm điệu thấp nhất, êm nhất và nhẹ răng, còn Kyrillion thì khoác lên mình vẻ lãnh đạm thờ ơ.

“Vậy thì được rồi.” Annie nói, từ bỏ ý định của mình.

Việc tranh cãi của bọn trẻ được giải quyết thông qua nhân tinh của mình như thế này khá thường xuyên, một trong hai chấp nhận sự chiến thắng của bên kia. Chủ nhân của chúng chấp nhận kết quả mà không hề bực bội, thực tế là, Lyra biết Annie sẽ làm theo lời cô.

Chúng gom các thứ đồ lại đặt lên giường Lyra để trông như thể cô vẫn đang nằm đó, rồi thế là sẽ nói chúng không biết chút gì về việc này. Sau đó Lyra nghe ngóng ở cửa để chắc chắn không có ai đang đến, nhảy lên chiếc tủ két, đẩy tấm ván trần lên và chui vào.

“Chỉ cần không nói gì là được,” cô thì thầm với ba khuôn mặt đang nhìn lên.

Rồi cô nhẹ nhàng thả tấm ván trần vào chỗ cũ và nhìn xung quanh.

Cô đang ở trong một đường hầm kim loại hẹp được chống bằng khung giầm và thanh chống. Những tấm ván trần hơi trong, vì thế chút ánh sáng ở bên dưới hắt lên. Dựa vào thứ ánh sáng lờ mờ đó mà Lyra có thể nhìn thấy khoảng không gian chật hẹp này (chỉ cao khoảng một mét) dẫn ra tất cả các hướng xung quanh cô. Nó chằng chịt những ống kim loại và đường ống dẫn nước, và rất dễ bị lạc trong đó. Nhưng nếu cô nương theo đường ống kim

loại, tránh đè nặng lên tấm ván trần và không gây ra tiếng động, cô có thể đi từ đầu này đến đầu kia của Trạm.

“Thật giống như trở lại Jordan, Pan ạ,” cô thì thầm, “nhìn trộm vào Phòng nghỉ.”

“Nếu cậu không làm thế, sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra cả.”

“Vậy thì mình phải làm thế mới đúng, phải không?”

Cô xác định phương hướng, tính toán xem phòng hội thảo ở hướng nào và bắt đầu khởi hành. Đó hoàn toàn không phải là một chuyến đi dễ dàng. Cô phải di chuyển bằng tay và đầu gối, vì nơi này quá thấp để bò, chốc chốc cô lại phải nép mình dưới những ống dẫn nước hình vuông hay uốn mình qua những đường ống dẫn nhiệt. Đường kênh kim loại cô đang bò trong đó dẫn theo đỉnh của những bức tường phía trong. Cô cảm thấy một sự yên ổn dễ chịu phía dưới mình; nhưng chúng rất hẹp, và có cạnh sắc đến nỗi làm xước các đốt ngón tay và đầu gối cô. Không bao lâu sau Lyra đã xây xát khắp người, mũi nhừ và đầy bụi.

Nhưng cô biết chính xác mình đang ở đâu, và có thể nhìn thấy đồng quần áo khoác màu đen của mình nằm phía trên ký túc xá. Cô có thể biết phòng nào đang trống vì các tấm ván trần có màu tối, có lúc cô lại nghe thấy tiếng người vọng lên từ phía dưới, dừng lại để lắng nghe, nhưng đó chỉ là những người nấu ăn trong bếp, hay các y tá, mà theo cách suy luận thông thường của cô ở Jordan, đang trong phòng riêng của mình. Họ chẳng nói điều gì thú vị, cô lại tiếp tục.

Cuối cùng cô đến nơi có lẽ là phòng hội thảo, theo cách tính toán của cô. Không nghi ngờ gì nữa, có một khoảng không gian không có đường ống nào, nơi những chiếc máy điều hoà và đường ống dẫn nhiệt được thiết kế dặt về một bên, cùng những tấm ván trần có hình chữ nhật kích thước lớn

và được chiếu sáng đều nhau. Lyra áp tai vào tấm ván và nghe thấy tiếng những người lớn đang thì thầm, cô biết mình đã đến đúng nơi cần tìm.

Cô nghe thật chăm chú, rồi nhích lại gần phía người nói. Rồi cô nằm duỗi thẳng người trong đường hầm, nghiêng đầu để nghe được rõ nhất.

Có tiếng lách cách của dao nĩa, tiếng cốc tách chạm vào nhau khi rót đồ uống, chắc họ vừa ăn tối vừa nói chuyện. Có bốn giọng nói tất cả, cô nghĩ, trong đó có bà Coulter. Ba người còn lại là nam giới. Có vẻ họ đang nói chuyện về đám nhân tinh bỏ trốn.

“Nhưng ai là người có trách nhiệm trông coi bộ phận đó?” Giọng bà Coulter nhẹ nhàng và ngân nga như tiếng nhạc.

“Một sinh viên nghiên cứu tên là McKay,” một trong những người đàn ông trả lời. “Nhưng ở đó có những thiết bị tự động để tránh cho những chuyện như thế này xảy ra...”

“Chúng đã không làm việc.” Bà ta nói.

“Chúng có làm việc, thưa bà Coulter. McKay cam đoan với chúng tôi rằng anh ta đã khoá tất cả các lồng khi rời toà nhà lúc mười một giờ hôm nay. Cửa phía ngoài tất nhiên không được mở trong bất kì trường hợp nào, vì anh ta vào và ra bằng cửa trong, như vẫn làm. Có một mật mã cần nhập vào chiếc máy điều khiển cửa, và có một bản ghi chép lại việc anh ta có làm như vậy. Nếu không làm như thế, chuông báo động sẽ reo.”

“Nhưng chuông báo động đã không reo.” Bà ta nói.

“Nó đã reo, nhưng không may là nó reo khi tất cả mọi người ở ngoài trời, tham gia vào buổi tập phòng cháy chữa cháy.”

“Nhưng khi anh quay trở lại bên trong.”

“Không may là cả hai chuông báo đều nằm chung một mạch, đây là lỗi thiết kế cần sửa lại. Có nghĩa là khi chuông báo cháy tắt sau khi thực hành, chuông báo động của phòng thí nghiệm cũng bị tắt theo. Thậm chí có như vậy nó cũng có thể được đặt lại vì công việc kiểm tra thông thường được thực hiện rất thường xuyên; nhưng lúc đó, thưa bà Coulter, bà đến rất bất ngờ không báo trước, nếu bà còn nhớ, bà đã yêu cầu được gặp nhóm thí nghiệm ngay lập tức, trong phòng của bà. Kết quả là, không ai đến phòng thí nghiệm ngay sau đó.”

“Tôi hiểu,” Bà Coulter lạnh lùng nói. “Trong trường hợp này, chắc hẳn các con nhân tinh đã tự giải thoát suốt trong buổi thực hành phòng cháy chữa cháy. Điều này làm rộng thêm danh sách những người lớn khả nghi trong Trạm. Ông đã cân nhắc đến điều đó chưa?”

“Bà có nghĩ đến chuyện vụ này là do một đứa trẻ làm không?” Ai đó hỏi.

Bà ta im lặng, rồi người đàn ông thứ hai lên tiếng.

“Mỗi người lớn đều có một nhiệm vụ riêng, và nhiệm vụ nào cũng cần họ tập trung hoàn toàn, nhiệm vụ nào cũng cần được thực hiện. Không có khả năng nào để bất cứ nhân viên nào tại đây có thể mở cửa. Không ai cả. Vì thế hoặc là những người bên ngoài đột nhập vào với mục đích làm chuyện đó, hay một trong số những đứa trẻ cố gắng tìm đường đến đó, mở cửa rồi mở cửa chiếc lồng rồi quay trở lại phía trước của toà nhà chính.”

“Ông đang làm gì để điều tra vụ này?” Bà nói. “Mà thôi, tôi nghĩ lại rồi, không cần nói với tôi. Xin hãy hiểu, thưa tiến sĩ Cooper, không phải tôi ác mồm đi chất vấn. Chúng ta phải vô cùng cẩn thận. Thật là một sai sót trầm trọng khi đặt hai chiếc chuông báo động chung một mạch. Chúng phải được sửa lại ngay lập tức. Có thể nhân viên Tartar phụ trách việc canh gác có thể giúp ích cho cuộc điều tra của ông? Tôi chỉ nhắc đến điều này như một khả năng thôi. Nhân thế, tôi muốn hỏi, những người Tartar đã ở đâu trong suốt

thời gian thực hành phòng chữa cháy? Tôi cho rằng ông đã cân nhắc chuyện đó?”

“Vâng, chúng tôi có xét đến.” Một người đàn ông nói với giọng mệt mỏi. “Những người bảo vệ đều đứng ở vị trí tuần tra, tất cả mọi người. Họ có ghi chép rất tỉ mỉ.”

“Tôi chắc rằng ông đã làm hết sức mình.” Bà ta nói. “Thôi được rồi, giờ thì chúng ta đang ở đây. Thật là vô cùng đáng tiếc. Nhưng việc này đến đây là đủ rồi. Hãy nói cho tôi biết về chiếc máy tách mới.”

Lyra rùng mình trước điều bà ta đề cập tới.

“À,” ông tiến sĩ nói, thở phào vì câu chuyện đã chuyển sang hướng khác, “đã có những tiến bộ thực sự. Với mẫu máy đầu tiên chúng tôi chẳng bao giờ vượt qua được rủi ro bệnh nhân tử vong do sốc, nhưng giờ thì khắc phục được rồi.”

“Người Skraeling đã làm điều này tốt hơn bằng tay không.” Một người đàn ông từ đầu đến giờ chưa lên tiếng nói.

“Sau hàng thế kỷ tập luyện.” Người còn lại phản bác.

“Nhưng đôi khi chia cắt đơn giản lại là lựa chọn duy nhất,” người trình bày chính nói. “Tuy nhiên, những ca mổ đau đớn thế này là dành cho người lớn. Nếu bà còn nhớ, chúng ta đã phải bỏ đi một lượng kha khá vì nguyên nhân lo âu liên quan đến căng thẳng. Nhưng thành tựu lớn đầu tiên là sử dụng thuốc mê kết hợp với dao mổ Maystadt bằng điện anbaric. Chúng ta đã có thể giảm tỉ lệ tử vong vì sốc gây ra sau phẫu thuật xuống dưới năm phần trăm.”

“Còn về thiết bị mới thì sao?” Bà Coulter hỏi.

Lyra run lên. Máu đang dồn hết đến tai cô, Pantalaimon đang nép sát thân hình chồn ecmin vào người cô, thì thầm: “Suyt, Lyra, họ sẽ không làm thế đâu — chúng mình sẽ không để họ làm thế...”

“Vâng, chính khám phá kì quặc của Ngài Asriel đã cho chúng ta chìa khoá đến với một phương pháp mới. Ông ấy phát hiện ra một hỗn hợp mangan và titanium có khả năng cách ly cơ thể con người khỏi nhân tinh. Nhân tiện tôi muốn hỏi, chuyện gì đã xảy ra với Ngài Asriel?”

“Có lẽ ông chưa nghe nói,” bà Coulter trả lời. “Ngài Asriel đang lơ lửng dưới án tử hình. Một trong những điều kiện để ông ấy được đày đến Svalbard là chấm dứt hoàn toàn công việc nghiên cứu khoa học của mình. Không may là, ông ấy đã xoay xở có được sách và các tư liệu, và ông đã đẩy những điều tra dị giáo của mình đến mức sẽ là nguy hiểm nếu để ông ta sống sót. Bằng mọi giá, có vẻ như Toà án Tôn Giáo đã cân nhắc mức án tử hình và có khả năng bản án sẽ được thực hiện. Mà cái thiết bị mới của ông, Tiến sĩ, nó hoạt động như thế nào?”

“À... vâng... án tử hình, bà vừa nói thế đúng không? Chúa nhân từ... Tôi xin lỗi. Thiết bị mới. Chúng tôi đang tìm hiểu điều gì sẽ xảy ra khi việc chia cắt được thực hiện với bệnh nhân trong tình trạng tỉnh táo, tất nhiên điều này không thể thực hiện được theo phương pháp Maystadt. Vì thế chúng tôi đã chế tạo ra một loại dao mổ. Lưỡi dao được chế tạo bằng hợp kim mangan và titanium, đứa trẻ được đặt trong một ngăn kín, giống một cabin, con nhân tinh đặt trong một ngăn kín tương tự thông sang đó. Khi thông như thế, tất nhiên, sự liên kết vẫn còn. Sau đó lưỡi dao bập xuống giữa chúng, cắt mỗi liên hệ ngay tức khắc và chúng trở thành những thực thể bị chia tách.”

“Tôi muốn được nhìn tận mắt.” Bà ta nói. “Nhanh thôi, tôi hy vọng như vậy. Nhưng giờ thì tôi mệt rồi. Tôi nghĩ tôi nên đi nghỉ. Ngày mai tôi muốn được gặp tất cả bọn trẻ. Chúng ta sẽ ra tìm kẻ nào đã mở cánh cửa đó.”

Có tiếng kéo ghế, những lời nói khách sáo, tiếng đóng cửa. Rồi Lyra nghe thấy những người còn lại tiếp tục thảo luận, nhưng khẽ hơn.

“Ngài Asriel sẽ thế nào đây?”

“Tôi nghĩ ông ấy có một ý tưởng hoàn toàn khác về tính chất của Bụi. Đó mới là mấu chốt của vấn đề. Điều này là vô cùng dị giáo. Ông biết đấy, kỉ luật của Tòa án Tôn Giáo không thể cho phép bất cứ một cách hiểu nào ngoài cách đã được công bố. Hơn nữa, ông ấy muốn thử nghiệm...”

“Thử nghiệm? Với Bụi à?”

“Suyt! Đừng nói to quá...”

“Ông có nghĩ bà ta sẽ làm một bản báo cáo không có lợi cho chúng ta không?”

“Không, không. Tôi nghĩ ông đối phó rất giỏi với bà ta.”

“Thái độ của bà ấy làm tôi lo lắng.”

“Chính xác là như vậy. Một sự thích thú mang tính cá nhân. Tôi không muốn dùng từ này, nó gần như đến mức ghê tởm.”

“Nó hơi mạnh bạo quá.”

“Nhưng ông có nhớ lần thí nghiệm đầu tiên không khi bà ta rất thích thú xem người ta kéo rời...”

Lyra không thể chịu đựng thêm được nữa: một tiếng kêu bật khỏi miệng cô, và cũng đúng lúc người cô run lẩy bẩy, chân cô đạp phải cột chống.

“Cái gì vậy?”

“Trên trần nhà...”

“Nhanh lên!”

Có tiếng xô ghế, tiếng chân người chạy, tiếng một chiếc bàn được kéo ra giữa phòng. Lyra cố bò đi, nhưng chỗ này chật chội quá, trước khi cô kịp bò đi vài mét, tấm ván trần bên cạnh cô bất ngờ bị kéo giật xuống, và cô nhìn thấy khuôn mặt một người đàn ông đang hoảng hốt. Cô ở gần tới mức có thể nhìn thấy từng sợi râu quai nón của ông ta. Ông ta cũng hoảng hốt giống cô, nhưng do có thể di chuyển thoải mái hơn, ông ta có thể giơ tay qua khoảng hờ và kéo tay cô.

“Một đứa bé!”

“Đừng để nó chạy thoát...”

Lyra cắn bập tay vào bàn tay cháy nắng to bè của ông ta. Người đàn ông hét lên nhưng không buông tay, ngay cả khi tay bị cô cắn đến chảy máu. Pantalaimon gào thét và phun phì phì, nhưng chẳng giúp được gì, người đàn ông khoẻ hơn cô rất nhiều, ông ta kéo cho đến khi cánh tay kia của cô, đang bám chặt vào cây cột chống lỏng ra. Và nửa người cô tụt xuống.

Đến lúc này, cô vẫn không kêu một tiếng. Cô ngoắc chân vào gờ sắc của tấm kim loại bên trên, giẫy giụa trong tư thế lộn ngược, cào cấu, cắn xé và phun phì phì trong cơn tức giận điên cuồng. Những người đàn ông thở hỗn hển, cầu nhàu vì đau đớn và phải gắng sức, nhưng họ vẫn tiếp tục kéo.

Đột nhiên tất cả mọi sức lực thoát hết khỏi cơ thể Lyra.

Nó như thể có một bàn tay ngoại lai đã thò vào được nơi không cánh tay nào được quyền chạm vào. Tim cô như bị bóp nghẹt.

Cô cảm thấy choáng váng, chóng mặt và mệt mỏi, lả đi vì sốc.

Một trong số họ đang giữ Pantalaimon.

Ông ta đã chộp lấy con nhân tinh của Lyra bằng bàn tay của con người, Pantalaimon đáng thương đang run rẩy, gần như mất trí vì hoảng sợ và ghê tởm. Trong thân hình mèo hoang, bộ lông của nó lúc thì nhợt nhạt đi vì yếu sức, lúc lại phản chiếu ánh sáng lấp lánh... Nó lao người về phía Lyra khi cô vươn cánh tay về phía nó...

Họ không cầm cự được nữa. Họ đã bị bắt.

Cô cảm thấy những bàn tay... Điều này là không được phép... không được chạm vào... sai trái...

“Nó chỉ có một mình phải không?”

Một người đang ngó vào lỗ hổng trên trần nhà.

“Có vẻ nó chỉ đi một mình...”

“Nó là ai vậy?”

“Đứa trẻ mới đến.”

“Đứa trẻ... những thợ săn Samoyed...”

“Đúng thế.”

“Ông có cho rằng... những con nhân tinh...”

“Có thể lắm. Nhưng không thể một mình nó được, chắc chắn như thế đúng không?”

“Chúng ta có nên nói...”

“Tôi nghĩ như thế sẽ làm mọi chuyện tồi tệ hơn, ông có nghĩ vậy không?”

“Tôi đồng ý. Sẽ tốt hơn nếu bà ta không nghe gì về chuyện này cả.”

“Nhưng chúng ta làm gì bây giờ?”

“Nó không thể quay lại chỗ những đứa trẻ khác được.”

“Không thể được!”

“Có một cách chúng ta có thể làm, tôi cho là như vậy.”

“Ngay bây giờ sao?”

“Phải như vậy thôi. Không thể để đến sáng mai được. Bà ta muốn xem.”

“Chúng ta có thể làm một mình. Không cần nhờ đến ai khác nữa.”

Người đàn ông có vẻ là người chịu trách nhiệm, người đang nắm giữ cả Lyra hay Pantalaimon, lấy móng ngón tay cái cạy răng. Đôi mắt ông ta không lúc nào nhìn thẳng; chúng ánh lên và liếc hết bên nọ sang bên kia. Cuối cùng ông ta gật đầu.

“Được rồi, làm luôn đi,” ông ta nói, “nếu không nó sẽ kêu lên đấy. Cơn sốc sẽ ngăn cản nó làm chuyện đó, ít nhất là như vậy. Nó sẽ không nhớ mình là ai, nhìn thấy gì, nghe thấy gì... nhanh lên.”

Lyra không thể mở miệng. Cô đang thở rất khó nhọc. Cô đành để mình bị mang đi dọc Trạm, dọc những hành lang màu trắng trống không, qua những căn phòng kêu o o chạy bằng năng lượng anbaric, đi qua những ký túc xá bọn trẻ con đang ngủ, những con nhân tinh trên gối bên cạnh chúng, chia sẻ những giấc mơ cùng chủ nhân. Chốc chốc Lyra lại theo dõi Pantalaimon, nó nhướn người sang cô, mắt chúng không bao giờ rời nhau.

Rồi một cánh cửa mở ra thông qua một bánh xe lớn. Không khí rít lên, một căn phòng sáng rực với đá lát sàn nhà sáng lóa và thép không gỉ. Sự sợ hãi mà bản thân cô đang cảm thấy gần như là nỗi đau thể xác — đó là cơn đau khi họ kéo cô và Pantalaimon về phía một cái lồng rất lớn đan theo

kiểu lưới bằng bạc xanh xám, phía trên đó treo một lưới dao lớn bằng bạc xám. Để chia cắt họ vĩnh viễn.

Cô lấy lại được giọng và hét lên. Âm thanh rất to đập vào các bức tường, nhưng cánh cửa nặng nề đã ngăn nó lại, dù cô có hét to đến mấy, không có âm thanh nào lọt được ra ngoài.

Như để trả lời, Pantalaimon đã vùng vẫy thoát ra khỏi những bàn tay đáng ghê tởm kia... nó biến thành một con sư tử, một con đại bàng. Nó lao vào họ bằng những móng vuốt dữ dội, đôi cánh điên cuồng, rồi nó biến thành con chó sói, con gấu, con chồn pu-toa... lao vào, gặm gừ, gào thét, biến hình nhanh đến mức không thể đoán bắt được. Pan liên tục nhảy, bay, chạy từ chỗ này sang chỗ khác trong khi những bàn tay lóng ngóng vụng về vồ trượt trong không khí.

Tất nhiên họ cũng có nhân tính của mình. Đó không phải là hai chống ba, mà là hai chống lại sáu. Một con lửng, một con cú và một con khỉ đầu chó chỉ rình để nghiền Pantalaimon xuống. Lyra đang hét lên với chúng: “Tại sao? Tại sao chúng mày lại làm như vậy? Hãy cứu chúng tôi đi! Bọn mày không nên giúp đỡ họ.”

Cô đá và cắn dữ dội hơn bao giờ hết, cho đến khi người đàn ông giữ cô thở hổn hển rồi thả cô ra trong một tích tắc — và cô được tự do. Pantalaimon lao đến với cô như một tia chớp, cô áp chặt nó vào bộ ngực đang thở dữ dội của mình, nó cắn những cái móng vuốt của loài mèo hoang đã vào da thịt cô, mỗi vết xước đối với cô đều vô cùng thân thương.

“Không bao giờ! Không bao giờ! Không bao giờ!” Cô hét lên và lúi sút vào tường để bảo vệ nó.

Nhưng họ lại lao vào cô, ba người đàn ông hung dữ, còn cô chỉ là một đứa trẻ choáng váng và đầy hãi sợ. Họ giăng Pantalaimon ra rồi ném nó vào một bên chiếc lồng đan lưới rồi đưa Lyra vẫn đang giãy giụa sang phía bên

kia. Có một tấm chăn đan mắc lưới đặt giữa họ, nhưng Pan vẫn là một phần của cô, họ vẫn hoà vào nhau. Trong một giây hoặc hơn thế, nó vẫn là linh hồn thân thương của chính cô.

Nổi bật lên trong mớ hỗn độn âm thanh của những người đàn ông, của tiếng khóc của chính mình và tiếng gào thét hoang dại của Pan, Lyra nghe được một âm thanh o o, Lyra nhìn về hướng đó và thấy một người đàn ông (máu rỉ ra từ mũi ông ta) đang vận hành một bàn phím các công tắc. Hai người kia nhìn lên, cô dõi mắt theo hướng đó. Lưỡi dao bạc màu xám to bè đang từ từ được nâng lên, phản chiếu ánh đèn sáng rực. Khoảnh khắc cuối cùng trong cuộc đời trọn vẹn của cô sắp trở thành điều tồi tệ nhất từ trước đến nay!

“Chuyện gì đang xảy ra vậy?”

Một giọng nói nhẹ nhàng ngân nga: giọng bà ấy. Tất cả mọi thứ dừng lại.

“Các ông đang làm gì ở đây vậy? Và đứa trẻ này là...”

Không cần phải nói hết chữ ai, bà ta đã lập tức nhận ra Lyra. Qua đôi mắt giàn giụa nước nhòe nhoẹt, cô nhìn thấy bà ta lão đảo bám vào thành chiếc ghế dài. Khuôn mặt xinh đẹp luôn điềm tĩnh kia, trong nháy mắt trở nên phờ phạc và kinh hãi.

“Lyra...” Bà ta thì thầm.

Con khỉ vàng bên cạnh bà lao xẹt tới, lôi Pantalaimon ra khỏi lồng trong khi Lyra tự nhào mình ra. Pantalaimon bứt mình khỏi những móng vuốt đầy lo lắng của con khỉ, lao vào vòng tay của Lyra.

“Không bao giờ! Không bao giờ!” Cô bé vùi mặt vào bộ lông của Pan trong khi nó áp tim mình vào tim cô.

Chúng ôm chặt lấy nhau như những người sống sót sau một trận đắm tàu, run rẩy trên đảo hoang. Cô loáng thoáng nghe tiếng bà Coulter nói chuyện với những người đàn ông, nhưng thậm chí bà ta còn không diễn đạt nên lời. Rồi họ ra khỏi căn phòng đáng sợ đó, bà Coulter nửa bế nửa dìu cô đi dọc một hành lang. Sau đó tới một cánh cửa, một chiếc giường ngủ, mùi không khí, ánh sáng nhẹ nhàng.

Bà Coulter nhẹ nhàng đặt cô xuống giường. Vòng tay Lyra ghì chặt Pantalaimon đến nỗi cô run rẩy trước tác động của nó. Một bàn tay nhẹ nhàng đặt lên trán cô.

“Cháu yêu, cháu yêu quý của ta,” giọng nói ngọt ngào cất lên. “Làm thế nào mà cháu đến đây được?”

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần II - Chương 17: Phần 1

Lyra rên rỉ và run lên một cách vô thức, như thể cô vừa được vớt lên từ mặt nước lạnh giá đến nỗi trái tim cô gần như đóng băng. Pantalaimon nằm áp vào da thịt cô, phía trong lớp áo, nhưng vẫn để ý bà Coulter đang pha thứ nước gì đó, và theo sát con khỉ vàng với những móng vuốt cứng nhọn hời hả vuốt khắp người Lyra, lần xung quanh bụng cô chỗ đeo chiếc túi với các thứ bên trong.

“Ngồi lên nào, cưng, và uống thứ này đi.” Bà Coulter nói, cánh tay dịu dàng của bà luồn quanh lưng Lyra đỡ cô ngồi dậy.

Lyra nghiêng rằng lại nhưng lập tức thư giãn khi Pantalaimon dùng ý nghĩ nói với cô: chúng ta sẽ chỉ an toàn cho đến khi vẫn còn giả vờ. Cô mở mắt và nhận thấy nó vẫn còn ngấn nước, cô khóc thốn thức trước sự ngạc nhiên và xấu hổ của mình.

Bà Coulter xuýt xoa an ủi và đặt cốc nước vào tay con khỉ trong khi lau mắt cho Lyra bằng chiếc khăn tay sức nước hoa.

“Hãy khóc thoải thích, bé yêu,” giọng nói êm dịu cất lên, Lyra quyết tâm dừng lại ngay khi cô có thể. Cô cố cầm nước mắt và cắn chặt hai môi lại, cô ghì nén tiếng thốn thức vẫn đang làm ngực cô phập phồng lên xuống.

Pantalaimon lại tiếp tục: hãy đánh lừa họ, hãy đánh lừa họ. Nó biến thành con chuột, bò khỏi tay Lyra để khẽ đánh hơi vào cốc đồ uống con khỉ đang bê. Nó không có độc: một cốc nước hầm hoa cúc La Mã, ngoài ra không có gì khác. Nó bò trở lại vai Lyra, thì thầm: “Uống đi.”

Cô ngồi dậy và cầm cốc đồ uống nóng bằng cả hai tay, vừa nhấp từng ngụm nhỏ vừa thổi cho nguội. Cô nhìn xuống. Cô cần phải giả bộ cứng rắn hơn bất cứ lúc nào trong đời mình.

“Lyra, cưng,” bà Coulter thì thầm, vuốt tóc cô, “ta nghĩ chúng ta đã mất cháu mãi mãi! Chuyện gì đã xảy ra vậy? Cháu bị lạc phải không? Có phải người nào đó đã đưa cháu ra khỏi căn phòng phải không?”

“Vâng,” Lyra thì thầm.

“Ai thế, cháu yêu?”

“Một người đàn ông và một người đàn bà.”

“Những vị khách trong bữa tiệc phải không?”

“Cháu nghĩ thế, họ nói bà cần thứ gì đó ở dưới nhà và cháu đi xuống dưới rồi họ chop lấy cháu và đưa cháu vào một chiếc xe đồ đâu đó. Nhưng khi họ dừng lại, cháu chạy nhanh ra ngoài và lẩn đi khiến họ không bắt được cháu. Nhưng cháu không biết mình đang ở đâu...”

Một cơn thốn thức nữa làm cô khẽ rùng mình, nhưng cơn thốn thức giờ đã nhẹ nhàng hơn, và cô có thể giả vờ, lần này cô khóc vì câu chuyện của mình.

“Rồi cháu chỉ lang thang cố tìm đường về, rồi những tên Gà trống tây đã bắt cháu... Rồi họ cho cháu vào một chiếc xe tải với những đứa trẻ khác và đưa đi đâu đó, một toà nhà lớn, cháu không biết nó ở đâu.”

Mỗi giây qua đi, với mỗi câu cô nói, cô cảm thấy chút sức mạnh đang trở lại. Giờ đây cô đang làm vài thứ khó khăn nhưng quen thuộc và không bao giờ có thể dự đoán trước, gọi là nói dối, cô lại cảm thấy tự chủ, cảm giác pha trộn giữa phức tạp và chế ngự mà Chân-kế mang lại cho cô. Cô phải thật thận trọng và không nói điều gì quá vô lý; cô phải mập mờ ở chỗ này

và tạo ra những chi tiết có vẻ đáng tin cậy ở chỗ kia; trong chừng mực nào đó, cô phải là một nghệ sĩ.

“Họ giữ cháu trong toà nhà đó bao lâu?” Bà Coulter hỏi.

Chuyến đi của Lyra dọc những kênh đào và thời gian ở cùng những người Gypsy đã mất hàng tuần: cô phải tính toán thời gian đó. Cô bịa ra một chuyến đi biển đến Trollesund cùng bọn Gà trống tây, rồi một cuộc đào tẩu, thêm những chi tiết quan sát thấy trong thành phố, một khoảng thời gian hầu bàn chạy việc lật vật ở Quán rượu Einarsson, tiếp đến là khoảng thời gian ngăn làm việc cho một gia đình nông dân, rồi bị người Samoyed bắt và đưa đến Bolvangar.

“Và họ đã định... đã định cắt...”

“Suyt, cứng, suyt. Ta sẽ tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra”

“Nhưng tại sao họ lại định làm như vậy? Cháu chẳng bao giờ làm việc gì xấu cả! Tất cả bọn trẻ con đều sợ hãi trước những gì đang xảy ra ở đây, và không ai biết đó là chuyện gì... tại sao họ lại làm như vậy, bà Coulter? Tại sao họ lại độc ác như vậy?”

“Phải. Phải... Cháu sẽ được an toàn, cứng của ta. Họ sẽ không bao giờ làm như vậy với cháu. Giờ thì ta đã biết cháu đang ở đây, và cháu được an toàn, cháu sẽ không bao giờ còn gặp nguy hiểm nữa. Sẽ không có ai làm hại cháu được đâu, Lyra thân yêu của ta, sẽ không ai làm cháu đau được đâu.”

“Nhưng họ làm như thế với những đứa trẻ khác! Tại sao vậy?”

“À, cháu yêu...”

“Đó là Bụi, phải không?”

“Họ nói với cháu như vậy phải không? Có phải các bác sĩ nói thế không?”

“Bọn trẻ biết điều đó. Tất cả các đứa trẻ đều bàn tán về nó, nhưng không người lớn nào biết cả! Họ gần như đã làm thế với cháu — bà phải nói cho cháu biết! Bà không có quyền giữ bí mật về chuyện này nữa, không một phút nào nữa!”

“Lyra... Lyra, Lyra. Cháu yêu, có rất nhiều khái niệm khó hiểu, Bụi và các thứ khác nữa. Đó không phải là điều bọn trẻ cần lo lắng. Nhưng những bác sĩ làm điều này vì lợi ích của chính những đứa trẻ, cháu yêu của ta. Bụi là thứ gì đó xấu xa, sai lầm, tội lỗi và nguy hại. Những người trưởng thành và nhân tính của họ bị nhiễm phải Bụi sâu đến mức đã là quá muộn đối với họ. Họ không thể được cứu giúp nữa... Nhưng chỉ cần một phẫu thuật nhanh chóng là chúng đã được an toàn khỏi nó. Bụi sẽ không bao giờ còn bám lên người chúng nữa. Chúng sẽ an toàn, hạnh phúc và...”

Lyra nghĩ đến Tony Makarios bé bỏng. Cô đột ngột nhoài người về phía trước và nôn ọe. Bà Coulter lùi lại phía sau.

“Cháu ổn chứ, cưng? Hãy vào phòng tắm...”

Lyra cố nuốt vào và dụi mắt.

“Bà không cần thiết phải làm thế với chúng cháu,” cô nói. “Bà có thể thả chúng cháu ra. Cháu cá là Ngài Asriel sẽ không để cho bất cứ ai làm việc đó nếu biết chuyện gì đang xảy ra. Nếu ông ấy có Bụi, bà có Bụi và ông Hiệu trưởng Jordan cùng tất cả những người trưởng thành khác đều có Bụi, chắc chắn nó phải tốt. Khi ra khỏi đây cháu sẽ nói cho toàn bộ những đứa trẻ trên thế giới biết về nó. Hơn nữa, nếu việc làm này thực sự tốt đến thế, bà nên để họ thực hiện với cháu. Đáng lẽ bà phải vui mới phải.”

Bà Coulter lắc đầu và mỉm cười một nụ cười buồn bã và hiểu biết.

“Cưng ơ,” bà nói, “một số điều tốt vẫn làm chúng ta đau đớn, và nó đương nhiên sẽ làm những người khác lo ngại nếu cháu lo ngại... Nhưng điều này không có nghĩa con nhân tinh của cháu bị mang đi khỏi cháu. Nó vẫn ở đó. Tin ta đi, nhiều người trưởng thành ở đây đã làm phẫu thuật. Các y tá có vẻ vẫn khá là hạnh phúc, đúng vậy không?”

Lyra chớp mắt. Đột nhiên cô hiểu ra sự thờ ơ trống rỗng thường trực của chúng, cái cách những con nhân tinh bé nhỏ của họ đi thong dong như bị mộng du.

Cô không nói gì cả, suy nghĩ, và ngậm chặt miệng lại.

“Cưng ơ, chưa có ai từng mơ đến việc thực hiện một phẫu thuật trên người đứa trẻ mà không thử nghiệm trước. Hàng nghìn năm nay, chưa ai có thể mang nhân tinh của một đứa trẻ đi! Tất cả những điều xảy ra chỉ là một vết cắt nhỏ, và rồi tất cả mọi chuyện sẽ yên ổn. Vĩnh viễn! Cháu thấy đấy, con nhân tinh của cháu là một người bạn, một người bạn trung thành tuyệt vời khi cháu còn nhỏ, nhưng ở độ tuổi dậy thì, độ tuổi cháu sắp trải qua, cưng ạ, những con nhân tinh mang lại mọi ý nghĩ và cảm giác rắc rối, đó chính là cái giúp Bụi chen vào. Một phẫu thuật nhỏ nhanh chóng trước lúc đó, cháu sẽ không còn gặp rắc rối kiểu đó nữa. Con nhân tinh vẫn ở lại với cháu, chỉ... chỉ có điều là không có liên hệ. Giống như một... như một con vật yêu tuyệt vời, nếu cháu thích thế. Con vật yêu ngoan ngoãn nhất trên đời! Cháu không thích như vậy sao?”

Ôi, một kẻ nói dối độc ác nhất, ôi, điều dối trá đáng xấu hổ nhất mà bà ta từng nói! Và thậm chí dù Lyra không biết đó là những lời dối trá (về Tony Makarios, những con nhân tinh bị giam trong lồng) cô cũng vô cùng căm ghét những lời nói đó. Tâm hồn yêu thương của cô, người bạn trung thành thân thiết trong trái tim cô, bị tách ra và chỉ còn là một con vật đáng yêu quanh quẩn quanh chân? Lyra gần như muốn nổ tung vì căm ghét, Pantalaimon đang nằm trong tay cô biến thành con chồn pu-toa, con vật xấu xí và độc ác nhất trong các hình thù nó từng biến ra rồi găm gù.

Nhưng họ không nói gì cả, Lyra ôm chặt Pantalaimon và để bà Coulter vuốt tóc cô.

“Hãy uống nước hoa cúc La Mã của cháu đi.” Bà Coulter nhẹ nhàng nói, “Chúng ta sẽ bảo họ chuẩn bị giường ngủ cho cháu tại đây. Không cần thiết phải quay về ngủ chung với các bạn gái khác, khi mà giờ đây ta đã tìm lại được người trợ lý của mình. Cô bé yêu quý của ta! Người trợ lý tốt nhất trên đời. Cháu biết không cưng, chúng ta đã tìm cháu khắp cả London? Chúng ta yêu cầu cảnh sát tìm kiếm tất cả các thị trấn trong vùng. Ôi, ta đã nhớ cháu rất nhiều và ta không thể nói cho cháu hiểu ta hạnh phúc đến thế nào khi tìm lại được cháu đâu...”

Suốt quãng thời gian đó, con khỉ vàng cứ bồn chồn không yên. Lúc thì nó nằm trên bàn ve vẩy đuôi, lúc lại bám dính lấy bà Coulter và kêu khe khẽ vào tai bà, lúc lại chạy vòng quanh phòng với chiếc đuôi dựng ngược. Tất nhiên nó đã làm bại lộ sự sốt ruột của bà Coulter. Cuối cùng bà ta không thể giữ nó được trong lòng nữa.

“Lyra, cưng,” bà ta nói, “ta nghĩ ông Hiệu trưởng Jordan đã đưa cháu thứ gì đó trước khi cháu đi, phải vậy không? Ông ấy đã đưa cháu chiếc Chân-kế. Rắc rối là ở chỗ, ông ta không có quyền đưa nó cho ai cả. Nó được giao lại cho ông ấy cất giữ. Nó thực sự quá quý giá để mang ra ngoài — cháu biết đấy, nó là một trong hai hay ba cái duy nhất trên thế giới! Ta nghĩ ông Hiệu trưởng đưa nó cho cháu với hy vọng nó sẽ rơi vào tay ngài Asriel. Ông ấy bảo cháu không được để ta biết, đúng không?”

Lyra mím chặt môi.

“Được, ta hiểu mà. Thôi, đừng lo, cưng, về chuyện cháu đã không nói với ta. Như thế là cháu đã không nuốt lời hứa với bất cứ người nào. Nhưng nghe này, cưng, nó thực sự cần được trông non cẩn thận, ta lo là nó quá quý hiếm và dễ vỡ tới mức chúng ta không thể để nó chịu rủi ro lâu hơn nữa.”

“Tại sao lại không nên để ngài Asriel có được nó?” Lyra nói, không động đây.

“Vì điều ông ấy đang làm. Cháu biết ông ấy đã bị đưa đi đây, vì trong đầu óc ông ta có những tư tưởng nguy hiểm và tội lỗi. Ông ấy cần Chân-kế để hoàn thành kế hoạch của mình, nhưng tin ta đi, chừng, điều cuối cùng bất cứ ai có thể làm là để ông ấy có được nó. Ông Hiệu trưởng Jordan đã sai lầm một cách đáng buồn. Nhưng giờ thì cháu biết rồi đấy, sẽ tốt hơn nếu để ta giữ nó, phải không nào? Nó sẽ giúp cháu thoát khỏi những rắc rối khi mang nó đi khắp mọi nơi, và lúc nào cũng canh cánh lo cách trông giữ nó. Chắc nó phải là một gánh nặng lớn, không hiểu một thứ cổ lỗ ngớ ngẩn như thế lại có tác dụng với...”

Lyra tự hỏi không hiểu sao cô từng có lúc thấy người phụ nữ này là thú vị và thông minh.

“Vì thế nếu bây giờ cháu đang giữ nó, cháu yêu ạ, sẽ thực sự tốt hơn nếu cho cháu nếu để ta giữ nó. Nó ở trong chiếc túi quanh bụng cháu, phải không? Ừ, làm thế là thông minh đấy, khi giấu nó đi như thế...”

Bà ta luồn tay quanh váy Lyra và tháo chiếc túi vải dầu cứng đờ ra. Lyra vô cùng căng thẳng. Con khỉ vàng đang nằm ở cuối giường, run lên vì hồi hộp, hai bàn tay màu đen cho lên mồm. Bà Coulter rút chiếc bao lưng ra khỏi người Lyra và mở ra. Bà ta đang thở gấp. Bà ta mang cái gối bọc vải nhung và tháo ra, thấy chiếc hộp thiếc nhỏ Iorek Byrnison đã làm.

Pantalaimon biến lại thành con mèo, nó căng thẳng đến mức không thể nhảy lên được. Lyra đưa chân ra xa khỏi bà Coulter đặt chân xuống sàn nhà để có thể chạy đi khi có cơ hội.

“Cái gì thế này?” Bà Coulter hỏi, có vẻ rất thích thú. “Một chiếc hộp cũ trông buồn cười quá! Cháu cho nó vào trong này để giữ cho nó an toàn phải không, chừng? Cả những thứ rong rêu này nữa... cháu đã rất cẩn thận, đúng

không? Một chiếc hộp nữa, bên trong cái hộp kia! Hàn kín lại nữa! Ai làm vậy, cưng?”

Bà ta quá sốt ruột muốn mở ra nên không đợi câu trả lời. Bà ta có một con dao trong túi xách tay có kèm theo rất nhiều công dụng khác, bà ta kéo ra một lưỡi dao và cắm nó vào nắp hộp.

Ngay lập tức tiếng vù vù tràn ngập căn phòng.

Lyra và Pantalaimon ôm nhau đứng yên. Bà Coulter, luống cuống, tò mò, kéo mạnh nắp hộp, con khi vàng cúi người gần hơn để nhìn.

Rồi trong khoảnh khắc bóng đen của sinh vật do thám lao ra khỏi chiếc hộp, đâm mạnh vào mặt con khi.

Họ hét lên, giật người về phía sau, và tất nhiên việc này cũng làm bà Coulter bị đau. Bà ta hét lên đau đớn, hoảng sợ cùng con khi, rồi con quỷ nhỏ lao vào bà ta, leo lên ngực, cổ họng rồi lên mặt.

Lyra không chần chừ một giây. Pantalaimon nhảy ra cửa chính, Lyra theo phía sau, cô mở tung cửa và chạy nhanh hơn bất cứ lúc nào trong đời trước đây.

“Chuông báo cháy!” Pantalaimon kêu rít lên và bay lượn trên đầu cô.

Cô nhìn thấy một cái nút ở góc đường tiếp theo, đập vỡ lớp kính bảo vệ bên ngoài bằng một nắm đấm. Cô tiếp tục chạy, hướng về phía các ký túc xá, phá tung một chuông báo khác và mọi người bắt đầu chạy ra các hành lang, nhìn trước nhìn sau tìm chỗ cháy.

Lúc này cô đã ở gần nhà bếp. Pantalaimon truyền vào đầu cô một ý nghĩ, và cô lao đi. Một lúc sau cô đã bật tất cả vòi gas và bật một que diêm ném vào chiếc đèn gần nhất. Rồi cô giật một túi bột mì trên giá và ném mạnh nó

vào cạnh bàn làm chiếc túi vỡ toạc ra, lấp đầy không khí thứ bột trắng, vì cô nghe nói bột mì sẽ gây nổ khi để cạnh lửa.

Cô chạy ra ngoài thật nhanh về ký túc xá của mình. Các hành lang đã chật ních người: những đứa trẻ chạy ngược chạy xuôi, đầy phấn khích, vì từ “trốn thoát” đã được truyền đi. Đứa trẻ lớn tuổi nhất đang đến nhà kho nơi quần áo được cất giữ và đưa những đứa nhỏ hơn đi cùng. Người lớn đang cố gắng mọi cách điều khiển, không ai trong số họ hiểu chuyện gì đang xảy ra. Người ta la hét, xô đẩy, kêu gào, chen lấn khắp mọi nơi.

Lyra và Pantalaimon luồn qua đám người như những con cá, hướng về phía ký túc xá, và vừa lúc họ đến được đó, một tiếng nổ vang lên ở phía sau làm rung chuyển cả toà nhà.

Những cô gái khác đã chạy ra ngoài, căn phòng trống trơn. Lyra đẩy chiếc tủ kết vào góc phòng, nhảy lên, lôi đồng quần áo ra khỏi trần nhà, kiểm tra chiếc Chân-kế. Nó vẫn còn ở đó. Cô nhanh chóng khoác áo ấm lên người, đội mũ trùm lên đầu, rồi Pantalaimon, biến thành một con vệt đậu trước cửa, gọi:

“Được rồi đấy!”

Cô chạy ra ngoài. Thật nhanh chóng có một đám trẻ đã tìm thấy áo ấm đang chạy qua hành lang ra cửa chính, cô hoà vào đó, mồ hôi túa ra, trái tim cô đập thình thịch, cô hiểu rằng mình phải trốn thoát hoặc là chết.

Đường đi đã tắc nghẽn. Ngọn lửa trong gian bếp lan ra nhanh chóng, khí gas hay bột mì, hay một thứ gì đó đã làm một mảng trần sụp xuống. Người ta đang trèo lên những thanh chống cong queo và xà nhà để ra được không gian lạnh cắt da cắt thịt. Mùi gas rất nặng. Có một tiếng nổ khác vang lên, to hơn và gần hơn tiếng nổ trước. Luồng hơi toả ra từ vụ nổ làm nhiều người ngã ra, tiếng kêu hãi hùng và đau đớn vang lên khắp mọi nơi.

Lyra cố gắng lao lên, Pantalaimon kêu: “Lối này! Lối này!” giữa những tiếng kêu gào và run rẩy của đám nhân tinh. Cô lao mình qua đám lộn xộn. Không khí cô đang hít thở như đông cứng lại, cô hy vọng những đứa trẻ khác có thể xoay sở để tìm được áo mặc ngoài trời của mình. Sẽ là đáng tiếc nếu chạy trốn khỏi trạm chỉ để chết vì lạnh giá.

Giờ thì lửa đã cháy rất to. Khi chạy ra ngoài dưới bầu trời đêm cô có thể nhìn thấy ngọn lửa đang liếm thành một lỗ lớn bên cạnh toà nhà. Một đám trẻ con và người lớn đang đứng ở lối vào chính, nhưng lúc này cả trẻ con và người lớn đều sợ hãi hơn rất nhiều.

“Roger! Roger!” Lyra gọi, Pantalaimon, với đôi mắt tinh tường như một con cú, hét lên báo nó đã tìm thấy cậu.

Một thoáng sau chúng đã tìm thấy nhau.

“Hãy nói tất cả các bạn ấy đi theo mình!” Lyra hét vào tai cậu.

“Các bạn ấy sẽ không nghe đâu, tất cả đều đang rất hốt hoảng...”

“Hãy nói với các bạn ấy họ đã làm gì với những đứa trẻ đã biến mất! Họ tách nhân tinh ra bằng một lưỡi dao lớn! Hãy nói điều cậu nhìn thấy chiều nay... tất cả các con nhân tinh đã được thả ra! Hãy nói cho họ biết điều gì sẽ xảy ra nếu không chạy ra khỏi đây!”

Roger há hốc mồm, hoảng sợ, nhưng rồi cậu thu hết can đảm và chạy đến nhóm những đứa trẻ đang bối rối gần nhất. Lyra cũng làm thế. Khi thông tin được truyền đi, một số đứa trẻ hét lên và ôm chặt lấy nhân tinh đầy sợ hãi.

“Đi cùng mình!” Lyra kêu to. “Có một đội giải cứu đang đến! Chúng ta cần phải ra khỏi khu nhà này! Nào, chạy đi!”

Bọn trẻ nghe lời cô, chạy theo sau, luồn qua hàng rào đại lộ có nhiều cột đèn, giày ống của chúng kêu lộp cộp và rin rít trên nền đất tuyết lèn chặt.

Phía sau họ, người lớn đang la hét, có một tiếng nổ âm âm, tiếng đổ sụp và một phần toà nhà đổ xuống. Những tia lửa vụt lên trong không khí, những ngọn lửa bùng lên với những âm thanh như tiếng xé vải; nhưng từ trong đó vang lên một âm thanh khác, khủng khiếp đến chết người. Lyra chưa từng nghe thấy âm thanh đó bao giờ, nhưng cô lập tức hiểu ra: đó là tiếng hú của những con nhân tinh chó sói của đội bảo vệ người Tartar. Cô cảm thấy bủn rủn chân tay, nhiều đứa trẻ hoảng hốt vấp ngã rồi dừng lại, vì người Tartar bảo vệ đầu tiên với những bước chân sỏi dài thoăn thoắt đã xuất hiện, khẩu súng trường đã sẵn sàng, với cái bóng màu xám của con nhân tinh khoẻ mạnh chạy bên cạnh.

Rồi một người nữa, một người nữa. Họ đều mặc áo giáp có đệm bên trong, họ không có mắt, hay ít nhất người ta không thể thấy con mắt nào phía sau những chiếc mũ sắt của họ. Những con mắt duy nhất có thể nhìn thấy là những đầu nòng súng trường tròn đen ngòm và những đôi mắt màu vàng rực sáng trên những cái mõm đang chảy nước ròng ròng của bọn sói.

Lyra luống cuống. Cô chưa từng lường trước những con chó sói này đáng sợ đến mức nào, giờ thì cô đã biết được việc những người Bolvangar dễ dàng vi phạm điều cấm kỵ không chạm vào nhân tinh của người khác đến mức nào, người cô run lên khi nghĩ đến những chiếc răng nanh kia cắm vào da thịt cô...

Đội quân Tartar chạy đến tạo thành một hàng ngang chắn giữa lối ra chính và đại lộ nhiều cột đèn, những con nhân tinh ở bên cạnh trật tự và có kỷ luật như vốn có. Một phút sau có thêm hàng thứ hai, có thêm những người khác đang đến, và nhiều người khác phía sau họ. Lyra nghĩ với nỗi thất vọng tràn trề: bọn trẻ con không thể đánh lại những chiến binh. Đây không giống như trận chiến tại mấy Mỏ Đất sét ở Oxford, ném những cục bùn vào những lò đốt gạch của đám trẻ con.

Hay có lẽ là giống! Cô nhớ đến cảnh mình ném những nắm đất sét vào khuôn mặt to bè đang hướng về mình của cậu bé con nhà đốt lò gạch. Cậu ta phải dừng lại để dụi mắt, rồi những đứa trẻ thành phố nhào vào cậu ta.

Lúc đó cô đang đứng trên một đồng bùn. Giờ đây cô đang đứng trên tuyết.

Giống như cô đã làm chiều hôm đó, nhưng giờ thì dứt khoát và mạnh mẽ hơn, cô chụm hai tay lại vốc một vốc tuyết to và ném vào mặt người chiến binh ở gần mình nhất.

“Ném vào mắt họ đi!” Cô gào lên, bốc một nắm tuyết nữa.

Những đứa trẻ khác làm theo, nhân tinh của ai đó có sáng kiến bay thật nhanh bên cạnh những quả cầu tuyết và thúc thẳng vào khe hở của đôi mắt — rồi tất cả các con nhân tinh cũng hòa vào, một lúc sau những người Tartar đã bắt đầu nhảy như chơi chơi bực tức chửi rủa và cố gạt mấy nắm tuyết bị nén lại khỏi khoảng trống hẹp phía trước mắt mình.

“Nhanh lên!” Lyra hét và lao mình vào cánh cổng dẫn ra đại lộ nhiều cột đèn.

Bọn trẻ nổi thành dòng phía sau cô, tất cả mọi người, lẩn tránh những cái mõm đang đớp của lũ chó sói và chạy nhanh hết mức có thể xuống đại lộ dẫn ra vùng không gian tối đen mênh mang đang mời gọi phía trước.

Một tiếng hét chói tai phía sau vang lên khi một sĩ quan hô to ra lệnh, rồi sau đó một vệt sáng từ khẩu súng trường vang lên ngay lập tức, rồi một tiếng hét khác, rồi tất cả chìm vào im lặng nặng nề, chỉ có tiếng bước chân và hơi thở hỗn hển của bọn trẻ chạy trốn.

Họ đang ngấm bấn. Họ sẽ không bấn trượt.

Nhưng trước khi họ kịp nổ súng, một tiếng nắc nghẹn ngào vang lên từ một trong những người Tartar, rồi một tiếng hét ngạc nhiên vang lên từ những người khác.

Lyra ngừng chân và quay lại nhìn người đàn ông nằm trên nền tuyết, một mũi tên có chùm lông màu xám cắm trên lưng. Anh ta đang quằn quại, co giật và ho ra máu, những người còn lại đang nhìn ngó xung quanh xem ai là người bắn tên, nhưng chẳng ai nhìn thấy xạ thủ cả.

Tiếp đến một mũi tên khác bắn xuống từ trên bầu trời, cắm vào đầu một người đàn ông. Anh ta ngã xuống ngay lập tức. Với một tiếng hét của người sĩ quan, tất cả đồng loạt nhìn lên trời.

“Các phủ thủy!” Pantalaimon nói.

Họ đây rồi: những bóng hình màu đen thanh nhã bay lượn trên cao, với những tiếng vun vút và tiếng rít của không khí khi lọt qua những cảnh thông mây họ cười. Khi Lyra quan sát, một người lượn thấp xuống và bắn một mũi tên: lại một người đàn ông nữa ngã xuống.

Rồi tất cả đám người Tartar hướng súng trường lên và nổ súng vào bóng tối, không nhắm vào gì cả, vào những bóng người, vào những đám mây, và ngày càng nhiều những mũi tên đổ xuống đầu họ.

Nhưng người sĩ quan phụ trách nhận thấy hầu hết bọn trẻ đã thoát ra ngoài, lệnh cho một nhóm người đuổi theo. Vài đứa trẻ hét lên, và thêm nhiều tiếng thét nữa, chúng không tiến lên phía trước nữa và quay lại hoảng loạn và sợ hãi trước một bóng hình khổng lồ đang lao về phía chúng trong bóng tối của đại lộ nhiều cột đèn.

“Iorek Byrnison!” Lyra hét lên, ngực cô như nổ tung vì mừng rỡ.

Con gấu mặc áo giáp sắt đang làm nhiệm vụ dường như chẳng để ý đến gì khác ngoài việc giữ cho mình thăng bằng. Nó lướt qua Lyra nhanh như

một chiếc bóng và lao vào những người Tartar, những chiến binh đang chạy tán loạn, những con nhân tinh, súng trường và tất cả bọn họ. Rồi nó dừng lại, lắc lắc với sức mạnh dẻo dai và vung ra hai nắm đấm vào người lính canh gần nhất.

Một con nhân tinh chó sói lao vào nó: nó quật con chó sói vào không trung, con sói rít và hú lên trước khi biến mất. Chủ của nó chết ngay lập tức.

Người sĩ quan Tartar, đối mặt với hai sự tấn công, không hề nao núng. Một tiếng hét dài ra lệnh, toán người chia ra làm đôi. một chống chọi với các phù thủy, phần lớn hơn tấn công con gấu. Toán quân của ông ta dừng cảm đến kỳ lạ. Họ quỳ xuống theo từng nhóm bốn người và nổ súng như thể đang trong sân tập bắn, không lùi lấy một phân khi những nắm đấm mạnh mẽ của Iorek lao đến phía họ. Chỉ một khoảnh khắc sau họ đã chết.

Iorek tiếp tục tấn công, nó quay sang một phía, đập, gào thét, giẫm đạp trong khi những viên đạn vẫn lao vào nó như mộ đàn ruồi, không có một chút tác dụng nào. Lyra thúc bọn trẻ tiếp tục chạy vào vùng tối phía dưới những cột đèn, chúng cần phải chạy thoát, vì sự nguy hiểm đến từ những người Tartar, nhưng ghê gớm hơn nữa là sự nguy hiểm đến từ những người lớn ở Bolvangar.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Ii - Chương 17: Phần 2

Vì thế cô gọi, vẫy và đẩy bọn trẻ chạy tiếp. Khi những ngọn đèn phía sau họ đổ những bóng dài trên tuyết, Lyra thấy trái tim mình lao trong đêm tối thăm thẳm của Bắc cực và cái lạnh cắt da cắt thịt, lao vào nó để học cách yêu nó như Pantalaimon đang làm, một con thỏ rừng đang sung sướng vì tự do sỏi bước.

“Chúng mình đi đâu đây?” Ai đó hỏi.

“Ở ngoài này chẳng có gì ngoài tuyết!”

“Có một đội giải cứu đang đến đây,” Lyra nói với chúng. “Có khoảng năm mươi người Gypsy có con em bị mất tích, họ đều cử đại diện đến.”

“Mình không phải người Gypsy.” Một cậu bé nói.

“Không sao đâu. Họ cũng sẽ đưa cậu đi.”

“Đi đâu?” Ai đó nói với giọng câu kinh.

“Về nhà.” Lyra trả lời. “Đó là lý do mình đến đây, để giải cứu các bạn, mình đưa những người Gypsy tới đây để đưa các bạn trở về nhà. Chúng mình chỉ việc đi thêm chút nữa rồi sẽ tìm thấy họ. Con gấu đi cùng với họ, vì thế họ không thể ở xa đây được.”

“Cậu có nhìn thấy con gấu đó không!” Một cậu bé lên tiếng. “Khi nó quật con nhân tinh xuống, người đàn ông chết ngay như thể có người moi trái tim của anh ta ra, đúng là như thế đấy!”

“Mình chưa hề biết là nhân tinh có thể bị giết,” đứa nào đó nói.

Tất cả bọn trẻ giờ đều nói chuyện, sự hào hứng và nhẹ nhõm khiến mọi người đều muốn nói chuyện. Nếu chúng vẫn tiếp tục đi, việc nói chuyện sẽ không gây trở ngại gì.

“Có đúng không?” Một cô bé nói. “Chuyện người ta làm ở đó ấy?”

“Ừ,” Lyra nói. “Mình không bao giờ nghĩ sẽ nhìn thấy người nào không có nhân tinh. Nhưng trên đường đến đây, mình đã tìm thấy một cậu bạn chỉ có một mình mà không có con nhân tinh nào bên cạnh. Cậu ấy cứ luôn miệng hỏi về nó, nó đang ở đâu, nó có tìm thấy cậu ấy không. Cậu ấy tên là Tony Makarios.”

“Mình biết cậu ấy!” Một đứa trẻ nói, những đứa khác hòa theo: “Đúng rồi, họ đưa cậu ấy đi khoảng một tuần...”

“Ừ, họ đã tách con nhân tinh của cậu ấy ra,” Lyra nói, cô hiểu nói như thế sẽ tác động đến bọn trẻ như thế nào. “Một khoảng thời gian ngắn sau khi chúng mình tìm được cậu ấy, cậu ấy đã chết. Còn tất cả những con nhân tinh họ tách ra khỏi chủ, họ giam trong những chiếc lồng trong một toà nhà hình vuông ở đó.”

“Đúng đấy,” Roger lên tiếng. “Lyra đã thả chúng ra trong buổi lập phòng chữa cháy.”

“Đúng rồi,” Billy Costa nói. “Lúc đầu mình không nhìn ra chúng là cái gì, nhưng mình đã thấy chúng bay đi cùng một con ngỗng.”

“Nhưng tại sao họ lại làm vậy?” một cậu bé thắc mắc. “Tại sao họ lại tách nhân tinh của con người ra? Như thế thật là đau đớn! Sao họ lại làm vậy?”

“Bụi,” ai đó nói với giọng ngờ vực.

Nhưng cậu bé cười một cách khinh thường. “Bụi!” Cậu nói. “Chẳng có thứ đó đâu! Họ chỉ bịa ra thôi! Mình không tin là có nó.”

“Đây này,” ai đó nói. “Hãy nhìn điều đang xảy ra với khí cầu zeppelin!”

Tất cả chúng đều quay lại. Dưới ánh sáng chói loà, nơi cuộc chiến vẫn đang tiếp diễn, thân hình rất dài của chiếc khí cầu không còn trôi nổi tự do tại chiếc cột trụ khí cầu nữa. Đầu nó đang chúi xuống phía dưới, và phía dưới nổi lên một khối cầu...

“Khinh khí cầu của Lee Scoresby!” Lyra reo lên, thích thú vỗ hai bàn tay đeo bao tay vào nhau.

Những đứa trẻ khác bắt đầu phân tâm. Lyra đẩy chúng đi tiếp, thắc mắc không hiểu làm thế nào ông ấy có thể lái chiếc khinh khí cầu của mình đi xa đến thế. Rõ ràng là ông ấy đã làm được, và đó là một ý kiến hay, khi bơm đầy khinh khí cầu bằng khí gas lấy từ trong lòng đất để trốn thoát.

“Nhanh lên nào, tiếp tục đi đi, nếu không các bạn sẽ bị chết cồng đấy.” Cô nói, vì vài đứa trẻ đang run lập cập và rên rỉ vì lạnh, những con nhân tinh của chúng cũng đang kêu lên khe khẽ.

Pantalaimon nhận thấy như thế không ổn, trong hình dạng con chồn gu-lô nó vỗ vào con nhân tinh sóc của cô bé đang nằm ngang qua vai chủ và khẽ rên rỉ.

“Chui vào áo khoác của cô ấy đi! Hãy làm cho cậu to lên và sưởi ấm cho cô ấy!” Pantalaimon gầm gừ, con nhân tinh của cô bé hoảng hốt bò vào chiếc áo choàng của cô chủ ngay lập tức.

Rắc rối là ở chỗ chiếc áo chần bông không thể ấm bằng chiếc áo lông thú, dù nó có được chần bông dày đến đâu. Một số đứa trẻ trông như những cây nấm di động, quần áo của chúng rất cồng kềnh, nhưng được may trong các nhà máy và phòng thí nghiệm, không phù hợp để mặc ở ngoài này.

Quần áo lông thú của Lyra trông tươi tắn và bốc mùi hôi, nhưng nó giữ ấm rất tốt.

“Nếu không nhanh chóng tìm thấy những người Gypsy thì các bạn ấy sẽ không cầm cự được đến cùng đâu.” Lyra thì thầm với Pantalaimon.

“Vậy cứ thúc họ đi tiếp đi,” nó thì thầm lại. “Nếu họ mà nằm xuống thì kết thúc luôn đấy. Cậu có biết Farder Coram nói...”

Farder Coram đã kể rất nhiều chuyện ly kỳ về các chuyến đi của ông ở phương Bắc, và cả bà Coulter nữa — cứ giả định rằng bà ấy nói đúng đi. Nhưng cả hai đều rất chắc chắn ở một điểm, đó là phải cố gắng tiếp tục đi.

“Chúng mình phải đi bao xa?” một cậu bé hỏi.

“Cậu ấy bắt bọn mình ra đây để giết bọn mình đấy.” một cô bé nói.

“Thà ở ngoài này còn hơn ở trong đó,” ai đó nói.

“Mình thì không thích thế! Trong trạm sẽ ấm hơn. Có thức ăn, đồ uống nóng và tất cả các thứ khác.”

“Nhưng nó đang bị cháy!”

“Nhưng bọn mình sẽ làm gì ở ngoài này? Mình cá tất cả sẽ chết vì đói cho mà xem.”

Tâm trí Lyra đầy ắp những câu hỏi u ám bay vòng vòng như những phù thủy, nhanh chóng mặt và không thể chạm vào được, ở đâu đó, một nơi cô không thể đến được, có một chiến thắng và cô không hiểu nổi tại sao.

Nhưng nó mang đến cho cô một luồng sức mạnh, cô lôi một cô bạn khỏi đám tuyết, thúc vào lưng cậu bé đang uể oải và gọi to cho tất cả mọi người cùng nghe: “Đi tiếp đi nào! Hãy theo dấu chân của con gấu! Nó đến cùng

những người Gypsy, vì thế các dấu chân sẽ dẫn chúng ta đến chỗ họ! Cứ tiếp tục bước đi!”

Những bông tuyết lớn bắt đầu rơi. Chúng sẽ rất nhanh chóng lấp đầy những dấu chân của Iorek Byrnison. Giờ bọn trẻ đã đi khuất khỏi ánh đèn Bolvangar, những ánh lửa chỉ còn là tia sáng lấp lánh lơ mờ, ánh sáng duy nhất đến từ mặt đất phản chiếu màu tuyết trắng mờ. Những đám mây nặng nề che phủ cả bầu trời, vì thế không có cả trăng lẫn Ánh Sáng Phương Bắc, nhưng nếu nhìn thật chăm chú, bọn trẻ vẫn tìm ra vết chân rất sâu Iorek Byrnison để lại trên nền tuyết. Lyra khuyến khích, hoan hô, đá dít, dìu, mắng mỏ, kéo, đẩy, nhắc lên nhẹ nhàng bất cứ lúc nào cần, và Pantalaimon (bằng cách luôn ở gần những con nhân tinh) nói cho cô biết cần làm gì trong từng trường hợp.

Mình sẽ đưa mọi người đến đó, cô liên tục tự nhủ. Mình đến đây để giúp họ và mình giúp họ bằng mọi giá.

Roger bám theo cô, Billy Costa đang dẫn đường, vì là người tinh mắt hơn cả. Tuyết nhanh chóng rơi rất dày, chúng bấu vào nhau để không bị lạc; Lyra nghĩ, có lẽ tất cả chúng ta nằm gần nhau và giữ ấm như thế... đào những cái lỗ trong tuyết...

Cô nghe thấy tiếng gì đó như tiếng gầm của động cơ, không phải tiếng bình bịch nặng nề của khí cầu zeppelin mà thanh hơn, giống tiếng vo ve của ong bắp cày. Nó chập chờn lúc có lúc không.

Rồi có tiếng hú... Những con chó? Những con chó kéo xe? Khoảng cách xa quá nên rất khó đoán chắc, bị bao phủ bởi hàng triệu bông tuyết, bay tứ tán bởi những cơn gió nhẹ. Đó có thể là những con chó kéo xe của những người Gypsy, cũng có thể là những linh hồn lang thang trên lãnh nguyên, hay thậm chí là những con nhân tinh đã được thả tự do khóc cho những đứa trẻ mất tích, chủ của chúng.

Cô đang nhìn thấy gì đó... Không có ánh sáng nào trong tuyết, phải vậy không nhỉ? Chắc chắn đó phải là những hồn ma... Trừ khi bọn trẻ đang đi vòng lại và quay về Bolvangar.

Nhưng đó là những tia sáng của đèn lồng vàng, không phải thứ ánh sáng trắng của đèn điện anbaric, chúng đang chuyển động, những tiếng hú gần hơn, trước khi cô chắc chắn có phải mình đang mơ hay không, Lyra đã lọt vào giữa những bóng dáng thân quen. Những người đàn ông mặc áo lông thú đang bế cô lên: vòng tay mạnh mẽ của John Faa nhắc bổng cô lên khỏi mặt đất, Farder Coram đang cười sung sướng. Xa hơn cô có thể nhìn xuyên qua cơn bão tuyết, những người Gypsy đang nhắc bọn trẻ vào xe kéo, quần quanh chúng áo choàng lông thú, cho chúng nhai thịt hải cẩu. Tony Costa cũng đang ở đó, ôm Billy, thui nhẹ nó một cái rồi lại ôm chặt và lắc nó trong mừng rỡ. Và Roger...

“Roger sẽ đi cùng với chúng cháu,” cô nói với Farder Coram. “Lúc đầu chính cậu ấy là người cháu muốn cứu. Sau này bọn cháu sẽ cùng về Jordan. Âm thanh gì thế...”

Tiếng gầm đó lại vang lên, tiếng động cơ ấy, như sinh vật bay do thám liên loạn đó nhưng lớn gấp hàng nghìn lần.

Đột nhiên có một cú đâm làm cô ngã vật ra, Pantalaimon không thể bảo vệ cô, vì con khỉ vàng...

Bà Coulter...

Con khỉ vàng đang vật lộn, cắn xé và cào cào Pantalaimon, còn Pantalaimon đang biến đổi thành rất nhiều hình dạng đến mức khó mà nhìn thấy nó và đánh trả: chích, đốt, quật, cào xé. Bà Coulter, khuôn mặt ẩn trong lớp lông thú, ánh mắt băng giá đầy vẻ căng thẳng, đang kéo Lyra ra phía sau một chiếc trượt tuyết gắn động cơ, Lyra vùng vẫy dữ dội không kém con nhân tinh của mình. Tuyết dày đến mức họ gần như bị cô lập một

mình giữa trận bão tuyết, ánh đèn của chiếc xe trượt khi hiện ra cách vài phân giữa những bông tuyết quay cuồng dày đặc.

“Cứu với!” Lyra kêu lên, với những người Gypsy đứng ngay ở đó trong màn tuyết dày đặc và chẳng nhìn thấy gì hết. “Cứu với! Farder Coram! Ngài Faa! Ôi chúa ơi, cứu cháu!”

Bà Coulter hét lên và ra lệnh bằng ngôn ngữ của dân Tartar miền bắc. Màn lốc tuyết mở ra, họ ở đó, một nhóm, trang bị súng trường, những con nhân tinh chó sói gầm gừ. Người trưởng nhóm thấy bà Coulter đang vật lộn, nhắc Lyra lên bằng một tay như thể cô là một con búp bê và đẩy cô vào trong xe kéo, trong tình trạng choáng váng mù mẫm.

Một tiếng súng vang lên, rồi một tiếng khác, khi những người Gypsy nhận thấy điều gì đang xảy ra. Nhưng nổ súng vào những mục tiêu không nhìn thấy rất nguy hiểm khi chính bạn cũng không biết những người phe mình đang đứng ở đâu. Những người Tartar, giờ thành một nhóm đứng sát nhau quanh chiếc xe kéo đã dễ nhìn thấy hơn, nhưng những người Gypsy không dám nổ súng vì sợ làm bị thương Lyra.

Ôi, cô cảm thấy thật đau đớn! Thật mệt mỏi!

Vẫn trong tình trạng mù mẫm, trong đầu ong ong, cô gượng dậy tìm kiếm Pantalaimon đang chiến đấu một mình với con khỉ, hai hàm răng chôn gu-lô đang nghiền chặt vào cánh tay màu vàng. Và ai nữa kia?

Không phải Roger đấy chứ?

Đúng là Roger, cậu đang lao vào bà Coulter đâm đá, thụi đầu vào đầu bà ta, và bị ngã dúi bởi một người Tartar đánh vào người cậu như người ta xua một con ruồi. Giờ thì tất cả trở thành ảo ảnh: trắng, đen, một vệt màu xanh bay vụt qua mắt, những cái bóng tả tơi, ánh đèn đang di chuyển...

Một ngọn lốc lớn gạt màn tuyết sang một bên, Iorek Byrnison đang bước tới, tiếng kim loại chạm vào kim loại leng keng. Một lát sau, hai bên hàm táp sang phải, sang trái, và một cú táp xé tung lồng ngực mặc áo giáp, những chiếc răng trắng, tấm kim loại đen, lớp lông ướt màu đỏ...

Rồi có gì đó đang kéo cô thật mạnh, lên trên, chop lấy cả Roger, giật cậu khỏi bà Coulter và nắm thật chặt, nhân tinh của hai đứa trẻ biến thành một con chim kêu chiêm chiêm thích thú trong khi một con lớn hơn lượn xung quanh chúng, rồi Lyra thấy trong khoảng không bên cạnh mình là một phù thủy, một trong những bóng trang nhã màu đen tơi tả trên bầu trời cao, nhưng đủ gần để chạm tới. Có một cánh cung trên đôi tay trần của bà phù thủy, bà tung cánh tay trần xanh xao (trong không khí lạnh giá như thế này!) để giương cung và bắn một mũi tên vào chiếc áo giáp đan mắt lưới làm người Tartar bắn tung ra xa mấy mét...

Những mũi tên tiếp tục lao đi và đổi lại, con nhân tinh hình chó sói của người đàn ông biến mất trong khi đang nhảy lên thậm chí trước khi kịp chạm đất.

Bay lên! Giữa không gian, Lyra và Roger được giữ và bay lượn, rồi nhận thấy mình đang bám vào một cành thông mây bằng những ngón tay yếu ớt, trên đó một phù thủy trẻ đang ngồi nghiêm, duyên dáng và cân bằng, bà nghiêng về bên trái, có gì đó không lồ hiện ra lơ lửng rồi mặt đất hiện ra.

Chúng lộn nhào xuống nền tuyết bên cạnh chiếc giỏ trên khinh khí cầu của Lee Scoresby.

“Nhảy vào trong đi,” người đàn ông Texas gọi, “và giữ lấy bạn của cháu bằng mọi cách. Cháu có thấy con gấu đó không?”

Lyra nhìn thấy ba phù thủy đang giữ một sợi dây thừng cuốn quanh một mỏm đá, găm chặt chiếc túi đựng khí xuống đất.

“Vào đây!” Cô hét lên với Roger, và trèo qua bờ mép viền da cẩu chiếc giỏ rồi lăn xuống một đồng gò đỏ xốp như tuyết. Một lát sau Roger ngã lên trên cô, rồi một âm thanh nửa như tiếng gầm, nửa như tiếng tổng vang lên làm cả mặt đất rung chuyển.

“Nhanh lên, Iorek! Lên trên này đi, anh bạn cũ!” Lee Scoresby gào lên, và ở một bên vang lên tiếng cây mây kêu cọt kẹt là tiếng gỗ uốn cong.

Rồi một luồng khí nhẹ hơn gạt làn sương và tuyết sang một bên trong khoảnh khắc, đột nhiên Lyra nhìn thấy tất cả mọi thứ đang xảy ra xung quanh cô. Cô nhìn thấy một nhóm người Gypsy đang chiến đấu với đạo quân tập hậu người Tartar và đồn chúng chạy về Bolvangar đang cháy rụi. Cô thấy những người Gypsy khác đang giúp từng đứa trẻ lên xe kéo an toàn, ử chúng vào lớp chăn lông thú ấm áp; cô nhìn thấy Farder Coram đang lo lắng đốc thúc mọi việc, dựa người vào vây gậy chống, con nhân tinh màu mùa thu nằm trên tuyết, nhìn ngược nhìn xuôi.

“Farder Coram!” Lyra gọi to. “Cháu ở đây!” Ông già nghe tiếng và quay sang thích thú nhìn chiếc khinh khí cầu nổi với sợi dây thừng và mấy phù thủy đang kéo xuống, Lyra đang vẫy rồi rít trong chiếc giỏ.

“Lyra!” Ông gọi to. “Cháu an toàn chứ, cô bé? Cháu có an toàn không?”

“Cháu vẫn an toàn!” Cô hét lên trả lời. “Chào ông, Farder Coram! Chào ông! Ông đưa tất cả các bạn ấy về nhà nhé!”

“Chúng ta sẽ làm thế, chắc chắn như chuyện đang sống vậy! Cháu đi thuận buồm xuôi gió nhé, cô bé của ta — đi thuận buồm xuôi gió — đi thuận buồm xuôi gió, cháu cưng...”

Cùng lúc đó người lái khinh khí cầu hạ tay xuống ra hiệu những phù thủy thả sợi dây ra.

Chiếc khinh khí cầu nâng lên ngay lập tức và bay lên vùng không gian dày đặc tuyết với tốc độ Lyra không thể tin nổi. Một lát sau, lật đất đã biến mất trong sương mù, họ lên cao, ngày càng nhanh hơn, đến mức cô nghĩ không có tên lửa nào có thể rời khỏi mặt đất nhanh đến thế. Cô nằm xuống bên Roger trên sàn chiếc giỏ, bị éo chặt bởi tốc độ ngày càng tăng cao.

Lee Scoresby đang vui, đứng cười nói và ngân nga những tiếng kêu thích thú của người Texas; Iorek Byrnison đang lặng lẽ cởi bộ áo giáp sắt, khéo léo lồng móng vuốt vào tất cả các mối nối và tháo chúng ra chỉ bằng một lần rút trước khi gói các tấm kim loại lại thành một gói. Đâu đó bên ngoài, tiếng khinh khí phần phật, vun vút qua những cành thông mây và những tấm thảm bay cho biết các phù thủy vẫn bay theo họ lên cao.

Lyra dần lấy lại được hơi thở, cân bằng và nhịp tim. Cô đứng lên nhìn xung quanh.

Chiếc giỏ rộng hơn cô tưởng tượng rất nhiều. Xếp viên xung quanh là các thiết bị khoa học, có những đồng hồ lông thú, không khí đóng chai và rất nhiều những thứ khác quá nhỏ bé và rối rắm để nhận ra trong làn sương mù dày đặc họ đang đi qua.

“Đây có phải là một đám mây không?” cô hỏi.

“Chắc rồi. Hãy cuộn bạn của cháu lại trong những tấm lông thú trước khi cậu ấy đóng băng. Ở đây rất lạnh, nhưng sẽ còn lạnh hơn nữa đấy.”

“Làm thế nào bác tìm được chúng cháu?”

“Các phù thủy. Có một bà phù thủy muốn nói chuyện với cháu đấy. Khi chúng ta ra khỏi các đám mây, chúng ta sẽ lấy lại trạng thái cân bằng, lúc đó có thể ngồi xuống và hàn huyên một chút.”

“Iorek,” Lyra nói, “Cảm ơn vì anh đã đến.”

Con gấu kêu khụt khịt, ngồi xuống và liếm những vết máu trên lông. Sức nặng của nó khiến chiếc giỏ nghiêng sang một bên, nhưng như thế cũng không sao. Roger trông rất cảnh giác, nhưng Iorek Byrnison chẳng quan tâm đến nó nhiều hơn một bông tuyết. Lyra tự hài lòng với việc bám vào thành giỏ ngay phía dưới mà mình khi đứng, và mở to mắt nhìn ra những đám mây bên ngoài đang bay cuồn cuộn.

Chỉ mấy giây sau, chiếc khinh khí cầu bay qua đám mây, nó vẫn bay lên cao với tốc độ chóng mặt, vút lên bầu trời.

Cảnh tượng mới tuyệt làm sao!

Ngay phía trên đầu họ là chiếc khinh khí cầu phình to thành một đường cong vĩ đại. Phía trên và trước mặt họ là hiện tượng cực quang đang chiếu sáng, rực rỡ và hùng vĩ hơn tất cả những lần cô được chiêm ngưỡng trước đó. Ánh sáng ở khắp mọi nơi, hay gần như, họ là một phần của nó. Những dải ánh sáng lớn rung rinh, đung đưa như những đôi cánh thiên thần đang vẫy, những vầng hào quang của tầng phát quang nhào xuống những vách đá vô hình rồi nằm trên những chiếc bể xoáy lốc hay treo lên như những thác nước khổng lồ.

Lyra nhìn mê mải, rồi cô trông xuống phía dưới, và thấy một cảnh tượng thậm chí còn tuyệt diệu hơn.

Ở phía xa, đến tận đường chân trời theo các hướng khác nhau, một đại dương cuồn cuộn những ngọn sóng không màu mở rộng không có điểm dừng. Những đỉnh nhọn mềm mại hay những khe nứt nhô lên hay nở ra khắp mọi nơi, nhưng trông nó hầu như giống một khối băng khổng lồ.

Bay qua đó đơn lẻ hay theo từng nhóm là những bóng đen nhỏ, những chiếc bóng tả tơi duyên dáng, những phù thủy đang cười trên những cảnh thông mây của mình.

Họ bay rất nhanh, rất nhẹ nhàng không cần cố sức, lên cao và về phía chiếc khinh khí cầu, bay dọc hai bên dẫn đường. Một trong số đó, người đã bắn cung cứu Lyra khỏi tay bà Coulter, bay thẳng đến bên chiếc giỏ, và lần đầu tiên Lyra được nhìn bà ta được rõ.

Bà ấy còn trẻ, trẻ hơn bà Coulter, và rất đẹp, với đôi mắt màu xanh lá cây lấp lánh, áo choàng lạt đen như tất cả các phù thủy khác, nhưng không có thứ đồ lông thú, mũ trùm hay bao tay nào cả. Dường như bà ấy không hề cảm thấy chút lạnh. Quanh trán bà là một vành hoa nhỏ màu đỏ giản dị. Bà ngồi trên cành thông mây của mình như thể nó là một con ngựa, và đang ghim cương ngựa trong khi Lyra ngây người nhìn.

“Lyra phải không?”

“Vâng! Còn bà là Serafina Pekkala?”

“Chính là tôi đây.”

Lyra có thể hiểu vì sao Farder Coram yêu bà, và tại sao điều đó lại làm trái tim ông ta tan nát, dù chỉ một lúc trước đây thôi cô không hề biết cả hai điều này. Ông đang già đi, ông chỉ là một người đàn ông già yếu, còn bà sẽ trẻ mãi không già.

“Cháu có giữ chiếc máy đọc biểu tượng đúng không?” bà phù thủy nói bằng chất giọng giống như tiếng hát thánh thót của hiện tượng cực quang khiến Lyra khó lòng nhận ra cảm giác về âm thanh ngọt ngào của nó.

“Vâng. Cháu để nó trong túi áo, nó vẫn an toàn.”

Tiếng đập cánh rất lớn cho thấy có ai đó đang bay tới, rồi nó lướt đến bên bà: con nhân tinh ngỗng xám. Nó nói nhanh rồi quay đi lượn vòng quanh chiếc khinh khí cầu vẫn tiếp tục lên cao.

“Những người Gypsy đã phá tan Bolvangar.” Serafina Pekkala nói. “Họ đã hạ được hai mươi hai lính canh và chín nhân viên, họ châm lửa đốt tất cả những phần còn chưa sụp đổ của toà nhà. Họ sẽ phá huỷ nó hoàn toàn.”

“Thế còn bà Coulter?”

“Không thấy tin tức gì của bà ta cả.”

Bà kêu to một tiếng, những phù thuỷ khác lượn vòng rồi bay đến chiếc khinh khí cầu.

“Ông Scoresby.” Serafina nói, “quăng dây thừng cho chúng tôi nếu ông muốn.”

“Thưa bà, tôi rất hân hạnh. Chúng tôi vẫn đang lên cao, tôi đoán chúng tôi sẽ lên cao thêm một chút nữa. Sẽ cần bao nhiêu người phía bà để kéo chúng tôi về phía bắc?”

“Chúng tôi rất khoẻ,” bà chỉ nói có vậy.

Lee Scoresby đang buộc một đoạn dây thừng to vào một chiếc vòng kim loại đang tập hợp tất cả những dây thừng bao quanh chiếc túi đựng khí, nhờ đó chiếc giỏ được treo lơ lửng. Khi nó đã được cố định lại an toàn, ông ném đầu dây còn lại ra, ngay lập tức sáu phù thuỷ bay đến, bắt lấy, và bắt đầu kéo, thúc những cánh thông mây bay về phía Sao Bắc cực.

Khi chiếc khinh khí cầu bắt đầu bay theo hướng đó, Pantalaimon đến đậu trên thành giỏ trong hình dạng một con nhện biển. Nhân tình của Lyra ra ngoài nhìn ngó xung quanh, nhưng bò vào ngay, vì Roger đang nhanh chóng chìm vào giấc ngủ, giống Iorek Byrnison. Chỉ có Lee Scoresby là còn thức, lặng lẽ nhai một miếng xì gà dài và nhìn ngắm các thiết bị đo đạc của mình.

“Vậy là, Lyra,” Serafina Pekkala nói, “cháu có biết tại sao cháu phải đến chỗ ngài Asriel không?”

Lyra ngạc nhiên: “Để đưa ông ấy Chân-kế, tất nhiên là vậy rồi!” cô nói.

Cô chưa bao giờ nghĩ đến câu trả lời, nó đã quá hiển nhiên. Bà đã gọi cho cô động lực đầu tiên, điều cô gần như đã quên bằng từ lâu.

“Hoặc là... để giúp ông ấy trốn thoát. Thế đấy ạ. Chúng cháu sẽ giúp ông ấy thoát ra.”

Nhưng nói xong, cô thấy nghe có vẻ buồn cười. Trốn thoát khỏi Svalbard? Điều đó là không thể!

“Dù sao, cũng phải thử chứ.” Cô nói thêm với vẻ cứng cỏi. “Tại sao bà hỏi vậy?”

“Ta nghĩ có những điều ta cần nói với cháu.” Serafina Pekkala nói.

“Về Bụi phải không ạ?”

Đó là điều đầu tiên Lyra muốn biết.

“Đúng vậy, cùng với những điều khác nữa. Nhưng giờ cháu mệt rồi, và đó sẽ là một cuộc chiến đấu lâu dài. Chúng ta sẽ nói chuyện khi nào cháu ngủ dậy.”

Lyra ngáp dài một cái khiến xương quai hàm kêu răng rắc và phổi bị ép lại kéo dài đến một phút hoặc cảm tưởng là lâu đến thế, cô không thể cưỡng lại cơn buồn ngủ. Serafina Pekkala đưa một tay qua gờ chiếc giường và chạm vào mắt cô. Khi Lyra nằm xuống sàn, Pantalaimon bay xuống, biến thành chồn ecmin, bò vào chỗ ngủ quen thuộc bên cổ cô.

Bà phù thủy cho cánh thông mây bay nhanh bên chiếc giường trong khi nó bay về phía bắc đến Svalbard.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 18: Phần 1

Lee Scoresby đắp mấy tấm lông thú lên người Lyra. Cô cuộn tròn người lại gần Roger và chúng nằm ngủ bên nhau khi chiếc khinh khí cầu tiếp tục bay lên Bắc cực. Người lái khinh khí cầu kiểm tra các thiết bị hết lần này đến lần khác, nhai điếu xì gà chẳng bao giờ châm lửa, và nằm rúc sâu hơn vào những thứ đồ lông thú choàng quanh người.

“Cô bé này vô cùng quan trọng, phải vậy không?” ông nói sau một lúc rất lâu.

“Hơn mức nó có thể biết.” Serafina Pekkala trả lời.

“Có phải thế có nghĩa là sẽ có thêm nhiều chuyện xảy trên con đường tìm kiếm? Bà có hiểu không, tôi đang nói đến tính mạng của một người đàn ông có đầu óc thực tế cần được cứu. Tôi không thể chấp nhận được việc bị nổ tung hay bắn tan thành vụn mà không có một sự thỏa thuận trước về bồi thường. Tôi không phải cố làm giảm tinh thần hăng hái của chuyến thám hiểm này, hãy tin tôi, thưa bà. Nhưng John Fan và những người Gypsy chỉ trả cho tôi một khoản phí đủ để chi tiêu cho bản thân và những vật dụng trên khinh khí cầu, tất cả chỉ có thế. Khoản đó không bao gồm phí bảo hiểm rủi ro chiến tranh. Để tôi nói cho bà biết, thưa bà, khi chúng ta thả Iorek Byrnison xuống Svalbard, đó sẽ được tính là một hành động chiến tranh.”

Ông búng một mẫu thuốc là ra ngoài một cách điệu nghệ.

“Vì thế tôi muốn biết chúng ta có thể chờ đợi gì trong cuộc hành trình đầy hỗn loạn và bất trắc này.” ông kết thúc.

“Có thể sẽ phải chiến đấu,” Serafina Pekkala nói. “Nhưng trước đây ông đã từng chiến đấu rồi.”

“Đúng thế, khi đó tôi được trả tiền để làm vậy. Nhưng thực tế là, tôi đã nghĩ đây là một hợp đồng vận chuyển thuần túy, tôi được thanh toán tiền dựa trên hợp đồng đó. Giờ thì tôi đang thắc mắc không biết hành trình vận chuyển của tôi có trách nhiệm xa đến đâu. Liệu tôi có phải liều mạng các thiết bị của mình trong một cuộc chiến giữa các con gấu không, ví dụ là như vậy, hay liệu cô bé này có những kẻ thù tại Svalbard nóng tính như đám ở Bolvangar không. Tôi chỉ đề cập đến toàn bộ chuyện này qua hình thức đối thoại.”

“Ông Scoresby,” bà phù thủy nói, “tôi mong là mình có thể trả lời được câu hỏi của ông. Tất cả những gì tôi có thể nói là tất cả chúng ta, con người, các phù thủy, những con gấu đều đã nằm trong cuộc chiến, dù không phải ai trong chúng ta cũng nhận ra điều đó. Bất kể ông có gặp nguy hiểm ở Svalbard hay quay về với tình trạng không hề hấn gì, ông đã được chiêu mộ, được vũ trang, một chiến binh.”

“À, dường như đó là một kiểu bị dồn vào bước đường cùng. Dường như với tôi một người nên có quyền lựa chọn giữa cầm vũ khí hay không.”

“Chúng ta không có thêm chọn lựa nào trong việc đó hơn việc chọn giữa được sinh ra hay là không.”

“Ồ, dù sao, tôi cũng thích các chọn lựa,” ông ta nói. “Tôi muốn chọn công việc mình làm, nơi mình đến và thức ăn tôi ăn, những người bạn tôi giao du và truyện phiếm cùng. Thịnh thoảng bà không mơ ước có được lựa chọn sao?”

Serafina Pekkala cân nhắc, rồi trả lời. “Có lẽ sự chọn lựa chúng ta nói đến không có ý nghĩa như vậy, ông Scoresby. Các phù thủy không sở hữu bất cứ thứ gì, vì thế chúng tôi không quan tâm đến việc giữ gìn của cải hay

tạo ra lợi nhuận, còn về chọn lựa giữa cái này và cái khác, khi ông sống hàng trăm năm, ông sẽ biết rằng mọi cơ hội còn trở lại. Chúng tôi có những nhu cầu khác. Ông phải sửa chữa chiếc khinh khí cầu của mình và giữ nó trong điều kiện tốt, điều này tốn thời gian cũng như công sức, tôi biết thế; nhưng để chúng tôi có thể bay được, tất cả những gì cần làm là bẻ một cành thông mây, thứ đó có nhiều lắm. Chúng tôi không cảm thấy lạnh, vì thế chẳng cần gì đến quần áo ấm. Chúng tôi không có hình thức trao đổi nào khác ngoài sự giúp đỡ lẫn nhau. Nếu một phù thủy cần thứ gì đó, một phù thủy khác sẽ mang thứ đó đến. Nếu có một cuộc chiến, chúng tôi sẽ không suy xét cái giá của quyết định có nên chiến đấu hay không. Chúng tôi cũng không có ý tức gì về danh dự, không như những con gấu. Với con gấu, sự xúc phạm là điều cấm kỵ. Với chúng tôi... đó là điều không thể hình dung ra. Làm thế nào ông có thể xúc phạm được một phù thủy? Và nếu có làm thế thì có gì là ghê gớm?”

“Vâng, tôi đồng ý với bà về vấn đề đó. Khó khăn gian khổ, tôi cũng có thể vượt qua, tiếng tăm chẳng có gì đáng kể. Nhưng thưa bà, bà hiểu cho thể tiến thoái lưỡng nan của tôi, tôi hy vọng là thế. Tôi chỉ là một người lái khinh khí cầu bình thường, và tôi muốn sống phần cuối đời một cách thư thái. Mua một nông trại nhỏ, mấy đầu gia súc, vài con ngựa... Chẳng có gì ghê gớm, bà thấy không. Không có cung điện hay nô lệ hay những đồng vàng. Chỉ là làn gió đêm trong vườn, một điệu xì gà và một cốc rượu ulyt-ky ngô. Giờ thì rắc rối là ở chỗ, những thứ đó tốn tiền. Tôi thực hiện chuyến bay để đổi lấy tiền, sau mỗi hợp đồng tôi gửi lại một ít vàng về Ngân hàng Fargo Wells, khi đã gom đủ tiền, thưa bà, tôi sẽ bán chiếc khinh khí cầu này rồi đặt cho mình một chỗ trên con tàu hơi nước đến Cảng Galveston, và tôi sẽ chẳng bao giờ rời mặt đất lần nữa.”

“Còn có một khác biệt nữa giữa chúng ta, ông Scoresby. Một phù thủy sẽ ngừng thở ngay khi ngừng bay. Khi bay chúng tôi trở lên hoàn hảo nhất.”

“Tôi có nhận thấy, thưa bà, và tôi thấy ghen tỵ với bà. Nhưng tôi không có sự thỏa mãn như của bà. Với tôi bay chỉ là một công việc, tôi chỉ là một kỹ sư. Tôi cũng có thể chữa van cho một động cơ hơi gas hay nối các mạch điện. Nhưng tôi đã chọn công việc này, bà cũng biết đấy. Đó là sự lựa chọn tình nguyện của chính tôi. Tôi thấy nguy cơ chiến tranh mà tôi không được báo trước cũng là một loại vấn đề đấy.”

“Mâu thuẫn giữa Iorek Byrnison và vua của anh ta cũng là một phần trong đó.” Bà phù thủy nói. “Và định mệnh của đứa bé này là đóng một vai trò trong đó.”

“Bà nói đến định mệnh,” Lee Scoresby nói, “như thế nó đã được an bài. Tôi không chắc tôi thích nó hơn một cuộc chiến tranh tôi bị lôi kéo vào mà không hề biết trước. Sự tự lựa chọn của tôi đâu rồi, thưa bà? Và dường như với tôi, đứa trẻ này có nhiều sự tự do hơn bất cứ ai tôi từng gặp. Có phải bà muốn nói với tôi rằng đứa trẻ này là một loại đồ chơi lên dây cót đã được lên dây và xếp đặt một lịch trình nó không thể thay đổi?”

“Tất cả chúng ta đều có định mệnh. Nhưng tất cả chúng ta đều hành động như thể không phải thế,” bà phù thủy nói, “hoặc sẽ chết trong thất vọng. Có một lời tiên tri kì lạ về đứa bé này: định mệnh của nó là mang lại kết thúc cho định mệnh. Nhưng nó phải làm thế mà không biết rằng mình đang làm, như thế đó là nó muốn làm thế chứ không phải là số phận. Nếu người khác nói cho nó phải làm gì, mọi chuyện sẽ thất bại; cái chết sẽ bao trùm cả thế giới; đó sẽ là chiến thắng của nỗi tuyệt vọng, vĩnh viễn là như thế. Vũ trụ sẽ không còn gì ngoài một cỗ máy bên trong, câm lặng và trống rỗng không có sự sống, ý thức, cảm giác...”

Họ nhìn xuống Lyra, khuôn mặt cô khi đang ngủ (trong chiếc mũ trùm đầu trông nó thật bé nhỏ) vẫn vương những nét buồn bã nghiêm nghị.

“Tôi đoán phần nào trong nó cũng biết thế,” người lại khinh khí cầu nói. “Nó cũng suy tính trước, theo một cách nào đó. Thế còn cậu bé? Bà có biết

cô bé đi cả quãng đường dài này để cứu nó khỏi tay bọn người độc ác đó không? Chúng là bạn với nhau hồi trước ở Oxford hay đâu đó. Bà có biết điều này không?”

“Có, tôi có biết. Lyra đang mang theo một vật vô cùng quan trọng, và dường như định mệnh đã dùng vật đó như một sứ giả để đưa nó đến gặp cha mình. Vì thế nó lặn lội đến đây để tìm bạn, không biết rằng bạn nó được đưa lên phương Bắc do định mệnh, nhằm khiến nó đi theo và đưa thứ gì đó cho cha mình.”

“Đó là điều bà đọc ra được, phải không?”

Lần đầu tiên bà phù thủy có vẻ không chắc chắn.

“Dường như mọi chuyện là như vậy... Nhưng chúng tôi không thể đọc được bóng tối, ông Scoresby ạ. Cũng rất có thể tôi nhầm.”

“Điều gì đã lôi kéo bà vào tất cả những chuyện này, nếu tôi được phép hỏi như vậy?”

“Tất cả những gì bọn người kia làm ở Bolvangar, chúng tôi đều cảm thấy xấu xa đến tận xương tủy. Lyra là kẻ thù của chúng, vì thế chúng tôi là bạn của cô bé. Chúng tôi chỉ biết có vậy. Nhưng còn có tình bạn giữa bộ tộc của tôi với người Gypsy, chuyện này liên quan đến việc Farder Coram cứu tôi thoát chết. Chúng tôi làm điều này vì họ yêu cầu. Và còn những mối ràng buộc với ngài Asriel.”

“Tôi hiểu. Vậy là bà đang kéo chiếc khinh khí cầu đến Svalbard vì lợi ích của những người Gypsy. Liệu tình bạn đó có đủ để kéo chúng tôi trở về hay không? Hay tôi sẽ phải chờ đợi một luồng gió tốt bụng, hay trông chờ đặc ân của những con gấu? Một lần nữa, thưa bà, tôi đang chỉ dám yêu cầu một tinh thần bằng hữu.”

“Nếu chúng tôi có thể giúp ông quay trở về Trollesund, ông Lee Scoresby, chúng tôi sẽ giúp. Nhưng chúng tôi không biết chúng tôi sẽ gặp những chuyện gì ở Svalbard. Vị vua mới của những con gấu đã có rất nhiều cải cách; những cách thức cũ rất có lợi cho chúng tôi, cải cách mới có thể gây trở ngại cho việc hạ cánh. Tôi không biết Lyra sẽ tìm cách nào để đến được với cha mình. Tôi cũng không biết Iorek Byrnison có suy tính làm gì trong đầu, ngoại trừ việc số phận của anh ta gắn liền với cô bé.”

“Tôi cũng không biết, thưa bà. Tôi nghĩ nó gắn liền với cô bé này như một người bảo vệ. Cô bé giúp nó tìm lại bộ áo giáp sắt, bà biết đấy. Ai mà biết được những con gấu có cảm giác thế nào? Nhưng nếu quả thực có chuyện một con gấu yêu thương con người, thì tôi có thể nói nó yêu thương cô bé. Còn về chuyện hạ cánh xuống Svalbard, việc đó không bao giờ là dễ dàng cả. Tuy nhiên, nếu tôi vẫn có thể dựa vào bà để được kéo đi theo đúng hướng, tôi sẽ cảm thấy yên lòng hơn. Nếu có điều gì tôi có thể làm để đến đáp lại, xin bà cứ nói ra. Nhưng bà có thể nói cho tôi biết tôi ở phía bên nào trong cuộc chiến vô hình này không?”

“Cả hai chúng ta đều ở phía Lyra.”

“Ồ, việc đó thì không nghi ngờ gì rồi.”

Họ tiếp tục bay đi. Do phía dưới họ là màn mây dày đặc, không có cách nào đoán được tốc độ họ đang bay. Tất nhiên, thông thường, một chiếc khinh khí cầu đứng im tùy thuộc vào gió, di chuyển với tốc độ mà bản thân không khí đang chuyển động; nhưng hiện tại, khi được kéo bởi phù thủy, chiếc khinh khí cầu lướt qua không khí, và duy trì chuyển động này, bởi chiếc túi khí gas khó điều khiển và không được phẳng phiu hay trơn tru. Kết quả là, chiếc giỏ đu từ bên này sang bên kia, đung đưa và xóc nảy hơn nhiều so với một chuyến bay thông thường.

Lee Scoresby không quan tâm đến sự dễ chịu của mình bằng các thiết bị trên khinh khí cầu, ông dành thời gian kiểm tra lại chắc chắn chúng đã

được cột chặt vào các thanh chống hay chưa. Căn cứ vào đồng hồ đo độ cao gần ba nghìn mét. Máy đo nhiệt độ chỉ vào hai mươi độ âm. Ông cảm thấy mình đang lạnh hơn thế, và không muốn bị tê cóng, vì thế ông trải một tấm vải buồm dùng như một chiếc trại dã ngoại lúc khẩn cấp, trải nó ra phía trước hai đứa trẻ đang ngủ để chắn gió, rồi nằm xuống quay lưng lại người chiến hữu của mình, Iorek Byrnison, và chìm vào giấc ngủ.

Khi Lyra tỉnh giấc, mặt trăng đã lên cao trên bầu trời, tất cả những tư trong tầm mắt đều như được dát bạc, từ bề mặt cuồn cuộn của những đám mây phía dưới cho đến những vệt sương giá và nhũ băng bên gờ chiếc khinh khí cầu.

Roger vẫn đang ngủ, cả Lee Scoresby và con gấu cũng thế. Nhưng bên cạnh chiếc giỏ bà phù thủy vẫn đang bay nhanh.

“Chúng ta còn cách Svalbard bao xa?” Lyra hỏi.

“Nếu không gặp gió, chúng ta sẽ bay đến Svalbard trong khoảng mười hai tiếng đồng hồ hoặc khoảng đó.”

“Chúng ta sẽ đến đâu để hạ cánh được?”

“Còn phụ thuộc vào thời tiết. Tuy nhiên, chúng ta sẽ phải cố gắng tránh các mỏm đá. Tại đó có những sinh vật rình rập bất cứ thứ gì chuyển động. Nếu có thể, chúng ta có thể hạ cánh trong đất liền, cách xa cung điện của Iofur Raknison.”

“Điều gì sẽ xảy ra khi cháu tìm thấy ngài Asriel? Liệu ông ấy có muốn quay trở lại Oxford không, hay muốn thế nào? Cháu không biết có nên nói cho ông ấy rằng cháu biết ông ấy là cha cháu hay không. Có thể ông ấy vẫn muốn giả làm chú của cháu. Cháu không thực sự hiểu ông ấy lắm.”

“Ông ấy sẽ không muốn trở về Oxford đâu, Lyra. Dường như có điều gì đó cần làm ở một thế giới khác, Ngài Asriel là người duy nhất có thể bắc cây cầu nối liền giữa thế giới này và thế giới đó. Nhưng ông ấy cần thứ gì đó để giúp mình.”

“Chân-kế!” Lyra nói. “Ông Hiệu trưởng Jordan đã đưa nó cho cháu và nghĩ ông ấy muốn nói điều gì đó về Ngài Asriel, nhưng không bao giờ có cơ hội cả. Cháu biết ông ấy không thực sự muốn đầu độc Ngài Asriel. Có phải ông ấy sẽ đọc chiếc máy và biết cách làm thế nào để chế tạo được cây cầu không? Cháu cá là cháu có thể giúp ông ấy. Giờ thì cháu có thể đọc được nó giỏi như bất cứ ai.”

“Ta không biết,” Serafina Pekkala nói, “ông ấy sẽ làm như thế nào, nhiệm vụ của ông ấy là gì, chúng ta không thể biết được, Có những thế lực nói chuyện với chúng ta, thì cũng có những thế lực ở phía sau chúng, và thậm chí có những bí mật ở tầng cao nhất.”

“Chân-kế có thể nói cho cháu biết! Cháu có thể đọc nó bây giờ...”

Nhưng trời quá lạnh, cô khó lòng có thể cầm được nó trên tay. Cô cuộn mình lại thật chặt và kéo chiếc mũ chùm đầu kín mít lại để tránh những cơn gió lạnh buốt, chỉ để lại một khe nhỏ để nhìn ra ngoài. Xa phía trên đầu, ở dưới một chút, sợi dây thừng dài căng ra từ chiếc vòng treo khinh khí cầu, được kéo bởi sáu hay bảy phù thủy đang ngồi trên cành thông mây của mình. Những ngôi sao sáng rực rỡ và lạnh lẽo như kim cương.

“Tại sao bà không cảm thấy lạnh, Serafina Pekkala?”

“Chúng tôi có cảm thấy lạnh, nhưng không quan tâm đến điều đó, vì chúng tôi sẽ không bị ảnh hưởng gì từ nó. Nếu chúng tôi quần đồ quanh mình để tránh rét, chúng tôi sẽ không thể cảm thấy được những thứ khác, như sự rộn ràng của những vì sao, âm nhạc của Hiện tượng cực quang, hay

tuyệt vời hơn cả, là cảm giác mượt mà như lụa của ánh trắng để trên da thịt mình. Nó đáng để chịu lạnh hơn cả thế này.”

“Cháu có thể cảm nhận được những điều đó không?”

“Không. Cháu sẽ chết nếu cởi những thứ đồ lông thú đó ra khỏi người. Hãy cứ cuộn mình thật chặt vào.”

“Những phù thủy sống được bao nhiêu năm, Serafina Pekkala? Farder Coram nói là hàng trăm năm. Nhưng trông bà chẳng già chút nào.”

“Ta đã ba trăm tuổi hoặc hơn thế nữa. Phù thủy cao tuổi nhất của chúng ta đã sống một nghìn năm. Một ngày nào đó, Yambe-Akka sẽ đến với bà ấy. Một ngày nào đó bà ấy cũng sẽ đến với ta. Bà ấy là nữ thần của cái chết. Bà ấy đến mỉm cười dịu dàng với ta, và ta biết đã đến lúc phải chết.”

“Có những phù thủy nam không? Hay chỉ có phù thủy nữ thôi?”

“Có những phù thủy nam phục vụ chúng ta, như ông lãnh sự tại Trollesund. Và có những người đàn ông chúng ta coi như người yêu hay chồng. Cháu còn nhỏ quá, Lyra, quá nhỏ để hiểu được chuyện này, nhưng dù sao ta cũng sẽ nói và cháu sẽ hiểu: những người đàn ông đi qua mắt chúng ta như những con bướm, những sinh linh theo mùa ngắn ngủi. Chúng ta yêu họ; họ dũng cảm, rạng rỡ, đẹp đẽ và thông minh; và họ gần như chết ngay lập tức. Họ chết nhanh chóng đến mức trái tim chúng ta liên tục tan nát trong đau đớn. Chúng ta mang thai những đứa con của họ, những đứa trẻ sẽ trở thành phù thủy nếu là nữ, là con người nếu ngược lại; rồi trong nháy mắt họ ra đi, biến mất. Những đứa con trai của chúng ta cũng vậy. Khi một cậu bé lớn lên, nó nghĩ nó bất tử. Nhưng mẹ của đứa bé biết là không phải. Những lần như thế lại càng thêm đau đớn, cho đến khi cuối cùng trái tim chúng ta tan nát. Có lẽ đó là khi Yambe-Akka đến với chúng ta. Bà ấy còn già hơn cả lãnh nguyên. Có lẽ, với bà ấy, cuộc đời của

phù thủy cũng ngăn ngui như cuộc đời của người đàn ông đối với chúng ta.”

“Bà có yêu Farder Coram không?”

“Có. Ông ấy có biết điều đó không?”

“Cháu không biết, nhưng cháu biết ông ấy yêu bà.”

“Khi cứu ta, ông ấy trẻ trung, cường tráng, tràn đầy sức sống và đẹp đẽ. Ta phải lòng ông ấy ngay từ phút đầu tiên. Ta có thể thay đổi tính cách của mình, ta có thể bỏ qua sự rộn ràng của những vì sao và giai điệu của Hiện tượng cực quang, ta có thể không bao giờ bay nữa — ta có thể từ bỏ tất cả những điều đó trong khoảnh khắc, không suy nghĩ, để trở thành bà chủ thuyền với một người Gypsy, nấu ăn cho ông ấy, ngủ chung giường với ông ấy và sinh con cho ông ấy. Nhưng cháu không thể thay đổi được việc cháu là ai, mà chỉ là việc cháu làm thôi. Ta là phù thủy, ông ấy là con người. Ta ở bên ông ấy đủ lâu để mang thai một đứa con của ông ấy.”

“Ông ấy không bao giờ kể về chuyện này cả. Đứa bé là con gái phải không? Một phù thủy?”

“Không. Một bé trai, nó chết trong một đại dịch bốn mươi năm về trước, thứ bệnh đến từ miền Đông. Đứa bé khốn khổ; nó lướt qua cuộc sống và ra khỏi đó như một con phù du. Việc này xé trái tim ta ra hàng trăm mảnh, như vẫn vậy. Việc này cũng đánh quỵ Coram. Rồi sau đó ta được gọi trở lại với những người của mình, vì Yambe-Akka đã đưa mẹ ta đi, và ta trở thành nữ hoàng của bộ tộc. Vì thế ta ra đi, như ta phải làm.”

“Bà không bao giờ gặp lại Farder Coram nữa sao?”

“Không bao giờ. Ta có nghe những chiến công lẫy lừng của ông ấy, nghe về chuyện ông ấy đã bị thương như thế nào trong tay bọn người Skraeling, với một mũi tên có thuốc độc, ta đã gửi thảo dược cùng những câu thần chú

để giúp ông ấy hồi phục, nhưng ta không đủ mạnh mẽ để gặp ông ấy. Ta cũng nghe nói ông ấy đã đau khổ thế nào sau đó, sự khôn ngoan của ông ấy được bồi đắp như thế nào, ông ấy đã học tập và đọc nhiều sách như thế nào, ta tự hào về ông ấy, cùng những đức tính tốt của ông ấy. Nhưng ta luôn tránh xa, vì đó là những khoảng thời gian nguy hiểm với bộ tộc của ta, những cuộc chiến giữa các phù thủy rất đáng sợ, bên cạnh đó, ta nghĩ ông ấy đã quên ta. Đã tìm được một người vợ là con người...”

“Ông ấy chẳng bao giờ làm thế cả.” Lyra nói một cách chắc nịch. “Bà nên đến gặp ông ấy. Ông ấy vẫn còn yêu bà, cháu biết là như vậy.”

“Nhưng có thể ông ấy sẽ xấu hổ về tuổi tác của chính mình, ta không muốn làm ông ấy cảm thấy điều đó.”

“Có lẽ ông ấy sẽ cảm thấy như vậy. Nhưng bà nên gửi một thông điệp đến cho ông ấy, ít nhất là như vậy. Cháu nghĩ thế đấy.”

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 18: Phần 2

Serafina Pekkala không nói gì một lúc lâu. Pantalaimon biến thành một con nhạn biển và bay đến đậu bên chủ.

Rồi Lyra lại hỏi: “Tại sao con người lại có nhân tính, Serafina Pekkala?”

“Ai cũng hỏi như vậy, và không có ai biết câu trả lời. Cho đến khi còn tồn tại con người thì vẫn còn những con nhân tinh. Đó là điều làm cho chúng ta khác biệt với động vật.”

“Vâng! Đúng là chúng ta khác biệt với chúng... Như những con gấu ấy. Người ta nghĩ nó giống con người, rồi đột nhiên nó làm điều gì đó rất kì lạ hay độc ác mà con người không thể hiểu nổi... Nhưng bà có biết Iorek nói gì với cháu không, rằng anh ấy bộ áo giáp sắt cũng giống như con nhân tinh với loài người vậy. Đó là linh hồn của anh ấy, anh ấy nói thế. Nhưng điều này cũng lại khác so với con người, vì chính anh ấy đã tạo ra bộ áo giáp sắt cho chính mình. Họ cướp bộ áo giáp sắt đầu tiên của anh ấy khi bắt anh ấy đi đày, rồi anh ấy tìm được những mảnh kim loại của bầu trời và làm một bộ áo giáp sắt mới, như tạo ra một linh hồn mới. Chúng ta không thể tạo ra con nhân tinh. Rồi những người ở Trollesund chuốc cho anh ấy say rượu và ăn cắp nó mang đi, rồi cháu tìm được chỗ người ta giấu nó và anh ấy mang nó về... Nhưng điều cháu thắc mắc là, tại sao anh ấy lại đến Svalbard? Họ sẽ đánh anh ấy. Có thể họ sẽ giết anh ấy... Cháu yêu quý Iorek. Cháu yêu anh ấy rất nhiều và ước gì anh ấy đừng đến đây.”

“Anh ta đã nói với cháu anh ta là ai chưa?”

“Chỉ nói mỗi tên thôi. Tên anh ấy là do ông Lãnh sự ở Trollesund nói cho chúng cháu biết.”

“Anh ta thuộc dòng dõi hoàng gia đấy. Anh ta là một hoàng tử. Thực ra, nếu không phạm tội. giờ đây anh ta đã là vua rồi.”

“Anh ấy nói với cháu vua của những con gấu là Iofur Raknison.”

“Iofur Raknison trở thành vua sau khi Iorek Byrnison bị đi đày. Iofur là một hoàng tử, tất nhiên. Ông ta không có được vương quyền nhưng ông ta thông minh như con người. Ông ta lôi kéo đồng minh và có những thỏa thuận. Ông ta không sống theo cách của những con gấu, trong một pháo đài tuyết, mà trong một cung điện xây dựng theo kiểu mới. Ông ta đàm phán để trao đổi đại sứ với các quốc gia của con người và phát triển các mỏ than với sự trợ giúp từ máy móc của loài người... Ông ta rất khôn ngoan và xảo quyệt. Có người nói ông ta đã kích động khiến Iorek phạm vào tội đi đày này, còn những người khác nói, thậm chí nếu ông ta không làm thế, ông ta cũng khiến họ nghĩ là ông ta đã làm. Vì chuyện này làm tăng thêm danh tiếng về mảnh khỏe và sự quỷ quyệt của ông ta.”

“Iorek đã làm gì? Bà biết không, một lí do để cháu yêu Iorek, đó là cha cháu cũng làm những điều anh ấy làm và bị trừng phạt. Dường như với cháu, họ rất giống nhau. Iorek nói anh ấy đã giết một con gấu khác, nhưng không bao giờ kể mọi chuyện xảy ra như thế nào.”

“Chuyện xảy ra là vì một con gấu cái. Con gấu đực mà Iorek Byrnison giết đã không thể hiện những tín hiệu run sợ thông thường khi rõ ràng là Iorek Byrnison mạnh hơn. Những con gấu bao giờ cũng nhận thấy một sức mạnh lấn át từ con gấu khác và run sợ trước sức mạnh đó, nhưng vì một lí do nào đó con gấu này lại không làm như vậy. Có người nói Iofur Raknison đã xúi giục, hay đưa cho anh ta một loại thảo dược gây nhầm lẫn nào đó. Dù thế nào, con gấu kia cũng khẳng khái cố chấp, và Iorek Byrnison đã

cho phép cơn thịnh nộ chế ngự mình. Vụ án không có gì là phức tạp, đáng ra con gấu kia chỉ nên bị thương, không nên bị giết.”

“Nếu không anh ấy đã là vua,” Lyra nói. “Và cháu đã nghe được điều gì đó về Iofur Raknison từ Giáo sư Palmerian ở Jordan, vì ông ấy đã lên phương Bắc và gặp ông ta. Ông ấy nói... giá mà cháu nhớ được ông ấy nói gì... Cháu nghĩ là giáo sư nói ông ta đã lừa đảo để có được ngai vàng hay sao đó... nhưng bà biết không, Iorek Byrnison từng một lần nói với cháu rằng một con gấu không thể bị lừa, anh ấy đã cho cháu thấy rằng cháu không thể lừa nổi anh ấy. Nghe có vẻ như cả hai bọn họ đã bị lừa, anh ấy và con gấu kia. Có thể chỉ có gấu mới lừa được gấu, có thể loài người không thể lừa được chúng. Ngoại trừ... những người ở Trollesund, họ đã lừa anh ấy phải không? Khi họ chuốc cho anh ấy say và ăn cắp bộ áo giáp sắt của anh ấy?”

“Khi những con gấu xử sự như con người, có thể chúng cũng bị lừa,” Serafina Pekkala nói. “Khi những con gấu xử sự như những con gấu, có thể chúng không bị lừa. Thường thì không có con gấu nào có thể uống rượu. Iorek Byrnison uống để quên đi nỗi hổ thẹn bị đi đày, chính vì thế người ở Trollesund mới lừa được anh ta.”

“À, đúng rồi.” Lyra nói, gật gật đầu. Cô hài lòng với ý kiến này. Sự ngưỡng mộ của cô đối với Iorek Byrnison dường như là không có giới hạn, cô rất sung sướng khi có thể khẳng định được về sự cao quý của nó. “Bà thật là thông minh,” cô nói. “Nếu bà không nói có lẽ cháu chẳng bao giờ biết cả. Cháu nghĩ có lẽ bà còn thông minh hơn cả bà Coulter.”

Họ tiếp tục bay, Lyra nhai một mẫu thịt hải cẩu cô tìm thấy trong túi áo.

“Serafina Pekkala,” một lúc sau cô nói, “Bụi là gì vậy? Vì dường như với cháu, tất cả những rắc rối này đều do Bụi gây ra, mà chẳng có ai nói với cháu nó là gì cả.”

“Ta không biết,” Serafina Pekkala nói với cô. “Các phù thủy không có gì phải lo lắng về Bụi. Tất cả những gì ta có thể nói là nơi nào còn có các thầy tu thì ở đó còn có sự sợ hãi về Bụi. Bà Coulter không phải là một thầy tu, tất nhiên là thế, nhưng bà ta là một mắt xích quan trọng của Tổng giáo giám mục, chính bà ấy là người lập nên Ủy ban Tôn giáo và thuyết phục Giáo hội chi tiền cho những hoạt động diễn ra tại Bolvangar, vì bà ta quan tâm đến Bụi. Chúng tôi không thể hiểu được những cảm nhận của bà ta về nó. Nhưng có rất nhiều chuyện chúng ta chẳng bao giờ hiểu được. Chúng ta nhìn thấy người Tartar đục những cái lỗ trên xương sọ, chúng ta chỉ có thể thắc mắc về sự kỳ quặc của việc đó. Vì thế có thể Bụi là kì lạ, và chúng ta thắc mắc về nó, nhưng chúng ta không bức dộc xé cái gì đó ra để nghiên cứu nó. Hãy để việc đó cho Giáo hội.”

“Giáo hội?” Lyra hỏi. Có điều gì đó gọi lại trong cô: cô nhớ lại cuộc nói chuyện với Pantalaimon, trong Vùng đầm lầy, về cái gì đó có thể đang khiến những chiếc kim của Chân-kế chuyển dịch và họ nghĩ đến chiếc máy đo ánh sáng để trên mái trần cao tại Học viện Thánh Gabriel, làm thế nào các hạt cơ bản có thể làm xoay chiếc chong chóng gió. Người Trợ lễ biết rõ về mối liên hệ giữa các hạt cơ bản và tôn giáo. “Có thể là như vậy.” Cô nói và gật đầu. “Rốt cuộc thì người ta đều giữ bí mật tất cả những thứ thuộc về Giáo hội. Nhưng hầu hết những thứ thuộc về Giáo hội đều cũ kỹ. Bụi thì không cũ, theo những gì cháu được biết. Cháu tự hỏi không biết ngài Asriel có nói với cháu...”

Cô lại ngáp dài.

“Tốt hơn là cháu nằm xuống,” cô nói với Serafina Pekkala, “nếu không có lẽ cháu bị tê cóng mất.”

“Lúc ở dưới đất cháu đã bị lạnh. Nhưng cháu chưa bao giờ ở một nơi lạnh như thế này. Cháu nghĩ cháu sẽ chết mất nếu không khí còn lạnh thêm.”

“VẬY HÃY NẰM XUỐNG VÀ CUỘN MÌNH TRONG LỚP LÔNG THÚ.”

“Vâng, cháu sẽ làm thế. Nếu cháu phải chết, thà chết ở trên này còn hơn ở dưới đây, nếu có ngày đó. Cháu nghĩ khi người ta đặt chúng cháu dưới lưỡi dao đó, cháu tưởng đã... Cả hai bọn cháu đều nghĩ thế. Ôi, thật là khủng khiếp. Nhưng giờ bọn cháu sẽ nằm xuống. Hãy đánh thức chúng cháu khi đến đó nhé,” cô nói và ngả người xuống đồng lông thú, khắp người mủi nhừ, đau nhức bởi không khí lạnh ghê gớm. Cô nằm thật sát cạnh Roger đang ngủ.

Và rồi bốn nhà du hành tiếp tục đi. Họ thiếp đi trong chiếc khinh khí cầu phủ đầy băng tuyết, bay về phía những mỏm đá và sông băng, những mỏ than và những pháo đài tuyết ở Svalbard.

Serafina Pekkala gọi người lái khinh khí cầu, ông thức dậy ngay lập tức người lão đảo vì lạnh, nhưng qua chuyển động của chiếc giỏ, ông nhận thấy có gì không ổn. Nó đang lắc lư dữ dội khi những cơn gió mạnh thổi qua chiếc túi đựng khí, những phù thủy đang kéo những sợi dây thừng khó lòng giữ được nó. Nếu họ thả tay ra, chiếc khinh khí cầu có thể văng đi ngay lập tức, liếc mắt vào la bàn, ông tính toán nó có thể văng về phía Nova Zembla với tốc độ gần một trăm dặm một giờ.

“Chúng ta đang ở đâu?” Lyra nghe thấy ông gọi. Cô cũng đang lơ mơ, cảm thấy khó chịu bởi chuyển động của khinh khí cầu, và lạnh đến nỗi khắp người tê cóng.

Cô không nghe được tiếng bà phù thủy trả lời, nhưng qua chiếc mũ chùm mở ra một nửa, cô nhìn thấy, trong ánh sáng của một ngọn đèn cồn, Lê Scoresby đang giữ thanh chống và kéo sợi dây thừng ròng trên chiếc túi khí. Ông ghì chặt và nhìn lên đêm tối đang lồng lộn trước khi vòng sợi dây vào chiếc vòng treo.

“Tôi sẽ xả một ít khí ra,” ông hét lên với Serafina Pekkala. “Chúng ta sẽ xuống thấp. Chúng ta đang ở trên cao quá.”

Bà phù thủy hét to đáp lại, nhưng Lyra vẫn không nghe được. Roger cũng đã tỉnh dậy. Tiếng kêu kệt của chiếc giỏ to đến nỗi đủ để đánh thức người ngủ say nhất, chưa nói đến sự rung và xóc nảy người. Nhân tình của Roger và Pantalaimon bám chặt vào nhau như những con khỉ đuôi sóc, Lyra cố tập trung vào việc nằm im để không nhảy lên vì hoảng sợ.

“Không sao đâu,” Roger nói, nghe giọng có vẻ vui vẻ hơn cô rất nhiều. “Chúng ta sẽ hạ cánh sớm thôi rồi đốt lửa và sưởi ấm. Mình có mấy que diêm trong túi. Mình thó được trong nhà bếp ở Bolvangar đấy.”

Chiếc khinh khí cầu đã hạ xuống chút ít. Những mảnh vụn và đám bụi nhùi bay đầy vào trong giỏ, rồi tất cả mọi thứ đều tối mịt. Nó như một màn sương dày đặc nhất. Lyra từng nhìn thấy. Sau một lúc có tiếng hét của Serafina Pekkala, người lái khinh khí cầu tháo sợi dây thừng cuộn quanh chiếc cọc và thả ra. Nó rút lên trên qua tay ông, tiếng kêu kệt và tiếng gió rít, Lyra cảm nhận thấy một cú đập mạnh ở cao phía trên đầu.

Lee Scoresby nhìn thấy đôi mắt đang mở to của cô.

“Đó là chiếc van khí,” ông hét to, “nó giữ khí gas bên trong. Khi chúng ta kéo nó xuống, khí sẽ thoát ra từ phía trên, chúng ta mất độ cao và đi xuống.”

“Thế chúng ta đã gần...”

Cô chưa kịp nói hết câu, vì một điều khủng khiếp đã xảy ra. Một sinh vật to bằng nửa người thường, có đôi cánh bằng da thịt và chân có móng vuốt đang bò lên thành giỏ về phía Lee Scoresby. Nó có đầu dẹt, hai mắt lồi và cái miệng nhai rộng ngoác, từ mình nó bốc lên một thứ mùi hôi thối thật tởm lợm. Lyra không có thời gian để hét lên, trước khi Iorek Byrnison lao tới và quật nó văng đi. Nó rơi khỏi giỏ và biến mất sau một tiếng rít.

“Kền kền núi.” Iorek nói ngắn gọn.

Tiếp theo đó, Serafina Pekkala xuất hiện và bám vào một bên thành giỏ, nói gấp gáp.

“Những con kền núi đang tấn công. Chúng tôi sẽ đưa chiếc khinh khí cầu xuống dưới đất, và sau đó chúng ta sẽ phải tự bảo vệ mình. Chúng...”

Nhưng Lyra không nghe thấy tiếng bà nói gì tiếp theo, vì có tiếng giăng xé, và tất cả nghiêng sang một bên. Rồi một luồng gió đẩy mạnh cả ba người vào một bên khinh khí cầu nơi treo bộ áo giáp sắt của Iorek Byrnison. Iorek đặt một bàn tay to lớn lên giữ nó vì chiếc giỏ đang lắc lư dữ dội. Serafina Pekkala đã biến mất. Những âm thanh thật ghê rợn; vượt lên trên tất cả những âm thanh khác là tiếng rít của những con ma núi. Lyra nhìn thấy chúng lao qua, và người thấy mùi hôi hám bốc lên từ chúng.

Tiếp theo là một cú chao đảo nữa, rồi nó đột ngột ném mọi người xuống sàn, rồi chiếc giỏ lao xuống với một tốc độ đáng sợ, xoay vòng liên tục. Có cảm giác như nó bị giăng khỏi khinh khí cầu và đang rơi xuống không gì ngăn lại nổi; tiếp đến là những cú lắc lư và va chạm khác, chiếc giỏ đang tròn trành dữ dội từ bên này sang bên kia như thể họ đang nảy lên trên những bức tường đá.

Cảnh tượng cuối cùng có thể nhìn thấy là Lee Scoresby đang bắn khẩu súng lục vào mặt một con kền núi; rồi cô nhắm chặt mắt lại, bấu chặt lấy bộ lông Iorek Byrnison trong cơn hoảng hốt tột cùng. Những tiếng gầm, tiếng rít, tiếng gió gào thét, tiếng kéo kẹt của chiếc giỏ như một con vật đang bị thương, khắp nơi tràn ngập những âm thanh khủng khiếp và hoang dại.

Tiếp đến là một cú lắc mạnh chưa từng thấy, cô thấy mình văng ra ngoài. Bàn tay đang bám của cô rời ra, tim cô như thể bật ra ngoài khi cô hạ cánh trong tình trạng không biết đâu là trên đâu là dưới, khuôn mặt ẩn sau chiếc

mũ chùm đầu buộc chặt của cô bám đầy bụi, những thứ khô, lạnh, trong suốt.

Đó là tuyết, cô đã rơi xuống một đồng tuyết. Cô ê ẩm đến nỗi gần như không suy nghĩ được nữa. Cô nằm thẳng đờ nhiều giây rồi mệt mỏi nhõ tuyết ra khỏi miệng, cô vững vẫy yếu ớt cho đến khi có chút không gian để thở.

Dường như không có chỗ nào bị đau nghiêm trọng, cô chỉ cảm thấy rất khó thở. Cô thận trọng thử di chuyển, nhúc nhích chân, bàn tay, cánh tay, cẳng chân và ngẩng đầu lên. Cô nhìn được rất ít vì chiếc mũ chùm đầu vẫn dính đầy tuyết. Cô cố gắng hết sức, hai bàn tay nặng như chì, gạt tuyết ra và nhìn quanh. Cô nhìn thấy một thế giới màu xám, xám nhạt, xám đen, những mảng tuyết bay qua, bay lại như những hồn ma.

Những âm thanh duy nhất cô nghe thấy được là những tiếng rít xa xa của bọn kền núi, tiếng gió đập vào vách núi gần đó.

“Iorek!” cô kêu lên. Giọng cô yếu ớt và run rẩy. Cô thử lại nhưng không có tiếng đáp. “Roger!” cô gọi, cũng không có lời đáp.

Có lẽ cô chỉ còn một mình trong thế giới này, nhưng tất nhiên là không bao giờ như thế. Pantalaimon bò ra khỏi áo choàng của cô trong hình dạng một con chuột để làm bạn với cô.

“Mình đã kiểm tra Chân-kế,” nó nói. “Ổn cả. Không có chỗ nào bị vỡ.”

“Chúng mình bị lạc rồi, Pan!” cô nói. “Cậu có trông thấy những con kền núi đó không? Lee Scoresby đã bắn chúng à? Chúa cứu rồi nếu chúng mò xuống tận đây...”

“Tốt hơn là chúng mình phải tìm chiếc giỏ,” nó nói, “có lẽ là vậy.”

“Chúng mình tốt hơn chớ nên gọi to,” cô nói. “Mình vừa làm thế, nhưng có lẽ tốt hơn đừng, phòng trường hợp chúng nghe được. Ước gì biết được bọn mình đang ở đâu.”

“Có thể bọn mình sẽ không thích nếu biết nơi này là đâu,” nó giảng giải. “Có thể chúng ta đang ở dưới chân một vách núi không có đường ra, và có những con kền núi đứng trên đỉnh sẽ nhìn thấy chúng ta một khi sương tan.”

Cô nhìn ra xung quanh sau khi đã nghỉ ngơi thêm mấy phút nữa và nhận thấy mình đã rơi vào một khoảng trống giữa hai ngọn núi phủ đầy tuyết. Băng giá bao trùm mọi nơi; một bên là tiếng gió đập vào vách đá cách vài chục mét, dù có vẻ đã giảm đi chút ít. Cô chỉ nhìn được hai đến ba mét trong bóng tối, ngay cả đôi mắt tinh như cú vọ của Pantalaimon cũng chẳng giúp ích được gì.

Cô chập vạt tìm đường, bò và trườn trên những móm đá sắc thô ráp và nhận thấy chẳng có gì khác ngoài núi đá và băng tuyết, không thấy dấu hiệu nào của chiếc khinh khí cầu hay của những người ngồi trên đó.

“Họ không thể đều biến mất được,” cô thì thầm.

Pantalaimon mò mẫm thêm một chút trong hình dạng mèo hoang và đụng vào bốn túi cát đã vỡ ra, cát bên trong đã đông cứng lại.

“Những bao cát.” Lyra nói. “Chắc ông ấy đã ném nó xuống để lại bay lên.”

Cô nuốt mạnh cục nước bọt trong cổ họng, hoặc nổi sọc hãi trong ngực, hoặc cả hai.

“Ôi Chúa ơi, mình sợ quá,” cô nói. “Mình hy vọng họ an toàn.”

Pantalaimon quay trở lại vòng tay cô và biến thành một con chuột, bò vào mũ chùm của chủ nơi không ai nhìn thấy, cô nghe thấy một âm thanh, có gì đó đang đập vào vách đá và quay lại nhìn.

“Iorek!”

Nhưng cô ghìm lại không nói hết, vì đó hoàn toàn không phải Iorek Byrnison. Đó là một con gấu lạ mặc một bộ áo giáp sắt đánh bóng, những hạt sương đọng trên đó đã đóng băng, và một chiếc lông vũ cắm trên chiếc mũ sắt đội đầu.

Họ vẫn đứng, cách nhau khoảng chục mét, cô nghĩ số phận mình thực sự đã kết thúc.

Con gấu mở miệng và rống lên. Một tiếng dội lại từ những vách đá và còn rung động từ rất xa phía trên. Từ trong màn sương mù hiện lên một con gấu, rồi một con nữa. Lyra vẫn đứng im, nắm chặt bàn tay lại.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 19: Phần 1

Những con gấu vác Lyra qua một cái rãnh giữa những vách núi, nơi sương mù thậm chí còn dày đặc hơn trên bờ bãi biển. Tiếng kêu rít của những con kền kền trên vách núi và tiếng sóng vỗ xa dần khi họ leo lên cao, giờ chỉ còn là tiếng kêu không dứt của những con chim biển. Họ trèo trong im lặng qua những vách núi đá và những mảng tuyết bị gió cuốn đi, Lyra đã phải căng mắt để nhìn vào màn không khí màu xám cuộn cuộn và căng tai nghe âm thanh của những người bạn, có lẽ cô là con người duy nhất ở Svalbard, và có lẽ Iorek đã chết.

Con gấu trung sĩ không nói gì cho đến khi họ đã ở trên đất bằng. Họ dừng lại. Dựa vào tiếng vọng âm thanh sóng biển, Lyra đoán họ đã ở trên đỉnh núi, cô không dám chạy trốn, đề phòng trường hợp bị rớt khỏi bờ rìa.

“Ngẩng lên,” con gấu nói, như một làn hơi lửa màn sương dày đặc sang một bên.

Có rất ít ánh sáng ban ngày, nhưng Lyra vẫn cố nhìn, và thấy cô đang đứng trước một tòa nhà hùng vĩ xây bằng đá. Ít nhất tòa nhà cũng cao bằng phần cao nhất của Học viên Jordan, nhưng rộng lớn hơn rất nhiều, khắp mọi nơi được tạc cảnh chiến tranh, những con gấu thẳng trận và người Skraeling đầu hàng, những người Tartar đang bị trói và lao động như nô lệ trong các hầm mỏ, cảnh những chiếc khí cầu zeppelin bay lên trên ngập bầu trời mang các món quà đến cho vua của loài gấu, Iofur Raknison.

Ít nhất, đó là điều con gấu trung sĩ nói cho cô biết ý nghĩa của những hình tạc. Cô đành nghe theo lời nó nói, vì tất cả hình dáng trên bề mặt được tạc rất sâu đục đầy những con chim ó biển và mòng biển, chúng kêu quàng

quạc, rít lên và bay vòng vòng trên đầu, phân chúng bao phủ lấy không sót một phần nào của tòa nhà với những đốm trắng bấn thủ.

Tuy vậy, những con gấu dường như không trông thấy đồng bừa bãi đó. Chúng đi qua những khung cửa tò vò khổng lồ, khắp nơi trên mặt đất phủ tuyết là những vết bấn do lũ chim gây ra. Có một khoảnh sân, những bậc thang cao, những cánh cổng và chỗ nào cũng có những con gấu mặc áo giáp sắt canh gác và đòi mật khẩu. Bộ áo giáp sắt của chúng bóng bẩy, sáng loáng, và tất cả đều đeo những chiếc lông vũ trên mũ sắt. Lyra không thể không so sánh từng con gấu cô thấy được với Iorek Byrnison, và lần nào Iorek cũng thắng; nó hùng dũng hơn, uyển chuyển hơn, bộ giáp sắt của nó là giáp sắt thực sự, màu sắt gỉ, nhuộm máu, ghi dấu bởi những trận chiến chứ không sạch sẽ, trắng men và trang trí cầu kỳ như những con cô nhìn thấy vào lúc này.

Khi họ đi sâu thêm vào bên trong, nhiệt độ cao thêm, và cũng có thêm nhiều thứ hơn. Thứ mùi trong cung điện của Iofur Raknison thật ghê tởm: mỡ hải cẩu ôi, phân, máu, các thứ mùi trộn lẫn với nhau, Lyra đẩy chiếc mũ trùm đầu lật ra sau cho thoáng, nhưng cô không thể không nhăn mũi. Cô hy vọng những con gấu không thể đọc được những thái độ của con người. Cứ mấy mét lại có một giá đỡ bằng sắt đặt ngọn đèn đốt bằng mỡ cá voi, dưới bóng sáng của ngọn đèn đang cháy đó, thường không phải lúc nào cũng nhìn rõ nơi cô đang đứng.

Cuối cùng họ dừng lại trước một cánh cửa sắt nặng nề. Một con gấu cạnh cửa kéo chiếc chốt cửa khổng lồ ra, con gấu trung sĩ đột ngột quay đầu sang Lyra, nó lấy chân đẩy Lyra qua ngưỡng cửa. Trước khi kịp né người, cô nghe tiếng cửa chốt lại phía sau lưng.

Trời tối đen như mực, nhưng Pantalaimon biến thành con đom đóm và tạo thành một vùng sáng lấp lánh xung quanh họ. Họ đang ở trong một xà lim chật hẹp nơi những bức tường ẩm thấp nước chảy nhỏ giọt với một chiếc ghế dài bằng đá dùng để đỡ. Trong góc xa nhất có một đồng giẻ cô

cho là để làm giường nằm. Đó là tất cả những gì Lyra có thể nhìn thấy được.

Lyra ngồi xuống, Pantalaimon đậu trên vai. Cô luồn tay vào áo tìm chiếc Chân-kế.

“Chắc là bị va đập nhiều lắm, Pan.” Cô thì thầm. “Mình hy vọng nó vẫn còn hoạt động.”

Pantalaimon bay xuống cổ tay cô và ngồi đó để chiếu sáng, trong khi Lyra sắp xếp lại các suy nghĩ trong đầu mình. Một phần trong con người mình, cô nhận thấy rõ ràng mình có thể ngồi đây trong sự nguy hiểm khủng khiếp và rồi chìm vào sự tĩnh tâm cần thiết để đọc Chân-kế; nhưng phần lớn trong cô giờ đây là những câu hỏi phức tạp cứ liên tục tự nảy ra tự nhiên như những bắp thịt bao quanh khung xương vậy; cô khó mà không nghĩ đến chúng.

Cô quay những chiếc kim và nghĩ câu hỏi: “Iorek Byrnison đang ở đâu?”

Câu trả lời đến ngay lập tức: “Cách đây một ngày đường, được đưa đến trên chiếc khinh khí cầu sau vụ đắm.”

“Thế còn Roger?”

“Đi cùng với Iorek.”

“Iorek Byrnison định sẽ làm gì?”

“Anh ta định đột nhập vào cung điện này và giải thoát cho cô, bất chấp mọi trở ngại.”

Cô cất Chân-kế đi, trong lòng còn thấy lo lắng hơn lúc trước.

“Họ sẽ không để anh ấy làm như vậy đâu, phải không? Ở đây họ rất đông. Mình ước mình là một phù thủy, Pan à, như thế cậu có thể đi xa khỏi

mình, tìm anh ấy và báo cáo tin tức, rồi chúng ta có thể lập nên một kế hoạch hoàn hảo.”

Cô sợ hết hồn vì một giọng đàn ông vang lên trong bóng tối cách đó mấy mét: “Mi là ai?”

Cô đứng phắt dậy và thét lên vì hoảng hốt. Pantalaimon biến thành một con dơi, rít lên và bay quanh đầu cô trong khi cô đứng tựa lưng vào tường.

“Này? Này?” Người đàn ông lại nói. “Ai đấy? Nói đi chứ? Nói to lên!”

“Biến lại thành đom đóm đi, Pan,” cô run rẩy nói. “Nhưng đừng đến gần quá.”

Vệt sáng mỏng manh nhảy nhót trong không khí bay vòng quanh đầu người vừa lên tiếng. Đó hoàn toàn không phải một đồng giẻ rách: đó là một người đàn ông râu quai nón màu xám đang bị xích vào tường, mắt ông sáng long lanh bởi ánh sáng của Pantalaimon, mái tóc rối tung xòa xuống qua vai. Nhân tinh của ông, một con rắn với bộ dạng lừ đừ nằm trong lòng ông, thè lưỡi ra mỗi lần Pantalaimon bay đến gần.

“Ông là ai?” cô hỏi.

“Jotham Santelia,” ông ta trả lời. “Ta là giáo sư Hoàng gia nghiên cứu ngành Vũ trụ học tại Đại học Gloucester. Cháu là ai vậy?”

“Lyra Belacqua. Tại sao người ta lại bắt giam ông vậy?”

“Bởi sự hiềm độc và tính đố kỵ. Cháu đến từ đâu thế? Hà?”

“Từ Học viện Jordan,” cô nói.

“Cái gì? Oxford hả?”

“Vâng.”

“Tên vô lại Trelawney vẫn còn ở đó chứ? Hả?”

“Giáo sư Palmerian phải không ạ? Vẫn còn ạ,” cô nói.

“Thế hả, Chúa ơi! Hả? Đáng lẽ người ta phải cho hắn nghỉ hưu từ lâu rồi. Đồ chỉ biết ăn cắp ý tưởng của người khác! Thằng cha hợm hĩnh!”

Lyra khịt mũi.

“Hắn đã công bố nghiên cứu về hạt photon trong tia gamma chưa?” ông giáo sư hỏi, dí sát mặt vào Lyra.

Cô lùi lại.

“Cháu không biết,” cô nói, và sau đó, thói quen trẻ con lại trở lại với cô, “à mà khoan,” cô tiếp tục, “cháu nhớ ra rồi. Ông ấy nói ông ấy vẫn cần kiểm tra lại một vài số liệu và... ông ấy nói đang chuẩn bị viết về Bụi nữa. Thế đấy ạ.”

“Thằng vô lại! Đồ kẻ cắp! Tên dê tiện! Đồ ba que xỏ lá!” ông già hét lên, người ông rung khùng khiếp đến mức Lyra lo ông sắp ngã đến nơi. Con nhân tinh của ông bò ra khỏi lòng chủ một cách thờ ơ khi Giáo sư giương nắm đấm về phía cẳng chân mình. Những giọt nước bọt bắn tung tóe từ khóe miệng ông.

“Vâng,” Lyra nói, “cháu luôn nghĩ ông ta là đồ kẻ cắp. Một tên ba que xỏ lá, đại loại thế.”

Vị Giáo sư Hoàng gia không để ý đến việc liệu Lyra có thực sự biết chính xác người đàn ông là nhân vật chính trong nỗi ám ảnh của mình hay không. Ông bị điên, không nghi ngờ gì nữa, ông già tội nghiệp, nhưng có thể ông có chút ít thông tin có ích với Lyra.

Cô cẩn thận ngồi bên cạnh ông, không đủ gần để ông có thể chạm vào người, nhưng đủ gần để ánh sáng yếu ớt của Pantalaimon có thể chiếu sáng rõ khuôn mặt ông.

“Một điều mà giáo sư Trelawney thường hay khoác lác,” cô nói, “là ông ta biết rõ vua của những con gấu đến mức nào...”

“Láo! Hả? Hả? Ta có thể nói là hẳn nói khoác! Hẳn ta chẳng là gì khác ngoài một con vẹt! Một tên cướp biển! Không có một đoạn nào trong bản nghiên cứu ban đầu là của hẳn cả. Tất cả đều là đi xoáy của những người giỏi giang hơn!”

“Vâng, đúng như thế ạ.” Lyra nói với vẻ rất nghiêm chỉnh. “Và khi ông ta thật sự tự mình làm gì đó, ông ta sẽ làm hỏng.”

“Đúng! Đúng! Chính xác là như vậy đấy! Không có chút tài năng, không có óc tưởng tượng, một tên ăn cắp từ đầu đến chân!”

“Ý cháu là, ví dụ như,” Lyra nói, “cháu cá là ông biết nhiều về những con gấu hơn ông ta.”

“Những con gấu,” ông già nói. “Ha! Ta có thể viết cả một luận án về chúng! Đó là nguyên nhân chúng giam ta lại, cháu thấy đấy.”

“Tại sao lại thế?”

“Ta biết quá nhiều về chúng, và chúng không dám giết ta. Chúng không dám làm thế, dù vô cùng muốn như vậy. Ta biết là như vậy, cháu biết đấy. Ta có những người bạn. Đúng thế! Những người bạn đầy quyền lực.”

“Vâng” Lyra nói. “Và cháu cá ông là một thầy giáo tuyệt vời.” Cô tiếp tục. “Vì ông có rất nhiều kiến thức và kinh nghiệm.”

Thậm chí ngay cả trong đáy sâu nhất của cơn điên, vẫn còn một chút ý thức lóe lên, ông nhìn cô chăm chú, gần như thể cô đang chế nhạo mình. Nhưng từ khi sinh ra đến giờ cô đã đối phó với tính đa nghi và gàn dở của các Học giả, cô nhìn lại với sự ngưỡng mộ dịu dàng đến nỗi ông cảm thấy được xoa dịu.

“Thầy giáo,” ông nói, “thầy giáo... Đúng, ta có thể dạy học. Hãy cho ta những học sinh phù hợp, ta sẽ thắp sáng ngọn lửa trí tuệ của người đó.”

“Bởi vì kiến thức của ông không được phép biến mất.” Lyra liều lĩnh nói. “Nó cần được truyền lại để người đời còn nhớ đến ông.”

“Đúng!,” ông nói, gật đầu lia lịa. “Cháu thật là nhạy cảm, cô bé ạ. Tên cháu là gì?”

“Lyra,” cô nói lại cho ông. “Ông dạy cho cháu về các con gấu được không?”

“Các con gấu?” ông nói với vẻ nghi ngờ.

“Cháu thực sự muốn biết về Vũ trụ học, về Bụi và tất cả những thứ khác, nhưng cháu không đủ thông minh để hiểu về những chuyện đó. Với lĩnh vực đó thì ông phải cần những sinh viên thông minh thực sự. Nhưng cháu có thể học về những con gấu. Ông có thể dạy cháu về chúng được. Chúng ta có thể phần nào rèn luyện qua đó rồi tiến dần đến Bụi, có thể như vậy lắm.”

Ông già lại gật đầu.

“Đúng.” Ông nói. “Đúng, ta tin là cháu nói đúng. Có một sự tương xứng giữa thế giới vi mô và thế giới vĩ mô! Những ngôi sao đang sống, cô bé à! Cháu có biết điều đó không? Tất cả những thứ ngoài kia đang sống, có những mục tiêu lớn lao ngoài kia! Vũ trụ đầy ắp những khái niệm, cháu biết đấy. Tất cả mọi thứ xảy ra nhằm một mục đích nhất định. Mục đích của

cháu là nhắc ta về chuyện này. Tốt, tốt — trong cơn tuyệt vọng ta đã quên mất điều đó. Tốt! Xuất sắc đấy cô bé của ta!”

“Vậy ông đã nhìn thấy đức vua chưa? Iofur Raknison ấy?”

“Rồi, ồ, rồi. Ta đến đây theo lời mời của ông ta, cháu biết đấy. Ông ta định mở một trường đại học. Ông ta định để ta làm Hiệu phó. Đây sẽ là cái gai trong mắt Hội Bắc cực Hoàng gia, hả! Hả? Và cả tên vô lại Trelawney nữa! Ha!”

“Chuyện gì đã xảy ra ạ?”

“Ta đã bị bọn cấp dưới phản bội. Trelawney là một trong số đó, tất nhiên. Hẳn ta từng ở đây, cháu hiểu không? Ở Svalbard, hẳn đồn thổi những lời dối trá và vu khống về bằng cấp của ta. Đồ vu khống! Đồ nói láo! Ai là người đã tìm ra bằng chứng cuối cùng về giả thuyết Barnard-Stokes, hả? Hả? Phải, Santelia, chính là người đó. Trelawney không thể làm thế được. Nói láo không biết ngượng mồm. Iofur Raknison đã ném ta vào đây. Một ngày nào đó ta sẽ thoát khỏi đây, rồi cháu sẽ thấy. Ta sẽ là Phó Hiệu trưởng, ồ, đúng thế. Rồi tên Trelawney sẽ phải đến gặp ta xin tha thứ! Để xem lúc đó Ủy ban công bố của Hội Bắc cực Hoàng Gia có dám bác bỏ những cống hiến của ta hay không? Hà! Ta sẽ vạch mặt tất cả bọn chúng!”

“Cháu mong là Iorek Byrnison sẽ tin ông, khi anh ấy trở lại.” Lyra nói.

“Iorek Byrnison hả? Sẽ chẳng có tác dụng gì khi trông chờ vào điều đó đâu. Anh ta sẽ chẳng bao giờ trở lại.”

“Anh ấy đang trên đường đến đây.”

“Vậy thì họ sẽ giết anh ta. Anh ta không phải một con gấu, cháu hiểu không. Anh ta là một kẻ bị xã hội ruồng bỏ. Giống như ta. Đã bị mất thanh thế. Đừng kỳ vọng vào bất cứ lòng nhân từ nào của một con gấu.”

“Tuy nhiên cứ giả định rằng Iorek Byrnison sẽ trở lại thật,” Lyra nói, “Giả định rằng anh ấy thách đấu với Iofur Raknison?”

“Ồ, họ sẽ không cho phép đâu.” Giáo sư nói chắc như đinh đóng cột. “Iofur Raknison sẽ không bao giờ hạ mình chấp nhận cho Iorek Byrnison quyền chiến đấu với ông ta đâu. Không có một quyền nào. Iorek Byrnison giờ có lẽ chỉ là một con hải cẩu, con moóc, không phải một con gấu. Hay tệ hơn: là người Tartar hay người Skraeling. Họ sẽ không tôn trọng và thi đấu với nó như với một con gấu, họ sẽ giết anh ta bằng máy ném lửa trước khi anh ta đến được gần. Không có một tia hy vọng. Không có một chút thương xót.”

“Ồi,” Lyra thốt lên, với một nỗi thất vọng sâu sắc tràn ngập trong lòng. “Thế còn những tù nhân khác của những con gấu thì sao? Ông có biết họ bị giam ở đâu không?”

“Những tù nhân khác?”

“Như... ngài Asriel.”

Ngay lập tức thái độ của ông Giáo sư thay đổi hoàn toàn. Ông ta co rúm lại và dựa lưng vào tường, lắc đầu sợ hãi.

“Suyt! Im nào! Họ sẽ nghe thấy cháu đấy!” Ông thì thầm.

“Tại sao chúng ta không được nhắc đến Ngài Asriel?”

“Bị cấm! Nguy hiểm lắm đấy! Iofur Raknison không cho phép được nhắc đến tên ông ta!”

“Tại sao vậy?” Lyra hỏi, đến gần hơn và hạ giọng xuống thì thầm để không làm ông ta giật mình.

“Bắt giam Ngài Asriel là một nhiệm vụ đặc biệt, Iofur Raknison được giao bởi Ủy ban Tôn giáo.” Ông già thì thầm trả lời. “Đích thân bà Coulter đã đến đây gặp Iofur Raknison và đề nghị rất nhiều phần thưởng để giam Ngài Asriel lại. Ta biết chuyện này, cháu hiểu không, bởi vì vào thời điểm đó ta đang được Iofur Raknison sủng ái. Ta đã gặp bà Coulter! Đúng vậy. Ta đã có một cuộc nói chuyện dài với bà ta. Iofur Raknison đã mê mụ cả người vì bà ta. Ông ta không ngớt nói về bà ấy. Nếu bà ấy muốn Ngài Asriel bị giam cách biệt hàng trăm dặm, điều đó cũng sẽ được thực hiện. Bất cứ điều gì vì bà Coulter, bất cứ điều gì. Ông ta còn định đặt tên thủ đô của thành phố theo tên bà ấy, cháu có biết không?”

“Vì thế ông ta không cho ai đến và gặp Ngài Asriel!?”

“Không! Không bao giờ! Nhưng chính bản thân ông ta cũng sợ Ngài, cháu biết không. Iofur Raknison đang chơi một trò chơi khó khăn. Nhưng ông ta thông minh. Ông ta đã làm những gì cả hai bên muốn. Ông ta giam giữ Asriel ở một nơi biệt lập, để làm hài lòng bà Coulter, và để Ngài Asriel có tất cả những thiết bị ông ấy yêu cầu, nhằm làm đẹp lòng Ngài Asriel. Sự bắt cá hai tay này không thể duy trì được lâu đâu. Không ổn định. Thỏa mãn cả hai phía, hở? Tình trạng này sẽ sụp đổ nhanh chóng thôi. Ta biết được điều này theo một nguồn tin đáng tin cậy.”

“Thật sao?” Lyra nói, tâm trí cô đang ở chỗ khác, suy nghĩ rất lung tung về điều ông ta vừa nói.

“Đúng, lương tâm nhân tính của ta có thể nếm các mùi vị rất chuẩn, cháu biết không?”

“Vâng, nhân tính của cháu cũng vậy. Khi nào thì họ cho chúng ta ăn, Giáo sư?”

“Cho chúng ta ăn?”

“Họ phải để thức ăn ở đâu đó, nếu không chúng ta sẽ chết đói. Và trên sàn nhà có xương. Cháu mong đó là xương hải cẩu, phải vậy không ạ?”

“Hải cẩu... ta không biết. Cũng có thể.”

Lyra đứng lên và tìm đường đi ra cửa. Không có nắm đấm cửa, tất nhiên là vậy, không có lỗ khóa, phần trên và dưới cửa khít hoàn toàn đến mức không có tia sáng nào lọt được vào trong. Cô áp sát tai vào, nhưng chẳng nghe thấy tiếng gì. Phía sau cô, người đàn ông đang lăm bắm gì đó với chính mình. Cô nghe thấy tiếng dây xích vang lên khi ông mệt mỏi xoay người, rồi rất nhanh chóng có tiếng ngáy vang lên.

Cô lò dò tìm đường trở về chiếc ghế dài, Pantalaimon, đã mệt mỏi khi phải chiếu sáng, biến thành một con dơi, điều này rất tốt cho nó, nó bay quanh kêu chin chít khe khẽ trong khi Lyra ngồi gặm móng tay.

Rồi rất bất ngờ, không có báo trước, cô nhớ lại điều đã nghe Giáo sư Palmerian nói trong Phòng nghỉ lúc trước. Có gì đó cứ ám ảnh cô từ khi Iorek Byrnison lần đầu tiên nói đến cái tên của Iofur Raknison, và giờ thì đã rõ ràng: điều Iofur Raknison mong muốn trên tất cả, Giáo sư Trelawney đã nói, là một con nhân tinh.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 19: Phần 2

Tất nhiên, lúc đó cô đã không hiểu ý ông ta muốn nói gì; ông ta đã nói từ panserborne thay vì dùng một từ tiếng Anh, vì thế cô không hiểu ông ta đang nói về những con gấu; cô không nghĩ Iofur Raknison không phải con người. Chẳng nào con người cũng phải có nhân tính, vì thế cô thấy thật ngớ ngẩn.

Nhưng giờ thì mọi chuyện đã rõ ràng. Tất cả những gì cô nghe được về vua của những con gấu càng làm sáng tỏ thêm: Iofur Raknison dùng mảnh không muốn gì hơn là được trở thành người, với một con nhân tính của chính mình.

Khi nghĩ đến đó, một kế hoạch nảy ra trong đầu cô, một cách để khiến Iofur Raknison làm điều bình thường không bao giờ hẳn ta làm; một cách phục hồi vương quyền mà Iorek Byrnison đáng ra phải được hưởng; một cách cuối cùng, để đến được nơi người ta đang giam cầm Ngài Asriel, và đưa cho ông Chân-kế.

Ý tưởng đó lung linh và lơ lửng trong đầu cô, như bong bóng xà phòng, cô không dám nhìn thẳng vào nó vì sợ nó vỡ tan thành từng mảnh nhỏ. Nhưng cô đã quen với các ý tưởng, nên cô cứ để nó lung linh, cô nhìn đi chỗ khác, nghĩ về điều gì đó khác.

Cô đã gần chìm vào giấc ngủ thì tiếng chốt cửa lạch cạch và cánh cửa mở ra. Ánh sáng lùa vào, cô bật dậy ngay lập tức, Pantalaimon trốn ngay vào túi áo.

Ngay khi con gấu canh cửa cúi đầu nhấc chiếc đèn hải cẩu và ném vào trong, cô chạy đến bên cạnh nó nói:

“Hãy đưa tôi đến chỗ Iofur Raknison. Anh sẽ gặp rắc rối nếu không làm thế. Việc này rất khẩn cấp.”

Nó nhả miếng thịt khỏi hàm và nhìn lên. Thật không dễ để đọc được cảm xúc của những con gấu, nhưng trông nó có vẻ bức tức.

“Đó là về chuyện Iorek Byrnison” cô nói nhanh. “Tôi biết vài điều về Iorek Byrnison, đức vua cần phải biết những điều đó.”

“Nói cho ta biết, ta sẽ chuyển lời.” Con gấu nói.

“Như thế không được, vì không có ai được biết trước đức vua.” Cô nói. “Tôi rất tiếc, tôi không cố ý thô lỗ, nhưng anh biết đấy, quy định đặt ra là đức vua phải biết mọi việc trước tiên.”

Có lẽ nó hơi chậm hiểu. Nó dừng lại, ném miếng thịt vào xà lim rồi nói:

“Tốt lắm, người đi với ta.”

Nó dẫn cô ra ngoài, điều này khiến cô vô cùng sung sướng. Màn sương đã lên cao hơn và có những ngôi sao đang lấp lánh bên trên khoảng sân có bờ tường bao rất cao. Con gấu trao đổi với một con gấu khác, rồi nó đến nói với cô.

“Người không thể gặp Iofur Raknison bất cứ lúc nào người muốn,” nó nói. “Người phải đợi cho đến khi Ngài muốn gặp người.”

“Nhưng việc này rất gấp, điều tôi cần nói với ông ấy ấy,” cô nói. “Đó là về Iorek Byrnison. Tôi chắc chắn rằng Đức vua của anh muốn biết, nhưng tôi lại không thể kể với bất cứ ai khác, anh hiểu không? Như thế là không

lịch sự. Ông ấy sẽ nổi giận ghê gớm lắm nếu biết chúng ta đã không lịch sự.”

Điều này có vẻ gây ảnh hưởng, hay làm nó đủ bối rối để ngừng lại. Lyra chắc chắn cách suy diễn của mình rất đúng; Iofur Raknison đã đưa ra nhiều cách làm mới đến nỗi chẳng con gấu nào biết phải làm thế nào, và cô có thể khai thác sự mơ hồ này để đến được chỗ Iofur Raknison.

Thế là con gấu rút về hỏi ý kiến con gấu cấp cao hơn, không lâu sau Lyra bị lôi trở lại Cung điện, nhưng lần này là vào những chỗ quan trọng. Chỗ này cũng không sạch sẽ gì hơn, hay đúng ra không khí còn khó thở hơn trong xà lim, bởi tất cả những thứ mùi tanh tươi đó lại được bao phủ bởi mùi nước hoa thơm đến lộng óc. Cô bị bắt phải đợi ở ngoài hành lang, sau đó là ở phòng chờ, tiếp đến là bên ngoài một căn phòng lớn, trong khi những con gấu trao đổi, tranh cãi và chạy đi chạy lại, và cô có thời gian nhìn ngắm cách bài trí chường mắt xung quanh: các bức tường treo đầy các tác phẩm thạch cao mạ vàng, một số thứ đã bị tróc hết lớp mạ hay mún ra vì không khí ẩm ướt, những tấm thảm sặc sỡ bê bết đầy bùn bẩn.

Cuối cùng cánh cửa lớn cũng được mở từ bên trong. Ánh sáng rực rỡ phát ra nửa tá đèn chùm, một tấm thảm đỏ thẫm, mùi nước hoa nồng nặc đầy trong không khí; khuôn mặt của một tá con gấu hoặc là hờn, tất cả đều nhìn cô chăm chăm, không con nào mặc áo giáp sắt nhưng đều phục sức theo một cách nào đó: một vòng cổ bằng vàng, một chiếc mũ trùm đầu có gắn lông vũ màu tía, một chiếc khăn quàng sặc sỡ. Thật đáng ngạc nhiên, trong căn phòng còn có rất nhiều chim, những con chim nhạn biển và chim cướp biển đậu trên các mái đua trát vữa, lượn xuống để cướp những miếng cá rơi xuống từ những chiếc lưới treo trên đèn chùm.

Trên chiếc bệ ở đầu phía bên kia của căn phòng, một ngai vàng uy nghi được dựng ở trên cao. Nó được làm bằng đá hoa cương rất vững chãi và vĩ đại, nhưng giống như rất nhiều thứ khác trong cung điện của Iofur

Raknison, nó được trang hoàng bằng những chi tiết học đòi quá tỉ mỉ và những đường trạm chỗ nạm vàng.

Ngồi trên ngai là con gấu to lớn nhất cô từng thấy. Iofur Raknison thậm chí còn to lớn và cao lớn hơn Iorek Byrnison, nét mặt nó linh động và biểu cảm hơn, có một vẻ gì đó rất người mà cô chưa bao giờ nhìn thấy trên mặt Iorek Byrnison. Khi Iofur nhìn xuống cô, dường như cô nhìn thấy một người đàn ông, kiểu người cô đã gặp ở nhà bà Coulter, một chính khách khôn ngoan đã quen với quyền lực. Nó đeo quanh cổ một sợi dây chuyền vàng nặng nề, trên đó có trang trí đá quý lòe loẹt, những móng vuốt của nó, mỗi móng dài đến cả chục phân đều được bọc những lá vàng. Gây tác động đối với người khác cũng là một cách tạo thế mạnh và một mưu mẹo hay. Nó cũng đủ to lớn để khiến việc trang điểm quá mức cần thiết trở nên lố bịch.

Cô thấy người mình run bắn lên. Đột nhiên cô không biết phải làm thế nào để diễn đạt những ý tưởng của mình bằng lời.

Nhưng cô tiến lại gần thêm một chút, vì cô cần phải làm như vậy, cô thấy Iofur Raknison đang đặt một thứ gì đó trên đầu gối, như một con người thường cho con mèo, hay một con nhân tinh ngồi ở đó.

Đó là một con búp bê lớn bằng len, một hình nhân với khuôn mặt người ngây dại vô hồn. Nó ăn mặc theo kiểu cách của bà Coulter và giống bà ta đến kì lạ. Ông ta đang giả như mình đang có một con nhân tinh. Cô biết mình đã được an toàn.

Cô đến gần ngai vàng và cúi mình thật thấp, Pantalaimon vẫn im lặng nép trong túi áo.

“Xin gửi đến Ngài lời chào của chúng tôi, thưa Đức vua vĩ đại,” cô nói khẽ. “Hay ý tôi là lời chào của tôi, không phải của anh ta.”

“Của ai cơ?” Hần nói, giọng nói nhẹ hơn cô nghĩ, nhưng đầy âm điệu. Khi nói, nó vung tay trước miệng để xua đám ruồi nhặng đang ve vẩy xung quanh.

“Của Iorek Byrnison, thưa Đức ngài,” cô nói. “Tôi có vài điều rất quan trọng và bí mật muốn nói với ngài, và tôi nghĩ tôi chỉ nên nói riêng với ngài thôi, thật đấy ạ.”

“Về Iorek Byrnison?”

Cô đến gần nó, bước cẩn thận trên nền nhà phủ đầy phân chim và xua lũ ruồi đang bay vo ve xung quanh.

“Về những con nhân tinh,” cô nói để chỉ có nó nghe được.

Thái độ của nó thay đổi hẳn. Cô không biết thái độ đó nói lên điều gì, nhưng không nghi ngờ gì về việc nó đang vô cùng thích thú. Đột nhiên nó nhào người khỏi ngai vàng khiến cô phải nhảy sang một bên. Rồi nó rống lên ra lệnh cho những con gấu khác. Tất cả chúng đều cuối đầu và quay lưng đi ra cửa. Những con chim vừa bay tán loạn sau tiếng rống kêu quàng quạc và bay vòng vòng trên đầu trước khi lại đậu xuống.

Khi căn phòng đã không còn ai ngoài Iofur Raknison và Lyra, nó hào hứng quay sang cô.

“Sao nào?” hần nói. “Hãy nói cho ta biết người là ai. Và có chuyện gì về những con nhân tinh?”

“Tôi là một con nhân tinh, thưa Đức ngài,” cô nói.

“Của ai?” Hần hỏi.

“Của Iorek Byrnison,” cô trả lời.

Đây là điều nguy hiểm nhất cô từng nói. Cô có thể thấy rất rõ rằng chỉ vì ngạc nhiên nên nó mới không giết cô ngay lập tức. Cô vội vàng tiếp lời:

“Xin ngài, thưa Đức ngài, xin hãy để tôi kể cho ngài nghe trước khi ngài giết tôi. Tôi đến đây với rất nhiều nguy cơ rủi ro, như ngài thấy đấy, và tôi chẳng làm gì có thể có hại đến ngài. Thực ra tôi muốn được giúp ngài, vì thế tôi đến đây, Iorek Byrnison là con gấu đầu tiên có nhân tính, nhưng đáng ra đó phải là ngài. Tôi nên là nhân tính của ngài hơn là của anh ta, vì thế tôi đến đây.”

“Làm thế nào?” hăn nói, giọng gằn như nghẹn thở, “làm thế nào mà một con gấu lại có nhân tính được? Tại sao lại là anh ta? Và làm thế nào người đi xa anh ta thế được?”

Những con ruồi bay khỏi mồm nó.

“Điều này rất dễ. Tôi có thể đi khỏi anh ta vì tôi cũng giống nhân tính của các phù thủy. Ngài có biết chúng có thể bay xa khỏi chủ hàng trăm dặm không? Tôi cũng giống như vậy. Còn về chuyện làm thế nào anh ta có được tôi, thì đó là ở Bolvangar. Ngài đã nghe nói về Bolvangar, vì chắc bà Coulter đã kể cho ngài nghe, nhưng có lẽ bà ấy chưa kể cho ông tất cả mọi việc họ đang làm ở đó.”

“Cắt rời...” hăn nói.

“Đúng vậy, cắt rời, chính là phần đó, sự chia tách. Nhưng họ còn đang làm rất nhiều những việc khác nữa. Cả những thử nghiệm trên loài vật nữa. Khi Iorek Byrnison nghe nói có chuyện này, anh ta đề nghị lấy mình ra thử nghiệm xem có thể tạo ra một con nhân tính cho mình hay không và họ đã làm. Chính là tôi đây. Tên tôi là Lyra. Cũng như khi con người có nhân tính, chúng sẽ có hình dạng của loài vật, vì thế khi một con gấu có nhân tính, nó sẽ là con người. Và tôi là nhân tính của anh ta. Tôi có thể nhìn thấu suy nghĩ của anh ta và biết chính xác anh ta đang làm gì, ở đâu và...”

“Hiện giờ hắc đang ở đâu?”

“Ở Svalbard. Anh ta đang đến đây nhanh nhất có thể.”

“Tại sao chứ? Hắc muốn gì? Hắc điên rồi! Chúng ta sẽ xé xác hắc thành từng mảnh!”

“Anh ta muốn có tôi. Anh ta đến đây để lấy lại tôi. Nhưng tôi không muốn làm nhân tinh của anh ta, tôi muốn làm nhân tinh của ngài. Vì khi thấy một con gấu có nhân tinh hùng mạnh như thế nào, những người ở Bolvangar quyết định sẽ không làm lại thí nghiệm đó một lần nữa. Iorek Byrnison trở thành con gấu duy nhất có nhân tinh. Có tôi giúp đỡ, anh ta có thể lãnh đạo tất cả những con gấu khác chống lại ngài. Đó là mục đích anh ta đến Svalbard.”

Con vua gấu lại rống lên. Tiếng rống của hắc to đến nỗi pha lê trên chiếc đèn chùm rung lên, những con chim trong phòng rùng mình và tai Lyra ù đi.

Nhưng cô nhanh chóng lấy lại được cân bằng.

“Đó là lý do tôi thích ngài nhất,” cô nói với Iofur Raknison, “vì ngài tràn đầy nhiệt tình, dũng mãnh và thông minh. Còn tôi thì vừa mới rời bỏ anh ta để đến với ngài, vì tôi không muốn anh ta thống trị loài gấu. Đó phải là ngài. Có một cách bắt tôi khỏi anh ta và khiến tôi trở thành nhân tinh của ngài, nhưng ngài sẽ không biết trừ khi tôi nói ra đây, bằng không ngài sẽ tiến hành xử lý với một con gấu chiến binh tầm thường bị đi đày như anh ta; ý tôi muốn nói là, không chiến đấu với anh ta một cách bình thường, mà giết anh ta bằng máy ném lửa hay gì đó khác. Nếu ngài làm thế, tôi sẽ biến mất như một tia sáng và chết theo anh ta.”

“Nhưng người... làm thế nào có thể...”

“Tôi có thể trở thành nhân tinh của ngài,” cô nói, “nhưng chỉ khi ngài chiến đấu với Iorek Byrnison trong một trận chiến tay đôi. Khi đó sức mạnh của anh ta sẽ chảy vào người ngài, tinh thần của tôi cũng chảy vào tinh thần của ngài, và chúng ta sẽ giống như một, suy nghĩ của ngài cũng là suy nghĩ của tôi. Ngài có thể bảo tôi đi xa hàng trăm dặm để do thám cho ngài, hãy giữ tôi ở bên cạnh ngài, tùy ý ngài muốn thế nào cũng được. Tôi sẽ giúp ngài lãnh đạo những con gấu đánh chiếm Bolvangar, nếu ngài muốn, hay bắt họ làm thêm nhiều con nhân tinh cho những con gấu ngài sủng ái, hoặc nếu ngài thích là con gấu duy nhất có nhân tinh hơn, thì chúng ta sẽ phá hủy Bolvangar vĩnh viễn. Chúng ta có thể làm bất cứ chuyện gì, Iofur Raknison, cùng nhau, ngài và tôi!”

Từ đầu đến giờ cô giữ Pantalaimon trong túi với bàn tay run rẩy, nó nằm im hết mức có thể, trong hình dạng con chuột bé nhất từng biến thành.

Iofur Raknison đi lên đi xuống với thái độ hứng khởi chỉ chực bùng nổ.

“Một trận chiến đấu tay đôi à?” hăn nói. “Ta sao? Ta phải đánh nhau với Iorek Byrnison? Không thể được! Hăn ta là một kẻ bị đi đày! Làm sao mà thế được? Làm sao ta đánh nhau với hăn được? Chỉ có duy nhất cách đó thôi sao?”

“Đó là cách duy nhất,” Lyra nói, trong lòng thầm ước không phải như vậy, vì Iofur Raknison cứ mỗi phút lại to lớn hơn và hung dữ hơn. Cô yêu thương Iorek, và niềm tin của cô đối với nó cũng mạnh mẽ như vậy. Cô không thể thực sự tin rằng nó có thể đánh bại con gấu thực sự khổng lồ nhất trong các con gấu khổng lồ này. Nhưng đây là hy vọng duy nhất mà họ có. Bị tấn công từ khoảng cách xa bởi máy ném lửa thì chẳng còn một chút hy vọng nào.

Iofur Raknison đột nhiên quay phắt lại.

“Chứng minh!” hăn nói. “Hãy chứng minh người là nhân tinh đi!”

“Được thôi,” cô nói. “Tôi có thể làm thế, rất dễ dàng. Tôi có thể tìm ra tất cả những gì ngài biết mà những người khác không biết, những điều chỉ có nhân tinh mới tìm hiểu được.”

“Vậy hãy nói sinh vật đầu tiên ta giết là gì?”

“Tôi phải vào căn phòng và làm điều này một mình,” cô nói. “Khi tôi là nhân tinh của ngài, ngài có thể xem tôi làm như thế nào, nhưng cho đến lúc đó, điều này vẫn là riêng tư.”

“Có một phòng khách phía sau căn phòng này. Hãy vào đó, và đi ra khi nào người biết được câu trả lời.”

Lyra mở cánh cửa và thấy mình ở trong một căn phòng thấp sáng bằng một cây đuốc, căn phòng trống lát gỗ gụ dùng để chứa những đồ bạc đã xin hết cả. Cô mang Chân-kế ra và hỏi: “Iorek hiện đang ở đâu?”

“Cách đây bốn giờ đồng hồ, và đang cố đi nhanh nhất có thể.”

“Làm thế nào tôi có thể nói cho anh ấy biết điều tôi đang làm.”

“Cô phải tin tưởng vào anh ấy.”

Cô lo lắng nghĩ không biết giờ anh ấy đã mệt mỏi đến mức nào. Nhưng cô nhớ ra là mình đang không làm theo điều Chân-kế vừa mới nói với cô: cô đang không tin vào anh ấy.

Cô đặt lo lắng đó sang một bên và hỏi câu hỏi Iofur Raknison yêu cầu. “Sinh vật đầu tiên nó giết là ai?”

Câu trả lời đã có: “chính cha đẻ của Iofur.”

Cô hỏi kỹ thêm, và biết được rằng khi là một con gấu trẻ tuổi, Iofur đang lúc một mình trong băng giá, ngay trong chuyến đi săn đầu tiên của mình, đã đụng độ với một con gấu đơn độc. Hai bố con chúng tranh cãi và đánh

nhau, Iofur đã giết chết cha mình. Bản thân việc này đã là một tội ác, nhưng nó còn tệ hơn tội ác thông thường, vì sau này Iofur biết được đó chính là cha đẻ của nó. Những con gấu được nuôi lớn bởi gấu mẹ, rất hiếm khi nhìn thấy cha. Nó che giấu sự thực mình đã gây ra; không ai biết được chân tướng điều này trừ chính bản thân Iofur, và giờ Lyra cũng đã nắm rõ toàn bộ.

Cô cất Chân-kế đi, và không biết nên nói với nó về chuyện này như thế nào.

“Hãy tặng bốc nó!” Pantalaimon thì thầm. “Đó là tất cả những gì nó muốn.”

Thế là Lyra mở cửa và thấy Iofur Raknison đang đợi mình, với một dáng vẻ hớn hở, ma mãnh, lo lắng và tham lam.

“Thế nào?”

Cô quỳ xuống trước mặt hắn, cuối đầu chạm vào chân trái trước của nó, cái chân khỏe hơn, vì những con gấu thuận tay trái.

“Xin ngài thứ lỗi cho, Iofur Raknison!” cô nói. “Tôi đã không biết là ngài lại mạnh mẽ và vĩ đại đến thế!”

“Chuyện gì thế? Hãy trả lời câu hỏi của ta!”

“Sinh vật đầu tiên ngài giết chết chính là cha ruột của ngài. Tôi nghĩ ngài là một vị thánh mới, thừa Iofur Raknison. Chắc chắn là ngài phải như vậy. Chỉ có một vị thánh mới có đủ sức mạnh để làm như vậy.”

“Nhà người biết thật! Người đúng là có thể nhìn thấy!”

“Vâng, vì tôi là một con nhân tinh, như tôi đã nói.”

“Hãy nói cho ta thêm một điều nữa. Quý bà Coulter đã hứa với ta điều gì trong lần bà ấy đến đây?”

Lyra lại vào căn phòng trống và hỏi Chân-kế trước khi quay lại với câu trả lời.

“Bà ta hứa với ngài rằng sẽ thuyết phục Tổng giáo giám mục tại Geneva đồng ý để ngài rửa tội và trở thành một người theo đạo Cơ đốc, dù lúc đó ngài chưa có nhân tinh. Tôi e rằng bà ta vẫn chưa làm điều này đâu, thưa Iofur Raknison, tôi thực sự không nghĩ rằng họ đồng ý nếu ngài không có một con nhân tinh. Tôi nghĩ bà ta biết như vậy, nhưng đã không nói với ngài sự thực. Còn trong bất cứ trường hợp nào nếu ngài có tôi như một nhân tinh ngài có thể rửa tội nếu muốn, vì khi đó chẳng ai có thể tranh cãi được nữa. Ngài có thể yêu cầu và họ không thể từ chối được.”

“Ừ... Đúng vậy. Bà ấy đã nói thế. Đúng vậy, đúng từng từ một. Bà ấy đã lừa dối ta? Ta đã tin bà ấy, và bà ấy đã lừa dối ta?”

“Vâng, bà ấy đã làm thế đấy. Nhưng giờ thì bà ấy chẳng là gì nữa rồi. Xin tha lỗi cho tôi, thưa Iofur Raknison. Tôi hy vọng ngài sẽ không phiền lòng khi tôi nói thế này, nhưng Iorek Byrnison chỉ còn cách đây bốn giờ đồng hồ nữa thôi, có lẽ tốt hơn là ngài nên bảo những con gấu của ngài không tấn công anh ta theo cách thông thường. Nếu ngài định chiến đấu với anh ta để giành được tôi thì anh ta phải được phép vào Cung điện.”

“Được...”

“Và có thể khi anh ta đến, tốt hơn tôi nên giả bộ vẫn thuộc về anh ta, tôi nói là bị lạc đường hoặc sao đó. Anh ta sẽ không biết được đâu. Tôi sẽ giả vờ. Ngài có định nói với những con gấu khác về chuyện tôi là nhân tinh của Iorek Byrnison và sẽ thuộc về ngài khi ngài đánh bại anh ta không?”

“Ta không biết... Ta nên làm thế nào?”

“Tôi không nghĩ là ngài nên nói đến chuyện đó lúc này. Khi nào chúng ta ở bên nhau, ngài và tôi, chúng ta có thể nghĩ đến những chuyện tốt đẹp nhất để làm và quyết định. Điều ngài cần làm bây giờ là giải thích với tất cả những con gấu khác tại sao ngài sắp để Iorek chiến đấu với ngài như một con gấu bình thường, ngay cả khi anh ta là một kẻ bị đi đày. Vì họ sẽ không thể hiểu nổi, nên chúng ta cần tìm một lý do cho chuyện này. Ý tôi là, dù gì thì họ cũng phải làm theo lệnh của ngài, nhưng nếu họ thấy có một lý do cho chuyện đó, họ sẽ còn ngưỡng mộ ngài hơn nữa.”

“Được. Vậy chúng ta nên nói với họ thế nào?”

“Hãy nói với họ... Hãy nói với họ rằng để làm cho vương quốc của ngài an toàn hơn, chính ngài đã gọi Iorek Byrnison trở về để chiến đấu với anh ta, và người chiến thắng sẽ thống trị những con gấu vĩnh viễn. Ngài thấy không, nếu chúng ta làm cho việc anh ta trở về là theo ý tưởng của ngài, chứ không phải của anh ta, họ sẽ thực sự bị ấn tượng. Họ sẽ nghĩ ngài có thể gọi anh ta về đây trong khi anh ta ở xa xôi đến thế. Họ sẽ nghĩ ngài có thể làm được bất cứ chuyện gì.”

“Đúng...”

Con gấu to lớn không còn lựa chọn nào khác. Lyra gần như say sưa trước quyền lực cô đang áp đặt lên nó, và nếu Pantalaimon không véo tay cô nhắc nhở về sự nguy hiểm họ đang rơi vào, có lẽ cô đã mất hết cả ý thức cảnh giác.

Cô trở lại là mình, khiêm tốn bước lùi lại phía sau để quan sát và chờ đợi trong khi những con gấu, dưới sự chỉ đạo phần khích của Iofur, chuẩn bị trường đấu cho Iorek Byrnison. Trong khi đó Iorek, chẳng biết chút gì về chuyện này, đang hồi hả tiến về nơi mà cô đang ước gì có thể nói cho nó biết nó sẽ phải chiến đấu một mất một còn.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 20: Phần 1

Những cuộc chiến giữa các con gấu là rất bình thường, và thường được coi như một nghi lễ. Tuy nhiên, trường hợp một con gấu giết con gấu khác là rất hiếm, nếu có thì cũng do tai nạn, hay do một con gấu hiểu nhầm tín hiệu từ con kia, như trong trường hợp của Iorek Byrnison. Những trường hợp giết chết tươi, như Iofur giết chết cha ruột của mình thì càng hiếm thấy hơn.

Nhưng thỉnh thoảng cũng có trường hợp cách giải quyết tranh chấp duy nhất là chiến đấu một mất một còn. Để chuẩn bị điều đó, một nghi thức sẽ được chuẩn bị.

Ngay khi Iofur Raknison tuyên bố Iorek Byrnison đang trên đường trở về, thì một cuộc chiến sắp diễn ra, trường đấu đã được quét dọn và mài nhẵn, những thợ làm áo giáp ra khỏi hầm mỏ để đến xem xét bộ áo giáp sắt của Iofur. Tất cả những đầu đinh tán được kiểm tra, mỗi đường nối đều được buộc lại, những phiến kim loại được đánh bóng bằng loại cát tốt nhất. Những móng vuốt của nó cũng được chăm sóc kỹ lưỡng y như thế. Những lá vàng đã được đánh bóng, những móng vuốt dài cả chục phân đã được mài nhọn đến mức đáng sợ. Lyra nhìn mà cảm thấy ruột gan mình đau quặn, vì Iorek Byrnison không thể được chăm sóc như thế này. Nó đã đi trên tuyết lạnh hai mươi tư tiếng đồng hồ mà không hề nghỉ ngơi hay ăn uống. Có thể nó đã bị thương trong vụ đâm khinh khí cầu. Cô đã lôi kéo nó vào cuộc chiến này mà nó không hề được biết trước. Đến một lúc, trong khi Iofur Raknison đã thử nghiệm mức độ sắc nhọn của móng vuốt trên một con moóc vừa bị giết chết, xé toạc bộ da của nó ra như với một tờ giấy, và sức mạnh của cú đâm trên chiếc xương sọ của con moóc... Hai cú đâm, nó

vỡ tan ra như một quả trứng, Lyra đành cáo lỗi với Iofur, lủi ra một chỗ kín khóc nức lên vì sợ hãi.

Thậm chí cả Pantalaimon, bình thường nó có thể pha trò làm cho cô vui lên cũng khó mà nói rằng có một chút hy vọng. Tất cả những gì cô có thể làm là hỏi Chân-kế: nó còn cách đây một giờ đồng hồ, chiếc máy nói cho cô biết, và một lần nữa, cô phải tin vào con gấu; và (điều này thì khó đọc ra hơn) thậm chí cô còn nghĩ nó đang trách cứ cô vì đã hỏi lại cùng câu hỏi đến hai lần.

Đến lúc đó, các con gấu đã truyền lời nhau, và tất cả các góc của trường đều chật ních. Những con gấu đẳng cấp cao được ngồi ở chỗ tốt nhất, và có một chỗ khoanh hàng rào đặc biệt dành riêng cho những con gấu cái. Lyra rất tò mò về những con gấu cái, vì cô biết rất ít về chúng, nhưng không còn thời gian để vẫn vơ với những câu hỏi nữa. Thay vào đó cô ở bên cạnh Iofur Raknison và quan sát những cận thần xung quanh nó thể hiện đẳng cấp của mình trước những con gấu bình thường ở bên ngoài, cố gắng đoán được ý nghĩa của những thứ lông vũ và phù hiệu, huy chương hầu như con nào cũng đeo. Cô nhìn thấy, một vài con ở đẳng cấp cao nhất, mang theo những hình nộm giống con nhân tinh búp bê len của Iofur, có thể là chúng cố gắng lấy lòng bằng bắt chước cách làm của nó. Cô cảm thấy hài lòng với thái độ nhạo báng khi nhận thấy chúng không biết làm gì với con hình nộm của mình khi mà Iofur đã vứt hình nộm của mình đi. Có lẽ chúng đang nghĩ có nên vứt đi hay không? Có phải giờ chúng không còn được sủng ái nữa? Chúng phải cư xử thế nào đây?

Bởi vì đó đang là một thịnh hành trong hội đồng của nó, cô bắt đầu phải quan sát. Chúng không chắc chắn chúng là gì. Chúng không giống Iorek Byrnison, thuần khiết, chắc chắn và tuyệt đối; luôn có một tấm màn đen mờ lung che phủ trên đầu chúng khi chúng nhìn nhau và nhìn Iofur.

Rồi chúng nhìn cô, với sự tò mò không giấu giếm. Cô vẫn nhún nhường ở bên cạnh Iofur, không nói gì cả, cụp mắt xuống mỗi khi có một con gấu

nhìn cô.

Sương đã tan dần, không khí rất sáng sủa. Lúc này đã gần trưa, Lyra nghĩ Iorek sắp đến. Cô đứng run rẩy trên một đám tuyết bên lề trường đấu, cô nhìn lên bầu trời u ám và trông chờ tất cả bằng con tim mình rằng sẽ nhìn thấy những bóng đen duyên dáng tả tơi đang bay trên bầu trời lượn xuống mang cô đi; hay nhìn thấy thành phố giấu mình trong Hiện tượng cực quang, nơi cô có thể đi bộ an toàn dọc theo đại lộ rộng lớn tràn ngập ánh mặt trời; hay nhìn thấy vòng tay rộng mở của Mẹ Costa, để được người thấy mùi hương thân thiện và mùi thức ăn cuốn quanh cô.

Cô thấy mình đang khóc, những giọt nước mắt gần như đông cứng lại ngay khi chúng thành giọt, cô thấy rất đau khi gạt đi. Cô cảm thấy rất sợ. Những con gấu, chúng không biết khóc, không thể hiểu nổi điều đang xảy ra đến với cô; đó là một đặc trưng của loài người, và những con gấu thấy việc này thật vô nghĩa. Tất nhiên, Pantalaimon không thể an ủi cô như vẫn thường làm, dù cô để tay trong túi và nắm chặt thân hình ấp áp của nó, nó sục mũi vào tay cô.

Bên cạnh cô, những con gấu thợ rèn đang thực hiện nốt những điều chỉnh cuối cùng cho bộ áo giáp sắt của Iofur Raknison. Trông hẵn như một tháp kim loại vĩ đại, sáng rực trong lớp kim loại đánh bóng, những phiến kim loại được giát những sợi dây vàng; chiếc mũ sắt che phủ phần trên của đầu làm bằng mai giáp màu xám bạc sáng lấp lánh, khe mắt sâu; phía bên trong thân người hẵn được bảo vệ bởi một lớp áo giáp đan mắt lưới. Chính lúc đó cô nhận ra mình đã phản bội Iorek Byrnison, vì Iorek chẳng có thứ nào giống như vậy cả. Bộ áo giáp sắt chỉ bảo vệ lưng và hai bên sườn nó. Cô nhìn Iofur Raknison, thật béo tốt và khỏe mạnh, và cảm thấy đau đớn trong lòng, một cảm giác sợ hãi pha lẫn tội lỗi.

Cô nói: “Xin ngài thứ lỗi, thưa Đức ngài, nếu ngài còn nhớ điều tôi đã nói lúc trước...”

Giọng nói run rẩy của cô nghe thấy nhỏ bé và yếu ớt. Iofur Raknison quay cái đầu mạnh mẽ lại từ chiếc bia đang được ba con gấu bê trước mặt hân thử những chiếc móng nhọn hoắt của mình.

“Sao? Sao?”

“Xin Đức ngài nhớ cho, tôi đã nói tốt hơn là tôi nên đến nói chuyện với Iorek Byrnison trước, và giả vờ...”

Nhưng trước khi cô kịp nói hết câu, có một tiếng gầm gừ từ phía những con gấu trên tháp canh. Những con khác biết điều đó có nghĩa là gì và hân hoan sung sướng. Chúng đã nhìn thấy Iorek.

“Có được không ạ?” Lyra nói gấp gáp. “Tôi sẽ đánh lừa anh ta, rồi ngài sẽ thấy.”

“Được! Được! Đi đi. Đi và động viên hân ta!”

Iofur Raknison đang quá mê cuồng và kích động đến mức khó nói được nên lời.

Lyra rời khỏi vị trí bên cạnh nó, đi qua trường đấu sạch sẽ và trống trơn, để lại những dấu chân trên tuyết, những con gấu ở phía xa lùi ra nhường đường cho cô đi qua. Khi thân hình to lớn của chúng ị ạch nhích sang bên, chân trời mở rộng, mờ mờ trong ánh sáng nhợt nhạt. Iorek Byrnison đâu rồi? Cô chẳng nhìn thấy gì cả, nhưng khi đó, tháp canh rất cao, những con gấu trên đó có thể nhìn thấy những thứ cô chưa nhìn thấy được. Tất cả những gì cô có thể làm là đi tiếp về phía trước trên nền tuyết.

Nó nhìn thấy cô trước khi cô nhìn thấy nó. Một cú nhảy, rồi có tiếng kim loại lanh canh, và chỉ với một luồng tuyết cuốn lên, Iorek Byrnison đã đứng bên cạnh cô.

“Ôi, Iorek, tôi đã gây ra một chuyện khủng khiếp! Bạn thân yêu, anh sắp phải chiến đấu với Iofur Raknison, anh chưa sẵn sàng... Anh đã mệt và đói rồi, và bộ giáp sắt của anh...”

“Điều khủng khiếp là gì vậy?”

“Tôi nói với hắc ta là anh đang đến, vì tôi đọc được điều này trên chiếc máy đọc biểu tượng, và hắc ta đang cạn hy vọng được giống như một con người và có nhân tính, thực sự đã tuyệt vọng. Vì thế tôi lừa để hắc ta nghĩ rằng tôi là nhân tính của anh, và tôi đang phản bội anh để trở thành nhân tính của hắc ta, nhưng hắc phải chiến đấu để biến điều đó thành hiện thực, vì nếu không, Iorek, bạn thân yêu của tôi, họ sẽ chẳng bao giờ để anh chiến đấu, họ sẽ thiêu cháy anh trước khi anh kịp đến gần...”

“Cô đã lừa Iofur Raknison sao?”

“Vâng. Tôi đã khiến hắc đồng ý đánh nhau với anh thay vì thắng tay giết anh như với những kẻ bị đi đày khác, và người thắng cuộc sẽ là vua của những con gấu. Tôi buộc phải làm như vậy, bởi vì...”

“Cô mang họ Belacqua phải không? Không, cô phải là Lyra Lưỡi Bạc mới đúng,” nó nói. “Được chiến đấu với hắc là tất cả những gì tôi mong muốn. Đi nào, con nhân tính bé nhỏ của ta.”

Họ đi bên nhau về phía Cung điện to sừng sững của Iofur, nơi trường đấu chiếm một khoảng rộng dưới chân tường. Những con gấu đứng tụm lại với nhau trên bờ tường có lỗ châu mai, những khuôn mặt màu trắng đứng đầy kín khung cửa sổ, và thân hình to lớn nặng nề của chúng đứng như một bức tường dày đặc sương trắng, tô điểm bằng những đốm mắt và mũi màu đen. Những con đứng gần nhất lùi sang một bên, tạo thành hai đường đi cho Iorek Byrnison và nhân tính của anh ta đi ở giữa. Những con gấu dán mắt nhìn họ.

Iorek dừng lại ở phía bên kia trường đấu, cách xa Iofur Raknison. Vua của những con gấu bước xuống, và hai con gấu đối mặt với nhau ở khoảng cách xa.

Lyra đứng gần Iorek đến nỗi cảm thấy người nó run rẩy như một chiếc máy phát điện lớn, phát ra những luồng điện mạnh mẽ. Cô chạm nhẹ vào cổ nó bên gờ chiếc mũ sắt và nói: “Hãy chiến đấu kiên cường nhé, Iorek, bạn thân yêu. Anh là đức vua thực sự, chứ không phải hăn. Hăn chẳng là gì cả.”

Rồi cô đứng lùi lại phía sau.

“Hỡi những con gấu!” Iorek Byrnison gầm lên. Một tiếng vọng dội trở lại từ những bức tường cung điện và khiến những con chim hốt hoảng bay vụt ra khỏi tổ. Nó tiếp tục nói. “Điều kiện của cuộc chiến là thế này. Nếu Iofur Raknison giết được ta, hăn sẽ là vua vĩnh viễn, không còn bị đe dọa hay tranh chấp gì nữa. Còn nếu ta giết được Iofur Raknison, ta sẽ là vua của các người. Mệnh lệnh đầu tiên của ta cho các người sẽ là phá tan cung điện kia, căn nhà nồng nặc mùi hôi hám và tanh tưởi, ném những thứ vàng bạc và hoa cương kia xuống biển. Sắt là kim loại của gấu. Không phải là vàng. Iofur Raknison đã làm ô uế Svalbard. Ta đến đây để gột rửa lại nó. Iofur Raknison, ta thách thức người.”

Iofur lao về phía trước một hay hai bước, như thể hăn không thể tự kiềm mình lại nổi.

“Hỡi những con gấu!” Đến lượt hăn gầm lên. “Iorek Byrnison đã quay lại theo lời mời của ta. Ta đã gọi hăn về đây. Chính ta mới là người có quyền ra điều kiện cho trận chiến này, và điều kiện sẽ là thế này: nếu ta giết chết Iorek Byrnison, da thịt hăn sẽ bị xé nát và ném cho những con kền núi. Đầu hăn sẽ bị treo trước cung điện của ta, đài tưởng niệm hăn sẽ bị phá bỏ. Người nào nhắc đến tên hăn sẽ bị khép vào tội chết...”

Hắn tiếp tục nói, và từng con gấu nhắc lại. Đây là một nguyên tắc, một nghi thức tế lễ được tuân theo. Lyra nhìn vào hai con gấu, chúng khác nhau vô cùng: Iofur thật hào nhoáng và mạnh mẽ, tràn đầy sức lực và khỏe mạnh, khoác trên mình bộ áo giáp sắt bóng loáng, kiêu hãnh giống một vị vua. Còn Iorek nhỏ bé hơn, và được trang bị sơ xài, bộ áo giáp sắt của nó rỉ sét và méo mó. Nhưng bộ áo giáp sắt là linh hồn nó. Nó đã làm ra bộ áo và bộ áo vừa vặn với nó. Chúng là một, Iofur không thỏa mãn với bộ áo giáp sắt của mình, hắn còn muốn một linh hồn khác nữa. Hắn chuyển động liên tục trong khi Iorek vẫn đứng yên.

Cô nhận thấy tất cả những con gấu khác cũng đang so sánh. Nhưng Iorek và Iofur không đơn thuần chỉ là hai con gấu. Chúng là hai dạng thống trị áp đặt tại nơi đây, hai tương lai, hai số phận. Iofur đã bắt đầu dẫn họ đi theo một phương hướng, và có thể Iorek sẽ đưa họ đi theo một hướng khác. Trong khoảnh khắc này, một tương lai có thể sẽ mãi mãi đóng lại trong khi một tương lai khác lại bắt đầu mở ra.

Khi những nghi lễ cho trận đấu đã chuyển sang màn hai, hai con gấu không ngừng đi loanh quanh trên tuyết, dịch dần lên phía trước, lắc lư cái đầu. Những khán giả ngồi yên không động đậy, nhưng mọi con mắt đều dõi theo chúng.

Rồi với một tiếng gầm, một vệt tuyết vung lên, cả hai con gấu đều lao vào nhau như hai tảng đá trên hai đỉnh núi cạnh nhau bị tung ra bởi một trận động đất, lăn xuống dưới sườn núi với vận tốc ngày càng tăng, băng qua những kẽ nứt làm những cái cây trên đường đi gãy gục thành từng mảnh nhỏ, cho đến khi chúng đâm vào nhau mạnh đến nỗi chúng tan ra thành bụi và làm những mảng đá nhỏ văng ra. Hai con gấu cũng lao vào nhau mạnh mẽ như thế. Cú va chạm của chúng vang vọng trong không khí và dội lại từ những bức tường trong cung điện. Nhưng chúng không bị tan ra thành bụi giống như hai tảng đá. Cả hai đều ngã lăn ra, nhưng Iorek đứng lên trước. Nó uốn người mềm mại và vật lộn với Iofur. Bộ áo giáp sắt của

Iofur bị hư hại bởi cú va chạm và nó không dễ để ngẩng đầu lên. Iorek tiến ngay đến điểm dễ tấn công trên cổ con gấu. Nó cào vào lớp lông trắng rồi móc những móng vuốt xuống dưới mép chiếc mũ sắt của Iofur rồi giật mạnh nó về phía trước.

Cảm thấy nguy hiểm, Iofur gầm lên và rùng mình như Lyra đã nhìn thấy Iorek rùng mình bên bờ nước khiến những vảy nước bắn tung tóe trong không khí. Iorek loạng choạng và bị đánh bật ra, tiếng kim loại kêu lanh canh. Iofur đứng vươn người lên, đuổi thẳng những phiến kim loại che lưng bởi một sức mạnh khủng khiếp. Rồi như một dòng thác, nó lao vào Iorek lúc vẫn đang cố gắng đứng lên.

Lyra cảm thấy như tim mình nảy ra ngoài trước sức mạnh của cú va chạm. Mặt đất dưới chân cô cũng rung lên. Làm sao Iorek có thể sống sót trước một chấn động như thế? Nó đang cố gắng uốn mình và lấy lại cân bằng trên mặt đất, nhưng chân trước nó đang ở trên cao, Iofur đã cắm răng vào đầu đó gần cổ họng Iorek. Những giọt máu nóng hồi vọt lên; một giọt đậu trên chiếc áo lông của Lyra, cô áp chặt tay mình lên đó như một biểu hiện của tình yêu thương.

Nhưng những móng vuốt chân sau của Iorek cắm vào những đường nối trên chiếc áo giáp đan lưới lót mình của Iofur và kéo giật xuống. Toàn bộ phần trước bung ra, Iofur lão đảo nhận thấy nguy hiểm, hăn thả cho Iorek đứng thẳng người lại.

Hai con gấu đứng xa nhau một lúc, lấy lại nhịp thở. Giờ thì Iofur cảm thấy vương vী với chiếc áo giáp lót mình, vì từ tác dụng bảo vệ nó đã thay đổi hoàn toàn và trở nên vương vী: nó vẫn bó chặt lại ở phần dưới, và lòng thông kéo lê giữa hai chân sau. Tuy nhiên, Iorek cũng thấm hại không kém. Máu đang chảy rùng rùng từ vết thương trên cổ khiến nó đau đớn vô cùng.

Nhưng nó lao đến Iofur trước khi vua của những con gấu kịp cản trở nó trong bộ áo giáp và đâm nó ngã lộn nhào, tiếp theo là một cú thọc mạnh

vào phần hở ở cổ Iofur, nơi gờ của chiếc mũ sắt đã bị bẻ cong. Iofur vạt nó xuống, rồi hai con gấu lại nằm đè lên nhau, làm những đụn tuyết bay lên tung tóe, thỉnh thoảng khiến mọi người khó nhận ra ai đang thắng thế.

Lyra đứng nhìn, gần như không dám thở và vận xoắn hai tay chặt vào nhau đến nỗi cô cảm thấy đau. Cô nghĩ đã nhìn thấy Iofur xé toạc vết thương trên bụng Iorek, nhưng điều đó là không thể, vì sau một trận tuyết bay mù mịt, cả hai con gấu đang đứng thẳng người như những võ sĩ Quyền Anh, Iorek đang cào những móng vuốt mạnh mẽ vào mặt Iofur, còn Iofur nện trả cũng dữ dội không kém.

Lyra run rẩy trước sức nặng của những cú đấm. Như thể một người khổng lồ đang quai một cây búa tạ, và trên cây búa tạ có cắm thêm năm đầu nhọn...

Tiếng sắt chạm vào sắt, tiếng răng chạm va vào răng, tiếng hơi thở gấp gáp, những bước chân bước thình thình như sấm trên nền đất nện chặt. Vùng tuyết xung quanh đã chuyển sang màu đỏ và bị giẫm nát thành một thứ bùn đỏ thẫm.

Bộ áo giáp sắt của Iofur lúc này đã thật thảm hại, những tấm kim loại rách và méo mó, những hoa van dát vàng bị tung ra hay lõm đốm đầy máu, và chiếc mũ sắt của nó đã bay đi đâu mất. Bộ áo giáp sắt của Iorek vẫn còn tốt hơn rất nhiều, dù trông cũng rất thảm hại: méo mó nhưng không sút mẻ, vẫn trụ vững cho đến tận bây giờ trước những cú đấm nặng như quai búa tạ của vua gấu, và chống chọi với những móng vuốt hung ác dài cả chục phân.

Nhưng Iofur to lớn vẻ khỏe hơn Iorek, còn Iorek thì đang mệt và đói, nó đã mất rất nhiều máu. Nó bị thương ở bụng, ở hai cánh tay, ở cổ, trong khi Iofur chỉ bị chảy máu ở hàm dưới. Lyra mong mỏi được giúp đỡ người bạn thân yêu, nhưng cô có thể làm gì được?

Tình hình đang trở nên xấu đi cho Iorek. Nó đang là người đi; cứ mỗi lần nó đặt chân trái phía trước trên nền đất, có thể thấy rõ là nó khó mà chống đỡ nổi sức nặng của toàn bộ cơ thể. Nó cũng không bao giờ dùng chân trái này để chiến đấu, và những cú đấm bằng tay phải lại yếu hơn, gần như chỉ là một cái vỗ nhẹ so với những cú đấm mạnh mẽ ghê gớm mấy phút trước.

Iofur đã nhận thấy điều này. Nó bắt đầu chế nhạo Iorek, gọi nó là đồ bỏ đi, đồ trẻ con khóc thút thít, đồ hết hơi, đồ ngoắc ngoải và những cái tên khác, trong khi nó đấm Iorek từ phía bên trái và phía bên phải. Iorek không còn chống đỡ nổi được nữa. Iorek buộc phải lùi lại phía sau, mỗi lần một bước, và rồi phải bò xuống trước con mưa đòn từ con vua gấu đang luôn mồm nhạo báng.

Lyra khóc nức nở. Người bạn thân yêu, người bạn dũng cảm của cô, người bảo vệ không biết sợ hãi của cô đang sắp chết, cô không muốn phụ bạc quay mặt đi, và nếu nó nhìn cô, chắc chắn nó sẽ nhìn thấy đôi mắt đang sáng rực của cô cùng tình yêu thương và sự tin tưởng tràn ngập trong đó, không phải là một khuôn mặt náu trong sự hèn nhát hay một bờ vai run rẩy sợ hãi.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 20: Phần 2

Vì thế cô nhìn lên, nhưng nước mắt khiến cô không nhìn thấy điều đang thực sự xảy ra; và có thể nó không phải là dễ nhìn thấy đối với cô. Và điều này rõ ràng cũng không bị Iofur phát hiện.

Iorek đang lùi lại phía sau chỉ để tìm một chỗ sạch sẽ, một hòn đá chắc chắn để đứng lên, cánh tay trái vô dụng thực ra vẫn lạnh lạnh và khỏe mạnh. Không thể lừa một con gấu, nhưng Lyra đã nói cho Iorek Byrnison biết trước, Iofur Raknison không muốn làm một con gấu, hắn muốn trở thành người và Lyra đã lừa nó.

Cuối cùng nó đã tìm được cái nó muốn: một hòn đá chắc chắn và găm sâu vào đất. Nó dựa lưng vào đó, duỗi thẳng chân và chờ thời cơ.

Thời cơ đến khi Iofur vươn người lên cao, rộng lên thể hiện sức mạnh, và quay đầu nhìn một cách giễu cợt vào bên tay trái lúc đó đang yếu của Iorek.

Đã đến lúc Iorek hành động. Như một cơn sóng đã tích tụ độ cao từ hàng nghìn dặm trên đại dương và chỉ hơi gợn nhỏ trên làn nước sâu, nhưng khi đến vùng nước cạn, nó nhô lên cao đến tận trời xanh, đe dọa những cư dân trước khi tràn lên bờ với một sức mạnh không thể tưởng tượng nổi... Iorek Byrnison vùng lên trước Iofur, vươn người lên từ chỗ đặt chân chắc chắn trên hòn đá và cào xé dữ dội vào cái hàm đang há hốc của Iofur.

Một cú đâm đáng sợ. Nó đánh bay phần hàm dưới của Iofur lên không trung và rải đầy những giọt máu trên tuyết mấy mét xung quanh.

Cái lưỡi đỏ ngòm của Iofur thè xuống cổ họng trống hoắc của hắn. Con vua gấu đột ngột mất tiếng, mất răng và không gì có thể giúp đỡ nổi. Iorek

chỉ cần có thể. Nó lao đến và rằng nó cảm phập cổ họng Iofur, giăng sang bên này, bên kia, nhấc thân hình to lớn khỏi mặt đất rồi dẫn xuống như thể Iofur chỉ là con hải cẩu bên bờ nước.

Rồi nó xé toang con gấu ra, và mạng sống của Iofur Raknison kết thúc dưới hàm răng của Iorek Byrnison.

Vẫn còn một nghi lễ cuối cùng cần hoàn thành. Iorek xé bộ ngực không che chắn của con vua gấu đã chết, gạt lớp lông để thấy những chiếc xương sườn màu đỏ và trắng. Iorek thò tay vào trong lồng ngực, nó giật trái tim của Iofur ra, đỏ thắm và bốc hơi, ăn sống trước mặt thuộc hạ của Iofur.

Sau đó là tiếng hoan hô, sự hỗn loạn và những con gấu tranh nhau chạy đến thể hiện sự tôn kính trước đối thủ đã chiến thắng Iofur.

Tiếng Iorek Byrnison vang lên át cả tiếng la hét.

“Hỡi những con gấu! Ai là vua của các người?”

Và những tiếng hét đám lại, trong một tiếng gầm như thể tất cả những mái nhà trên thế giới đang bật tung ra trong một cơn bão biển:

“Iorek Byrnison!”

Những con gấu biết chúng cần phải làm gì. Tất cả những huy chương, khăn choàng và vòng hoa bị ném xuống ngay lập tức và giày xéo xuống chân, rồi bị bỏ quên trong tích tắc. Giờ thì chúng đã là những con gấu của Iorek, những con gấu thực thụ, không phải thứ gấu nửa người mơ hồ vẫn ý thức được nỗi đau vì vị trí hèn kém của mình. Chúng tràn vào cung điện và bắt đầu kéo những cột đá hoa cương to lớn từ ngọn tháp ở đỉnh trên cùng, lung lay những bức tường có lỗ châu mai bằng những nắm đấm mạnh mẽ cho đến khi những viên đá long ra đẩy chúng xuống những mỏm núi khiến chúng đập mạnh vào đê chắn sóng phía dưới hàng chục mét.

Iorek không để tâm đến và tháo bộ áo giáp sắt của mình ra để chăm sóc vết thương, nhưng trước khi nó bắt đầu, Lyra đã ở bên cạnh, giẫm chân trên nền tuyết đỏ thẫm và hét bảo những con gấu ngừng phá hủy Cung điện, vì có những tù nhân bị giam giữ bên trong đó. Chúng không nghe thấy, nhưng Iorek thì có, và khi nó gầm lên, những con gấu dừng lại ngay lập tức.

“Những tù nhân là con người sao?” Iorek hỏi.

“Đúng vậy — Iofur Raknison tống họ vào ngục tối, họ phải được ra và ở đâu đó, nếu không họ sẽ chết vì đá rơi.”

Iorek ra những lệnh ngăn gọn, mấy con gấu hối hả chạy vào cung điện giải thoát cho các tù nhân. Lyra quay lại với Iorek.

“Để tôi giúp anh nào, tôi muốn biết chắc anh không bị thương quá nặng, Iorek thân yêu — ôi, tôi ước gì có bông băng hay thứ gì đó! Có một vết rạch khủng khiếp trên bụng anh...”

Một con gấu ngậm đầy mồm một thứ gì đó rất cứng màu xanh lá cây bám đầy băng trên mặt đất và thả dưới chân Iorek.

“Rêu cầm máu đó,” Iorek nói. “Hãy rịt vào vết thương hộ tôi, Lyra. Hãy gập phần thịt đè lên trên và bịt một ít tuyết lên cho đến khi nó đóng băng lại.”

Nó không để cho con gấu nào chăm sóc mình dù chúng tỏ ra rất sốt sắng. Hơn nữa, đôi tay Lyra rất khéo léo, và cô nóng lòng được giúp đỡ bạn mình. Thế là đưa bé cúi xuống bên vua gấu to lớn, cuốn thứ rêu cầm máu và đắp tuyết vào vết thương cho đến khi nó không chảy máu nữa. Khi đã làm xong, bao tay của cô thấm đẫm máu của Iorek, nhưng vết thương của nó đã lành miêng.

Lúc đó, những tù nhân, khoảng mười mấy người đàn ông, run rẩy, ngơ ngác và lóng ngóng đã đi ra. Không có gì cần phải nói với ông Giáo sư,

Lyra quyết định, vì ông già khốn khổ đã bị điên. Cô muốn biết những người kia là ai, nhưng còn đó nhiều việc gấp hơn cần làm. Cô không muốn làm Iorek rối trí, nó đang nhanh chóng ra lệnh và sai những con gấu chạy gấp ra chỗ nọ chỗ kia, nhưng cô lo lắng cho Roger, Lee, Scoresby, các phù thủy, cô đang đói và mệt... Cô nghĩ điều tốt nhất có thể làm là tránh sang một bên.

Vì thế cô rút vào một góc trong trường đấu cùng Pantalaimon trong hình dạng chồn gu-lô để giữ ấm cho cô, và tự chất một đồng tuyết lên người như những con gấu vẫn làm, rồi chìm vào giấc ngủ.

Có thứ gì đó dụi vào chân Lyra, giọng một con gấu lạ nói:

“Lyra Lưỡi bạc, đức vua muốn gặp cô.”

Cô đứng dậy và gần như tắt thở vì lạnh, không thể mở mắt nổi vì chúng đã bị phủ một lớp băng, nhưng Pantalaimon đã liếm cho băng tan ra, và cô nhìn thấy ngay một con gấu trẻ tuổi đang nói chuyện với cô dưới ánh trăng.

Cô cố gắng đứng lên nhưng ngã xuống hai lần.

Con gấu nói: “Hãy cười lên lưng tôi,” và nó quỳ xuống chìa ra tấm lưng rộng lớn của mình, nửa ngả nửa bám vào, cô cố gắng ngồi lên trong khi nó đưa cô đến một khoảng đất trống, nơi nhiều con gấu đang đứng tụm lại với nhau.

Giữa chúng là một bong bóng nhỏ bé đang chạy về phía cô, nhân tình của người đó nhảy lên chào đón Pantalaimon.

“Roger!” cô reo lên.

“Iorek Byrnison để mình lại ở đây trong khi anh ấy đến cứu cậu, chúng mình đã rời khỏi khinh khí cầu. Lyra ạ! Sau khi cậu rơi ra, chúng mình đi thêm nhiều dặm, rồi ông Lee Scoresby thả thêm khí gas ra ngoài và chúng

mình đâm vào một ngọn núi, rồi chúng mình rơi xuống một sườn dốc chắc cậu chẳng bao giờ nhìn thấy! Mình không biết bây giờ ông Lee Scoresby ở đâu, cả các phù thủy cũng vậy. Chỉ có mỗi mình và Iorek Byrnison thôi. Anh ấy đi thẳng đến đó tìm cậu. Họ đã kể cho mình nghe về cuộc chiến của anh ấy...”

Lyra nhìn quanh, dưới sự hướng dẫn của những con gấu già, các tù nhân đang xây một căn lều bằng cành củi và vải dầu. Trông họ có vẻ sung sướng vì có việc gì đó để làm. Một trong số những người đàn ông đang đánh diêm để đốt lửa

“Có thức ăn đây,” con gấu trẻ đã đánh thức Lyra dậy nói.

Một con hải cẩu còn tươi nằm trên tuyết. Những con gấu xé nó ra bằng móng vuốt và chỉ cho Lyra chỗ tìm quả cật. Cô ăn một miếng cật sống: nó ấm, mềm và ngon hơn tưởng tượng.

“Hãy ăn cả mỡ nữa,” con gấu nói và xé một miếng đưa cho cô, nó có vị kem hạt dẻ. Roger chần chừ rồi làm theo Lyra. Chúng ăn ngẫu nhiên, chỉ sau vài phút, Lyra đã hoàn toàn tỉnh táo và bắt đầu ấm lên.

Vừa lau miệng, Lyra vừa nhìn ra xung quanh, nhưng không thấy Iorek đâu cả.

“Ngài Iorek Byrnison đang nói chuyện với các cố vấn,” con gấu trẻ tuổi nói. “Ngài muốn gặp cô khi cô đã ăn xong. Hãy đi theo tôi.”

Nó dẫn họ qua một gò tuyết đến một nơi những con gấu đang bắt đầu xây bức tường bằng những khối băng. Iorek ngồi giữa những con gấu già, nó đứng lên chào đón cô.

“Lyra Lưỡi Bạc,” nó nói, “hãy đến đây nghe những gì tôi đang nghe.”

Nó không giới thiệu sự có mặt của cô với những con gấu khác, có lẽ chúng đã biết về cô từ trước. Nhưng chúng nhường chỗ cho cô và đối xử với cô rất trân trọng, như thể cô là một nữ hoàng. Cô cảm thấy tự hào vô cùng khi được ngồi bên cạnh người bạn thân Iorek Byrnison của mình dưới Hiện tượng cực quang khi nó lung linh huy hoàng trên bầu trời bắc cực và tham gia vào cuộc nói chuyện với những con gấu.

Hoá ra sự thống trị của Iofur Raknison là do một âm mưu. Một số cho rằng do ảnh hưởng của bà Coulter, người đã đến gặp Iofur Raknison khi Iorek bị đi đày, dù Iorek không hề biết về điều đó, và còn tặng Iofur rất nhiều quà.

“Bà ta đưa cho hắc một viên thuốc,” một con gấu nói, “hắc đã bí mật cho Hjalmer Hjalmeron uống, làm cho nó quên mất mình là ai.”

Hjalmer Hjalmeron, theo Lyra đoán, là con gấu đã bị Iorek giết và cái chết của nó khiến Iorek phải bị đày. Vậy là bà Coulter đứng sau chuyện này! Và còn hơn thế nữa.

“Có những điều luật của con người ngăn cản một số chuyện bà ta đang dự định, nhưng luật của con người không được áp dụng ở Svalbard. Bà ta muốn thiết lập một trụ sở ở đây như ở Bolvangar, có điều là tệ hại hơn, và Iofur cho phép bà ta làm điều đó, chống lại tất cả những truyền thống của loài gấu. Con người đã đến đây, hay bị cầm tù, nhưng không bao giờ sống và làm việc ở đây. Dần dần bà ta đã làm tăng thêm mức độ ảnh hưởng của mình lên Iofur Raknison, và của ông ta lên chúng tôi, cho đến khi chúng tôi trở thành những sinh vật chạy đi chạy lại dưới sự sai bảo của bà ta, và nhiệm vụ duy nhất của chúng tôi là bảo vệ cái thứ ghê tởm bà ta sắp tạo...”

Đó là lời của một con gấu già hơn. Tên nó là Soren Eiserson, nó là một cố vấn, một con gấu đã phải chịu đựng những điều không hay dưới thời Iofur Raknison.

“Giờ thì bà ta đang làm gì, Lyra?” Iorek Byrnison hỏi. “Khi bà ta nghe tin về cái chết của Iofur, bà ta sẽ làm gì?”

Lyra lấy Chân-kế ra. Không đủ ánh sáng để nhìn, Iorek ra lệnh mang đến một cây đuốc.

“Chuyện gì đã xảy ra ông Lee Scoresby vậy?” Lyra hỏi trong khi chờ đợi. “Cả các phù thủy nữa?”

“Các phù thủy đã bị một bộ tộc phù thủy khác tấn công. Tôi không biết những phù thủy ở bộ tộc đó có phải là đồng minh của những kẻ chia tách con người hay không, nhưng họ lượn trên bầu trời với số lượng nhiều khủng khiếp, họ tấn công trong cơn bão. Tôi không biết điều gì đã xảy ra cho Serafina Pekkala, còn về Lee Scoresby, chiếc khinh khí cầu lại bay lên sau khi tôi rơi ra ngoài với cậu bé, đưa anh ta lên cùng. Nhưng chiếc máy đọc biểu tượng của cô sẽ cho chúng ta biết số phận của họ giờ ra sao.”

Một con gấu kéo đến chiếc xe kéo đựng chiếc vạc chứa đầy than củi đang cháy âm ỉ và ném một miếng nhựa giẻ rách vào giữa. Miếng nhựa bắt lửa ngay lập tức, soi sáng cho Lyra quay những chiếc kim của Chân-kế và hỏi về Lee Scoresby.

Hóa ra ông ấy vẫn đang lơ lửng trên cao, bị gió thổi về hướng Nova Zembla, và ông ấy không hề hấn gì sau khi bị những con kền núi tấn công. Bộ tộc phù thủy lạ đã bị đánh lui.

Lyra nói lại với Iorek, nó gật đầu hài lòng.

“Nếu ông ta vẫn còn ở trên không, ông ta sẽ an toàn.”

“Thế còn về bà Coulter?”

Câu trả lời rất phức tạp, chiếc kim quay từ biểu tượng này sang biểu tượng kia theo một trật tự khiến Lyra rối trí một lúc lâu. Những con gấu rất

tò mò, nhưng kìm lại được vì sự tôn kính của chúng dành cho Iorek Byrnison, và của Iorek Byrnison dành cho Lyra. Cô bỏ chúng ra ngoài tâm trí để chìm đắm trong Chân-kế.

Trò chơi của những biểu tượng, khi cô đã tìm hiểu được mối quan hệ của chúng, thì không còn bí ẩn nữa.

“Nó nói rằng bà ta... bà ta đã nghe về việc chúng ta bay theo hướng này, bà ta có một khí cầu zeppelin vận tải được trang bị súng máy. Tôi nghĩ là vậy — vì họ đang bay đến Svalbard ngay lúc này. Bà ta vẫn chưa biết chuyện Iofur bị giết, tất nhiên là như vậy, nhưng sẽ nhanh chóng biết, bởi vì... Đúng rồi, vì một số phù thủy sẽ nói cho bà ta biết, các phù thủy biết tin nhờ những con kền núi. Vì thế tôi đoán rằng có rất nhiều do thám trong không khí xung quanh đây, Iorek. Bà ta đang đến để... để định giúp Iofur Raknison, nhưng thực ra là tiếp quản quyền lực của hắn, với một đội quân Tartar đến bằng đường biển, họ sẽ đến đây trong vòng hai ngày tới.

“Ngay khi có thể bà ta sẽ đến nơi Ngài Asriel đang bị giam giữ, và sẽ sai người giết ông ấy. Vì... giờ mọi thứ đã trở nên rõ ràng: một điều trước đây tôi không thể hiểu nổi, Iorek ạ! Đó là tại sao bà ấy lại muốn giết Ngài Asriel: đó là vì bà ta biết ông ấy sẽ làm gì, bà ta sợ điều đó, bà ta muốn chính mình làm điều đó và có quyền kiểm soát trước ông ấy... Chắc chắn đó là thành phố trên mây! Chắc chắn là như vậy! Bà ta đang cố gắng giành được nó trước! Và giờ nó còn nói thêm với tôi về điều gì khác nữa...”

Cô vùi người xuống chiếc máy, tập trung cao độ, trong khi chiếc kim xoay lung tung. Nó chuyển động hầu như quá nhanh để dõi theo, Roger đang nhìn qua vai cô, thậm chí Roger không nhìn thấy nó dừng lại lúc nào, cậu nhìn chăm chăm vào những ngón tay Lyra quay những chiếc kim, những chiếc kim trả lời hỗn loạn chứ không đơn giản như thứ ngôn ngữ của Hiện tượng cực quang.

“Đúng rồi,” cuối cùng cô lên tiếng, đặt chiếc máy vào lòng, chớp mắt và thở dài như thể vừa ra khỏi sự tập trung cao độ của mình. “Đúng, tôi đã hiểu điều nó nói. Bà ta lại đang đuổi theo tôi, bà ta muốn thứ gì đó tôi đang có, vì Ngài Asriel cũng muốn điều đó. Họ cần nó cho việc này... cho thí nghiệm này... dù nó là gì...”

Đến đó cô ngừng lại hít một hơi thật sâu rồi thở ra từ từ. Có điều gì đó đang làm cô phiền não, dù cô không biết đó là chuyện gì. Cô chắc chắn thứ quá đổi quan trọng đến thế chính là bản thân chiếc Chân-kế, bởi sau rốt, bà Coulter đã từng muốn nó, và còn có thể là gì khác nữa? Nhưng vẫn chưa đúng, ví Chân-kế có một cách khác để nói đến chính mình, và không phải là cách này.

“Tôi cho rằng đó là Chân-kế,” cô nói với vẻ không vui. “Đó là điều tôi luôn nghĩ từ đầu đến giờ. Tôi phải mang đến cho Ngài Asriel trước khi bà ta có được nó. Nếu bà ta có được nó, tất cả chúng ta phải chết.”

Khi nói thế, cô cảm thấy rất mệt mỏi, sự mệt mỏi và buồn phiền đến trong từng khớp xương đến mức chết đi có lẽ là một sự giải thoát. Nhưng tấm gương của Iorek đã ngăn cô không nghĩ đến điều đó. Cô cất Chân-kế đi và đứng thẳng lên.

“Bà ta còn cách đây bao xa?” Iorek hỏi.

“Chỉ vài giờ đồng hồ thôi. Tôi nghĩ tôi phải mang Chân-kế đến cho Ngài Asriel nhanh hết mức có thể.”

“Tôi sẽ đi với cô.” Iorek nói.

Cô không phản đối. Trong khi Iorek ra lệnh và tổ chức một nhóm có vũ trang để đi theo họ trên chặng đường cuối cùng của họ lên phía bắc, Lyra ngồi im, lấy lại sức lực. Cô cảm thấy có điều gì đó đã thoát khỏi cô trong suốt quãng thời gian lần đọc biểu tượng vừa rồi. Cô nhắm mắt lại và ngủ. Sau đó họ đánh thức cô dậy ngay để lên đường.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 21: Phần 1

Lyra cười trên lưng một con gấu trẻ tuổi, còn Roger cười trên lưng một con khác, trong khi Iorek bước không mệt mỏi phía trước và đội quân đi theo mang một chiếc máy ném lửa để bảo vệ phía sau.

Quãng đường rất dài và khó khăn. Vùng lãnh thổ của Svalbard là núi đá, với những mỏm núi và vách đá sắc nhọn bị cắt ngang bởi những hẻm núi và thung lũng sườn dốc đứng, với cái lạnh cắt da cắt thịt. Lyra nhớ lại những chiếc xe kéo êm ái của người Gypsy trên đường đến Bolvangar. So với bây giờ, cuộc hành trình đó sao nhanh chóng và thoải mái đến thế! Không khí ở đây lạnh khủng khiếp hơn bất cứ đâu cô từng đến trước đây, hay có thể con gấu cô đang cười không bước nhẹ nhàng như Iorek; hay có lẽ là vì cô đã mệt đến tận từng thớ thịt. Dù thế nào, đây cũng là một quãng đường vô cùng khó đi.

Cô biết rất ít về nơi cả đoàn đang hướng tới, hay nó cách xa bao nhiêu. Tất cả những gì cô biết là con gấu già Soren Eisarson đã nói với cô trong lúc chúng chuẩn bị chiếc máy ném lửa. Nó đã tham dự cuộc thương lượng với ngài Asriel về các điều kiện của việc bị giam giữ của ông, và nó vẫn còn nhớ rất rõ.

Đầu tiên, nó nói, những con gấu Svalbard coi Ngài Asriel không khác những chính khách, những vị vua hay những kẻ vướng vào rắc rối bị đẩy ra hòn đảo hoang vu này của chúng. Những tù nhân này rất quan trọng. Hoặc là họ bị giết bởi chính các đồng loại của mình, họ có thể trở nên quý giá với những con gấu một ngày nào đó, nếu sự nghiệp chính trị của họ thay đổi và họ quay trở về thống trị đất nước của chính mình. Hoặc là họ sẽ trả tiền cho những con gấu để không bị đối xử quá tàn nhẫn hay vô lễ.

Vì thế ngài Asriel đã đưa ra các điều kiện tại Svalbard không tốt hơn mà cũng không tệ hơn hàng trăm tù nhân bị đày khác từng làm. Nhưng có một số điều đã khiến những người bạn tù của ông đề phòng ông hơn với những người khác. Có một bầu không khí bí ẩn và nguy hiểm về mặt tâm linh xung quanh bất cứ thứ gì liên quan đến Bụi; những người đưa Ngài Asriel đến đây rõ ràng rất hoảng sợ, và đã có những cuộc nói chuyện riêng giữa bà Coulter với Iofur Raknison.

Bên cạnh đó, những con gấu cũng chưa bao giờ gặp phải thứ gì giống như tính cách hung hãn và độc đoán của Ngài Asriel, thậm chí ông ta lấn át cả Iofur Raknison, ông tranh cãi dữ dội và rất nhiều lý lẽ, để thuyết phục vua gấu cho phép ông tự chọn chỗ ở cho mình.

Chỗ đầu tiên nơi ông bị đưa vào quá thấp kém, ông nói thế. Ông cần một nơi cao ráo, phía trên những khối và bụi của mỏ than và lò rèn. Ông đưa cho những con gấu bản thiết kế về nơi ở ông mong muốn, và nói cho chúng nên xây ở chỗ nào. Ông hối lộ cho chúng vàng, ông tặng bốc và ép buộc Iofur Raknison. Những con gấu bắt tay vào việc với một sự hăng hái đáng ngạc nhiên. Không lâu sau, một căn nhà đã được dựng ở vùng đất mũi hướng về phía bắc, một nơi rộng lớn và vắng lặng có những lò sưởi đốt bằng những khúc củi than to do những con gấu kéo đến, với một khung cửa sổ rộng lấp lánh thật. Ông ta trú ngụ ở đó, một tù nhân có phong cách như một ông vua.

Rồi ông bắt đầu lắp ráp những thiết bị cho một phòng thí nghiệm.

Ông tập trung ghê gớm vào việc yêu cầu những cuốn sách, thiết bị, chất hóa học, tất cả những vật dụng và công cụ khác. Bằng cách này hay cách khác, chúng đã được đưa đến, một số là công khai, một số là do lén lút mang đến bởi những vị khách ông đặc biệt yêu cầu. Bằng đường bộ, đường biển và đường không. Ngài Asriel đã gom góp đủ các thiết bị của mình. Chỉ sau sáu tháng kể từ khi bị tổng giam, ông đã có được tất cả những thứ mình muốn.

Và thế là ông bắt tay vào việc, suy nghĩ, lập kế hoạch và đo đạc, chờ đợi một thứ ông cần để hoàn tất công việc khiến Ủy ban Tôn giáo rất hoảng sợ. Cứ mỗi phút nó càng đến gần hơn.

Hình ảnh đầu tiên về nhà tù nơi giam giữ cha mình của Lyra là khi Iorek Byrnison dừng lại ở chân một con dốc cho bọn trẻ tự nhúc nhích chân tay, vì chúng đã bị lạnh và cóng đến mức nguy hiểm.

“Nhìn lên phía trên kia kìa,” nó nói.

Một sườn đồi lởm chởm đầy đá và băng, có một con đường rất dễ thấy dẫn đến một vách đá nổi rõ trên cổng trời. Không có Hiện tượng cực quang, nhưng những ngôi sao rất sáng. Vách đá đứng sừng sững đen thẫm và trông có vẻ đáng sợ, nhưng ở trên đỉnh là một ngôi nhà rộng rãi. Ánh đèn trong nhà hắt ra ngoài từ khắp các hướng; không phải là thứ ánh sáng leo lét mang theo đầy khói của đèn mỡ cá voi, cũng không phải là những ngọn đèn anbaric hắt ra thứ ánh sáng trắng, mà là ánh đèn dầu ấm áp lấp lánh màu kem.

Những ô cửa sổ từ đó hắt ra còn cho thấy sức mạnh ghê gớm của Ngài Asriel. Thủy tinh rất đắt đỏ, và một tấm lớn như thế là vô cùng xa xỉ giữa một nơi rộng lớn và khắc nghiệt như thế này; vì thế chúng là bằng chứng về sự giàu có và ảnh hưởng lớn hơn rất nhiều so với cung điện thô thiển của Iofur Raknison.

Chúng lại cưỡi trên lưng những con gấu lần cuối cùng, và Iorek dẫn đầu quãng đường đi xuống sườn đồi về phía ngôi nhà. Có một khoảng sân nằm sâu dưới tuyết, xung quanh có tường thấp bao quanh, khi Iorek đẩy cánh cổng mở rộng họ nghe thấy tiếng chuông reo đầu đó trong nhà.

Lyra tụt xuống. Cô khó mà đứng vững nổi. Cô giúp Roger tụt xuống, và xốc vai nhau, chúng nhảy qua những đụn tuyết cao bằng cả cẳng chân về

phía những bậc cửa dẫn vào ngôi nhà.

Ôi, hơi ấm có thể có trong ngôi nhà đó! Ôi, một sự nghỉ ngơi thư thái!

Cô với tay đến tay cầm của chiếc chuông, nhưng trước khi cô nắm được nó, cánh cửa bật mở. Có một hành lang được chiếu sáng mờ mờ để giữ không khí ấm áp bên trong, và đứng dưới ánh đèn là một người mà cô nhận ra ngay: Thorold, người hầu nam của ngài Asriel, với con nhân tinh có tên Anfang.

Lyra mệt mỏi kéo chiếc mũ trùm đầu ra sau.

“Ai...” Thorold lên tiếng, rồi nhận ra, ông tiếp tục, “không phải Lyra sao? Lyra bé bỏng phải không? Tôi có đang mơ không vậy?”

Ông lùi về phía sau để mở chiếc cửa tiếp theo.

Một đại sảnh, với lửa than đang cháy trong lò sưởi xây bằng đá, ánh đèn dầu ấm áp lung linh trên tấm thảm trải sàn, những chiếc ghế bọc da, những thứ đồ gỗ bóng loáng... Không có gì giống với những thứ Lyra đã nhìn thấy kể từ khi rời khỏi học viên Jordan, điều này khiến cổ họng Lyra nghẹn lại.

Con nhân tinh báo tuyết của Ngài Asriel gầm gừ.

Cha của Lyra đang đứng đó, khuôn mặt với đôi mắt đen mạnh mẽ lúc đầu hung dữ, đặc thẳng và hào hứng; rồi tái đi, đôi mắt ông mở to, trông sợ hãi khi nhận ra con gái của mình.

“Không! Không!”

Ông lão đảo lùi lại, bám chặt vào bộ lò sưởi. Lyra không thể đông dậy nổi.

“Đi ra!” Ngài Asriel hét lên. “Quay lại, đi ra, đi! Ta không cho gọi cháu!”

Cô không thể lên tiếng nổi. Cô thử mở miệng lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba, và cuối cùng cố gắng nói:

“Không, không, cháu đến đây vì...”

Dường như ông rất kinh hoàng, ông liên tục lắc đầu, giơ tay lên như thế để đẩy cô đi. Cô không tin ông lại chịu áp lực đến vậy.

Cô bước một bước lại gần hơn và Roger đến đứng bên cô, lo lắng. Hai con nhân tinh của họ bay trong không khí ấm áp, một lúc sau Ngài Asriel quệt tay qua trán và hơi bình tĩnh lại. Sắc hồng trở lại trên mặt ông khi ông nhìn xuống hai đứa trẻ.

“Lyra,” ông nói. “Lyra phải không?”

“Vâng, thưa chú Asriel.” Cô nói, trong thâm tâm nghĩ chưa đến lúc cư xử theo đúng mối quan hệ giữa họ. “Cháu đến đây để mang cho chú Chân-kế ông Hiệu trưởng Jordan gửi.”

“Đúng, tất nhiên, cháu đã làm thế,” ông nói. “Ai đây?”

“Cậu ấy là Roger Parslow,” cô nói. “Cậu ấy làm việc trong nhà bếp của Học viện Jordan. Nhưng...”

“Làm thế nào cháu đến được đây?”

“Cháu vừa định nói, còn có Iorek Byrnison đang ở ngoài. Anh ấy mang chúng cháu đến đây. Anh ấy đã đi cùng cháu suốt cả chặng đường từ Trollesund và chúng cháu đã lừa Iofur...”

“Iorek Byrnison là ai?”

“Một con gấu mặc áo giáp sắt. Anh ấy đưa chúng cháu đến đây.”

“Thorold,” ông gọi, “đặt nước nóng cho những đứa trẻ này, chuẩn bị chút đồ ăn cho chúng. Rồi sau đó chúng cần ngủ. Quần áo của chúng bẩn hết rồi, tìm cho hai đứa đồ gì để mặc. Làm ngay đi, trong khi ta nói chuyện với con gấu này.”

Lyra thấy đầu óc mình choáng váng. Có lẽ vì hơi nóng, hay có lẽ là vì cô cảm thấy nhẹ nhõm. Cô nhìn người hầu cúi mình và rời khỏi đại sảnh, Ngài Asriel ra phòng ngoài và đóng cửa lại, rồi cô gieo mình xuống chiếc ghế gần nhất.

Chỉ một thoáng sau, dường như vậy, Thorold vào nói với cô. “Hãy đi theo tôi, thưa cô,” ông ta nói, cô đứng dậy cùng Roger vào một phòng tắm ấm áp, nơi những chiếc khăn tắm mềm mại treo trên mắc và một chậu nước bốc hơi dưới ánh đèn dầu.

“Cậu tắm trước đi.” Lyra nói. “Mình sẽ ngồi bên ngoài, bọn mình sẽ nói chuyện.”

Roger, co rúm và thở gấp vì hơi nóng, đi vào và bắt đầu cọ rửa. Chúng hay rất tắm trường cùng nhau, vui đùa trên sông Isis hay Cherwell cùng những đứa trẻ khác, nhưng lần này thì không.

“Mình sợ chú cậu,” Roger nói qua cánh cửa mở. “Ý mình là cha cậu đấy.”

“Tốt hơn cứ gọi ông ấy là chú mình. Mình cũng sợ ông ấy, thỉnh thoảng.”

“Khi chúng ta mới bước vào, ông ấy chẳng nhìn gì đến mình, chỉ nhìn cậu. Ông ấy sợ hãi, cho đến khi nhìn thấy mình. Rồi ông ấy trấn tĩnh lại ngay lập tức.”

“Ông ấy bị sốc.” Lyra nói. “Bất cứ ai cũng có thể như vậy, khi nhìn thấy một người họ không mong đợi. Lần cuối cùng ông ấy gặp mình là trong Phòng nghỉ. Bị sốc là phải rồi.”

“Không,” Roger nói. “Còn hơn thế ấy. Ông ấy nhìn mình như một con chó sói, hay gần như vậy.”

“Cậu chỉ tưởng tượng thế thôi.”

“Không phải. Mình sợ ông ấy hơn bà Coulter, đó là sự thật.”

Cậu vẩy nước lên người mình. Lyra lôi Chân-kế ra.

“Cậu có muốn mình hỏi chiếc máy đọc biểu tượng truyện đó không?”
Lyra hỏi.

“Ừ, mình không biết. Có những điều mình không biết thì hơn. Đường như với mình, tất cả những gì mình nghe được từ khi bọn Gà trống tây đến Oxford, điều gì cũng tệ hại cả. Chưa có gì tốt đẹp bằng năm phút sắp tới. Như mình có thể thấy bây giờ, được tắm như thế này thật tuyệt, ở đây có những chiếc khăn tắm ấm áp mềm mại. Và khi mình đã lau khô người, mình sẽ nghĩ đến thứ gì ngon lành để ăn, nhưng không có gì tiếp theo hơn nữa. Khi mình đã ăn xong, có thể mình sẽ ước một chiếc giường êm để ngủ. Nhưng sau đó, mình không biết, Lyra ạ. Chúng mình đã chứng kiến rất nhiều chuyện khủng khiếp, phải vậy không? Và sẽ còn nhiều chuyện nữa ở phía trước, việc này còn chắc chắn hơn. Vì thế mình nghĩ không nên biết những điều xảy ra trong tương lai thì hơn. Mình chỉ cần biết hiện tại được rồi.”

“Ừ,” Lyra mệt mỏi nói. “Có lúc mình cũng cảm thấy thế.”

Vì thế dù cô cầm Chân-kế trên tay thêm một lúc nữa, đó chỉ là để cảm thấy thoải mái, cô không quay những bánh xe. Pantalaimon nhìn Chân-kế trong im lặng.

Sau khi cả hai đứa đều đã tắm, ăn chút bánh mì với pho mát và uống ít rượu cùng nước nóng, ông người hầu Thorold nói. “Cậu bé phải đi ngủ. Tôi sẽ chỉ chỗ cho cậu ấy. Ông chủ hỏi liệu cô có muốn đến ngồi với ông trong Thư viện không, thưa cô Lyra.”

Lyra tìm thấy Ngài Asriel ngồi trong một căn phòng có cửa sổ nhìn ra đại dương đóng băng xa xa. Có một lò sưởi đốt than dưới một bộ lò sưởi lớn, và một ngọn đèn dầu vặn rất nhỏ, nó phản chiếu được rất ít bóng người ngồi trong phòng, bên ngoài là toàn cảnh bầu trời đầy sao. Ngài Asriel, dựa đầu vào chiếc ghế bành lớn đặt cạnh lò sưởi, vẫy cô lại gần và bảo cô ngồi vào chiếc ghế đối diện. “Bạn của cháu, Iorek Byrnison đang nghỉ ngơi bên ngoài,” ông nói. “Anh ta thích không khí lạnh hơn.”

“Anh ấy đã kể cho chú nghe về trận chiến với Iofur Raknison chưa?”

“Không kĩ lắm. Nhưng ta hiểu giờ đây anh ta là vua của Svalbard. Đúng thế không?”

“Tất nhiên là đúng rồi, Iorek chẳng bao giờ nói dối.”

“Có vẻ như anh ta tự chỉ định mình là người bảo vệ cháu.”

“Không, John Faa lệnh cho anh ấy trông nom cháu, và anh ấy làm điều này vì thế. Anh ấy đang làm theo lệnh của John Faa.”

“Làm thế nào John Faa lại dính dáng đến chuyện này?”

“Cháu sẽ kể cho chú nếu chú nói cho cháu biết một điều,” cô nói. “Chú là cha cháu, đúng không?”

“Đúng. Sao nào?”

“Vậy thì cha nên kể cho con nghe trước, thế đấy ạ. Cha không nên giấu giếm mấy chuyện như vậy với những người ta, vì họ sẽ cảm thấy mình ngu

ngốc khi họ tìm ra nó, và điều đó thật tàn nhẫn. Có gì là khác biệt nếu con biết con là con gái của cha? Cha đã có thể nói ra chuyện này nhiều năm trước. Cha đã có thể nói với con và yên cầu con giữ bí mật, con sẽ làm theo, dù lúc đó con còn nhỏ đến đâu, con sẽ làm như thế nếu cha yên cầu. Con đã có thể tự hào rằng chẳng có gì khiến con hé môi nếu cha đã yêu cầu con phải giữ bí mật. Nhưng cha chẳng bao giờ nói cả. Cha để những người khác biết, nhưng lại không bao giờ cho con biết.”

“Ai đã kể cho con biết chuyện này?”

“John Faa.”

“Ông ta đã kể cho con về mẹ con chưa?”

“Rồi.”

“Vậy là chẳng còn lại gì nhiều để ta kể. Ta không nghĩ ta muốn bị chất vấn và kết tội bởi một đứa trẻ không ngoan. Ta muốn nghe những điều con đã chứng kiến và đã làm trên đường đến đây.”

“Con đã mang cho cha Chân-kế quý hóa này, đúng không?” Lyra òa lên. Cô gần khóc đến nơi. “Con giữ gìn nó suốt từ khi rời khỏi Jordan, con bảo vệ náu nó, và dù đã xảy ra điều gì với chúng con, con đã học được cách sử dụng nó. Con đã mang nó suốt cả quãng đường gian khổ khi mà con có thể từ bỏ nó để được an toàn. Cha thậm chí chẳng nói cảm ơn, hay một thể hiện một thái độ là cha vui mừng khi gặp lại con. Con không hiểu tại sao là con có thể làm được điều này. Nhưng con đã làm, con đã tiếp tục đi, ngay cả trong cung điện hôi hám của Iofur Raknison có tất cả những con gấu đó vây quanh và con lừa ông ta chiến đấu với Iorek để có thể đến được đây vì cha... Vậy mà khi cha nhìn thấy con, cha tái mặt đi, như thể con là thứ gì đó khủng khiếp cha không bao giờ muốn gặp lại. Cha không phải là con người, thưa Ngài Asriel. Cha không phải cha của con. Cha của con sẽ không đối xử với con như vậy. Những người cha sẽ yêu thương con gái

mình, đúng vậy không? Cha không yêu con và con không yêu cha, đó là sự thực. Con yêu Farder Coram, và con yêu Iorek Byrnison; con yêu một con gấu mặc áo giáp sắt hơn cả yêu cha mình. Con cá là Iorek Byrnison cũng yêu con hơn cha.”

“Chính con nói với ta anh ta chỉ làm theo lệnh của John Faa. Nếu con trở nên ủy mị như vậy thì ta sẽ không phí thời gian nói chuyện với con đâu.”

“Hãy cầm lấy Chân-kế quý hóa của cha, còn con sẽ quay về với Iorek.”

“Về đâu?”

“Trở về cung điện. Anh ấy có thể chiến đấu với bà Coulter và Ủy ban Tôn giáo, khi họ xuất hiện. Nếu anh ấy thất bại thì con cũng sẽ chết, con không cần biết. Nếu anh ấy chiến thắng, chúng con sẽ gọi Lee Scoresby đến và con sẽ đi trên chiếc khinh khí cầu của anh ấy và...”

“Lee Scoresby là ai vậy?”

“Một người lái khinh khí cầu. Ông ấy đưa chúng con đến đây, rồi chúng con bị rơi xuống đất. Của cha đây, Chân-kế. Nó vẫn còn nguyên vẹn.”

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 21: Phần 2

Ông không có dấu hiệu gì để lấy nó, và cô để nó trên chiếc khay đồng chắn than quanh lò sưởi.

“Con nghĩ là con nên nói cho cha biết bà Coulter đang trên đường đến Svalbard. Ngay khi nghe tin điều đã xảy đến với Iofur Raknison, bà ấy sẽ lên đường đến đây. Trong một chiếc khí cầu, với rất nhiều quân lính, họ sẽ giết tất cả chúng ta, theo lệnh của Tổng giáo giám mục.”

“Họ sẽ không bao giờ đến được chỗ chúng ta,” ông bình thản nói.

Ông lặng lẽ và thư thái đến nỗi cơn giận dữ của cô nguội đi phần nào.

“Cha không biết đâu,” cô nói với vẻ không chắc chắn.

“Ta biết chứ.”

“Vậy là cha có một Chân-kế khác phải không?”

“Ta không cần đến một Chân-kế để biết được điều này. Giờ thì ta muốn nghe về chuyến đi của con tại đây, Lyra. Hãy kể từ đầu. Ta muốn nghe tất cả.”

Vậy là cô kể. Cô bắt đầu từ việc trốn trong Phòng nghỉ, tiếp tục với việc bọn gà trống tây bắt mất Roger, thời gian ở cùng bà Coulter, và tất cả việc xảy ra khác.

Đó là một câu chuyện dài, khi kể xong cô nói:

“Vây còn một điều con muốn biết, và con đoán mình có quyền được biết, như con có quyền biết mình thực sự là ai. Và nếu cha đã không cho con biết chuyện đó, hãy nói con biết điều này, để bù lại. Đó là: Bụi là gì? Và tại sao tất cả mọi người đều sợ nó?”

Ông nhìn cô chăm chăm như thể đang đoán xem cô có hiểu được điều ông sắp nói hay không. Trước đây, ông chưa bao giờ nhìn cô chăm chú, cô nghĩ; cho đến bây giờ ông vẫn luôn giống một người lớn làm thỏa mãn đứa trẻ bằng trò lường gạt tài tình. Nhưng có lẽ ông nghĩ cô đã đủ lớn để biết.

“Bụi là thứ làm Chân-kế hoạt động.”

“À... Con đã nghĩ như thế! Nhưng còn gì nữa? Làm sao họ tìm thấy nó?”

“Ở một khía cạnh nào đó. Giáo hội luôn quan tâm đến nó. Họ đã thuyết giáo về nó nhiều thế kỉ nay, có điều không gọi nó bằng tên này.

“Nhưng vài năm trước, một người Moscow tên là Boris Mikhailovich Rusakov khám phá ra một loại hạt cơ bản mới. Con đã nghe về electron, photon, neutron và những loại hạt cơ bản khác rồi chứ? Chúng được gọi là các hạt cơ bản vì con không thể phá vỡ chúng nhỏ thêm được nữa: không có gì ở bên trong chúng ngoài chính chúng. Đó, loại hạt mới này đúng là hạt cơ bản, nhưng rất khó đo đếm vì nó không phản ứng theo bất cứ những cách thông thường nào. Điều khó hiểu nhất đối với Rusakov là tại sao loại hạt mới này lại tụm lại ở những nơi có người, như thể chúng bị hút vào chúng ta. Mà đặc biệt là với người lớn. Trẻ con cũng có nhưng không nhiều lắm cho đến khi nhân tính của chúng cố định lại hình dáng. Trong suốt những năm ở tuổi dậy thì, chúng trở nên hút Bụi rất mạnh, và nó phủ lên người chúng nhiều như người lớn.

“Giờ đây, tất cả những khám phá về thể loại này, vì chúng có liên quan đến học thuyết của giáo hội, phải được thông báo lên Tổng giáo giám mục tại Geneva. Khám phá này của Rusakov kỳ lạ và phi lý đến nỗi thanh tra

viên của Tòa án kỷ luật Tôn giáo nghi ngờ Rusakov thuộc thế giới ma quỷ. Ông ta niệm thần chú trong phòng thí nghiệm, ông ta chất vấn Rusakov theo những quy tắc của Tòa án dị giáo, nhưng cuối cùng người ta phải công nhận thực tế rằng Rusakov đã không nói dối hay lừa gạt: Bụi thực sự tồn tại.

Việc này đặt họ trước một vấn đề là quyết định nó là cái gì. Và với bản chất của giáo hội, chỉ có một điều duy nhất để chọn lựa. Tổng giáo giám mục quyết định rằng Bụi là bằng chứng hiển nhiên của tội lỗi căn nguyên. Con có biết tội lỗi căn nguyên là gì không?”

Cô mím môi, thật giống như quay trở lại Jordan, bị đổ những điều cô chỉ học rất lơ mơ. “Một thứ gì đó,” cô nói.

“Không, con không biết rồi. Hãy đến chiếc giá sách bên cạnh bàn và mang cho ta cuốn Kinh thánh.”

Lyra làm theo và đưa cho cha mình cuốn sách lớn màu đen.

“Con có nhớ câu chuyện Adam với Eve không?”

“Có chứ,” cô nói. “Bà ấy không được phép ăn loại trái đó và con rắn đã xúi giục bà, rồi bà đã ăn.”

“Rồi điều gì đã xảy ra?”

“Ừm... Họ đã bị ném xuống trần gian. Chúa đã ném họ khỏi khu vườn.”

“Chúa đã nói họ không được ăn trái cấm, vì nếu thế họ có thể chết, hãy nhớ là, họ khóa thân trong khu vườn, họ giống như những đứa trẻ, nhân tính của họ biến thành bất cứ con vật nào chúng muốn. Nhưng đây là điều đã xảy ra.”

Ông lật sang Chương ba trong cuốn “Sáng thế” và đọc:

“Và người phụ nữ nói với con rắn, chúng tôi được phép ăn các loại quả có trong vườn.

Nhưng là quả của loại cây mọc giữa vườn, Chúa đã nói, người không được ăn nó, cũng không được chạm vào nó, nếu không người sẽ chết.

Và con rắn nói với người phụ nữ, cô không chắc là sẽ chết:

“Vì Chúa không biết rằng trong ngày cô ăn nó vào, mắt của cô sẽ được khai mở, con nhân tinh của cô có được hình hài đúng của mình, và cô sẽ giống như những vị thánh, biết được việc thiện việc ác.”

Rồi người phụ nữ thấy cái cây đó ngon lành, rất vui mắt, cái cây sẽ hé lộ hình dáng thật của con nhân tinh, cô nhón lấy thứ quả đó, và ăn, và còn đưa nó cho người chồng của mình, anh ta đã ăn.

Và mắt của hai người được khai mở, họ nhìn thấy hình dạng thật của con nhân tinh của mình, và nói chuyện với chúng.

Nhưng khi người đàn ông và người phụ nữ biết về con nhân tinh của chính mình, họ biết có một thay đổi lớn đã đến, vì cho đến thời khắc đó dường như họ giống hết mọi sinh vật dưới mặt đất lẫn trên bầu trời, và không có gì khác biệt giữa họ:

Rồi họ đã nhìn thấy sự khác biệt, và giờ họ đã biết cái tốt và cái xấu; họ thấy xấu hổ, và họ khâu những chiếc lá với nhau để che đậy sự trần truồng của mình...”

Ông gập cuốn sách lại.

“Đó chính là cách tội lỗi đến với thế giới,” ông nói. “Tội lỗi, sự hổ thẹn và cái chết. Nó đến khi con nhân tinh của họ cố định lại hình dáng.”

“Nhưng...” Lyra cố gắng tìm từ mình muốn nói. “Nhưng như thế không đúng, phải không? Nó không giống như ngành hóa học hay cơ khí học. Không thực sự có Adam và Eve? Học giả Cassington nói với con rằng đó chỉ là một loại truyện cổ tích.”

“Học giả Cassington được coi là một nhà tư tưởng tự do. Công việc của ông ta là thách thức niềm tin của các Học giả. Tất nhiên ông ta sẽ nói như vậy. Nhưng hãy nghĩ về Adam và Eve như một số ảo, như căn bậc hai của âm một (-1). Con có thể không bao giờ thấy một bằng chứng chắc chắn chứng minh nó tồn tại, nhưng nếu con bảo gồm chúng vào các phép tính của mình, con có thể tính toán tất cả những thứ mà thiếu nó sẽ không tưởng tượng ra được.

Dù sao, đó là điều Giáo hội rao giảng hàng nghìn năm nay. Khi Rusakov phát hiện ra Bụi, cuối cùng cũng có một bằng chứng hiển nhiên rằng có điều gì đó xảy ra khi thời kỳ ngây thơ chuyển sang thời kỳ trưởng thành.

Thật trùng hợp, cuốn Kinh thánh cũng cho chúng ta tên Bụi. Lúc đầu chúng được gọi là hạt Rusakov, nhưng sau đó có người chỉ ra ở phần cuối Chương ba cuốn Sáng thế, lúc Chúa đuổi Adam ra khỏi thiên đường vì ăn trái cấm.”

Ông lại mở cuốn Kinh thánh ra và chỉ cho Lyra xem. Cô đọc:

“Với khuôn mặt đầm mồ hôi, người sẽ phải ăn bánh mì, cho đến khi người trở về với lòng đất; vì từ đó là thứ người đã lấy đi: thứ bụi mà người sở hữu, và người sẽ trở về với bụi...”

Ngài Asriel nói: “Các học giả của Giáo hội thường bối rối trước bản dịch này. Có người nói không nên dịch là ‘người sẽ trở về với bụi’ mà phải là ‘người sẽ biến thành bụi’, những người khác lại nói cả bản dịch này là một trò chơi chữ với chữ ‘mặt đất’ và ‘bụi,’ và nó thực ra có nghĩa rằng Chúa đang ca ngợi bản chất phần nào tội lỗi của chính mình. Không ai đồng ý cả.

Không ai có thể, bởi vì văn bản đã bị mực nát. Nhưng đó là một tờ quá đắt giá, thật phí phạm nếu không sử dụng, và đó là lý do loại hạt này được gọi là Bụi.”

“Thế còn bọn Gà trống tây thì sao?” Lyra hỏi.

“Tổng Ủy ban Tôn giáo... băng đảng của mẹ con. Bà ấy đã rất khôn khéo khi giành lấy cơ hội thiết lập nền tảng quyền lực cho mình, nhưng bà ấy là một phụ nữ thông minh, ta dám chắc con cũng nhận thấy như vậy. Tổng giáo giám mục rất thích thú với việc để cho mọi loại tổ chức khác nhau mọc lên như nấm sau mưa. Họ có thể kích cho tổ chức này chống lại tổ chức kia, nếu một trong hai thắng, họ sẽ giả như ủng hộ tổ chức đó ngay từ đầu, và nếu nó thất bại, họ lại làm như nó là một tổ chức phản bội bị loại bỏ chưa bao giờ được chính thức thừa nhận.

Con thấy đấy, mẹ của con luôn đam mê quyền lực. Đầu tiên bà ấy thử giành lấy nó bằng cách thông thường, qua hôn nhân, nhưng không có tác dụng, ta nghĩ chắc con đã được nghe kể. Vì thế bà ấy phải quay sang Giáo hội. Tất nhiên bà ấy không thể đi theo con đường của một người đàn ông — làm thầy tu hay tương tự như vậy — bà ấy sẽ phải đi theo con đường không chính thức. Bà ấy phải tự thiết lập cho mình một con đường riêng, con đường dẫn đến quyền lực, và đi theo chúng. Sẽ thuận lợi hơn nếu tập trung vào Bụi. Tất cả mọi người đều e sợ nó; không ai biết phải làm gì; và khi bà ấy đề nghị tổ chức một cuộc điều tra nghiên cứu, Tổng giáo giám mục đã thở phào nhẹ nhõm và ủng hộ bà ấy tài lực cũng như mọi loại phương tiện cần thiết.”

“Nhưng bọn họ đang cắt rời...” Lyra không thể ngăn mình nói ra điều đó; từ đó tắc nghẽn trên môi cô. “Cha biết họ đang làm gì rồi đấy! Tại sao Giáo hội lại để họ làm một việc như thế?”

“Có một tiền lệ từ trước. Điều tương tự đã xảy ra trước đây. Con có biết từ ‘thiến’ có nghĩa là gì không? Đó là cắt bỏ bộ phận sinh dục của một cậu

bé để nó không thể phát triển những đặc tính của người đàn ông. Một người con trai bị thiếu có giọng cao gấp ba mức bình thường trong suốt cuộc đời, điều này được Giáo hội cho phép: nó rất có tác dụng đối với dàn nhạc trong nhà thờ. Một vài người con trai bị thiếu trở thành những ca sĩ nổi tiếng thế giới, những nghệ sĩ tài năng. Rất nhiều người chỉ trở thành một người nửa đàn ông nửa đàn bà béo ú và mục rữa. Một số người chết do tác động của cuộc phẫu thuật. Nhưng Giáo hội sẽ không nao núng trước một ca mổ nhỏ, như con thấy đấy. Đã có tiền lệ như vậy rồi. Và như thế còn vệ sinh hơn rất nhiều so với phương pháp cũ, khi chưa có thuốc gây mê và băng vô trùng hay những sự chăm sóc thích đáng. Nếu so sánh như thế thì vẫn còn nhẹ nhàng.”

“Không hề!” Lyra nói với giọng dữ dội. “Không hề!”

“Không. Tất nhiên là không. Chính vì vậy họ mới phải trốn lên tận phương Bắc, trong bóng tối và không ai biết tới. Giáo hội rất vui mừng khi có một người phụ trách công việc như mẹ con. Ai có thể nghi ngờ một người duyên dáng đến thế, giỏi giao thiệp đến thế, ngọt ngào và nhiều lý lẽ đến thế? Nhưng vì đó là một loại phẫu thuật mờ ám và không chính thức, bà ấy cũng là người mà Tổng hội giám mục có thể phải đề phòng.”

“Nhưng ý tưởng chia tách đó đầu tiên là của ai?”

“Là của bà ấy. Bà ấy nhận định rằng hai thứ xảy ra trong thời kỳ dậy thì có thể quan hệ với nhau: sự thay đổi ở con nhân tinh và thực tế là Bụi bắt đầu phản ứng. Có thể nếu nhân tinh bị tách khỏi con người, có thể chúng ta sẽ không bao giờ bị phụ thuộc vào Bụi — tức tội lỗi căn nguyên nữa. Vấn đề là có thể tách nhân tinh khỏi con người mà không giết chết người đó được không? Nhưng bà ấy đã đi rất nhiều nơi, và biết tất cả mọi thứ. Ví dụ như bà ấy từng đến Châu Phi. Người Châu Phi có một cách chế tạo nô lệ là thầy ma. Nó không có trí khôn gì cả. Nó sẽ lao động suốt ngày suốt đêm mà không kêu ca hay bỏ trốn. Trông nó giống một xác chết...”

“Đó là một người không có nhân tính!”

“Chính xác. Vì thế bà ấy nhận ra là có thể chia tách người với nhân tính.”

“Và... Tony Costa kể với con về những bóng ma rùng rợn trong những khu rừng trên phương Bắc. Con nghĩ chúng cũng là một dạng kiểu này.”

“Đúng thế đấy. Dù sao, Ủy ban Tôn giáo chung cũng ra đời từ ý tưởng này, và từ ám ảnh về tội lỗi căn nguyên của giáo hội.”

Nhân tính của Ngài Asriel giật giật hai tai, ông đặt tay lên cái đầu xinh đẹp của nó.

“Còn có điều gì đó khác nữa xảy ra khi họ thực hiện chia cắt,” ông tiếp tục. “Và họ đã không nhận thấy điều đó. Năng lượng liên kết con người với nhân tính vô cùng mãnh liệt. Khi sự chia tách diễn ra, tất cả năng lượng tan biến chỉ khoảng thời gian một giây đồng hồ. Họ không để ý vì họ tưởng lầm đó là một cơn sốc, hay sự giận dữ, hay tổn thương tinh thần, và họ tự rèn luyện mình để thờ ơ với nó. Vì thế họ đã bỏ lỡ mất những điều nó có thể làm, và họ không bao giờ nghĩ đến việc khai thác nó...”

Lyra không thể ngồi yên được. Cô đứng lên và đi đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài màn đêm rộng lớn bên ngoài với đôi mắt vô hồn. Họ quá độc ác. Dù việc tìm hiểu tội lỗi căn nguyên có quan trọng đến mức nào, việc họ làm với Tony Makarios và tất cả những đứa trẻ khác thật là độc ác. Không gì có thể biện hộ được cho hành động đó.

“Vậy cha đang làm những gì?” cô nói. “Cha từng thực hiện một cuộc chia cắt nào không?”

“Ta quan tâm đến những thứ hoàn toàn khác. Ta không nghĩ Ủy ban Tôn giáo đi đủ xa. Ta muốn tìm hiểu đến nguồn gốc của chính bản thân Bụi.”

“Nguồn gốc? Vậy nó đến từ đâu?”

“Từ thế giới khác mà chúng ta có thể nhìn thấy qua hiện tượng cực quang.”

Lyra quay đầu lại. Cha cô đang ngả lưng trên ghế, thư thái và mạnh mẽ, con mắt ông dữ dội như mắt con nhân tinh của mình. Cô không yêu ông, cô không thể tin ông, nhưng cô không khỏi ngưỡng mộ ông, ngưỡng mộ sự xa hoa ông bài trí trong nơi ở cách biệt của ông, ngưỡng mộ sức mạnh tỏa ra từ tham vọng của ông.

“Thế giới khác đó là gì?” cô nói.

“Một trong số hàng tỉ nhưng thế giới tồn tại đồng thời với nhau. Các phù thủy đã biết về những thế giới này hàng thế kỉ trước, nhưng nhà thần học đầu tiên chứng minh sự tồn tại của chúng theo phương thức toán học đã bị rút phép thông công năm mười năm trước hoặc hơn. Tuy nhiên, sự thật là thế; không có cách nào để có thể chối bỏ nó được.

Nhưng không có ai nghĩ rằng có thể đi từ thế giới này sang thế giới khác. Điều này có thể vi phạm các điều luật cơ bản, chúng ta nghĩ thế. Thế đấy, chúng ta đã sai lầm; cho đến nay, chúng ta đã học cách nhìn nhận thế giới này. Nếu ánh sáng đi qua thì chúng ta cũng có thể. Và chúng ta cần phải học được cách để hiểu nó, Lyra ạ, cũng giống như việc con học cách đọc Chân-kế.

Giờ thì thế giới đó, và các thế giới khác, đã trở thành kết quả của một khả năng. Lấy ví dụ việc tung đồng xu - nó có thể rơi xuống mặt trái hay mặt phải, chúng ta không biết sẽ là mặt nào trước khi nó rơi xuống. Nếu là mặt phải, điều đó có nghĩa là khả năng lật lên mặt trái đã tiêu tan. Cho đến thời điểm đó hai khả năng vẫn cân bằng.

Nhưng trong một thế giới khác, nó là mặt trái. Và khi điều này xảy ra, hai thế giới tách ra làm đôi. Ta dùng ví dụ tung đồng xu chỉ để diễn đạt rõ ràng hơn. Trên thực tế, những khả năng bị tiêu biến này xảy ra ở mức độ

các hạt cơ bản., nhưng chúng cũng diễn ra y theo cùng cách: một khoảnh khắc rất nhiều thứ có khả năng xảy ra, khoảnh khắc tiếp theo chỉ có một thứ xảy ra, và phần còn lại không tồn tại. Trừ khi có những thế giới khác nảy sinh, để cho các khả năng đó xảy ra thực sự.”

“Và ta sắp đến thế giới đó nhờ Hiện tượng cực quang,” ông nói, “bởi vì ta nghĩ rằng tất cả Bụi trên thế giới này đều đến từ đó. Con đã nhìn thấy những bản kính dương đèn chiếu ta chỉ cho các Học giả trong Phòng nghĩ. Con đã thấy Bụi tràn xuống thế giới này từ Hiện tượng cực quang. Chính mắt con đã nhìn thấy thành phố đó. Nếu ánh sáng có thể đi qua ranh giới giữa các thế giới, nếu Bụi có thể, nếu chúng ta có thể nhìn thấy thành phố đó, vậy chúng ta có thể xây một cây cầu và đi qua. Việc này cần một vụ bùng nổ năng lượng phi thường. Nhưng ta có thể làm được. Ở đâu đó ngoài kia là cội nguồn của tất cả Bụi, tội lỗi, đau đớn, hủy diệt trong thế giới. Loài người không thể nhìn thấy thứ gì mà không muốn phá hủy nó, Lyra ạ. Đó chính là tội lỗi căn nguyên. Ta sẽ phá hủy nó. Cái chết sẽ bị diệt vong.”

“Có phải vì thế mà người ta giữ cha ở đây không?”

“Đúng. Họ sợ. Và điều này có lý do của nó.”

Ông đứng lên, con nhân tinh cũng vậy, kiêu hãnh, đẹp đẽ và đáng sợ. Lyra vẫn đứng tại chỗ. Cô sợ cha mình, nhưng cô ngưỡng mộ ông một cách tự hào, và cô nghĩ ông đã hoàn toàn điên rồ; nhưng cô là ai mà có thể phán xét đây?

“Đi ngủ đi,” ông nói. “Thorold sẽ chỉ phòng ngủ cho con.”

Ông quay người đi.

“Cha quên cái Chân-kế này,” Lyra nói.

“À, đúng. Hiện giờ ta chưa thực sự cần nó.” Ông nói. “Dù sao nó chẳng giúp gì được cho ta nếu không có cuốn sách. Con biết không, ta nghĩ ông

hiệu trưởng Jordan có ý đưa nó cho con. Ông ấy có thực sự bảo con mang nó đến cho ta không?”

“Ừm, vâng!” Cô nói. Nhưng sau đó cô nghĩ lại, và nhận thấy thực ra ông hiệu trưởng không bảo cô làm việc đó, ngay từ đầu đến giờ cô vẫn đoán là thế, vì nếu không ông ta đưa cho cô làm gì? “Không,” cô nói, “con không biết. Con đã nghĩ...”

“Được rồi, ta không cần nó. nó là của con, Lyra ạ.”

“Nhưng...”

“Chúc ngủ ngon, con gái.”

Nín lặng, quá hoang mang vì việc này đến mức không thể lên tiếng hỏi bất cứ câu hỏi đang hiện lên cả tá trong tâm trí mình, cô ngồi cạnh lò sưởi và dõi theo ông rời khỏi phòng.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 22

Cô tỉnh dậy và thấy một người đang lay tay mình, Pantalaimon choàng tỉnh và gầm gừ, cô nhận ra người đó là Thorold. Ông ta đang cầm một cây đèn dầu, tay ông run lẩy bẩy.

“Thưa cô, thưa cô, hãy dậy nhanh lên. Tôi không biết phải làm gì nữa. Ông ấy đã đi rồi. Tôi nghĩ ông ấy đã điên rồi, thưa cô.”

“Cái gì? Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Ngài Asriel, thưa cô. Ông ấy gần như trong tình trạng mê sảng kể từ khi cô về phòng ngủ. Tôi chưa bao giờ thấy ông ấy điên cuồng đến thế. Ông ấy gói ghém rất nhiều thiết bị, chất lên một chiếc xe kéo rồi ông ấy cho buộc vào và rời đi, nhưng ông ấy đã đưa cậu bé theo, thưa cô!”

“Roger? Ông ấy mang Roger đi rồi sao?”

“Ông ấy bảo tôi đánh thức và mặc quần áo cho cậu ấy, tôi không dám cãi lại — tôi chưa bao giờ làm thế cả. Cậu bé cứ luôn miệng hỏi về cô, thưa cô — nhưng ngài Asriel chỉ muốn một mình cậu ấy thôi... Cô còn nhớ lúc đầu tiên khi cô vào đến cửa không, thưa cô? Ông ấy nhìn vào cô và không tin vào mắt mình, và muốn cô đi ấy?”

Tâm trí Lyra quay cuồng vì mệt mỏi và sợ hãi đến nỗi không nghĩ được gì. “Vâng? Sao ạ?” cô nói.

“Đó là vì ông ấy cần một đứa trẻ để hoàn tất thí nghiệm của mình, thưa cô! Và Ngài Asriel có một cách đặc biệt của riêng mình để có được cái mình muốn, ông ấy chỉ cần gọi ra gì đó và...”

Giờ thì đầu óc Lyra quay cuồng, như thể cô đang cố gắng nặn ra chút hiểu biết trong chính nhận thức của mình.

Cô ra khỏi giường và tìm quần áo, rồi cô đột nhiên sụp xuống, một tiếng khóc bật lên vì thất vọng. Cô cố nén tiếng khóc lại, nhưng nó mạnh hơn cô, như thể chính sự thất vọng đang dồn nén cô. Vì cô nhớ lại điều ông nói: năng lượng liên kết con người và nhân tính vô cùng mãnh liệt; và để xây dựng một cây cầu giữa hai thế giới cần một vụ bùng nổ phi thường...

Cô chợt nhận ra điều mình đã làm.

Cô đã vật lộn qua bao nhiêu khó khăn suốt cả chặng đường đến đây để mang thứ gì đó cho Ngài Asriel, tưởng rằng cô biết ông cần gì; và đó hoàn toàn không phải là Chân-kế. Điều ông ta cần là một đứa trẻ.

Cô đã mang Roger đến cho ông ấy.

Chính vì thế mà ông đã hét lên “Ta không cho gọi cháu!” khi nhìn thấy cô. Ông ta đã cho gọi một đứa trẻ, định mệnh đã mang cho ông ấy chính con gái mình. Hay ít ra ông cũng nghĩ thế, cho đến khi cô bước sang bên để ông nhìn thấy Roger.

Ôi, một nỗi đau đớn cay đắng! Cô đã nghĩ cô cứu sống Roger, và cô đã làm việc không mệt mỏi suốt cả quãng thời gian qua để phản bội cậu..

Lyra lắc đầu, khóc nức lên trong một cảm xúc điên cuồng. Điều này không thể là thật được.

Thorold cố gắng an ủi cô, nhưng ông không biết nguyên nhân nỗi đau đớn tuyệt vọng của cô, và chỉ có thể lo lắng vồ vồ vào vai cô.

“Iorek...” cô thốt thức, đẩy ông người hầu sang bên. “Iorek Byrnison đâu? Con gấu ấy? Anh ấy vẫn ở ngoài chứ?”

Ông già nhún vai bất lực.

“Giúp tôi!” cô nói, toàn thân run rẩy vì kiệt sức và sợ hãi. “Giúp tôi mặc quần áo vào. Tôi phải đi. Ngay bây giờ! Làm ơn nhanh lên!”

Ông đặt cây đèn cầy xuống và làm theo lời cô bảo. Khi cô ra lệnh độc đoán như vậy, cô rất giống cha mình. Khuôn mặt cô đầm đìa nước mắt, đôi môi rung bần bật. Trong khi Pantalaimon chạy trên sàn nhà quật quật chiếc đuôi mình, lông nó gần như dựng ngược. Thorold hồi hải mang đến cho cô quần áo lông thú cứng đờ bốc mùi khó ngửi và giúp cô mặc lên người. Ngay khi tất cả chiếc cúc được cài vào, cô lao về phía cửa, cảm thấy cái lạnh đập vào cổ họng mình như một lưỡi gươm, nó nhanh chóng làm đóng băng những giọt nước mắt trên má cô.

“Iorek!” cô gọi. “Iorek Byrnison! Hãy đến đây! Tôi cần anh!”

Có tiếng tuyết rung chuyển, tiếng kim loại lạnh canh, và con gấu xuất hiện. Nó đã ngủ im lặng suốt từ đầu dưới màn tuyết đang rơi. Trong ánh sáng hắt ra từ ngọn đèn Thorold đang cầm bên cửa sổ, Lyra nhìn thấy một cái đầu dài, hai hốc mắt tối sẫm, ánh trắng của bộ lông dưới lớp kim loại đen đỏ, cô muốn ôm nó và tìm kiếm sự an ủi từ chiếc mũ sắt của nó, bộ lông bám đầy tuyết của nó.

“Có chuyện gì thế?” nó nói.

“Chúng ta phải đuổi theo Ngài Asriel. Ông ấy đã bắt mất Roger và đi đến... tôi không dám nghĩ đến chuyện đó nữa... Ôi, Iorek, tôi van anh, hãy đi nhanh lên, bạn yêu của tôi!”

“Vậy thì lên đi,” nó nói. Và cô leo lên lưng gấu.

Không, phải hỏi xem cần đi đường nào: những vết xe kéo thẳng từ sân về phía cổng. Iorek chỉ cần bước về phía trước lần theo chúng. Nó chạy qua những đồng tuyết che phủ trên mặt đất đầy đá nhanh hơn bình thường,

những mảnh kim loại trong bộ áo giáp sắt rung rinh dưới chỗ cô ngồi theo một nhịp điệu quen thuộc.

Phía sau họ, những con gấu khác bước đi nhẹ nhàng, kéo theo những chiếc máy bắn lửa. Đường đi rất khó, vì mặt trăng đã lên cao và ánh sáng nó trải trên cả thế gian bao phủ tuyết trắng rực rỡ như lúc nó chiếu vào khinh khí cầu: một thế giới ngời sáng bạc nhưng đen thăm thẳm. Những vệt bánh xe của Ngài Asriel chạy thẳng về những dãy núi lởm chởm. Chúng tạo thành những hình dáng kỳ lạ trên nền trời tối đen như tấm vải nhung bọc Chân-kế. Không thấy bóng dáng chiếc xe kéo đâu cả. Liệu có lấy một rung động dù nhẹ tựa lông hồng trên sườn núi cao nhất? Lyra nhìn về phía trước, căng mắt ra, Pantalaimon bay cao hết sức có thể và quan sát bằng đôi mắt tinh như cú của mình.

“Có rồi,” nó nói, và một lát sau đậu xuống cổ tay cô. “Chính là Ngài Asriel, ông ấy đang điên cuồng quật vào lũ chó, có một cậu bé phía sau...”

Lyra cảm thấy Iorek Byrnison đang thay đổi tốc độ. Có gì đó đang khiến nó phải chú ý. Nó đi chậm lại và nghiêng cổ quay sang phải rồi sang trái.

“Chuyện gì vậy?” cô nói.

Nó không nói gì. Nó đang lắng nghe chăm chú, nhưng cô chẳng nghe thấy gì cả. Rồi cô bắt đầu nghe thấy gì đó: tiếng xào xạc và gãy vụn huyền ảo từ một khoảng cách rất xa. Đó là âm thanh trước đây cô từng nghe thấy: âm thanh của Hiện tượng cực quang. Ở một nơi nào đó, một vầng hào quang đã lung linh trên vùng trời phía bắc. Hàng triệu hàng tỉ những hạt tích điện không nhìn thấy được, và có thể, cô nghĩ, là Bụi phát sáng lung linh trên tầng khí quyển phía trên. Nó sẽ rực rỡ và hoành tráng hơn bất cứ lần Lyra được chứng kiến, như thể Hiện tượng cực quang biết được màn kịch đang diễn ra bên dưới và muốn chiếu sáng để cổ vũ theo.

Nhưng chẳng có con gấu nào nhìn lên, tất cả sự chú ý của chúng là ở trên mặt đất. Rốt cuộc, không phải Hiện tượng cực quang đã thu hút sự chú ý của Iorek Byrnison. Nó vẫn đang đứng yên, Lyra tụt khỏi lưng nó. Cô hiểu rằng các giác quan của nó cần được thả lỏng. Có điều gì đó đang làm nó lo lắng.

Lyra nhìn xung quanh, ngược qua vùng đất rộng lớn dẫn trở lại căn nhà của Ngài Asriel, những dãy núi nhấp nhô họ vừa đi qua, và không thấy chút gì. Hiện tượng cực quang càng rực rỡ hơn. Những vầng sáng đầu tiên run rẩy, những tấm màu có răng cửa gấp bào rồi lại mở ra phía trên đầu, cứ mỗi phút lại to hơn và rực rỡ hơn, những quầng sáng cuộn xoáy lại từ chân trời này sang chân trời kia, chạm vào thiên đỉnh với những vầng hào quang chói lọi. Cô có thể nghe rõ hơn bao giờ hết những tiếng rì rầm xào xạc những nguồn năng lượng vô hình khổng lồ.

“Các phù thủy!” Tiếng một con gấu vang lên, Lyra chợt thấy vui vẻ và nhẹ nhõm.

Nhưng một cái mồm to lớn giúi cô về phía trước, không còn hơi sức để mở miệng, cô chỉ có thể thở hỗn hển và run lẩy bẩy. Cắm phập vào khoảng trống cô vừa đứng là chiếc lông chim với một mũi tên màu xanh. Đầu và thân mũi tên cắm sâu vào trong tuyết.

Không thể thế được! Cô yếu ớt nghĩ, nhưng đó là sự thật, vì một mũi tên khác bắn xuống bộ áo giáp sắt của Iorek đang đứng trước cô. Đó không phải là những phù thủy của Serafina Pekkala. Họ đến từ một bộ tộc khác. Họ bay vòng trên cao, khoảng một tá hoặc hơn, lượn xuống đất để bắn rồi lại vọt lên, Lyra cầu nguyện bằng tất cả những từ ngữ cô có thể nghĩ ra.

Iorek Byrnison ra lệnh ngăn gọn. Rõ ràng những con gấu đã quen với việc chiến đấu với các phù thủy. Chúng lập tức chuyển sang tư thế phòng thủ, các phù thủy dần bắt đầu bị tấn công. Họ chỉ có thể bắn trúng từ khoảng cách gần, và để không tổn tên họ phải lượn xuống thấp, bắn ra khi

ở vị trí thấp, rồi quay ngược lên ngay lập tức. Nhưng khi họ xuống đến vị trí thấp nhất, tay họ vướng víu bởi cung tên, họ rất dễ bị tấn công, và những con gấu có thể phản công bằng cách vươn những cái tay có móng vuốt ra kéo giật họ xuống. Hơn một phù thủy đã bị lôi xuống và nhanh chóng bị đánh chết tươi.

Lyra bò lồm cồm bên một tảng đá, chờ phù thủy lượn xuống. Mấy phù thủy bắn vào cô nhưng những mũi tên bay chệch hướng khá xa, và sau đó Lyra, nhìn lên trên bầu trời, thấy một phần lớn đám phù thủy bay đi rồi quay trở lại.

Nếu cô cảm thấy mừng rỡ về chuyện này thì sự mừng rỡ đó không kéo dài được bao lâu. Bởi từ hướng họ bay đi, cô nhìn thấy thêm nhiều phù thủy nữa bay đến hòa vào, giữa họ có một vùng sáng lấp lánh, và giữa vùng đất mênh mông của Svalbard, dưới hào quang của Hiện tượng cực quang, cô nghe thấy một âm thanh đáng sợ. Đó là tiếng đập gấp gáp của động cơ khí gas. Khí cầu zeppelin, cùng với bà Coulter và đội quân của bà ta, đang đuổi theo sau.

Iorek Byrnison gầm lên ra lệnh, những con gấu lập tức giàn lại quân theo cách khác. Trong ánh sáng trắng bệch trên bầu trời, Lyra quan sát thấy những con gấu đang thả chiếc máy ném lửa xuống. Đội quân tiên phong của đám phù thủy cũng đã nhìn thấy họ và bắt đầu lượn xuống bắn tên như mưa xuống họ, nhưng hầu như các con gấu đều phó mặc cho bộ áo giáp sắt của mình và nhanh chóng lắp ráp một dụng cụ gì đó. Một cánh tay dài hướng lên trên, một cái chén hay bát đường kính khoảng một mét, một thùng kim loại ben trong bốc khói cùng hơi nước cuồn cuộn.

Trong khi cô đang quan sát, một ngọn lửa sáng bừng phụt ra một nhóm con gấu bắt đầu hành động. Hai con kéo chiếc cần dài của chiếc máy ném lửa xuống, một con khác xúc một xẻng đầy lửa vào trong cái bát, và với một vài động tác, chúng bắn lưu huỳnh đang cháy lên bầu trời tối đen.

Phía trên đầu họ, các phù thủy đang lượn dày đặc đến nỗi ba người bị bắt lửa ngay trong phát bắn đầu tiên. Nhưng mọi chuyện nhanh chóng rõ ràng rằng mục tiêu chính là chiếc khí cầu zeppelin. Người lái khí cầu hoặc là từ trước đến nay chưa từng nhìn thấy một chiếc máy ném lửa, hoặc là không lường hết được sức mạnh của nó, vì anh ta bay thẳng đến những con gấu mà không lượn hay tránh sang hai bên một chút nào cả.

Rồi rõ ràng là họ cũng có một thứ vũ khí ghê gớm trong khí cầu: một khẩu súng máy trên mũi giỏ khí cầu. Lyra nhìn thấy những tia lửa bay lên từ bộ áo giáp sắt của vài con gấu, nhìn thấy chúng co người lại dưới sự bảo vệ của chiếc áo giáp, trước khi cô nghe thấy tiếng đạn rít lên. Cô hét lên sợ hãi.

“Họ sẽ an toàn thôi,” Iorek Byrnison trấn an. “Không thể phá hỏng bộ áo giáp sắt chỉ bằng mấy viên đạn bé xíu.”

Chiếc máy ném lửa lại tiếp tục làm việc: lần này một khối lưu huỳnh cháy bùng bùng tấn công vào chiếc giỏ khí cầu tạo nên một vầng lửa cháy bùng lên. Chiếc khí cầu bay sang bên trái, rồi máy phóng đi tạo thành một đường lượn cong trước khi quay lại nhóm những con gấu đang hồi hải làm việc bên chiếc máy ném lửa. Khi khí cầu bay đến gần, cánh tay của máy ném lửa cọt kẹt hạ xuống; khẩu súng máy bật lên và khạc đạn, hai con gấu ngã xuống. Iorek Byrnison khẽ gầm lên khi chiếc khí cầu gần như bay trên đầu. Một con gấu hét lên ra lệnh, cánh tay đã chứa đầy lửa vung lên một lần nữa.

Lần này lưu huỳnh cháy ném thẳng vào lớp vỏ chứa túi đựng khí trên khí cầu. Ngọn lửa ghê gớm liếm vào lớp vỏ vài dầu nơi chứa khí hydrogen, mặc dầu nó đủ dai để chống chọi với những va đập nhỏ, một viên đá cháy hừng hực nặng cả tạ là quá sức chịu đựng của nó. Lớp vỏ bị xé toạc ra, lưu huỳnh và hydrogen thoát ra gặp nhau tạo thành một thảm họa lửa.

Ngay lập tức lớp vải bọc ngoài biến sạch; toàn bộ khung xương của khí cầu lộ ra, màu tối nổi bật giữa địa ngục màu cam, đỏ và vàng, treo lơ lửng trên bầu trời trong một khoảng thời gian lâu đến khó tưởng tượng trước khi lao xuống đất. Những mảnh vụn màu đen nằm rải rác trên tuyết, khẩu súng lung lay. Các phù thủy bay xuống giúp kéo họ ra khỏi đám lửa. Trong vòng một phút sau khi đâm xuống, chiếc khí cầu chỉ còn là những mảnh kim loại bắn tung tóe, một cột khói và vài mảnh lửa bay trong không khí.

Nhưng những chiến binh trên đó, và cả những người khác nữa (dù Lyra lúc này ở quá xa để nhận ra bà Coulter, cô biết bà ta ở đó) không lãng phí một giây. Với sự trợ giúp của các phù thủy, họ kéo khẩu súng máy ra, dựng nó lên và bắt đầu bắt quyết liệt trên mặt đất.

“Tiếp tục rồi đây.” Iorek nói. “Họ sẽ tiếp tục chống chọi lâu đấy.”

Họ gầm lên, một nhóm con gấu tách khỏi nhóm chính tấn công bên sườn những người Tartar. Lyra có thể cảm thấy nỗi khao khát được hòa mình vào đó của Iorek, nhưng lúc nào sự căng thẳng của cô cũng gào thét: Đi! Đi! Tâm trí cô chứa đầy hình ảnh của Roger và Ngài Asriel. Iorek biết điều đó, nó quay về phía các ngọn núi và rời khỏi trận chiến, để những con gấu của mình giữ chân những người Tartar.

Trong khi họ đi tiếp, Lyra cố căng mắt nhìn về phía trước, nhưng thậm chí đôi mắt tinh như cú của Pantalaimon cũng không nhìn thấy bất cứ một chuyển động nào trên dãy núi họ đang leo qua. Tuy nhiên, vết xe kéo của Ngài Asriel rất rõ, Iorek Byrnison hồi hải lần theo, đi qua những đồng tuyết và đá. Bất cứ điều gì xảy ra ở phía sau giờ đây chẳng còn giá trị nữa. Lyra đã để lại mọi thứ, cô cảm thấy cô đang rời bỏ cả thế giới, cô thấy mình đang hồi hải và miệt mài. Họ đang leo lên rất cao, ánh sáng bao trùm lấy họ thật kỳ lạ và huyền bí.

“Iorek,” cô nói, “anh sẽ tìm Lee Scoresby chứ?”

“Dù còn sống hay đã chết, tôi cũng sẽ tìm ông ấy.”

“Và nếu anh gặp được Serafina Pekkala...”

“Tôi sẽ nói cho bà ấy biết cô đã làm gì.”

“Cám ơn, Iorek,” cô nói.

Họ không nói gì thêm trong một lúc. Lyra cảm thấy mình đang rơi vào một trạng thái vừa đi vừa ngủ: một trạng thái gần như mơ ngủ nhưng vẫn tỉnh, trong đó cô mơ thấy mình đang được những con gấu đưa đến thành phố của những vì sao.

Cô đang định kể điều đó với Iorek Byrnison thì nó đi chậm dần và dừng lại.

“Vết bánh xe thì tiếp tục,” Iorek Byrnison nói. “Nhưng tôi thì không thể.”

Lyra nhảy xuống đứng bên cạnh nó. Nó đang đứng bên bờ một kẽ nứt sâu. Rất khó xác định nói là một kẽ nứt sâu trên sông băng hay một kẽ nứt trên đá, vì hầu như không có sự khác biệt gì cả. Vấn đề nằm ở chỗ nó dẫn xuống một chỗ tối om khó mà dò được.

Vết bánh xe kéo của Ngài Asriel chạy đến bờ miệng... và tiếp tục, qua một cây cầu tạo nên do tuyết đông cứng.

Cây cầu in rất rõ dấu vết bánh xe, vì vết rạn chạy gần đến bờ bên kia của bờ miệng, bề mặt gần với vết rạn đã lún xuống khoảng nửa mét. Nó có thể chịu đựng được sức nặng của một đứa trẻ: tất nhiên nó không chống chọi nổi sức nặng của một con gấu mặc giáp sắt.

Vết bánh xe của Ngài Asriel chạy qua cây cầu và tiếp tục về phía ngọn núi. Nếu tiếp tục đi, cô sẽ chỉ có thể đi một mình.

Lyra quay lại Iorek Byrnison.

“Tôi phải đi qua,” cô nói. “Cảm ơn vì tất cả những gì anh đã làm. Tôi không biết điều gì sẽ xảy ra khi tôi gặp được ông ấy. Có thể tất cả chúng tôi sẽ chết, dù tôi có đến được chỗ ông hay không. Nhưng nếu tôi trở về tôi sẽ đến tìm anh và cảm ơn anh cẩn thận, thưa Đức vua Iorek Byrnison.”

Cô đặt một tay lên đầu nó. Nó dễ như thế và gật nhẹ đầu.

Trái tim cô thốn thức đau đớn vì thương yêu, cô quay đi đặt chân lên cây cầu. Tuyết vỡ rạn dưới chân cô, Pantalaimon bay phía trên chiếc cầu để xem xét vùng tuyết phía trước và khuyến khích cô tiếp tục. Cô bước từng bước một, cứ mỗi bước lại phân vân không biết chạy thật nhanh sang phía bên kia thì tốt hơn hay cứ đi chậm như bây giờ và bước nhẹ nhàng hết sức có thể thì tốt hơn. Khi băng qua được nửa đường, có một tiếng tuyết vỡ nứt nữa, một miếng rơi khỏi nơi gần chân cô đứng và rơi xuống vực thẳm, cây cầu lại trĩu xuống vài phân khi gãy nứt.

Cô đứng thật im. Pantalaimon đang bò trong hình dạng con báo và sẵn sàng nhảy xuống với cô.

Cây cầu vẫn đứng nguyên. Cô bước thêm bước nữa rồi bước nữa. Cảm thấy có gì đó đang lún xuống phía dưới chân mình, cô nhảy sang phía bên kia bằng tất cả sức lực của mình. Cô nằm thẳng đơ trên tuyết trong khi toàn bộ cây cầu rơi xuống vực với tiếng “rầm” nhỏ phía sau.

Móng vuốt của Pantalaimon đang bấu chặt lấy lớp áo lông thú của cô.

Một phút sau cô mở mắt và bò xa khỏi bờ miệng vực. Không còn đường để trở về nữa. Cô đứng lên, giơ tay vẫy con gấu đang nhìn cô từ phía bên kia. Iorek Byrnison chào cô, rồi quay đi và len xuống núi để giúp đội quân của mình chiến đấu với bà Coulter cùng những chiến binh từ chiếc khí cầu.

Lyra chỉ còn lại một mình.

ÁNH SÁNG PHƯƠNG BẮC (TẬP 2)

Philip Pullman
www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Phương Bắc (Tập 2) - Phần Iii - Chương 23 (Hết)

Khi Iorek Byrnison đã ra khỏi tầm mắt, Lyra cảm thấy toàn thân mình bủn rủn, cô quay lại tìm Pantalaimon.

“Ôi, Pan, Pan thân yêu, mình không thể đi tiếp nổi nữa! Mình rất sợ... và rất mệt mỏi... suốt cả chặng đường, và mình sợ phải chết! Mình ước có một ai đó thế vào chỗ của mình, thật lòng đấy!”

Con nhân tinh của cô rúc vào cổ cô trong hình dạng một chú mèo, ấm áp và đầy an ủi.

“Mình thực sự không biết chúng mình phải làm gì.” Lyra thốn thức.
“Điều này là quá nhiều đối với chúng ta, Pan ạ, chúng ta không thể...”

Cô dò dẫm ôm chặt nó, lắc nó qua lại và bật khóc nức nở giữa một không gian toàn tuyết trắng.

“Và ngay cả nếu, nếu bà Coulter đến được chỗ Roger trước, thì cũng chẳng cứu được cậu ấy, vì bà ấy sẽ đưa cậu ấy về Bolvangar, hay tệ hại hơn, họ sẽ giết mình để trả thù... Tại sao họ lại làm những chuyện đó với trẻ con, Pan? Có phải tất cả bọn họ đều căm ghét trẻ con đến mức họ muốn cắt xé chúng ta như thế? Tại sao họ lại làm như vậy?”

Nhưng Pantalaimon không có câu trả lời, tất cả những gì nó có thể làm là ôm cô thật chặt. Dần dần, cơn bão hoảng sợ lắng xuống, cô bắt đầu lấy lại được lý trí. Cô là Lyra, dù có lạnh và sợ hãi, cô vẫn là chính cô.

“Mình ước gì...” cô nói, và dừng lại. Không thể có được gì nếu chỉ ước có được nó. Một hơi thở sâu run rẩy cuối cùng, và cô đã sẵn sàng bước tiếp.

Giờ thì mặt trăng đã lên, bầu trời phía nam tối thăm thẳm, dù hàng tỉ ngôi sao đang nằm trên đó như những viên kim cương trên tấm vải nhung. Tuy nhiên, chúng chiếu sáng rực rỡ hơn hàng trăm lần nhờ Hiện tượng cực quang. Lyra chưa bao giờ thấy chúng rực rỡ và ấn tượng đến thế, với từng nhịp uốn lượn và run rẩy, những điều kỳ diệu của ánh sáng nhảy múa trên bầu trời. Bên dưới bức màn ánh sáng thay đổi liên tục của thế giới khác đó, thành phố chan hòa ánh nắng kia rất chắc chắn và rõ ràng.

Càng leo lên cao, vùng đất trống trải càng mở rộng ra dưới chân họ. Phía bắc là đại dương đóng băng, kết lại thành đồng nơi hai tảng băng bám vào nhau, nhưng mặt khác lại bằng phẳng, trắng xóa và trải dài đến tận Bắc cực và xa hơn nữa, hoang vu, không màu, vắng lặng hơn mức Lyra có thể tưởng tượng được. Phía đông và tây là những ngọn núi, nhưng đỉnh núi sừng sững nhọn hoắt chọc thẳng lên trời, sườn núi đắp đầy tuyết và được gió mài thành những gờ cạnh sắc như dao. Phía nam là con đường họ vừa đi qua, Lyra nhìn lại đầy hy vọng có thể tìm thấy hơi hướng người bạn Iorek Byrnison thân yêu cùng đội quân của nó, nhưng chẳng có gì xuất hiện trên không gian rộng lớn đó cả. Thậm chí cô còn không chắc có thể nhìn thấy những vết khói của chiếc khí cầu zeppelin đang cháy, hay vùng tuyết đậm máu đỏ của những chiến binh đã ngã xuống kia.

Pantalaimon bay lên cao và lượn xuống đậu trên cổ tay cô trong hình dạng con cú.

“Họ ở ngay phía bên kia đỉnh núi!” nó nói. “Ngài Asriel đã bày tất cả các thiết bị ra, còn Roger không thể cựa quậy được...”

Nó đang nói giữa chừng, thì Hiện tượng cực quang sáng lóe lên rồi mờ đi, như một bóng đèn điện anbaric sắp kết thúc tuổi đời của nó, rồi sau đó vụt tắt hoàn toàn. Trong ánh sáng lờ mờ, Lyra cảm nhận sự tồn tại của Bụi, vì nó dường như tràn ngập trong bóng tối, như những trạng thái của ý nghĩ chưa được hình thành.

Trong bóng tối tầng tầng lớp lớp, cô nghe thấy tiếng hét của một đứa trẻ.

“Lyra! Lyra!”

“Mình đến đây!” cô hét lên trả lời và lao về phía trước, trèo, bò, vùng vẫy với chút sức lực cuối cùng, nhưng cô vẫn cố kéo mình về phía trước vượt qua màn tuyết phát ra chút ánh sáng mờ ảo ma quái.

“Lyra! Lyra!”

“Mình sắp đến rồi.” cô thở hỗn hển. “Sắp đến rồi, Roger!”

Pantalaimon thay đổi liên tục trong cơn kích động: sư tử, chồn ecmin, đại bàng, mèo hoang, thỏ rừng, kỳ nhông, cú, báo, tất cả những hình dạng nó từng biến thành, một chiếc kính vạn hoa hình thù giữa Bụi!

“Lyra!”

Rồi cô đến được đỉnh núi và nhìn thấy điều đang xảy ra.

Cách xa khoảng năm mươi mét, Ngài Asriel đang xoắn hai sợi dây cáp dẫn đến chiếc xe kéo đang lộn ngược lại với nhau, trên xe đặt một hàng pin và chai, những thiết bị đã phủ một lớp băng như pha lê. Ông mặc những lớp lông thú dày, khuôn mặt ông được chiếu sáng bởi ngọn đèn dầu. Nằm bên cạnh ông với tư thế nhân sư là nhân tinh của ông, tấm thân lốm đốm duyên dáng của nó tràn đầy sức mạnh, đuôi nó ve vẩy lười biếng trên nền tuyết.

Nó đang ngậm trong mồm nhân tinh của Roger.

Con vật bé nhỏ đang vùng vẫy, quẫy đạp, chiến đấu, lúc là một con chim rồi con chó, rồi biến thành mèo, thành chuột, lại thành một con chim và luôn miêng gọi Roger. Cậu ở cách đó mấy mét, cố gắng thoát khỏi cơn co giật trong sâu thẳm trái tim, kêu thét lên trong đau đớn và lạnh giá. Cậu đang gọi tên con nhân tinh của mình, và gọi Lyra. Cậu chạy đến chỗ Ngài

Asriel, kéo giật tay ông. Ngài Asriel gạt cậu sang bên. Cậu cố gắng thêm lần nữa, gào khóc, nài xin, cầu khẩn, khóc nước mắt, nhưng Ngài Asriel không để ý chút gì ngoài việc hất cậu ngã xuống đất.

Họ đang ở bên gờ một mỏm núi. Phía dưới họ chẳng có gì khác ngoài một màn đêm khổng lồ không giới hạn. Họ đang ở phía trên mặt biển đóng băng khoảng ba nghìn mét.

Lyra nhìn thấy tất cả những điều này chỉ bằng ánh sáng phát ra từ những ngôi sao, nhưng sau đó Ngài Asriel nối các sợi dây lại, và Hiện tượng cực quang vụt sáng bùng lên. Giống như một ngón tay dài mang sức mạnh vô hình giữa hai giới hạn, ngoại trừ nó cao một trăm nghìn và dài mười nghìn dặm: nhún xuống, vút lên, nhấp nhô, lấp lánh, một thác nước cuộn cuộn hào quang.

Ông ta đang điều khiển nó...

Hoặc là ông dẫn sức mạnh xuống từ nó, vì ở đó có một sợi dây chạy xuống chiếc guồng lớn ở chiếc xe kéo, một sợi dây chạy thẳng lên trời. Từ trên bầu trời có một con quạ đen lượn xuống, và Lyra biết đó là nhân tinh của một phù thủy. Một phù thủy đang giúp Ngài Asriel, nó mang sợi dây lên trên cao.

Hiện tượng cực quang lại chiếu sáng.

Ông đã gần sẵn sàng.

Ông quay lại Roger và vẫy tay. Roger không có cách nào khác là đến gần, lắc đầu, cầu xin, kêu khóc, nhưng không có cách nào khác là tiến lên phía trước.

“Không! Chạy đi!” Lyra hét lên và ném mình về phía cậu qua sườn núi.

Pantalaimon nhảy vào con báo tuyết, chộp lấy con nhân tinh của Roger từ miệng nó. Trong một khoảnh khắc con báo tuyết nhảy theo nó, Pantalaimon để con nhân tinh chạy đi. Hai con nhân tinh nhỏ tuổi, thay đổi hình dáng liên tục, quay lại chiến đấu với con dã thú hình dõm.

Con báo quật trái quật phải với những bàn chân đầy móng nhọn, tiếng gầm vang dội của nó át mất cả tiếng gào thét của Lyra. Hai đứa trẻ cũng chiến đấu với nó; chiến đấu với những cái bóng trong không khí dày đặc và chen chúc trong những dòng Bụi..

Hiện tượng cực quang đang thống trị trên đầu, ánh sáng lung linh liên tục dội lên làm hiện ra một tòa nhà, rồi một cái hồ, rồi đến những hàng cây cọ, gần đến mức khiến người ta nghĩ có thể bước từ thế giới này vào đó.

Lyra lao lên và chộp lấy tay Roger.

Cô kéo mạnh, rồi chúng dứt được khỏi tay Ngài Asriel và chạy đi, nắm tay nhau, nhưng Roger hét lên và quẩn quại, vì con báo lại bắt được nhân tinh của cậu, Lyra biết nỗi đau làm chấn động con tim này và cố gắng giúp Roger thoát khỏi nó...

Nhưng chúng không còn cách nào khác thoát ra được.

Mỏm núi đang tách ra phía dưới chúng.

Cả một bãi tuyết khổng lồ trượt thẳng xuống dưới.

Đại dương đóng băng, hàng nghìn mét bên dưới.

“LYRA!”

Nhịp tim đập của cô, nhấp nhô trong nỗi thống khổ với bàn tay nắm chặt của Roger. Cơ thể cậu, thỉnh thoảng lả hẳn vào người cô; và phía trên cao kia, điều kỳ diệu vĩ đại nhất. Ngay khoảnh khắc cậu rơi vào bất tỉnh, vòm trời,

những ngôi sao lấp lánh, sâu thăm thẳm đột ngột rời ra thành từng mảnh như thể bị đâm nát bởi một ngọn giáo.

Một tia sáng, một tia năng lượng thuần khiết thoát ra như một mũi tên thoát khỏi cung tên và bắn vọt lên trên. Những vệt sáng và màu sắc do Hiện tượng cực quang tách ra; một âm thanh xé toạc, rin rít, răng rắc, xoèn xoẹt vang lên từ đầu này đến đầu kia của thế giới; có một vùng đất liền trên bầu trời...

Ánh nắng!

Ánh nắng mặt trời đang chiếu rọi trên bộ lông của con khi vàng...

Bãi tuyết đã ngừng sụt xuống, có lẽ một gờ đá ngầm không thấy được đã ngăn nó rơi. Lyra có thể nhìn thấy qua bãi tuyết bị giày xéo trên đỉnh núi, con khi vàng lao đến bên con báo. Cô thấy hai con nhân tinh xù lông, cảnh giác và hùng dũng. Đuôi con khi dựng đứng, đuôi con báo quật qua quật lại rất mạnh. Rồi con khi ngập ngừng vươn móng vuốt ra, con báo hạ thấp đầu với một sự chấp nhận duyên dáng, chúng chạm vào nhau....

Khi Lyra rời mắt khỏi chúng, cô nhìn thấy bà Coulter đang đứng đó, siết chặt tay Ngài Asriel. Ánh nắng nhảy nhót xung quanh họ như vầng hào quang của một chiếc đèn cầy cháy sáng. Lyra, bơ vơ một mình, chỉ còn biết mừng rỡ lại điều đã xảy ra: bằng cách nào đó bà Coulter chắc đã băng qua vực thẳm đó và theo cô đến đây...

Cha mẹ ruột của cô, bên nhau!

Một cái ôm thật nồng nàn: một điều không tài nào mơ nổi.

Hai mắt cô mở to. Cơ thể của Roger nằm trong tay cô, cứng đờ, im lặng, yên nghỉ. Cô nghe thấy cha mẹ mình nói chuyện:

Mẹ cô nói: “Họ sẽ không bao giờ cho phép điều đó...”

Cha cô nói: “Cho phép điều đó? Chúng ta đã đi vượt quá mức cho phép, như thế chúng ta là những đứa trẻ. Anh đã làm cho điều này có thể cho bất cứ ai đi qua, nếu họ muốn.”

“Họ sẽ cấm điều đó! Họ sẽ xét xử và rút phép thông công của bất cứ ai muốn thử.”

“Sẽ có quá nhiều người muốn thử. Họ sẽ không có khả năng ngăn cản. Việc này sẽ trở thành kết thúc của Nhà thờ, Marisa, ngày tàn của Tổng giám mục, cáo chung cho tất cả những thế kỷ đen tối này! Hãy nhìn vào ánh sáng ở trên kia: đó là mặt trời của một thế giới khác! Hãy cảm nhận hơi ấm của nó trên da thịt em, ngay lúc này!”

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại www.gacsach.com - góc nhỏ cho người yêu sách.]

“Họ mạnh hơn bất cứ ai, Asriel! Anh không biết...”

“Anh không biết ư? Không ai trên đời này biết rõ hơn anh trong việc Giáo hội mạnh đến thế nào! Nhưng nó không đủ mạnh để ngăn cản chuyện này. Dù thế nào đi nữa, Bụi sẽ thay đổi tất cả mọi thứ. Giờ thì không còn gì có thể ngăn cản nó lại được.”

“Đó có phải là điều anh muốn không? Làm chúng ta ngạt thở và giết chết chúng ta với tất cả những tội lỗi và bóng tối này?”

“Anh muốn giải thoát, Marisa ạ! Và anh đã làm được điều đó. Hãy nhìn đi, hãy nhìn những cây cọ đang rung rinh bên bờ hồ đó! Em có cảm nhận được làn gió đó không? Làn gió ở một thế giới khác! Hãy cảm nhận nó trên tóc em, trên má em...”

Ngài Asriel lật chiếc mũ chùm đầu của bà Coulter ra sau và quay đầu và nhìn lên trời, luồn tay mình vào tóc bà. Lyra nín thở nhìn, không dám cử động dù chỉ là một thớ thịt.

“Không... không... Họ đang đến đây, Asriel... Họ biết em đến đây...”

“Vậy hãy đi với anh, đi khỏi đây, ra khỏi thế giới này!”

“Em không dám...”

“Em? Không dám? Con gái của em sẽ dám đấy. Con gái của em dám làm mọi thứ, và thật đáng xấu hổ cho mẹ của nó.”

“Vậy hãy nhận lấy và yêu thương nó. Nó là của anh hơn là của em, Asriel.”

“Không phải thế. Em đã nhận nó, em đã cố uốn nắn nó. Nghĩa là em đã muốn có nó.”

“Nó quá thô lỗ, quá bướng bỉnh. Em đã quá muộn... Nhưng giờ nó ở đâu? Em đã theo dấu chân nó đến đây...”

“Em vẫn muốn có được nó, đúng không? Đã hai lần em muốn giữ nó, và hai lần nó vùng thoát ra. Nếu là nó anh cũng chạy trốn, và tiếp tục chạy trốn, trước khi cho em có cơ hội thứ ba.”

Hai bàn tay ông, vẫn đang giữ hai bên đầu bà, đột nhiên giật lại và kéo bà vào một cái hôn nồng nàn. Lyra nghĩ dường như nó tàn bạo hơn yêu thương. Cô nhìn lại hai con nhân tinh của họ và thấy một cảnh tượng kì lạ: con báo tuyết căng thẳng, hai bàn tay to của nó lười trên da thịt con khỉ vàng, con khỉ thả lỏng người sung sướng, là người đi trên tuyết.

Bà Coulter vùng mạnh khỏi nụ hôn và nói: “Không, Asriel, chỗ của em là ở thế giới này, không phải đó...”

“Hãy đi với anh!” ông nói, gấp gáp và mạnh mẽ. “Hãy đi và làm việc cùng anh!”

“Chúng ta không thể làm việc cùng nhau, anh và em.”

“Không ư? Anh và em có thể phá tan cả một thế giới và ghép nó lại, Marisa! Chúng ta có thể tìm nguồn gốc của Bụi và dập tắt nó vĩnh viễn! Và em đã muốn tham gia vào công việc vĩ đại đó. Đừng nói dối anh về chuyện này. Em có thể nói dối anh về Ủy ban Tôn giáo, nói dối về người tình của em, phải, anh biết về Boreal, và anh không quan tâm. Em có thể nói về Giáo hội, về đứa trẻ, thậm chí là như vậy, nhưng đừng nói dối anh về điều em thực sự muốn...”

Đôi môi họ lại gắn chặt vào nhau đầy thèm muốn. Nhân tình của họ đang chơi đùa với nhau, con báo tuyết nằm ngửa, con khỉ cào những móng vuốt của mình vào cổ nó, nó gầm gừ thích thú.

“Nếu em không đi, anh sẽ vẫn cố làm thế và hủy hoại em.” Bà Coulter nói, vùng ra.

“Tại sao anh lại muốn hủy hoại em?” ông nói, bật cười, ánh sáng từ thế giới khác chiếu rọi trên đầu ông. “Hãy đi cùng anh, làm việc cùng anh, anh sẽ chăm lo cho em. Nếu ở lại đây, em sẽ mất đi sự quan tâm của anh ngay lập tức. Đừng tự dối lòng mình với ý nghĩ với anh em chỉ là thứ hai. Giờ thì em hãy chọn hoặc là ở lại đây và sống cùng với sự đau khổ của em tại thế giới này, hoặc là đi cùng anh.”

Bà Coulter lưỡng lự, đôi mắt bà nhắm lại, dường như người bà lả đi, nhưng bà cố giữ cân bằng và lại mở mắt, đôi mắt đẹp ánh lên nỗi buồn vô hạn.

“Không,” bà nói. “Không.”

Nhân tình của họ lại rời nhau ra. Ngài Asriel cúi xuống và luồn những ngón tay mạnh mẽ của mình vào bộ lông của con báo tuyết. Rồi ông quay lưng và đi lên mà không nói thêm một lời. Con khỉ vàng nháy lên tay bà Coulter, kêu lên những tiếng khe khẽ buồn bã, vờn người theo con báo

tuyệt khi nó đi khỏi. Khuôn mặt bà Coulter đầm đìa nước mắt. Lyra có thể nhìn thấy chúng lấp lánh. Những giọt nước mắt đó là có thật.

Rồi mẹ của cô quay lưng đi, người rung lên trong những tiếng nước nở cố nén, rồi đi xuống núi ra khỏi tầm mắt của Lyra.

Lyra hờ hững nhìn theo bà rồi nhìn lên bầu trời.

Chưa bao giờ cô được thấy một vòm trời tuyệt đẹp đến thế.

Thành phố treo trên đó thật vắng vẻ và yên tĩnh trông như vừa mới được xây, chờ có người đến ở, hoặc là đang ngủ, chờ được đánh thức dậy. Mặt trời của thế giới đó đang chiếu xuống thành phố, khiến bàn tay Lyra được nhuộm vàng, làm tan băng giá trên chiếc mũ trùm đầu may bằng da chó sói của Roger, khiến gò má xanh xao của cậu sáng bừng lên, lấp lánh trong đôi mắt đang mở nhưng không còn nhìn thấy gì nữa của cậu.

Cô cảm thấy người mình như tan ra bởi nỗi buồn vô hạn. Và cùng với sự giận dữ, cô có thể giết chết cha mình. Nếu cô có thể xé tan trái tim ông, cô sẽ làm chuyện đó ngay ở đây, ngay bây giờ, vì những gì ông đã làm với Roger. Và cả với cô nữa: lừa gạt cô — làm sao ông lại dám làm như vậy?

Cô vẫn đang ôm cơ thể của Roger trên tay. Pantalaimon đang nói gì đó, nhưng tâm trí cô đang bùng bùng lửa cháy, và cô chẳng nghe thấy gì cho đến khi nó cảm những chiếc vuốt mào hoang vào tay cô để nhắc nhở. Cô chớp mắt.

“Cái gì? Cái gì cơ?”

“Bụi!” nó nói.

“Cậu đang nói về chuyện gì vậy?”

“Bụi. Ông ấy sẽ tìm hiểu nguồn gốc của Bụi và phá hủy nó, phải thế không?”

“Đó là điều ông ấy nói.”

“Ủy ban Tôn giáo, Giáo hội, Bolvangar, bà Coulter và tất cả bọn họ đều muốn phá hủy nó, đúng không?”

“Đúng... hoặc là không để nó tiếp tục ảnh hưởng đến con người nữa... Thế thì sao?”

“Vì nếu tất cả bọn họ đều nghĩ Bụi là xấu, nó phải là tốt.”

Cô không nói gì. Một cái nắc khẽ dâng lên trong ngực cô.

Pantalaimon tiếp tục:

“Chúng ta đã nghe tất cả mọi người nói về Bụi, và họ đều rất sợ nó, cậu biết điều gì không? Chúng ta tin họ, thậm chí dù chúng ta đã chứng kiến họ làm những việc tồi tệ, độc ác và sai trái... Chúng ta cũng nghĩ Bụi phải là xấu xa, bởi vì họ là người lớn và họ nói thế. Nhưng nếu không phải thế thì sao? Nếu nó...”

Cô nói gần như hụt hơi: “Đúng! Nếu nó thực sự là tốt thì sao...”

Cô nhìn nó và thấy đôi mắt mèo hoang màu xanh lá cây của nó ánh lên cùng sự thích thú của chính cô. Cô cảm thấy choáng váng, như thể cả thế giới đang quay cuồng dưới chân cô.

Nếu Bụi là một điều tốt... Nếu nó được tìm thấy, được chào đón và chấp nhận...

“Bọn mình cũng có thể tìm kiếm nó, Pan!” cô nói.

Đó là điều nó muốn được nghe.

“Chúng ta có thể tìm được nó trước ông ấy,” nó tiếp tục, “và...”

Nhiệm vụ to lớn quá khiến chúng rơi vào im lặng. Lyra nhìn lên bầu trời đang tỏa sáng. Cô nhận thức được mình bé nhỏ đến mức nào, cô và nhân tính của mình, khi so sánh sự huy hoàng và vĩ đại của vũ trụ; hiểu biết của chúng ít đến mức nào so với sự huyền bí thăm thẳm phía trên đầu mình.

“Chúng mình có thể,” Pantalaimon khẳng định. “Chúng ta đã đi qua tất cả chặng đường này, đúng không nào? Chúng mình có thể làm được...”

“Chúng mình chỉ có một mình thôi. Iorek Byrnison không thể đi theo và giúp đỡ. Farder Coram hay Serafina Pekkala, hay Lee Scoresby cũng không thể, không ai có thể cả.”

“Vậy thì chỉ cần tụi mình thôi. Không quan trọng. Dù sao, tụi mình cũng không chỉ có một mình, không giống...”

Cô hiểu ý nó là không giống Tony Makarios, không giống những con nhân tinh bị mất tích ở Bolvangar. Chúng ta vẫn là một, cả hai chúng ta đều là một.

“Và tụi mình có Chân-kế,” cô nói. “Đúng. Mình cho rằng cần làm việc đó, Pan ạ. Tụi mình sẽ lên đó và tìm kiếm Bụi, khi đã tìm được tụi mình sẽ biết tất cả những việc cần làm.”

Cơ thể Roger vẫn nằm trên tay cô. Cô nhẹ nhàng đặt cậu xuống.

“Tụi mình sẽ làm thế,” cô nói.

Cô quay đi. Phía sau họ là đau đớn, cái chết và sự sợ hãi, phía trước họ là nghi ngờ, nguy hiểm và những bí ẩn khó mà dò được. Nhưng họ không đơn độc.

Thế là Lyra và nhân tinh của mình quay lưng khỏi thế giới họ đã sinh ra, nhìn về phía vầng thái dương, và tiến bước vào bầu trời.

Thực hiện bởi

nhóm Biên tập viên Góc Sách:

Mai – BTV2 – H.y

(Tìm - Chỉnh sửa - Đăng)